



LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ  
**TỈNH ĐỒNG THÁP**

TẬP III  
(1975 - 2000)

**Chỉ đạo nội dung**

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP

**Chỉ đạo biên soạn**

LÊ THỊ KIM LOAN

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp

**Biên soạn**

LÊ XUÂN THÀNH, TẠ QUANG TRUNG, NGÔ THỊ THỦY

**Với sự tham gia của**

NGUYỄN VĂN BIẾT, LÊ TÙNG SĨ, CHÂU VĂN DƯƠNG

**Cố vấn khoa học**

PGS. TS. NGUYỄN DANH TIÊN

Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

VÕ HỒNG NHÂN

Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,  
nguyên Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương,  
nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp

Trung tướng VÕ THÁI HÒA

Nguyên Thứ trưởng Bộ Công an

BÙI QUANG THẠNH

Nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp

NGUYỄN ĐẮC HIỀN

Nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp

PHAN HỮU LẬP

Nguyên Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,  
nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  
nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp

LÊ MINH TRUNG

Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng ban Tuyên giáo  
Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Tháp

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP**

**LỊCH SỬ  
ĐẢNG BỘ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**TẬP III  
(1975 - 2000)**



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
**Hà Nội - 2020**





## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

**Đ**ồng Tháp là một trong 13 tỉnh, thành của vùng đồng bằng sông Cửu Long, phía bắc giáp Campuchia, phía nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ, phía tây giáp tỉnh An Giang, phía đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

Cùng với lịch sử khai phá, mở mang và gìn giữ bờ cõi của ông cha ta, mảnh đất Đồng Tháp hôm nay đã trải qua nhiều biến đổi, thăng trầm. Người dân Đồng Tháp kiên trung, bất khuất, đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, chống chọi với thiên tai, địch họa.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Đồng Tháp đã lập nên nhiều chiến công hiển hách góp phần tô thắm trang sử vẻ vang của dân tộc.

Để ghi lại những chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tổng kết những bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, biểu dương những tấm gương tiêu biểu trong chiến đấu và xây dựng, nhân dịp Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tỉnh ủy Đồng Tháp phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1927 - 2000)*, gồm 3 tập.

Bộ sách phản ánh một cách khách quan, sinh động quá trình ra đời, xây dựng và phát triển của Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp qua các giai đoạn lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, nâng cao lòng tự hào dân tộc, tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ Đồng Tháp không ngừng vươn lên phát huy truyền thống của quê hương, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặc dù các tác giả và Nhà xuất bản đã rất cố gắng, nhưng do những khó khăn chủ quan và khách quan trong việc sưu tầm tư liệu và biên soạn, bộ sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau bộ sách được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu tập III của bộ sách cùng bạn đọc.

*Tháng 5 năm 2020*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

## LỜI GIỚI THIỆU

**Đ**ồng Tháp là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, được tạo thành chủ yếu do lượng phù sa của sông Mê Kông bồi đắp, là nơi đầu nguồn sông Tiền chảy qua biên giới vào Việt Nam, chia cắt tỉnh thành hai khu vực: phía bắc sông Tiền nằm trọn trong vùng Đồng Tháp Mười rộng lớn, gồm các huyện Tân Hồng, Hồng Ngự, thị xã Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh và thành phố Cao Lãnh; phía nam sông Tiền (tiếp giáp từ hữu ngạn sông Tiền đến tả ngạn sông Hậu), gồm các huyện Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành và thành phố Sa Đéc.

Tỉnh Đồng Tháp giáp với các tỉnh An Giang, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và nước bạn Campuchia, có tiềm năng để phát triển kinh tế, đặc biệt là về nông nghiệp. Nhân dân Đồng Tháp vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, khí phách hiên ngang, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thử thách. Ra đời trong bão táp của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng bộ Đồng Tháp đã lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh vượt qua biết bao gian lao, thử thách, giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“về tăng cường và nâng cao chất lượng*

*ngiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” và Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp chủ trương biên tập, tu chỉnh và bổ sung bộ sách về lịch sử Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1927 - 2000. Theo đó, lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp từ năm 1927 đến năm 2000 được kết cấu thành 3 tập. Tập I từ năm 1927 đến năm 1954, tập II từ năm 1954 đến năm 1975 và tập III từ năm 1975 đến năm 2000. Trong đó, tập I và tập II thực hiện tu chỉnh, bổ sung trên cơ sở ba tập sách đã xuất bản trước đó và tập III được biên soạn mới.*

Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1927 - 2000 gắn liền với lịch sử dân tộc và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là thời kỳ Đảng bộ lãnh đạo quân và dân Đồng Tháp trải qua quá trình đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh, song hết sức vẻ vang. Xuyên suốt hành trình hơn 70 năm, ở mỗi chặng đường đều có những dấu ấn riêng thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp anh hùng.

Ngay từ những năm 1929 - 1930, các chi bộ Đảng đầu tiên trên địa bàn Đồng Tháp đã lần lượt ra đời và sớm trở thành lực lượng chủ yếu lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh bền bỉ đấu tranh chống thực dân, đế quốc và phong kiến tay sai, tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thiết lập chế độ mới của dân, do dân và vì dân.

Bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ hơn 30 năm chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết, phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng, vượt qua mọi thử thách, cam go, cùng với

cả nước kiên cường chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, giang sơn thu về một mối.

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp đã kịp thời hàn gắn vết thương chiến tranh, bắt tay vào xây dựng và bảo vệ quê hương trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy có những sai lầm, vấp vấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện, song những thành tựu mà Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp đã giành được trong 70 năm qua là những nét son rất đáng tự hào, là tiền đề quan trọng để Đồng Tháp tiếp tục tiến lên trong công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, song lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1927 - 2000 đã phác họa một cách hệ thống, chân thực, khách quan, sinh động về những bước thăng trầm cùng những nỗ lực phi thường và những thành tựu to lớn của Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp qua các thời kỳ cách mạng. Qua các tập sách, độc giả sẽ tìm thấy những tư liệu, sự kiện, nhân vật lịch sử cùng với những kinh nghiệm quý về sự lãnh đạo kiên cường, năng động, sáng tạo của các chi bộ, đảng bộ địa phương, của Đảng bộ tỉnh, về mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, về tình đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung... Đây là nền móng góp phần bồi dưỡng, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, niềm tự hào về quê hương, xứ sở cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp trân trọng cảm ơn và ghi nhận sự đóng góp của Hội đồng Cố vấn, của các đồng chí nguyên là lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo tỉnh, những nhân chứng lịch sử qua các thời kỳ, các nhà khoa học đã có nhiều ý kiến tâm huyết và quý báu cho bộ sách. Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của các cơ quan lưu trữ Trung ương và địa phương, đặc biệt là Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã hỗ trợ về mặt chuyên môn và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật giúp chúng tôi xuất bản bộ sách.

Mặc dù đã rất cố gắng, song việc tu chỉnh, bổ sung và biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh trong hơn 70 năm, khi nhiều nhân chứng lịch sử không còn, tài liệu lưu trữ hạn chế nên bộ sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận những ý kiến góp ý của độc giả để bộ sách được hoàn chỉnh hơn trong lần xuất bản sau.

Nhân dịp Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xin trân trọng giới thiệu bộ sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1927 - 2000)*** tới đồng chí, đồng bào và bạn đọc gần xa.

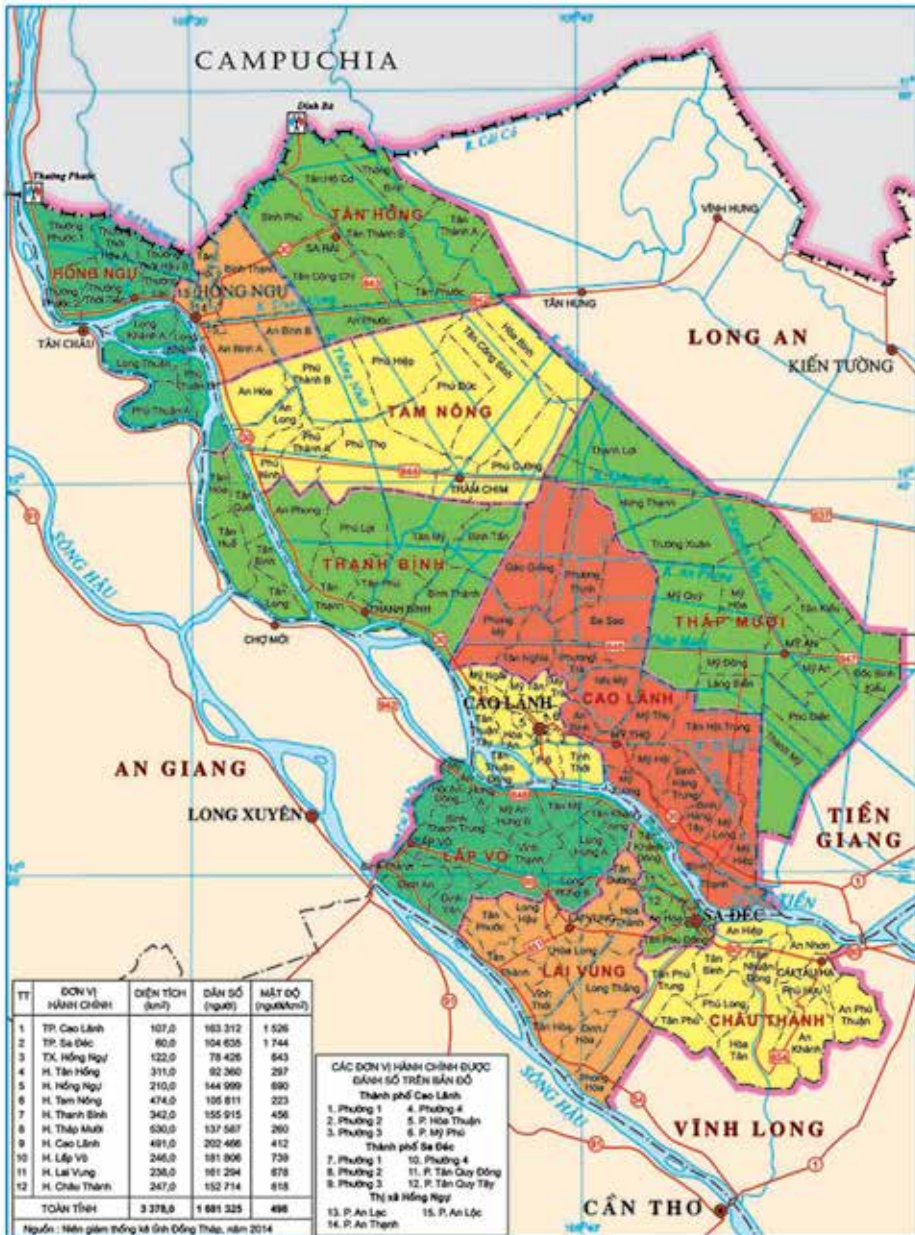
*Đồng Tháp, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

**T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**LÊ MINH HOAN**

Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh ủy

# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG THÁP



TỶ LỆ 1 : 600 000





## Chương I

# **ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)**

### I- ĐỒNG THÁP SAU NGÀY GIẢI PHÓNG

(30/4/1975 - 1976)

#### **1. Những thuận lợi và khó khăn của tỉnh khi chuyển sang nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Tháp cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hòa bình, độc lập, thống nhất và quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng như các tỉnh miền Nam mới được giải phóng, tỉnh Đồng Tháp sau ngày giải phóng tiến hành sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa có nhiều thuận lợi rất căn bản, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức không nhỏ.

*Thứ nhất*, cả nước hòa bình, thống nhất, thực hiện nhiệm vụ chiến lược chung xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước; có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và hệ thống chính trị vững chắc, trong đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa - một nhà nước của dân, do dân và vì dân, trở thành công cụ sắc bén của nhân dân trong bảo vệ và xây dựng đất nước. Về kinh tế, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

ở miền Bắc trong giai đoạn 1954 - 1975, mặc dù bị thiệt hại nặng nề do chiến tranh phá hoại của Mỹ, đồng thời phải chi viện sức người, sức của cho các chiến trường miền Nam, Lào và Campuchia, nhưng cũng đã xây dựng được một phần cơ sở vật chất và kinh nghiệm ban đầu trong cải tạo và xây dựng nền kinh tế xã hội mới. Ở miền Nam, mặc dù trực tiếp chịu ảnh hưởng của chiến tranh và sự kìm hãm của chế độ thực dân mới của Mỹ, nhưng ở một mức độ nhất định đã được cơ giới hóa một phần trong các ngành kinh tế công - nông nghiệp, giao thông vận tải. Nhiều tiềm năng thiên nhiên và con người chưa được khai thác.

Đối với tỉnh Đồng Tháp, điều kiện trên đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định lâu dài, chủ đạo và hỗ trợ thường xuyên cho tỉnh trong suốt chặng đường quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai*, Đồng Tháp là một tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú, là vùng chịu ảnh hưởng nguồn nước, phù sa sông Cửu Long, đất đai màu mỡ, nước ngọt quanh năm, khí hậu nhiệt đới gió mùa ôn hòa rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Là vùng đất mới, khoảng hơn 40% diện tích còn hoang hóa, tập trung ở vùng Đồng Tháp Mười, là tiềm năng phát triển thành vựa lúa của cả nước.

*Thứ ba*, nhân dân Đồng Tháp có truyền thống lao động cần cù, thông minh, sáng tạo, bản chất hào phóng, bộc trực, trọng nghĩa tình, có tinh thần đoàn kết, yêu quê hương đất nước, đặc biệt là tính nhạy bén, tinh thần đổi mới và ý chí vươn lên không ngừng... đó là bản sắc truyền thống được tích lũy từ thời khẩn hoang đến nay, nếu được động viên đúng mức

sẽ phát huy tốt nhân tố con người, một nguồn lực chủ yếu để xây dựng đất nước.

*Thứ tư*, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp có lịch sử truyền thống rất vẻ vang, là một trong những tỉnh có tổ chức cơ sở của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đầu tiên, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng đầu tiên (năm 1929), nơi khởi nguồn phong trào đấu tranh cách mạng 1930-1931 ở Nam Bộ và cả nước; trải qua các chặng đường đấu tranh cách mạng nhiều hy sinh, gian khổ để tiến đến giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cùng cả nước giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc trong mùa Xuân 1975 lịch sử. Trong quá trình lịch sử ấy, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp có đội ngũ cán bộ đảng viên trung kiên, trí tuệ, giàu kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng. Nay chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, đội ngũ cán bộ, đảng viên ấy chính là vốn quý, tiếp tục lãnh đạo quân và dân trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, tỉnh Đồng Tháp sau ngày giải phóng phải đối mặt với hàng loạt khó khăn chồng chất. Trong nông nghiệp đã có một số máy móc và kỹ thuật canh tác có phần tiến bộ, nhưng nhìn chung vẫn là nền kinh tế nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ; nhiều diện tích đất phèn nặng, còn hoang hóa, nhiều bom mìn. Về văn hóa - xã hội, do ảnh hưởng của tàn dư văn hóa phản động, ngoại lai, nhiều hủ tục... vẫn còn tồn tại phổ biến trong đời sống nhân dân. Các tầng lớp nhân dân lao động, các gia đình cách mạng đã chịu đựng nhiều hy sinh mất mát trong chiến tranh, một bộ phận gặp khó khăn, cần sự quan tâm để khắc phục dần...

Ở các thị xã, thị trấn, tình trạng thiếu công ăn việc làm phổ biến, đời sống công chức, nhân viên các ty, sở của chế độ cũ trước đây sống nhờ đồng lương, sau ngày ta tiếp quản, một số lớn chưa có công ăn việc làm, nguy cơ bị đói. Các khu gia binh khoảng 500 hộ đời sống rất khó khăn. Thương phế binh, cô nhi, quả phụ, nói chung có mức sống nghèo khổ.

Quần chúng nhân dân có tâm trạng lo âu trước tình hình khan hiếm hàng hóa, vật giá leo thang, thiếu nhiên liệu chạy máy cày, thiếu phân bón, thuốc trừ sâu... cho sản xuất. Ở các vùng nông thôn, hàng ngàn gia đình thiếu ăn những tháng giáp hạt. Sau chiến tranh, hàng vạn đồng bào trước đây chạy đi sơ tán, nay trở về quê cũ, đa số nghèo túng. Trước tình hình nạn đói đe dọa, Trung ương chi viện cho tỉnh 8.000 tấn lương thực để cứu trợ thất nghiệp, chống đói và giải quyết đời sống cho 80 ngàn Việt kiều Campuchia bị chính quyền Pôn Pốt - Iêng Sary xua đuổi về địa bàn tỉnh với hai bàn tay trắng.

Giao thông vận tải căng thẳng. Tình trạng phổ biến là vận chuyển quá tải<sup>1</sup>. Hệ thống giao thông đường bộ rất yếu kém. Toàn tỉnh có một số tuyến đường giao thông huyết mạch như lộ 30, lộ 8, lộ 23 và một số hương lộ, hầu hết bị hư hỏng nặng. Tỉnh chỉ tạm thời sửa chữa nhỏ chắp vá từng đoạn. Tình hình thiếu đá cấp phối, thiếu nhựa đường, máy móc cũ kỹ, hư hỏng nặng... là những khó khăn trở ngại lớn.

---

1. Theo số liệu năm 1976, toàn tỉnh có 497 xe ô tô vận tải hàng hóa, 305 tàu ghe vận tải. Tổng số xe chở khách 350 chiếc thì chỉ sử dụng bình quân hàng ngày 115 chiếc (chưa được 50%); riêng hàng hóa, vận tải được 105.000 tấn, đạt 105% kế hoạch (Ủy ban nhân dân tỉnh: *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế văn hóa năm 1976*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).

Đội ngũ cán bộ nói chung, trong kháng chiến nhiệt tình, hăng hái, dũng cảm hy sinh chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng. Nhưng từ sau ngày giải phóng, trong điều kiện Đảng nắm chính quyền, lãnh đạo toàn diện, một số cán bộ đã bộc lộ sự hụt hẫng vì cho rằng sau khi giải phóng sẽ có tất cả, nhưng thực tế diễn ra với nhiều khó khăn, thách thức, xã hội nhiều tiêu cực, thiếu các mặt hàng thiết yếu, thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng máy móc...; một số ít lại coi mình là công thần, quan liêu mệnh lệnh, xa rời quần chúng.

Lợi dụng tình hình khó khăn trên, các thế lực phản động nhen nhóm, móc nối tập hợp, hình thành hàng chục tổ chức phản cách mạng, kích động, phá rối hòng lật đổ chính quyền cách mạng.

Trước hàng loạt vấn đề đặt ra cần phải tập trung giải quyết, Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III ngày 29/9/1975 về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và các nghị quyết của Tỉnh ủy, nhằm tạo sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân, thực hiện nhiều nhiệm vụ cấp bách, quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, cải tạo và xây dựng quê hương đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## **2. Các cấp ủy đảng trong tỉnh lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sau giải phóng**

### *2.1. Tiếp thu các nghị quyết của Trung ương Đảng về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa*

Cuối tháng 9/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã tiến hành Hội nghị lần thứ 24, bàn về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Hội nghị đánh giá về thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”, trong đó, nhiệm vụ của miền Bắc là: “tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”; nhiệm vụ của miền Nam là: “phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.

Đối với miền Bắc, ngoài đánh giá thành tựu 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III nhấn mạnh: “Trong giai đoạn mới, miền Bắc phải có những cố gắng rất lớn. Ba mươi năm dốc sức vào kháng chiến, hai cuộc chiến tranh phá hoại gây nhiều thiệt hại về vật chất đã làm chậm công cuộc xây dựng kinh tế của miền Bắc. Khó khăn lớn nhất hiện nay của miền Bắc là cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội còn yếu; tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân tăng chậm, trong khi dân số tăng nhanh; năng suất lao động và hiệu quả vốn đầu tư quá thấp”<sup>2</sup>.

Nền kinh tế miền Nam trong 20 năm qua phát triển trong hoàn cảnh đặc biệt nhằm phục vụ chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Đó là nền kinh tế lệ thuộc vào nước ngoài và tuy đã có một số cơ sở sản xuất hiện đại của chủ nghĩa tư bản, song sản xuất nhỏ còn khá phổ biến. Khó khăn lớn là sản xuất phụ thuộc vào nguyên liệu, xăng dầu và

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.36, tr.397, 403.

thiết bị kỹ thuật bên ngoài. Số người thất nghiệp đông, tiền tệ lạm phát, thị trường hỗn loạn.

Về nhiệm vụ cách mạng miền Nam, Nghị quyết chỉ rõ: “Trước mắt cần chữa mũi nhọn đấu tranh chủ yếu vào thế lực phản cách mạng phá hoại hiện hành và tư sản mại bản. Song phải nắm chắc nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, làm nhiệm vụ lâu dài và quyết định nhất đối với sự toàn thắng của chủ nghĩa xã hội”. Phải biết “Kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng trong cả quá trình cách mạng và trên các mặt: chính trị, kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, tư tưởng, trong phạm vi toàn xã hội”. “Trong một thời gian nhất định, ở miền Nam còn nhiều thành phần kinh tế...; cần ra sức sử dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật, tiền vốn, kinh nghiệm quản lý để đẩy mạnh sản xuất”<sup>1</sup>.

Nghị quyết còn chỉ rõ: Trong cả nước thực hiện chế độ hành chính theo bốn cấp (Trung ương, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, huyện và xã); giải thể Trung ương Cục miền Nam, giải thể các khu ủy ở cả hai miền, đồng thời, thành lập Ban đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam; hợp nhất các tỉnh thành những đơn vị hành chính kinh tế với quy mô cần thiết.

Nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh trong giai đoạn mới là: “Ra sức bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.407-408.

lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của nước Việt Nam thống nhất; luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đập tan mọi âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai; sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ nước ta”<sup>1</sup>.

Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương có ý nghĩa lịch sử trọng đại, đã đánh giá thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cả nước, nêu lên nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đồng thời, chỉ ra những tồn tại và nhiệm vụ to lớn của mỗi miền, thực hiện thống nhất đất nước, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Năm 1976, cả nước tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Trong bối cảnh đó, tỉnh Đồng Tháp tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (vòng một), họp từ ngày 10 đến 19/11/1976, nhằm thảo luận góp ý Đề cương Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III và Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi), cử Đoàn đại biểu của Đảng bộ tỉnh gồm 11 thành viên đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra từ ngày 14 đến 20/12/1976 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết ý nghĩa lịch sử mang tầm vóc thời đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời, nêu rõ nguyên nhân sâu xa của những nhược điểm, yếu kém, khó khăn của nền kinh tế nước ta. Đó là nền kinh tế

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.400.



vốn là sản xuất nhỏ, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Song công tác chỉ đạo thực hiện và quản lý kinh tế còn nhiều thiếu sót. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa được kịp thời cụ thể hóa và vận dụng thật tốt vào kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, vào phương hướng, nhiệm vụ và công tác cụ thể của từng ngành, từng địa phương và cơ sở; quản lý kinh tế còn mang nặng tính chất quan liêu, hành chính; năng suất, chất lượng, hiệu quả chưa được coi trọng đầy đủ, bộ máy quản lý công kênh, tổ chức thực hiện kém hiệu lực, kỷ luật không nghiêm, cách làm việc chưa sát thực tế, chưa sát quần chúng, thiếu tính chiến đấu cách mạng<sup>1</sup>.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV chỉ rõ: Bước sang giai đoạn cách mạng mới, cách mạng nước ta phát triển với những đặc điểm lớn như sau:

*Một là*, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

*Hai là*, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.

*Ba là*, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh giữa thế lực cách mạng và phản cách mạng trên thế giới còn gay go quyết liệt.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.495-498.

Đại hội quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua Điều lệ mới của Đảng. Điều lệ đã rút gọn 10 nhiệm vụ của đảng viên thành 5 nhiệm vụ, đặt lại chức vụ Tổng Bí thư thay chức Bí thư thứ nhất, quy định nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương là 5 năm. Đại hội đã quyết định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn mới; quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 - 1980); quyết định đường lối xây dựng Đảng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới.

Tại diễn đàn thảo luận Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, đồng chí Trần Anh Điền, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp được mời báo cáo tham luận, đã nêu bật những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh sau ngày giải phóng, những cố gắng vượt bậc của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh sau gần 2 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh phong trào sản xuất, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tỉnh quyết tâm phấn đấu đến năm 1980 đạt hơn 1 triệu 20 vạn tấn lương thực, bình quân lương thực đầu người 1.000 kg/năm, sản lượng công nghiệp tăng 2,5 lần so với năm 1976 và nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội quan trọng khác.

Đồng chí Trần Anh Điền cũng nêu các quan điểm chỉ đạo có tính chiến lược của tỉnh là: “Tiến quân vào Đồng Tháp Mười, một vùng đất có tiềm năng lớn nhưng chưa được khai thác”; “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực”;

“tập trung lãnh đạo kinh tế một cách toàn diện”; “tăng cường bộ máy của huyện”; “ra sức đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật để bổ sung cho các ngành, các cấp”<sup>1</sup>. Tỉnh cũng tiếp nhận nguồn cán bộ từ khu và tập kết về.

## 2.2. Lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ sau giải phóng

Trên địa bàn, từ tháng 8/1974, thực hiện chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, hai tỉnh Sa Đéc và Long Châu Tiền được thành lập. Sau ngày 30/4/1975 đến tháng 02/1976, hai tỉnh Sa Đéc và Long Châu Tiền tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng:

### a) Tiếp quản và quản lý vùng mới giải phóng

Tỉnh Sa Đéc nhanh chóng tiếp quản thị xã Cao Lãnh đêm 30/4/1975, tiếp quản thị xã Sa Đéc sáng 01/5/1975 và các huyện. Thời điểm này, khoảng hơn 10 ngàn tàn quân và bọn phản động đội lốt tôn giáo Hòa Hảo kéo về cố thủ ở Tây An Cổ tự, huyện Chợ Mới. “Tỉnh ủy đã tập trung 4 tiểu đoàn cùng với lực lượng khởi nghĩa tại chỗ, ngày 04/5 đánh tan rã bọn này và thu toàn bộ vũ khí (trên 20.000 khẩu súng), tiếp tục truy quét đến sáng ngày 06/5/1975 giải quyết hết vùng nông thôn Chợ Mới”<sup>2</sup>, đây là địa phương giải phóng sau cùng ở miền Nam.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Tham luận của Đoàn đại biểu Đảng bộ Đồng Tháp tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, 1976*, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Đồng Tháp.

2. Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Sa Đéc: *Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình trong tỉnh Sa Đéc, từ sau ngày giải phóng đến nay*, ngày 11/02/1976, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Từ ngày 01 đến ngày 03/5/1975, thành lập Ủy ban quân quản ở thị xã Sa Đéc, thị xã Cao Lãnh và các huyện. Ủy ban quân quản ban hành lệnh giới nghiêm trong nội ô thị xã, thị trấn; ra các thông báo về trật tự, trị an; dùng máy phóng thanh thông báo cho công chức, sĩ quan, binh sĩ chế độ cũ ra trình diện, thu nạp vũ khí, chất nổ, tài sản công cộng; tuyên bố giải tán các cơ quan và các đảng phái chính trị phản động; tuyên truyền chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Riêng 2 thị xã, ta tiếp quản gần 40 ty sở, kho tàng của chế độ Sài Gòn gần như nguyên vẹn các tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật. Tại tỉnh Sa Đéc, số người ra trình diện hơn 50.000, thu được trên 56.000 khẩu súng cùng hàng ngàn tấn đạn các loại, nhiều xe, tàu quân sự. Hơn 10.000 dân trước đây bị dồn ra các khu gom dân, thị xã, thị trấn, nay trở về quê cũ. Tỉnh tiếp nhận và lo nơi ăn ở cho gần



Trại cải tạo năm 1980

Ảnh: Hoàng Sang

20.000 Việt kiều hồi hương; cứu tế cho quần chúng đang bị đói trên 500 triệu đồng (tiền Sài Gòn)<sup>1</sup>.

Tỉnh Long Châu Tiên, ta giải phóng đại bộ phận trong ngày 01/5/1975. Riêng huyện An Phú, đến 10 giờ ngày 02/5/1975, ta mới chiếm lĩnh được thị trấn. Bắt 29 người thuộc 2 giáo hội trung ương của Lương Trọng Tường và Huỳnh Văn Nhiệm, giam giữ 1.397 đối tượng, khai nhiều hầm vũ khí. Tại vùng Phú Tân, quân cách mạng tổ chức lực lượng bao vây khoảng 2.000 lính bảo an quân tử thủ, đồng thời, cử người đến Tổ đình nêu rõ trách nhiệm của họ đối với tàn binh. Tổ đình ra một thông báo kêu gọi Bảo an quân trình diện, giao nạp 10.000 súng. Số ra trình diện từ cấp úy đến cấp tá được tỉnh đưa về trên, còn lại 29.353 người được giáo dục, quản huấn tại chỗ. Huyện Hồng Ngự giáo dục, quản huấn 3 đợt với 13.975 lượt người<sup>2</sup>, sau học tập 7 ngày được xét phục hồi quyền công dân. Toàn tỉnh Long Châu Tiên, năm 1976 xét phục hồi quyền công dân cho 42.678 người, tiếp tục quản chế 8.689 đối tượng<sup>3</sup>.

Ổn định kinh tế - xã hội là một nhiệm vụ công tác trọng tâm sau giải phóng. Ở tỉnh Long Châu Tiên, hơn 60.000 Việt kiều hồi hương, 50.000 dân từ nơi khác về. Riêng huyện

---

1. Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Sa Đéc: *Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình trong tỉnh Sa Đéc, từ sau ngày giải phóng đến nay*, ngày 11/02/1976, Tlđđ.

2. *Báo cáo sơ kết đặc điểm từ 30/4 đến 10/5/1975 của tỉnh Long Châu Tiên.*

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tình hình công tác chính quyền của tỉnh Đồng Tháp năm 1976*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Hồng Ngự, vận động 20.000 gia đình trở về quê cũ sản xuất; tiếp nhận 17.000 Việt kiều do phía Campuchia trao trả và số Việt kiều tự hồi hương, tổng số trên 41.000 người; cứu tế 149.360 lượt người.

*b) Tập trung chỉ đạo sản xuất, ổn định đời sống nhân dân*

“Để ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân, kể từ sau ngày giải phóng, đã đưa 25.000 quần chúng lao động từ các khu gom dân, các thị xã trở về ruộng vườn cũ. Giúp đỡ cứu trợ cho 20.000 đồng bào thất nghiệp, hành khát, tàn tật, đau ốm và hàng trăm trẻ mồ côi, các trại cô nhi quả phụ. Mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn khó khăn, nhưng ta đã sắp xếp tạm ổn cho 75.000 Việt kiều ở Campuchia về<sup>1</sup>. Tình hình ruộng đất tuy chưa giải quyết toàn diện, nhưng các cấp đã khắc phục mọi phức tạp chia cấp trên 2.000ha cho nông dân không có hoặc thiếu đất sản xuất”<sup>2</sup>.

Thực hiện Chỉ thị 07, ngày 19/5/1975 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam, phát động sản xuất vụ mùa năm 1975, Tỉnh ủy chỉ thị các huyện, thị xã vận động nhân dân bung về quê cũ để tận dụng đất sạ lúa mùa, khai hoang phục hóa và đẩy mạnh sản xuất lúa hai vụ ở các xã ven sông Tiền, sông Hậu.

1. Trong số 80.000 Việt kiều từ Campuchia hồi hương về tỉnh sau ngày giải phóng, có hàng ngàn người quê ở các tỉnh khác đã tự nguyện trở về quê cũ. Hàng ngàn Việt kiều khác tự chuyển về miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Vì vậy, đến đầu năm 1976, số Việt kiều được chính quyền địa phương lo nơi ăn chốn ở tại Đồng Tháp còn khoảng 75.000 người.

2. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Tình hình lãnh đạo chỉ đạo của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Đồng Tháp từ sau ngày giải phóng đến nay*, ngày 31/8/1976, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Từ năm 1976, toàn tỉnh tập trung sức phát triển nông nghiệp, chủ yếu là cây lúa, lấy việc phát động nhân dân làm thủy lợi là biện pháp hàng đầu. Phong trào làm thủy lợi thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Đặc biệt, công trình lớn là đào kênh Hồng Ngự - Long An, các công trình trung thủy nông như: đào kênh Kháng Chiến từ Hồng Ngự đến Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, nạo vét kênh Cái Bèo, Bờ bao 307, kênh Mỹ Phước, kênh Xáng Cụt, kênh Thầy Lâm, kênh Bình Tiên. Năm 1976, toàn tỉnh đào vét được 250 con kênh lớn nhỏ với tổng chiều dài 519km (thủy lợi nhỏ 470km), đắp hơn 1.000 đập nước. Diện tích được tưới nước 143.860ha. Diện tích được tiêu phèn 101.100ha.

Chuyển dần từ làm một vụ lúa mùa nổi, năng suất thấp sang 2 vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu với giống lúa mới ngắn ngày, năng suất cao. Diện tích lúa ngắn ngày phát triển nhanh, từ 27.800ha gieo trồng năm 1975 lên 191.200ha năm 1976, đạt năng suất và sản lượng vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Nhờ đó, tỉnh đã khắc phục nạn thiếu ăn. Các loại cây hoa màu như: bắp, khoai mì, khoai lang, đậu nành, đậu phộng, thuốc lá, mía, bố, lát... đều tăng. Chăn nuôi gia súc, gia cầm đều phát triển với quy mô ở hộ cá thể. Riêng đàn gia súc (trâu, bò) phát triển vượt chỉ tiêu đề ra với 46.600 con, trong đó, có 30.200 con trâu, bò cày kéo. Việc khai thác và nuôi trồng thủy sản gặp khó khăn nên sản lượng chỉ đạt 11.850 tấn (so với chỉ tiêu 16.650 tấn).

Khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp, trọng tâm là ngành cơ khí sửa chữa, những cơ sở sẵn có của địa phương và các ngành nghề thủ công để phục vụ sản xuất và giải quyết công ăn việc làm cho quần chúng.

Ngày 22/9/1975, chấp hành chủ trương của cấp trên, tỉnh tiến hành đổi tiền lần thứ nhất.

Việc cung ứng vật tư, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, lưu thông phân phối... mặc dù còn khó khăn, lúng túng và thiếu sót cần phải khắc phục, nhưng đã đáp ứng dần nhu cầu cho các ngành, cho đời sống của nhân dân và góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

*c) Xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và lực lượng vũ trang*

Bên cạnh việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy đảng trong tỉnh khẩn trương xây dựng, củng cố cơ sở đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang.

Sau giải phóng, công tác xây dựng Đảng tập trung vào củng cố các chi bộ cơ sở hiện có, phát triển cơ sở đảng vùng mới giải phóng, vùng tôn giáo, thị xã, thị trấn. Tỉnh Sa Đéc mở lớp đào tạo hàng trăm cán bộ cơ sở và tiểu tổ đảng; tỉnh điều động tăng cường cho huyện Chợ Mới hơn 100 cán bộ; phát triển hơn 200 đảng viên, xóa nhiều xã ấp “trắng đảng” ở Chợ Mới và Lấp Vò; bổ sung cấp ủy viên và kiện toàn cấp ủy huyện, tỉnh. Tỉnh Long Châu Tiên, đến đầu tháng 9/1975 đã tổ chức được 13 chi bộ ở những xã trước đây “trắng” hoặc chỉ có từ 1 đến 2 đảng viên.

Việc xây dựng chính quyền cách mạng vừa là công tác trọng tâm cấp thiết trước mắt vừa là nhiệm vụ cơ bản lâu dài. Ngày 01/8/1975, Trung ương Cục miền Nam chủ trương: tất cả ủy ban quân quản các cấp ở thành phố, thị xã, tỉnh, huyện



đều giải thể, chuyển thành ủy ban nhân dân cách mạng<sup>1</sup>. Theo đó, từ ngày 22/8/1975, hai tỉnh Sa Đéc và Long Châu Tiên đều lần lượt giải thể các ủy ban quân quản, tăng cường cán bộ xây dựng chính quyền.

Khoảng hạ tuần tháng 12/1975, ta tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân hoặc tiến hành tổ chức đại hội đại biểu nhân dân bầu ủy ban xã. Qua phát động, học tập, nội bộ phấn khởi và quyết tâm cao, nhân dân nhận thức được quyền làm chủ trong xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Hầu hết các địa phương, cử tri đi bầu đạt tỷ lệ cao (từ 85% đến 98%).

Công tác xây dựng lực lượng các mặt được tiến hành khẩn trương, chặt chẽ và hiệu quả. Ở tỉnh Sa Đéc, các đoàn thể, các hội Thanh niên giải phóng, Phụ nữ giải phóng, Nông dân giải phóng, trước đây có vài ngàn hội viên, đến cuối năm 1975 có trên 50.000 hội viên; đào tạo gần 10.000 cốt cán quần chúng. Lực lượng vũ trang tỉnh có 2 tiểu đoàn, đã củng cố bổ sung đủ quân số theo quy định; lực lượng an ninh từ 2 đến 3 phân đội, phát triển lên tiểu đoàn; bộ đội huyện và dân quân, du kích, tự vệ,... phát triển mạnh. Huyện Hồng Ngự (Long Châu Tiên) là huyện biên giới giáp với tỉnh Prey Veng (Campuchia), trước đây huyện có một đại đội địa phương quân, sau ngày giải phóng đã phát triển lên 2 đại đội, 5 trung đội an ninh biên phòng; du kích mỗi xã có từ 1 đến 2 tiểu đội, mỗi ấp xây dựng 1 tiểu đội hoặc 1 trung đội dân quân tự vệ. Có địa phương thành lập

---

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng. GS.TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. tr.1361.

hàng trung đội nữ dân quân như các xã Long Khánh, Thường Phước (Hồng Ngự). Các hội Thanh niên giải phóng, Phụ nữ giải phóng, Nông dân giải phóng đã tập hợp và kết nạp đông đảo hội viên. Tổ chức đại hội các gia đình có công với cách mạng, thương binh, gia đình liệt sĩ ở xã, huyện, tỉnh với trên 10 ngàn đại diện gia đình tham dự<sup>1</sup>.

An ninh chính trị, trật tự xã hội dần đi vào ổn định. Ở thị xã Sa Đéc và Cao Lãnh, bên cạnh lực lượng tự vệ học sinh, an ninh vũ trang, tỉnh tổ chức từng đoàn cán bộ kết hợp với cơ sở phát động học tập và thành lập các tổ chức quần chúng. Giải tán các nghiệp đoàn cũ, thành lập nghiệp đoàn giải phóng, hội giáo chức...

Công tác xây dựng chính quyền các cấp, củng cố lực lượng các mặt còn tiếp tục đến nhiều năm sau, nhất là trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

#### *d) Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế*

Ngay sau giải phóng, ta tiến hành các cuộc vận động bài trừ văn hóa đồi trụy, tàn dư chế độ thực dân mới của Mỹ để lại. Nhiều cuộc truy quét văn hóa phẩm độc hại được thực hiện ở hai thị xã Sa Đéc, Cao Lãnh, các thị trấn và các xã ven đô thị. Hàng ngàn quần chúng các giới và nhiều chủ tiệm sách báo, qua tuyên truyền phát động đã tự giác giao nộp sách báo, băng đĩa nhạc, tranh ảnh có nội dung không lành mạnh. Phát động, giáo dục thanh thiếu niên, đồng bào

---

1. Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Sa Đéc: *Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình trong tỉnh Sa Đéc, từ sau ngày giải phóng đến nay*, ngày 11/02/1976, *Tlđđ*.

các giới bài trừ văn hóa đồi trụy, các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Phát động phong trào quần chúng xây dựng lối sống lành mạnh, vui tươi, tiến bộ. Phong trào ca hát, văn hóa văn nghệ quần chúng từ tỉnh đến huyện, xã bước đầu phát triển. Các đội chiếu phim, đoàn văn công thường xuyên tổ chức biểu diễn phục vụ nhân dân. Hai rạp chiếu phim ở hai thị xã phục vụ thường xuyên. Tuy nhiên, trong các đợt phát động bài trừ văn hóa đồi trụy, ta thu hồi sách báo lưu hành dưới chế độ cũ, nhưng chưa được kiểm định đã đem đốt hết, trong đó có nhiều loại sách quý cũng bị thiêu hủy.

Hệ thống quản lý giáo dục từ tỉnh đến xã được thiết lập. Từ tháng 5/1975, ta phát động giáo chức học tập chính trị, bồi dưỡng chuyên môn gồm 3.970 giáo viên tham dự. Giáo chức cũ tham gia học tập trong không khí vui tươi, phấn khởi. Tỉnh tiếp nhận 70 cán bộ, giáo viên tăng cường, bổ sung cho Ty Giáo dục, các phòng nghiệp vụ Ty và các trường cấp 2, cấp 3. Năm học đầu tiên sau giải phóng (1975 - 1976), khai giảng đồng loạt 3 cấp học phổ thông vào ngày 20/10/1975. Ngày khai giảng lịch sử này, toàn tỉnh Sa Đéc có 318 trường (276 trường cấp 1, 35 trường cấp 2, 7 trường cấp 3), 3.506 lớp học, 156.373 học sinh, 3.497 giáo viên<sup>1</sup>. Có 20 trường cấp 1 với 50 lớp được thành lập sau giải phóng. Sách giáo khoa cũ tạm thời được sử dụng nhưng có sửa đổi nội dung theo chương trình mới. Tỉnh Sa Đéc tổ chức 2 trường bổ túc văn hóa nội trú (Thiếu sinh

---

1. Ty Giáo dục tỉnh Sa Đéc: *Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục từ sau ngày giải phóng đến nay, ngày 12/12/1975*: Giáo chức cũ được lưu dụng: 2.370 giáo viên cấp 1, 554 giáo viên cấp 2 và 253 giáo viên cấp 3, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

quân và Thiếu niên công nông) cho 700 con em cán bộ, chiến sĩ vào học; phát động phong trào bình dân học vụ xóa mù chữ, bổ túc văn hóa. Vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn thiếu nhiều giáo viên và điều kiện đi lại học tập có nhiều khó khăn.

Năm 1975, các cơ sở y tế của chế độ cũ được lực lượng y tế kháng chiến tiếp quản nguyên vẹn. Hầu hết bác sĩ, y sĩ và nhân viên y tế của chế độ cũ được lưu dụng. Các bệnh xá, trạm xá, nhà bảo sanh được xây dựng thêm, nhưng nhìn chung, hai bệnh viện tuyến tỉnh số giường bệnh chỉ đáp ứng được trên 50% so với yêu cầu. Thuốc trị bệnh thiếu nhiều. Phong trào vệ sinh phòng bệnh chưa được phát động tốt, nhất là các thị xã, thị trấn. Toàn tỉnh có 23 bác sĩ, 73 y sĩ, 531 y tá; trung bình 43.521 người dân có 1 bác sĩ, 13.712 người dân có 1 y sĩ, 1.334 người dân có 1 giường bệnh.

Những công việc cần kíp nêu trên đều được Tỉnh ủy lãnh đạo tập trung thực hiện một cách khẩn trương và hiệu quả. Tỉnh ủy Sa Đéc đánh giá tình hình công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy sau ngày giải phóng như sau:

“Nhìn chung tình hình có nhiều khó khăn phức tạp do hậu quả 20 năm chiến tranh để lại, nhưng qua mấy tháng giải phóng được sự lãnh đạo sáng suốt kịp thời của Trung ương Cục và Khu ủy, Tỉnh ủy cố gắng phấn đấu và đoàn kết nhất trí, các cấp ủy huyện, thị xã, xã, ban ngành, đoàn thể đều nỗ lực thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, phát huy được truyền thống cách mạng của quần chúng, biết dựa vào công nông nên chuyển được tình hình lên một bước mới và toàn diện”.

Bên cạnh thành công, Tỉnh ủy cũng đã chỉ ra khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, đó là:

“Công tác lãnh đạo tư tưởng, chánh trị của Tỉnh ủy đối với nội bộ Đảng bộ và quần chúng chưa tốt. Sau giải phóng, Đảng ta nắm chánh quyền thì tư tưởng quan liêu, mệnh lệnh, cai trị quần chúng xuất hiện phổ biến và nghiêm trọng rõ nhất là ở cơ sở. Ý quyền, ý thế bất bố giam cầm, hách dịch với quần chúng, xem thường danh dự và tính mạng của quần chúng”.

“Nhiều đồng chí bị mất phẩm chất, tham ô, lãng phí, thu vén của công thành của riêng, giải quyết quyền lợi cho dòng họ, gia đình mình trước... đã gây tác hại cho Đảng, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng”.

“Tác phong và lề lối làm việc của Tỉnh ủy còn quan liêu, thiếu thực tiễn, nhiều đồng chí chưa đi sát cơ sở, trong lãnh đạo nếu thiếu thực tiễn thì không thể giải quyết được cụ thể nhiều vấn đề phức tạp trong quần chúng.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nhứt là sau giải phóng thiếu phát huy đúng mức vai trò tập trung dân chủ trong nội bộ, các chủ trương, nghị quyết, các vấn đề thiếu thảo luận và đấu tranh cho dứt khoát và khi chấp hành thì phải thực hiện cho đúng. Trong nội bộ Tỉnh ủy còn hiện tượng khoan nhượng trong sai lầm và thiếu kiên quyết giải quyết các vấn đề đã đặt ra. Từ đó giữa Tỉnh ủy với các ngành có một số vấn đề chưa thống nhất”<sup>1</sup>.

Tuy còn nhiều khó khăn, khuyết điểm như trên, nhưng những việc mà hai tỉnh Sa Đéc và Long Châu Tiên đã làm được sau giải phóng là một cố gắng to lớn, tạo cơ sở và những tiền đề cần thiết cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

---

1. Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Sa Đéc: *Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình trong tỉnh Sa Đéc, từ sau ngày giải phóng đến nay*, ngày 11/02/1976, *Tlđđ*.

## II- XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1980)

### 1. Sắp xếp ổn định tổ chức bộ máy, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị

#### 1.1 Thành lập tỉnh Đồng Tháp và bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và việc giải thể các khu, sáp nhập một số tỉnh, ngày 20/9/1975, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết số 16-NQ chỉ đạo như sau:

Việc giải thể cấp khu, sáp nhập tỉnh có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó gắn liền với nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa và thống nhất đất nước, thống nhất sự lãnh đạo của Đảng. Theo yêu cầu trên, toàn B2 còn lại 8 tỉnh và hai thành phố Sài Gòn và Đà Lạt. Trong số các tỉnh ghép, dự kiến sáp nhập “Long Châu Sa và Kiến Tường”<sup>1</sup> thành một tỉnh mới.

Tuy nhiên, sau khi cân nhắc tình hình thực tế ở miền Nam, ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc điều chỉnh hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam, theo đó tỉnh Sa Đéc và Kiến Phong cũ được hợp nhất. Tháng 02/1976, tỉnh Đồng Tháp chính thức được thành lập từ hai tỉnh Sa Đéc và Kiến Phong. Trước đó (tháng 7/1975) đã tổ chức lại địa giới hành chính cấp huyện và sáp nhập nhiều xã.

---

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng. GS.TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Sđd, tr.1370.



Ra mắt chính quyền ngày thành lập tỉnh Đồng Tháp

Ảnh: Hoàng Dũng

Tỉnh Đồng Tháp gồm: Huyện Hồng Ngự; thị trấn đặt tại xã An Bình; Huyện Tam Nông (gồm cả Thanh Bình), huyện lỵ đặt tại xã Tân Phú; Huyện Cao Lãnh (nhập 3 huyện Cao Lãnh, Kiến Văn, Mỹ An và thị xã Cao Lãnh), huyện lỵ đặt tại thị trấn Cao Lãnh; Huyện Lấp Vò (nhập 2 huyện Lai Vung và Lấp Vò), huyện lỵ đặt tại xã Hòa Long; Huyện Châu Thành, huyện lỵ đặt tại Cái Tàu Hạ và thị xã Sa Đéc. Toàn tỉnh có 5 huyện và 1 thị xã, 79 xã, 2 thị trấn (Cao Lãnh, Hồng Ngự), với 393 ấp.

Ngày 24/3/1976, Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra Quyết định số 15/QĐ-76, chuẩn y cơ cấu chính quyền tỉnh Đồng Tháp, gồm 11 thành viên:

- Ông Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ): Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Thanh Khê (Sáu Cầm): Phó Chủ tịch thứ nhất, phụ trách ngân hàng, tài chính, thương nghiệp, vật giá.

- Ông Nguyễn Thanh Phong (Bảy Phong): Phó Chủ tịch thứ hai, phụ trách kế hoạch.

- Ông Đinh Phước Hải (Tư Nam Sơn): Phó Chủ tịch thứ ba, phụ trách nông nghiệp, thủy lợi.

- Ông Võ Hưng Thông (Chín Thông): Ủy viên Thư ký.

- Trung tá Trần Hữu Trục: Ủy viên Quân sự.

- Ông Võ Ngọc Đồng (Chín Nghĩa): Ủy viên An ninh.

- Ông Lê Ngọc Bửu (Năm Hự): Ủy viên Thông tin văn hóa, Giáo dục, Thanh niên.

- Ông Ngô Quang Tựu (Năm Vinh): Ủy viên Giao thông vận tải, Xây dựng, Bưu điện.

- Ông Phạm Văn Trọng (Ba Trọng): Ủy viên, Trưởng ban Thanh tra.

- Bà Nguyễn Thị Tiệp (Năm Mai): Ủy viên, phụ trách Thương binh - xã hội, Y tế, Bảo vệ bà mẹ trẻ em.

Các ty, phòng, ban cấp tỉnh được hình thành.

Năm 1976, một trong những công tác trọng tâm của tỉnh là tổ chức bầu cử Quốc hội khóa VI. Trước bầu cử, ta xét duyệt, phục hồi quyền công dân cho hơn 30.000 người trước đây làm việc trong quân đội, chính quyền Sài Gòn đã qua học tập, cải tạo tốt; mở đợt truy quét ở các vùng trọng điểm, bắt nhiều đối tượng không trình diện và một số đối tượng trong các phe phái phản động, trong đó có 5 sĩ quan cấp tá, thu nhiều vũ khí, ngăn chặn âm mưu chống đối, phá hoại. Các ngành chức năng thực hiện tấn công truy quét tội phạm đạt kết quả bước đầu.

Ta đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phát động quần chúng tham gia bầu cử. Nhìn chung, quần chúng thông suốt



và nắm được nội dung, ý nghĩa cuộc bầu cử lần này. Toàn tỉnh, cử tri đi bầu đạt 98%, có 10 đại biểu trúng cử đại biểu Quốc hội, gồm: Ông Nguyễn Xuân Trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng đoàn; Ông Nguyễn Văn Nhuận, Trung tá, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Phó đoàn, và 8 thành viên: Võ Thái Hòa, Lê Thị Huệ, Nguyễn Thị Lựu, Võ Văn Muốn (tự Võ Thành Trung), Linh mục Võ Thành Trinh, Nguyễn Thị Kim Trinh, Lý Ngọc Thịnh (tự Lý Xuân Trường) và Nguyễn Văn Tiệp. Thư ký của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh là ông Mai Văn Hai.

Cuộc bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã xác lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong toàn quốc. Đây là lần thứ hai kể từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, người dân Đồng Tháp cầm lá phiếu bầu người đại diện cho mình trong cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Tháng 7/1976, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI đã có những quyết định quan trọng:

- Thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

- Quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc huy, Quốc kỳ, Quốc ca, Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

- Ở địa phương, tổ chức thành ba cấp chính quyền: cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện và tương

đương, cấp xã và tương đương. Ở mỗi cấp chính quyền có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Cuối năm 1976 và đầu năm 1977, tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp (vòng một) tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Lần đầu tiên Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc được đưa ra lấy ý kiến đóng góp của toàn Đảng và nhân dân nên tạo được đợt sinh hoạt chính trị sôi nổi, dân chủ và phấn khởi trong nội bộ và nhân dân.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ nhất (vòng 2) họp từ ngày 22/3/1977 đến ngày 02/4/1977 tại thị xã Sa Đéc. Tham dự Đại hội có 260 đại biểu (trong tổng số 302 đại biểu chính thức) của 6 đảng bộ huyện - thị, 3 đảng ủy khối<sup>1</sup>, đại diện cho 4.345 đảng viên trong toàn tỉnh<sup>2</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (vòng 2) xác định mục tiêu tổng quát trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 là:

“Nắm vững chuyên chính vô sản, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa; trong đó, cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; ra sức phát triển thủy lợi, thâm canh tăng vụ, khai hoang mở rộng diện tích, đẩy mạnh nông nghiệp toàn diện; phát triển công nghiệp, tiểu công nghệ và thủ công nghiệp; cải tiến lưu thông

---

1. Các đảng ủy khối lúc này gồm: Đảng ủy liên cơ, Đảng ủy Quân sự, Công an vũ trang.

2. Số liệu đảng viên trên ghi trong tài liệu *Tỉnh Đồng Tháp 6 tháng đầu năm 1977*, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy, hộp số 10, tập HS 23.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ nhất

phân phối; từng bước cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; ra sức cải tạo quan hệ sản xuất đi đôi với phát triển lực lượng sản xuất; không ngừng củng cố chính quyền các cấp vững mạnh, nhất là ở cơ sở; đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội; thông qua phong trào cách mạng của quần chúng phát triển các đoàn thể, phát triển đảng viên, đào tạo đội ngũ cán bộ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực; tích cực cải tạo và xây dựng nền kinh tế của tỉnh từ sản xuất nhỏ phân tán lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từng bước hình thành một tỉnh có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp”.

Nghị quyết Đại hội đề ra một số chỉ tiêu cụ thể cho từng sản phẩm chủ lực của tỉnh như: lúa gạo, cây công nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, diện tích trồng rừng, vật liệu xây dựng,

sản phẩm cơ khí...; xây dựng các ngành kinh tế: nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; thực hiện cách mạng tư tưởng và văn hóa; chăm lo các mặt công tác xã hội, y tế, giáo dục; thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ. Nghị quyết dành một phần riêng về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo toàn diện.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 37 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Phiên họp Ban Chấp hành lần thứ nhất bầu Ban Thường vụ, đồng chí Trần Anh Điền được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Thế Hữu, Nguyễn Xuân Trường: Phó Bí thư. Hội nghị đã phân công nhiệm vụ các Ủy viên Thường vụ và Tỉnh ủy viên (xem phụ lục); bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 7 ủy viên, do đồng chí Phạm Văn Thành (Hai Hón) làm Trưởng ban, Nguyễn Văn Bê (Tư Bê) làm Phó Trưởng ban.

Thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất đã đem đến cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh một hướng đi mới rõ ràng, tạo niềm tin tưởng, phấn khởi.

### *1.2. Tăng cường củng cố cơ sở đảng, chính quyền xã, ấp*

Từ năm 1976, Tỉnh ủy chủ trương tăng cường củng cố cấp xã. Trong bộ máy chính quyền cấp xã, ta đã thanh lọc một số lớn những phần tử cơ hội (khoảng 350 người kể cả xã đội) trước đây có làm việc trong bộ máy chính quyền,

quân đội Sài Gòn<sup>1</sup>, hoặc vi phạm các chính sách, tha hóa phẩm chất đạo đức, không được quần chúng tín nhiệm. Nhiều xã, ấp thiếu cán bộ cốt cán, đa số mới tuyển dụng, trình độ chính trị và chuyên môn rất yếu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm chỉ đạo xây dựng củng cố cơ sở đảng. Trong kháng chiến, Đồng Tháp là một tỉnh có nhiều vùng yếu, vùng tôn giáo, một số xã bị tạm chiếm lâu đời, cơ sở đảng và cơ sở quần chúng ít, có nhiều xã “trắng”.

Ngày 03/8/1977, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 07-CT/TU về việc mở đợt vận động củng cố xây dựng chi bộ cơ sở.

Qua thực hiện các nghị quyết và các chỉ thị của Tỉnh ủy về xây dựng củng cố xã, các cấp các ngành đã có nhiều cố gắng, nhất là các chi bộ đảng ở cơ sở làm được hạt nhân lãnh đạo, kể cả các chi bộ vùng yếu mới được xây dựng. Tổ chức chính quyền, các đoàn thể được thiết lập, củng cố làm nòng cốt tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ mới thì bộ máy cấp xã vẫn là một khâu yếu. Do yếu kém, đã gây phiền hà không ít trong quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ vai trò lãnh đạo của chi bộ cơ sở. Chi bộ chưa nhận rõ chính quyền là công cụ để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ở cơ sở; xem nhẹ vai trò của các đoàn thể. Cán bộ chưa thấm nhuần

---

1. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo số 69/BC-UB, ngày 05/7/1976 về đặc điểm tình hình và bộ máy chính quyền, các ban ngành có chức năng chính quyền từ tỉnh xuống huyện, xã (tính đến 30/6/1976)*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

quan điểm quần chúng của Đảng, chưa tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Công tác phát triển đảng còn chậm. Năm 1976, toàn tỉnh Đồng Tháp có 3.759 đảng viên, trung bình 363 người dân có một đảng viên. Trong đội ngũ đảng viên có thành phần phức tạp do kết nạp chưa đúng thủ tục; một số đảng viên ở tù về hoặc có đồng chí do điều kiện công tác bị đứt liên lạc chưa được xác minh kiểm thảo. Trong tỉnh còn 109 ấp trắng đảng viên, 168 ấp chỉ có 1 hoặc 2 đảng viên. Năm 1977, toàn tỉnh kết nạp 287 đảng viên, đạt 48% kế hoạch, trong đó 180 đảng viên ở xã, 17 đảng viên ở thị trấn. Tổng số đảng viên đến 31/12/1977 là 4.767, trong đó có 1.820 đảng viên ở xã, chiếm 34%. Còn 63 ấp “trắng Đảng” trong tổng số 393 ấp toàn tỉnh.

Từ cuối năm 1978, Tỉnh ủy chủ trương tăng cường cán bộ cho xã và biệt phái một số cán bộ về cơ sở xây dựng củng cố tuyến xã. Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng chi bộ cơ sở, kết hợp các phong trào cách mạng của quần chúng để bồi dưỡng những quần chúng ưu tú, phát triển đảng viên; chú trọng xây dựng và phát triển Đảng những vùng yếu, tôn giáo, xóa ấp “trắng Đảng”.

Năm 1979, toàn tỉnh đã tiến hành đại hội đảng bộ cơ sở và đại hội các đảng bộ huyện, thị. Các địa phương và các ngành đã tiến hành kiểm điểm 10 năm thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ; tổ chức cho quần chúng góp ý phê bình cán bộ, đảng viên. Đa số cán bộ, đảng viên và cấp ủy viên tỉnh, huyện được tự phê, các cấp ủy viên cơ sở xã được quần chúng góp ý phê bình, đã khắc phục sửa chữa khuyết điểm; các tổ chức cơ sở đảng ở xã đều được củng cố. Đến năm 1980, số ấp “trắng Đảng” chỉ còn 42; nhiều xã trắng, đến nay đã có chi bộ hoặc tổ đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV ngày 26/11/1979 “về việc phát thẻ đảng viên”, năm 1980, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện công tác này nghiêm túc, chặt chẽ, đạt kết quả tốt. Các cấp ủy ngành và địa phương từng bước được kiện toàn. Khoảng 20% số chi bộ và đảng ủy cơ sở khá, có khả năng lãnh đạo toàn diện. Tiêu biểu là các chi bộ xã Bình Thành, Định Yên, Tân Khánh Trung (Lấp Vò), Hòa An (Cao Lãnh), Tân Phú, An Phong (Tam Nông), Tân Hội (Hồng Ngự). Đảng viên được tiếp tục giáo dục nâng cao lập trường, quan điểm, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao ý chí chiến đấu để hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Việc phát thẻ đảng viên có ý nghĩa to lớn trong công tác xây dựng Đảng và được thực hiện thường xuyên từ đó về sau.

### 1.3. Xây dựng bộ máy chính quyền cấp tỉnh

Ngày 15/5/1977, toàn tỉnh tiến hành cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp (tỉnh, huyện, xã). Cuộc bầu cử lần này mới mẻ đối với tỉnh. Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực, quyết tâm thực hiện nên đã đạt kết quả tốt. “Cử tri tham gia bầu cử với tỷ lệ 96,72% thể hiện trách nhiệm và ý thức xây dựng chính quyền, ý thức làm chủ tập thể của nhân dân được nâng cao một bước”. Không khí bầu cử thật “rộn rịp, tưng bừng, vui tươi, tấp nập... Nhiều nơi, các em học sinh, các cháu thiếu nhi xuống đường, múa lân, các đội văn nghệ biểu diễn, cổ vũ, hoan hô ngày bầu cử lịch sử... là ngày hội lớn của nhân dân địa phương”<sup>1</sup>. Tổng số đại biểu trúng cử vào Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I (nhiệm kỳ 1977 - 1980) gồm 89 vị (có 22 nữ).

---

1. Hội đồng bầu cử tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo kết quả bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 1977 - 1979*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ ngày 10 đến ngày 15/6/1977, kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I đã bầu ra Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 15 thành viên. Đây là cơ quan chấp hành và thường trực của Hội đồng nhân dân, đồng thời là cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh do ông Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) làm Chủ tịch, các ông Nguyễn Thanh Phong (Bảy Phong), Võ Văn Liêu (Lê Hiếu), Đinh Phước Hải (Nam Sơn), Lê Ngọc Bửu (Trần Hựu) làm Phó Chủ tịch, Võ Hưng Thông (Chín Thông): Ủy viên thư ký; các ủy viên gồm: Võ Thái Hòa, Đỗ Hữu Công (Bảy Trục), Phạm Văn Ba (Ba Dân), Đoàn Minh Ngọc (Sáu Thượng), Lê Thị Tiệp (Năm Mai), Võ Văn Tám (Chí Công), Ngô Quang Tựu (Năm Vinh), Nguyễn Văn Tuội (Sáu Chánh) và Võ Minh Soi (Ba Hồng). Hội nghị cũng đã bầu ra 9 vị thẩm phán do ông Nguyễn Minh Hiệp làm Chánh án, 42 vị hội thẩm nhân dân. Hội nghị thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và tổ chức thành 9 tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để chịu trách nhiệm với cử tri trên mỗi địa bàn được phân công.

Tại Hội nghị lần thứ nhất Hội đồng nhân dân khóa I, Hòa thượng Thích Bửu Đạt, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đơn vị bầu cử số 6 (huyện Cao Lãnh) đã phát biểu: “Thật là quý, những ngày làm việc của Hội đồng nhân dân và phương hướng kế hoạch 6 tháng cuối năm 1977 mà hội nghị đã bàn bạc làm cho tôi càng nhận thức rõ nơi đây thật sự là cơ quan quyền lực của dân, hết lòng chăm sóc đời sống của dân, xứng đáng với lời Bác và Đảng chỉ dạy”<sup>1</sup>.

---

1. Bài phát biểu của Hòa thượng Thích Bửu Đạt tại phiên họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa I, tài liệu lưu tại của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.



Từ khi thành lập tỉnh, bộ máy các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh dần dần được xây dựng. Đến tháng 3/1978, tỉnh đã có 53 “đầu mối” gồm 18 cơ quan kinh tế, văn xã, 16 ty, 6 cơ quan nội chính, 5 cơ quan dân vận, đoàn thể và 8 cơ quan khối Đảng. Những ngành lớn (nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng...) có các bộ phận trực thuộc là các công ty, trường, trại...

Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh hầu hết mới thành lập, thiếu cán bộ cốt cán, đặc biệt là thiếu cán bộ chuyên môn có trình độ cao<sup>1</sup>. Số nhân viên giúp việc hầu hết là mới tuyển, còn bỡ ngỡ, trình độ nghiệp vụ còn yếu. Nhiều cơ quan chưa có nội quy, quy chế hoạt động; sự kiểm tra, quản lý chưa chặt. Tình hình đó đã bộc lộ nhiều sơ hở, cách làm việc tùy tiện, phát sinh tiêu cực ở một số ngành...

Cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 3 cấp năm 1977 đã phát huy được quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân trong việc tham gia xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Qua các cuộc bầu cử, đã xây dựng được một lực lượng cán bộ đông đảo gần 3.500 đại biểu hội đồng nhân dân từ tỉnh đến xã. Riêng Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây có 11 thành viên, nay tăng lên 15 đồng chí, trong đó, có 4 ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, 9 tỉnh ủy viên. Chính quyền huyện, xã cũng được củng cố, bổ sung cán bộ. Bên cạnh đó, tỉnh đã quan tâm chỉ đạo việc tuyên truyền pháp luật; ban hành

---

1. Đầu tháng 3/1978, tỉnh tổ chức tiếp nhận 19 cán bộ tỉnh Hải Hưng và 179 cán bộ quân đội chuyển ngành do Trung ương tăng cường. Tỉnh đã bổ sung cho các ngành của tỉnh 47 đồng chí, số còn lại tăng cường cho các huyện, thị xã.

các quy chế và một số quy định<sup>1</sup> về chế độ và trách nhiệm, lề lối làm việc để thống nhất thực hiện trong cả tỉnh.

Tại huyện điểm Cao Lãnh, Đoàn Công tác tỉnh kết hợp với cán bộ huyện, hình thành những tổ công tác xã, tập trung cán bộ có năng lực cho xã điểm (xã Mỹ Quý). Các huyện trong tỉnh, mỗi huyện chọn một xã điểm.

Từ ngày 13 đến ngày 17/9/1979, tỉnh tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã. Chính quyền các cấp dần dần đi vào chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giữ gìn an ninh ở địa phương, tập trung chỉ đạo sản xuất, chăm lo đời sống quần chúng. Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ tỉnh (12/1980) đã nhận định: “Bộ máy chính quyền cơ sở được xây dựng đều khắp và đang được củng cố về phẩm chất chính trị, trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội, văn hóa và tổ chức đời sống. Về lề lối làm việc, phân công, phân nhiệm...cũng có tiến bộ hơn”.

#### *1.4. Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện*

Tháng 9/1977, Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết nghị 06, chủ trương quy hoạch mặt bằng thị xã Cao Lãnh làm tỉnh lỵ sau này; thực hiện chính sách ruộng đất, cải tạo nông nghiệp và xây dựng cấp huyện.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tạm thời ban hành 5 văn bản pháp quy:

- Quy định một số đối tượng bị quản chế ở địa phương;
- Quy chế tiếp dân và giải quyết khiếu tố;
- Quy tắc trật tự và an toàn giao thông;
- Quy định về chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Quy chế và hướng dẫn một số quan hệ tổ tụng giữa 3 ngành công an, tòa án, viện kiểm soát.

Tháng 10/1979, Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chính thức triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 24/01/1978 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33-CP của Hội đồng Chính phủ “Về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện”. Từ năm 1976-1980, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo lập phương án quy hoạch tổng thể của tỉnh để làm cơ sở cho các huyện, thị làm phương án quy hoạch huyện. Tỉnh chọn Hồng Ngự làm điểm chỉ đạo xây dựng cấp huyện.

Cấp huyện có vị trí, chức năng, nhiệm vụ đặc biệt quan trọng: Là địa bàn tổ chức lại sản xuất, là nơi trực tiếp với cơ sở, thực hiện 3 cuộc cách mạng, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Phải xây dựng huyện hình thành địa bàn kinh tế nông - công nghiệp nằm trong cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của tỉnh, một bộ phận của nền kinh tế quốc dân thống nhất. Cấp huyện không chỉ là một cấp hành chính, mà còn là một cấp quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch toàn diện các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và có ngân sách.

Để xây dựng huyện phải tổ chức lại sản xuất, lưu thông phân phối, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa, bảo đảm an ninh trên địa bàn huyện. Trước hết phải quy hoạch, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và xây dựng ngân sách; tổ chức sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, phát triển thủy lợi, giao thông vận tải, xây dựng, phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, cung ứng vật tư, tổ chức thu mua nông sản, lâm sản, hải sản, tổ chức hệ thống bán lẻ hàng tiêu dùng.

Chỉ thị của Bộ Chính trị chỉ rõ hai mặt công tác trọng tâm: *Một là*, tăng cường chính quyền Nhà nước cấp huyện;

hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và củng cố các đoàn thể quần chúng. Mỗi huyện là một pháo đài.

Huyện Hồng Ngự trước đây có 24 phòng, sau khi sắp xếp tổ chức còn 16 ban, biên chế cán bộ nhân viên cấp huyện từ 196 xuống còn 145. Là một cấp có ngân sách, huyện Hồng Ngự tổ chức thu thuế có nhiều tiến bộ hơn trước. Các đơn vị kinh tế huyện (14 đơn vị) bước đầu hạch toán kinh tế và làm ăn có lãi, đóng góp cho ngân sách huyện. Công tác huy động lương thực trong năm 1980 tăng gấp 4 lần so với năm 1979. Huyện chủ động được nguồn vốn đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa 100 giường, mỗi xã có trạm y tế, sửa chữa nơi làm việc một số cơ quan, xây dựng mới 56 lớp mẫu giáo, 1 trường vừa học vừa làm, 1 trường bổ túc văn hóa.

Việc xây dựng huyện điểm Hồng Ngự bước đầu đạt kết quả, là một mô hình tốt để Tỉnh ủy rút kinh nghiệm chỉ đạo xây dựng các huyện thị trong tỉnh.

Từ cuối năm 1984 đến tháng 9/1985, tỉnh quyết định phân cấp quản lý toàn diện cho huyện, thị; quyết định phân cấp tổ chức và cán bộ cho ngành cấp tỉnh và cấp huyện, thị. Đó là những biện pháp quan trọng giúp cho huyện thị chủ động trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh liên kết kinh tế với nhiều nơi ngoài tỉnh.

Theo tinh thần Nghị định 86-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, các huyện, thị trong tỉnh đều thành lập 18 phòng, ban và 5 đơn vị thuộc ngành dọc (công an, quân sự, bưu điện, thống kê, ngân hàng). Các huyện Thạnh Hưng, Tháp Mười, Châu Thành, Thanh Bình, Tam Nông, Cao Lãnh và Hồng Ngự đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội. Hai thị xã Sa Đéc và Cao Lãnh xác định

lại ranh giới trên thực địa theo quyết định mở rộng thị xã. Các huyện, thị đều vươn lên mạnh mẽ, nhất là từ cuối năm 1985 khi công tác phân cấp, phân giao của các ngành, các cấp tỉnh cho huyện đã cơ bản hoàn thành. Các công ty, xí nghiệp giao cho huyện quản lý gồm: Công ty Thương nghiệp, Công ty Vật tư tổng hợp, Công ty Lương thực, Công ty thu mua hàng xuất khẩu, Công ty Vận tải, Công ty Thủy sản, Xí nghiệp Sản xuất gạch ngói, Xí nghiệp Xây xát lúa, Xí nghiệp Nước đá, Nông trường Quốc doanh, Lâm - Ngư trường Quốc doanh... Ở các thị xã còn lập thêm một số đơn vị kinh doanh khác như: Công ty Bách hóa, Công ty Dịch vụ ăn uống, Công ty Dịch vụ kỹ thuật, Công ty Chiếu bóng... Việc hình thành các tổ chức kinh doanh cấp huyện đều thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm có lãi, hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Công tác kế hoạch hóa đã bước đầu chuyển từ chỗ trước đây cấp trên giao chỉ tiêu pháp lệnh cho cấp dưới, đến năm 1985 đã chuyển đổi sang lập kế hoạch từ cơ sở trở lên. Các huyện, thị căn cứ tình hình và khả năng thực tế, đối chiếu với chỉ tiêu của tỉnh đưa xuống để tổ chức việc lập kế hoạch của huyện, thị trên cơ sở tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc huyện, thị và kế hoạch của các xã, phường, thị trấn.

Qua phân cấp cho huyện, hoạt động của các công ty kinh doanh trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao hơn trước. Tiến bộ rõ nhất là đẩy mạnh được liên kết kinh tế, trao đổi hàng hóa của các huyện thị với ngoài tỉnh, với Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện giải quyết nhiều khó khăn trong sản xuất, trong xây dựng cơ bản và ổn định đời sống nhân dân.

Các huyện, thị có khả năng tự cân đối thu, chi ngân sách<sup>1</sup>. Một số huyện, thị dùng vốn tự có để xây dựng cơ sở vật chất cho địa phương, cấp vốn lưu động cho các đơn vị sản xuất.

“Các huyện cũng thấy rõ hơn các vốn quý đang tồn tại ở địa phương, nhìn về tương lai với sự tin tưởng, lạc quan và có quyết tâm khai thác, sử dụng hợp lý mọi nguồn vốn về đất đai, lao động, ngành nghề, tài nguyên đa dạng trên địa bàn huyện để làm giàu cho huyện, cải thiện đời sống nhân dân”<sup>2</sup>.

Tỉnh giúp huyện trong công tác quy hoạch vùng lúa cao sản, trồng cây công nghiệp ngắn ngày, thành lập các lâm ngư trường ở vùng Đồng Tháp Mười, lập phương án kinh tế đối với các cây con chủ yếu của toàn tỉnh. Nhờ vậy đã hình thành một số đơn vị sản xuất cụ thể trên địa bàn huyện. Trong phương hướng quy hoạch, thể hiện sự quán triệt sâu hơn việc khai thác tiềm năng, thế mạnh; phát triển đồng bộ các lĩnh vực, kết hợp chặt kinh tế với an ninh quốc phòng.

Sự chuyển biến đáng kể trên đây, đã chuyển cấp huyện từ một cấp quản lý hành chính thành một cấp nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện, đầy đủ các chức năng: quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh. Cấp huyện là cấp quản lý cơ cấu nông - công nghiệp, trực tiếp tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động trên địa bàn huyện.

---

1. Theo *Báo cáo công tác xây dựng huyện năm 1985* của Ban Xây dựng huyện tỉnh Đồng Tháp, năm 1985, thu ngân sách các huyện đều tăng: Hồng Ngự tăng 1,7 lần, Thạnh Hưng 1,68 lần, Châu Thành 1,5 lần, Thanh Bình 1,48 lần, Tam Nông 1,47 lần, Tháp Mười 1,39 lần, Cao Lãnh 1,3 lần.

2. Trích *Báo cáo công tác xây dựng huyện năm 1985* của Ban Xây dựng huyện tỉnh Đồng Tháp, năm 1985, *Tlđđ*.

### 1.5. Xây dựng các đoàn thể quần chúng

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất, tháng 3/1977 xác định nhiệm vụ: “Kiện toàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở tỉnh, thành lập Mặt trận ở thị xã, huyện, xã và các thị trấn nhằm tập hợp khối đoàn kết thống nhất của các chính đảng, đoàn thể, giai cấp, các tầng lớp nhân dân lương giáo và cá nhân yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội lấy công nông liên minh làm nền tảng nhằm phát huy nhiệt tình cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân, động viên mọi người thi đua hoàn thành nhiệm vụ cách mạng ở địa phương”<sup>1</sup>.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo trên, các cấp ủy đảng luôn quan tâm xây dựng và củng cố các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ, công đoàn, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân trong mặt trận đoàn kết dân tộc<sup>2</sup>. Hình thành các phong trào lao động sản xuất, khắc phục hậu quả chiến tranh, khắc phục khó khăn trong thiên tai, địch họa, xây dựng đời sống văn hóa mới, đặc biệt là phong trào đóng góp lương thực cho Nhà nước; công tác động viên thanh niên đi nghĩa vụ quân sự và chăm lo hậu phương quân đội...

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ tại Đại hội đại biểu Đồng Tháp lần thứ nhất*, năm 1977, tr.25.

2. Các đoàn thể quần chúng có 150.000 hội viên, chiếm 15% dân số. Trong đó, có trên 13.000 hội viên là tín đồ các tôn giáo. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát triển lên 3.356 đoàn viên. Tỉnh tổ chức các cuộc họp chuyên đề và các lớp huấn luyện ngắn ngày, đào tạo gần 200 cán bộ đoàn thể huyện, xã. Đã loại trên 5.000 phần tử cơ hội, thành phần không bảo đảm ra khỏi các tổ chức cách mạng.

Về công tác cán bộ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất xác định: “Nâng cao chất lượng của cán bộ, phấn đấu trong vài năm từ xã đến tỉnh có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kỹ thuật nghiệp vụ, có năng lực công tác đảm nhiệm được nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Do đó cần chú trọng giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng và nâng cao nhanh chóng trình độ và năng lực công tác của các loại cán bộ, trước mắt là cán bộ tham gia kháng chiến lâu nay chưa có điều kiện học tập mà nay đang là cấp ủy viên các cấp hay đảm nhiệm những công việc chủ chốt ở các cấp, các ngành”. “Cần gấp rút đào tạo hàng loạt cán bộ mới, trẻ có trình độ văn hóa khoa học, xuất thân từ nông dân, công nhân, trí thức cách mạng; tăng thành phần mới trẻ vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, mạnh dạn bồi dưỡng cất nhắc cán bộ trẻ và nữ”.

Đến cuối năm 1980, công tác xây dựng hệ thống chính trị các cấp đã đạt được những tiến bộ nhất định, nhưng nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới.

### *1.6. Thảo luận và đóng góp xây dựng Dự thảo Hiến pháp mới*

Cũng năm 1980, Đồng Tháp triển khai cuộc sinh hoạt chính trị trong toàn tỉnh, về việc thảo luận và đóng góp xây dựng Dự thảo Hiến pháp mới. Đây là sự kiện chính trị quan trọng, được các cấp, các ngành quan tâm. Tỉnh đã thành lập “Ban Chỉ đạo tổ chức thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới” ở cấp tỉnh và cấp huyện.

Đây là vấn đề mới mẻ, trong khi trình độ hiểu biết về luật pháp của cán bộ còn yếu. Nhiều người băn khoăn, đề nghị giải thích nhiều vấn đề nêu trong Dự thảo Hiến pháp mới: Cần



giải thích thêm về nguyên tắc tập trung dân chủ? Có ý kiến đề nghị nêu rõ mẫu người mới? Nên phân biệt rõ mê tín dị đoan khác với tự do tín ngưỡng để khỏi nhầm lẫn? Đặc biệt là trong Chương V. Đề nghị có cách giải thích rõ hơn các điều:

- Điều 57: Về quyền có việc làm;

- Điều 59: Về quyền học tập;

- Điều 61: Quyền có nhà ở;

- Điều 63: Nguyên tắc một vợ, một chồng nhưng thừa nhận con ngoài giá thú?

- Điều 65: Đề nghị giải thích rõ hơn các quyền tự do dân chủ.

Những vấn đề các đại biểu đặt ra trong thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới thật sâu sắc và hợp tình, hợp lý. Trong đó có những điều trong Hiến pháp chỉ quy định chung. Tinh thần của Hiến pháp sẽ được thể chế hóa bằng luật (như Luật đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật tín ngưỡng và tự do tín ngưỡng...).

Một số điều các đại biểu băn khoăn là có cơ sở, như: Giải thích như thế nào cho quần chúng hiểu và phân biệt vấn đề “Ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân” với “Quyền sử dụng ruộng đất”? Vấn đề “Quyền tự do cư trú”? Hay như sự quy định các cấp hành chính mà không có cấp xã, phường? Hội đồng nhân dân không có cơ quan thường trực, tiếp dân?...

Cuộc thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới thật sự đã đem lại cho đội ngũ cán bộ và nhân dân trong tỉnh nhận thức mới về vấn đề nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa; sự thiết lập và củng cố nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Về sự kiện này, Tỉnh ủy nhận định:

“Qua thảo luận Dự thảo Hiến pháp đã nâng cao được nhận thức trong cán bộ về chủ nghĩa xã hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân... nắm rõ được Hiến pháp là luật cơ bản; Hiến pháp khẳng định thành quả to lớn của cách mạng Việt Nam, bảo đảm bước đường phát triển sắp tới theo đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng; Hiến pháp là vũ khí, là sức mạnh, là ý chí của nhân dân để đấu tranh đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn mới đến thành công tốt đẹp. Từ đó thấy được trách nhiệm của mình trong việc thảo luận đóng góp ý kiến xây dựng bộ luật cơ bản của nước nhà”<sup>1</sup>.

## 2. Bước đầu cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển kinh tế

Để triển khai Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai khóa IV về nông nghiệp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, từ ngày 25 đến ngày 30/7/1977, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp lần 2.

Hội nghị ra Nghị quyết gồm 5 nhiệm vụ công tác trước mắt: “Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tích cực giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, đảm bảo nguyên liệu nông sản cho công nghiệp, tích cực tạo nguồn hàng xuất khẩu; triển khai công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và các ngành công thương nghiệp, giao thông vận tải, cải tiến lưu thông phân phối, sắp xếp lại các ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp nhằm phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân; kiện toàn bộ máy các ngành các cấp, tăng cường

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Báo cáo số 1, thảo luận Dự thảo Hiến pháp bước I, ngày 28/3/1978*, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

cấp huyện, đẩy mạnh công tác phát động quần chúng; vận động kiện toàn củng cố chi bộ cơ sở”<sup>1</sup>.

Hội nghị xác định huyện Cao Lãnh là trọng điểm chỉ đạo của tỉnh về xây dựng địa bàn huyện. Hội nghị đề ra phương hướng chỉ đạo công tác cải tạo và xây dựng các ngành công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải; công tác tư tưởng văn hóa; công tác chính quyền; công tác xây dựng tuyến phòng thủ biên giới và công tác bảo đảm an ninh chính trị nội địa.

### 2.1. Cải tạo và xây dựng ngành giao thông vận tải

Việc cải tạo và xây dựng ngành giao thông vận tải, cơ bản hoàn thành trong 3 năm 1976, 1977, 1978. Đối tượng là các chủ doanh nghiệp có các loại xe từ 2,5 tấn trở lên. Đến tháng 9/1977, thành lập được Xí nghiệp quốc doanh vận tải ô tô và Xí nghiệp Vận tải Công tư hợp doanh ô tô. Tháng 8/1978 thành lập Xí nghiệp Vận tải Công tư hợp doanh đường sông. Do yêu cầu phát triển vận tải tỉnh nhà, tháng 10/1979, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhập 2 xí nghiệp vận tải ô tô thành một đơn vị lấy tên là Xí nghiệp Vận tải ô tô Đồng Tháp. Đối với các chủ phương tiện vận tải nhỏ (tổng số 520 phương tiện), các phòng giao thông vận tải huyện vận động thành lập 6 hợp tác xã vận tải do huyện quản lý.

Các cơ sở vận tải quốc doanh, công tư hợp doanh và hợp tác xã đảm nhận 94% khối lượng hàng hóa và hành khách, phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân, xây dựng các vùng kinh

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết số 05-NQ-77 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác 6 tháng cuối năm 1977*, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

tế mới, vận chuyển cứu trợ lũ lụt, vận chuyển phục vụ chiến đấu cho bộ đội và hàng cứu trợ cho nhân dân Campuchia.

Ở tỉnh Đồng Tháp, công cuộc cải tạo và xây dựng các tuyến đường giao thông huyết mạch là vấn đề nan giải. Từ sau ngày giải phóng đã liên tục tu bổ mặt đường, sửa chữa các cầu trên tuyến liên tỉnh lộ 8, liên tỉnh lộ 23, liên tỉnh lộ 30; đắp tuyến đường từ thị trấn Hồng Ngự (tiếp nối lộ 30) lên Dinh Bà (cửa khẩu biên giới). Trong các năm 1978 - 1980, tỉnh tập trung đắp tiếp đường An Long - Tràm Chim, đắp lộ Tân Mỹ - Vĩnh Thạnh và lộ Đường Thét II (Mỹ Thọ - Mỹ An). Những tuyến đường này tuy đã hình thành nhưng phải hơn 10 năm sau mới được nâng cấp, rải nhựa. Thậm chí như đoạn lộ 30 nối dài từ thị trấn Hồng Ngự đến Dinh Bà, lộ An Long - Tràm Chim, là những tuyến đường chịu áp lực lũ lụt đầu nguồn, sau hơn 20 năm mới được nâng cao mặt đường vượt đỉnh nước lụt và tráng nhựa hoàn chỉnh.

## *2.2. Cải tạo và xây dựng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp*

Việc cải tạo các ngành tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, lâm sản, nông sản thực phẩm, khách sạn, ăn uống và ngành xây dựng tiến hành chậm. Số cơ sở tiểu thủ công nghiệp vào làm ăn tập thể chỉ chiếm 1,1%.

Riêng ngành kim hoàn, đã tiến hành kiểm tra 64 hộ kinh doanh vàng bạc; xử lý số vàng bạc của tư sản, tiểu chủ theo chính sách của Nhà nước, xây dựng một cửa hàng mỹ nghệ vàng bạc và 2 tổ hợp để phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Ngành thương nghiệp được xây dựng thành hệ thống từ Trung ương đến tỉnh, huyện. Cấp xã có các cửa hàng hợp tác xã mua bán. Vật tư, lương thực, lâm sản... là những ngành

cung ứng nguyên vật liệu, phụ tùng, sản phẩm chế biến phục vụ sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, Nhà nước chỉ nắm được một số ngành hàng then chốt.

Công ty Ngoại thương được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập tháng 10/1976. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh trong những năm 1977-1980 gồm: chuối, dưa hấu, bông gòn, hạt gòn, bánh phồng tôm, tôm nguyên liệu, lông vũ. Do chưa quy hoạch vùng chuyên canh, tỉnh chưa có mặt hàng nào được coi là chủ lực, ngoại trừ sản phẩm công nghiệp chế biến là bánh phồng tôm Sa Giang.

Cơ khí là ngành trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế, nhất là nông nghiệp, cũng là hướng ưu tiên đầu tư xây dựng của tỉnh. Năm 1976, Trung ương chấp thuận cấp vốn cho tỉnh xây dựng Nhà máy Cơ khí huyện Tam Nông, nhưng do Tỉnh gặp khó khăn về vật tư nên đến cuối năm 1977 mới bắt đầu xây dựng tại An Long; mở rộng xưởng cơ khí huyện Thạnh Hưng, thiết bị do Liên Xô giúp. Ngoài ra, năm 1977, tỉnh xây dựng 6 xưởng cơ khí huyện và thị xã. Trang bị máy móc các xưởng cơ khí huyện phần lớn là của tư nhân, số lượng ít, cũ kỹ lạc hậu và không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

Bên cạnh nhà xưởng cơ khí quốc doanh, trong tỉnh có 92 cơ sở cơ khí tư nhân đang hoạt động. Cơ sở, thiết bị cơ khí tư nhân phần lớn là nhỏ, không đồng bộ, phân tán nhiều nơi, tập trung nhiều ở thị xã Sa Đéc và thị trấn Cao Lãnh. Các cơ sở cơ khí tư nhân chỉ có khả năng sửa chữa nhỏ và sản xuất một số công cụ giản đơn. Riêng cơ khí giao thông vận tải, đã xây dựng 3 xí nghiệp sửa chữa ô tô quốc doanh và công tư hợp doanh do Ty Giao thông vận tải và Xí nghiệp vận tải ô tô quản lý. Các cơ sở này mỗi năm có khả năng trung tu 40 xe, tiểu tu 100 xe.

Ngoài ra còn có trên 166 cơ sở sửa chữa xe, tàu của tập thể và cá thể.

Ngành thủ công nghiệp của tỉnh được hình thành, những năm đầu phát triển các cơ sở dệt khăn rằn, dệt thảm, dệt chiếu cói, may mặc, đan tre mây lá... Năm 1978, toàn tỉnh có 3.165 cơ sở và 9.183 lao động, trong số này đã thành lập được 4 hợp tác xã, 10 tổ hợp với 754 lao động. Đến năm 1980, đã cải tạo và xây dựng được 57 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp gồm 9 hợp tác xã và 48 tổ hợp sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng. Ngoài ra, tỉnh xây dựng một xưởng bánh kẹo quốc doanh Đồng Sen.

Ngành chế biến mía đường, năm 1978 toàn tỉnh có 204 lò đường, tập trung nhiều ở Cao Lãnh (82 lò), Lấp Vò (75 lò), Hồng Ngự (26 lò)... Tỉnh chủ trương quy hoạch lại diện tích trồng mía và lập xí nghiệp công tư hợp doanh, do cấp huyện quản lý.

Ngành xây dựng đã đưa vào công tư hợp doanh 7 lò gạch, 1 xáng cát.

Ngành xay xát lương thực, đến năm 1980 đã điều tra cơ bản 502 nhà máy xay lớn nhỏ; kiểm kê trị giá tài sản 19 chủ nhà máy, thành lập 3 xí nghiệp công tư hợp doanh, 5 nhà máy quốc doanh với tổng công suất 40 tấn/giờ.

Sau ngày giải phóng, trong tỉnh có 3 máy điện chạy dầu với tổng công suất thiết kế 3.000kW, được bố trí ở thị xã Sa Đéc, Cao Lãnh và Hồng Ngự<sup>1</sup>. Ngoài ra, khu vực thị xã Sa Đéc còn

---

1. Nhà máy điện Sa Đéc có công suất thiết kế 1.800kW; Nhà máy điện Cao Lãnh có công suất thiết kế 800kW và Nhà máy điện Hồng Ngự có công suất thiết kế 400kW; trạm biến thế trung gian 66KV/15KV, có dung lượng 6MVA lấy nguồn từ Trà Nóc (Cần Thơ), phục vụ khu vực thị xã Sa Đéc.

có nguồn trung thế, lấy từ Nhà máy nhiệt điện Trà Nóc (Cần Thơ). Công suất các máy điện và nguồn điện trung thế là rất nhỏ, chỉ đủ thắp sáng 3 đô thị, một phần cho sản xuất tiêu thụ công nghiệp.

Ngày 10/01/1978, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho Công ty Điện lực Miền Nam (trụ sở tại Nha Trang) nhiệm vụ thiết kế xây dựng đường dây cao thế 110KV Đồng Tháp. Nguồn điện lấy từ Nhà máy nhiệt điện Trà Nóc (tỉnh Hậu Giang, nay là thành phố Cần Thơ). Qua khảo sát thực địa, đã xác định hướng tuyến đường dây: xuất phát từ trạm biến thế 110KV Mỹ Thuận vượt sông Tiền, qua địa phận huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang. Đến địa phận tỉnh Đồng Tháp, đường dây đi ven phía bên phải liên tỉnh lộ 30 chạy dài đến Tam Nông. Trạm biến thế 110KV Tam Nông tại ấp Tân Đông, xã Tân Phú với diện tích 40.000m<sup>2</sup>. Nhưng do tình hình khó khăn về nguồn điện, phải nhiều năm sau công trình đưa điện lưới quốc gia về Đồng Tháp mới được khởi động trở lại.

Hệ thống các ngành công nghiệp của tỉnh còn nhỏ bé, nhưng bước đầu được tổ chức lại, xây dựng mới<sup>1</sup>, trang bị thêm máy móc, thiết bị. Đến năm 1978 đã hình thành các ngành:

---

1. Trong 3 năm 1978 - 1980, tỉnh tập trung xây dựng các công trình trọng điểm: Nhà máy cơ khí tổng hợp tỉnh, Nhà máy cơ khí An Long huyện Tam Nông, xây dựng hoặc mở rộng các xưởng cơ khí Lấp Vò, Châu Thành, Cao Lãnh, Hồng Ngự và thị xã Sa Đéc, hoàn thành xây dựng Nhà máy thức ăn gia súc huyện Cao Lãnh, thiết bị do Trung ương phân phối, nhưng thiếu nguyên liệu để sản xuất. Xây dựng các xí nghiệp gạch 7 triệu viên/năm ở Doi Me, Mỹ Quý, Nhị Bình (Cao Lãnh), Tân Phú (Tam Nông) và Lấp Vò. Riêng Châu Thành, mở rộng thêm 6 cơ sở gạch, mỗi cơ sở 3 triệu viên/năm.

công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa, công nghiệp hóa chất (chủ yếu là hóa dược phẩm), công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp dệt - may - nhuộm và công nghiệp in. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1978 là 16.669.100 đồng, chỉ bằng 1/9 giá trị tổng sản lượng nông nghiệp toàn tỉnh. Tuy năng lực sản xuất nhỏ bé, thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị, phụ tùng, nhưng so với năm 1977, giá trị tổng sản lượng tăng 41,3%, giải quyết công ăn việc làm cho trên 2 vạn người<sup>1</sup>.

### 2.3. Cải tạo và phát triển nông nghiệp

Các giải pháp phát triển nông nghiệp bao gồm: quy hoạch, khoanh vùng; giống, phân bón, sức kéo; đẩy mạnh chăn nuôi, khai thác cá; trồng rừng tràm 10.000ha ở khu vực Bắc Cao Lãnh và Tam Nông, Hồng Ngự; coi thủy lợi là biện pháp hàng đầu; xúc tiến cải tạo nông nghiệp, giải quyết ruộng đất; củng cố các nông trường Động Cát, Láng Biển, xây dựng mới các nông trường ở các huyện; bố trí lại lao động, giãn dân thị xã Sa Đéc, Cao Lãnh, các thị trấn, các vùng đông dân cư ven sông Tiền, sông Hậu; củng cố khu kinh tế mới Châu Thành, hình thành các khu kinh tế mới theo tuyến kênh Kháng Chiến, kênh Hồng Ngự - Long An.

Để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từ năm 1976, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đưa lực lượng kết hợp với

---

1. Chi cục thống kê tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo số 168-CN*, ngày 9/5/1979, “Phân tích kết quả điều tra tiểu thủ công nghiệp ngày 01/01/1979 và tình hình sản xuất công nghiệp tỉnh Đồng Tháp năm 1978”, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.



lực lượng công binh của Quân khu 9 phá gỡ bom mìn và thu dọn vật nổ trên các trục lộ giao thông thủy bộ. Trong 3 tháng đầu năm 1977, tỉnh tập trung phá gỡ bom mìn vùng Bắc Cao Lãnh (dọc theo kênh An Long). Đây là vùng trọng điểm cuối cùng được quét sạch bom mìn. Việc tháo gỡ bom mìn đã giải phóng hàng ngàn hécta đất sản xuất và các trục giao thông thủy bộ, vùng đông dân, các thị xã, thị trấn, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra các giải pháp thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980, bao gồm: Phân vùng, quy hoạch; kiện toàn cơ quan cấp tỉnh, tăng cường cán bộ cho huyện (chú trọng huyện, xã điểm); xây dựng huyện theo cơ cấu nông - công nghiệp và có ngân sách; xây dựng 9 xã vùng kinh tế mới, phân phối đủ đất canh tác cho 45.000 Việt kiều và dân địa phương; củng cố 2 nông trường Láng Biển, Đồng Tháp (Động Cát), xây dựng thêm 2 nông trường Gáo Đồi, Cô Đông chuyên canh diện tích 43.589ha; thành lập Tỉnh đội Thanh niên xung phong; đầu tư cơ khí phục vụ nông nghiệp; mở rộng diện tích trồng tràm lên 11.056ha; phát triển lưới điện phục vụ nông, công nghiệp, thủy lợi; khắc phục yếu kém về giao thông vận tải; thực hiện chính sách ruộng đất; chính

---

1. Cũng trong khoảng thời gian trên, các lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh thu gom hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược ở các địa phương đem về cất giữ tại các kho đạn vừa mới tiếp quản sau ngày giải phóng. Quá trình thực hiện đã xảy ra một sự kiện đáng tiếc: Hồi 9 giờ 30 phút ngày 11/10/1976 một vụ nổ kho đạn số 41, tại xã Tân Quy Tây, cách trung tâm thị xã Sa Đéc 1,5km về phía tây, thiêu hủy 6 nhà kho chứa đạn, 1 nhà kho súng, thiệt hại khoảng 400 tấn vũ khí các loại. Bảo toàn được 7 nhà kho đạn, 1 nhà kho súng (khoảng 500 tấn).

sách thu mua lương thực, nông sản, chính sách giá cả và chính sách nghĩa vụ lao động.

Năm 1977, tỉnh tiếp tục triển khai làm nhiều công trình thủy lợi mới. Tỉnh huy động hàng chục ngàn lượt người ra công trường đào đắp kênh Hồng Ngự - Long An (do Trung ương đầu tư) và kênh Kháng Chiến II ở huyện Tam Nông (khởi công ngày 25/7/1977). Mỗi huyện đều triển khai kế hoạch thủy lợi nhỏ.

Phong trào thi đua lao động sản xuất, làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, khai hoang đã thu hút đại bộ phận quần chúng tham gia. Các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo sản xuất, đưa diện tích lúa 2 vụ trong tỉnh lên 90.000ha, tăng 1,5 lần so với năm 1976<sup>1</sup>.

Công tác cải tạo nông nghiệp, tỉnh tiến hành từng bước, thận trọng, vì đây là lĩnh vực phức tạp, có quan hệ trực tiếp đến sản xuất và đời sống của hơn 80% dân số trong tỉnh là nông dân. Từ năm 1976 đến 1978, tỉnh chủ trương vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể dưới hình thức tổ đoàn kết sản xuất. Nó mang tính chất hùn hạp làm ăn. Tỉnh cũng đã cơ bản xóa bỏ tàn tích phong kiến về ruộng đất; từng bước điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân; thúc đẩy phong trào thủy lợi, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất... phát triển nhanh về diện tích, năng suất và sản lượng.

---

1. Đến cuối năm 1977, qua 3 vụ lúa (Đông Xuân, Hè Thu và vụ mùa), tổng diện tích gieo trồng 236.268ha (tăng 17% so với năm 1976), sản lượng: 530.954 tấn (tăng 18% so với năm 1976). Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đều tăng. Sản xuất phát triển, về cơ bản không còn tình trạng thiếu đói như năm 1975. Thu mua lương thực 57.200 tấn, tăng 68% so với năm 1976.

Thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW của Bộ Chính trị, trong phiên họp từ ngày 03 đến ngày 07/10/1978, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 09-NQ/TU, về công tác cải tạo nông nghiệp.

Tỉnh ủy xác định: “Cải tạo nông nghiệp là công tác trọng tâm thường xuyên”; “kết hợp phát triển sản xuất, ra sức phát động quần chúng nông dân vào làm ăn tập thể, trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, gắn với 3 cuộc cách mạng, để đến cuối năm 1980 cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp dưới dạng tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, đưa sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kết hợp với xây dựng huyện thành địa bàn nông - công nghiệp”<sup>1</sup>. Thực hiện nguyên tắc “Tự nguyện, tự giác, cùng có lợi và quản lý dân chủ”. Mỗi xã có một ban sản xuất, có chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về kế hoạch phát triển sản xuất, thúc đẩy phong trào hợp tác hóa trên địa phận xã mình.

Căn cứ vào thực trạng đất đai, đặc điểm cư trú, mật độ dân số, toàn tỉnh Đồng Tháp chia 2 vùng lớn: Vùng 1 là vùng ven sông Tiền và toàn bộ các huyện Châu Thành, Lấp Vò (Thạnh Hưng) và thị xã Sa Đéc; Vùng 2 là vùng sâu Đồng Tháp Mười tính từ kênh Kháng Chiến trở vào giáp Long An, Tiền Giang, là vùng sâu của các huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh. Vùng 2 có tổng diện tích tự nhiên 150.000ha nhưng dân số chỉ khoảng 172.000 người. Về quản lý, điều chỉnh đất đai, tỉnh chủ trương: Đối với vùng 1, mức bình quân ruộng đất cho mỗi nhân khẩu từ 1.000m<sup>2</sup> đến 2.000m<sup>2</sup>, vùng 2, mỗi nhân

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 06/10/1978 về công tác cải tạo nông nghiệp*, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

khẩu từ 2.000m<sup>2</sup> đến 3.000m<sup>2</sup>. Diện tích đất ruộng vượt mức bình quân sẽ được tập thể hóa. Vườn cây ăn trái có quy định riêng, hướng chung là hình thành đội sản xuất, dưới sự quản lý của tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã. Mỗi tập đoàn sản xuất tùy theo quỹ đất, dành khoảng 10% đến 15% diện tích để phục vụ chăn nuôi.

Đối với người xâm canh, vận động họ trở về địa phương (quê quán) nếu ở đó họ có đủ đất sản xuất. Trường hợp không có đất hoặc rất ít đất nơi quê cũ thì vận động họ đến định cư tại địa phương nơi có đất họ xâm canh. Cho phép đổi đất hợp lý giữa những người xâm canh với nhau.

Ngoài ruộng đất là chính, việc tập thể hóa tư liệu sản xuất chủ yếu còn bao gồm các loại máy cày, máy xới, máy bơm, trâu bò cày kéo...<sup>1</sup>.

Tỉnh ủy quyết định củng cố Ban Cải tạo nông nghiệp tỉnh, xây dựng các ban cải tạo nông nghiệp huyện và cấp xã.

Năm 1978, thiên tai, địch họa gây thiệt hại nặng nề. Chiến tranh biên giới tiếp diễn với quy mô lớn hơn, ác liệt hơn, nhân dân 6 xã biên giới phải di tản, đời sống bị xáo trộn và gần 10.000ha ruộng bị bỏ hoang. Nạn sâu rầy và lũ lụt gây thiệt hại nặng. Diện tích lúa mất trắng 131.000ha, chiếm 60%, trong đó diện tích lúa mùa mất trắng đến 90%. Sản lượng sụt giảm 250.000 tấn. Đời sống các tầng lớp nhân dân hết sức khó khăn. Cũng do lũ lụt, đàn gia súc, gia cầm giảm sút nghiêm trọng;

---

1. Cải tạo dưới hình thức tịch thu, trưng thu, trưng mua hoặc bán lại cho tập đoàn dưới hình thức trả tiền dần. Giá cả được tính trên cơ sở giá nguyên thủy trừ khấu hao và chất lượng máy. Máy nông nghiệp, tùy theo công suất lớn nhỏ để phân cấp quản lý cho tỉnh, huyện, xã và tập đoàn. Riêng trâu bò cày kéo thì đưa vào tập đoàn bằng cách trả tiền dần hoặc dưới hình thức góp cổ phần của người chủ trâu bò.

hàng trăm triệu cá nuôi bị mất trắng. Trong tỉnh có 41 người chết do bị nước cuốn đi. Thiệt hại nặng nhất là các huyện phía bắc sông Tiền như Hồng Ngự, Tam Nông, Cao Lãnh, đặc biệt là huyện Hồng Ngự, một huyện đầu nguồn chịu ảnh hưởng trực tiếp chiến tranh và lũ lụt. Nhiều người dân phải chèo xuồng đi cắt lúa mướn ở tỉnh Minh Hải (Cà Mau, Bạc Liêu), Kiên Giang (Rạch Giá, Hà Tiên). Hơn 20.000 Việt kiều ở vùng kinh tế mới phải sống bằng nguồn cứu trợ ít ỏi. Đời sống cán bộ, công nhân viên khu vực hành chính sự nghiệp, nhất là giáo viên gặp khó khăn, phải ăn độn bo bo. Kể từ sau ngày giải phóng, chưa bao giờ nhân dân trong tỉnh gặp nhiều khó khăn như lúc này. Khó khăn nghiêm trọng nhất là vùng biên giới, vùng kinh tế mới. Đến lúc này, tỉnh có 2 vùng kinh tế mới, với số dân khoảng 41.000 người. Trước mùa nước lụt, đã xây dựng cho đồng bào 2.500 nhà tre lá, cấp gần 3.000ha đất và tổ chức cho bà con vào làm ăn tập thể. Nạn lụt cuốn trôi gần hết nhà cửa, tài sản, dân kinh tế mới phải chạy lụt, sống cảnh màn trời, chiếu đất. Để khắc phục khó khăn do nạn lụt, một mặt tỉnh phải lo cứu tế, cứu trợ<sup>1</sup>, mặt khác tập trung chỉ đạo sản xuất lúa Đông Xuân 1978 - 1979.

Ở huyện điểm Cao Lãnh, ấp Mỹ Đông xã Mỹ Quý là thí điểm của tỉnh về vận động hợp tác hóa. Qua thời gian tích cực và khẩn trương chuẩn bị mọi mặt của huyện, của các ngành trong tỉnh và đoàn cán bộ Trung ương, đến tháng 3/1979 đã hoàn tất cuộc vận động hợp tác hóa ở xã này với hình thức tập đoàn sản xuất.

---

1. Diện phải cứu trợ trong 5 tháng lên đến 1.863.531 lượt người, yêu cầu cứu trợ lương thực hơn 15.000 tấn. Trong số này, Trung ương chi viện 6.600 tấn gạo và mì, còn lại tỉnh phải huy động từ các nguồn khác.

Năm 1979, tỉnh hoàn thành công tác cải tạo máy kéo tư nhân. Thành lập 59 tập đoàn máy cày, tập hợp 1.630 tập đoàn viên, 529 chiếc máy (trung bình mỗi chiếc 65 sức ngựa), đạt 95% số máy kéo trong tỉnh. Trung bình mỗi tập đoàn khoảng 8 máy cày, 26 tập đoàn viên. Vụ Hè Thu và vụ mùa năm 1979, các tập đoàn máy đảm nhận khâu làm đất 60% diện tích. Ngoài ra tỉnh tổ chức được 2 tập đoàn cơ khí sửa chữa máy nông nghiệp với 41 tập đoàn viên.

Các địa phương mở nhiều lớp bồi dưỡng cán bộ tập đoàn, bồi dưỡng trên 3.500 cán bộ quản lý, gần 200 kế toán trưởng cho các tập đoàn.

Năm 1979, tình hình chung cả nước “Sản lượng lúa không đạt kế hoạch. Đất bỏ hoang trên dưới một triệu ha, nhiều nhất là đồng bằng Nam Bộ. Riêng tỉnh Đồng Tháp bỏ hoang trên 50.000ha lúa mùa”<sup>1</sup> do lũ lụt năm 1978 nên không có lúa giống sản xuất năm 1979. Ở các xã vùng sâu như Mỹ Hòa, Hưng Thạnh, Đốc Binh Kiều (Cao Lãnh), Tân Công Chí, Phú Đức, Phú Hiệp (Tam Nông), Tân Thành, Tân Hộ Cơ, Tân Công Chí (Hồng Ngự) và hầu hết các vùng kinh tế mới của tỉnh, đồng bào còn nhiều khó khăn thiếu thốn, tỉnh phải cứu trợ hơn 1 ngàn tấn gạo. Tình hình giá cả tăng và không ổn định, nhất là các mặt hàng thiết yếu, lương thực, thực phẩm<sup>2</sup>.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: Nghị quyết số 14-NQ/TV, ngày 21/9/1979 của Thường vụ Tỉnh ủy về một số công tác cấp bách, trước mắt, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

2. Tỉnh ủy Đồng Tháp: Báo cáo tình hình 9 tháng đầu năm 1979, ngày 01/10/1979: Tháng 7/1979 so cùng kỳ năm trước: giá gạo tăng 282%, khoai lang tăng 37,5%, thực phẩm tươi sống tăng 187,7%, rau tươi tăng 175,1%, nông sản khác tăng 227%. Lượng hàng hóa cung cấp của Nhà nước giảm sút nhiều.

Từ tháng 9/1979, theo chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh thực hiện giải thể các trạm kiểm soát kinh tế, xóa bỏ hình thức ngăn sông cấm chợ, tận thu nguồn hàng theo kiểu hành chính khép kín. Nhờ đó tình hình lưu thông hàng hóa tốt hơn, giá cả thị trường có giảm một phần.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 10/11/1979 về tình hình và nhiệm vụ cấp bách. Nghị quyết Tỉnh ủy nêu quyết tâm: Tập trung phát triển sản xuất, đặc biệt là vụ Đông Xuân 1979 - 1980, nhằm giải quyết cho được vấn đề lương thực, nhất là giải quyết việc thiếu đói của đồng bào ở vùng sâu, trước nhất là đồng bào vùng kinh tế mới của 3 huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Cao Lãnh.

Về công tác cải tạo nông nghiệp, Tỉnh ủy chỉ đạo: Phải nắm vững phương châm: “Khẩn trương, tích cực, liên tục, vững chắc”; đảm bảo 3 nguyên tắc: “Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ”, hết sức tránh gò ép; thực hiện chế độ khoán sản phẩm, phân phối thu nhập của tập đoàn viên kết hợp 3 lợi ích (Nhà nước, tập thể và cá nhân).

Liên tục 3 năm 1978, 1979, 1980, tình hình thiếu lương thực ngày càng trầm trọng. Năm 1980, “yêu cầu về lương thực rất lớn và rất khẩn trương, vừa để nuôi bộ đội, nuôi công nhân ở nhà máy, giúp đồng bào một số vùng bị mất mùa ở Khu 5 cũ, ở miền Đông Nam Bộ, vừa có dự trữ cho quốc phòng và một phần viện trợ cho Campuchia”<sup>1</sup>. Trong khi đó, Nhà nước lại

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Chỉ thị số 33-CT/TU, ngày 21/02/1980, về việc “Tập trung toàn Đảng, toàn quân, toàn dân mở một đợt huy động lương thực trong tỉnh”*, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Năm 1980, hầu hết các loại phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu do Trung ương đầu tư cho tỉnh bị sụt giảm từ 25% đến 40%.

Trong tình hình đó, các cấp các ngành và nhân dân trong tỉnh đã ra sức tháo gỡ khó khăn; tập trung sản xuất; động viên quần chúng khôi phục đất bỏ hóa, trang trải giống lúa mùa nổi trong dân, đã lấp kín diện tích 5 vạn ha bỏ hóa; các cơ quan tỉnh, huyện và lực lượng vũ trang, bán vũ trang khai hoang trồng lúa để tự túc 2 hoặc 3 tháng ăn. So với năm 1979, tổng diện tích gieo trồng năm 1980 tăng 4,1 vạn ha, vượt chỉ tiêu 1,9 vạn ha. Tuy nhiên, do không đủ vật tư, xăng dầu, việc thâm canh chưa đúng mức nên năng suất còn bấp bênh và giảm dần. Sản lượng lúa hạt kế hoạch 1,3 vạn tấn.

Với tinh thần “vì cả nước”, tỉnh xác định thu mua lương thực là một trong các nhiệm vụ công tác trọng tâm. Sự chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Thường vụ Tỉnh ủy, kết hợp với chính sách thu mua, trao đổi hàng hai chiều theo phương thức mua cao bán cao, đã tạo nên sự chuyển biến vượt bậc. Năm 1980 tỉnh huy động được 87.000 tấn lúa, đạt 96,6% kế hoạch. Đây là năm mức huy động lương thực cao nhất so với các năm trước.

Trước những khó khăn bức bách về đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và các lực lượng vũ trang, từ tháng 10/1980, tỉnh áp dụng việc bù giá bằng tiền gồm 11 mặt hàng nhu yếu phẩm thiết yếu (trừ gạo vẫn bán theo giá cung cấp). Sau đó, Nhà nước quyết định tăng phụ cấp lương nhằm hỗ trợ một phần khó khăn (còn gọi là bù giá vào lương). Đây là giải pháp tình thế và tạm thời, nhưng đã khích lệ được đông đảo



cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang. Hiện tượng nghỉ việc, bỏ việc tại các ngành, nhất là ngành giáo dục giảm đi rõ rệt. Một số giáo viên nghỉ việc, đến thời điểm này xin trở lại công tác. Việc bảo đảm hợp lý 3 lợi ích (Nhà nước, tập thể và người lao động), bước đầu đã tạo ra động lực mới trong sản xuất và tiêu dùng.

Về xây dựng thủy lợi, trong ba năm 1978, 1979, 1980, tỉnh tập trung đầu tư các công trình trọng điểm: đào tiếp kênh An Phong - Mỹ Hòa và kinh Tầm Vu; đào mới kênh Kháng Chiến II ở Tam Nông, kênh Sâm Sai - Gò Ổi (Hong Ngự); nạo vét kênh Thầy Lâm (Lấp Vò). Ngành Thủy lợi đào đắp, nạo vét trên 23 triệu mét khối kênh mương. Toàn tỉnh động viên nhân dân làm thủy lợi nhỏ. Diện tích canh tác trong tỉnh được tưới tiêu chủ động khoảng 108.680ha. Nhiều vùng có độ phèn cao, đến năm 1980 đã có hệ thống kênh mương xổ phèn. Tỉnh triển khai xây dựng 12 trạm bơm điện tại các vùng trọng điểm<sup>1</sup>; xây cống Tứ Thường (Hong Ngự), Mã Trường (Cù lao Tây, Tam Nông). Một số vùng phía nam của tỉnh, nông dân lợi dụng nước thủy triều lên để tưới lúa và hoa màu.

Tỉnh đã đầu tư xây dựng các trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, trạm máy kéo tỉnh và các huyện. Máy kéo do Trung ương phân phối. Năm 1984 - 1985, tỉnh phân phối máy kéo cho liên tập đoàn nhưng số lượng ít. Bên cạnh đó, xây dựng các trại nhân giống cây, con, xây cất các công trình phúc lợi như hệ thống trường, lớp, bệnh viện, bệnh xá, trụ sở, nhà ở các cơ quan,

---

1. Là các trạm bơm điện: Tân Quy Tây (thị xã Sa Đéc), An Bình I, An Bình II (Hong Ngự), Mỹ Trà, Nhị Bình, Phong Mỹ (Mỹ Tân - Cao Lãnh), Thường Thới Tiền (Hong Ngự), An Long I, An Long II (Tam Nông).

xí nghiệp. Tổng giá trị đầu tư xây dựng các công trình thuộc khu vực sản xuất chiếm 82%, trong đó thủy lợi 43,1%.

Cũng trong thời gian trên, Trung ương đầu tư 2 công trình thủy lợi lớn: kênh Hồng Ngự - Long An, nạo vét và mở rộng kênh Phước Xuyên; sửa chữa lộ 30, lộ 80; xây dựng kho lương thực Mỹ An, triển khai xây dựng kho chứa và lò sấy (Silo) tại Cao Lãnh với dây chuyền công nghệ hiện đại, có sức chứa 48.000 tấn lúa.

Vùng kinh tế mới được xây dựng, song lũ lụt năm 1978 đã phá hủy gần như toàn bộ cơ sở vật chất ban đầu. Năm 1979, tỉnh tiếp tục đầu tư thêm vốn cùng nhân dân sửa sang, xây dựng lại nhà cửa, các công trình phúc lợi công cộng. Đến năm 1980, vùng kinh tế mới đã thực sự ổn định nơi ăn ở cho bà con; các trạm xá, nhà hộ sinh, trường học, đường sá đi lại... đã dần dần mọc lên.

Hệ thống thông tin liên lạc từ tỉnh đi Trung ương, từ tỉnh về huyện và ngược lại được bảo đảm. Một số cơ sở bưu điện xã và liên xã được xây dựng.

### **3. Phát triển văn hóa và thực hiện chính sách xã hội**

#### **3.1. Phát triển nền văn hóa mới**

Song song với công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, Tỉnh ủy và các cấp, các ngành luôn chăm lo phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, coi đây là một trong ba cuộc cách mạng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các hoạt động văn hóa và thông tin đã có từ trong kháng chiến mà Ban Tuyên huấn là ngành chủ quản với các bộ môn: tuyên truyền, thông tấn báo chí, văn nghệ, giáo dục... Ngày giải phóng, một bộ phận cán bộ tuyên huấn có mặt tại các thị xã,

tiếp quản các cơ sở thông tin và văn hóa của chế độ cũ, phục vụ cho tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, góp phần ổn định tình hình trật tự an ninh.

Đầu năm 1976, Ty Văn hóa và Thông tin của tỉnh được thành lập, có trên 10 cán bộ cốt cán. Sau đó, số cán bộ của Ty Văn hóa lại tách ra 3 bộ phận: Thông tấn, Báo chí và Đài Phát thanh. Một số cán bộ còn lại của Ty Văn hóa và Thông tin tiếp tục xây dựng ngành, đã tích cực đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Từ đó, đội ngũ cán bộ trong ngành từng bước đảm đương được các mặt công tác trước yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng lớn.

Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển khá nhanh. Đến cuối năm 1980, toàn tỉnh đã củng cố và phát triển được 149 đội văn nghệ không chuyên tại xã, ấp, cơ quan, trường học, xí nghiệp, công trường... Tỉnh đã tiến hành công tác cải tạo các chủ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin<sup>1</sup>. Đến cuối năm 1980, toàn tỉnh có 4 đoàn, gồm 1 đoàn ca múa tổng hợp, 1 đoàn Văn công Đồng Tháp và 3 đoàn dân doanh đã qua cải tạo (Cải lương Tháp Mười, Lúa Vàng và Ca múa Sen Hồng). Hằng năm, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp trong tỉnh đã biểu diễn và thu hút trên 1 triệu lượt người xem.

Những năm đầu sau giải phóng, phương tiện nghe nhìn trong dân còn ít. Từ một đội chiếu bóng trong kháng chiến với

---

1. Cải tạo: 1 rạp hát, 4 đoàn cải lương, lấy tên là: Tháp Mười, Văn công Đồng Tháp, Lúa Vàng, Đoàn ca múa tổng hợp Sen Hồng; 2 rạp chiếu bóng; 2 cơ sở nhiếp ảnh; 4 cơ sở in của tiểu chủ; thành lập 6 cửa hàng quốc doanh sách báo và 21 đại lý sách báo của tỉnh.

1 máy chiếu cũ kỹ và 5 cán bộ, đến năm 1980 đã phát triển lên 12 đơn vị (9 đội, 3 rạp). Các đội chiếu bóng có mặt khắp các địa bàn trong tỉnh, hàng năm phục vụ trên 3 triệu lượt người.

Ngành in của tỉnh xuất thân từ một một nhà in trong kháng chiến thuộc Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy. Sau 30/4/1975, Nhà in chỉ có 2 máy Tứ Khai cũ do Trung Quốc sản xuất, hơn 15 công nhân. Sau thời gian củng cố, đào tạo công nhân kỹ thuật, bổ sung thêm máy Typo, Pêdan và 3 máy Offset, Nhà in Đồng Tháp có tổng công suất trên dưới 172 triệu trang in mỗi năm.

Quá trình phát triển sự nghiệp văn hóa thông tin, nhiều phong trào quần chúng được phát động, tiêu biểu là phong trào “Thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới”. Cuộc vận động này được triển khai từ ngày 05/01/1977. Qua hơn 2 năm đầu phát động, tình hình đã có nhiều chuyển biến.

Các huyện thị triển khai mạnh mẽ, làm tốt công tác bài trừ tệ nạn xã hội (xì ke, ma túy, cờ bạc, đĩ điếm, rượu chè, mê tín dị đoan). Ở Châu Thành thu gom sách báo của chế độ cũ đạt 85%. Thị xã Sa Đéc nhiều lần tiến hành truy quét, kiểm tra ngăn chặn các sạp bán sách báo bất hợp pháp; tiến hành học tập, giáo dục, thu hồi băng nhạc, sách báo, tiểu thuyết, tuồng cải lương có nội dung xấu; sắp xếp lại chợ ngăn nắp và có trật tự; giải tỏa một số khu vực cất nhà tạm bợ mé sông.

Ngành thương binh - xã hội có cuộc vận động “Xây dựng người công dân kiểu mẫu và gia đình cách mạng gương mẫu”. Hội Liên hiệp phụ nữ có cuộc vận động “Người phụ nữ mới góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Thanh niên có phong

trào 3 xung kích. Ngành y tế có cuộc vận động “5 dứt điểm”<sup>1</sup>. Ngành giáo dục có cuộc vận động “Xây dựng đạo đức trong nhà trường”... Các cuộc vận động này đã góp phần thiết thực làm thay đổi đời sống văn hóa ở cơ sở.

Đối với quần chúng trước đây bị địch bưng bít, xuyên tạc, nay đã bắt đầu hiểu đúng hơn về độc lập, tự do, về chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng, văn hóa cách mạng đã chiếm ưu thế, đẩy lùi dần các loại tư tưởng, văn hóa đồi trụy, phản động.

Cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ rất lớn về giáo dục, đào tạo. Để đáp ứng yêu cầu đó, tỉnh Đồng Tháp từ sau ngày giải phóng phải giải quyết nhiều vấn đề nan giải.

Sau giải phóng, “Ta tiếp quản một hệ thống giáo dục của chế độ cũ. Toàn bộ cơ cấu tổ chức, nội dung dạy học, sách giáo khoa phải xây dựng và trang bị lại. Đội ngũ giáo viên hình thành từ nhiều nguồn, thiếu nhiều về số lượng, không đồng đều về chất lượng”<sup>2</sup>.

---

1. Phong trào thi đua “5 dứt điểm” trong ngành y tế được phát động từ năm 1977 với nội dung cụ thể:

- Dứt điểm về 3 công trình vệ sinh: cầu tiêu, giếng nước, nhà tắm. Mỗi hộ gia đình đều có đủ 3 công trình vệ sinh.
- Sinh đẻ có kế hoạch, không có người sinh con thứ 3.
- Quản lý sức khỏe toàn dân, mỗi người đều được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.
- Tự túc thuốc Nam, phát triển thuốc Nam tại các cơ sở y tế, phổ biến 35 cây thuốc sử dụng trong nhân dân.
- Tổ chức mạng lưới y tế cơ sở xã. Mỗi xã và cơ quan, công nông lâm trường xí nghiệp đều có trạm y tế.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết về sự nghiệp phát triển giáo dục tỉnh Đồng Tháp 1976 - 1981*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trình độ dân trí nói chung rất thấp. Sau ngày giải phóng, toàn tỉnh có trên 50.000 người chưa biết chữ. Một số huyện vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến chưa có trường cấp 3.

Năm học đầu tiên sau giải phóng, các trường phổ thông được tổ chức lại và phát triển vào vùng nông thôn giải phóng cũ. Số lượng trường lớp thì tương đối khá<sup>1</sup>, nhưng cơ sở vật chất chưa đạt yêu cầu.

Sau 2 năm giải phóng, chưa kịp hàn gắn vết thương chiến tranh thì tỉnh lại phải trực tiếp đối phó với cuộc chiến tranh biên giới do bọn phản động Pôn Pốt ở Campuchia gây ra. Nhiều trường học bị địch đốt phá, dân sơ tán, học sinh bị gián đoạn việc học. Giữa lúc ấy, trận lũ lụt năm 1978 đã phá hỏng 208 phòng học, 20% số trường bị thiệt hại nặng, 250 bộ bàn ghế giáo viên, 2.600 bộ bàn ghế học sinh bị hư hại.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy, chính quyền, nhất là sự vươn lên mạnh mẽ của ngành giáo dục, sau 5 năm giải phóng tình hình đã được cải thiện đáng kể. Ngành học phổ thông phát triển trường lớp cả 3 cấp học và đều khắp các huyện, thị xã. Số học sinh mỗi năm tăng bình quân 10%. Số giáo viên phổ thông tăng hơn 3.000 so với năm học 1976 - 1977. Số giáo viên mẫu giáo năm 1980 có 480 người, so với năm 1976 tăng gấp 6 lần.

Thành tích giáo dục nổi bật là công tác bổ túc văn hóa và xóa mù chữ. Tháng 8/1977, đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục

---

1. Năm học 1975 - 1976, toàn tỉnh có 26 lớp mẫu giáo với 840 cháu, do tư nhân lập ra, hầu hết ở thị xã, thị trấn. Toàn tỉnh có 111 trường cấp 1 với 3.117 lớp; 47 trường cấp 2 với 450 lớp; 7 trường cấp 3 với 109 lớp.

công nhận tỉnh Đồng Tháp đã căn bản xóa mù chữ cho 47.708 người trong tổng số 50.250 người trong độ tuổi thuộc diện xóa mù chữ. Hằng năm, gần 5.000 người đi học bổ túc văn hóa. Số trường bổ túc văn hóa tại chức và tập trung ngày càng phát triển, hằng năm thu hút trên 500 thanh niên ưu tú và cán bộ theo học. Các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp có hàng ngàn cán bộ, công nhân viên học bổ túc văn hóa ngoài giờ.

Kết quả trên đây là đáng kể, nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch thì còn thấp. Do đó, ngày 16/11/1977, Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 10, chỉ đạo các ngành các cấp phát động mạnh mẽ phong trào học bổ túc văn hóa trong nhân dân. Ngày 20/9/1979, Tỉnh ủy tiếp tục ra Chỉ thị số 20 về công tác bổ túc văn hóa. Đặt ra yêu cầu nhiệm vụ “Nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và thanh niên ưu tú, đồng thời phổ cập lớp 2, lớp 3 cho nhân dân. Nâng cao trình độ cho cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện lên cấp 2, cán bộ, đảng viên trẻ, thanh niên ưu tú lên cấp 3 để chuẩn bị tốt cho việc đào tạo cán bộ chính trị, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và nghiệp vụ ở các bậc đại học, cao đẳng và trung cấp”.

Trước giải phóng, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp chưa có trường sư phạm. Do quá thiếu giáo viên, cuối năm 1975, tỉnh mở liên tiếp 3 lớp đào tạo cấp tốc giáo viên cấp 1 đi dạy ở các vùng nông thôn sâu. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, đến năm 1980 tỉnh đã xây dựng được 3 trường sư phạm (sư phạm mẫu giáo, sư phạm cấp 1 và sư phạm cấp 2) và một trường cán bộ quản lý giáo dục. Hằng năm, tỉnh đào tạo gần 600 giáo viên, đưa một số giáo viên đi học hàm thụ và học đại học tại chức.

Nguyên lý giáo dục: “Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội” được áp dụng, có tính cách mạng trong nhà trường và xã hội.

Đến năm học 1980 - 1981, tình hình giáo dục trong tỉnh dần ổn định. Nhưng cơ sở vật chất của các trường học còn nghèo nàn, thiếu thốn. Nhiều địa phương xây dựng trường lớp bằng tre lá, mau hư hỏng. Tình trạng phổ biến là thiếu nhiều lớp học, phải sắp xếp cho học sinh học 3-4 ca mỗi ngày. Giáo viên chưa qua đào tạo sư phạm còn chiếm khoảng 15% đến 20%. Đời sống giáo viên còn nhiều khó khăn. Chưa có chế độ cụ thể cho giáo viên vùng sâu. Phát triển đảng viên trong ngành giáo dục còn chậm. Nhiều trường “trắng” cơ sở đảng và đảng viên. Do chưa có quy hoạch cụ thể nên nhiều trường còn lúng túng trong việc sắp xếp giáo viên đi “đào tạo lại” hoặc bồi dưỡng “tiêu chuẩn hóa” giáo viên.

Từ ngày 15 đến 17/6/1980, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp họp mở rộng với gần 100 đại biểu, do Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì, triển khai Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 11/01/1979 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục. Hội nghị đưa ra các giải pháp: Phát động toàn dân trong tỉnh đóng góp sức người, sức của kết hợp với đầu tư của Nhà nước xây dựng trường học, sửa sang cầu đường nông thôn; quan tâm chăm sóc đội ngũ giáo viên toàn diện cả về chính trị, nghiệp vụ và đời sống; có chế độ cho giáo viên mẫu giáo, phụ cấp cho giáo viên vùng sâu, phụ cấp dạy thêm giờ, cung cấp nhu yếu phẩm; có chính sách đối với trí thức mới giải phóng...

Đồng chí Trần Anh Điền, Bí thư Tỉnh ủy kết luận hội nghị, nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo dục, trách nhiệm



lãnh đạo của các cấp ủy và vai trò quản lý của chính quyền, trước mắt phải tạo ra một sự chuyển biến mạnh mẽ trong toàn Đảng bộ và nhân dân, đề ra các giải pháp thực hiện cải cách giáo dục trong tình hình mới.

Bên cạnh phát triển giáo dục phổ thông, lãnh đạo tỉnh rất quan tâm giáo dục chuyên nghiệp. Xây dựng các trường Trung học Y tế, Trung học Sư phạm, Trung học Nông nghiệp. Trường Trung học Nông nghiệp tỉnh sau ngày giải phóng đào tạo nhiều lớp cán bộ kỹ thuật nông nghiệp phục vụ sản xuất. Trường Trung học Kinh tế do Ban Giáo dục chuyên nghiệp tỉnh quản lý. Thành lập các trường công nhân kỹ thuật như trường dạy nghề lái máy kéo, trường công nhân xây dựng và trường đào tạo lái xe... Năm 1980, được sự chấp thuận của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Cửu Long (nay là hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh) phối hợp xây dựng trường Đại học tại chức Cửu Long tại thị xã Vĩnh Long. Chất lượng đào tạo tốt.

Ngay từ những năm đầu sau giải phóng, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo công tác y tế nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 1977, đã củng cố xây dựng Bệnh viện tỉnh, các bệnh xá tuyến huyện; xây dựng 5 trạm chuyên khoa của tỉnh và củng cố 6 đội y tế lưu động của các huyện; xây dựng một bệnh viện đồng y 50 giường; số trạm y tế hộ sinh phát triển đều khắp 81 xã, với tổng số 300 giường; thành lập Công ty Dược phẩm, trang bị một số máy cho xí nghiệp sản xuất thuốc.

Tỉnh đã tiến hành cải tạo các cơ sở y tế tư nhân; kiểm tra đăng ký hành nghề các nhà hộ sinh, các phòng khám bệnh kê đơn, các y tá tư.

Tổ chức Bảo vệ bà mẹ và trẻ em đã hình thành 6 đội, nhưng cơ sở vật chất còn thiếu thốn. Phong trào sinh đẻ có kế hoạch chưa phát triển mạnh.

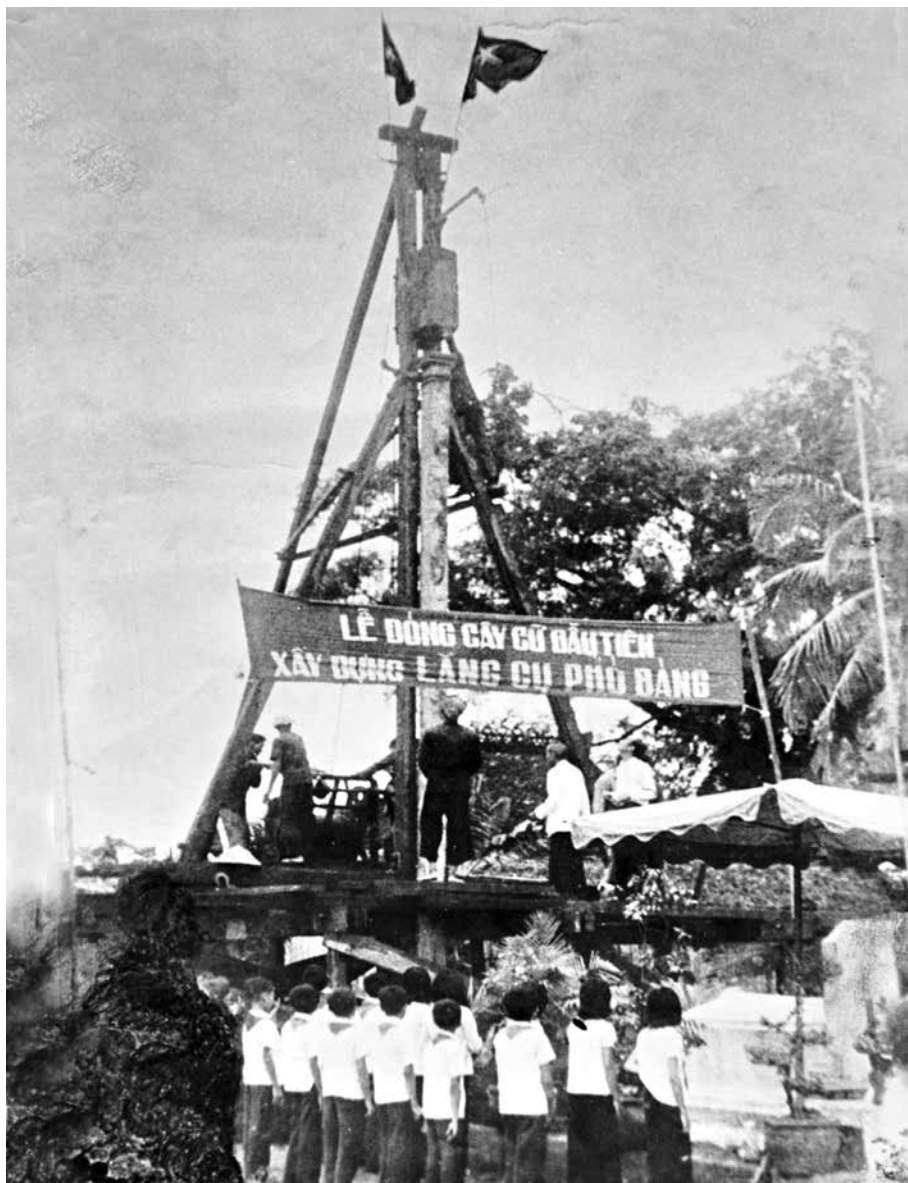
### *3.2. Thực hiện chính sách xã hội*

Tổ chức Hồng thập tự (Hội Chữ thập đỏ) tỉnh Đồng Tháp được chính thức thành lập ngày 17/8/1975. Theo chỉ đạo của Ủy ban quân quản thị xã Sa Đéc, ta giải tán Ban Chấp hành Phân bộ Hồng thập tự của chế độ cũ, chỉ định Ban Chấp hành Tỉnh hội mới dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Hội đẩy mạnh tuyên truyền phát triển hội viên. Đến năm 1980, Hội Chữ thập đỏ toàn tỉnh có 6 huyện, thị hội, 198 chi hội cơ sở. Trong 5 năm 1976-1980, Hội đã phát triển lên 19.279 hội viên.

Công tác thương binh - xã hội được các cấp, các ngành quan tâm. Ngành thương binh - xã hội được thành lập từ tháng 8/1975, dưới sự quản lý, điều hành của Bộ Thương binh - Xã hội và sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Cấp huyện có tổ thương binh - xã hội. Cấp xã do cấp ủy phân công một đồng chí kiêm nhiệm.

Lãnh đạo tỉnh từ lâu đã chăm lo lãnh đạo thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với nước. Với tình cảm thiêng liêng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Người, công trình đầu tiên được tỉnh đầu tư xây dựng trên đất Cao Lãnh là Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc (nay là Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc).

Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc được khởi công xây dựng vào ngày 22/8/1975 và khánh thành vào ngày 13/02/1977, tọa lạc tại xã Hòa An (nay là số 137, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4,



Lễ đóng cây cừ đầu tiên xây dựng lãng cụ Phố bảng Nguyễn Sinh Sắc  
ngày 22/8/1975

Thành phố Cao Lãnh), gồm các hạng mục chính: Vòm mộ, Hồ sao, Nhà trưng bày cuộc đời sự nghiệp của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Nhà trưng bày cuộc đời sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh<sup>1</sup>.

Trong tình hình có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống sau ngày giải phóng, việc tỉnh Đồng Tháp ưu tiên đầu tư xây dựng và hoàn thành Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh trên quê hương Cao Lãnh là một vinh dự, tự hào của nhân dân Đồng Tháp và cả nước.

Đền ơn đáp nghĩa đối với người có công với cách mạng là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Từ năm 1976 đến năm 1980, tỉnh cơ bản hoàn thành việc xác nhận liệt sĩ, gồm 13.728 trường hợp. Xác nhận thương binh 1.872 đồng chí. Xác nhận tới đâu, thực hiện các chế độ, chính sách đến đó. Năm 1980, toàn tỉnh có 5.903 gia đình được hưởng trợ cấp thường xuyên, 2.017 hưởng tuất ưu đãi, 3.064 hưởng tuất một lần. Việc xác nhận gia đình có công với cách mạng đã kịp thời giải quyết chính sách, quyền lợi cho các gia đình.

---

1. Sau này tỉnh quy hoạch mở rộng, xây dựng thêm mô hình Nhà sàn Bác Hồ (tỉ lệ 1/1) và Ao sen, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19/5/1990). Năm 2010, xây dựng mở rộng Khu di tích lên 9 hécta, nhân lễ giỗ cụ Phó bảng lần thứ 81 (ngày 27/10 âm lịch).

Ngày nay, Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc gồm các hạng mục chính: Vòm mộ, Hồ sao, Đền thờ cụ Phó bảng, Nhà Kiếng (trưng bày cuộc đời sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh), Nhà trưng bày cuộc đời và sự nghiệp cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, mô hình Nhà sàn Bác Hồ, Một góc làng Hòa An xưa...

Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc đã được công nhận là Di tích cấp quốc gia và là điểm du lịch quan trọng hấp dẫn của thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy nhiên, Đồng Tháp là một tỉnh được hình thành qua nhiều lần chia, tách, nhập; qua 2 cuộc chiến tranh lâu dài, ác liệt với sự hy sinh mất mát to lớn; là tỉnh có nhiều vùng yếu, vùng tôn giáo bị địch kềm kẹp lâu đời... nên việc xác nhận gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng có những phức tạp và khó khăn nhất định, nhất là những trường hợp người đi kháng chiến mất liên lạc, những cơ sở mật hoặc người nuôi giấu cán bộ mà đến nay cán bộ đó đã hy sinh... Do vậy, việc xác nhận và thực hiện chính sách đối với người có công còn phải tiếp tục giải quyết trong nhiều năm sau.

Từ năm 1978, các huyện, xã đồng loạt triển khai xây dựng nghĩa trang liệt sĩ. Trong điều kiện khó khăn về kinh phí và vật tư, nhiều nghĩa trang chậm được khánh thành. Ở Cao Lãnh, tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ của tỉnh.

Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh tọa lạc phía đông bắc cầu Đình Trung, nay thuộc phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, khởi công xây dựng từ ngày 15/01/1978, khánh thành ngày 26/7/1984. Đây là một nghĩa trang liệt sĩ lớn nhất tỉnh, có thiết kế độc đáo, hoành tráng. Trong 6 tháng cuối năm 1980, tỉnh đã cất bốc 400 bộ hài cốt liệt sĩ từ các địa phương trong tỉnh về an nghỉ tại nghĩa trang này. Hình thức đưa rước hài cốt liệt sĩ được tổ chức trọng thể, trang nghiêm. Những năm sau, công tác cất bốc hài cốt liệt sĩ về Nghĩa trang theo từng đợt. Đến nay, Nghĩa trang là nơi yên nghỉ của hơn 3.000 liệt sĩ, trong đó có 2.477 liệt sĩ có danh tính. Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh thể hiện tấm lòng nghĩa nặng ơn sâu của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Đồng Tháp đối với các anh hùng liệt sĩ đã hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng.

Ngành thương binh - xã hội tỉnh cũng đã phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương và các ngành Chũ thập đỏ, ngành y tế trong việc thực hiện công tác xã hội. Ngành tổ chức cứu trợ 51 lần cho khoảng 14.000 hộ, trong đó có chú ý số hộ Việt kiều hồi hương và 2.600 gia đình thương binh, liệt sĩ có khó khăn. Ngành đã thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chính sách; phối hợp các ngành, đoàn thể như Phụ nữ, Thanh niên, Công an truy quét tệ nạn xã hội; mở trại “Phục hồi nhân phẩm” tập trung giáo dục, hoàn lương cho hàng ngàn lượt đối tượng.

Trong 5 năm 1976 - 1980, công tác cứu tế xã hội đã giải quyết được đời sống đồng bào vùng sâu, vùng kinh tế mới, Việt kiều hồi hương, dân nghèo ở thị xã, thị trấn, giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn người. Từ kết quả đó đã động viên được đồng bào hăng hái xây dựng đời sống mới.

Ngành thương binh - xã hội tham mưu cho cấp ủy và chính quyền các cấp, tổ chức cuộc vận động “Xây dựng người công dân kiểu mẫu” và “gia đình cách mạng gương mẫu”, có 5.060 người học tập và đăng ký thực hiện. Cuộc vận động này đề cao tính tiên phong, vai trò nòng cốt, gương mẫu của các gia đình cách mạng trong các mặt công tác ở địa phương như: đóng góp nghĩa vụ lương thực, vận động con em làm nghĩa vụ quân sự, tham gia phong trào xây dựng văn hóa mới.

## **4. củng cố quốc phòng - an ninh, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc**

### *4.1. Củng cố quốc phòng - an ninh*

Năm 1977, tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội nổi lên nhiều vấn đề bức xúc. Bọn phản cách mạng lén lút

nhen nhóm hoạt động phá hoại. Ở nhiều nơi, chúng ném lựu đạn, rải truyền đơn, treo cờ (cờ 3 sọc của chế độ Sài Gòn cũ). Có nơi chúng khống chế, ám sát cán bộ, tung tin tác động, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gây chia rẽ lương giáo, hoài nghi chính quyền cách mạng. Một số nơi chúng nhen nhóm tổ chức và hoạt động, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng.

Việc thu nhận người vào làm việc trong các cơ quan nhà nước chưa được thẩm tra, soát xét kỹ lưỡng, nên một số nơi có phần tử xấu, kẻ địch lọt vào. Năm 1977, ta đã bắt 10 tên, phát hiện hàng chục tên tình nghi. Tình hình trật tự xã hội cơ bản ổn định, nhưng nạn trộm cắp, giết người cướp của, buôn lậu, lừa đảo, gây rối, cờ bạc, mại dâm... có chiều hướng gia tăng.

Các ngành công an, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra tỉnh phối hợp hoạt động, tiến hành quản lý đăng ký hộ khẩu, nghiên cứu tài liệu của cơ quan chính quyền cũ để lại, phát hiện nhiều đối tượng nghi vấn; phối hợp truy quét các ổ nhen nhóm phản động, thu gom vũ khí. Qua đó, đã bắt và trấn áp 732 tên phản cách mạng, 15 tên phạm án kinh tế, 1.198 tên phạm tội hình sự. Trong số những tên phản cách mạng bị bắt, có nhiều tên sĩ quan từ thiếu tướng trở xuống, từ tỉnh trưởng, quận trưởng đến tề ấp. Tòa án đưa ra xét xử nhiều vụ án trọng điểm, có tác dụng tốt trong dư luận xã hội. Từ năm 1979, một số tổ chức phản động như: “Mặt trận cứu nguy dân tộc”, “Mặt trận tự do nhân quyền” rải truyền đơn ở nhiều nơi thuộc các huyện Tam Nông, Cao Lãnh, Châu Thành. Chúng tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng



và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung trực tiếp là chống nghĩa vụ quân sự, chống chính sách cải tạo nông nghiệp và chính sách thu mua lương thực, tung tin đổi tiền, vận động lật đổ chính quyền. Nhiều nơi chúng hoạt động gây rối như ném lựu đạn, cắt dây điện, chặt cây cản đường giao thông,... Trong tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ đạo phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tỉnh chọn thị xã Sa Đéc và xã Định Yên (Lấp Vò) làm điểm. Qua phát động, quần chúng tham gia rất tích cực. Tháng 9/1979, ta mở phiên tòa tại xã Định Yên, xét xử vụ án phản động âm mưu lật đổ chính quyền, xử lý một số tên. Phiên tòa xử công khai có trên 4.000 quần chúng dự, gây ảnh hưởng tốt trong đồng bào tôn giáo vùng ven sông Hậu. Ở xã An Phong, ngày 20/8/1980 ta tổ chức họp dân gồm 4.000 người, đa số là tín đồ Thiên chúa giáo. Linh mục Nguyễn Văn Đệ là bị cáo trong vụ án phản động “Mặt trận Dân quân phục quốc” phải đứng ra nhận tội trước đông đảo quần chúng nhân dân”<sup>1</sup>.

Theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1979 quân đội ta đã triển khai thực hiện cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu” với ba nội dung lớn: Rèn luyện, xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi; lao động, sản xuất, công tác đạt năng suất cao và có hiệu quả kinh tế tốt. Phát huy truyền thống quân với dân một ý chí, nêu gương tốt của người quân nhân cách mạng trên mọi lĩnh vực. Nêu

---

1. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo số 343, ngày 01/9/1980, về việc xử lý tên linh mục Nguyễn Văn Đệ trong vụ án “Mặt trận dân quân phục quốc”,* tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.



cao tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản, làm tốt nghĩa vụ quốc tế được giao. Cuộc vận động đã góp phần tạo nên chất lượng mới, sức chiến đấu mới của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Cũng thời gian này, cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu” được triển khai ở Đồng Tháp. Tỉnh ủy chủ trương phát động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh tập trung đạt 5 mục tiêu: “Xây dựng các lực lượng vũ trang mạnh về ý chí chiến đấu và đoàn kết kỷ luật; mạnh về tổ chức và năng lực hành động; mạnh về đoàn kết quân dân; mạnh về đoàn kết quốc tế; mạnh về đời sống tinh thần văn hóa và vật chất của bộ đội, của 3 thứ quân”<sup>1</sup>.

Những tháng cuối năm 1980, các cấp ủy đảng trong tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 92-CT/TW, ngày 25/6/1980 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Cuộc vận động xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”. Yêu cầu của cuộc vận động là làm cho các cấp ủy, chính quyền, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về xây dựng và lãnh đạo các lực lượng Công an nhân dân; kiểm điểm đánh giá những việc đã làm được từ sau ngày giải phóng, khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong công tác xây dựng lực lượng công an và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 12/12/1978 của Thường vụ Tỉnh ủy, về cuộc vận động lớn “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu” của các lực lượng vũ trang, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/1979) và kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/1980)*, tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Ngành công an mở đợt sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình; giáo dục cán bộ, chiến sĩ thấm nhuần và thực hiện tốt 6 lời dạy của Bác Hồ đối với công an<sup>1</sup>.

Cuộc vận động nhằm đạt yêu cầu: phát huy truyền thống đoàn kết, xây dựng mối quan hệ tốt với các đơn vị bộ đội, với các ngành, các đoàn thể; tạo nên sức mạnh tổng hợp; phòng ngừa và chủ động liên tục tấn công truy quét bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác; kiện toàn tổ chức; cải tiến chế độ làm việc; điều động cán bộ tăng cường cho các đơn vị cơ động. Qua cuộc vận động đã đưa ra khỏi ngành 213 trường hợp cán bộ, chiến sĩ công an vi phạm kỷ luật, không đáp ứng tiêu chuẩn.

Trong những năm 1979 - 1980, tỉnh đã huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang. Thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp mạng lưới an ninh nhân dân vững chắc được hình thành cơ bản trong thời kỳ này có tác dụng to lớn trong phòng thủ chống kẻ thù xâm lược từ bên ngoài và bọn phản động âm mưu bạo loạn lật đổ từ bên trong. Đây là một nhân tố quan trọng bảo đảm nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong tỉnh.

---

1. Sáu điều Bác Hồ dạy đối với công an:

“Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái, giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”.

## 4.2. Chiến đấu bảo vệ Tổ quốc

Từ sau ngày giải phóng, công tác bảo vệ biên giới là một trong những nhiệm vụ quan trọng của tỉnh, nhất là từ năm 1975 đến năm 1979, quân dân trong tỉnh phải tập trung sức xây dựng tuyến phòng thủ và chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam.

Đường biên giới quốc gia đoạn Đồng Tháp (Việt Nam) - Prey Veng (Vương quốc Campuchia) dài 48,702km<sup>1</sup>. Địa hình nơi đây là đồng bằng, đường biên phần lớn đi theo hai con sông Sở Thượng và Sở Hạ, chỉ có hai đoạn từ Mộc Rá đến Cà Xu và từ Mỹ Căn đến Thường Phước là biên giới đất liền với tổng chiều dài 12km. Vùng biên phía tỉnh Prey Veng có khá đông Việt kiều sinh sống, nhất là ven sông Tiền và sông Sở Thượng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975), vùng biên giới Đồng Tháp - Prey Veng là địa bàn căn cứ hành lang quan trọng. Cán bộ, bộ đội Việt Nam đã kề vai sát cánh cùng lực lượng kháng chiến Campuchia chống kẻ thù chung, giành lại độc lập cho mỗi nước.

Được các thế lực phản động nước lớn hậu thuẫn, tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Sary từ lâu đã tìm cách chiếm đoạt quyền lãnh đạo phong trào cách mạng Campuchia. Sau khi giải phóng Phnôm Pênh và toàn bộ đất nước (ngày 17/4/1975), chúng âm mưu từng bước thủ tiêu những người cộng sản chân chính, xua đuổi dân ra khỏi thành thị, xáo trộn dân cư

---

1. Số liệu đo đạc qua khảo sát thực địa và hoạch định đường biên, cắm mốc giới theo Hiệp định ký kết giữa hai Chính phủ Việt Nam - Campuchia, năm 1985.

các vùng, buộc dân phải vào “Công xã” lao động khổ sai; xóa bỏ giáo dục, y tế, văn hóa, đập phá chùa chiền, bệnh viện, trường học; xua đuổi, giết hại Việt kiều, tàn sát trí thức, sư sãi... gây nên thảm họa diệt chủng ở Campuchia. Đối với Việt Nam, chúng tiến hành hàng loạt các vụ tấn công vũ trang qua biên giới<sup>1</sup>. Ngày 04/5/1975, quân Khmer đỏ tấn công đảo Phú Quốc của Việt Nam; ngày 10/5/1975, chúng đổ bộ lên đảo Thổ Chu, bắt đi hơn 500 người Việt Nam. Chúng đánh chiếm Hòn Chông, Hòn Bà (Poulowai), cướp bóc tài sản, giết hại đồng bào ta. Trên tuyến biên giới từ Hà Tiên đến Mộc Hóa, có nơi chúng thọc sâu vào đất liền Việt Nam từ 200m đến 500m, xua quân đi cướp của, giết người, gây nhiều đau thương tang tóc cho nhân dân ta ở các huyện biên giới. Có những vụ tập kích quy mô lớn vào vùng biên giới các tỉnh An Giang, Tây Ninh, thăm sát hàng trăm dân thường.

Trước tình hình đó, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 chủ trương: “Kiên quyết bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của đất nước, khôi phục các đảo và đất đai bị lấn chiếm, trừng trị đích đáng những hành động xâm lược của bọn phản động Pôn Pốt. Các lực lượng của Quân khu tiến công chiếm lại hoàn toàn đảo Phú Quốc ngày 30/5/1975 và Hòn Ông, Hòn Bà ngày 14/6/1975”<sup>2</sup>.

---

1. Chúng bác bỏ các đề nghị thương lượng của Chính phủ Việt Nam nhằm giải quyết vấn đề đưng độ trên biên giới Việt Nam - Campuchia; đơn phương cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam; phát động chiến tranh chống Việt Nam. Đến tháng 12/1977, bọn phản động Pôn Pốt điên cuồng mở các cuộc tiến công sâu vào lãnh thổ Việt Nam.

2. *Quân khu 9 - Ba mươi năm xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.*

Ngày 15/8/1975, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng cùng Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam sang Phnôm Pênh (Campuchia) để thương lượng về tình hình biên giới hai nước, nhằm ổn định tình hình và củng cố tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia; tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không xâm phạm lãnh thổ, cùng chung sống hòa bình, hợp tác, mỗi bên cùng rút quân đóng cách đường biên giới 5km... Thực hiện thỏa thuận, từ ngày 16 đến 20/8/1975, Việt Nam trao trả 580 tù binh bị bắt trong các trận đánh khôi phục hải đảo biên giới cho phía Campuchia, ngược lại phía Campuchia không trả lại cho Việt Nam số thường dân bị bắt ở đảo Thổ Chu. Chúng không thực hiện thỏa thuận, lại thường xuyên lấn chiếm biên giới, bắn giết thường dân, cướp phá tài sản, đốt phá nhà cửa, lương thực, gây hậu quả nghiêm trọng.

Địa bàn biên giới Đồng Tháp, từ tháng 5/1975 đến ngày 15/5/1977, Khmer đỏ tiến hành 30 vụ tấn công, chúng đốt 116 nhà dân, bắn chết 7 cán bộ, chiến sĩ ta, bắn chết, làm bị thương và bắt sống 156 người (chết 23, làm bị thương 36, bắt đem đi mất tích 30 người, bắt và trả lại theo hệ thống Ban Liên lạc Việt Nam - Campuchia tỉnh Đồng Tháp 67 người). Ngày 15/4/1977, lực lượng Khmer đỏ vô cớ tiến công vào cụm dân cư Á Đôn. Tiếp đó, đêm 24/4/1977, chúng đánh vào ấp Bình Lý xã Bình Thạnh. Chúng bị lực lượng Biên phòng và dân quân du kích kịp thời đánh đuổi về bên kia biên giới.

Trước tình hình căng thẳng ở biên giới, ngày 07/5/1977 Tỉnh ủy Đồng Tháp quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác biên giới; ngày 16/5/1977, thành lập Ban Chỉ huy Quân sự

tiên phương. Bộ đội biên phòng được bổ sung lực lượng. Quân khu 9 bổ sung cho tỉnh Trung đoàn 320, điều các tiểu đoàn 857 Cửu Long và 514 Tiên Giang, 2 đại đội pháo 105 ly, 1 đại đội pháo cao xạ 37 ly, 1 trung đội pháo 85 ly... tăng cường phòng thủ biên giới Đồng Tháp. Tỉnh Đồng Tháp thành lập một tiểu đoàn mới, đồng thời củng cố Tiểu đoàn 502. Mỗi huyện đưa một đại đội chốt giữ biên giới. Lực lượng phòng thủ trên toàn tuyến do Trung đoàn 320 làm nòng cốt.

Đêm 19 rạng ngày 20/9/1977, bọn phản động Pôn Pốt mở cuộc tiến công quy mô lớn đoàn xâm lấn biên giới Đồng Tháp, chúng đánh vào các chốt biên phòng Đồng Tháp như Dinh Bà, Mỹ Tân, Thường Phước. Đặc biệt dọc sông Sở Hạ, chúng tấn công qua và chiếm giữ ấp Bình Lý xã Bình Thạnh và ấp Công Tạo xã Tân Hộ Cơ. Trận chiến diễn ra hết sức ác liệt, nhất là tại Mỹ Tân, Cầu Muống và Dinh Bà. Lực lượng biên phòng phối hợp chặt chẽ với bộ đội tỉnh, huyện và dân quân du kích, đánh chặn các mũi tấn công của địch, diệt nhiều tên, đuổi chúng về bên kia biên giới.

Qua mấy ngày chiến đấu, bộ đội tỉnh hy sinh 1 chiến sĩ. Dân biên giới bị giặc giết 66 người, làm bị thương 58 người; địch đốt cháy 90 căn nhà, đốt và cướp 170 tấn lúa, thiệt hại nặng nhất là xã Thường Thới Hậu (51 người chết, 57 người bị thương, cháy 50 căn nhà, hư hại 45 căn nhà khác).

Đầu tháng 10/1977, Tỉnh ủy Đồng Tháp họp, nhận định: Bọn phản động Pôn Pốt sẽ tấn công mạnh sang đất ta trong mùa khô. Do đó cần tổ chức tấn công địch một cách toàn diện hơn, vừa chống giặc ở biên giới, vừa chủ động đập tan âm mưu

nhện nhóm của bọn phản động nội địa<sup>1</sup>. Ban Chỉ đạo công tác biên giới của tỉnh thông qua: “Phương án bố trí cơ bản phòng thủ biên giới”, “Kế hoạch bảo đảm công trình phòng thủ biên giới” và “Kế hoạch bố trí dân và cải tạo địa hình tuyến biên giới”.

Phòng thủ biên giới lúc này đan xen kết hợp gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích, công an biên phòng và số dân biên giới chưa tản cư. Hỏa lực gồm 2 trận địa pháo 105 ly, một trận địa pháo 85 ly nòng dài, hai trận địa pháo cao xạ 37 ly, một số súng cối và trọng liên.

Ngày 05/12/1977, các lực lượng vũ trang trên tuyến biên giới Đồng Tháp phối hợp với mặt trận Tây Ninh, mở cuộc tấn công các mục tiêu quân sự địch ở phía bờ bắc tuyến sông Sở Thượng, Sở Hạ. Quân Khmer đổ buộc phải lùi sâu vào nội địa. Đầu tháng 01/1978, quân ta rút về. Liên sau đó, quân Khmer đổ đưa 2 trung đoàn vượt biên, có hỏa lực pháo 105 ly yểm trợ, đánh vào Tầm Dầu, Gò Cát, Cái Lát, Lăng Xăng, Gò Bói. Các mũi lấn chiếm của địch bị quân ta chặn đánh gây cho chúng nhiều tổn thất. Nhưng chúng đốt 500 gạ lúa, 8 nhà dân, giết 8 người, làm bị thương 7 người, đốt phá 750ha lúa của 3 xã Tân Hộ Cơ, Tân Thành, Bình Thạnh.

Ngày 30/01/1978, một trung đoàn quân Khmer đổ chia nhiều mũi tấn công vào xã Bình Thạnh, Tân Hộ Cơ, kênh Cụt, gò Bói, gò Hai Đông, gò 1.200, Bầu Sen và Cây Diệp nhằm tạo thế bao vây các chốt của bộ đội và trạm biên phòng Dinh Bà. Cán bộ chiến sĩ biên phòng ở đây phải chiến đấu liên tục 2 ngày 3 đêm, một số bị thương vong, địch bao vây ngăn chặn,

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Chỉ thị số 08-CT/77, ngày 12/10/1977 về bảo vệ an ninh biên giới và nội địa.*

ta không tiếp viện được. Cuối cùng, chốt biên phòng Dinh Bà buộc phải bung khỏi vị trí, mở đường rút về tuyến sau.

Tại chốt biên phòng Mỹ Tân, địch tổ chức bao vây tấn công liên tục 3 ngày, sang ngày thứ tư (lúc 2 giờ sáng ngày 14/02/1978), anh em trong chốt phải bung ra ngoài chiến đấu; địch phá hủy trạm Mỹ Tân.

Tại Cầu Ván xã Thường Phước, địch dùng một tiểu đoàn tấn công vào chốt biên phòng. Chúng bị lực lượng ta phản công nên bị tổn thất nặng, không chiếm được mục tiêu.

Đến cuối tháng 3/1978, địch chiếm ngã ba Nước Đục xã Thường Phước; ở xã Thường Thới Hậu, chúng chiếm Cả Sách, Mỹ Tân; xã Tân Hội và Tân Hộ Cơ, chúng chiếm Cả Xiêm, Bình Phú, Dinh Bà. Chúng tiếp tục cho từng tổ thọc sâu đánh vào các khu dân cư, gây cho ta nhiều thiệt hại<sup>1</sup>. Hầu hết các xã của huyện Hồng Ngự bị ảnh hưởng chiến tranh, quần chúng tản cư, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Trước sự tấn công của quân Khmer đỏ, ta thay đổi thể bố trí bảo vệ biên giới, thực hiện cách đánh linh hoạt, không cố thủ trong đồn, chốt như trước mà bung ra cơ động chiến đấu, kết hợp đánh lớn tập trung từng đợt với đánh nhỏ lẻ thường xuyên, tiêu hao, kềm chân địch; khẩn trương huy động nhân lực, vật lực ra mặt trận.

---

1. Trong tháng 02 và tháng 3/1978, quân Khmer đỏ tấn công và giết chết 32 thường dân, làm bị thương 62, bắt mất tích 3 phụ nữ; chúng đốt 541 căn nhà, 3.610 giạ lúa, đốt phá hơn 100 công lúa chín; phá hư 2 chiếc xăng, 8 máy bơm nước, 5 xe ủi đất, 11 xe xúc. Từ tháng 9/1977 đến tháng 3/1978, các xã biên giới huyện Hồng Ngự có trên 2.000 ngôi nhà bị địch đốt phá.



Từ ngày 24 - 27/5/1978, Tỉnh ủy ra Nghị quyết về “Phương hướng, nhiệm vụ công tác quân sự địa phương năm 1978 và 3 năm 1978 - 1980”, chỉ đạo: Chiến đấu bảo vệ biên giới là nhiệm vụ chung của cả tỉnh; riêng huyện biên giới Hồng Ngự có kế hoạch quân sự hóa toàn dân; các huyện thị trong tỉnh có trách nhiệm hỗ trợ theo yêu cầu.

Các ngành, các cấp phát động mỗi người dân làm một bàn công sắt từ 3 đến 5 mũ. 2 triệu bàn công sắt, 20 ngàn trái lựu đạn được đưa lên xây dựng trận địa phòng thủ biên giới; mỗi xã huy động 5 du kích (là đảng viên, đoàn viên) bổ sung các đơn vị của tỉnh ở biên giới; mỗi huyện thị huy động từ 1 đến 3 ngàn dân công hỏa tuyến và thanh niên xung phong, bảo đảm lực lượng thường xuyên trên công trường đào kênh biên giới, thi công đường Hồng Ngự - Sa Rài, gài công, mìn tại các tuyến phòng thủ và trồng cây cải tạo địa hình.

Đầu năm 1978, Tỉnh ủy chỉ đạo Tỉnh đoàn Thanh niên phối hợp với Tỉnh đội tổ chức lực lượng Thanh niên xung phong “phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế đồng thời sẵn sàng phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới”<sup>1</sup>. Thực hiện chủ trương này, Tỉnh đoàn Thanh niên phối hợp với Tỉnh đội, đã tổ chức 3 liên đội, gần 1.000 đội viên, đi phục vụ kinh tế, phục vụ chiến đấu ở biên giới (khi làm nhiệm vụ, có 1 đội viên trong lúc phục vụ chiến đấu đã hy sinh)<sup>2</sup>.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Chỉ thị số 04-CT/TU, ngày 26/01/1978 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập lực lượng Thanh niên xung phong tỉnh Đồng Tháp.*

2. Đến tháng 01/1979, chấm dứt chiến tranh biên giới Tây Nam, Tỉnh đoàn bàn giao lực lượng Thanh niên xung phong này cho Ty Thủy lợi, một số khác khoảng 300 đội viên (do đồng chí Hai Ngô chỉ huy) điều sang Campuchia giúp bạn (hơn một năm sau thì về nước).

Từ giữa năm 1978, quân Khmer đỏ có 6 tiểu đoàn đóng chốt ven biên giới đất ta, chia làm 23 cụm: Ở xã Thường Phước 3 cụm, Thường Thới Hậu 4 cụm, Bình Thạnh 3 cụm, Tân Hộ Cơ 13 cụm. Chúng tiếp tục điều quân đánh phá, có nơi chúng đột nhập sâu vào nội địa ta hơn 5km.

Trong nội địa tỉnh, các tổ chức phản động nhen nhóm hoạt động, âm mưu bạo loạn. Tỉnh ủy chỉ đạo mở nhiều đợt truy quét, tấn công trấn áp 24 tổ chức phản động, bắt hàng trăm tên; truy bắt 1.547 tên tội phạm hình sự. An ninh chính trị và trật tự xã hội được ổn định.

Được sự viện trợ của Trung Quốc, bọn Pôn Pốt nhanh chóng xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang. Riêng quân chủ lực, năm 1978 đã phát triển lên 23 sư đoàn (năm 1975 chỉ có 7 sư đoàn). Vùng biên giới tỉnh Prey Veng, ngày 25/9/1978 chúng thành lập Sư đoàn 805, gồm 3 trung đoàn (270, 271, 272), 2 cụm pháo 105 ly, 20 tàu và nhiều xuồng chiến đấu. Lợi dụng nước lụt dâng cao, chúng đẩy mạnh đánh phá biên giới Đồng Tháp.

Cuối năm 1978, quân Khmer đỏ âm mưu tấn công đánh chiếm thị trấn Hồng Ngự. Hướng sông Tiền, 3 lần chúng tổ chức tấn công Cù lao Xếp nhưng thất bại. Ngày 04/11/1978, chúng dùng trọng pháo, tàu chiến kết hợp một trung đoàn bộ binh đổ bộ. Chúng bị lực lượng ta chống trả quyết liệt, bắn cháy 2 tàu. Nhưng đây là một cù lao nhỏ nên bị tàu địch khống chế, ta không chi viện được. Lần này, chúng chiếm được Cù lao Xếp.

Đầu tháng 11/1978, bộ đội ta mở đợt phản công, đánh chiếm các mục tiêu quân sự địch ở Gò Vang (đất Campuchia); đánh chiếm khôi phục lại các điểm chốt quan trọng như Cây Dương, Cầu Muống, Cầu Ván, Bình Phú, Ba Đàn, Bàu Chúa,

Cây Dù, Giồng Trôm, gò Thầy Tám, Giồng Bàng, Thông Bình... Lực lượng không quân của ta đánh địch ở Nam Hang, vàm Cội Tiểu và sở chỉ huy địch ở Kênh Lý, Mọc Rá. Đến ngày 08/11 ta chiếm lại được Cù lao Xếp.

Ngày 28/11/1978, một lần nữa quân Khmer đỏ đánh vào Đồn biên phòng 793 Cầu Ván (nay là đồn 917) và các vị trí phòng thủ của Tiểu đoàn 1 Cửu Long và Đội du kích 732 xã Thường Phước. Chúng dùng tàu và hỏa lực mạnh như pháo 105 ly, cối 120 ly, DKZ, đạn hơi độc bắn phá ác liệt nhằm hủy diệt, kềm chế, áp đảo, tạo điều kiện cho bộ binh tiếp cận đánh vào trận địa quân ta. Địch mở 3 đợt tấn công đều bị ta đánh bại. Trận này, Đồn biên phòng 793 phối hợp tác chiến với các đơn vị bạn, đã lập công xuất sắc<sup>1</sup>.

Hướng chính diện (Bắc thị trấn Hồng Ngự), quân Khmer đỏ đánh vào Mỹ Tân, Nam Hang, gò Ông Sĩ (xã Thường Thới Hậu), Cầu Muống, chùa Bàu Lợi (xã Thường Lạc), Cỏ Đôn, Năm Soi (ấp Bình Lý xã Bình Thạnh), Gò Kho, Gò Chùa (xã Tân Hộ Cơ). Những nơi này, chúng chiếm lại một số vị trí.

Hướng Thông Bình (cánh phía đông), địch từ bên kia biên giới tràn sang phối hợp một số chốt của chúng bên đất ta nống ra đánh phá. Chúng bị lực lượng biên phòng, các đơn vị bộ đội và du kích của ta đánh chặn, diệt nhiều tên.

Đêm 17, rạng ngày 18/12/1978, hai đại đội địa phương quân huyện Cao Lãnh, Tam Nông phối hợp các đơn vị Trung

---

1. Nhiều cán bộ chiến sĩ của đồn đã lập công xuất sắc, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công. Kết thúc chiến tranh biên giới, Đồn 793 được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, tỉnh có 3 cá nhân được tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân là các đồng chí: Phạm Hoàng Dũng, Hà Thị Sạn, Trần Văn Thế.

đoàn 320 của tỉnh và Sư đoàn 339 của Quân khu 9 tổ chức trận vận động tiến công tiêu diệt 2 tiểu đoàn quân Khmer ở tại xã Tân Thành, Tân Công Chí huyện Hồng Ngự (nay thuộc huyện Tân Hồng).

Cả ba hướng tiến quân của địch đều bị ta đánh thiệt hại nặng. Chúng không thực hiện được ý đồ đánh chiếm thị trấn Hồng Ngự.

Bị thua đau, địch càng tỏ ra hung hãn, ngoan cố. Chúng đưa nhiều tàu, xuồng chiến đấu, đánh xuống Cầu Muống, đười Cồn Cò, bắn phá hai bên sông Tiền đoạn xã Thường Phước huyện Hồng Ngự, Bắc kênh Tứ Thường, Bắc cồn Tàu và gò Đa, gò Bói, gò Đười Tôm. Ta bắn chìm 4 tàu, bắn cháy 5 tàu, phá hủy 16 xuồng chiến đấu, thu 12 xuồng, diệt hàng trăm tên. Nhưng thiệt hại của dân do địch gây ra khá nặng (chết 94 người, phần lớn là phụ nữ và trẻ em, bị thương 46 người, mất tích 7 phụ nữ, chết 305 con trâu bò, cháy trên 200 nhà).

Trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, cuối năm 1978 bọn phản động Pôn Pốt bị thất bại thảm hại ở mặt trận Tây Ninh, An Giang, Kiên Giang. Thế và lực của chúng bị sa sút, nội bộ mâu thuẫn, chia rẽ. Lúc này, phong trào nổi dậy của nhân dân và binh biến ly khai trong quân đội Khmer đỏ lan rộng. Tỉnh đội trưởng Prey Veng (Vùng 24) chỉ huy một bộ phận sĩ quan và binh sĩ trong Trung đoàn 271 ly khai đi theo lực lượng nổi dậy ở Quân khu 203, miền Đông Campuchia. Sau vụ này, Pôn Pốt chủ trương: đôn các đơn vị huyện bổ sung cho quân chủ lực; giải tán lực lượng bán vũ trang ở cơ sở. Chúng phải lo đối phó trong nội bộ, càng lúng túng, bị động trong bố trí lực lượng.

Hàng ngàn cán bộ, đảng viên chân chính và nhân dân Campuchia đã thấy được bộ mặt phản dân, hại nước của bọn Pôn Pốt. Họ chạy sang Việt Nam, tập hợp lực lượng để cứu nguy dân tộc. Ngày 02/12/1978, Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia ra đời. Ngày 29/12/1978, một số cán bộ, đảng viên chân chính của Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia triệu tập Hội nghị bầu Ban Chấp hành Trung ương mới. Trước đó, một số đơn vị vũ trang Campuchia được tổ chức và huấn luyện khẩn cấp<sup>1</sup>. Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia ra “Lời kêu gọi” nhân dân Campuchia nổi dậy chống chế độ Pôn Pốt, đồng thời yêu cầu quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ.

Cuối tháng 12/1978, sau khi đập tan cụm quân Khmer đỏ tại Bến Sỏi, Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia, các binh đoàn quân tình nguyện Việt Nam mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, đập tan các tuyến phòng thủ và hành quân thần tốc đánh vào sào huyệt của bọn phản động Pôn Pốt, giải phóng Phnôm Pênh và đại bộ phận đất nước Campuchia vào ngày 07/01/1979.

Trong cuộc tiến công giải phóng Campuchia, các lực lượng vũ trang Đồng Tháp được cấp trên giao nhiệm vụ tăng cường phối thuộc Quân đoàn 4, đánh chiếm các huyện phía nam của tỉnh Prey Veng, bảo vệ đoàn tàu của bộ đội chủ lực vượt biên giới tiến về giải phóng Bến phà và thị tứ Nét Lương. Ta đánh tiêu diệt và tan rã Sư đoàn 805 của Pôn Pốt, thu nhiều vũ khí, bắt nhiều tù binh.

---

1. Ta giúp bạn xây dựng được 21 tiểu đoàn, 89 đội vũ trang tuyên truyền và Binh đoàn số 1 làm nhiệm vụ phối hợp giải phóng Phnôm Pênh.

Từ đầu năm 1979, Trung Quốc phát động cuộc tấn công quy mô hơn 60 vạn quân trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Tỉnh Đồng Tháp bố trí một tiểu đoàn quân tình nguyện ra miền Bắc tham gia chiến đấu bảo vệ tuyến biên giới. Đơn vị được bố trí đóng quân ở Thái Nguyên.

Với thắng lợi giải phóng đất nước Campuchia ngày 07/01/1979, đã chấm dứt chiến tranh biên giới Tây Nam nước ta, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi thảm họa diệt chủng do chế độ Pôn Pốt gây ra, mở ra thời kỳ phát triển mới của đất nước Chùa Tháp. Từ đây, nhân dân các tỉnh biên giới Tây Nam nói chung, Đồng Tháp nói riêng được hưởng hòa bình, có điều kiện xây dựng đất nước, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

### III- CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, TỪNG BƯỚC TÌM TÒI ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ, TIẾN CÔNG KHAI THÁC ĐỒNG THÁP MƯỜI (1980 - 1985)

#### 1. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

##### *1.1 Các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II và lần thứ III triển khai mạnh mẽ chủ trương Đại hội V của Đảng: tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp*

Từ ngày 02 đến ngày 08/12/1980, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II diễn ra tại thị xã Sa Đéc. Về dự Đại hội có 342 đại biểu chính thức, đại diện cho gần 5.000 đảng viên và trên 1.200.000 đồng bào và chiến sĩ trong tỉnh. Các đồng chí Lê Quang Viễn, Quách Đại Rong, Nguyễn Việt Tiến... trong Đoàn Chuyên gia tỉnh Đồng Tháp làm nhiệm vụ giúp tỉnh bạn Prey Veng (Campuchia) cũng về dự Đại hội.

Trong 7 ngày làm việc khẩn trương, Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị, Phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1981 - 1982.

Báo cáo chính trị tại Đại hội ghi nhận sự cố gắng vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, trong điều kiện sau ngày giải phóng có nhiều khó khăn, đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khẩn trương thiết lập trật tự xã hội mới, ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, đánh thắng giặc Pôn Pốt trên biên giới của tỉnh, vượt qua nạn lụt lớn năm 1978, đập tan âm mưu phản loạn của bọn phản động nội địa, khôi phục và phát triển sản xuất, đặc biệt là phong trào làm thủy lợi, thâm canh kết hợp khai hoang mở rộng diện tích, chuyển nhanh diện tích lúa một vụ sang hai vụ, đem lại hiệu quả đáng kể về sản xuất lương thực. Đại hội cũng ghi nhận những thành tích ban đầu



Quang cảnh Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ II



của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, những cố gắng của tỉnh giải quyết các vấn đề xã hội như sắp xếp ổn định cho 8 vạn Việt kiều từ Campuchia hồi hương, xây dựng vùng kinh tế mới, trang trải và điều hòa ruộng đất, thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng, cứu trợ nạn nhân chiến tranh và lũ lụt...

Tuy nhiên, Báo cáo chính trị cũng chỉ ra những mặt tồn tại, yếu kém, đó là: “Không thực hiện được mục tiêu 1 triệu tấn lương thực năm 1980 do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất đề ra”; “Một số chính sách chưa phù hợp nên các cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh vốn đã què quặt lại càng chậm phát triển, nhất là công nghiệp quốc doanh phát triển rất chậm, giá trị tổng sản lượng còn rất thấp, tỷ trọng chỉ chiếm khoảng 8% so với giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp”; “Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành giao thông vận tải chưa được chú trọng”; “Xây dựng cơ bản còn nhiều khó khăn”; “Phân phối lưu thông chưa kịp thời nên đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống”; “Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt thấp”; “Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành còn chậm và chưa vững chắc”; “Chỉ đạo nhiệm vụ văn hóa xã hội chưa thường xuyên”; “Việc xây dựng bộ máy các cấp, trong chỉ đạo chưa chú trọng nâng cao chất lượng bộ máy chính quyền cơ sở, chính quyền ở nhiều xã còn quá yếu, hiệu lực kém, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”; “Công tác dân vận mặt trận còn nhiều mặt yếu”; “Trong chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, chưa nắm vững phương châm đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất”; “Chưa chú ý giáo dục củng cố về nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng viên”; “Việc phát triển đảng viên ở cơ sở xã, ấp, cơ sở sản xuất chậm, bình quân mỗi năm chỉ tăng 5% đảng viên mới, vẫn còn



42 ấp trắng đảng viên”; “Công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ nhiều nơi chưa thực hiện tốt”<sup>1</sup>...

Dù còn những khó khăn, hạn chế nhất định, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ lần II khẳng định: “Những thành tựu trên đây chứng tỏ Đảng bộ ta, đồng bào chiến sĩ ta, dù ở trong hoàn cảnh nào, tình huống nào cũng phát huy tính tích cực và chủ động đưa cách mạng trong tỉnh không ngừng tiến lên”<sup>2</sup>.

Đại hội thông qua Nghị quyết “Về phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1981 - 1982”, trong đó nhiệm vụ chung là: “Không ngừng mở rộng và củng cố trận địa xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; Ra sức đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công - thương nghiệp, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội giành thắng lợi quyết định và chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nâng cao một bước đời sống nhân dân; Ra sức xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh từ tỉnh, huyện đến cơ sở xã ấp, thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, dân làm chủ tập thể, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị”<sup>3</sup>.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ II (1981 - 1982) gồm 43 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành mới bầu

---

1, 2. “Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp” do đồng chí Trần Anh Điền, Bí thư Tỉnh ủy trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy.

3. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần II, ngày 08/12/1980*, tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ, gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Anh Điền (Tám Bé) tái đắc cử Bí thư Tỉnh ủy. Phó Bí thư gồm 2 đồng chí Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ) và Nguyễn Thế Hữu (Tư Hữu). Việc phân công nhiệm vụ cấp ủy viên cũng hoàn tất trong phiên họp này (xem phụ lục).

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II thành công là một sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Nghị quyết của Đại hội đã khẳng định: “Những thành tựu mà chúng ta giành được và những khuyết, nhược điểm mà chúng ta đã thấy được trong hơn 3 năm qua, làm cho Đảng bộ ta dày dặn thêm, trưởng thành hơn và cũng là cơ sở và niềm tin vững chắc để chúng ta giành thắng lợi lớn hơn trong thời gian tới”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đánh giá thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là thắng lợi có ý nghĩa hết sức to lớn. Nhân dân ta đã làm thất bại bước đầu âm mưu thâm độc của giới cầm quyền phản động nước lớn, bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Campuchia chia và nhân dân Lào anh em. Gắn liền với thắng lợi đó, chúng ta đã tăng cường liên minh chiến đấu và hình thành thế liên hoàn vững chắc chưa từng có của cách mạng ba nước Đông Dương, tăng cường đoàn kết chiến đấu và hợp tác toàn diện với Liên Xô, gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế, mở rộng hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, t.I, tr.27.

Trên mặt trận kinh tế, văn hóa, nhân dân ta đạt được thành tựu đáng kể.

Bên cạnh việc khẳng định thắng lợi, Đại hội cũng thẳng thắn nêu những tồn tại: “Sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội, một phần tiêu dùng xã hội dựa vào vay và viện trợ, nền kinh tế chưa tạo được tích lũy. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu khác đều thiếu. Chênh lệch giữa thu và chi tài chính, giữa hàng và tiền, giữa xuất khẩu và nhập khẩu còn lớn. Thị trường và vật giá không ổn định. Đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn”<sup>1</sup>.

Đại hội xác định: “Đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt... đồng thời, phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn”<sup>2</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần V của Đảng đã xác định thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là lâu dài, có nhiều chặng đường mà ta đang ở chặng đường đầu tiên với nhiệm vụ tạo ra những tiền đề cho thời kỳ tiếp theo - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước. Đại hội đưa ra chiến lược kinh tế: “Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”<sup>3</sup>, và 10 chính sách, giải pháp lớn. Đại hội chủ trương điều chỉnh cơ cấu đầu tư, trước mắt ưu tiên đầu tư phát triển nông nghiệp.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, t.I, tr.27.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr.53, 71.

Trước Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các ngành và địa phương trong cả nước tiến hành đại hội vòng một. Từ ngày 05 - 11/01/1982, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần III (vòng 1) diễn ra tại thị xã Sa Đéc. Về dự Đại hội có 342 đại biểu trong số 350 đại biểu chính thức. Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận các Dự thảo văn kiện trình Đại hội V của Ban Chấp hành Trung ương khóa IV sẽ trình Đại hội, đồng thời Đại hội đã bầu 12 đại biểu tham gia Đại hội V gồm các đồng chí: Trần Anh Điền, Nguyễn Thế Hữu, Bùi Thanh Khiết, Võ Thái Hòa, Nguyễn Thanh Phong, Bùi Quang Thạnh, Võ Văn Dánh, Võ Văn Liêu, Nguyễn Thị Nhĩ, Nguyễn Trung Cang, Nguyễn Văn Tiệp, Lê Văn Chi. Có 2 đồng chí trúng cử đại biểu dự khuyết: Nguyễn Văn Thương và Nguyễn Ngọc Bích.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần III (vòng hai) từ 11 đến 13/4/1983, đã thảo luận và thông qua “Báo cáo tình hình và nhiệm vụ năm 1981 - 1982”; “Báo cáo công tác



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ III

xây dựng Đảng”; “Bản tự phê bình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II”. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ III (1983 - 1985) gồm 43 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết (xem Phụ lục). Ban Chấp hành họp phiên đầu tiên, bầu đồng chí Trần Anh Điền - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa V - làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Thế Hữu và Nguyễn Xuân Trường được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội V của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra phương hướng và nhiệm vụ trong 3 năm 1983 - 1985 là: “Đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, ra sức khai thác tiềm năng lao động, đất đai ở từng vùng trong tỉnh, hướng tập trung vùng Đồng Tháp Mười; trên cơ sở thâm canh cây lúa, đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi để từng bước đưa nông nghiệp lên toàn diện, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu; phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, mở rộng ngành nghề, đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội và xây dựng nông thôn mới; đồng thời phấn đấu hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp; tiếp tục cải tạo và tổ chức lại sản xuất công - thương nghiệp tư doanh; giành thế chủ động trên trận địa phân phối lưu thông; mở rộng các hoạt động văn hóa - xã hội; ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân; đề cao cảnh giác, tăng cường công tác an ninh - quốc phòng và làm tốt nghĩa vụ quốc tế; ra sức xây dựng Đảng và kiện toàn hệ thống chuyên chính vô sản ngày càng vững mạnh trong sạch, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Nghị quyết Đại hội đề ra 4 mục tiêu, 7 nhiệm vụ và giải pháp, cụ thể là:

Bốn mục tiêu: 1- Ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân; 2- Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp; 3- Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; 4- Tăng cường công tác an ninh quốc phòng.

Bảy nhiệm vụ và giải pháp: 1- Sản xuất nông nghiệp; 2- Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp; 3- Phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; 4- Phân phối lưu thông; 5- Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh; 6- Từng bước cải tiến cơ chế quản lý; 7- Chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức, bộ đội, công an.

Trong các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, vấn đề trung tâm là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công - thương nghiệp; hướng ưu tiên là cải tiến cơ chế quản lý, từng bước xóa cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III thể hiện sự nhất trí cao với Nghị quyết Đại hội V của Đảng, quyết tâm thực hiện những quan điểm chỉ đạo coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đổi mới kế hoạch hóa, giải quyết mối quan hệ 3 lợi ích, trong đó lợi ích của người lao động là một trong những động lực quan trọng.

### *1.2. Tiếp tục xây dựng và tăng cường cấp huyện*

Phát huy kết quả công tác xây dựng huyện điểm Hồng Ngự, sang năm 1981, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục triển khai công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện một cách mạnh

mẽ và đều khắp, đồng thời chọn huyện Thạnh Hưng<sup>1</sup> xây dựng huyện điểm nông nghiệp của tỉnh.

Tỉnh bổ sung nhiều cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ và cán bộ phụ trách cho cấp huyện; chấn chỉnh và cải tiến một bước quan trọng về nguyên tắc và phân cấp quản lý kinh tế, quản lý xã hội (như vấn đề quy hoạch và xây dựng kế hoạch cho từng huyện; vấn đề xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và thành lập một số tổ chức kinh doanh cho huyện. Đến cuối năm 1981, mỗi huyện có khoảng 10 công ty, xí nghiệp, trạm, trại, hiệu thuốc,... thuộc các ngành nông nghiệp, thương nghiệp, ngư nghiệp, y tế...); đã chính thức giao ngân sách cho cấp huyện, có tỷ lệ điều tiết (trừ huyện Tháp Mười mới thành lập)<sup>2</sup>. Năm 1983, xã, phường thực hiện chế độ có ngân sách. Trong 5 năm 1981 - 1985, thành lập một số đơn vị kinh doanh cấp huyện (công ty cấp 3, công ty cung ứng vật tư nông nghiệp huyện...). Tỉnh đã tìm cách tháo gỡ vướng mắc do cơ chế tập trung quan liêu trong các mặt hoạt động thương nghiệp; cho phép huyện, thị lập quỹ hàng hóa cùng một lúc với việc giao nộp theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên; cho phép liên danh liên kết với các tỉnh bạn, đi đôi với việc cải tạo tư thương, quản lý thị trường.

Việc phân cấp và tăng cường cán bộ cho huyện đã phát huy được quyền chủ động và sáng tạo của huyện và cơ sở trên mọi mặt công tác, tự vươn lên giải quyết các khó khăn trong

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Quyết định số 90 ngày 15/11/1981 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng huyện điểm nông nghiệp của tỉnh đối với huyện Thạnh Hưng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Báo cáo số 26/BC-UB, ngày 22/12/1981 gửi Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

phạm vi quyền hạn cho phép. Cán bộ lãnh đạo huyện và các đơn vị sản xuất kinh doanh ngày càng nhận thức rõ và chấp hành đúng pháp luật; coi trọng việc bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý kinh tế.

Tuy nhiên, việc tăng cường cấp huyện còn tồn tại một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Đó là tính chưa đồng bộ, còn thiếu nhiều cán bộ cấp huyện, cấp xã và kiến thức còn bị hạn chế...; “Được phân công, phân cấp, có hiện tượng cục bộ địa phương một số nơi...”<sup>1</sup>.

Những mặt làm được và những hạn chế, thiếu sót trên đây tiếp tục được giải quyết trong quá trình xây dựng cấp huyện nhiều năm sau.

### *1.3. Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp*

Từ ngày 28 đến ngày 31/3/1981, Ban Bí thư Trung ương họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí phụ trách cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ, Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam, Ban Nông nghiệp Trung ương và đại diện một số ban ngành khác của Trung ương để bàn việc xúc tiến công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp theo các chỉ thị số 43, 57, 93 của Trung ương.

Đến lúc này “Các tổ chức kinh tế tập thể mới thu hút 9% nông hộ với 7% ruộng đất”; “Việc cải tạo nông nghiệp chưa được coi là công tác trọng tâm thường xuyên”; “Chưa gắn chặt được cải tạo với xây dựng và phát triển nông nghiệp, chưa kết hợp tốt cải tạo và xây dựng các mặt kinh tế, văn hóa

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo số 26/BC-UB, ngày 22/12/1981 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp gửi Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Tlđđ.*



ở nông thôn”; “Việc chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức ở cơ sở và ở cấp huyện chưa bảo đảm được yêu cầu của công tác cải tạo nông nghiệp”<sup>1</sup>.

Từ tình hình trên và xuất phát từ yêu cầu thúc đẩy nhanh hơn công tác cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ, “Ban Bí thư thấy cần nhấn mạnh một số chủ trương và quan điểm: 1- Kiên quyết và khẩn trương thực hiện chủ trương điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn; 2- Nắm vững mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp... nhằm mục đích cuối cùng là phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động; trên cơ sở đó mà cải thiện đời sống của nông dân và nhân dân, tăng tích lũy cho Nhà nước và cho kinh tế tập thể; 3- Quán triệt sâu sắc phương châm tích cực và vững chắc trong công tác cải tạo nông nghiệp; 4- Phát huy tính ưu việt của các tổ chức kinh tế tập thể”<sup>2</sup>.

Ban Bí thư chỉ đạo: “Trong thời gian trước mắt phải tổ chức được rộng rãi nông dân ở khắp nơi vào các hình thức quá độ, vừa củng cố cho tốt các tập đoàn sản xuất và các hợp tác xã hiện có, tạo ra được những tập đoàn sản xuất và hợp tác xã kiểu mẫu thực sự, vừa phát triển tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở những nơi có điều kiện. Đồng thời, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc phát triển rộng khắp tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, đi tới cơ bản hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp với hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu trong những năm tới”<sup>3</sup>.

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.197-198, 108-204.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.211.

Thực hiện Kết luận của Ban Bí thư, ngày 11/8/1981, Thường trực Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị mở rộng gồm các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tỉnh ủy viên, các ngành của tỉnh, bí thư, phó bí thư các huyện, thị xã, tập đoàn trưởng các tập đoàn sản xuất, tập đoàn máy, 4 tổ đoàn kết sản xuất khá, để kiểm điểm tình hình thực hiện Chỉ thị số 93-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng bộ tỉnh, đồng thời triển khai Thông báo số 14-TB/TW của Ban Bí thư.

Đến lúc này toàn tỉnh có 149 tập đoàn sản xuất trong đó có 128 tập đoàn ăn chia phân phối theo lao động, có 35 tập đoàn tiên tiến; 4 xã hoàn thành việc xây dựng tập đoàn sản xuất, tuy còn một số mặt yếu kém nhưng các xã này lấy cải tạo nông nghiệp làm trung tâm thúc đẩy được các mặt công tác khác, 3 cuộc cách mạng được tiến hành đồng thời, bước đầu tạo ra mô hình xã phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội<sup>1</sup>.

Hội nghị đã nghiêm túc kiểm điểm tình hình rút ra các kinh nghiệm từ cơ sở để thống nhất tư tưởng chỉ đạo trong thời gian tới.

Trong hai năm 1981 - 1982, mỗi năm khai hoang phục hóa hơn 7.500ha. Trong đó huyện Tam Nông dẫn đầu (năm 1981 khai hoang 5.891 ha). Mỗi huyện có một đội máy kéo nhà nước phục vụ nông nghiệp, tập trung ở các huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Cao Lãnh, Tháp Mười, Thạnh Hưng và Châu Thành, với tổng số 168 máy (không kể máy kéo của các nông trường). Diện tích gieo trồng được cày bằng máy năm 1981 là

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp - Ban Cải tạo nông nghiệp tỉnh: *Báo cáo tình hình cải tạo nông nghiệp 8 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 4 tháng cuối năm 1981.*

15.308ha, năm 1982 là 18.200ha. Nhà nước thu mua nông sản và các nông trường quốc doanh giao nộp gồm lúa, thịt heo hơi, cá nước ngọt, đậu tương, đậu xanh...

Năm 1982, diện tích trồng lúa cả năm 211.976ha, năng suất đạt 2,77 tấn/ha, sản lượng đạt 587.546 tấn, cao hơn năm 1981 là 121.984 tấn<sup>1</sup>. Các loại hoa màu lương thực và cây công nghiệp như đậu nành, bắp, lác, mía, thuốc lá... đều tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng khá.

Đến giữa năm 1983, toàn tỉnh đã điều chỉnh 20.382,95ha ruộng đất, trang cấp cho 21.571 hộ (trong đó có 4.581 hộ thương binh liệt sĩ, gia đình có con em là bộ đội tại ngũ). Toàn tỉnh xây dựng được 1.246 tổ đoàn kết sản xuất, 1.237 tập đoàn sản xuất, tập hợp 47% số hộ nông dân, 26% diện tích đất nông nghiệp, có 27/94 xã, thị trấn hoàn thành xây dựng tập đoàn sản xuất. Huyện Tam Nông đã tập thể hóa 85% diện tích lúa 2 vụ, là địa phương dẫn đầu phong trào hợp tác hóa trong tỉnh. Qua vận động cải tạo, toàn tỉnh thành lập 60 tập đoàn máy kéo, hoạt động liên doanh với liên tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ thì công tác cải tạo nông nghiệp trong tỉnh “còn chậm và chưa vững chắc”; chưa hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất nhất là vùng 2 (Đồng Tháp Mười); khoảng 24% nông dân thiếu đất hoặc không đất sản xuất; trong số xã hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp thì 40% thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư, 47% thực hiện có đúng có sai, 13% hoàn toàn sai.

---

1. Cục Thống kê Đồng Tháp: *Niên giám thống kê năm 1985 (giai đoạn 1981 - 1985)*.

Từ ngày 08 đến ngày 19/7/1983, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa III họp lần hai, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa V; thống nhất Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành; ra 2 văn kiện quan trọng: Nghị quyết số 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy về tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư là biện pháp quan trọng nhất để cải tiến quản lý trong các tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Đến vụ Đông Xuân 1984-1985, toàn tỉnh có 1.661 tập đoàn sản xuất thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, trong đó 1.530 tập đoàn sản xuất gieo trồng lúa với diện tích 60.382ha, diện tích khoán 53.183ha, năng suất bình quân ruộng khoán đạt 51,51 tạ/ha.

Gắn hợp tác hóa với thủy lợi hóa, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phân bổ lại lao động, bố trí lại cơ cấu sản xuất trên địa bàn huyện và cả tỉnh. Sản xuất nông nghiệp trong tỉnh phát triển theo hướng vừa tập trung chuyên canh, thâm canh, vừa kinh doanh tổng hợp nông - lâm - ngư kết hợp với công - thương - tín từ cơ sở. Tiêu biểu là mô hình xã Tân Mỹ và Bình Thành (huyện Thạnh Hưng), xây dựng liên doanh các đơn vị kinh tế tập thể (hợp tác xã nông - công - thương - tín), mở mang ngành nghề, tạo thêm việc làm.

Đến cuối năm 1985, tỉnh đã cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp (có 6/9 huyện thị, 93/104 xã hoàn thành cải tạo nông nghiệp). Trong 5 năm 1981 - 1985, khai hoang 5 vạn ha, chuyển vụ trên 4 vạn ha, xây dựng 5 hợp tác xã, 179 liên

tập đoàn và 2.322 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, đã tập thể hóa 87,81% đất canh tác và 93,11% số hộ nông dân.

#### 1.4. Cải tạo và xây dựng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lưu thông phân phối

Ngày 21/01/1981, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 25/CP về một số chủ trương biện pháp nhằm tiếp tục phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh. Theo đó, Bộ Tài chính có thông tri hướng dẫn kế hoạch của xí nghiệp gồm 3 phần: Phần kế hoạch Nhà nước giao, phần xí nghiệp tự làm và phần sản xuất phụ. Tình hình sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh có dấu hiệu được cải thiện.

Trên địa bàn tỉnh, giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hằng năm có tăng đáng kể. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gồm: Điện năng, cơ khí (sản xuất các sản phẩm bằng kim loại), hóa chất, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, dệt, may, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp in...<sup>1</sup>.

Công tác giá cả - thị trường ngày càng được quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hướng dẫn của Ủy ban vật giá nhà nước. Nhà nước chủ trương vận dụng linh hoạt 2 hệ thống giá bán buôn và bán lẻ (giá cung cấp và giá cao theo giá thị trường), giải quyết được vướng mắc trong công tác

---

1. Năm 1982, toàn tỉnh có 61 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, 9 hợp tác xã, 54 tổ hợp tác và 5.567 hộ cá thể sản xuất tiểu thủ công nghiệp, gồm 90 ngành nghề. Toàn tỉnh có 16.568 lao động tiểu thủ công nghiệp có tay nghề trong 4.680 cơ sở tiểu thủ công nghiệp (theo *Niên giám thống kê năm 1985 (giai đoạn 1981-1985)* của Cục Thống kê Đồng Tháp và “Phương hướng nhiệm vụ phát triển tiểu thủ công nghiệp năm 1982” của Liên hiệp xã tỉnh Đồng Tháp).

thu mua nắm nguồn hàng như huy động lương thực, thu mua nông sản và xây dựng cơ bản. Mặt hàng thu mua nông sản chủ yếu là heo hơi, đường cát, trâu bò hơi, cá nước ngọt, trứng gà vịt, chiếu cói, bố đay, đậu nành, bánh phồng tôm. Năm 1981, mặc dù vẫn còn nhiều trở ngại nhưng kết quả thu mua tăng nhiều so với năm 1980, có một số mặt hàng nông sản tăng khá như: Heo hơi tăng 250%, đường cát tăng 365,84%, đậu nành tăng 181,8%...<sup>1</sup>.

Để tăng cường và mở rộng hoạt động thu mua nguồn hàng và mạng lưới bán lẻ, năm 1982, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương thành lập các công ty thương nghiệp huyện; tổ chức mạng lưới hợp tác xã mua bán cấp xã đến các tập đoàn sản xuất và cho phép sử dụng tư thương làm đại lý thu mua nguồn hàng nông sản cho Nhà nước (để sử dụng nhân lực, kinh nghiệm quản lý, tiền vốn và cũng là “cải tạo” tư thương).

Tỉnh cũng hợp đồng liên doanh với Thành phố Hồ Chí Minh trong hoạt động trao đổi hàng hóa và xuất nhập khẩu.

Từ đầu năm 1982, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Prey Veng (Campuchia) thống nhất mở hai bến trao đổi hàng hóa qua biên giới, một bến tại Thông Bình và một bến tại Thường Phước thuộc huyện Hồng Ngự.

Để giải quyết tình hình khó khăn trong sản xuất và đời sống nhân dân, trong hai năm 1981 - 1982, từ Trung ương đến tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp cải tiến cơ chế quản lý kinh tế. Giai đoạn đầu có gặp nhiều khó khăn trở ngại vì guồng máy lãnh đạo điều hành từ sản xuất đến lưu thông

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp - Sở Thương nghiệp Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết công tác nội thương năm 1982, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch năm 1983.*

phân phối về cơ bản còn nặng cơ chế quản lý cũ - tập trung quan liêu bao cấp. Dù còn nhiều khó khăn, nhưng đây là tín hiệu đáng mừng, trên chặng đường bứt phá đi lên vì tương lai hạnh phúc của nhân dân, vì sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng.

### *1.5. Từng bước tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*

Để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc do cơ chế tập trung quan liêu gây nhiều cản ngại, ngày 19/8/1984, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 17-NQ/TU “Về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế”. Nội dung chủ yếu gồm:

- Bố trí lại cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp của tỉnh một cách hợp lý nhằm phát huy tiềm năng đất đai, mặt nước, lao động, chú trọng vùng Đồng Tháp Mười.

- Tổ chức lại sản xuất, phát triển các hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết kinh tế giữa tỉnh, huyện và cơ sở, giữa tỉnh với Thành phố Hồ Chí Minh, giữa tỉnh với Trung ương, với nước ngoài...; xây dựng các xí nghiệp liên hiệp khép kín để hợp lý hóa sản xuất.

- Cải tiến công tác kế hoạch gồm 2 hệ thống: hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh và hệ thống chỉ tiêu phấn đấu của địa phương, dựa vào 4 nguồn cân đối về vật tư và vốn (cấp trên đưa xuống, tự tìm tại địa phương, xuất - nhập khẩu và liên kết kinh tế).

- Cải tiến cơ chế quản lý ở xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp.

- Cải tiến phân phối lưu thông (thương nghiệp, giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ, xuất nhập khẩu).

Biện pháp chủ yếu: Phân cấp toàn diện cho huyện, thị và ngành; thực hiện chế độ thủ trưởng; sắp xếp tổ chức, tinh giản

bộ máy, tăng cường cán bộ cho các ngành sản xuất kinh doanh; chấn chỉnh lề lối chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy.

Ngoài những nghị quyết trên đây, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh còn ra một số nghị quyết hoặc chương trình hành động về các lĩnh vực quan trọng khác<sup>1</sup>.

Cũng trong những năm 1981 - 1985, tỉnh vận dụng chủ trương giải quyết hài hòa 3 lợi ích (lợi ích của Nhà nước, lợi ích tập thể và lợi ích của người lao động), thực hiện bù giá vào lương, chuyển đổi sang làm kế hoạch hóa từ cơ sở (bước đầu thực hiện kế hoạch 3 phần), các đơn vị sản xuất vừa thực hiện chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh (theo giá chỉ đạo), vừa tự cân đối kế hoạch 2 (theo yêu cầu và giá cả thị trường), “đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ một bước cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp”<sup>2</sup>, chuyển sang kế hoạch hóa 3 cấp cơ bản, gắn kế hoạch sản xuất kinh doanh với hạch toán kinh tế.

Mở rộng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, áp dụng hình thức lương sản phẩm, lương khoán, tiền thưởng có tác dụng thúc đẩy sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động.

---

1. Như: Nghị quyết về phân công phân cấp quản lý cán bộ (ngày 10/3/1983); Nghị quyết về chương trình kinh tế vườn (ngày 20/4/1984); Chương trình hành động về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1984; Chương trình hành động (ngày 05/02/1985) về phương hướng nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 1985; Chương trình về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện (ngày 04/12/1985); Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về huyện Hồng Ngự (ngày 10/7/1984); Nghị quyết về đẩy mạnh sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp (ngày 28/6/1986)...

2. Báo cáo của đồng chí Trần Anh Điền, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp: “Tình thần nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 về kế hoạch năm 1982”, ngày 11/01/1982 tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần III (vòng 1).



Trong nông nghiệp, các tập đoàn sản xuất khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư. Công tác thủy lợi (thủy lợi tiểu vùng) có bước phát triển và phát huy tác dụng, có khả năng tưới tiêu 45.000ha trong số 65.000ha lúa hai vụ. Các nông trường quốc doanh như Động Cát, Láng Biển... đã ổn định kế hoạch sản xuất (lúa mùa). Tỉnh phân cấp cho huyện, chỉ đạo xây dựng ngân sách xã, giao quyền chủ động về kế hoạch và tài chính cho cơ sở. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, thực hiện “Trung ương, địa phương, cơ sở cùng làm”, “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, 3 nguồn vốn (Trung ương, địa phương và nhân dân).

Các ngành lương thực, thương nghiệp, tài chính, Công ty Liên hiệp xuất - nhập khẩu... có nhiều cố gắng cải tiến quản lý. Ngành thương nghiệp chuyển sang kinh doanh, công ty cấp 2 (của tỉnh) làm nhiệm vụ chủ yếu là bán buôn, thành lập công ty cấp 3 ở huyện, thị, coi trọng mạng lưới bán lẻ ở cơ sở. Năm 1982, công tác thu mua năm nguồn hàng của ngành nội thương tăng từ 2 đến 3 lần so với năm 1981. Tỉnh lập cơ sở kiêu hối, tổ chức lại các trạm kiểm soát, giải thể các trạm nội tỉnh, củng cố các trạm xuất tỉnh.

Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng tình hình kinh tế có nhiều mặt phát triển đúng hướng, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt, một số chỉ tiêu vượt gấp đôi ba lần. Đây là kết quả bước đầu của quá trình tìm tòi, cải tiến quản lý kinh tế mà trước hết, chủ yếu là vận dụng sáng tạo chính sách đòn bẩy kinh tế, từ đó củng cố niềm tin và quyết tâm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và đời sống của các cấp, các ngành trong tỉnh.

Diện tích lúa Đông Xuân và Hè Thu từ 105.000ha năm 1981 tăng lên 133.000ha năm 1985. Sản lượng lương thực

năm 1985 tăng hơn 2 lần năm 1981, cây công nghiệp xuất khẩu tăng hơn 8 lần so với năm 1976. Lần đầu tiên trong tỉnh, sản lượng lương thực bình quân trên 500 kg/người/năm. Khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là tôm xuất khẩu tăng mạnh (năm 1985 thu mua được gần 1.000 tấn tôm xuất khẩu). Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, kể cả cán bộ, công nhân viên.

Trong 5 năm 1981 - 1985, sản xuất tiểu thủ công nghiệp<sup>1</sup> được khôi phục và phát triển một bước ở các thị xã, thị trấn và nhiều vùng nông thôn, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, tạo thêm sản phẩm cho xã hội nhất là hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Có 4/9 huyện, thị được công nhận hoàn thành cải tạo công - thương nghiệp tư bản tư doanh. Tuy nhiên, tình hình cung ứng vật tư cho sản xuất không đủ và không kịp thời, giá cả không ổn định, nhất là những tháng cuối năm 1985 giá cả căng thẳng và biến động lớn... Đây là những vấn đề mà tỉnh còn tiếp tục phải tháo gỡ.

Từ năm 1981, Trung ương điều chỉnh gần như toàn diện hệ thống giá, đồng thời từng bước điều chỉnh mức phụ cấp lương, cải thiện được một phần mức thu nhập của cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang. Việc duy trì cơ chế cung

---

1. Bao gồm các ngành hàng: Hàng xuất khẩu như cây lác, xơ dừa, sành, sứ, tre trúc...; hàng tiêu dùng như dệt vải mùng, khăn choàng tắm, bao bố, chiếu, chằm nón lá, xà bông, kem đánh răng, đồ mộc, đồ nhôm, nhựa, thủy tinh, bao bì, đóng xuống ghe, bột giấy...; hàng lương thực, thực phẩm: gạo, bột lọc, hủ tiếu, bánh trắng, nước chấm, tương chao, bánh kẹo, đường (thô và kết tinh), cốm, bánh mì...; hàng vật liệu xây dựng: gạch ngói, khai thác cát, sỏi; hàng tư liệu sản xuất: kim khí gia dụng, công cụ cầm tay, nông cụ thô sơ, phân hữu cơ...; các dịch vụ khác như cơ khí sửa chữa nhỏ, điện tử, may mặc...

cấp hiện vật và 2 khu vực mua bán với 2 giá (giá cung cấp theo chỉ đạo và giá đảm bảo kinh doanh) đã phát sinh nhiều phức tạp và tiêu cực. Giá cung cấp quá thấp và chế độ tiền lương thấp chưa phản ánh đúng giá trị và sức mua của đồng tiền luôn biến động, làm cho nhiều xí nghiệp kinh doanh bị lỗ, sản xuất cầm chừng; phụ cấp lương chưa tương xứng với tốc độ tăng giá. Ở một số ngành và địa phương có hiện tượng chạy theo lợi nhuận đơn thuần, nặng buôn bán đường dài, kinh doanh sai nguyên tắc; tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ, tiền lương trở thành những vấn đề phức tạp.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, Tỉnh ủy Đồng Tháp họp từ ngày 05 đến 07/7/1985 ra Nghị quyết số 21-NQ/TU về giá - lương - tiền. Tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy là: “Khẩn trương, triệt để và đồng bộ, kiên quyết xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa”. Các giải pháp cơ bản là:

- Thực hiện bù giá vào lương gồm 9 mặt hàng định lượng và 16 mặt hàng không định lượng cho tất cả cán bộ, công nhân viên và chiến sĩ kể cả các cơ sở Trung ương đóng tại địa phương, lĩnh toàn bộ lương bằng tiền mặt (từ 01/8/1985). Xóa bỏ cơ chế cung cấp hiện vật, các loại tem phiếu, sổ mua hàng. Các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đưa tiền lương vào giá thành sản phẩm hoặc doanh số, sắp xếp lại tổ chức, giảm nhẹ bộ phận gián tiếp.

- Thực hiện cơ chế một giá, lấy lúa làm chuẩn để tính lại giá nông sản và các hàng hóa khác, bảo đảm cho người sản xuất bù đắp đủ chi phí, có lãi hợp lý, nhằm khuyến khích người trực tiếp sản xuất.

- Có phương án tăng thu ngân sách và tiền mặt. Ngân hàng chuyển sang kinh doanh tiền tệ.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, từ trung tuần tháng 9/1985 cả nước tiến hành đổi tiền, thực hiện cải cách chế độ tiền lương và điều chỉnh mặt bằng giá mới. Mệnh giá đồng tiền mới gấp 10 lần đồng tiền cũ. Sau đổi tiền xuất hiện tình trạng khan hiếm tiền lẻ, gây cản ngại trong trao đổi, mua bán của nhân dân và ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhiều nơi, nhân dân tung lượng tiền lớn ra mua hàng, tạo nên sự khan hiếm hàng hóa. Ngày 01/10/1985, cả nước đồng loạt kiểm kê hàng hóa, sau đó Nhà nước ban hành hàng loạt giá mới, trong đó có giá nhiều mặt hàng chưa hợp lý như: giá cước xe, tàu, giấy vở học sinh, thuốc tây, vải, điện, nước, xi măng, gỗ... Lợi dụng tình hình đó, kẻ địch và bọn xấu tung tin thất thiệt, khoét sâu thêm tình hình khó khăn về tiền mệnh giá nhỏ và tiền lẻ, gây tâm trạng hoài nghi trong quần chúng, rằng: “Nhà nước sẽ hủy giấy bạc từ 50 đồng trở lên; tổng kiểm kê hàng hóa trên thị trường...”. Tình hình giá cả tăng nhanh, trong 8 tháng đầu năm 1985, bình quân giá cả các nhóm mặt hàng thiết yếu mỗi tháng tăng 3,65%; tháng 10 tăng 55,76%; tháng 11 và 12 tăng bình quân 75,33%<sup>1</sup>. Hàng công nghệ phẩm giá lên rất cao, trong khi hàng nông sản tăng chậm, đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người lao động, nhất là đồng bào vùng sâu nông thôn vốn đã khó khăn, mức sống lại càng giảm sút mạnh.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết của Ủy ban Vật giá tỉnh, ngày 17/3/1986*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Việc xếp lương mới là một cuộc cách mạng, thực hiện phân phối theo lao động, xóa thang bảng lương và cơ chế tem phiếu cũ. Tuy nhiên, thời gian đầu chuyển sang chế độ lương mới, một số địa phương không đủ tiền mặt cấp phát lương. Ngân sách của tỉnh, huyện đều căng thẳng.

Giải quyết tình hình trên đây, tỉnh chủ trương tăng thu ngân sách nhằm bảo đảm đủ quỹ tiền lương mới, bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản và các mặt hoạt động khác, tháo gỡ các vướng mắc, giao quyền chủ động về tài chính cho các đơn vị sản xuất cơ sở, có sự phân công phân cấp cụ thể. Mỗi ngành, mỗi cấp đều phấn đấu mở rộng sản xuất kinh doanh, nghiên cứu lại tổ chức, biên chế, tinh giản bộ máy, tính toán lại hiệu quả kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm bớt hoặc xóa bỏ các chi phí bất hợp lý.

Tháng 11/1985, sau khi có Thông báo số 68-TB/TW của Bộ Chính trị, các cấp, các ngành trong tỉnh triển khai quán triệt đến chi bộ, đảng viên. Nguyên nhân sâu xa của tình hình rối loạn về giá cả sau khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương là do thực trạng nền kinh tế yếu kém, còn mất cân đối lớn, sản xuất chưa đủ tiêu dùng, xuất khẩu không đủ nhu cầu nhập khẩu, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Trong tổ chức chỉ đạo thực hiện, *khuyết điểm bao trùm nhất là chủ quan, nóng vội, tiến hành dồn dập một lúc cả 3 việc lớn: đổi tiền, công bố hệ thống giá mới và thực hiện chế độ lương mới*, trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ, chu đáo về điều kiện vật chất, về chính sách, chế độ, về tổ chức cán bộ, về tuyên truyền, giáo dục. Việc triển khai phương án giá - lương - tiền chưa gắn chặt với việc tổ chức lại sản xuất và lưu thông, khẩn trương xây dựng cơ chế quản lý mới.

Tuy còn một số khó khăn, bất cập, nhưng việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã tạo ra bước chuyển đáng kể. Tỉnh ủy nhận định: “Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết của Tỉnh ủy lần này có ý nghĩa cách mạng, nó kết thúc cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã có từ nhiều năm nay, nó làm thay đổi toàn diện về cơ chế giá - lương - tiền, sẽ tạo ra sự chuyển biến mới trong toàn xã hội”<sup>1</sup>.

## 2. Lãnh đạo điều chỉnh địa giới hành chính, đẩy mạnh khai thác Đồng Tháp Mười

### 2.1. Lãnh đạo điều chỉnh địa giới hành chính

Việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã trong những năm 1981 - 1985 xuất phát từ yêu cầu xây dựng cấp huyện theo mô hình cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp với quy mô diện tích và dân số phù hợp.

*- Cao Lãnh là huyện đầu tiên được tách ra thành 3 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm huyện Cao Lãnh, Tháp Mười và thị xã Cao Lãnh.*

Huyện Cao Lãnh được thành lập từ tháng 7/1975, do sáp nhập các huyện Cao Lãnh, Mỹ An, Kiến Văn và thị xã Cao Lãnh cũ, là huyện lớn nhất gồm 22 xã, diện tích tự nhiên 112.483ha, diện tích canh tác ở thời điểm năm 1980 là 49.364ha, dân số 250.530 người.

---

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt hơn Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Tài liệu tham khảo cho cán bộ trình bày trước chi bộ trong sinh hoạt nghiên cứu *Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 68-TB/TW, ngày 02/01/1985*), tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Chính phủ ra Quyết định số 04/CP ngày 05/01/1981 chia huyện Cao Lãnh thành 2 huyện Tháp Mười và Cao Lãnh.

Huyện Tháp Mười có diện tích tự nhiên 57.523ha, diện tích canh tác 45.102ha, dân số 65.909, gồm 8 xã. Đến năm 1984 nâng lên thành 10 xã, 1 thị trấn, huyện lỵ đặt tại thị trấn Mỹ An<sup>1</sup>.

Huyện Cao Lãnh (mới) có diện tích tự nhiên 54.970ha, diện tích canh tác 44.262ha, dân số 184.621, gồm 18 xã:

Đến ngày 23/02/1983, thị xã Cao Lãnh được thành lập theo Quyết định số 13/HĐBT ngày 23/02/1983 của Hội đồng Bộ trưởng, theo đó thành lập thị xã Cao Lãnh trên cơ sở tách thị trấn Cao Lãnh cũ để thành lập 4 phường (I, II, III, IV) và các xã Hòa An, Mỹ Trà, Mỹ Tân của huyện Cao Lãnh. Hai năm sau, ngày 17/12/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định quy hoạch mở rộng thị xã Cao Lãnh về phía tây nam, tây bắc, bắc - đông bắc và phía đông<sup>2</sup>; theo Quyết định này, huyện Cao Lãnh chuyển giao tổng số 7.987ha và 54.504 nhân khẩu cho thị xã Cao Lãnh. Thị xã Cao Lãnh sau khi điều chỉnh có diện tích tự nhiên 10.985ha, dân số hơn 100.000 người.

---

1. Tám xã của huyện Tháp Mười gồm: Mỹ Quý, Mỹ Đông, Mỹ Hòa, Mỹ An, Hưng Thạnh, Trường Xuân, Thanh Mỹ và Đốc Bình Kiều. Huyện lỵ đặt tại xã Mỹ An. Ngày 06/3/1984, theo Quyết định số 36/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, 4 xã Mỹ Hòa, Đốc Bình Kiều, Mỹ An, Thanh Mỹ được điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập 2 xã Tân Kiều, Phú Điền và thị trấn Mỹ An. Đến lúc này huyện Tháp Mười có 10 xã, 1 thị trấn.

2. Gồm 3 xã Tân Thuận Đông, Tân Thuận Tây và Tịnh Thới; Ngoài ra, lấy 5 ấp của xã Tân Nghĩa để mở rộng thị xã về phía tây bắc; cắt phần lớn ấp 4 và ấp 5 của xã Phương Trà để mở rộng thị xã về phía bắc - đông bắc; cắt 2-3 ấp An Lạc của xã An Bình để mở rộng thị xã về phía đông.

- *Thị xã Sa Đéc thành lập 4 phường, điều chỉnh địa giới một số xã.*

Sa Đéc được hình thành từ khoảng cuối thế kỷ XVIII. Năm 1900, thành lập tỉnh Sa Đéc, từ đó Sa Đéc là tỉnh lỵ, gồm 5 xã, trung tâm là xã Vĩnh Phước. Quyết định số 62-HĐBT ngày 10/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, giải thể các xã Vĩnh Phước, Tân Quy Đông, Tân Quy Tây, Tân Hưng, Tân Phú Đông để thành lập 4 phường I, II, III, IV và 3 xã Tân Quy Tây, Tân Phú Đông, Tân Quy Đông. Năm năm sau, ngày 06/12/1985, Tỉnh quy hoạch thị xã Sa Đéc mở rộng về phía đông bắc gồm xã Tân Khánh Đông, xã Tân Dương của huyện Thạnh Hưng và 3 cồn trên sông Tiền là cồn Ông, cồn Sậy, cồn Bông Bông của xã Bình Hàng Trung (Cao Lãnh). Đến lúc này, thị xã Sa Đéc có diện tích tự nhiên 5.233 héc-ta, dân số 85.000 người.

- *Chia huyện Tam Nông thành 2 huyện Tam Nông và Thanh Bình.*

Theo Quyết định số 13/HĐBT ngày 23/02/1983 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện Tam Nông tách ra thành hai huyện, lấy tên là Tam Nông và Thanh Bình.

Huyện Tam Nông có 9 xã<sup>1</sup>: An Long, Phú Ninh, An Hòa, Phú Thọ, Phú Thành, Tân Công Sính, Phú Hiệp, Phú Đức và Phú Cường. Huyện lỵ đóng tại xã Phú Hiệp. Huyện Tam Nông có diện tích tự nhiên 43.448ha, diện tích canh tác 21.208ha, dân số 73.000 người. Phía bắc giáp huyện Hồng Ngự, phía nam

---

1. Trước khi tách huyện, ngày 19/02/1983, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 11/HĐBT về việc phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Đồng Tháp, trong đó xã Phú Thành chia hai xã lấy tên là Phú Thành và Phú Thọ, xã An Long chia 3 xã lấy tên là An Long, An Hòa và Phú Ninh.



giáp huyện Thanh Bình, phía đông giáp huyện Tháp Mười và tỉnh Long An, phía tây giáp sông Tiền.

Huyện Thanh Bình có diện tích tự nhiên 35.181ha, diện tích canh tác 26.615ha, dân số 113.676 người, gồm 10 xã<sup>1</sup>: Bình Thành, Tân Mỹ, Phú Lợi, Tân Phú, Tân Thạnh, An Phong, Tân Hòa, Tân Huệ, Tân Quới, Tân Long. Huyện lỵ đặt tại xã Tân Phú. Địa giới của huyện Thanh Bình: phía bắc giáp huyện Tam Nông, phía tây và phía nam giáp sông Tiền, phía đông giáp huyện Cao Lãnh.

*- Chia tách nhiều xã ở các huyện Hồng Ngự, Lấp Vò, Châu Thành và đổi tên huyện Lấp Vò là Thạnh Hưng.*

Huyện Hồng Ngự và huyện Lấp Vò là 2 huyện tương đối lớn, riêng huyện Lấp Vò từ tháng 7/1975 là huyện ghép từ 2 huyện Lấp Vò và Lai Vung cũ. Nhiều xã của 2 huyện này cũng là xã ghép từ năm 1975. Từ năm 1981 đến năm 1985, theo các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, các xã ghép đều lần lượt tách ra. Riêng huyện Lấp Vò đổi tên là Thạnh Hưng. Huyện Châu Thành chỉ tách một phần của xã Phú Hựu để thành lập thị trấn Cái Tàu Hạ (huyện lỵ).

Đến cuối năm 1985, tỉnh Đồng Tháp có 7 huyện (Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Thạnh Hưng, Châu Thành), 2 thị xã (Sa Đéc và Cao Lãnh). Thị xã Cao Lãnh được quy hoạch là tỉnh lỵ, nhưng phải 10 năm sau, việc xây dựng và di dời các cơ quan trọng yếu của tỉnh từ Sa Đéc về đây mới hoàn tất.

---

1. Cũng theo Quyết định số 11/HĐBT, ngày 19/02/1983, xã Tân Phú chia 2 xã lấy tên là Tân Phú và Tân Mỹ, xã Tân Thạnh chia 2 xã Tân Thạnh và Phú Lợi, xã Tân Huệ chia thành 2 xã Tân Huệ và Tân Hòa.

Những huyện, thị mới chia tách, Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp điều động cán bộ, chỉ định thành lập ban chấp hành đảng bộ huyện, bố trí cán bộ chủ chốt các ngành, các khối (như khối Đảng, khối dân vận, khối chính quyền, kinh tế và nội chính).

Việc chia tách huyện, xã trong những năm 1981 - 1985 là quyết định có ý nghĩa và tầm quan trọng chiến lược. Sự phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội của tỉnh trong nhiều thập kỷ sau này là một minh chứng, nhất là tạo ra địa bàn chiến lược để đẩy mạnh cuộc tiến công khai thác Đồng Tháp Mười.

## *2.2. Đẩy mạnh khai thác, phát triển vựa lúa trọng điểm Đồng Tháp Mười*

Ý tưởng về vùng Đồng Tháp Mười, một vựa lúa trọng điểm đầy tiềm năng, là niềm khát khao và ý chí quyết tâm từ lâu của lãnh đạo tỉnh và người dân Đồng Tháp. Từ đầu năm 1976, tỉnh chủ trương “Tiến công khai thác Đồng Tháp Mười”. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (vòng 2), đặt ra nhiệm vụ chung trong 5 năm 1976-1980 và nhiệm vụ trước mắt trong 2 năm 1977 - 1978 là “...Ra sức phát triển thủy lợi, thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích, đẩy mạnh nông nghiệp toàn diện”; “tăng cường cao độ hướng vào Đồng Tháp Mười, phát triển thủy lợi, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng (tràm)”; “thu hút đông đảo nhân dân lao động ở các thị trấn, thị xã, các vùng đông dân cư hăng hái tiến công vào Đồng Tháp Mười”. Các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh xây dựng kế hoạch đều hướng vào Đồng Tháp Mười như phát triển nông nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải, bưu điện, khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, lưu thông phân phối, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế...

Vùng sâu Đồng Tháp Mười phần thuộc tỉnh Đồng Tháp tính từ kênh Kháng Chiến trở vào giáp Long An, Tiền Giang, có tổng diện tích tự nhiên 150.000ha. Điều kiện đất đai thổ nhưỡng ở đây qua thăm dò địa chất và khảo sát sinh hóa, cho thấy hầu hết diện tích là đất phèn, trong đó phèn nặng 73.000ha (PH 2,4 - 3,5), phèn nhẹ 43.000ha (PH 3,3 - 4,2), khoảng 17.000ha đất phù sa cổ và Sialit, Feralit xám trên nền phù sa cổ, 10.000ha đất phù sa Glây, diện tích còn lại là kênh rạch, một ít nơi có than bùn phèn và đất cát vàng. Hầu hết vùng Đồng Tháp Mười về mùa mưa, nhất là từ tháng 8 đến tháng 10 hằng năm, nước ngập sâu từ 2 đến 3m (trừ gò Sa Rài), về mùa khô lại thiếu nước ngọt. Đến năm 1981 toàn vùng còn gần 40.000ha đất hoang hóa. Giao thông đường thủy nói chung thuận lợi, giao thông đường bộ chưa hình thành đáng kể. Đời sống kinh tế và văn hóa của nhân dân còn rất nhiều khó khăn.

Từ năm 1980, Bộ Nông nghiệp lập Ban Kiến thiết Đồng Tháp Mười. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Chính phủ Tờ trình xin phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật “Vùng khai hoang chuyên canh lúa Tháp Mười” gồm 18 xã của 4 huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Cao Lãnh, Tháp Mười. Vùng này phía bắc giáp biên giới Việt Nam - Campuchia (lấy sông Sủ Hạ làm ranh giới), phía nam giáp kênh Số Một thuộc huyện Cao Lãnh và kênh Nguyễn Văn Tiếp B; phía đông từ biên giới Việt Nam - Campuchia chạy dài xuống tiếp giáp tỉnh Tiền Giang; phía tây giáp kênh Kháng Chiến và kênh Cái Bèo. Ngày 15/12/1980, Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh họp và phê duyệt “Quy hoạch vùng lúa Tháp Mười” với diện tích tự nhiên 111.200ha, trong đó khoảng 90.100ha đất sản xuất



Đồng chí Nguyễn Xuân Trường (bên trái), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các nhà khoa học nghiên cứu thổ nhưỡng Đồng Tháp Mười

Ảnh Hoàng Trọng

nông nghiệp. Phương hướng tổ chức sản xuất theo 2 khu vực: nông trường quốc doanh và hợp tác xã, trong đó nông trường giữ vai trò chủ đạo.

Năm 1981, trong tỉnh đã hình thành 8 nông trường quốc doanh: Bắc Trang, Quyết Thắng, Giồng Găng, Tam Phú, Tam Hiệp, Cô Đông, Đồng Tháp, Láng Biển và Trại cải tạo của Ty Công an. Tỉnh trực tiếp quản lý 3 nông trường phía bắc kênh Hồng Ngự - Long An như nông trường Sở Hạ, Bắc Trang, Quyết Thắng, thuộc huyện Hồng Ngự; các nông trường còn lại giao cho Bộ Nông nghiệp đầu tư. Đến 1983, số nông trường quốc doanh tăng lên 10 nông trường với tổng diện tích 51.800ha<sup>1</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Tổng kết 30 năm chinh phục Đồng Tháp Mười*, 2008, tr.54.

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên tại các nông trường hầu hết là đất hoang, được “gán” cho nông trường trong điều kiện đất chua phèn chưa thể trồng lúa được. Cho nên “thực canh” của các nông trường cộng lại chỉ đạt 4.022ha, chủ yếu là trồng lúa mùa, đạt sản lượng 4.090 tấn, giao nộp cho Nhà nước 1.070 tấn lúa.

Năm 1984, sau giải thể và sáp nhập còn lại 5 nông trường: Giồng Găng, Cô Đông do quân đội quản lý, nông trường Quyết Thắng và nông trường Động Cát do tỉnh quản lý; nông trường Láng Biển do Trung ương quản lý (nông trường này thuộc Công ty thức ăn gia súc miền Nam)<sup>1</sup>.

Cùng với việc di dân xây dựng các vùng kinh tế mới, các nông trường quốc doanh đi tiên phong trong giai đoạn mở đầu khai thác Đồng Tháp Mười, một vùng đất phèn hoang hóa đầy khó khăn, thách thức. Sau này, dù có sáp nhập, chuyển đổi nhưng “buổi đầu tiến quân vô Đồng Tháp Mười” đã để lại bài học kinh nghiệm thật đáng quý cho những thế hệ sau.

Để tiếp tục phục vụ khai thác Đồng Tháp Mười và phát triển kinh tế, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục xây dựng lực lượng Thanh niên xung phong. Năm 1985, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập, tổ chức biên chế khoảng 1.000 hội viên thanh niên. Thanh niên xung phong là lực lượng xung kích, đi đầu đảm đương nhiều công trình xây dựng thủy lợi, giao thông

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Tổng kết 30 năm chinh phục Đồng Tháp Mười, 2008*, tr.63 và *Bản góp ý bản dự thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh*, tập IV của đồng chí Lê Minh Triết, nguyên Tỉnh ủy viên, nguyên Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp.

ở Đồng Tháp Mười<sup>1</sup>. Tỉnh tích cực động viên đưa dân vào khai hoang các vùng kinh tế mới ở khu vực Hồng Ngự, Tam Nông và Châu Thành. Giai đoạn 1977 - 1980, tỉnh có nhiều chủ trương, chính sách để tạm ổn định đời sống cho 50.000 Việt kiều và tiếp tục giải quyết đời sống cho số Việt kiều còn lại và nhiều gia đình bà con Việt kiều từ Long An, Tây Ninh trở về hầu hết được bố trí vào vùng kinh tế mới. Đã tích cực giải quyết cứu trợ cho Việt kiều về lương thực, vải, thuốc men, phương tiện sản xuất và xây dựng 24 cơ sở công cộng, 3.750 nhà ở, đắp thêm 2.750 nền nhà. Dùng xáng cạp và lao động thủ công mở rộng kênh Kháng Chiến, đoạn thuộc khu kinh tế mới huyện Hồng Ngự, Tam Nông, lấy đất tôn cao mặt bằng, hình thành tuyến dân cư mới. Vận động 30.250 dân trong 12 xã của 3 huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Cao Lãnh vào vùng kinh tế mới.

Công tác xây dựng vùng kinh tế mới bước đầu có kết quả nhưng còn chậm và bị động do nhiều khó khăn, thiếu vật tư, cây, lá, dân từ biên giới chạy về dồn dập, các địa phương chưa kịp giải quyết.

Trong 2 năm 1981 - 1982, tình hình khó khăn về nguyên liệu, vật tư, thiếu phụ tùng sửa chữa bảo dưỡng máy kéo, máy nông nghiệp, thời tiết không thuận lợi, giá cả thị trường tăng<sup>2</sup>... có ảnh hưởng nhất định đến sản xuất. Tỉnh ủy chủ trương: những xã đất hẹp, người đông thì lập tập đoàn sản

1. Năm 1986, lực lượng Thanh niên xung phong trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đầu năm 1989 thì giải thể.

2. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 31/7/1982 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp*: Chỉ số giá giữa năm 1982 tăng gấp 1,5 lần so với cùng kỳ năm 1981. Hàng thực phẩm tăng 55,31%, hàng lương thực tăng 44,11%, hàng công nghệ phẩm tăng 78%.

xuất cơ sở II đi vào khai thác Đồng Tháp Mười. Toàn tỉnh đã chuyển một lực lượng dân cư gồm 12.000 người trong đó 5.000 lao động vào xây dựng các khu kinh tế mới.

Việc xây dựng thủy lợi được chú trọng, “đến năm 1985, với hơn 700km kênh trục lớn được đào mới như kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, kênh An Bình, kênh An Phong - Mỹ Hòa, cùng các tuyến kênh cũ được mở rộng và nạo vét lại như các kênh Tháp Mười, Đồng Tiến, Phước Xuyên, Tư Mới cùng với các kênh cấp 1, cấp 2 khác... đã dẫn nước ngọt từ sông Tiền vào các huyện vùng sâu Tháp Mười, Tam Nông tạo thành một mạng lưới giao thông thủy vô cùng thuận lợi, phục vụ các yêu cầu sản xuất, đi lại, giao lưu giữa các vùng. “Kênh đào tới đâu, dân vào sâu tới đó”, ngày càng nhiều tuyến dân cư hình thành dọc theo hai bên bờ kênh mới mở”<sup>1</sup>. Đến 1985, dân cư đến vùng kinh tế mới Đồng Tháp Mười tăng lên 40.388 người; diện tích phục hóa, khai hoang 44.479 ha, thành lập được 872 tập đoàn sản xuất<sup>2</sup>.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và sự giúp đỡ trực tiếp của đồng chí Võ Văn Kiệt, tỉnh hợp tác với các cơ quan khoa học - kỹ thuật của Nhà nước, thực hiện các công trình điều tra cơ bản điều kiện sinh hóa, tạo điều kiện quy hoạch phân vùng kinh tế, lập bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/25.000.

Tỉnh hợp tác với trường Đại học Cần Thơ thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học sản xuất lúa hai vụ, đặc biệt là vùng đất phèn mới được cải tạo.

---

1, 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Tổng kết 30 năm chinh phục Đồng Tháp Mười, Tlđđ*, tr.54.

Quá trình điều tra, nghiên cứu và thử nghiệm, trong đó không tránh khỏi những lần thất bại và bế tắc, rồi cuối cùng hình thành sự kết hợp giữa khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm truyền thống của nông dân. Phương thức cải tạo đất vùng Đồng Tháp Mười chủ yếu là cải tạo đất phèn nặng. Giải quyết đất phèn nặng, trước tiên phải đào nhiều kênh lớn (cấp 1, cấp 2) để đưa nước ngọt sông Tiền vào sâu Đồng Tháp Mười, kết hợp phong trào làm thủy lợi nội đồng của nông dân, thực hiện thau chua rửa phèn và dùng nước ngọt ém phèn. Dùng cơ giới kết hợp thủ công trang bằng mặt ruộng để thuận tiện việc tưới tiêu làm lúa hai vụ... Chọn và sử dụng giống lúa kháng phèn, kháng sâu bệnh rầy nâu, ngắn ngày và có năng suất cao.

Quá trình “tiến công khai thác Đồng Tháp Mười” giai đoạn 1976 - 1985, tuy còn nhiều mặt khó khăn về khách quan



Người dân thu hoạch lúa trên cánh đồng Đồng Tháp Mười

Ảnh: Hoàng Sang





Cộ lúa trên cánh đồng xã Tân Công Chí năm 1984

Ảnh: Hoàng Dũng



Thu hoạch lúa trời (lúa ma)

Ảnh: Thanh Lâm

và hạn chế chủ quan lúc đầu, nhưng đã đạt thành tựu đáng khích lệ. Giai đoạn này sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng khoảng 80% giá trị tổng sản lượng công - nông nghiệp và 72% tổng sản phẩm xã hội toàn tỉnh. Vùng Đồng Tháp Mười, lúa Đông Xuân và Hè Thu tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Tỷ trọng lúa ngắn ngày từ 47,76% năm 1980, tăng lên 59,49% năm 1985; sản lượng lúa vùng Đồng Tháp Mười so với cả tỉnh chiếm 59,70% năm 1980, tăng lên 69,07% năm 1985<sup>1</sup>. Nhiều nơi trồng được cây công nghiệp ngắn ngày như các loại đậu đạt hiệu quả cao. Diện tích trồng trà khoảng 10.000ha. Nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm chưa phát triển nhiều.

Trong tình hình có nhiều khó khăn, như hậu quả chiến tranh, thiên tai, nguồn lực đầu tư hạn chế, kinh tế đất nước trong giai đoạn khủng hoảng nặng, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp chưa được xóa bỏ đã kìm hãm sức sản xuất xã hội... ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và thành quả mang lại, những kết quả đạt được bước đầu trên đây có ý nghĩa hết sức quan trọng, đặt nền móng cho giai đoạn phát triển sau này - vùng Đồng Tháp Mười phát triển ngoạn mục trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

### 3. Xây dựng, phát triển văn hóa - xã hội

#### 3.1. Xây dựng phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin

Những năm 1981 - 1985, trong điều kiện nguồn lực đầu tư hạn chế, nhưng các ngành, địa phương và nhân dân trong tỉnh đã cố gắng rất cao để xây dựng phát triển nền văn hóa mới.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Tổng kết 30 năm chinh phục Đồng Tháp Mười, Tlđđ*, tr.52.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở có nhiều chuyển biến, tập trung nhất là ở vùng sâu Đồng Tháp Mười, vùng căn cứ kháng chiến cũ, các nông trường. Ngành văn hóa - thông tin cử nhiều đoàn công tác xuống giúp cho cơ sở xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng, thành lập thư viện, lập các đội thông tin lưu động xã, đưa các đội chiếu bóng lưu động thường xuyên hoạt động khắp các địa bàn. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của tỉnh đi biểu diễn phục vụ đồng bào các vùng nông thôn sâu.

Đến cuối năm 1984, hoạt động chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật đã đến được 100% số xã trong tỉnh; 80% số xã có đội văn nghệ; 100% số xã có đội thông tin và trên 50% số ấp có đội thông tin cơ sở.

Có 3 xã xây dựng rạp hát kiên cố và bán kiên cố theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, sức chứa từ 800 đến 1.500 ghế; có 5 xã xây dựng xong sân khấu ngoài trời; 3 xã xây dựng xong khu văn hóa xã trong đó có nhà truyền thống, phòng đọc sách và sân khấu ngoài trời; thành lập 12 thư viện và tủ sách xã, 4 phòng đọc sách của liên tập đoàn<sup>1</sup>.

Tỉnh thực hiện quản lý văn hóa theo quy chế mới, kê biên tài sản, giải tán 3 đoàn hát chui (ở hai huyện Hồng Ngự, Tam Nông); trong tỉnh không còn đoàn của huyện, không còn đoàn tập thể trá hình.

Mỗi năm, các đội văn nghệ quần chúng đã tổ chức được trên 1.000 buổi biểu diễn, phục vụ trên 600.000 lượt người

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết công tác của ngành văn hóa - thông tin tỉnh Đồng Tháp năm 1984*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

xem. Năm 1984, tỉnh tổ chức Hội diễn văn nghệ toàn tỉnh, có 21 đội văn nghệ tham dự, biểu diễn 178 tiết mục với gần 500 diễn viên, phong trào văn nghệ diễn ra sôi nổi và phát triển đều trong tỉnh.

Đến cuối năm 1984, đã phân cấp công ty chiếu bóng cho 5 huyện, thị (Thanh Hưng, thị xã Cao Lãnh, thị xã Sa Đéc, huyện Cao Lãnh và Châu Thành). Các đội chiếu bóng lưu động bám chặt địa bàn hoạt động, chiếu đều khắp các xã trong tỉnh. Bình quân một người dân trong năm xem phim được 4,77 lần.

Công tác thông tin cổ động được chú ý phát triển. Có 7 trong số 9 huyện thị đã thành lập đội thông tin lưu động. Hầu hết các xã trong tỉnh đều có đội thông tin, hơn một nửa số ấp có tổ thông tin. Nhờ đó, kịp thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như của địa phương.

Hoạt động xuất bản và phát hành sách được đẩy mạnh. Nhà in Đồng Tháp khắc phục khó khăn về giấy để hoàn thành kế hoạch đề ra. Đã in 9 cuốn sách với hàng trăm ngàn bản<sup>1</sup>.

Ngành phát hành sách hướng vào phục vụ địa bàn vùng sâu, ưu tiên số lượng lớn sách cho các thư viện và phòng đọc sách; mở rộng mạng lưới xuống huyện, thị; xây thêm 4 hiệu sách nhân dân; phân cấp cho 3 công ty của các huyện Thanh Hưng, Cao Lãnh và thị xã Cao Lãnh. Ngoài ra còn tổ chức bán sách lưu động các vùng nông thôn. Chỉ tính riêng

---

1. Gồm: *Hương Sen* (Thơ Đồng Tháp Mười), *Ca dao Đồng Tháp Mười*, *Kỹ thuật nuôi trồng một số cây, con ở Đồng Tháp*, *Luyện thi đại học* (Văn, Sử), *Anh hùng không quân Nguyễn Văn Bảy* (truyện tranh), *Cây thuốc gia đình* (tái bản), *Xôn xao đồng nước*, *Chiến thắng sông Tiền* (truyện tranh), *Nhật Vinh và Đồng Đội* (truyện tranh).

năm 1984, ngành phát hành sách đã bán ra 446.743 bản, đạt 150% kế hoạch, văn hóa phẩm 187.539 tờ.

Nhiều xã xây dựng được thư viện, phòng đọc sách, nhất là các xã vùng sâu Đồng Tháp Mười thuộc các huyện Tháp Mười, Tam Nông, Hồng Ngự. Có 8 huyện, thị thành lập được thư viện. Đối với thư viện, cơ sở phòng đọc sách và kho chứa sách còn chật hẹp, không đáp ứng được yêu cầu phục vụ người đọc. Tính chung trong toàn tỉnh đã có 25 thư viện, phòng đọc sách với trên 700.000 bản sách các loại.

Nhằm kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhiều rạp hát được xây dựng hoặc sửa chữa ở các huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh, thị xã Cao Lãnh thị xã Sa Đéc và Châu Thành, đặc biệt hai xã Tân Thuận Tây và Mỹ An Hưng cũng xây dựng rạp hát mới. Riêng thị xã Cao Lãnh xây dựng 3 công trình lớn như công viên thiếu nhi, vườn cây ăn trái, khu văn hóa và hội chợ; chỉnh trang nhà bảo tàng tỉnh, thiết kế và trưng bày khu căn cứ Xẻo Quít...

Hoạt động văn hóa - thông tin trong 5 năm 1981 - 1985 hướng mạnh vào xây dựng, phát triển đời sống văn hóa cơ sở, nhất là vùng căn cứ kháng chiến cũ và vùng nông thôn Đồng Tháp Mười, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, các thiết chế văn hóa, nhằm đưa đời sống văn hóa phát triển đồng đều các mặt: nghe đài, đọc sách báo, thưởng thức văn nghệ, xem phim và xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa, thiết thực kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30/4/1975 - 30/4/1985), tạo nên diện mạo mới về văn hóa các huyện, thị xã trong tỉnh.

### 3.2. Phát triển sự nghiệp giáo dục

Ngành giáo dục phổ thông, mỗi năm số học sinh cả 3 cấp học 1, 2, 3 tăng lên gần 10% gây sức ép rất lớn về cơ sở trường lớp, trang thiết bị dạy học và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên. Khó khăn nhiều nhất là các vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng căn cứ kháng chiến cũ, việc xây dựng trường, lớp phục vụ nhu cầu học tập của các cháu là rất lớn, không đáp ứng kịp. Do không đủ trường, lớp, nhiều địa phương vận động nhân dân đóng góp xây dựng lớp học bằng tre lá, nhưng vẫn không đủ, tình trạng phổ biến là phải học 3 ca, thậm chí 4 ca mỗi ngày.

*Ngành giáo dục phổ thông:* Là ngành trụ cột góp phần nâng cao dân trí, chìa khóa mở ra triển vọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế - xã hội đất nước. Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II và Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh, trong 10 năm 1975 - 1985, mạng lưới trường lớp phát triển khắp các vùng nông thôn, nhất là vùng kháng chiến cũ có nhiều khó khăn như các xã Đốc Bình Kiều, Mỹ Hòa, Thanh Mỹ... mỗi xã có 2 trường phổ thông cơ sở, xã Mỹ An có 4 trường phổ thông cơ sở. Các huyện Thanh Hưng và Hồng Ngự, nhiều xã có 4 trường phổ thông cơ sở. Toàn tỉnh, số trường, lớp, giáo viên phổ thông cơ sở tăng xấp xỉ 2 lần, số học sinh phổ thông cơ sở tăng 2,5 lần so với năm 1975<sup>1</sup>.

Năm 1975, toàn tỉnh có 8 trường cấp 3, gồm 110 lớp, 236 giáo viên, 5.174 học sinh. Năm 1985, toàn tỉnh có 10 trường phổ thông trung học (cấp 3), số lớp và học sinh tăng hơn 2 lần.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo thành tích 10 năm (1975 - 1985) ngành giáo dục tỉnh Đồng Tháp*: Năm 1975, toàn tỉnh có 105 trường cấp 1 và cấp 2, có 3.196 lớp, 3622 giáo viên, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đội ngũ cán bộ quản lý trường học, giáo viên dạy lớp được tăng cường về số lượng và được bồi dưỡng nâng cao về chất lượng. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được xây dựng và phát triển đều khắp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tiến hành dưới nhiều hình thức. Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao xuất hiện nhiều điển hình tốt. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ngày càng tăng, có nhiều trường học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở 100%. Trường phổ thông trung học Đồng Tháp nhiều năm liền đứng đầu về tỷ lệ tốt nghiệp.

“Qua tổng kết 10 năm của các trường phổ thông, học sinh do các nhà trường đào tạo đã đi vào các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, đi bộ đội làm nghĩa vụ quốc tế ở nước bạn Campuchia, chiến đấu ở biên giới phía bắc, tham gia công tác ở địa phương... đều đã phát huy tác dụng tốt, nhiều em trở thành cán bộ lãnh đạo quản lý tốt”<sup>1</sup>.

*Ngành học mẫu giáo:* Sau giải phóng chỉ có 26 lớp mẫu giáo của tư nhân (của đạo Thiên chúa) ở thị xã với 860 cháu. Qua 10 năm vận động, tổ chức xây dựng, đến năm 1985 hầu hết các xã đều có lớp mẫu giáo, kể cả các xã vùng sâu của huyện Tam Nông, Hồng Ngự, Tháp Mười. Số lớp lên đến 490, số cháu là 13.707. Toàn tỉnh đã xây dựng được 21 trường mẫu giáo, có 3 trường bán trú, trong đó có 1 trường ở nông thôn phục vụ cho tập đoàn sản xuất và 2 trường ở thị xã, phục vụ cho cán bộ, công nhân viên. Từ chỗ học nhờ trường phổ thông,

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo thành tích 10 năm (1975 - 1985) ngành giáo dục tỉnh Đồng Tháp*: Năm 1975, toàn tỉnh có 105 trường cấp 1 và cấp 2, có 3.196 lớp, 3622 giáo viên, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.



đến năm 1985, toàn tỉnh đã có 157 phòng học riêng cho mẫu giáo, đúng quy cách, được trang bị đầy đủ hơn.

Chất lượng nuôi và dạy được nâng lên, trường Vĩnh Phước được chọn là trường điểm về nuôi và dạy, trường Mẫu giáo An Phong (Thanh Bình) 5 năm liên tục được công nhận tiên tiến và được Bộ Giáo dục chọn làm hình mẫu của các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Ở tỉnh Đồng Tháp, đội ngũ giáo viên mẫu giáo đều được vào biên chế.

*Ngành học bổ túc văn hóa:* Phát huy thành tích đạt được về xóa mù chữ và bổ túc văn hóa giai đoạn 1975 - 1980, trong những năm 1981 - 1985, thực hiện các chỉ thị của Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân, ở hai thị xã Sa Đéc và Cao Lãnh và các huyện trong tỉnh đều thành lập các trường, lớp bổ túc văn hóa. Ở Cao Lãnh còn có trường Bổ túc thanh niên, được tăng cường cán bộ, bổ sung giáo viên và trang bị cơ sở vật chất. Các huyện Châu Thành, Thanh Bình, Thạnh Hưng... mỗi huyện đều có trường bổ túc văn hóa tập trung cho cán bộ.

10 năm sau giải phóng, ngành học bổ túc văn hóa có nhiều thành tích đáng kể trong việc xóa mù chữ cho nhân dân, nâng cao trình độ văn hóa cho đội ngũ cán bộ tỉnh, huyện, xã. Nhiều thanh niên con em cán bộ, con em các gia đình chính sách theo học đã trở thành cán bộ chủ chốt ở các ngành, các cấp.

*Xây dựng các trường sư phạm:*

Năm 1975, Đồng Tháp không có trường sư phạm. Chỉ vài tháng sau ngày giải phóng, trường *Trung học Sư phạm* được thành lập. Do yêu cầu có một lực lượng giáo viên đáp ứng hàng loạt các trường, lớp học phổ thông mới mở ở các vùng nông thôn,



nhất là các xã vùng sâu, căn cứ kháng chiến cũ, vùng biên giới, trường Trung học Sư phạm lần lượt mở các khóa cấp tốc, đào tạo giáo viên hệ 9+3, 9+2, 9+1, 12+1. Trường còn giúp các huyện vùng sâu bồi dưỡng giáo viên hợp đồng để được tiêu chuẩn hóa. Những năm 1981 - 1985, trường đào tạo theo chuẩn, vừa đào tạo vừa nghiên cứu khoa học phục vụ cải cách giáo dục. Trong 10 năm sau giải phóng, đã có 3.863 giáo viên cấp 1 được đào tạo tại trường này, phục vụ công tác giảng dạy trong tỉnh.

*Trường Sư phạm cấp 2* thành lập năm 1978, được công nhận là trường cao đẳng sư phạm năm 1986. Đặc điểm của trường giai đoạn đầu là vừa đào tạo vừa xây dựng cơ sở vật chất cho trường. Vị trí của trường tại xã Mỹ Trà, nay thuộc khu Công viên Văn miếu, Phường 1, thành phố Cao Lãnh. Từ chỗ đào tạo hệ 2 năm dạy môn ghép, đến năm 1985 trường dạy đúng hệ 2+3 chính quy. Cơ sở vật chất được cải tạo và xây dựng khang trang theo quy chuẩn của trường cao đẳng sư phạm.

*Trường cán quản lý giáo dục* ra đời từ năm 1980, đặt tại thị xã Sa Đéc. Qua 5 năm, trường bồi dưỡng hai khóa ngắn ngày và 3 khóa đào tạo dài ngày, có 400 cán bộ quản lý giáo dục đã được bồi dưỡng. Đến năm 1985, cán bộ quản lý các phòng giáo dục huyện đều đã qua trường lớp đào tạo hoặc bồi dưỡng, đủ năng lực quản lý giáo dục trên địa bàn.

*Xây dựng cơ sở vật chất* đối với hệ thống giáo dục trong toàn tỉnh là vấn đề lớn, đặc biệt là giai đoạn đầu sau giải phóng. Ngay sau trận lũ lụt năm 1978, Thường vụ Tỉnh ủy có Chỉ thị số 16-CT/TU về việc nhanh chóng khắc phục hậu quả lũ lụt và đảm bảo việc học tập của con em trong tỉnh. Các cấp chính quyền tỉnh, huyện, xã đều thành lập “Ban Tu sửa trường lớp”. Trên 600 phòng học và hàng ngàn bộ bàn ghế hư

hông đã nhanh chóng được sửa chữa. Năm 1979, hoàn thành 115 phòng học và 2.500 bộ bàn ghế viện trợ của Unicef ở vùng sâu kháng chiến cũ, 3 công trình xây dựng trường sư phạm và trên 1.000 bàn ghế, tủ, giá đựng sách... và nhiều phòng học tre lá do nhân dân tự làm. Huyện biên giới Hồng Ngự đẩy mạnh tốc độ xây dựng trường lớp sau chiến tranh. Sở Giáo dục phát động phong trào “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Sau đó các huyện Cao Lãnh, Thanh Hưng cũng hưởng ứng phong trào này. Trong 10 năm 1975 - 1985, huyện Hồng Ngự xây dựng 360 phòng học; huyện Cao Lãnh xây dựng 115 phòng bán kiên cố, 17 phòng học kiên cố, 180 phòng học tre lá.

“Đi lên từ nhiều khó khăn, công tác xây dựng cơ sở vật chất của ngành đã được Bộ Giáo dục xếp loại khá trong đợt kiểm tra năm 1984”<sup>1</sup>.

### 3.3. Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trọng tâm công tác y tế Đồng Tháp trong giai đoạn 1981 - 1985 là thực hiện phong trào 5 dứt điểm do Bộ Y tế phát động. Đây cũng là giai đoạn có nhiều chuyển biến về xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo, bố trí cán bộ trong ngành y tế tỉnh.

Ngày 24/5/1982, Ban Chỉ đạo phong trào 5 dứt điểm về y tế<sup>2</sup> của tỉnh họp, nhận định: “Ngành y tế và các ngành đoàn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo thành tích 10 năm (1975 - 1985) của ngành giáo dục tỉnh Đồng Tháp, Tlđđ.*

2. Năm dứt điểm về y tế:

- Dứt điểm 1: Xây dựng 3 công trình vệ sinh: giếng nước, cầu tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh; phòng chống dịch bệnh;
- Dứt điểm 2: Sinh đẻ có kế hoạch;
- Dứt điểm 3: Trồng và sử dụng thuốc nam;
- Dứt điểm 4: Quản lý sức khỏe cán bộ và nhân dân;
- Dứt điểm 5: Kện toàn mạng lưới y tế cơ sở.

thể có liên quan có nhiều cố gắng trong công tác 5 dứt điểm, nhất là về các dứt điểm 1, 2, 3. Xuất hiện nhiều điển hình tốt, nhưng việc phát huy điển hình còn chậm. Tồn tại chủ yếu là công tác chỉ đạo chưa tập trung. Ban Chỉ đạo hoạt động không thường xuyên, việc phối hợp giữa y tế với các ngành liên quan chưa đồng bộ, việc kiểm tra công nhận những nơi đã dứt điểm ta chưa làm được”<sup>1</sup>.

Hội nghị xác định: Vừa chỉ đạo điểm vừa làm ra diện; Công tác vận động tuyên truyền phải được đẩy mạnh hơn nữa; Phân công các thành viên trong Ban Chỉ đạo mỗi người phụ trách một lĩnh vực, một địa phương; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể, công đoàn, y tế ở mỗi đơn vị để thống nhất kế hoạch thực hiện.

“Quan điểm của Đảng chỉ đạo công tác y tế là phải kiên trì hoạt động theo hướng y học dự phòng, đẩy mạnh cuộc vận động phong trào 5 dứt điểm về công tác y tế là nhiệm vụ chính trị nhằm đưa ánh sáng y học vào đời sống người lao động, thiết thực bảo vệ sức khỏe nhân dân”<sup>2</sup>.

*\* Dứt điểm 1: Ba công trình vệ sinh và phòng, chống dịch bệnh*

Tỉnh tiến hành điều tra 37 xã và thị trấn trong tỉnh, gồm 5 xã của thị xã Sa Đéc, 3 xã của huyện Châu Thành, 17 xã của huyện Thạnh Hưng, 7 xã của huyện Tam Nông, 4 xã của huyện Hồng Ngự, và thị trấn Cao Lãnh, kết quả như sau:

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Thông báo cuộc họp 5 dứt điểm về Y tế số 35/TB-UB, ngày 07/6/1982.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp - Sở Y tế Đồng Tháp: Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 1983, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong số 35.433 cầu tiêu hiện có, 688 cầu tiêu thải trực tiếp xuống sông hoặc hầm cá có ống thông ra sông.

- Trong tổng số 67.913 hộ gia đình có 17.989 nhà tắm được xây cất hoặc che kín đáo, còn lại phần lớn ở nông thôn là tắm trực tiếp ở sông rạch.

- Nguồn nước: Trong 37 điểm điều tra, trừ ở thị xã, thị trấn, còn lại có 204.111 hộ dùng bể, lu, khạp chứa nước ăn, tất cả dùng nước sông mang lên lẳng phèn để dùng.

Tình trạng trên làm cho công tác vận động “dứt điểm 1” gặp khó khăn, có thể mất nhiều năm.

Qua tuyên truyền vận động và giao chỉ tiêu xuống huyện, xã, đến cuối năm 1983, có 14 xã<sup>1</sup>, phường được công nhận dứt điểm 1, đạt 140% so với chỉ tiêu (10 xã). Trong số 50.607 hộ có cầu tiêu được điều tra, có 49.242 hợp vệ sinh, đặc biệt có 41.251 cầu tiêu, ao cá không thông ra sông. Ở thị xã, thị trấn có trên 50% gia đình có cầu tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, nhưng ở nông thôn dưới 20%, vì nhân dân quen tắm sông, đó là tập quán không hợp vệ sinh cần khắc phục.

Về phòng, chống dịch bệnh, trong điều kiện mức sống của nhân dân thấp, tập quán ăn ở thiếu vệ sinh, phương tiện phòng, chống dịch bệnh chưa đầy đủ, năm 1982, tỉnh đã cố gắng phấn đấu hạn chế 9 bệnh dịch quan trọng như dịch tả, dịch hạch, sốt xuất huyết, lỵ các loại, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, sởi. Tuy nhiên, bệnh sốt xuất huyết tỷ lệ mắc còn cao, vì bệnh này chưa có thuốc phòng, muỗi là vật trung gian lây truyền khó diệt, mà hóa chất diệt muỗi lại khan hiếm.

---

1. Gồm: thị xã Cao Lãnh - Phường 2, huyện Cao Lãnh 2 xã, huyện Hồng Ngự 3 xã, huyện Thanh Bình 3 xã, thị xã Sa Đéc 5 xã, phường.

Năm 1983, bệnh dịch phát triển không bình thường. Hai huyện Cao Lãnh và Thạnh Hưng dịch tả xuất hiện. Trạm vệ sinh phòng dịch tỉnh phối hợp với đội vệ sinh phòng dịch huyện bao vây các ổ dịch, có biện pháp phòng, chống tích cực. Đến giữa tháng 3/1983, bệnh dịch phát triển ở 32 xã của tất cả các huyện, xã mắc cao nhất là 7 người, ít nhất là 1 người. Được chính quyền quan tâm, Trạm Vệ sinh phòng dịch và Bệnh viện tỉnh thành lập bệnh viện dã chiến tại thị xã Cao Lãnh để điều trị và cách ly bệnh. Từ tháng 4 đến tháng 9, trận dịch lui dần và chấm dứt. Tổng số có 141 ca, chết 6, tỷ lệ tử vong 4,2%.

Từ cuối năm 1982, tỉnh có kế hoạch cho tiêm phòng, đã tiêm 1.597.590 liều vắc xin. Khi dịch xảy ra có kế hoạch bao vây kịp thời các ổ dịch, thành lập bệnh viện cách ly, tích cực điều trị hạn chế tỷ lệ tử vong.

Bên cạnh bệnh dịch tả, bệnh dịch sốt xuất huyết bùng phát từ ngày 01/6/1983 và phát triển trong tháng 7 và tháng 8. Đặc điểm của bệnh là phát triển ở ạt trên phạm vi rộng hầu hết các huyện trong tỉnh, nhất là các thành thị đông dân cư, nơi có mật độ muỗi cao. Bệnh chưa có thuốc phòng và đặc trị.

Để chống bệnh dịch sốt xuất huyết, ngành y tế phát động phong trào phòng bệnh rộng khắp, phun thuốc diệt muỗi, đồng thời tuyên truyền hướng dẫn nhân dân các biện pháp phòng và diệt loăng quăng nơi chứa nước, các vật bị nước đọng, phát quang những chỗ rậm rạp quanh vườn nhà.

Được sự hỗ trợ của ngành y tế, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đến cuối tháng 9/1983, bệnh sốt xuất huyết giảm dần, trong toàn tỉnh có 3.958 ca, tỷ lệ tử vong 4,9%.

\* *Dứt điểm 2*: Hạ tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tỉnh Đồng Tháp năm 1982 còn ở mức cao là 2,52%. Để hạ mức tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,9 - 2% vào năm 1985, mỗi năm phải giảm khoảng 0,2%.

Qua điều tra, 4 phường của thị xã Sa Đéc và 1 thị trấn (Mỹ Thọ) của huyện Cao Lãnh là những địa phương có tỷ lệ phát triển dân số thấp (từ 1,05% đến 1,67%). Trong khi đó, các xã vùng nông thôn sâu, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn cao: Xã Tân Mỹ (Thạnh Hưng) và xã Mỹ An (Tháp Mười) trên 3%.

Tình hình trên, đặt ra yêu cầu phải tập trung lực lượng đẩy mạnh công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch vào vùng nông thôn. Qua vận động thực hiện các biện pháp tránh thai ở một số xã, kết quả đạt khá. Riêng số người dùng thuốc ngừa thai vượt kế hoạch 146%. Nhân dân quen dùng những biện pháp tránh thai đơn giản, tiện lợi.

Năm 1983, Nhà nước thành lập Ủy ban dân số từ Trung ương đến cơ sở, mục tiêu mỗi năm phải hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống 0,2%. Ở tỉnh Đồng Tháp, những đội lưu động của tỉnh, huyện thường xuyên có mặt ở cơ sở, hướng vào vùng nông thôn, vùng sâu nơi tỷ lệ sinh đẻ còn cao. Trạm tỉnh phối hợp với cơ sở tổ chức hàng trăm buổi nói chuyện, chiếu phim, triển lãm với hơn 20.000 lượt người dự. Kết quả trong năm 1983, số người áp dụng các biện pháp tránh thai đạt cao hơn năm 1982, đặc biệt là số người đặt vòng.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền, sự cố gắng của ngành chuyên môn, năm 1983, hai thị xã Sa Đéc và Cao Lãnh đạt dứt điểm 2, có tỷ lệ phát triển dân số dưới 1,5%; Ba xã Bình Hàng Trung huyện Cao Lãnh,

Tân Quy Đông, Tân Quy Tây thị xã Sa Đéc đạt dứt điểm 2, tỷ lệ phát triển dân số trong năm từ 1,36 đến 1,10%.

*\* Dứt điểm 3: Trồng và sử dụng cây thuốc nam.*

Đây là công tác rất quan trọng nhằm kế thừa, phát huy nền y học cổ truyền của dân tộc. Ở địa phương, nhiều nơi đã có truyền thống trồng và sử dụng cây thuốc nam. Thị xã Sa Đéc có 7 phường xã đều có phong trào dùng thuốc nam. Tại huyện Cao Lãnh nhiều xã dùng cây thuốc nam, trong đó có 5 xã tiêu biểu. Các huyện Châu Thành, Tam Nông cũng có nhiều xã đi đầu về phong trào này.

Bệnh viện Y học dân tộc Đồng Tháp ở thị xã Cao Lãnh được tổ chức và hoạt động tốt, đạt 85% tiêu chí của một bệnh viện y học dân tộc loại tốt.

Năm 1983, toàn tỉnh có 32 xã, 1 thị trấn, 6 phường được công nhận dứt điểm 3. Toàn tỉnh có 14 phòng chẩn trị y học dân tộc hoạt động có nền nếp, trên 200 điểm hốt thuốc trị bệnh hằng ngày. Bệnh viện y học dân tộc tỉnh năm 1983 có 52 giường, thực hiện vượt mức một số chỉ tiêu cơ bản như khám bệnh 27.446 lượt người, điều trị nội, ngoại trú 3.437 người...

Năm 1983, Bệnh viện Y học dân tộc Đồng Tháp được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, một vinh dự tự hào của ngành y tế Đồng Tháp.

*\* Dứt điểm 4: Quản lý sức khỏe là chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng y học dự phòng, chủ động, tích cực và toàn diện.*

Do còn khó khăn về tổ chức, về lực lượng cán bộ, đặc biệt là tuyến xã chưa có y sĩ nên công tác quản lý sức khỏe chỉ thực hiện được ở cơ quan nhà nước, các xí nghiệp sản xuất, các trường học tập trung ở tuyến tỉnh và huyện. Năm 1982, toàn

tỉnh cấp số y bạ cho khoảng 15.000 cán bộ, công nhân viên và học sinh để theo dõi sức khỏe thường xuyên. Công việc này được tiếp tục mở rộng ra toàn khối cán bộ, công nhân viên nhà nước. Tuyến huyện từng bước hình thành cơ sở vật chất đảm bảo được chức năng, nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe nhân dân.

*\* Dứt điểm 5: Kiện toàn tổ chức y tế xã và huyện.*

Năm 1981, tỉnh có 94 đơn vị xã, phường, thị trấn, thì có 98 trạm y tế hộ sinh, nhưng còn một số xã chưa có trạm y tế. Số này nằm trong trường hợp xã mới lập hoặc do thiếu phương tiện tài chính để hoạt động. Một số xã có trạm y tế, có nhân viên y tế nhưng do đời sống bấp bênh nên không duy trì được hoạt động thường xuyên.

Đến cuối năm 1983, với sự giúp đỡ của Trạm vệ sinh phòng dịch tỉnh đã tổ chức trang bị được 7 đội vệ sinh phòng dịch cấp huyện (Hong Ngự, Tam Nông, Cao Lãnh, Sa Đéc, Châu Thành, Thạnh Hưng và Tháp Mười). Tất cả các huyện đều có các tổ chuyên khoa chỉ đạo phong trào như: tổ sinh đẻ có kế hoạch, tổ chống lao, tổ chống bệnh da liễu... Tuy nhiên đội ngũ cán bộ này còn thiếu và yếu.

Năm 1983, các huyện mới phân chia như Tháp Mười, Cao Lãnh, thị xã Cao Lãnh, Thanh Bình, Tam Nông đã tổ chức được phòng y tế, cơ sở khám và điều trị bệnh để phục vụ nhân dân. Toàn tỉnh có 4 bệnh viện tuyến huyện với 440 giường; 6 đội vệ sinh phòng dịch được trang bị dụng cụ xét nghiệm của Unicef; Các huyện đều có tổ, đội hoạt động chuyên khoa. Hơn 30% số xã có y sĩ, 25% số trạm y tế xã được xây dựng bằng gạch ngói.

Đến cuối năm 1983, công tác xây dựng y tế tuyến xã, đẩy mạnh phong trào 5 dứt điểm đã đạt kết quả: 4 phường và



1 xã của thị xã Sa Đéc đạt 5 dứt điểm, 9 xã, 5 phường đạt dứt điểm 1; 3 xã, 8 phường đạt dứt điểm 2; 33 xã, 6 phường đạt dứt điểm 3; 3 xã, 4 phường đạt dứt điểm 4.

Phong trào 5 dứt điểm của ngành y tế tỉnh Đồng Tháp còn tiếp tục được thực hiện trong nhiều năm sau.

*- Xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ y tế*

Từ năm 1981 - 1985, khởi công xây dựng nhiều công trình cơ sở vật chất cho ngành y tế. Toàn tỉnh có 4 bệnh viện tuyến tỉnh (trong đó có một bệnh viện y học dân tộc), 1 bệnh viện điều dưỡng, 5 trạm chuyên khoa, 4 bệnh viện tuyến huyện, 6 đội vệ sinh phòng dịch, 102 trạm y tế hộ sinh xã, 1 Công ty dược phẩm cấp 2, ở huyện có hiệu thuốc tây.

Về công tác cán bộ, sau giải phóng, Đồng Tháp là một tỉnh thiếu cán bộ y tế nghiêm trọng, đặc biệt thiếu cán bộ có trình độ đại học và trình độ chuyên khoa các loại. Đến cuối năm 1983, tổng số cán bộ y tế tuyến tỉnh có: 1.170 người, tuyến huyện có 690 người, tuyến xã 420 người (ít hơn năm 1982 là 94 người, nguyên nhân là do chế độ đãi ngộ đối với cán bộ y tế xã chưa được quan tâm, đời sống khó khăn nên nhiều người bỏ việc).

Trong năm 1983, cán bộ y tế ra trường 186 y sĩ, trong đó cán bộ có trình độ đại học y dược 6 (có 1 dược sĩ). Các bệnh viện huyện đào tạo được 531 cán bộ sơ cấp gồm: y tá, hộ sinh, dược tá, xét nghiệm viên, chuyên khoa da liễu, đông y...

Tổng số bác sĩ năm 1983 là 51, dược sĩ đại học: 21, trung học các loại: 520. Hơn 8 năm sau giải phóng, dù tỉnh có nhiều cố gắng giải quyết vấn đề thiếu cán bộ y tế, nhưng đến cuối năm 1983, chỉ có 0,39 bác sĩ trên một vạn dân (ở ngoài Bắc là 2,5 bác sĩ trên một vạn dân). Ngành y tế tỉnh tích cực đưa

người đi đào tạo, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ đạt chuẩn, phục vụ nhân dân.

### 3.4. Phong trào thể dục thể thao và hoạt động khoa học - kỹ thuật

Chủ trương của tỉnh là: “Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, củng cố các đội bóng chuyên nghiệp, chuẩn bị kế hoạch và lực lượng tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ nhất (năm 1985)”<sup>1</sup>.

Phát động phong trào thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ. Phát triển các hình thức câu lạc bộ sức khỏe ngoài trời, câu lạc bộ y - võ dưỡng sinh, câu lạc bộ cờ quốc tế... Tổ chức luyện tập, bổ sung vận động viên từ các ngành, các địa phương cho đội bóng chuyên nghiệp của tỉnh.

Hoàn thành việc chỉnh trang sân vận động thị xã Sa Đéc. Mở trường nghiệp vụ và năng khiếu thể dục thể thao. Kết hợp với Sở Giáo dục đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy thể dục ở các trường phổ thông cơ sở, phổ thông trung học, bổ túc văn hóa thanh niên. Có kế hoạch đào tạo huấn luyện viên, cán bộ phong trào thể dục thể thao cho huyện và cơ sở.

Căn cứ vào 5 chương trình kinh tế do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra<sup>2</sup>, được sự lãnh đạo của các cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Phương hướng nhiệm vụ công tác văn hóa, xã hội năm 1984 - 1985*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Gồm: Chương trình lúa cao sản; Chương trình cây công nghiệp tập trung bố, lác, mía; Chương trình chăn nuôi heo, vịt đàn; Chương trình cây tràm 15.000ha; Chương trình phát triển tiểu thủ công nghiệp; Chương trình kinh tế vườn và xây dựng nông thôn mới.

ủy đảng và chính quyền địa phương, công tác khoa học - kỹ thuật đạt được một số thành tựu:

Nổi bật nhất là áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống vào sản xuất nông nghiệp. Những giống lúa mới, thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao và có khả năng kháng sâu bệnh, được phổ biến áp dụng trong sản xuất, phù hợp sinh thái từng vùng và mùa vụ khác nhau, đã đem lại hiệu quả, góp phần gia tăng năng suất, sản lượng trong toàn tỉnh.

Các giống mới về cây công nghiệp như đậu nành NTĐ 10, NTĐ 13, NTĐ 65 được sử dụng rộng rãi.

Hàng năm tỉnh nhập hàng trăm loại giống mới, chủ yếu là giống lúa để tiến hành khảo nghiệm, lai tạo, bổ sung nguồn giống dự phòng. Qua các thử nghiệm trong hai năm 1984-1985 đã chọn được một loạt giống mới ngắn ngày, năng suất cao, có khả năng kháng rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn. Các giống mía mới không trở cò, hàm lượng đường cao được đưa ra sản xuất thử và nhân giống ở một số địa phương.

Một số tiến bộ kỹ thuật về biện pháp canh tác như: Kỹ thuật sạ thưa, sạ ngầm đã đảm bảo được năng suất, tranh thủ thời vụ xuống giống và tiết kiệm được giống, phân bón, thuốc trừ sâu... Kỹ thuật sạ ngầm ở các vùng sâu Tháp Mười, Cao Lãnh, Tam Nông, và trên diện tích 300ha ở xã Phương Thịnh đạt năng suất 4 - 5 tấn/ha. Xây dựng hệ thống kênh mương thoát phèn kết hợp bón phân lân hợp lý, năng suất gia tăng khá, mở ra thêm vùng lúa 2 vụ dọc theo các kinh mới đào ở vùng sâu.

“Sự nhạy bén với những tiến bộ kỹ thuật đã tạo những bước chuyển mới trong chỉ đạo sản xuất, khắc phục tình trạng sản xuất tùy tiện... Do đó, sản lượng lương thực hằng năm

được gia tăng hàng vạn tấn. Đặc biệt là năm 1985, việc áp dụng các giống lúa mới đem lại những vụ bội thu cao nhất từ trước đến nay. Vụ Đông Xuân năng suất toàn tỉnh đạt bình quân 5,36 tấn/ha. Có huyện đạt bình quân 5,5 - 6,4 tấn/ha”<sup>1</sup>.

Về thủy lợi, trong 5 năm 1981 - 1985, ngành thủy lợi đã đầu tư nạo vét, đào mới hơn 400km kênh, xây đúc cống, 5 trạm bơm và hàng trăm cống nội đồng. Đã giải quyết tưới 30.000ha (cánh đồng điểm), mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Việc lấy nước thau chua rửa phèn, lấy phù sa làm tăng độ màu của đất, tiết kiệm được vật tư, nhiên liệu, phân bón trong nông nghiệp, là một biện pháp kỹ thuật đáng kể trong giai đoạn “tiến quân khai thác Đồng Tháp Mười” ở Đồng Tháp.

Các ngành kinh tế kỹ thuật của tỉnh như cơ khí, giao thông vận tải, xây dựng... cũng có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm nhiên liệu, giảm giá thành...; các ngành giáo dục, y tế có nhiều sáng kiến tăng hiệu quả trong dạy và học, kết hợp đông - tây y trong điều trị nhiều bệnh nhân đạt hiệu quả cao.

Đặc biệt là công tác điều tra cơ bản trong đề án khai thác Đồng Tháp Mười, được sự giúp đỡ của Phân viện Khoa học Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, sự hỗ trợ của Chương trình 60-02, đã tiến hành điều tra khảo sát các yếu tố địa chất, thổ nhưỡng, khí tượng thủy văn, sinh vật và kinh tế - xã hội... đạt được các kết quả quan trọng. Hoàn chỉnh sơ đồ trầm tích, thổ nhưỡng, thảm thực vật, tài nguyên nước, tỷ lệ 1/50.000.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và kỹ thuật 1981 - 1985, phương hướng nhiệm vụ khoa học và kỹ thuật 1986 - 1990.*

Các kết quả trên là cơ sở khoa học phục vụ cho công tác phân vùng quy hoạch một cách cơ bản và lâu dài.

Những năm 1981 - 1985, công tác quản lý kỹ thuật bước đầu được chú ý vận dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống nhân dân. Nội dung chủ yếu là vấn đề đảm bảo đo lường và từng bước nâng cao chất lượng hàng hóa. Xây dựng tiêu chuẩn cho các sản phẩm chủ yếu của địa phương, trọng tâm là lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu.

Đến năm 1985, tỉnh quản lý được 24 loại sản phẩm, gồm những sản phẩm thiết yếu và các sản phẩm khác được sản xuất theo tiêu chuẩn. Trang bị cho các huyện, thị, xã, phường các phương tiện chuẩn về khối lượng, một số nơi thực hiện kiểm tra các dụng cụ cân đo tại địa phương.

“Nhìn chung công tác ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong các năm vừa qua đã có nhiều tiến bộ, đáp ứng được một số yêu cầu trọng tâm trong sản xuất, giải quyết từng bước tình hình khan hiếm về vật tư kỹ thuật, tạo ra nhiều nguồn hàng mới phục vụ tích cực cho đời sống nhân dân và góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế - xã hội của toàn tỉnh”<sup>1</sup>.

### *3.5. Thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ, người và gia đình có công với cách mạng*

Từ sau ngày giải phóng, với nhiều công việc bề bộn khẩn trương, lại phải đối phó với nạn lụt năm 1978, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, giải quyết công ăn việc làm

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và kỹ thuật (1981 - 1985)*, Tlđđ.

cho Việt kiều về nước, tiến hành sự nghiệp cải tạo và xây dựng nền kinh tế - xã hội mới, muôn ngàn khó khăn phải vượt qua, nhưng các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh “luôn nhận thức và thường xuyên chỉ đạo công tác thương binh - liệt sĩ, coi đây là một chính sách lớn của Đảng. Đến năm 1982, trong toàn tỉnh đã xác nhận 13.000 liệt sĩ và gần 2.000 thương binh. Xác nhận, đồng thời giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách”<sup>1</sup>.

Tiếp tục thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, ngày 03/02/1982, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 119-CT/TU về việc thực hiện chính sách khen thưởng thành tích kháng chiến và khen thưởng thành tích giúp đỡ cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Chỉ thị nêu rõ: “Để biểu dương thành tích của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, Hội đồng Nhà nước đã quyết định ban hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích chống Mỹ cho cả nước và Hội đồng Bộ trưởng có Thông tư tiếp tục khen thưởng tổng kết thành tích chống Pháp, chống Mỹ và khen thưởng thành tích giúp đỡ cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Đây là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, với những ấp, xã, những gia đình và cá nhân có nhiều công lao phục vụ cách mạng”<sup>2</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết công tác thương binh - liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp (1975 - 1982)*, tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tỉnh ủy Đồng Tháp: Chỉ thị số 110-CV/TU, ngày 03/12/1982 của Thường vụ Tỉnh ủy, về việc khen thưởng thành tích kháng chiến và khen thưởng thành tích giúp đỡ cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Thực hiện Chỉ thị số 119-CT/TU, ngày 06/3/1983, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 108/CV, hướng dẫn các địa phương và cơ sở xác nhận các đối tượng được hưởng chính sách gia đình có công với cách mạng với các yêu cầu đã đề ra<sup>1</sup>. Quá trình triển khai, tỉnh chọn xã Hòa An của thị xã Cao Lãnh làm điểm, sau đó triển khai ở các huyện, thị.

Ngày 17/5/1983, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Công văn số 178/CV, chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, ủy ban nhân dân các huyện, thị trong tỉnh “hướng dẫn cho cán bộ viết bản xác nhận đầy đủ, chính xác, thể hiện được tình nghĩa thủy chung sâu sắc giữa nhân dân và cách mạng”; “đồng thời, gặp gỡ hoặc thư từ động viên các gia đình nuôi chứa cán bộ khai báo các thành tích”<sup>2</sup>.

---

1. Các yêu cầu do Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn: 1- Những gia đình trong vùng địch tạm chiếm, vùng tranh chấp ác liệt có công nuôi giấu cán bộ, bộ đội, thương binh, du kích hoặc cho mượn nhà làm nơi hội họp, cất giấu vũ khí, tài liệu, làm kho tàng của cách mạng từ 5 năm trở lên (liên tục hoặc nhiều lần công tác); 2- Đã tự nguyện làm công tác mật, giao chuyển, đưa tài liệu, làm liên lạc cho cách mạng, dùng phương tiện để chở cán bộ, bộ đội đi lại hoặc chở hàng hóa tiếp tế cho cách mạng từ 5 năm trở lên; 3- Trong hoàn cảnh nguy cấp, như bị địch bao vây, lùng quét, máy bay địch bắn phá... đã nhiều lần có hành động dũng cảm cứu thoát cán bộ, bộ đội, bảo vệ được kho tàng kháng chiến, tài sản của nhân dân; 4- Vì có nhiều công lao thành tích giúp đỡ cách mạng, giúp đỡ kháng chiến mà bị địch phát hiện, bắt bớ tù đày, sát hại hoặc tra tấn dã man thành tàn tật, hoặc bị truất phá nhà cửa... nhưng vẫn giữ được bí mật cho cách mạng, cho kháng chiến, bảo vệ được cán bộ và vũ khí; 5- Những gia đình có thành tích nói trên hiện nay phải là gia đình tốt, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và Nhà nước đã đề ra.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Công văn số 178/UB, ngày 17/5/1983 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác nhận các gia đình có công nuôi chứa cán bộ cách mạng.

Đến cuối năm 1985, các địa phương trong tỉnh như thị xã Sa Đéc, Cao Lãnh, huyện Châu Thành đã hoàn thành xong công tác xác nhận, các huyện khác đều hoàn thành lập hồ sơ. Toàn tỉnh trong đợt này đã xác nhận và giải quyết chính sách cho 414 liệt sĩ, 219 thương binh, 124 người và gia đình có công với cách mạng. Ngoài ra, hệ quân sự chuyển hồ sơ qua 52 thương binh, 141 liệt sĩ làm nhiệm vụ quốc tế hy sinh.

Tổng số đối tượng hưởng chính sách do Sở Thương binh - xã hội quản lý trong toàn tỉnh là: 13.092 liệt sĩ, 10.254 gia đình liệt sĩ, 2.582 thương binh. Riêng đợt điều chỉnh (chi trả theo mức mới) gồm 8.000 gia đình liệt sĩ, 379 người mất sức lao động trong đó có 236 bệnh binh, hơn 3.000 thương binh, 242 gia đình có công, 142 đối tượng hưởng theo Quyết định số 174-CP chuyển sang trợ cấp một lần<sup>1</sup>.

Năm 1985, quy tập 364 hài cốt liệt sĩ, trong đó huyện Thạnh Hưng quy tập vào nghĩa trang 187 hài cốt.

Lễ kỷ niệm lần thứ 37 ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/1985), toàn tỉnh tổ chức họp mặt tại tỉnh, huyện 8.512 đại biểu gia đình chính sách, trao tặng 204 Huân chương Độc lập các hạng; trao tặng 36 căn nhà tình nghĩa... Đoàn đại biểu Đảng - quân - dân - chính tỉnh thăm Quân y viện Đồng Tâm, thăm và tặng quà nhiều gia đình có công với cách mạng trong địa phương.

Cũng ngày này, tỉnh tổ chức Lễ khánh thành Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh, “Một công trình lịch sử - văn hóa tiêu biểu của tỉnh được xây dựng sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

---

1. Sở Thương binh - Xã hội tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo số liệu công tác thương binh - xã hội năm 1985*.



Với công trình này, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp mong muốn bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với những anh hùng, liệt sĩ, những người đã đóng góp công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng vinh quang của Đảng đến thắng lợi hoàn toàn”<sup>1</sup>.

#### **4. củng cố quốc phòng - an ninh, tiếp tục giúp đỡ cách mạng Campuchia**

##### *4.1. Củng cố quốc phòng - an ninh*

Sau khi cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam kết thúc, nhiệm vụ của tỉnh một mặt tiếp tục giúp đỡ cách mạng Campuchia, mặt khác tập trung củng cố quốc phòng - an ninh biên giới và nội địa, chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù.

Ngày 18/02/1979, Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Campuchia được ký kết, mở ra thời kỳ mới trong quan hệ hai nước Việt Nam - Campuchia, đặt nền tảng pháp lý để nhân dân ta tiếp tục giúp đỡ cách mạng Campuchia giành thắng lợi mới, đồng thời tạo điều kiện xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị đặc biệt.

Công an nhân dân vũ trang Đồng Tháp khẩn trương xây dựng lại các đồn trạm biên phòng; triển khai thực hiện các biện pháp công tác biên phòng; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện Thông báo số 02 của Ủy ban nhân dân tỉnh, 11 điều trong Cương lĩnh của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia; thành lập các đội công tác vận động quần chúng và trinh sát sang các xã ven biên đất bạn nhằm

---

1. Trích Bài phát biểu của đồng chí Nguyễn Xuân Trường, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tại buổi Lễ kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ (27/7) và khánh thành Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh.

nắm địch từ xa; ở các xã nội biên, các đội công tác vận động quần chúng của Công an nhân dân vũ trang kết hợp chặt chẽ với các lực lượng dân quân du kích tuần tra canh gác, ngăn chặn các phần tử gián điệp, phản động xâm nhập và chặn nhiều vụ người Việt trong nội địa trốn ra nước ngoài; cùng chính quyền, công an xã thực hiện đăng ký quản lý hộ khẩu, sưu tra nắm lại các đối tượng, đưa những phần tử lai lịch không rõ ràng ra khỏi địa bàn biên giới, làm trong sạch địa bàn dân cư.

Cũng từ đầu năm 1979, các lực lượng công binh của Công an nhân dân vũ trang thực hiện công tác tháo gỡ chông, mìn, giải phóng mặt bằng đồn, trạm và đường tuần tra biên giới.

Ngày 10/10/1979, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 22-NQ/TW về việc chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng Công an nhân dân vũ trang sang Bộ Quốc phòng và chuyển thành Bộ đội Biên phòng. Thực hiện Nghị quyết này, tháng 5/1980, Công an nhân dân vũ trang Đồng Tháp chính thức được chuyển thành Bộ đội Biên phòng, trực thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 9. Bộ đội Biên phòng tỉnh tiếp tục phối hợp với các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương trong xây dựng lực lượng và công tác, chiến đấu, bảo vệ và xây dựng biên giới với Campuchia hòa bình, hữu nghị.

Từ tháng 02 đến tháng 5/1981, đại đội cơ động của Bộ đội Biên phòng tập trung rà phá chông, mìn trên địa bàn biên giới từ Bình Phú đến Dinh Bà<sup>1</sup>. Đến tháng 6/1981 hoàn thành rà phá chông, mìn trên toàn bộ tuyến biên giới, tạo điều kiện an toàn cho nhân dân đi lại làm ăn, sản xuất bình thường. Công tác quản lý biên giới cũng dần dần đi vào nề nếp.

---

1. Trong việc rà phá chông, mìn tuyến biên giới, có hai cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng bị thương cụt tay, hỏng mắt do mìn nổ.

Ngày 27/6/1981, Tỉnh ủy Đồng Tháp ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về *nhiệm vụ quân sự địa phương trong tình hình mới*. Nghị quyết nêu rõ: “Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, quân và dân ta lại bước vào cuộc chiến đấu mới đầy hy sinh, gian khổ chống hành động xâm lược của bè lũ tay sai... Pôn Pốt - Iêng Xary, góp phần tích cực vào thắng lợi hoàn toàn ở biên giới Tây Nam và cùng với quân dân cả nước tạo điều kiện và trực tiếp giúp đỡ đưa cuộc cách mạng của nhân dân Campuchia giành toàn thắng. Gắn với nhiệm vụ chiến đấu ở biên giới, các lực lượng vũ trang đã tích cực giúp nhân dân tỉnh bạn Prey Veng xây dựng lại cuộc sống; đồng thời hăng hái lao động sản xuất, ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, tiếp tục đưa tình hình cách mạng trong tỉnh tiến lên một bước mới.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới thì lực lượng vũ trang của tỉnh còn những mặt yếu cần khắc phục sau đây:

- Đánh giá âm mưu trước mắt và lâu dài của địch còn đơn giản. Mặt khác, chưa nhận rõ tính chất phức tạp, gay go, quyết liệt giữa ta và địch trên tuyến biên giới, nên công tác quản lý ở khu vực này còn nhiều sơ hở\*.

---

\* Tuy bị lực lượng ta và bạn tấn công truy quét liên tục, nhưng bọn tàn quân Pôn Pốt vẫn phân ra từng toán nhỏ hoạt động gây rối. Lúc 1 giờ sáng ngày 03/01/1980, một toán tàn quân Pôn Pốt khoảng 10 tên chia hai mũi tập kích vào trạm Biên phòng Dinh Bà (đối diện Cồn Ông, Campuchia). Chúng dùng đại liên, B40 bắn vào trạm gây cháy dãy nhà ở; một quả đạn rơi trúng giá súng gây nổ, làm hy sinh một chiến sĩ biên phòng, một du kích xã Tân Hộ Cơ, bị thương hai chiến sĩ. Đồng chí Trạm trưởng chỉ huy 5 chiến sĩ phản công truy kích địch, chúng chạy về bên kia biên giới.

- Xây dựng lực lượng vũ trang chưa gắn liền với cơ sở xã, ấp và chưa gắn chặt cuộc vận động quần chúng với củng cố và xây dựng cơ sở chính trị để làm nền tảng của nền quốc phòng toàn dân.

Vấn đề chính, là chúng ta chưa nắm vững đường lối nhiệm vụ quân sự địa phương của Đảng trong giai đoạn mới, chưa động viên tốt toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, cho nên công tác xây dựng lực lượng ở cơ sở còn yếu kém; công tác tuyển quân đạt kết quả thấp”<sup>1</sup>.

Nghị quyết đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1981 là:

“Động viên toàn Đảng, toàn dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện tiến lên chính quy hiện đại, kết hợp xây dựng với bảo vệ Tổ quốc; Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, được trang bị, tổ chức và huấn luyện, có bản chất cách mạng tốt đẹp, trung thành vô hạn với Tổ quốc, với nhân dân, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ những thành quả cách mạng, thực hiện có kết quả nhiệm vụ kinh tế, nhiệm vụ giúp nhân dân tỉnh Prey Veng; Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, tổ chức lực lượng dân quân tự vệ trong xóm, ấp, tạo thành mạng lưới chiến đấu và chiến thắng trong bất cứ tình huống nào, từng bước xây dựng huyện thành pháo đài, động viên mọi lực lượng vừa chiến đấu vừa làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế; Cùng với các lực lượng vũ trang, các ngành, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng âm mưu gây bạo loạn, gây rối, phá hoại, chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh phá hoại, gián điệp, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/6/1981 về nhiệm vụ quân sự địa phương trong tình hình mới năm 1981.*

phương; Thực hiện tốt công tác xử lý quân nhân bỏ ngũ, tăng cường nhiệm vụ nghĩa vụ quân sự đối với thanh niên”<sup>1</sup>.

Nghị quyết trên đây của Tỉnh ủy được triển khai trong nội bộ Đảng và quần chúng, quán triệt và giao nhiệm vụ cụ thể cho xã, ấp, cho các cơ quan công - nông trường, xí nghiệp, trường học... nhằm khẩn trương phát triển lực lượng dân quân tự vệ, giáo dục, huấn luyện đội ngũ, tổ chức xây dựng lực lượng.

Bên cạnh lãnh đạo công tác quân sự địa phương, trong những năm 1980 - 1985, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo xây dựng lực lượng Công an nhân dân, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Ngày 25/6/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 92-CT/TW về cuộc vận động xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 02/12/1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 31-NQ/TW về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

Để triển khai thực hiện các văn kiện trên đây, ngày 27/3/1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 04-CT/TU thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sau gần một năm triển khai, Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục có Công văn số 130-CV/TU, ngày 26/10/1981 gửi các huyện ủy, Thị ủy Sa Đéc, các đảng ủy trực thuộc, ban cán sự đảng và đảng đoàn các ngành, đoàn thể. Nội dung Công văn biểu dương những đơn vị, địa phương triển khai học tập và phát động tốt Nghị quyết

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/6/1981 về nhiệm vụ quân sự địa phương trong tình hình mới năm 1981.*

số 31 của Bộ Chính trị, đồng thời chỉ đạo chấn chỉnh những đơn vị, địa phương triển khai thực hiện chưa quyết liệt, còn đơn giản, “có nơi còn khoán trắng cho lực lượng công an”, chưa khắc phục được khuyết điểm, yếu kém.

Ngày 12/6/1981, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 250-CP *Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Nội vụ*. Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở xuống cũng có sự thay đổi. Theo đó, Ty Công an Đồng Tháp đổi lại là Công an Đồng Tháp; cấp huyện, thị xã gọi là Công an huyện, Công an thị xã; cấp xã, phường gọi là Công an xã, Công an phường. Từ Bộ đến các cấp địa phương, cơ sở tổ chức theo hướng: “Tập trung, thống nhất, chuyên sâu, giảm đầu mối, bớt trung gian”, hình thành hai lực lượng chiến đấu chủ yếu là an ninh và cảnh sát.

Công an trong tỉnh: “Đã có nhiều cố gắng bám vào tinh thần Chỉ thị 92 và Nghị quyết 31, xây dựng lực lượng tiến bộ hơn trước, khắc phục được phần lớn những khuyết điểm, đưa phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc lên mạnh và tương đối đều trong tỉnh, tổ chức tập huấn cho toàn lực lượng và cải tiến lại tổ chức theo Nghị định 250 của Hội đồng Chính phủ”<sup>1</sup>.

Công an tỉnh đã chú ý xây dựng và đào tạo lực lượng cảnh sát, xây dựng mạng lưới đặc tình, cơ sở bí mật, tập trung vào địa bàn trọng điểm. Năm 1980, lực lượng an ninh đã phát hiện

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Công văn số 130-CV/TU, ngày 26/10/1981 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 92 của Ban Bí thư.*

15 tổ chức phản cách mạng có danh xưng, tiến hành đấu tranh chuyên án. Đã phá 8 tổ chức, bắt 65 tên, 51 tên đầu thú, bẻ gãy âm mưu gây rối, gây bạo loạn của địch. Mở đợt truy quét tội phạm hình sự đi đôi với phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; đã đưa đi cải tạo tập trung số lưu manh chuyên nghiệp, do đó bọn tội phạm hình sự giảm, nhất là trọng án. So với năm 1979 giảm 888 vụ<sup>1</sup>.

Đến cuối năm 1982, toàn tỉnh xây dựng được 12.100 tổ an ninh nhân dân. Các cơ quan, xí nghiệp có 1.308 lực lượng bảo vệ trong 66 đơn vị cơ sở. Thành lập 92 đội bảo vệ chuyên trách, 116 đội bảo vệ bán chuyên trách, quá trình thực hiện đã thanh lọc, phát hiện 887 người không đủ tiêu chuẩn, 99 đối tượng nghi vấn, đưa ra khỏi tổ chức 301 người...<sup>2</sup>.

Ngoài ra, thực hiện Chỉ thị số 01, 02 Liên bộ Quốc phòng - Nội vụ, mối quan hệ hợp đồng chiến đấu giữa bộ đội và công an được củng cố, tăng cường. Các ngành trong khối nội chính bước đầu thống nhất về nguyên tắc, lề lối làm việc; các vụ việc liên quan nhiều vấn đề thì được giải quyết bằng hội nghị liên tịch. Nhờ đó, “đã sử dụng được sức mạnh tổng hợp của lực lượng công an, lực lượng quân đội, các ban, ngành, đoàn thể và phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy”<sup>3</sup>.

---

1, 2. Công an tỉnh Đồng Tháp: *Lịch sử Công an Đồng Tháp (1975 - 2010)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012, tr.85, 221-222.

3. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Báo cáo tổng kết cuộc vận động “Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới” (từ 6/1980 - 6/1983)*, ngày 20/6/1983.

So với các mục tiêu để xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh thì Công an tỉnh đã thu được những kết quả đáng kể. Tổ chức theo mô hình mới trên căn bản đã ổn định, bước đầu phát huy được hiệu lực, cải tiến lề lối làm việc. Đội ngũ cán bộ chiến sĩ được rèn luyện, thử thách trong gian khó và từng bước trưởng thành.

Năm 1983, Tổ Chuyên gia Công an tỉnh giúp tỉnh bạn Prey Veng trong công tác đăng ký quản lý hộ khẩu và sàng lọc các đối tượng Pôn Pốt, đã phát hiện, lập hồ sơ hơn 300 đối tượng chính trị tham gia chế độ cũ ở Việt Nam sang Campuchia sinh sống, trong đó có một số tên trốn trình diện cải tạo, bắt 34 tên tàn quân Pôn Pốt và hơn 120 đối tượng hình sự các loại.

Ở nội địa, năm 1984, tình hình vẫn còn phức tạp về an ninh trật tự, bạo loạn, phản động lợi dụng tôn giáo Hòa Hảo, chúng luôn khoét sâu những khó khăn về kinh tế, đời sống và những tiêu cực xã hội để tuyên truyền xuyên tạc, nhen nhóm tổ chức phản cách mạng. Công an trong tỉnh phát hiện 3 tổ chức phản động, trong đó có 2 tổ chức lợi dụng đạo Hòa Hảo mang tên “Hội đồng bảo pháp” ở địa bàn Hồng Ngự, Tam Nông, Thạnh Hưng (nay là Lấp Vò, Lai Vung) và “Mặt trận lập quốc, kiến quốc” ở Hồng Ngự, bắt 42 tên, hàng 27 tên, thu một số cờ, tài liệu phản động. Ngoài ra, có một tổ chức “Mặt trận thanh niên phục quốc Dân xã Đảng, Đoàn” hoạt động với danh nghĩa xưng danh tổng tiền.

Về công tác đấu tranh chống trốn đi nước ngoài, lực lượng công an phối hợp với các ngành đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, xây dựng các tuyến an ninh biên giới và các địa bàn trọng điểm, thị xã, thị trấn, tăng cường công tác quản lý nội bộ, quản lý đối tượng, quản lý tàu thuyền.



Kết quả phá được 13 vụ, bắt 45 tên tổ chức móc nối người trốn đi nước ngoài.

Địa bàn biên giới Hồng Ngự - Prey Veng là nơi bọn gián điệp, phản động luôn lợi dụng qua lại móc nối hoạt động. Công an tỉnh đã tập trung và phối hợp với các lực lượng Bộ đội Biên phòng, các ngành, các cấp phát động quần chúng xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp an ninh nhân dân; tăng cường tuần tra, kiểm soát, kiểm tra hộ tịch, hộ khẩu, phối hợp với lực lượng tỉnh bạn Prey Veng mở các đợt truy quét hai bên tuyến biên giới, làm trong sạch địa bàn, phát hiện kịp thời những phần tử tình nghi hoạt động xâm nhập.

Năm 1985, Công an tỉnh thực hiện chỉ đạo của Bộ Nội vụ, tiến hành rà soát, sắp xếp tổ chức biên chế, giảm khâu trung gian, giảm biên chế, tăng cường lực lượng chiến đấu, nhất là lực lượng an ninh.

Ngày 29/8/1985, Công an huyện Hồng Ngự được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đây là phần thưởng xứng đáng với thành tích của đơn vị Công an nơi tuyến đầu biên giới đã lập thành tích đặc biệt xuất sắc, góp phần cùng quân và dân ta bảo vệ toàn vẹn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa bàn biên giới của tỉnh.

Đánh giá công tác quốc phòng - an ninh trong giai đoạn 1981 - 1985, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa IV, năm 1986 ghi nhận:

“Các địa phương đã phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, kịp thời trấn áp các âm mưu và hoạt động chống đối của địch. Trong đó có những vụ quan trọng đã bị công an ta bắt gọn. Đồng thời chúng ta cũng kiên quyết trừng trị bọn lưu manh côn đồ gây rối trật tự trị an, những tội phạm

tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản công dân, đầu cơ buôn lậu... Tình hình an ninh nội địa và ở tuyến biên giới hữu nghị Việt Nam - Campuchia được giữ vững. Lực lượng Công an nhân dân và quân sự địa phương được củng cố và phát triển hơn trước. Chúng ta chuẩn bị và sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Lực lượng vũ trang tỉnh ta đang tiếp tục vượt qua mọi hy sinh gian khổ trên đất bạn Campuchia để thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế của mình”<sup>1</sup>.

#### *4.2. Tiếp tục giúp cách mạng Campuchia (1979 - 1985)*

Từ ngày 07/01/1979, cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam chấm dứt và chế độ Pôn Pốt ở Campuchia sụp đổ. Nhưng cấp lãnh đạo chớp bu đứng đầu là Pôn Pốt rút chạy vào vùng rừng núi hiểm trở giáp biên giới Thái Lan, kéo theo nhiều toán tàn quân, trong đó có nhiều tên chỉ huy các cấp. Tại đây, chúng xây dựng căn cứ, dựa vào sự trợ giúp của các thế lực phản động quốc tế để xây dựng lực lượng, âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân, khôi phục địa vị thống trị của chúng ở Campuchia. Tại tỉnh Prey Veng, nhiều toán tàn binh Pôn Pốt thường xuyên đột nhập vào vùng dân cư khủng bố quần chúng, uy hiếp cán bộ. Nhiều nơi, chúng xây dựng chính quyền hai mặt, hoạt động gây rối, ám sát cán bộ. Chính quyền nhân dân Campuchia vừa mới hình thành, chưa đủ sức quản lý xã hội và xây dựng lại đất nước từ đồng tro tàn; nhân dân Campuchia sau thảm họa diệt chủng, số còn sống lần lượt trở về quê cũ, nạn đói xảy ra nghiêm trọng.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV*, t.I, 1986, tr.23.

Theo đề nghị của Mặt trận Đoàn kết Cứu nước Campuchia (sau ngày 07/01/1979 đổi tên là Mặt trận Đoàn kết Xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc Campuchia), Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đưa quân tình nguyện và chuyên gia sang giúp Campuchia toàn diện. Các tỉnh, thành phố phía nam của Việt Nam có chung đường biên giới với Campuchia được kết nghĩa với tỉnh, thành của Campuchia. Theo đó, tỉnh Đồng Tháp kết nghĩa và trực tiếp giúp tỉnh Prey Veng.

Năm 1979, tỉnh Đồng Tháp tổ chức lực lượng đưa qua tỉnh Prey Veng giúp bạn trên tất cả các lĩnh vực. Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Xuân Trường, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách Tổ Nghiên cứu phía sau giúp bạn.

Sau đó, theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, tỉnh Hải Hưng lập đoàn chuyên gia do đồng chí Quách Đại Rong, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, Trung tá Lê Quang Khải làm Phó đoàn - chuyên gia về công an, đồng chí Phú làm Phó đoàn, và một số cán bộ cấp chuyên viên. Kết hợp với chuyên gia tỉnh Hải Hưng, tỉnh Đồng Tháp có các đồng chí: Phạm Hồng Dân, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Nguyễn Việt Tiến, Trưởng Ty Giao thông vận tải, một số cán bộ các ngành giao thông vận tải, y tế, điện lực, bưu điện, nông nghiệp, thủy lợi,... và một số cán bộ, chiến sĩ Công an Đồng Tháp. Chuyến đi đầu tiên đoàn mang theo 5 tấn gạo để cứu đói cho nhân dân Campuchia.

Tháng 7/1979, Đoàn chuyên gia quân sự với phiên hiệu là Đoàn 7706 được thành lập, trực thuộc Mặt trận 779 (dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 7). Đoàn 7706 bao gồm Trung đoàn 320 Đồng Tháp, Trung đoàn 159 Long An, Tiểu đoàn 514

Tiền Giang, Tiểu đoàn 516 Bến Tre, Tiểu đoàn 12 Quân khu 9, tổng quân số tương đương một sư đoàn, phân bố trên một địa bàn rộng. Nhiệm vụ của Đoàn chuyên gia quân sự là giúp bạn diệt trừ bọn tàn quân Pôn Pốt, xây dựng lực lượng và cơ quan quân sự các cấp cho tỉnh bạn, huấn luyện chiến đấu, bảo vệ địa bàn. Tỉnh Đồng Tháp là hậu phương của Đoàn và của tỉnh Prey Veng. Các ngành, các cấp trong tỉnh hết lòng chi viện sức người, sức của giúp tỉnh Prey Veng, coi nhiệm vụ “giúp bạn là tự giúp mình”. Tỉnh đã đưa nhiều chuyến hàng cứu trợ giúp tỉnh Prey Veng vượt qua buổi đầu nhiều khó khăn.

Khó khăn đầu tiên trong công tác giúp bạn là ngôn ngữ bất đồng, mọi giao tiếp với nhân dân bạn phải thông qua thông dịch, rất hạn chế, nhất là công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân Campuchia thông hiểu đường lối quốc tế vô sản của Việt Nam, chống lại bọn phản động xuyên tạc, vu khống Việt Nam xâm lược Campuchia.

*Từ năm 1979 đến 1980, ta giúp bạn truy quét tàn quân Pôn Pốt, xây dựng chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang, khôi phục sản xuất và đời sống nhân dân trong tỉnh Prey Veng.*

Ta đã tấn công truy quét, phục kích và phản công 259 lần từ cấp trung đoàn, tiểu đoàn đến cấp đại đội, trung đội, tiểu đội, đánh tan rã Sư đoàn 805 tàn quân chủ lực của Pôn Pốt, 2 trung đoàn tăng cường và Trung đoàn Svây Riêng chạy về đây; tiêu diệt nhiều tên, thu nhiều vũ khí<sup>1</sup>.

---

1. Tiêu diệt và làm bị thương trên 500 tên; ra trình diện, tự thú 3.912 tên (ta giáo dục và giao cho địa phương bạn quản lý); thu 718 súng các loại, 2 tàu chiến, 3 khẩu pháo 105 ly, 11 khẩu pháo 120 ly, 47 khẩu 12,8 ly, 22 khẩu DKZ 75 và cối 82 ly (số vũ khí này sau trang bị cho bạn).

Công an tỉnh Đồng Tháp tổ chức triển khai lực lượng phản gián trên địa bàn trọng điểm là khu vực Niết Lương nhằm hỗ trợ bạn trong công tác đánh địch, bóc gỡ tàn quân Pôn Pốt còn ẩn náu trong dân. Đã triệt phá nhiều “cơ sở ngầm” của Khmer đỏ (làm việc hai mặt) và nhiều tổ chức nhen nhóm phản động lén lút hoạt động khống chế người tốt<sup>1</sup>. Giúp bạn xây dựng lực lượng công an từ cấp tỉnh đến cơ sở xã, ấp; góp phần phát triển đảng viên Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, làm nòng cốt lãnh đạo trong ngành.

Ban Cán sự Đảng tỉnh Prey Veng thành lập sau ngày 07/01/1979, do ông Bốt Ta Mon làm Bí thư, ông Sa Đơn Sim làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng, ông Chăn Chum làm Ủy viên Ban Cán sự, kiêm phụ trách quân sự và công an. Ta giúp bạn thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng cấp tỉnh do ông Chiêm Diếp làm Chủ tịch. Từ năm 1979 đến năm 1981, bộ máy chính quyền ở 11 huyện, thị được thiết lập. Ủy ban nhân dân cách mạng cấp huyện có 7 ủy viên gồm chủ tịch, các phó chủ tịch và một số ủy viên.

Chính quyền cấp xã lúc mới giải phóng được hình thành nhưng thành phần lai lịch còn phức tạp. Sau đó, ta từng bước loại ra những phần tử là cơ sở ngầm của Pôn Pốt cài lại. Đến cuối năm 1979, có 100% xã của tỉnh Prey Veng đã xây dựng củng cố được chính quyền, nhiều ấp có ban nhân dân ấp.

---

1. Gồm 947 tên, trong đó có nhiều tên quan trọng như: 1 trung ương ủy viên, 1 phó chỉ huy quân sự Quân khu Đông, 1 chủ tịch và 3 phó chủ tịch tỉnh, 27 ủy viên và chủ tịch huyện; đầu thú 2.688 tên; chủ động và kịp thời triệt phá 147 vụ âm mưu phá hoại.

Chuyên gia quân sự giúp bạn xây dựng 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh 17a và 17b; xây dựng và trang bị 11 đại đội hai chức năng của cấp huyện; xây dựng dân quân xã, dân quân ấp; tổ chức 36 đội dân công. Hằng năm, tỉnh Prey Veng đưa 2.000 thanh niên đầu quân bổ sung cho lực lượng vũ trang cấp trên.

Về kinh tế, đời sống, đa số nhân dân tỉnh Prey Veng là nông dân, sống bằng nghề ruộng rẫy, đánh bắt tôm cá, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tôn giáo chính là Phật giáo. Dưới chế độ Campuchia Dân chủ, nhà tư sản, trí thức, sư sãi bị giết, bị đày ải. Quân Khmer đỏ đập phá chùa chiền, biến các chùa thành nhà kho, nhà giam... Đời sống nhân dân lầm than, khổ cực, đói rách, không trường học, không bệnh viện. Sau ngày 07/01/1979, nhân dân từ các trại tập trung còn sống sót lần lượt trở về quê cũ, không tiền, không có công cụ để sản xuất. Nạn đói và bệnh tật xảy ra. Trong tình hình đó, các đơn vị vũ trang tỉnh Đồng Tháp đang có mặt tại tỉnh Prey Veng đã khẩn trương huy động mọi khả năng, phương tiện, cùng chính quyền bạn đưa nhân dân về quê cũ; phân phối hàng hóa Việt Nam viện trợ cứu đói, cứu đau. Đồng thời, khẩn trương chi viện lúa giống, cùng nhân dân Campuchia cày cấy hơn 2.000ha lúa. Chỉ trong một thời gian ngắn, nạn đói ở tỉnh Prey Veng được khắc phục.

Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Tháp có mặt tại tỉnh Prey Veng từ những ngày đầu giải phóng để thực hiện cứu trợ nhân đạo. Sau đó hằng năm đều cử phái đoàn đi thăm, tặng quà cho chiến sĩ. Hội đã tặng cho Bệnh viện tỉnh Prey Veng 2 bộ dụng cụ y tế trung phẫu thuật, vải mặc và nhiều chăn màn...

Các ngành khác trong tỉnh Đồng Tháp đều cử chuyên gia sang giúp bạn về kế hoạch, nghiệp vụ chuyên môn và tiếp nhận đào tạo cán bộ chuyên môn từ Prey Veng đưa sang, góp phần khôi phục các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Prey Veng. Ngành nông nghiệp tỉnh cử cán bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi sang Prey Veng công tác từng đợt ngắn hạn; năm 1985 mở lớp học kỹ thuật ngắn hạn 3 tháng cho cán bộ nông nghiệp Prey Veng tại Sở Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp.

*Từ năm 1981 đến 1983, ta và bạn tiếp tục truy quét tàn quân Pôn Pốt, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng, củng cố chính quyền và hệ thống chính trị.*

Bạn đã trưởng thành hơn một bước nhưng chưa đủ sức tự lãnh đạo, điều hành đất nước. Trong khi đó, bọn tàn quân Pôn Pốt tập hợp lực lượng. Cuối năm 1982, chúng lập Chính phủ “Liên minh ba phái”, lập hệ thống các căn cứ dọc biên giới Campuchia - Thái Lan. Âm mưu của chúng tạo hai vùng, hai lực lượng, phối hợp với thế lực phản động quốc tế gây áp lực với Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Campuchia. Trên địa bàn tỉnh Prey Veng, các toán tàn quân của Sư đoàn 805, các trung đoàn 27, 24 và các nhóm của các đảng phái phản động khác vẫn ra sức hoạt động gây rối, uy hiếp chính quyền cơ sở, gây hoang mang trong nhân dân.

Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp lãnh đạo tiếp tục tăng cường cán bộ các ban, ngành làm chuyên gia giúp bạn về các mặt như y tế, giáo dục, nông nghiệp, thương nghiệp, lương thực, giao thông vận tải, thông tin liên lạc...

Về cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia tỉnh Prey Veng, trên cơ sở Ban Cán sự Đảng tỉnh thành lập từ sau ngày 07/01/1979, đến năm 1983 đã

thành lập Tỉnh ủy Prey Veng do ông Thong Bô Rết làm Bí thư, ông Chiêm Diếp làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh. Các cơ quan lãnh đạo các cấp của bạn được tiếp tục hoàn thiện và củng cố thêm một bước.

Trong những năm 1981 - 1985, ta giúp bạn xây dựng thêm một tiểu đoàn 17c, củng cố 11 đại đội hai chức năng của 11 huyện, thị, đưa một đại đội hai chức năng đi bảo vệ K5<sup>1</sup>; bố trí chuyên gia quân sự cho cấp huyện; xây dựng dân quân xã, dân quân ấp; đưa đi học các trường 3.035 người; lập 76 đội công tác thường xuyên hoạt động tại cơ sở xã, ấp. Các đội công tác phối hợp với các đoàn thể ở cơ sở tuyên truyền phát động quần chúng, xây dựng và củng cố thế trận quốc phòng - an ninh<sup>2</sup>. Qua huấn luyện và thực tiễn công tác, trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của bạn có tiến bộ rõ rệt. Các đợt truy quét địch do ta và bạn cùng phối hợp tác chiến đạt kết quả tốt. Bạn cũng đảm nhận việc giữ gìn an ninh trật tự.

Tỉnh Đồng Tháp giúp bạn xây dựng hệ thống thủy lợi, xây dựng 2 trạm bơm lớn, khôi phục các trạm bơm vừa và nhỏ với tổng công suất 2.540 m<sup>3</sup>/giờ; bộ đội đứng chân trên địa bàn tăng cường công tác vận động quần chúng nêu cao tình đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống. Bộ đội giúp dân cấy lúa, đắp đường, sửa chữa cầu, vét giếng nước trong khu vực đóng quân; vận động nhân dân đoàn kết sản xuất. Vụ mùa năm 1982, toàn tỉnh Prey Veng gieo

---

1. K5 là mặt danh của khu vực phòng thủ biên giới giáp với Thái Lan đang được xây dựng nhằm ngăn chặn sự thâm nhập của tàn quân Pôn Pốt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo 10 năm chuyên gia Đồng Tháp giúp tỉnh Prey Veng - Campuchia (1979 - 1989)*, tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.



cây 205.727ha lúa, 6.808ha hoa màu. Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân ổn định.

Các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện giúp bạn về vật tư, cán bộ kỹ thuật, khôi phục và xây dựng hai nhà máy xay lúa có công suất 40-50 tấn/ngày ở Svây - An tô, Pim Rô; xây dựng xưởng sửa chữa cơ khí ở Sa Đack; sửa chữa nhiều cầu, nhiều đoạn đường bị địch đánh phá hư hỏng nặng; vận chuyển hàng hóa, vũ khí, chuyển quân, vận chuyển lương thực... Ngành bưu điện trang bị cho bạn máy thu phát sóng VTD 15W, khôi phục hệ thống điện thoại trong thị xã Prey Veng. Ngành văn hóa - thông tin giúp bạn đào tạo cán bộ, trang bị phương tiện kỹ thuật, nâng cao hiệu quả tuyên truyền giáo dục nhân dân xây dựng cuộc sống mới, xây dựng đất nước Campuchia hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng, xây dựng nếp sống có văn hóa, văn minh. Ngành y tế Đồng Tháp tham mưu giúp bạn xây dựng lại bệnh viện tỉnh, động viên các bác sĩ, nhân viên y tế cũ trở lại làm việc. Đến năm 1983, toàn tỉnh Prey Veng có 1 bệnh viện tuyến tỉnh với 150 giường bệnh, 11 bệnh viện huyện với tổng số 719 giường, 115 xã có bệnh xá. Hằng năm, ngành y tế tỉnh Đồng Tháp cử đoàn cán bộ bác sĩ, y sĩ, y tá luân phiên giúp bạn về khoa nội, khoa ngoại; giúp đào tạo cán bộ, lắp đặt hệ thống pha chế dịch truyền... Ngành giáo dục tỉnh Đồng Tháp giúp bạn xây dựng được 17 trường mẫu giáo, 408 trường phổ thông cấp 1 và 11 trường cấp 2, tạo điều kiện cho hàng chục ngàn học sinh, con em nhân dân tỉnh Prey Veng đến trường.

Cũng trong những năm 1981 - 1983, chuyên gia Đồng Tháp giúp bạn đào tạo cán bộ, xây dựng, củng cố 3 tiểu đoàn của tỉnh và 28 đại đội địa phương quân các huyện với tổng số

2.034 cán bộ, chiến sĩ. Ở xã, ấp, phát triển dân quân lên khoảng 50 ngàn người. Hàng năm, hàng ngàn thanh niên nhập ngũ.

Bạn đã có bước trưởng thành, quản lý xã hội ngày càng tốt hơn. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chỉ huy từng cấp xác định được vị trí, nhiệm vụ. Có nhiều cán bộ chủ chốt đã qua đào tạo ở Việt Nam và Bộ Quốc phòng bạn.

*Từ năm 1983 đến 1985, ta hướng dẫn bạn tự lực xây dựng lực lượng, vươn lên tự đảm đương nhiệm vụ chiến đấu, xây dựng và bảo vệ chế độ mới.*

Tháng 4/1983, Đoàn chuyên gia của tỉnh Hải Hưng do đồng chí Quách Đại Rong làm Trưởng đoàn kết thúc nhiệm vụ công tác ở tỉnh Prey Veng; các tiểu đoàn địa bàn thuộc Đoàn 7706 được lệnh rút khỏi tỉnh Prey Veng, tăng cường cho các vùng khác ở Campuchia.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “tỉnh giúp tỉnh kết nghĩa”, Tỉnh ủy Đồng Tháp thành lập Đoàn chuyên gia đa ngành giúp tỉnh Prey Veng, do đồng chí Huỳnh Thanh Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn<sup>1</sup>. Đoàn chuyên gia

1. Trong đoàn còn có các ông:

- Nguyễn Việt Tiến, Trưởng ty Giao thông vận tải làm Phó đoàn, chuyên gia về kinh tế.

- Lê Văn Hân, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Hồng Ngự, Phó Trưởng đoàn, chuyên gia về công tác tổ chức.

- Đại tá Nguyễn Công Thành, Trưởng Đoàn 7706 làm Phó Trưởng đoàn, chuyên gia về quân sự.

- Bùi Văn Phòng, Phó Trưởng ty Công an Đồng Tháp làm Phó Trưởng đoàn kiêm Tổ trưởng chuyên gia công an.

- Lê Thanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Hưng làm Phó Trưởng đoàn.

- Nguyễn Hữu Nhơn (Hoài Bảo), Chánh Văn phòng Đoàn chuyên gia.

tỉnh Đồng Tháp tại tỉnh Prey Veng có nhiều tổ chuyên gia phụ trách trên nhiều lĩnh vực. Riêng Tổ chuyên gia công an có cán bộ nghiệp vụ như an ninh, cảnh sát, trợ lý tổng hợp, nghiên cứu... Ngoài ra, có các bộ phận phục vụ, tổ phiên dịch, điện đài, cơ yếu... Hệ thống chuyên gia đến cấp huyện. Cấp xã có phái viên. Do tình hình an ninh tỉnh Prey Veng còn nhiều phức tạp, Ty Công an tỉnh điều một trung đội làm nhiệm vụ bảo vệ Đoàn chuyên gia.

Từ năm 1983, Tiểu đoàn 17 của tỉnh Prey Veng tăng cường cho Trung đoàn 74 và các trung đội, đại đội hai chức năng của tỉnh Kông Pông Chàm. Tỉnh Prey Veng sắp xếp biên chế Tiểu đoàn 17b với quân số 250 người và các đại đội hai chức năng ở huyện. Ở mỗi xã xây dựng, củng cố một tiểu đội dân quân. Bố trí 115 dân quân bảo vệ giao thông. Hằng năm, tỉnh Prey Veng huy động một lực lượng lớn bộ đội và nhân dân đi K5 xây dựng tuyến phòng thủ biên giới Campuchia - Thái Lan.

Để đập tan âm mưu của Pôn Pốt, trong hai năm 1983 - 1985, ta giúp bạn mở nhiều đợt hoạt động tổng hợp, tấn công quân sự kết hợp công tác địch vận làm tan rã địch. Qua các đợt hoạt động đã loại khỏi vòng chiến đấu 602 tên, trong số này có nhiều tên do địch cài cắm từ trước, đặc biệt có 2 tên trong nội bộ cơ quan hậu cần tỉnh bạn, một tên là chiến sĩ trong lực lượng hai chức năng huyện Kom Chây Rích.

Qua các cuộc truy quét, lực lượng bạn bộc lộ một số mặt hạn chế: Hiệu suất chiến đấu chưa cao; khả năng cơ động còn hạn chế, chậm và lộ liễu; nắm tình hình không vững; phương án đánh địch còn lúng túng; tiêu diệt địch không gọn; chưa phát động được phong trào quần chúng; chưa kết hợp được cơ sở quần chúng với lực lượng an ninh bóc gỡ địch ngầm.

Năm 1985, lực lượng vũ trang tỉnh Prey Veng có 2.832 cán bộ, chiến sĩ, gồm một tiểu đoàn cơ động tỉnh và một tiểu đoàn làm nhiệm vụ K5, 16 đại đội hai chức năng. Dân quân xã, ấp toàn tỉnh phát triển lên 26.744 người<sup>1</sup>.

Tàn quân Pôn Pốt tiếp tục hoạt động dưới danh nghĩa liên quân 3 phái; đưa từng toán nhỏ đột nhập, trụ bám địa hình, cài cắm trong dân và trong chính quyền đoàn thể, chờ thời cơ lật đổ chính quyền nhân dân. Thủ đoạn của chúng dựa vào con bài Xihanúc để tuyên truyền mua chuộc quần chúng. Chúng tuyên truyền “người Khmer không đánh người Khmer” để chia rẽ, gây mơ hồ bạn - thù; sử dụng cơ sở ngầm để vô hiệu hóa chính quyền và lực lượng vũ trang ở xã, ấp. Chúng rải truyền đơn và viết thư cảnh cáo cán bộ xã tích cực, thủ tiêu ám sát cán bộ xã. Ở tỉnh Prey Veng, cơ sở địch ngầm khoảng 938 tên.

Địch tập trung hoạt động ở các huyện phía bắc tỉnh Prey Veng, gồm nhiều toán nhỏ. Chúng gây ra nhiều vụ tập kích, trinh sát. Đặc biệt, tháng 01/1986, chúng tập kích chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân và Huyện đội Sitho Cândia. Ở ba xã của huyện Pia Rânt, địch đột nhập thu súng và rúng ép nhiều thanh niên theo chúng.

Để hỗ trợ bạn vươn lên đảm đương nhiệm vụ, đến cuối năm 1985, ta điều Tiểu đoàn 502B từ chiến trường tỉnh Pu Sát, Công Pông Chư Năng về tỉnh Prey Veng nhằm tăng cường giúp bạn xây dựng chính quyền xã, ấp; cùng bạn xây dựng cơ sở phát động phong trào quần chúng, bóc gỡ địch ngầm. Giúp bạn phát huy được lực lượng tổng hợp, tinh thần tự lực tự

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: *Báo cáo 10 năm chuyên gia Đồng Tháp giúp tỉnh Prey Veng - Campuchia (1979 - 1989)*, Tlđđ.

cường trong xây dựng và chiến đấu; đặc biệt là giúp cho bạn có đội ngũ cán bộ trưởng thành, là nhân tố bảo đảm để bạn tự đảm đương nhiệm vụ sau này.

Chuyên gia và Tiểu đoàn 502B đã giúp bạn đánh địch liên tục; từng tiểu đội, trung đội truy quét những khu rừng chồi, phục kích đánh địch những nơi chúng hoạt động gây rối. Ta và bạn gây được niềm tin trong nhân dân. Chính quyền bạn ở những xã trước đây bị địch khống chế nay đã đi vào hoạt động, giữ được an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Tổ chuyên gia công an tỉnh giúp bạn rất nhiều về xây dựng lực lượng, tuyển chọn người đưa đi đào tạo nòng cốt lãnh đạo chỉ huy, hình thành bộ máy công an từ tỉnh đến huyện, xã.

Đoàn chuyên gia tỉnh Đồng Tháp tiếp tục giúp bạn xây dựng, củng cố cơ sở đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể. Riêng Đoàn Thanh niên Cách mạng Campuchia tỉnh Prey Veng, phát triển lên 3.012 đoàn viên, có Ban Chấp hành Tỉnh đoàn, huyện đoàn.

Đến cuối năm 1985, lực lượng chuyên gia Đồng Tháp giúp tỉnh Prey Veng đạt cả ba mục tiêu: Đánh địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội; xây dựng thực lực cách mạng, phát triển sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị về mọi mặt.

Sau này, tổng kết công tác giúp tỉnh bạn Prey Veng, Tỉnh ủy nhận định: “10 năm giúp bạn toàn diện là một công việc rất mới mẻ, đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh, ta lại chưa có kinh nghiệm, ngôn ngữ bất đồng, tập quán xa lạ; giúp bạn làm lại từ đầu, đi lên từ hai bàn tay trắng; trong khi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù rất thâm độc, xảo quyệt. Trong quá trình giúp bạn, đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ kiên định vững vàng,

giúp bạn thành công và không ngừng lớn mạnh về mọi mặt, nổi rõ là xây dựng chính quyền, lực lượng vũ trang bạn đủ sức quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ chế độ mới”<sup>1</sup>.

Quân tình nguyện và chuyên gia Đồng Tháp còn tiếp tục làm nhiệm vụ giúp tỉnh Prey Veng, đến tháng 8/1989 thì rút toàn bộ về nước theo sự thỏa thuận của Đảng và Chính phủ hai nước.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới ở hai đầu đất nước đã gây ra cho tỉnh Đồng Tháp nói riêng, cả nước ta nói chung những khó khăn chồng chất. Nhưng với truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã lãnh đạo quân và dân trong tỉnh vượt qua nhiều thử thách để vừa xây dựng, vừa chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 5. Củng cố xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Ngày 24/02/1981, Ban Bí thư ra Nghị quyết số 36-NQ/TW về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng. Nghị quyết chỉ rõ: “Cách mạng nước ta đang đứng trước những thuận lợi rất cơ bản, đồng thời, trên con đường đi lên, cũng phải đương đầu với những khó khăn rất gay gắt, nhất là những khó khăn về kinh tế và đời sống nhân dân, do hậu quả của chiến tranh lâu dài, và do những nhược điểm, khuyết điểm của ta gây nên. Những kẻ thù của cách mạng nước ta lại câu kết với nhau lợi dụng tình hình khó khăn, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Tóm tắt thành tích 10 năm làm nghĩa vụ quốc tế*, Báo cáo ngày 29/5/1989, tài liệu lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy.

Trước những thử thách mới, số đông cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vẫn vững vàng, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, anh dũng phấn đấu đưa đất nước tiến lên... Nhưng mặt khác, những khó khăn của bước phát triển mới tác động đến tình hình tư tưởng trong Đảng cũng như ngoài xã hội. Hiện tượng phổ biến của nhiều người nói trên là phân vân đối với chủ trương, chính sách kinh tế, nhất là đối với việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách và khắc phục những hiện tượng tiêu cực... Thậm chí có một số cán bộ hoài nghi, bi quan, dao động cả về đường lối, và không đủ dũng khí vượt qua khó khăn, gian khổ<sup>1</sup>.

Thống nhất với đánh giá của Trung ương, ngày 01/7/1981, Tỉnh ủy Đồng Tháp nhất trí thông qua Nghị quyết số 01-NQ/TU về *những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng*.

Nghị quyết chỉ rõ tình hình trong tỉnh: “Một bộ phận còn phân vân và thiếu tin tưởng đối với việc thực hiện các chủ trương, chính sách cụ thể, bi quan trước những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế, trong sinh hoạt xã hội... Tình hình trên đây đã có tác động xấu đến các mặt chính trị, tư tưởng và kinh tế ở địa phương”<sup>2</sup>.

... “Có tình hình này là do:

- Công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bước đi ban đầu chúng ta còn nhiều bỡ ngỡ, cùng một lúc vừa

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.42, tr.69-70.

2. Tỉnh ủy Đồng Tháp: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 01/7/1981 về *những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng*.

đối phó với hậu quả chiến tranh lâu dài chưa khắc phục xong, lại phải bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, và đối phó với thiên tai liên tiếp.

- Thoát thai từ cách mạng dân tộc dân chủ, đa số cán bộ đảng viên trưởng thành trong chiến đấu nên kiến thức, trình độ và kinh nghiệm quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn rất non yếu và lúng túng.

- Các thế lực phản động quốc tế ra sức tác động phá hoại ta về nhiều mặt, nhất là kinh tế và tư tưởng hòng âm mưu xâm lược đất nước ta.

Nguyên nhân chủ quan:

- Sau giải phóng, chúng ta đánh giá không đầy đủ tình hình khó khăn và phức tạp về mọi mặt ở địa phương, thường nhấn mạnh một chiều thuận lợi và tiềm năng, không thấy hết khó khăn, phức tạp mới.

- Các cấp ủy đảng, các ngành, đơn vị chưa chú trọng làm công tác tư tưởng, có lúc buông lơi và chưa gắn công tác tư tưởng với củng cố kiện toàn tổ chức, với kinh tế và đời sống, chưa tập trung được mọi cấp, mọi ngành làm công tác tư tưởng. Việc học tập nâng cao giác ngộ giai cấp, đường lối đi lên chủ nghĩa xã hội cho cán bộ đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu.

- Bộ máy tuyên huấn của tỉnh, huyện, thị còn yếu cả về số lượng và chất lượng”<sup>1</sup>.

Từ tình hình trên, Nghị quyết xác định: “Toàn Đảng làm công tác tư tưởng, tổ chức lại lực lượng, kiện toàn tổ chức giúp

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 01/7/1981 về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng.



cấp ủy làm công tác tư tưởng”; “Chống mọi biểu hiện tiêu cực trong Đảng và ngoài nhân dân, tăng cường giáo dục thanh niên, kiên quyết bài trừ văn hóa văn nghệ phản động đồi trụy”; “Cải tiến công tác đào tạo cán bộ”; “Cải tiến công tác thông tin, báo chí và văn nghệ”<sup>1</sup>.

Việc thực hiện Nghị quyết trên đây của Tỉnh ủy là nhân tố quyết định nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, tăng thêm sức mạnh chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ đảng viên, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ công tác của Đảng bộ, nhất là nhiệm vụ cải tạo và xây dựng nền kinh tế mới.

Ngày 28/02 và 01/3/1983, Tỉnh ủy họp mở rộng gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành, các đồng chí chủ chốt ở các huyện, thị, các ngành tỉnh để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 25/10/1982 của Bộ Chính trị về *toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch*.

Căn cứ vào Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị, Hội nghị xác định nhiệm vụ: “Phải tiếp tục xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao tính giai cấp, tính tiên phong gương mẫu, đề cao cảnh giác, phòng chống nội gián, đề phòng kẻ địch phá hoại”; “Phải coi trọng kiện toàn các chi bộ, đảng bộ, tiến hành thường xuyên phê bình và tự phê bình, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng, khỏi cương vị quan trọng trong các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 01/7/1981 về *những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng*.

quần chúng những phần tử không xứng đáng (...). Đặc biệt, phải tiếp tục xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành lực lượng xung kích trong lao động sản xuất và chống các âm mưu phá hoại của địch, nhất là chống âm mưu phá hoại tư tưởng thế hệ trẻ.

Kiên toàn các cơ quan công an và xây dựng lực lượng công an vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, chủ động ngăn ngừa, chủ động tiến công liên tục kẻ địch, chống buôn lỏng hữu khuynh, đồng thời phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, chống việc làm sai luật pháp”<sup>1</sup>.

Trong những năm 1980 - 1985, các cấp ủy quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên nhận thức đúng thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, nâng cao giác ngộ chính trị, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng đạt hiệu quả trên nhiều lĩnh vực. Trên các mặt trận chiến đấu giúp bạn Campuchia và thực hiện nhiệm vụ cải tạo, xây dựng phát triển kinh tế, đã thể hiện được tính trung kiên, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách. Mạnh dạn đề bạt một số đồng chí trẻ, có năng lực và phẩm chất vào các cương vị chủ chốt trong bộ máy Đảng, chính quyền cấp tỉnh và các huyện, thị. Công tác phát triển đảng đạt kết quả khá hơn trước. Trong 5 năm 1980 - 1985, toàn tỉnh phát triển 3.200 đảng viên mới, có 1.288 đảng viên ở xã, ấp. Cũng trong 5 năm này, tiến hành các cuộc vận động xây dựng Đảng, phát triển đảng viên, đã thi hành kỷ luật 1.700 đảng viên, trong đó đưa ra

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 15/3/1983 về phát động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 03-NQ/TW của Bộ Chính trị.*

khỏi Đảng 870 người phạm sai lầm nghiêm trọng hoặc không đủ tiêu chuẩn<sup>1</sup>.

Quan tâm, nâng cao vai trò của hội đồng nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát ủy ban nhân dân cùng cấp; xác định rõ chức năng của tổ chức hành chính với kinh tế, từ đó giao quyền chủ động cho huyện, thị và các ngành. Từng bước hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ. Lãnh đạo các ngành trong khối nội chính hoạt động đi vào nền nếp.

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng thể hiện là chỗ dựa của chính quyền, tăng cường vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đưa các mặt hoạt động của đoàn thể gắn với các đơn vị kinh tế - xã hội ở cơ sở.

Tuy nhiên, trong tình hình còn nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, công tác tư tưởng của Đảng chưa giải quyết thỏa đáng những vấn đề bức bối, thắc mắc của quần chúng; chất lượng sinh hoạt chi bộ thấp, quản lý đảng viên còn lỏng lẻo; Công tác tự phê bình và phê bình chưa thường xuyên, một số đảng viên không giữ vững được phẩm chất đạo đức cách mạng, thoái hóa, biến chất và vi phạm kỷ luật; Công tác phát triển đảng còn chậm; Chính quyền chậm thể chế hóa các chủ trương của Đảng thành biện pháp thực hiện cụ thể; Hội đồng nhân dân thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát còn nhiều hạn chế, còn tình trạng dân chủ hình thức; Nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể chậm đổi mới.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV, năm 1986*, t.I, tr.24.

Giai đoạn 1980 - 1985, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo quân và dân địa phương cùng Nhà nước thực hiện một loạt công tác lớn, đặc biệt là tiến hành cải tạo phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đem lại hiệu quả đáng kể; tìm tòi đổi mới, nhất là cuộc tiến công khai thác Đồng Tháp Mười giành thắng lợi, hứa hẹn thành vụ lúa của đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Công tác lãnh đạo an ninh - quốc phòng đã đạt được thắng lợi to lớn trong việc đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, tiếp tục giúp đỡ cách mạng Campuchia giành thắng lợi về quân sự và xây dựng hồi sinh đất nước. Nhiều công trình xây dựng cơ bản như trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, đường sá, cầu cống... được xây dựng, cải thiện bộ mặt nông thôn, nhất là vùng Đồng Tháp Mười<sup>1</sup>. Đặc biệt, tỉnh quan tâm

---

1. Mười năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975 - 1985), với sự nỗ lực và quyết tâm, Đồng Tháp từng bước vượt qua khó khăn, thử thách và đạt được một số kết quả quan trọng. Đến năm 1985, hàng trăm công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành và đi vào hoạt động như: Xí nghiệp đông lạnh Sa Đéc; Xí nghiệp cơ khí tỉnh; Đài Truyền hình Đồng Tháp; Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh; khởi công xây dựng các nghĩa trang huyện (Hong Ngự, Tháp Mười, Thanh Hưng, Châu Thành) và thị xã Sa Đéc; duy tu sửa chữa hai tuyến đường liên tỉnh 30 và 80; đắp xong các tuyến lộ Tân Mỹ - Vĩnh Thạnh, An Long - Tràm Chim; bắc cầu cán đất đỏ và thông xe tuyến đường Thét; đào mới và nạo vét 425km kênh lớn nhỏ; xây dựng nhiều trụ sở cơ quan nhà nước và nhà ở tại thị xã Cao Lãnh và 3 huyện mới Tháp Mười, Cao Lãnh, Tam Nông; mở rộng, xây dựng mới các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, bệnh viện khu vực, mở thêm các trạm y tế, nhà hộ sinh đều khắp các xã; xây dựng các trường cấp 3 Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông, Tháp Mười, Mỹ An Hưng (Thanh Hưng); xây dựng, mở rộng các trường Cao đẳng Sư phạm, Trung học Sư phạm, Trung học Nông nghiệp, Trung học Y tế...

điều tra cơ bản (theo chương trình 60 - 02), lập bản đồ địa chất, thổ nhưỡng, thảm thực vật, bình độ, trầm tích...; lập tổng sơ đồ quy hoạch của tỉnh và hầu hết các huyện, thị, đặt cơ sở khoa học cho các quyết định của tỉnh trong phát triển kinh tế, khai thác tiềm năng của địa phương.

Nguyên nhân của những thành tựu trên là: “Các chủ trương của Đảng được quần chúng nhân dân hưởng ứng qua các phong trào lao động sản xuất, phát triển văn hóa, phục hồi và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật”; “Các cấp ủy đảng tiếp thu và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương, sớm phân cấp và xây dựng huyện, mạnh dạn tháo gỡ một số vướng mắc trong sản xuất và trong phân phối lưu thông”<sup>1</sup>.

Tuy vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo còn nhiều khuyết điểm. Đời sống của nhân dân lao động chưa được cải thiện, đặc biệt là cán bộ, nhân viên và lực lượng vũ trang và cán bộ hưu sau khi thực hiện chính sách giá - lương - tiền, đồng lương thực tế bị giảm sút nhanh chóng; Công tác cải tạo quan hệ sản xuất còn chủ quan, nôn nóng, có nhiều mặt yếu kém, thiếu vững chắc; Về an ninh - quốc phòng, còn khá chật vật trong việc huy động nghĩa vụ quân sự, chất lượng của lực lượng dân quân tự vệ còn yếu, trật tự xã hội chưa tốt, tình trạng vi phạm pháp luật tiếp tục gia tăng; Nhìn chung, các phong trào trong tỉnh tiến triển chậm, việc thực hiện các chủ trương thường đạt kết quả thấp, chưa tạo được những chuyển biến có tính nhảy vọt.

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV*, năm 1986, t.I, tr.28.

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên là do: Chưa quán triệt đầy đủ quan điểm quần chúng của Đảng, trong phát động thường nặng về động viên, thiếu sâu sát, cụ thể, chưa xuất phát từ lợi ích của nhân dân; Công tác lãnh đạo điều hành thiếu kiên quyết, thường dừng lại ở chủ trương chung; Công tác kiểm tra, đôn đốc cũng như việc sơ kết rút kinh nghiệm để nhân nhanh những điển hình tiên tiến làm không thường xuyên. Tư duy kinh tế, tổ chức và phong cách làm việc chưa đổi mới<sup>1</sup>.

Những tồn tại, yếu kém trên đây sẽ được khắc phục trong giai đoạn Đảng bộ lãnh đạo sự nghiệp đổi mới sau này.

\*

\* \*

Năm 1985, tỉnh tổ chức Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua và mĩttinh trọng thể kỷ niệm 10 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975 - 30/4/1985), đồng thời đón nhận Huân chương Sao vàng - phần thưởng cao quý của Nhà nước trao tặng cho quân, dân Đồng Tháp đã có nhiều thành tích trong 30 năm kháng chiến chống xâm lược và 10 năm xây dựng, bảo vệ đất nước.

Mười năm sau giải phóng, một chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp. Vượt qua những khó khăn chồng chất, khơi dậy truyền thống cách mạng của nhân dân và đội ngũ cán bộ, đảng viên, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh phát huy cao độ tinh thần tự lực,

---

1. Tỉnh ủy Đồng Tháp: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV*, năm 1986, t.I, tr.30.

tự cường, giành thắng lợi cơ bản trên trận địa cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi có tính lịch sử, bao trùm lên trên hết, đó là về chính trị. Trong điều kiện quê hương, đất nước mới giải phóng, khó khăn chồng chất, kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc tìm mọi cách chống phá cách mạng, Đảng bộ đã lãnh đạo quân, dân trong tỉnh đập tan nhiều tổ chức nhen nhóm phản động âm mưu bạo loạn, lật đổ; khẩn trương khắc phục hậu quả chiến tranh, thiết lập hệ thống chính trị từ thành thị đến nông thôn, từ tỉnh đến cơ sở xã, ấp và liên tục củng cố ngày càng thêm vững mạnh; đánh thắng chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Sary trên tuyến biên giới Tây Nam, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng; tăng cường lực lượng chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc; đưa quân tình nguyện và chuyên gia giúp tỉnh Prey Veng, góp phần xây dựng lại đất nước Campuchia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị. Thắng lợi này tạo điều kiện hòa bình yên ổn để nhân dân ta làm ăn, góp phần xây dựng đất nước.

Đồng Tháp là tỉnh đi lên từ một nền nông nghiệp lạc hậu, lại bị kìm hãm bởi chủ nghĩa thực dân và sự tàn phá nặng nề của 30 năm chiến tranh, thường xuyên bị lũ lụt, sản xuất và đời sống của nhân dân thấp kém, trình độ dân trí thấp, ảnh hưởng tâm lý, tập quán cũ rất nặng nề, nhưng trong 10 năm sau giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, với vai trò lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng bộ tỉnh, công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội được triển khai trên quy mô rộng lớn, tuy còn nhiều khó khăn, hạn chế nhưng thành quả

của cách mạng xã hội chủ nghĩa được khẳng định. Đặc biệt, trong tình hình có nhiều khó khăn về vốn và kỹ thuật, tỉnh đã quyết tâm tiến công khai phá Đồng Tháp Mười, mở ra triển vọng phát triển nhảy vọt về nông nghiệp, nông thôn trong nhiều thập kỷ sau.



## *Chương II*

# **ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (1986 - 1995)**

## **I- BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (1986 - 1990)**

### **1. Tình hình, nhiệm vụ và đường lối đổi mới toàn diện của Đảng**

Sau hơn mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986), thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, V của Đảng, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, Việt Nam đã giành được những thành tựu bước đầu quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: Tiếp quản và ổn định vùng giải phóng, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và cấu trúc lại nền kinh tế trên cả nước, chuyển từ nền kinh tế chủ yếu được xây dựng, hoạt động phục vụ chiến tranh sang hòa bình. Cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội được xây dựng, bước đầu phát huy tác dụng đối với nền kinh tế. An ninh chính trị được bảo đảm, độc lập và chủ quyền quốc gia được giữ vững...

Tuy nhiên, từ cuối những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỷ XX, hậu quả của chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, cấm vận kinh tế của Mỹ, đặc biệt, từ sau cuộc

cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam (1978), tình hình đất nước trở nên khó khăn gay gắt. Sản xuất phát triển chậm, những mất cân đối trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt gay gắt hơn, dẫn đến tình hình kinh tế - xã hội lâm vào tình trạng khủng hoảng. Lĩnh vực nông thôn, nông nghiệp bị sa sút và đình đốn. Mặc dù hơn 80% dân số làm nông nghiệp, song tình trạng thiếu ăn vẫn diễn ra trong một thời gian dài là nghịch lý cần phải giải quyết. Lương thực bình quân đầu người thấp.

Sản xuất công nghiệp gặp khó khăn, thách thức lớn do cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Lĩnh vực giao thông, bưu điện - kết cấu hạ tầng, thông tin lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Lĩnh vực phân phối lưu thông rối ren. Nền kinh tế đất nước mất cân đối nghiêm trọng, khoảng cách giữa cung và cầu ngày càng lớn; giá cả, lạm phát ở mức cao; riêng năm 1986, lạm phát là 774,7%, chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng là 20%<sup>1</sup>. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Lòng tin của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước bị giảm sút nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, tình hình chính trị quốc tế có những biến động khó lường. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu rơi vào giai đoạn khủng hoảng toàn diện, dẫn đến nguy cơ tan rã, sụp đổ, tác động tiêu cực đến cách mạng Việt Nam.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.51, tr.61.

Để giải quyết những khó khăn, khủng hoảng, nhất là những vấn đề bất cập từ thực tiễn ở địa phương, cơ sở “trong lúc này chúng ta chỉ có hai khả năng lựa chọn: Đổi mới để tiến lên hay đi theo con đường cũ để chết?”<sup>1</sup>... Vì vậy, Đảng đã lựa chọn: “Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn”<sup>2</sup>.

Những đòi hỏi, yêu cầu bức thiết trên được cụ thể hóa tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986 tại Thủ đô Hà Nội, với sự tham dự của 1.129 đại biểu, thay mặt gần 1,9 triệu đảng viên. Với quan điểm “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội đánh giá, tuy chúng ta đã phấn đấu khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đạt những thành tựu quan trọng, nhưng nhìn chung chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra. Chúng ta mắc những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, bệnh chủ quan, duy ý chí.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng tình hình đất nước, tự phê bình về những sai lầm, khuyết điểm, nhận thức rõ hơn quy luật khách quan của thời kỳ quá độ, kế thừa thành tựu, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và những năm đầu đất nước thống nhất, trải qua tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, Đại hội VI đã đề ra đường lối đổi mới. Đại hội xác định, đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, trọng tâm trước mắt là đổi mới chính sách kinh tế, giữ vững ổn định chính trị là tiền đề bảo đảm thực hiện công cuộc đổi mới.

---

1. Câu nói của đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tại một hội nghị cán bộ cấp cao ngày 10/7/1986.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.459.

Trên lĩnh vực kinh tế, phải “... giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Cụ thể, hàng loạt vấn đề trong phát triển kinh tế phải được tiến hành, như bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư; đổi mới cơ cấu kinh tế giữa các ngành, thực hiện bằng được ba chương trình mục tiêu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Bên cạnh việc đổi mới tư duy kinh tế là đổi mới về chính trị. Đại hội nhấn mạnh đến việc đổi mới về chính trị phải được triển khai tích cực và vững chắc để không gây mất ổn định về chính trị và phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới. Đảng phải chú trọng đến các vấn đề dân chủ hóa xã hội, “lấy dân làm gốc”, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”... Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới. Do vậy, việc đổi mới và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng là một yêu cầu cấp bách, có tính quyết định đến sự phát triển của cách mạng. Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo chính trị, phát triển và cụ thể hóa

---

1. Nguyễn Ngọc Mão (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, t.15, tr.38.

đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải đổi mới về nhiều mặt, trong đó, có đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền nhằm phát huy vai trò quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để. Đó là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Đảng trước đất nước và dân tộc. Đường lối do Đại hội đề ra thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, khả năng tổng kết và tổ chức thực tiễn của Đảng, mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh đó, ở Đồng Tháp, sau hơn 10 năm giải phóng, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã phát huy truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng, đẩy mạnh nhiều mặt hoạt động, hoàn thành được nhiều nhiệm vụ quan trọng như: Cơ bản khắc phục được hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh và những tàn dư của chế độ thực dân mới của Mỹ; thiết lập trật tự xã hội mới; khôi phục sản xuất, quan tâm đến sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục, ổn định đời sống nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp cách mạng Campuchia; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiến công chinh phục Đồng Tháp Mười; làm thay đổi sâu sắc về nhận thức tư tưởng chính trị và văn hóa trong xã hội...

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đồng Tháp cũng phải đối diện với những khó khăn, thách thức lớn:

Mặt trận nông nghiệp phát triển chậm và còn nhiều mặt yếu: Khai thác chưa tốt tiềm năng lao động, đất đai, mặt nước, nhất là đối với vùng Đồng Tháp Mười. Bố trí cơ cấu cây trồng, mùa vụ chưa thích hợp. Ở một số huyện vẫn theo lối canh tác cũ, nên diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng chưa cao. Việc xây dựng các cánh đồng cơ sở và hệ thống thủy lợi tiểu vùng tiến triển chậm. Cách vận dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế chưa tốt, tình hình cung ứng vật tư không đồng bộ, thiếu và chậm trễ; giá cả tùy tiện gây nhiều khó khăn cho cơ sở sản xuất; máy móc nông nghiệp quá cũ kỹ, hư hỏng đến mức báo động, phụ tùng thay thế khan hiếm, máy mới bổ sung không đáp ứng nhu cầu.

Ngành công nghiệp phát triển chậm, công nghệ lạc hậu, tận dụng chưa hết công suất, chưa phục vụ tốt cho nông nghiệp và gắn với công nghiệp chế biến nông, thủy sản, cơ chế còn gò bó, thiếu vốn, vật tư kỹ thuật và công nhân lành nghề. Ngành tiểu thủ công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, phần lớn ở dạng tự sản, tự tiêu.

Phân phối lưu thông bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập. Nhiều đơn vị thương nghiệp chưa thiết thực phục vụ cho sản xuất và đời sống, chưa chăm lo đầy đủ việc đầu tư và tổ chức tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở sản xuất tại địa phương, chưa phối hợp tốt với các ngành để tạo ra nguồn hàng xuất khẩu. Thương nghiệp quốc doanh chưa thực hiện được vai trò “tổng đại lý”, chưa đủ sức lãnh đạo bằng kinh tế đối với các tổ chức mới được cải tạo. Giá cả tiếp tục rối ren, mặt bằng giá luôn biến động, tình trạng nâng giá một cách tùy tiện để thu chênh lệch còn nhiều, kể cả các loại vật tư chiến lược. Việc phân phối chậm đổi mới, còn nhiều cấp trung gian, làm tăng chi phí lưu thông,

gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống. Việc xây dựng ngân sách và quản lý tiền tệ chậm cải tiến, chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất và kinh doanh.

Trong cải tạo công thương nghiệp và nông nghiệp do có nhiều sai lầm, khuyết điểm nên trì trệ trong sản xuất, kinh doanh, làm cho đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong cải tạo công thương nghiệp, phương pháp “tước đoạt” đối với tiểu thương, tiểu chủ gây bất bình trong một bộ phận người dân. Trong nông nghiệp, việc điều chỉnh ruộng đất, khoán sản phẩm còn nhiều sai sót, tình trạng lấy đất, đổi đất và khoán trắng còn phổ biến; việc tổ chức sản xuất kinh doanh chưa tốt, nhất là những khó khăn về vật tư, vốn và chính sách đầu tư,... Đời sống văn hóa, xã hội tuy được cải thiện, song cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn, nhất là nhà ở, phương tiện đi lại, vải mặc, hàng tiêu dùng, thuốc trị bệnh và giường bệnh còn quá ít (1 giường bệnh/1.000 dân). Thiếu giáo viên và trường lớp, tình trạng dạy ca 3 - 4 còn phổ biến, thậm chí có lúc, có nơi dạy ca 5 - 6. Tại các vùng sâu, các hoạt động văn hóa, văn nghệ còn nhiều hạn chế. Tệ mê tín dị đoan còn tồn tại ở nhiều nơi. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở mức cao.

Đội ngũ cán bộ nói chung, qua hơn 10 năm thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, được rèn luyện và từng bước trưởng thành, tuy nhiên vẫn còn tình trạng chấp vá, trình độ, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Một số cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh đã cao tuổi, sức yếu, không thích ứng kịp với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài, trong khi đội ngũ cán bộ dự bị, kế cận quá mỏng, chuẩn bị chưa chu đáo về trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ, do đó vẫn còn nhiều bất cập.

Thực trạng trên đặt ra cho Đảng bộ Đồng Tháp hàng loạt vấn đề cần phải tập trung giải quyết. “Đổi mới để tiến lên” là đòi hỏi, yêu cầu bức thiết mang tính khách quan, phù hợp với xu thế phát triển của tỉnh, của đất nước và của thời đại. Chỉ có đổi mới và đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới về tư duy kinh tế, khắc phục tư duy cũ, cách làm cũ mới giúp Đồng Tháp thoát khỏi tình trạng khó khăn, khủng hoảng.

## **2. Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và thực hiện ba chương trình kinh tế lớn**

### *2.1. Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*

Để cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, từ ngày 20 đến ngày 24/10/1986, tại thị xã Sa Đéc, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV được tiến hành. Đại hội đề ra những chủ trương, quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1986 - 1990.

Đánh giá kết quả 5 năm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, Đại hội khẳng định: Tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh tuy còn khó khăn, nhưng đời sống nhân dân cơ bản ổn định, nhờ phát huy được thế mạnh của địa phương là sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp và kinh tế gia đình; đẩy mạnh phân phối lưu thông; quan tâm đến sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục; công tác xây dựng cơ bản đã tạo được những cơ sở vật chất ban đầu, nhất là ở vùng Đồng Tháp Mười và những vùng căn cứ kháng chiến cũ; tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng chính trị, công tác tổ chức, quy hoạch, đào tạo cán bộ cũng được quan tâm. Trong 5 năm, Đảng bộ tỉnh đã kết nạp thêm gần 3.200 đảng viên mới, trong đó có 1.288 ở nông thôn.



Đồng thời, đã thi hành kỷ luật 1.700 đảng viên, trong đó có 870 đảng viên vi phạm nghiêm trọng, không đủ tiêu chuẩn, đưa ra khỏi Đảng.

Bên cạnh việc khẳng định những kết quả đạt được, Đại hội thẳng thắn chỉ ra những hạn chế: Cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hóa - xã hội chưa theo kịp yêu cầu và khả năng thực tế, còn nhiều vấn đề đang đặt ra cần phải tích cực tháo gỡ. Đời sống của nhân dân chưa được cải thiện, đặc biệt là những người làm công hưởng lương; sau khi thực hiện chính sách giá - lương - tiền, đồng lương thực tế bị giảm sút nhanh. Trong hoàn cảnh ngân sách và nguồn vật tư còn nhiều khó khăn, việc xây dựng cơ sở vật chất còn dàn đều, chậm đưa vào sử dụng, chưa tập trung thỏa đáng cho các công trình trọng điểm nhằm mang lại hiệu quả kinh tế nhanh. Công tác cải tạo quan hệ sản xuất chưa đúng. Công tác quản lý chưa theo kịp tốc độ cải tạo, nhiều tổ chức còn mang tính hình thức, chưa có nội dung xã hội chủ nghĩa. An ninh và quốc phòng còn khó khăn trong việc huy động nghĩa vụ quân sự, chất lượng của lực lượng dân quân tự vệ còn yếu, trật tự xã hội chưa tốt, tình hình vi phạm pháp luật tiếp tục tăng, nhất là trộm cắp. Nhìn chung, các phong trào trong tỉnh tiến triển chậm, việc thực hiện các chủ trương đạt kết quả thấp, chưa tạo được những chuyển biến mang tính nhảy vọt.

Đại hội xác định nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong thời gian 5 năm tới (1986 - 1990) là: Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược và 5 mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra. Từ nay đến năm 1990 và một số năm tiếp theo, cố gắng hoàn thành những nhiệm vụ chủ yếu sau:

*Về nông nghiệp*, tập trung cao độ các điều kiện cần thiết để phát triển nông nghiệp toàn diện (nông - lâm - ngư kết hợp với công nghiệp chế biến).

Phấn đấu đến năm 1990, đạt sản lượng lúa 800.000 tấn (bình quân đầu người 600kg/người/năm); nâng tỷ trọng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày lên gấp đôi so với hiện nay, cải tạo các vườn cây tạp thành các vùng cây ăn trái xuất khẩu, trồng thêm 300 - 400 ngàn cây dừa; trồng mới 10.000ha trà; tổ chức lại nghề nuôi, đánh bắt và chế biến thủy sản. Khuyến khích nuôi tôm càng và cá xuất khẩu. Xây dựng các đội đánh bắt tôm, cá biển, các trại ương giống nhân tạo (tôm càng xanh, cá bống tượng, cá tra).

*Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp*, phấn đấu nâng tỷ trọng từ 18% năm 1985 lên 24 - 25% vào cuối nhiệm kỳ (trong tổng giá trị sản lượng công - nông nghiệp toàn tỉnh).

*Về xây dựng cơ bản*, dành vốn thích đáng để đầu tư cho nông nghiệp và thủy lợi theo hướng tập trung khai thác Đồng Tháp Mười. Chú trọng xây dựng nông trường Tràm Chim, Gò Tháp. Phát triển giao thông thủy, bộ vào vùng sâu và lên biên giới Việt Nam - Campuchia. Xây dựng thêm hệ thống kho tàng, nhất là kho lương thực, trong năm 1987 phải chấm dứt tình trạng lúa để ngoài trời.

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, ngành giáo dục tu bổ và xây dựng thêm trường học, phòng học, phấn đấu đến năm 1987, không còn lớp ca 4, xóa lớp ca 3; xây dựng các trạm y tế, nhà hộ sinh, bệnh viện cấp huyện, phấn đấu nâng từ 1 giường bệnh/1.000 dân năm 1985 lên 1,3 giường bệnh/1.000 dân vào năm 1990. Phấn đấu giảm nhịp độ phát triển dân số toàn tỉnh từ 2,2% năm 1980 xuống còn 1,7% năm 1990.

Đại hội xác định nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V và Kết luận hội nghị của Bộ Chính trị về một số quan điểm kinh tế, kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tháo gỡ những gò bó trong các khâu kế hoạch, cung ứng vật tư, nguyên liệu, vốn tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sản xuất kinh doanh hoạt động linh hoạt, có hiệu quả. Đổi mới công tác điều hành một cách đồng bộ, nhất quán và dứt khoát. Tiếp tục hoàn chỉnh việc xây dựng cấp huyện thành một cấp ngân sách và kế hoạch. Chống hiện tượng tập trung quan liêu hoặc tình trạng cục bộ, phân tán, tùy tiện. Phải thật sự quan tâm phát huy ý thức làm chủ của nhân dân lao động trong xây dựng, cải tạo và phát triển kinh tế, tổ chức đời sống ở địa phương. Đấu tranh khắc phục tình trạng hách dịch, mệnh lệnh, ức hiếp quần chúng, bắt bớ, giam cầm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do thân thể và quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Đổi mới tư duy kinh tế và xã hội, đổi mới tổ chức và phong cách lãnh đạo của các cơ quan hành chính, kinh tế một cách cụ thể, nhạy bén, linh hoạt, nhằm làm cho việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến nơi đến chốn, đạt hiệu quả cao.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh, từ năm 1986, tỉnh và các huyện, thị tập trung chấn chỉnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp, trong đó chú ý sửa sai việc hóa giá các tư liệu sản xuất chủ yếu, giao khoán ruộng

đất, đổi mới phương thức phân chia trong các đơn vị kinh tế tập thể, chấn chỉnh các hoạt động của các cửa hàng hợp tác, tổ đại lý của ngành thương nghiệp. Nhờ đó, các tầng lớp nhân dân, tiểu thương, tiểu chủ an tâm sản xuất, lực lượng sản xuất có bước phát triển, tránh được tình trạng phá hoại tư liệu sản xuất. Song, các đơn vị kinh tế tập thể thiếu vốn, vật tư, máy móc trong khi khả năng các địa phương rất hạn chế. Mặt khác, công tác quản lý trong các đơn vị kinh tế thương nghiệp đã cải tạo và sắp xếp lại, cần có thời gian để đi vào nền nếp.

Đến cuối năm 1986, tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp lại các thành phần kinh tế, trong đó chủ yếu là kinh tế tập thể và công tư hợp doanh theo quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế chung của tỉnh. Với chủ trương này, tỉnh đã xây dựng được nhiều mô hình kinh tế quốc doanh và tập thể hoạt động hiệu quả; đồng thời, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Năm 1987, Tỉnh ủy đề ra chủ trương “mạnh dạn sửa chữa những việc làm chưa đúng chính sách, sử dụng đúng đắn và phát huy khả năng của các thành phần kinh tế”<sup>1</sup>... nên lực lượng sản xuất có bước khôi phục và phát triển, hiệu quả công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa từng bước được nâng lên.

Ngày 02/5/1987, Tỉnh ủy chỉ đạo một số việc cần làm ngay “trước mắt phải sửa chữa các việc làm vừa qua chưa đúng chính sách, nơi làm đúng có tác dụng tốt thì phát huy, không dũ rối. Còn việc hóa giá các máy móc phương tiện... những cái làm sai chính sách phải sửa lại cho đúng theo tinh thần Công văn 31 của Thường vụ Tỉnh ủy. Riêng về công tác cải tạo

---

1. Tự kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tháng 01/1987.

thương nghiệp phải không ngừng củng cố, đi đôi với xây dựng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, xóa bỏ nhanh các tổ chức đại lý trá hình “đầu nậu mới”. Hướng cải tạo xã hội chủ nghĩa phải đạt được mục tiêu là công hữu hóa các loại tư liệu sản xuất chủ yếu, thực hiện chế độ phân phối theo lao động, lực lượng sản xuất không ngừng phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, đồng thời làm nghĩa vụ cho Nhà nước ngày càng nhiều”<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, trong hai năm 1987 - 1988, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo các cấp, các ngành chủ yếu tập trung củng cố, sửa chữa những việc làm chưa đúng của các đơn vị. Nhờ vậy, chất lượng hoạt động được giữ vững và nâng lên, tạo ra những mô hình tốt về quản lý và kinh doanh. Song, do chưa quan tâm đúng mức đến lực lượng kinh tế quốc doanh kể cả trong sản xuất cũng như phân phối, lưu thông, nhất là chưa thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố bộ phận chuyên trách, buông lỏng khâu đào tạo cán bộ quản lý, không tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các đơn vị kinh tế tập thể... nên một số nơi chất lượng hoạt động giảm sút, các mô hình tiên tiến không được nhân rộng. Đánh giá tình hình cải tạo xã hội chủ nghĩa những năm 1987 - 1988, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa IV (tháng 01/1988) chỉ rõ: “Công tác cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo xã hội chủ nghĩa trong hai năm qua bị chững lại, nhiều nơi sa sút, có hiện tượng buông lỏng, đa số các đơn vị kinh tế tập thể hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp”.

---

1. Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 02/5/1987 của Tỉnh ủy Đồng Tháp.

Trong 2 năm 1989 - 1990, thực hiện Nghị quyết số 306-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 28/8/1987 của Ban Chấp hành Trung ương về chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, Tỉnh ủy Đồng Tháp đã đề ra chủ trương, biện pháp chỉ đạo cụ thể để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng chương trình, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho cơ sở, từ cơ sở.

Để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, Tỉnh ủy chỉ đạo: “Ngoài việc phải dựa vào phương hướng chung của tỉnh, từng cấp, từng vùng trong tỉnh phải gắn đẩy mạnh phát triển sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện nghiêm túc cơ chế một giá trên cơ sở khấu hao đúng và đủ giá trị tài sản cố định, có tính đến tỷ lệ trượt giá để bù đắp vốn lưu thông. Đồng thời thực hiện hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ dần tình trạng lời giả, lỗ thật”<sup>1</sup>. Tỉnh cũng chỉ đạo thực hiện chủ trương phân cấp cho các ngành, huyện, thị và các cơ sở sản xuất kinh doanh cũng như giảm bớt các chỉ tiêu pháp lệnh cho các đối tượng này. Riêng đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo: “Nhà nước chỉ giao hai chỉ tiêu là nộp ngân sách và sản phẩm chủ yếu được giao phải hoàn thành; cho phép các đơn vị được mở rộng quan hệ ngang giữa các đơn vị với nhau; giảm bớt việc cơ quan quản lý hành chính về kinh tế nhúng tay vào các công việc cụ thể của các đơn vị sản xuất kinh doanh”<sup>2</sup>.

---

1. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp khóa IV, ngày 30/01/1988.

2. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Qua thực hiện thí điểm, sau đó triển khai ra diện rộng, đồng loạt trong hai năm 1989 - 1990, nhiều đơn vị hoạt động có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giữ được giá trị thực tế vốn cố định, vốn lưu động. Nhiều đơn vị, xí nghiệp khác phục khó khăn, chủ động sản xuất, không trông chờ vật tư, nguyên liệu do Nhà nước cấp, chất lượng hàng hóa sản xuất được nâng lên, đội ngũ cán bộ quản lý phát huy được tinh thần trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo trong điều hành, nhờ vậy, hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng được nâng lên.

Sau 3 năm (1988 - 1990) tiến hành mạnh mẽ cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa gắn với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, bước đầu tỉnh Đồng Tháp đã xây dựng được nhiều mô hình kinh tế quốc doanh và tập thể hoạt động có hiệu quả. Song, nhìn chung chỉ thực hiện tốt đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng nguồn vật tư, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm ít lệ thuộc vào Trung ương. Do cơ chế tài chính, tín dụng chậm thay đổi đã cản trở sự đổi mới hoạt động của các công ty, xí nghiệp, như việc quy định hạch toán giá thành chưa tính đúng giá trị khấu hao tài sản cố định, định mức với lãi suất cao làm cho một số đơn vị hoạt động kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ.

Ngoài ra, trong thời gian ngắn, việc tổ chức, sắp xếp, cải tạo, đổi mới các thành phần kinh tế của tỉnh được tiến hành đồng loạt trên diện rộng, đội ngũ cán bộ quản lý được quan tâm đào tạo, một số trưởng thành qua thực tiễn... nhưng chưa được chuẩn bị đầy đủ về tri thức nên chưa theo kịp và phù hợp với yêu cầu đổi mới. Một số nơi, điều kiện sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế bị phân tán nên không phát huy được tác dụng, một số thành viên trong đơn vị còn nghi ngại, thiếu lòng tin vào cách hoạt động theo cơ chế mới.

Về công tác cải tạo nông nghiệp, trong 5 năm 1986 - 1990, tỉnh đã có chủ trương uốn nắn, sửa chữa các sai sót trước đây, các địa phương đã tổ chức thực hiện nhưng còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng và chậm trễ trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Việc điều chỉnh ruộng đất, khoán sản phẩm còn nhiều sai sót, tình trạng lấy đất, đổi đất và khoán trắng còn khá phổ biến, cùng với việc tổ chức sản xuất kinh doanh chưa tốt đã làm cho nhiều tập đoàn, liên tập đoàn phát triển lực lượng sản xuất chậm. Ở một số nơi giải quyết theo kiểu giữ rồi, trả lại đất, nhà xưởng, máy móc cho chủ cũ, phục hồi sản xuất cá thể, gây không ít khó khăn cho địa phương và cho tỉnh.

## *2.2. Bước đầu thực hiện ba chương trình kinh tế lớn*

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo ba chương trình kinh tế lớn của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV đề ra nhiệm vụ chủ yếu là: “Chương trình lương thực - thực phẩm, trước hết là tập trung cho phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; chương trình hàng tiêu dùng và chương trình hàng xuất khẩu”, các cấp, các ngành trong tỉnh tập trung lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ tiêu kế hoạch, các chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

*Sản xuất lương thực, thực phẩm, gắn với việc tiếp tục tiến công khai thác Đồng Tháp Mười.*

Về sản xuất lương thực, thực phẩm, xác định sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trong đó, cây lúa được tập trung đầu tư cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã chỉ rõ: Để làm thay đổi cục diện của nền nông nghiệp tỉnh nhà, các cấp ủy đảng phải tăng cường



hơn nữa sự lãnh đạo, động viên sức phấn đấu thực hiện tốt các chủ trương và biện pháp một cách sáng tạo, linh hoạt, sát thực tế của mỗi địa phương, mỗi ngành, mỗi đơn vị. Cần hình thành tổ chức để chỉ đạo khai thác Đồng Tháp Mười. Đầu năm 1986, với cái nhìn mới về Đồng Tháp Mười, vừa lạc quan, vừa nỗ lực và bắt nhịp ba chương trình kinh tế của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tỉnh Đồng Tháp đã từng bước tạo ra sự chuyển biến bước đầu tình hình kinh tế - xã hội vùng Đồng Tháp Mười. Trước khi có chỉ đạo chính thức của Hội đồng Bộ trưởng về việc đặt trách nhiệm cho tỉnh và các ngành Trung ương tập trung khai thác toàn diện tiềm năng Đồng Tháp Mười, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành và các địa phương tập trung mở rộng diện tích lúa Đông Xuân và Hè Thu để giải quyết vấn đề lương thực.

Từ năm 1987, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương tiếp tục phát triển theo hướng thâm canh tăng vụ, đi đôi với chuyển vụ và áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Thực hiện Nghị quyết số 05 ngày 23/7/1987 của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành trong tỉnh đã có nhiều biện pháp, kế hoạch và quyết tâm mở rộng thêm 20.000ha lúa Đông Xuân, tập trung chủ yếu ở vùng Đồng Tháp Mười, góp phần đưa diện tích lúa Đông Xuân 1987 - 1988 của tỉnh lên 81.640ha, nâng tổng diện tích gieo trồng lương thực năm 1987 toàn tỉnh lên 221.043 ha<sup>1</sup>.

---

1. Kể từ năm 1987, vụ lúa Đông Xuân đã trở thành vụ chính của tỉnh, diện tích, năng suất, sản lượng đều tăng, chiếm 60% sản lượng lúa cả năm.

Để tập trung lãnh đạo khai thác tiềm năng vùng Đồng Tháp Mười, tỉnh đã xây dựng đề án đầu tư và khai thác đến năm 1990, trong đó, đầu tư tập trung cho khâu thủy lợi là mũi tiến công chính. Năm 1985, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 100 về việc thành lập lực lượng Thanh niên xung phong tỉnh tiến công khai thác Đồng Tháp Mười, theo đó, lực lượng được thành lập với quân số ban đầu là 1.200 người, trực thuộc đơn vị quản lý là Tỉnh đoàn (đến cuối năm 1986 trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh). Các công trình do Thanh niên xung phong đảm nhận bao gồm: Nông trường Quyết Thắng (huyện Hồng Ngự), Nông trường Quyết Tâm 1, 2, 3, 4, Lâm ngư trường Tràm Chim (huyện Tam Nông) và Lâm ngư trường Gò Tháp (huyện Tháp Mười) với diện tích trên 10.000ha. Ngoài ra, lực lượng Thanh niên xung phong còn trực tiếp đào, đắp nền đường Mỹ An - Bằng Lăng dài hơn 14km. Việc xây dựng các nông trường đã thúc đẩy phong trào sản xuất lúa 2 vụ ở Đồng Tháp Mười phát triển nhanh hơn. Năm 1987, tỉnh hoàn thành kế hoạch mở 20.000ha lúa vụ Đông Xuân.

Nhằm cụ thể hóa và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV là khuyến khích phát triển mạnh kinh tế gia đình ở cả thành thị và nông thôn, tỉnh đã thực hiện các chính sách đầu tư, giá cả, thu mua, tiêu thụ, thuế... Riêng đối với cán bộ, công nhân viên, ưu tiên cho số có mức thu nhập thấp. Chi bộ Đảng và Công đoàn cơ sở xây dựng kế hoạch giúp đỡ cho từng trường hợp cụ thể.

Ngày 23/10/1987, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 06-NQ/TU về phát triển kinh tế gia đình. Nghị quyết xác định: Kinh tế gia đình là một bộ phận hợp thành kinh tế xã hội chủ nghĩa, có vị trí quan trọng và khả năng dồi dào để góp phần thực hiện

thắng lợi ba chương trình mục tiêu kinh tế lớn về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nghị quyết xác định vị trí quan trọng của kinh tế gia đình, kinh tế vườn; từ đó, nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể công, nông nghiệp nghiêm túc thực hiện và bước đầu đạt hiệu quả.

Tuy nhiên, do chưa có các chính sách kinh tế thích hợp, công tác quản lý điều hành sản xuất còn nhiều mặt yếu kém, nguồn vật tư Trung ương đưa xuống chậm, không đủ, không phù hợp chủng loại... đã làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, ổn định và vững chắc, hiệu quả sản xuất còn thấp. Năng suất một số loại cây trồng giảm, sản lượng lương thực đạt xấp xỉ năm 1986 nhưng hụt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra gần 63.000 tấn. Sản xuất thực phẩm đạt thấp, đàn heo phát triển chậm, còn mang tính tự phát, chưa đạt kế hoạch. Việc khai thác Đồng Tháp Mười chưa được tập trung đúng mức, chưa có chính sách và chủ trương, biện pháp tháo gỡ kịp thời, cụ thể.

Năm 1988, toàn tỉnh quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy đề ra là: “Trong ba năm 1988 - 1990, tỉnh phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu ổn định và phát triển một bước tình hình kinh tế - xã hội mà then chốt là phát triển hàng hóa, trước hết tập trung cho thực hiện ba chương trình kinh tế với biện pháp chủ yếu là chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Có chính sách đúng đắn đối với các thành phần kinh tế, nhằm giải phóng năng lực sản xuất, phân phối lưu thông thông suốt, đi đôi với đổi mới chính sách xã hội và tổ chức cán bộ”<sup>1</sup>.

---

1. Nghị quyết số 07, ngày 30/01/1988 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp.

Với quan điểm chỉ đạo trên, Tỉnh ủy khẳng định, sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Ủy ban nhân dân tỉnh lập Kế hoạch số 245 để triển khai thực hiện Chỉ thị số 74/CT, ngày 18/3/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về *phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng Tháp Mười giai đoạn 1988 - 1990*. Theo đó, “tỉnh lãnh đạo tập trung vào khai thác Đồng Tháp Mười, trong đó chú trọng đầu tư cho phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, nhất là cây lúa để tăng nhanh lượng lương thực hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước và chương trình xuất khẩu cho những năm tiếp theo”<sup>1</sup>.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về *đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, Tỉnh ủy đã cụ thể hóa bằng Kế hoạch số 234 và mở hội nghị triển khai, quán triệt đến cán bộ từ tỉnh đến huyện, xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp (7/1988).

Thực hiện Chỉ thị số 74/CT, ngày 18/3/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về *phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng Tháp Mười giai đoạn 1988 - 1990* và Kế hoạch số 234 của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 245 đề ra phương hướng phát triển kinh tế trong thời gian tới<sup>2</sup>. Cụ thể, trong 2 năm 1987 - 1988, tỉnh Đồng Tháp và Trung ương đã đầu tư 2,8 tỷ đồng làm thủy lợi tạo nguồn, các huyện, thị và nhân dân đầu tư vốn cho thủy lợi nội đồng khoảng trên 20 tỷ đồng. Ngoài ra, các thành phần kinh tế đầu tư hàng chục tỷ đồng

---

1. Kế hoạch số 245, ngày 22/6/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chương trình mời chuyên gia về đất phèn của Hà Lan đến nghiên cứu, tư vấn kỹ thuật canh tác vùng đất phèn Đồng Tháp Mười.

mua máy móc phục vụ nông nghiệp, huy động mọi tiềm năng trong nhân dân, kết hợp mở rộng lưu thông hàng hóa, phát huy có hiệu quả sự đầu tư của Trung ương vào Đồng Tháp Mười, đồng bằng sông Cửu Long.

Các chính sách giá, thuế, quản lý thị trường, sử dụng nguồn vốn, đầu tư cho thủy lợi... có tác dụng khuyến khích sản xuất, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn. Từ đó, kết hợp sự đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân, tạo đà cho sản xuất phát triển. Đặc biệt là chính sách khuyến khích khai thác vùng Đồng Tháp Mười, năm 1988, diện tích vùng này tăng 13.500ha so với năm 1987, sản lượng lúa đạt hơn 540.000 tấn, chiếm 63% sản lượng lúa của tỉnh và bằng 143% so với năm 1987. Nâng mức lương thực bình quân đầu người từ 500kg/người/năm (năm 1986) lên 655kg/người/năm (năm 1988) (tăng 52% trong hai năm 1987 - 1988). Các huyện Cao Lãnh, Tam Nông, Hồng Ngự, Tháp Mười, bình quân lương thực đầu người đạt cao, từ 840kg đến 1.695kg/người/năm.

Các loại cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày được mở rộng diện tích. Phong trào nuôi tôm, dẹt thắm, chiếu, hàng mây tre xuất khẩu phát triển nhờ có thị trường tiêu thụ và bán được giá cao.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển chậm, không ổn định. Đàn trâu, bò, từ năm 1986 đến năm 1988 đều tăng, riêng đàn heo năm 1988 giảm 4%<sup>1</sup>.

---

1. Tổng số trâu: Năm 1986 là 19.213 con, năm 1987 là 20.629 con, năm 1988 là 21.996 con, năm 1989 là 20.027 con, năm 1990 là 15.264 con.

Tổng số bò: Năm 1986 là 18.161 con, năm 1987 là 18.880 con, năm 1988 là 20.664 con, năm 1989 là 18.592 con, năm 1990 là 13.550 con.

Tổng số heo: Năm 1986 là 129.539 con, năm 1987 là 133.307 con, năm 1988 là 124.877 con, năm 1989 là 130.505 con, năm 1990 là 152.112 con.

Tình hình sản xuất nông nghiệp năm 1988 vượt kế hoạch trong lĩnh vực sản xuất lương thực, còn các mặt khác chưa đạt yêu cầu, chưa tương xứng với tiềm năng đất đai, lao động hiện có của tỉnh. Đến cuối năm 1988, huyện Châu Thành, Thạnh Hưng vẫn còn canh tác gần 10.000ha lúa một vụ, năng suất thấp. Các huyện vùng Đồng Tháp Mười như: Cao Lãnh, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình có khả năng canh tác 2 vụ lúa/năm nhưng triển khai chậm.

Tình hình tranh chấp ruộng đất của nông dân trong tập đoàn sản xuất, hợp tác xã, giữa nông dân với nông trường quốc doanh, khiếu kiện về giải tỏa đền bù... phát sinh từ năm 1987 đến năm 1988 trở nên phức tạp và gay gắt; có lúc hàng trăm người kéo đến ủy ban nhân dân huyện, tỉnh và lên cơ quan đại diện của Trung ương Đảng, Chính phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh ở dài ngày, buộc tỉnh phải đón người dân về để giải quyết. Nhiều tập đoàn sản xuất, hợp tác xã tan rã hoặc chỉ còn là hình thức. Ngày 01/9/1988, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 08-CT/TU về giải quyết tranh chấp ruộng đất ở nông thôn, trong đó chỉ rõ ba nguyên tắc chung: *Thứ nhất*, phải bảo đảm phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống của nông dân, phát huy đoàn kết liên minh công - nông, sớm làm cho tình hình ruộng đất được ổn định và nông dân an tâm sản xuất. *Thứ hai*, phải làm cho cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp xã thấy việc nông dân đòi đất sản xuất là yêu cầu chính đáng và đây là dịp thuận lợi để sắp xếp, bố trí lại đất đai theo hướng sản xuất hàng hóa. *Thứ ba*, hướng giải quyết ruộng đất trang trải và giao khoán trong các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp phải dựa vào Luật đất đai, theo Chỉ thị số 47-CT/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 188/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ,

Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư và Kế hoạch số 234 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị và ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt, ngày 23/8/1988.

Thực hiện Chỉ thị số 08 của Tỉnh ủy, đến ngày 13/11/1988, ủy ban nhân dân các cấp đã giải quyết tranh chấp ruộng đất 1.198/3.981 vụ, đạt tỷ lệ 30,1%. Các nơi giải quyết nhanh như: huyện Tháp Mười giải quyết được 335/350 vụ, tỷ lệ 95,7%, huyện Thanh Bình giải quyết được 565/625 vụ, tỷ lệ 90,4%.

Năm 1989, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) và ra Nghị quyết số 11, thông qua Chương trình hành động và phương hướng nhiệm vụ những năm 1989 - 1991 là: “Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho ba chương trình kinh tế, nhất là xây dựng kết cấu hạ tầng, mũi nhọn là thủy lợi, giao thông, điện, phương tiện thông tin, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đào tạo tay nghề, bảo đảm dần dần sẽ chuyển mạnh sang sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi mặt năng lực sản xuất. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tích cực đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu nhằm ổn định và cải thiện một số mặt tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương”<sup>1</sup>.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tập trung đầu tư, lãnh đạo các địa phương thực hiện đạt nhiều kết quả trong phát triển nông nghiệp: Sản lượng của ngành nông nghiệp

---

1. Nghị quyết số 11, ngày 27/5/1989 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp.

toàn tỉnh đạt 1.178.079 tấn, tăng 350.000 tấn so với năm 1988, tăng gần gấp đôi so với năm 1986, trong đó, sản lượng lương thực tăng 69%. Tỷ trọng lúa hàng hóa tăng từ 40% năm 1988 lên 60% năm 1989, đạt 750.000 tấn; nâng mức bình quân đầu người về lương thực từ 655 kg/người/năm (năm 1988) lên 860 kg/người/năm (năm 1989).

Kết quả của sự tập trung lãnh đạo và sự nỗ lực của nhân dân các địa phương trong tỉnh và thực hiện chính sách ruộng đất hợp lý đối với vùng đất mới khai hoang, chuyển vụ nên tổng diện tích gieo trồng lúa năm 1989 tăng 27% so với năm 1986 (vụ Đông Xuân 1988 - 1989 diện tích tăng vọt 30.000ha); năng suất bình quân tăng 34% so với năm 1986... đã tạo điều kiện cho tái sản xuất, nhập khẩu máy móc, vật tư, nguyên liệu phục vụ đầu tư phát triển nông nghiệp và các ngành khác. Việc thành lập các đơn vị hành chính mới và phân bổ lại dân cư vùng Đồng Tháp Mười (huyện Tháp Mười năm 1981, huyện Tam Nông năm 1983 và huyện Tân Hồng năm 1989) đã thúc đẩy nhanh quá trình khai thác Đồng Tháp Mười của tỉnh.

Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chỉ tập trung phát triển cây lúa, còn các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản chưa được phát huy. Đây là năm thứ tư liên tiếp (1986 - 1989) chưa đạt mục tiêu kế hoạch. Nguyên nhân chính là do chưa có thị trường tiêu thụ ổn định. Mặt khác, hệ thống thủy lợi xây dựng đã lâu nên bị bồi lắng, thiếu vốn đầu tư, cùng với một số cơ chế, chính sách giá cả thu mua hàng hóa nông sản chưa phù hợp, không ổn định cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất nông nghiệp.

Các nông trường quốc doanh hoạt động kém hiệu quả, chưa đóng góp nhiều cho ngân sách so với vốn đầu tư. Tiếp tục



thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 08 của Tỉnh ủy, năm 1989, các ngành, các huyện, thị xã tập trung giải quyết các đơn thư khiếu kiện, tranh chấp ruộng đất, nên tình hình đã lắng dịu, ổn định. Một số huyện, thị xã tiến hành cấp giấy tạm thời chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất và có kế hoạch xử lý các vụ còn lại. Tuy đã giải quyết được 8.200 vụ, mặc dù số vụ tồn đọng còn ít (khoảng 1.000 vụ) nhưng là những vụ khó giải quyết. Các địa phương đã vận dụng nhiều cách để giải quyết nhưng một số hộ cương quyết đòi lại đất đã trang trải hoặc chĩnh khoán cho một số hộ khác. Bên cạnh đó, còn một số địa phương giải quyết không đúng, nhưng chậm sửa chữa, hoặc có nơi giải quyết tranh chấp ruộng đất chưa gắn với củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện chương trình lương thực, năm 1990, toàn tỉnh gieo trồng được 300.887ha, tăng 19% so với năm 1989, trong đó, lúa đạt 278.328ha, chiếm 92,5%<sup>1</sup>. Tổng sản lượng quy thóc đạt 1.268.373 tấn (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV là 800.000 tấn), tăng hơn 95.600 tấn so với năm 1989, nâng mức lương thực bình quân đầu người toàn tỉnh lên 924kg/người/năm (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội IV của tỉnh là 600kg/người/năm), tăng 64kg so với năm 1989<sup>2</sup>. Năng suất lúa

---

1. So với năm 1989, diện tích gieo trồng lúa năm 1990 tăng 554ha, trong đó diện tích lúa Đông Xuân tăng 10.707ha, lúa Hè Thu tăng 820ha, diện tích gieo trồng lúa mùa giảm mạnh 10.973ha.

2. Trong đó cao nhất là huyện Tháp Mười đạt 2.623kg/người/năm, Tam Nông trên 1.600kg/người/năm, các huyện Cao Lãnh, Thanh Bình đạt từ 1.050 đến 1.200kg/người/năm. Riêng các huyện phía nam, nhất là hai thị xã sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt rất thấp (thị xã Sa Đéc đạt 184kg/người/năm, thị xã Cao Lãnh là 202 kg/người/năm).

cả năm 1990 đạt 45,2 tạ/ha, tăng 3,35 tạ/ha so với năm 1989, góp phần cùng cả nước lần đầu tiên chẳng những không phải nhập khẩu mà còn dự trữ được lương thực và xuất khẩu gạo. Đó là kết quả vượt trội của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thực hiện chiến lược phát triển lương thực - thực phẩm và hiệu quả của chương trình khai thác Đồng Tháp Mười cũng như kế hoạch chuyển đổi cơ cấu giống lúa năng suất cao, phù hợp với nhiều vùng đất khác nhau.

So với năm 1989, các loại cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày như đậu xanh, đậu nành, mè, mía, diện tích tăng từ 3,3% đến 14%, năng suất tăng khá, các loại cây trồng khác sụt giảm mạnh: Đậu phộng giảm 3,4 tạ/ha, thuốc lá giảm 4,7 tạ/ha, bố giảm 3,4 tạ/ha, lác giảm 5,3 tạ/ha, bắp giảm 1,773 tấn, khoai lang giảm 10,524 tấn, khoai mì giảm 19 tấn, sản lượng rau các loại giảm gần 5.300 tấn.

Chăn nuôi trâu, bò năm 1990 bị sụt giảm mạnh<sup>1</sup>. Chăn nuôi gia cầm giảm 54.857 con so với năm 1989. Nghề nuôi trồng thủy sản phát triển, nhất là ở các vùng cù lao. Tỉnh đầu tư các trạm ương giống cá bống tượng, tôm càng xanh, cá tra. Nhờ đó, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 1990 đạt

---

1. Đàn trâu toàn tỉnh năm 1990 có 15.624 con, đạt 72,7% mức kế hoạch, giảm 4.763 con so với năm 1989. Số trâu giảm nhiều nhất là ở ba huyện: Châu Thành, Tháp Mười và Cao Lãnh. Đàn bò năm 1990 toàn tỉnh có 13.505 con, đạt 70% kế hoạch, giảm 5.087 con so với năm 1989. Số bò giảm nhìn chung trong toàn tỉnh, nhưng nhiều nhất là ở các huyện Tân Hồng, Tháp Mười và Châu Thành, mỗi huyện giảm gần 1.000 con. Đàn heo trong tỉnh năm 1990 có 152.112 con, đạt 101% kế hoạch, vượt 2.112 con, so với năm 1989 tăng 21.607 con, chủ yếu tăng ở các huyện Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Châu Thành, mỗi huyện tăng từ 2.000 - 3.000 con.

2.247ha, sản lượng đạt 9.592 tấn, trong đó diện tích nuôi tôm đạt 492ha, sản lượng đạt 237,3 tấn.

*Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:* Năm 1986, giá trị tổng sản lượng đạt 1.173 triệu đồng (giá cố định năm 1982), tăng 130% so với cùng kỳ năm 1985, vượt gần 13% kế hoạch năm, trong đó, quốc doanh tăng 56%, vượt 11% chỉ tiêu kế hoạch, chiếm gần 30% tỷ trọng trong cơ cấu giá trị tổng sản lượng toàn ngành. Giá trị xây dựng cơ bản đạt 75% kế hoạch. Các công trình chính chủ yếu tập trung cho khai thác Đồng Tháp Mười, đắp và nâng cấp đường, xây dựng đường điện cao thế, bệnh viện... Do khó khăn về vốn, một số công trình trọng điểm của tỉnh phải tạm ngừng xây dựng. Riêng cấp huyện, thị, do được phân cấp vốn, cân đối được vật liệu xây dựng nên tiến độ thi công các công trình nhanh hơn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IV của tỉnh, đầu năm 1987, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 23 về *phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp*, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng có các văn bản cụ thể về đổi mới quản lý đối với các xí nghiệp quốc doanh, có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế cụ thể, nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân. Nhờ đó, giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1987 đạt 117,3% kế hoạch, tăng 22,1% so với năm 1986, tốc độ phát triển khá, bước đầu hình thành các ngành nghề ở các tập đoàn sản xuất, liên tập đoàn, hợp tác xã theo mô hình nông - công - thương - tín làm ăn có hiệu quả. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1987 đạt 1.476 triệu đồng, tăng 303 triệu đồng so với năm 1986 (giá cố định năm 1982). Các ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, sản xuất

vật liệu xây dựng, sản xuất chế biến hàng xuất khẩu và cơ khí sửa chữa phát triển khá, do mở rộng quyền tự chủ cho các đơn vị kinh tế cơ sở.

Công tác xây dựng cơ bản chỉ đạt khoảng 60% kế hoạch do đồng tiền trượt giá. Tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản năm 1986 là 170.150 triệu đồng, năm 1987 tăng lên 495.423 triệu đồng, chủ yếu tập trung vào những công trình: kho thuốc trừ sâu, nhà máy xay lúa, hoàn thành đường dây điện 15KV nối An Hữu - Cao Lãnh - Thanh Bình - Tháp Mười. Một số công trình trọng điểm như Bệnh viện Hữu Nghị, khu 50 căn hộ cho cán bộ... tiến độ chậm.

Năm 1988, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo các địa phương trong tỉnh thực hiện Quyết định số 217/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết số 03-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị và các quy định của Hội đồng Bộ trưởng về những chính sách phát triển kinh tế ngoài quốc doanh... Để tháo gỡ khó khăn cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định *Về quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp*; đồng thời, cụ thể hóa Quyết định số 217/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng để khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, các đơn vị đẩy mạnh sản xuất và nâng cao chất lượng hàng hóa, tạo ra sự chủ động trong lưu thông. Thực hiện quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, các địa phương đã chủ động tạo điều kiện cho xí nghiệp quốc doanh áp dụng cơ chế mới. Ở khu vực kinh tế tư nhân và gia đình, các địa phương mạnh dạn vận dụng các chính sách kinh tế như: miễn, giảm thuế, thực hiện một số ưu đãi, khuyến khích các cơ sở mới xây dựng, các

ngành sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu nên tốc độ phát triển của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từ cuối năm 1988 bắt đầu có sự tăng trưởng. Những chính sách mới của Đảng và Nhà nước từng bước tạo được niềm tin trong các tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, do chính sách mới nên người dân còn tiếp thu một cách dè dặt, chưa tin tưởng cao nên chưa dám mạnh dạn đầu tư vào phát triển sản xuất.

Để tạo ra bước phát triển mới trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, từ đầu năm 1988, tỉnh tập trung đầu tư cho xây dựng mạng lưới điện. Đến cuối năm 1988, điện đã được đưa đến tất cả các huyện trong tỉnh. Hơn một nửa số xã (trong đó có nhiều xã vùng sâu) có điện, huyện Tháp Mười cơ bản đưa điện đến được tất cả các xã. Bên cạnh đó, tỉnh hợp tác với các nhà khoa học, các trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để nghiên cứu sản xuất các mặt hàng như gạch xộp, giày da, lắp ráp máy đông lạnh, máy công cụ sản xuất công nghiệp, lương thực, thực phẩm... bước đầu đem lại kết quả thiết thực. Công tác xây dựng cơ bản thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tập trung cho những công trình trọng điểm như thủy lợi, giao thông, mở rộng lưới điện, các cơ sở sản xuất kinh doanh và các ngành nghề sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, trong đó, thi công 20 công trình thủy lợi với khối lượng đào đắp là 4,066 triệu m<sup>3</sup>, vốn thực hiện 2,33 tỷ đồng. Thi công đường Mỹ An - Bằng Lăng, đường điện 15KV từ An Phong đi An Long, đường điện 15KV từ Mỹ An đi Ngã Sáu, Bằng Lăng, đường điện 15KV từ An Long đi Tràm Chim. Ngoài ra, còn đưa vào sử dụng hệ thống kho kiên cố ở Trần Quốc Toản, Mỹ Thọ, Đốc Bình Kiều với tổng công suất là 11.000 tấn.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 1.662 triệu đồng (giá cố định năm 1982), tăng 12,6% so với

năm 1987. Trong đó, công nghiệp quốc doanh tăng khá, chiếm 29,5% tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn một số tồn tại cần phải khắc phục: “Sản xuất nhìn chung chưa hết khả năng; tốc độ tăng trưởng chậm chưa đạt chỉ tiêu (hụt 10%); sự yếu kém về trình độ quản lý, tay nghề, nắm bắt thị trường, chưa kết hợp được giữa quản lý ngành và địa phương; một số ngành nghề chưa thoát khỏi cơ chế cũ, cộng với tư tưởng trông chờ bao cấp, khiến cho khu vực kinh tế quốc doanh kém năng động, hiệu quả chưa cao. Một số hàng hóa sản xuất ra chất lượng kém không tiêu thụ được. Về xây dựng cơ bản tồn đọng tình trạng thi công kéo dài, giá vật liệu, nhân công biến động mạnh; một số công trình xây dựng thiếu tính toán hiệu quả, không phù hợp, sử dụng không hết công suất... tạo ra sự thiếu tập trung, khó khăn chung về vốn và gây ra những khó khăn, lãng phí ngân sách trong tỉnh một cách đáng kể”<sup>1</sup>.

Sang năm 1989, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp mặc dù gặp khó khăn, nhưng giá trị tổng sản lượng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 1.737 triệu đồng (giá cố định năm 1982), tăng 75 triệu đồng so với năm 1988. Thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần trong sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở, xí nghiệp sản xuất kinh doanh theo cung cách mới, hướng đến yêu cầu sản xuất chất lượng cao hơn, rẻ hơn, tốt hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng.

---

1. Bản tự phê bình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp năm 1988.

Đối với kinh tế tập thể, tỉnh chủ trương tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động theo Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 234, Chỉ thị số 08 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Phương hướng chung là tập thể chỉ nắm các khâu mà sản xuất kinh doanh có lợi hơn cá thể và gia đình như khâu dịch vụ kỹ thuật. Lĩnh vực sản xuất cá thể và tư nhân có chuyển biến tích cực, do sớm thích ứng với cơ chế thị trường và quy mô sản xuất nhỏ, thông thoáng, công khai, hợp pháp và được phép kinh doanh trong cả lĩnh vực thương nghiệp.

Các xí nghiệp quốc doanh từng bước thay đổi phương thức sản xuất theo cơ chế thị trường và bước đầu hoạt động có hiệu quả như: xí nghiệp Sa Giang, Bích Chi. Các mặt hàng sản xuất ra đáp ứng được yêu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu. Một số xí nghiệp còn tiến hành liên doanh, liên kết, ứng trước vật tư, tiền vốn cho khách hàng từ đầu năm để trao đổi, chủ động thu mua nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

Để duy trì sự phát triển của ngành sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo đổi mới một bước công tác quản lý trong các đơn vị quốc doanh, nhất là các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo chiến lược phát triển ba chương trình kinh tế lớn của Đảng. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục cụ thể hóa Quyết định số 217/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, đồng thời ban hành một số quy định mở, thông thoáng hơn về quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp, doanh nghiệp... nhằm khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị, thành phần kinh tế đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, đáp ứng được yêu cầu thị trường, chủ động trong lưu thông phân phối.

Về xây dựng cơ bản, trong năm 1989, tỉnh thực hiện 19 công trình, trong đó tập trung vào thủy lợi, giao thông, điện, với tổng khối lượng đào đắp là 2.755m<sup>3</sup>, vốn thực hiện là 3,491 tỷ đồng (trong đó, Trung ương cấp 1 tỷ đồng). Cũng từ năm 1989, tỉnh tập trung một khoản lớn ngân sách cho công tác xây dựng các kết cấu hạ tầng mới phục vụ cho việc di dời tỉnh lỵ cùng các cơ quan, ban, ngành của tỉnh từ thị xã Sa Đéc về thị xã Cao Lãnh.

Mặc dù Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có những chủ trương, giải pháp toàn diện, quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, song lĩnh vực này còn bộc lộ những hạn chế: Khả năng ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, sức cạnh tranh của hàng hóa kém, thiếu thông tin về thị trường giá cả trong và ngoài nước, việc khuyến khích mở rộng công tác đào tạo, dạy nghề chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức; mặt khác, do máy móc, thiết bị sản xuất của các xí nghiệp đã lạc hậu, năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý chủ chốt ở các xí nghiệp còn hạn chế, chưa tiếp cận và thích ứng được với cơ chế thị trường. Bên cạnh đó, các xí nghiệp, doanh nghiệp trong tỉnh mua nguyên liệu từ đầu năm với giá cao, sản phẩm làm ra phải bán hạ giá vì hàng tiêu dùng ngoại nhập ngày càng nhiều, giá rẻ... đã trực tiếp tác động đến sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

Đến năm 1990, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung vào mũi nhọn công nghiệp bằng những biện pháp củng cố mạng lưới cơ khí chế tạo và sửa chữa phục vụ cho nông nghiệp và các ngành sản xuất khác. Quan tâm đầu tư cho chế biến lương thực,



thực phẩm, lấy xay xát, chế biến lúa gạo, chế biến thủy sản làm trọng tâm phục vụ cho xuất khẩu. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kỹ thuật đông lạnh. Phát triển các ngành thủ công mỹ nghệ truyền thống, chú ý đến liên kết sản xuất, gia công những mặt hàng công nghệ với nước ngoài như da giày, may mặc, thêu đan, gốm sứ. Nghị quyết số 12 của Tỉnh ủy về *phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp* chỉ rõ: Năm 1990, phải tập trung đầu tư cho các cơ sở dịch vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tổ chức xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng như: Mạng lưới điện, giao thông, thủy lợi, bến cảng, thông tin liên lạc trong và ngoài nước, các kho tàng bến bãi, phương tiện vận tải; chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp xây dựng, vật liệu xây dựng và giao thông; nhằm tạo điều kiện hoàn chỉnh khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ theo từng ngành sản xuất. Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các đơn vị, địa phương, xí nghiệp tiếp tục củng cố và hoàn thiện những cơ sở hiện có, gắn với xây dựng thêm những cơ sở công nghiệp chế biến, từng bước hình thành một số khu chế xuất để phục vụ chương trình xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện hiệu quả 4 chương trình của Tỉnh ủy là xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới thủy lợi, giao thông, thông tin liên lạc và mạng lưới điện. Tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản đạt 14.349 triệu đồng (giá cố định năm 1982), bằng 81,5% kế hoạch, tăng 137,8% (khoảng 3.908 triệu đồng) so với năm 1989. Trong đó, đầu tư xây dựng cơ bản cho ngành nông nghiệp là 44,9% (tăng 342 triệu đồng so với năm 1989).

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1990 đạt 1.384 triệu đồng (tính theo giá cố định

năm 1982), bằng 79,7% so với năm 1989 (giảm 353 triệu đồng). Trong đó, giá trị tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh thực hiện được 268 triệu đồng, đạt 56% kế hoạch năm (giảm 32,8%, tức là 131 triệu đồng so với năm 1989), giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp thực hiện được 1.115 triệu đồng, đạt 78,2% kế hoạch, chiếm 80,6% tổng giá trị chung.

Trước tình hình giảm sút khá mạnh của sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Tỉnh ủy đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá: “Tình hình sản xuất đã mất cân đối và mất ổn định từ cuối năm 1989 do sự cạnh tranh mạnh mẽ của nguồn hàng ngoại trên thị trường làm cho việc tiêu thụ sản phẩm của các xí nghiệp gặp khó khăn. Giá cả nguyên liệu trong nước luôn ở mức cao, không ổn định, vốn cung cấp không đáp ứng nhu cầu sản xuất. Việc quản lý, tổ chức sản xuất không hiệu quả nên rất nhiều xí nghiệp kể cả xí nghiệp quốc doanh và xí nghiệp tiểu thủ công nghiệp làm ăn thua lỗ, phải ngưng hoạt động, phải sáp nhập hoặc giải thể”<sup>1</sup>.

Để khắc phục tình trạng khó khăn, mất cân đối trên, từ quý III năm 1990, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra các giải pháp cụ thể như:

Tiếp tục thực hiện việc phân bố lại lực lượng lao động và điều chỉnh dân cư một cách hợp lý trong tỉnh; đồng thời, tiếp nhận và tìm công ăn việc làm cho số Việt kiều từ Campuchia trở về. Phát huy các thành phần kinh tế, tăng cường đầu tư chiều sâu và đồng bộ, đổi mới trang thiết bị, đào tạo đội

---

1. Đến cuối năm 1990, toàn tỉnh có 25 hợp tác xã phải giải thể, với 996 lao động bị mất việc làm; các tổ hợp tác giảm 284 tổ cùng với 2.456 lao động. Riêng các hộ sản xuất cá thể tăng 1.336 hộ lao động.

ngũ công nhân lành nghề, có khả năng tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất, nhằm mang lại hiệu quả cao. Đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo, mạnh dạn bố trí những người có trình độ quản lý giỏi, có khả năng tiếp cận và điều hành hiệu quả quá trình sản xuất của các xí nghiệp. Xây dựng những cơ chế và chính sách phù hợp như: tiền lương, tiền thưởng và trợ cấp, để khuyến khích người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, khắc phục và nâng cao sản lượng sản xuất công nghiệp của tỉnh.

Tiến hành đồng thời việc phát huy và tăng cường sự phát triển của các xí nghiệp hoạt động có hiệu quả với việc giải thể các xí nghiệp làm ăn thua lỗ, không hiệu quả. Mạnh dạn thay thế hoặc chuyển đổi sang mô hình sản xuất tập thể, hợp doanh và các xí nghiệp, công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước.

Sản xuất phải phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh, công nghiệp phải hướng vào cơ cấu sản xuất, vào các ngành có liên quan trực tiếp như: phục vụ nông nghiệp, củng cố và phát triển công nghiệp chế biến lương thực trên cơ sở cân đối và mở rộng các mô hình sản xuất vừa và nhỏ nhằm sơ chế tại chỗ nông sản xuất khẩu. Phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân và xuất khẩu.

Nhờ sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đến cuối năm 1990, các biện pháp trên đã từng bước tháo gỡ, giải quyết khó khăn, mở hướng đi để các địa phương, đơn vị, xí nghiệp mở rộng các mô hình sản xuất, góp phần tăng thu nhập, ổn định sản xuất, tạo ra nhiều việc làm mới cho nhiều người lao động trong tỉnh.

*Trong lĩnh vực phân phối lưu thông và hàng xuất khẩu:* Năm 1986, ngành nội thương mua vào khoảng 2,5 tỷ đồng, đạt 2 lần chỉ tiêu kế hoạch, gấp 7 lần so với năm 1985. Các mặt hàng mua vượt kế hoạch như vải mùng (vượt 30%), thuốc lá (vượt 6%). Huy động lương thực được 175.500 tấn, đạt 85% kế hoạch địa phương, trong đó, nộp về Trung ương 98.000 tấn<sup>1</sup>.

Do sự tăng trưởng của hầu hết các ngành kinh tế nên tổng thu ngân sách của tỉnh năm 1986 tăng gần 2 lần so với năm 1985, đạt 110% kế hoạch. Nguồn thu chủ yếu từ khu vực quốc doanh chiếm 70%, trong đó, phần chênh lệch giá gần 45%. Tuy nhiên, các cơ sở sản xuất quốc doanh đóng góp cho ngân sách rất hạn chế, do giá cả biến động, sản xuất không ổn định, sản phẩm tiêu thụ khó khăn. Mặc dù tỉnh đã đình chỉ xây dựng một số công trình trọng điểm, thực hiện tiết kiệm chi, nhưng tổng chi ngân sách toàn tỉnh vẫn vượt 13% kế hoạch đề ra, trong đó, chi cho kiến thiết kinh tế chiếm 42%.

Kim ngạch xuất khẩu năm 1986 đạt 5,1 triệu rúp - đôla, vượt gần 30% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 45% so với năm 1985. Chiếu, thậm chí là mặt hàng sản xuất vượt kế hoạch. Tôm là mặt hàng xuất khẩu quan trọng, nhưng không đạt chỉ tiêu thu mua, ngành thủy sản đã tích cực khai thác các mặt hàng khác như cá bống tượng, lươn, da trăn... để tăng nguồn xuất khẩu. Ngoài ra, một số huyện, thị tiến hành xây dựng các cơ sở sản xuất chuối sấy. Kim ngạch nhập khẩu đạt 6,3 triệu rúp - đôla, vượt 10% kế hoạch, gấp 1,5 lần so với năm 1985. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là vật tư phục vụ cho sản xuất nông

---

1. Hai huyện Tháp Mười và Thạnh Hưng huy động lương thực vượt kế hoạch.

nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu, một số nguyên liệu phụ tùng cho ngành tiểu thủ công nghiệp và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đối lưu cho người sản xuất.

Năm 1987, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để hệ thống thương nghiệp quốc doanh nhanh chóng tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động, đóng góp quan trọng cho tích lũy ngân sách, thu hồi tiền mặt, tạo nguồn vốn cho xây dựng cơ sở vật chất thông qua các hoạt động đẩy mạnh liên kết, liên doanh xã hội chủ nghĩa. Việc thu mua, nắm nguồn hàng nông sản đạt 60 - 80% chỉ tiêu kế hoạch. Một số mặt hàng chủ yếu như: heo hơi, thuốc lá, đậu nành... đạt dưới 50% kế hoạch. Công tác huy động lương thực được 174.000 tấn quy lúa, đạt 96,7% kế hoạch, trong đó, đóng góp cho Trung ương 100.000 tấn, đạt 70% kế hoạch<sup>1</sup>.

Kim ngạch xuất khẩu năm 1987 đạt trên 12,5 triệu rúp - đôla, vượt 16% kế hoạch, tăng 145% so với năm 1986; và nhập khẩu gần 11,5 triệu rúp - đô la, chủ yếu là vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Các đơn vị huyện, thị, ngành từng bước vươn lên, mở rộng liên kết kinh tế, tìm thị trường xuất khẩu để thu ngoại tệ, nhưng còn gặp nhiều khó khăn, do chính sách về giá không ổn định.

Trong lĩnh vực thu ngân sách, nguồn thu từ khu vực kinh tế quốc doanh đạt khá, thu thuế công thương nghiệp đạt 125%,

---

1. Do yếu tố thời tiết không thuận lợi nên vụ Hè Thu bị thất thu. Tình hình thu mua lúa trong năm gặp khó khăn do thiếu tiền mặt để mua theo giá thỏa thuận hàng hóa đối lưu. Việc sử dụng vật tư để đầu tư cho cây lúa chưa được các địa phương thanh toán đầy đủ nên tỉnh còn tồn đọng nợ vốn cấp trên khá lớn.

thuế nông nghiệp đạt 93,7% so với kế hoạch. Bên cạnh đó, hoạt động xổ số kiến thiết cũng tạo ra nguồn thu đáng kể cho tỉnh. Về tình hình giá cả, mặc dù tốc độ trượt giá chậm hơn năm 1986 nhưng bình quân vẫn hơn 10%/tháng<sup>1</sup>. Tỉnh chủ trương duy trì chế độ một giá trong sản xuất theo mức giá trung bình xã hội nên bước đầu mang lại kết quả. Tuy nhiên, việc quản lý giá còn lúng túng, trong khi các yếu tố giá thực tế đang tăng, lại thực hiện kìm giá, gây thất thu ngân sách.

Năm 1988, lĩnh vực phân phối lưu thông tiếp tục gặp khó khăn do tác động của tình hình chung như: Thiếu vốn, vật tư nguyên liệu, tiền mặt, lãi suất cao, trượt giá mạnh... Trước tình hình đó, các cấp ủy đảng ở nhiều địa phương, đơn vị đã phát huy tinh thần tự chủ, chủ động và linh hoạt trong lãnh đạo, quản lý nên từng bước hạn chế được ảnh hưởng xấu, bảo đảm được cân đối ngân sách. Các ngành trong hệ thống phân phối lưu thông nhạy bén liên doanh, liên kết, tìm nguồn cung cấp và tiêu thụ hàng. Nhiều đơn vị đã chủ động xoay trở vốn để kinh doanh, không trông chờ vào nguồn vốn ngân sách và tín dụng.

Công tác ngoại thương và xuất - nhập khẩu được đẩy mạnh theo chương trình, kế hoạch đã định. Tỉnh đã phát triển được một số mặt hàng, ngành nghề mới thông qua hợp tác đầu tư, gia công chế biến hàng xuất khẩu với nước ngoài, bước đầu

---

1. Do đồng tiền trượt giá nhanh, yêu cầu về vốn và tiền mặt chưa được đáp ứng dẫn đến đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhất là lực lượng vũ trang và lực lượng công nhân viên chức khu vực hành chính sự nghiệp, lương thực tế chỉ còn bằng 35% so với thời điểm tháng 9/1985. Tỉnh phải chi bù giá một số mặt hàng nhưng không thể bù đắp và cải thiện được đời sống lực lượng vũ trang và công chức, viên chức.

cân đối được xuất - nhập khẩu, trong đó xuất khẩu đạt 16 triệu rúp - đô la, vượt 9% chỉ tiêu kế hoạch. Các mặt hàng nông sản xuất khẩu như: chuối sấy, dưa hấu, tôm đông lạnh. Nhập khẩu 15 triệu rúp - đô la, đạt 92% kế hoạch, chủ yếu là máy móc, vật tư phục vụ cho sản xuất. Mặc dù vậy, các đơn vị phân phối lưu thông còn gặp nhiều khó khăn, nhất là không giữ được giá trị của đồng vốn lưu động; mặt khác, phương pháp hạch toán, kế toán không phù hợp trong điều kiện lạm phát, đồng tiền mất giá mạnh... dẫn đến không đánh giá đúng hiệu quả thực và mức đóng góp ngân sách của từng đơn vị, thậm chí nhiều đơn vị lẽ ra bị phá sản, nhưng do cơ chế hạch toán vẫn cho là có lãi và có tích lũy nên vẫn tồn tại.

Để khắc phục khó khăn chung, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 31/10/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 22 chỉ đạo việc sử dụng số tích lũy nộp vượt ngân sách nhằm giúp các đơn vị bổ sung nguồn vốn lưu động bị thiếu hụt. Tuy nhiên, Chỉ thị này chưa thể giải quyết ngay và căn bản được tình trạng trên, chỉ là giải pháp tạm thời để tiến tới cơ chế hạch toán đúng và đủ của các đơn vị, góp phần cùng cả nước ổn định tình hình, giá cả và phát triển sản xuất, góp phần chống lạm phát có hiệu quả.

Bước sang năm 1989, nhất là trong những tháng cuối năm, do gặp nhiều khó khăn, lúa hàng hóa ứ đọng nhiều, ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các mặt hàng khác và ảnh hưởng chung đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh. Để giải quyết số lúa hàng hóa tồn đọng, tỉnh đã kiến nghị và được Trung ương cho phép tập trung giải quyết tìm thị trường tiêu thụ ở nước ngoài, tạo nguồn thu quan trọng cho ngân sách. Tỉnh ủy, các

cấp ủy địa phương xác định chương trình xuất - nhập khẩu là mũi nhọn góp phần quan trọng trong việc cân đối thu - chi ngân sách, vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Năm 1989, toàn tỉnh đã xuất khẩu được 41,376 triệu rúp - đô la (nhiều hơn gấp 2 lần nhập khẩu). Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là gạo đạt 235.000 tấn (đạt chỉ tiêu giấy phép được cấp), mặt hàng nhập khẩu là các loại tư liệu sản xuất như máy móc, xăng dầu, phân bón, thuốc, dược liệu và USD để tiếp tục đầu tư cho các công trình mũi nhọn của địa phương và làm nghĩa vụ với Trung ương.

Đến năm 1990, hoạt động phân phối lưu thông của tỉnh thực hiện theo cơ chế thị trường, mở cửa, cho phép các địa phương, doanh nghiệp tìm thị trường tiêu thụ hàng hóa, tự cân đối vật tư nguyên liệu, được phép huy động các nguồn vốn, kể cả vay vốn nước ngoài để tự chủ trong sản xuất. Nhờ đó, tình hình phân phối lưu thông hàng hóa của tỉnh phát triển hơn so với năm 1989 (chủ yếu là lưu thông tự do, ngoài hệ thống quốc doanh).

Hoạt động nội thương giảm sút. Tổng mức bán lẻ trong năm là 92,12 triệu đồng, bằng 74% so với năm 1989. Trong đó, thị trường có tổ chức đạt được 24,1% tổng mức bán ra. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh không còn nắm vai trò chủ đạo chi phối thị trường phân phối lưu thông. Mặt khác, các đơn vị thương nghiệp quốc doanh không nắm bắt kịp sự phát triển của thị trường và mất khả năng tái tạo nguồn vốn kinh doanh, nhiều đơn vị cấp huyện hoạt động không hiệu quả, thua lỗ, một số công ty cấp tỉnh vì sợ mất vốn nên hoạt động cầm chừng.



Việc cân đối thu - chi ngân sách có bước thay đổi lớn. Đó là việc phân cấp ngân sách đến huyện, xã và tiếp tục thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, nguồn thu ngân sách từ khu vực quốc doanh giảm mạnh, từ 57% năm 1985 xuống còn 26% năm 1990. Riêng thu thuế, tăng từ 23% năm 1985 lên 41% năm 1990.

Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng khá, các đơn vị, công ty thực hiện có hiệu quả cơ chế thị trường, tìm được thị trường tiêu thụ và xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu gạo. Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 70 triệu rúp - đô la, tăng 69,2% so với năm 1989. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: gạo, đậu nành, ngô (bắp), cá đông lạnh, tôm... Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 80 triệu rúp - đô la, tập trung chủ yếu cho nhập phân bón để phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 1990 - 1991 và các loại máy móc, thiết bị, vật tư... Nguồn vốn huy động cho sản xuất, kinh doanh tăng nhanh (gần 300 tỷ đồng), tăng 50 tỷ so với năm 1989.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện ba chương trình kinh tế lớn cũng bộc lộ nhiều khuyết điểm, yếu kém: Việc điều hành thực hiện ba chương trình kinh tế còn nhiều mặt chưa đồng bộ và kịp thời, nhất là khâu tiêu thụ sản phẩm, nên kết quả bị hạn chế so với tiềm năng và khả năng hiện có. Nguồn vốn cố định và lưu động thiếu nghiêm trọng, trong đó, một phần sử dụng sai mục đích, bị chiếm dụng. Hệ thống dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu... Việc phân cấp thiếu quản lý, kiểm tra chặt chẽ, đội ngũ cán bộ chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm điều hành nền kinh tế thị trường, chưa lường

hết khó khăn khi chuyển sang nền kinh tế hàng hóa. Nhiều đơn vị quốc doanh và tư nhân huy động vốn tràn lan, không tính đến hiệu quả, trốn thuế, kinh doanh trái phép, mặc dù đã sớm phát hiện nhưng ngăn chặn, xử lý chậm và thiếu kiên quyết. Nghiêm trọng nhất là các đơn vị kinh tế quốc doanh dựa vào chủ trương giao quyền chủ động sản xuất kinh doanh đã huy động, vay vốn với lãi suất cao trong thời điểm giảm phát hoặc vay ngoại tệ chậm trả, trong khi đồng ngoại tệ trượt giá nhanh, ngân hàng buông lỏng trách nhiệm quản lý, để xảy ra tiêu cực dẫn đến tình trạng nhiều đơn vị kinh tế vay nợ không đủ khả năng thanh toán gây đình đốn sản xuất, kinh doanh. Các hợp tác xã, trung tâm tín dụng không thu hồi được tiền cho vay để chi trả cho người gửi, gây phản ứng trong nhân dân, cán bộ, viên chức, nhất là số người về hưu.

Việc cân đối ngân sách ngày càng khó khăn, do nguồn thu chính là thu quốc doanh giảm mạnh, chuyển sang thu thuế là chủ yếu, nhưng một số huyện, thị chưa nhận thức được sự chuyển hướng này, tiếp tục tập trung nguồn vốn, kể cả vốn vay bằng ngoại tệ tung vào khâu phân phối lưu thông để lấy chênh lệch giá, dẫn đến hậu quả nhiều đơn vị bị phá sản, nợ chồng chất, có huyện bị mất hàng chục tỷ đồng, ngân sách không đủ khả năng thanh toán. Mặt khác, việc thu - chi ngân sách tùy tiện, thậm chí lấy tiền vay ngắn hạn với lãi suất cao chi cho xây dựng cơ bản, khiến cho việc cân đối ngân sách càng khó khăn hơn.

Khi thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong lãnh đạo, quản lý, các cấp quan tâm nhiều đến củng cố, phát triển các đơn vị kinh tế tập thể gặp khó khăn,

một bộ phận khá lớn hầu như tan rã. Riêng trong lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hầu hết các hợp tác xã, tổ hợp tác chuyển sang hình thức cá thể. Trong lĩnh vực nông nghiệp, đối với các tập đoàn sản xuất, liên tập đoàn, tuy sản xuất có phát triển, nhưng phần lớn ban quản lý yếu kém, không tích lũy được vốn, thậm chí tiêu cực, tham ô, tập đoàn chỉ còn là hình thức, lúng túng trong chuyển hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường với nhiều thành phần kinh tế. Mặt khác, khi áp dụng chế độ bình đẳng giữa các thành phần kinh tế thì các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể gặp khó khăn, kém năng động, hạn chế khả năng cạnh tranh, do các hoạt động đều phải thực hiện công khai, chịu sự kiểm tra, kiểm soát khá chặt của Nhà nước, còn thành phần kinh tế cá thể, Nhà nước không kiểm soát được hoạt động, nhiều cơ sở khai không đúng doanh số, trốn thuế trong nền sản xuất hàng hóa.

Ngoài nguyên nhân thiếu vốn, vấn đề đáng chú ý là sản xuất, đặc biệt là sản xuất lương thực phát triển với tốc độ quá nhanh, song thị trường tiêu thụ sản phẩm còn bấp bênh đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất và ngân sách, trong đó, người bị thiệt thòi nhất là nông dân. Đây là một trong những yếu tố quan trọng hạn chế tốc độ phát triển của các ngành kinh tế công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, ngành chăn nuôi và nhiều loại cây trồng ở địa phương. Mặt khác, trong những năm 1986 - 1990, phát triển sản xuất chủ yếu theo chiều rộng nên chất lượng hàng hóa thấp, khó cạnh tranh ở thị trường, kể cả thị trường tại chỗ<sup>1</sup>.

---

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V.

### 3. Phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh

#### 3.1. Hoạt động văn hóa - xã hội

Đồng thời với việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, Tỉnh ủy và các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh luôn quan tâm chăm lo, phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra một số nhiệm vụ văn hóa - xã hội cụ thể:

*Một là*, tăng cường lãnh đạo và đầu tư thêm cho các ngành văn hóa, nghệ thuật - là công cụ sắc bén, góp phần nâng cao giác ngộ chính trị của quần chúng và chống những tàn dư văn hóa cũ, đối phó nhanh nhạy với các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch.

Quan tâm đào tạo và bồi dưỡng lực lượng văn nghệ sĩ, nhất là cán bộ nghiên cứu, sáng tác, kể cả lực lượng nghiệp dư về đường lối, chủ trương của Đảng và thực tiễn phong trào địa phương. Phấn đấu sáng tác những tác phẩm mang tính nghệ thuật cao. Đồng thời, quan tâm nâng đỡ những đề tài có tính thời sự, khuyến khích những hình thức tự biên, tự diễn phản ánh nhiều mặt của cuộc sống xã hội. Kiểm tra, kiểm duyệt chặt chẽ việc xuất bản, kinh doanh sách báo, phim ảnh, kể cả video cassette. Thành lập Trung tâm văn hóa ở thị xã Sa Đéc, Cao Lãnh và các thị trấn. Phát động quần chúng thực hiện nếp sống mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Phát triển các thư viện, phòng đọc sách, câu lạc bộ, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà truyền thống từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với khả năng của từng địa phương. Phát triển mạng lưới

truyền thanh ở tất cả các xã, phường. Cải tiến công tác xuất bản, phát hành, đưa sách báo đến các tập đoàn sản xuất tận vùng sâu.

*Hai là*, công tác giáo dục, đào tạo cán bộ chú trọng chất lượng, phù hợp với yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Đưa các chương trình: thể dục, quốc phòng, nhạc, họa, chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng và luật pháp vào các trường học.

Mở thêm trường, lớp phổ thông cơ sở và một số trường phổ thông trung học ở các huyện, thị xã. Tăng cường đào tạo giáo viên, bảo đảm cho các cháu đến tuổi đều được đi học. Đến cuối năm 1987, chấm dứt tình trạng dạy ca 4, tiến tới xóa bỏ ca 3. Quan tâm đến công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em, phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non. củng cố và mở rộng các lớp mẫu giáo, nhà trẻ. Trang bị tiện nghi, cơ sở thí nghiệm, thực nghiệm ở các trường cao đẳng, trung học phổ thông và các trường nghiệp vụ kỹ thuật. củng cố các lớp dạy nghề, mở trung tâm đào tạo tại chức và các trường vừa học vừa làm. Nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy ở các trường phổ thông và các lớp bổ túc văn hóa.

Có chính sách về đời sống đi đôi với bồi dưỡng trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, nghiệp vụ, chú ý nâng cao vị trí xã hội cho thầy, cô giáo.

*Ba là*, củng cố và xây dựng thêm các trạm y tế, hộ sinh xã. Mở rộng các bệnh viện huyện, thị và tỉnh, đưa từ 1 giường bệnh/1.000 dân lên 1,3 giường bệnh/1.000 dân vào năm 1990 (không kể giường bệnh ở các trạm xá xã, phường). Tăng thêm

thuốc men và trang thiết bị cho các bệnh viện tỉnh và huyện, thị. Phát động phong trào vệ sinh, phòng bệnh rộng rãi trong nhân dân và gia đình cán bộ, công nhân viên chức. Cải tiến công tác quản lý đô thị và bảo vệ môi trường ở thị xã Cao Lãnh, Sa Đéc. Tiếp tục hoàn thành cuộc vận động thực hiện 5 dứt điểm. Chuyển một số y, bác sĩ ở các bộ phận gián tiếp sang điều trị trực tiếp cho nhân dân.

Tăng cường sản xuất thuốc, nhất là thuốc thông thường, khuyến khích việc nuôi trồng và bào chế thuốc đông y. Mở rộng hoạt động của Hội chữ thập đỏ các cấp.

*Bốn là*, từng bước đưa việc rèn luyện thân thể thành nếp sống của đông đảo quần chúng, nhất là thanh thiếu niên, bảo vệ sức khỏe người già. Phát triển thể dục nhịp điệu cho các đối tượng trẻ. củng cố và nâng cao chất lượng các đội thể thao chuyên nghiệp của tỉnh, huyện, thị cả về chuyên môn và đạo đức. Chọn lọc và bồi dưỡng lực lượng trẻ có năng khiếu để lập các đội dự bị. Hình thành thêm một số bộ môn mới mà tỉnh chưa có (đấu vật, cử tạ, đua xe đạp...).

*Năm là*, chăm sóc đời sống gia đình thương binh liệt sĩ, cán bộ về hưu, gia đình bộ đội tại ngũ, gia đình có công với cách mạng. Bảo đảm trả lương hưu và các khoản phụ cấp khác kịp thời. Các huyện, xã cần xây dựng Nhà tình nghĩa để cấp cho các gia đình liệt sĩ, thương binh thật sự khó khăn. Động viên anh chị em làm nòng cốt trong các phong trào cách mạng của quần chúng tại địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, từ năm 1986, hoạt động văn hóa - xã hội của tỉnh có những chuyển biến tích cực. Các địa phương quan tâm, đầu tư

cho các hoạt động tuyên truyền đại hội Đảng các cấp, kết hợp giải quyết một phần điều kiện vật chất - kỹ thuật để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như: cầu, đường, trường, trạm, tạo điều kiện bố trí lại dân cư và từng bước thực hiện tiến bộ xã hội.

*Trong hoạt động văn hóa*, năm 1986, tỉnh đã công nhận 8/9 huyện, thị xã và 90% xã, phường hoàn thành cơ bản công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Các ngành thông tin đại chúng, văn hóa, văn nghệ có nhiều cố gắng cải tiến và đẩy mạnh các mặt hoạt động tuyên truyền phục vụ đại hội Đảng các cấp. Chương trình phát thanh và truyền hình, báo chí có nhiều đổi mới, bước đầu phản ánh được các mặt hoạt động của địa phương, cơ sở, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Ngoài ra, ngành văn hóa đã chuyển đổi 2 đoàn cải lương từ tư nhân sang tập thể, 1 đoàn ca múa, phát triển Đoàn Văn công tỉnh, thành lập mới 1 đoàn ca múa, công ty phát hành sách, công ty chiếu bóng, thư viện, bảo tàng...

Từ năm 1987 trở đi, hoạt động văn hóa, văn nghệ đi vào chiều sâu. Toàn tỉnh có 9/9 huyện, thị xã hoàn thành việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, đáp ứng từng bước nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật ngày càng cao của nhân dân. Hệ thống thông tin tuyên truyền được củng cố. Hầu hết các huyện, thị, xã, phường đều có đài truyền thanh. Các cơ quan báo, đài được đầu tư cải tiến, nâng cấp, phục vụ tốt việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các địa phương trong tỉnh đã chấp hành tốt Chỉ thị của Bộ Văn hóa về tạm thời cấm chiếu các băng ghi hình phim của các nước tư bản chủ nghĩa sản xuất.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giới văn nghệ sĩ được tỉnh quan tâm, chú ý đào tạo nâng cao trình độ; qua đó, nhiều người đã trưởng thành từ hoạt động phong trào. Tuy vậy, vẫn còn một số biểu hiện lệch lạc trong giới văn nghệ sĩ; hoạt động văn hóa, văn nghệ chưa được chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời. Nguyên nhân là do một số cấp ủy chưa quan tâm thường xuyên, đầy đủ đến việc lãnh đạo văn hóa, nghệ thuật, đời sống tinh thần của giới văn nghệ sĩ... nên việc đấu tranh nội bộ cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn nhiều hạn chế.

Đến năm 1990, hoạt động văn hóa - thông tin cổ động từng bước được củng cố và mở rộng, với những nội dung, chương trình tổng hợp đặc biệt phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, triển lãm được quan tâm chỉ đạo nên diễn ra sôi nổi, tạo được không khí vui tươi phấn khởi nhân các ngày lễ kỷ niệm trọng đại, thu hút hàng trăm người tham gia và hàng chục ngàn người xem cổ vũ<sup>1</sup>. Những hoạt động văn hóa, văn nghệ đã góp phần quan trọng vào việc đấu tranh chống lại âm nhạc, văn hóa phản động, đồi trụy du nhập từ hải ngoại vào.

---

1. Trong đợt hoạt động tuyên truyền chào mừng kỷ niệm 45 năm ngày Quốc khánh, toàn tỉnh có 11/11 huyện, thị cùng 4 đơn vị ngành và lực lượng vũ trang tham dự, với hơn 600 diễn viên cùng nhạc công tham gia biểu diễn 132 tiết mục, gồm đủ các thể loại như ca, múa, kịch, xiếc... phục vụ hơn 12.000 lượt người xem. Có 5 đơn vị đạt giải A là huyện Thạnh Hưng, Tháp Mười, Tam Nông, thị xã Sa Đéc và thị xã Cao Lãnh. Riêng đội văn nghệ quần chúng của tỉnh Đồng Tháp tham dự liên hoan Tiếng hát từ Làng Sen, được Ban tổ chức giải đánh giá đạt chất lượng tốt, được Bộ Văn hóa tặng bằng khen. Có 3 cá nhân được Ban tổ chức tặng 3 Huy chương Vàng, có 1 Huy chương Bạc, 5 giấy khen cho 9 tiết mục tham dự.



Trong công tác giáo dục và đào tạo, tuy có chuyển biến song còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ tốt nghiệp phổ thông cơ sở năm 1986 giảm 4% so với năm 1985, tốt nghiệp phổ thông trung học tăng 9,7%. Chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu; học sinh trúng tuyển vào các trường đại học và cao đẳng của Trung ương và địa phương chỉ đạt 4,8%, giảm 2,3% so với năm 1985. Đời sống khó khăn đã ảnh hưởng đến việc giảng dạy của giáo viên và việc chăm sóc, dạy dỗ của gia đình. Gần 30% trẻ em đến tuổi đi học chưa được đến trường. Tình trạng thiếu phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, sách giáo khoa và trang thiết bị học tập vẫn chưa được khắc phục. Mặc dù tỉnh và các địa phương thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, song tình trạng học ca 3, ca 4 vẫn còn phổ biến, cá biệt có nơi lên đến 5 - 6 ca. Nguyên nhân là do nguồn lực còn hạn chế, dân số gia tăng; trường lớp xây dựng thời tập đoàn sản xuất “cho chỗ nào xây chỗ ấy” (sau nhà dân, sau chùa...), không có quy hoạch, xây tạm bợ. Trong năm, tỉnh đã xây dựng mới 1.000 phòng học, nhưng chưa đủ để bù vào số phòng bị hư hỏng và số lượng học sinh tăng lên. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu giáo viên và giáo viên năng lực yếu vẫn còn phổ biến; nguyên nhân do lương thấp, tình trạng nợ lương giáo viên 3, 4 tháng diễn ra thường xuyên<sup>1</sup>.

Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về công tác xóa mù, Tỉnh ủy chủ trương và chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục tiến hành củng cố, sắp xếp lại hệ thống trường lớp, mở hệ giáo dục xóa mù, tổ chức quản lý các trường

---

1. Thời điểm này, tỉnh giao huyện, thị xã trả lương cho ngành giáo dục, đối với cấp 1, cấp 2 và y tế huyện, xã.

chuyên nghiệp và dạy nghề, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất để các trường cải thiện tốt hơn các điều kiện học tập và giảng dạy<sup>1</sup>. Đồng thời, thực hiện chính sách tuyển sinh ưu tiên vào các trường sư phạm cho học sinh ở vùng sâu. Tuy vậy, một số trường như nông nghiệp, công nhân cơ giới, trường dạy nghề, trung học sư phạm gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh.

Năm 1987, tỉnh và các huyện, thị xã quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục, nhất là việc xóa các lớp học ca 4, ca 5. Ngành giáo dục đã sắp xếp tổ chức các trường chuyên nghiệp và dạy nghề trong tỉnh, trong đó chú trọng đầu tư cơ sở vật chất để các trường cải thiện tốt hơn điều kiện học tập và sinh hoạt. Tỉnh đã đầu tư hơn 1 tỷ đồng để xây dựng mới và sửa chữa hơn 200 phòng học, đến năm học 1987 - 1988, hầu hết các xã trong tỉnh đều có trường học kiên cố<sup>2</sup>.

Các huyện, thị xã mở các trung tâm dạy nghề để hướng nghiệp cho thanh niên, bước đầu đạt kết quả tốt. Năm học 1987 - 1988, huyện Thạnh Hưng được tỉnh chọn thực hiện thí điểm khoán quỹ lương cho các trường, đã góp phần tăng thêm thu nhập cho giáo viên, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, đồng thời chất lượng giảng dạy được nâng lên. Tỉnh cũng ban

---

1. Năm học 1986 - 1987, toàn tỉnh có 690 lớp mẫu giáo, với 731 giáo viên và 19.695 cháu; có 221 trường phổ thông cơ sở (cấp 1 + 2) với 7.388 lớp, 7.756 giáo viên, 265.581 học sinh; phổ thông trung học toàn tỉnh có 13 trường, 277 lớp, 493 giáo viên và 13.312 học sinh.

2. Năm học 1987 - 1988, toàn tỉnh có 738 lớp mẫu giáo, với 804 giáo viên và 18.792 cháu; có 234 trường phổ thông cơ sở (cấp 1+2), trong đó có 6.063 lớp cấp 1, với 566 giáo viên, 204.328 học sinh, 1.560 lớp cấp 2, với 2.421 giáo viên, 60.894 học sinh; phổ thông trung học toàn tỉnh có 14 trường, 319 lớp, 524 giáo viên và 15.038 học sinh.

hành một số chế độ, chính sách riêng cho ngành giáo dục và có chính sách ưu tiên trong tuyển sinh vào các trường sư phạm cho học sinh vùng sâu gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, năm 1987, ngành giáo dục còn tồn tại nhiều bất cập như: Thiếu giáo viên, phát triển giáo dục chậm, không đồng bộ, số học sinh bỏ học còn nhiều (từ 10 - 20%), số trẻ em đến tuổi chưa huy động vào lớp còn trên 30%<sup>1</sup>; phong trào học bổ túc văn hóa thực hiện tốt ở các thị xã, còn các huyện gặp nhiều khó khăn. Chất lượng giáo dục còn thấp, tình trạng lớp học 3 - 4 ca khắc phục chậm, trường lớp một số nơi xuống cấp nhanh, nhiều giáo viên bỏ nghề do đời sống khó khăn.

Trước tình hình đó, ngày 13/10/1987, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 05-CT/TU về việc đẩy mạnh công tác giáo dục và bổ túc văn hóa trong 3 năm (1987 - 1990), Chỉ thị nêu rõ: “Việc xóa mù chữ và bổ túc văn hóa trong cán bộ và nhân dân lao động thực hiện phổ cập văn hóa từ thấp lên cao phải được làm thường xuyên nhưng khấn trương gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, cơ sở, phấn đấu thực hiện phổ cập cấp 1. Từ nay mỗi địa phương, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở khi tổng kết xét hoàn thành kế hoạch phải xét cả kết quả bổ túc văn hóa, phải xem bổ túc văn hóa là một trong những chỉ tiêu của kế hoạch chung và chỉ tiêu thi đua của địa phương, ngành cơ sở và mỗi cá nhân. Chú ý kết hợp công tác bổ túc văn hóa thường xuyên với việc tổ chức trong dịp hè mỗi năm học”.

Thực hiện Chỉ thị số 05 của Tỉnh ủy, năm 1988, công tác giáo dục được tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện, góp phần nâng

---

1. Ngành giáo dục không quan tâm vận động học sinh đến lớp vì nếu các em đến trường đông sẽ không có đủ trường lớp để bố trí cho các em học.

cao về chất lượng, đặc biệt là chất lượng dạy học. Năm học 1988 - 1989, thực hiện theo quy chế mới của Bộ Giáo dục, kết quả giáo dục bước đầu đạt kết quả tốt. Tỉnh đầu tư hơn 1 tỷ đồng cùng với nguồn kinh phí của các huyện, xã và đóng góp của các tập đoàn sản xuất và nhân dân để xây mới, sửa chữa gần 200 phòng học<sup>1</sup>. Tuy nhiên, vẫn chưa chấm dứt được các lớp học ca 3, ca 4 ở các huyện, xã vùng sâu. Nguồn kinh phí của tỉnh và ngành giáo dục đầu tư để mua sách giáo khoa, dụng cụ học tập cho năm học 1988 - 1989 khá lớn, song vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của học sinh.

Năm 1989, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc *tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*, tỉnh và ngành giáo dục đã ưu tiên đầu tư về con người và ngân sách cho công tác này. Năm học 1989 - 1990, ngân sách các cấp trong tỉnh đầu tư đạt trên 6 tỷ đồng để xây dựng, sửa chữa hơn 300 phòng học. Nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngang tầm kiến thức chung trong khu vực, từ năm học 1989 - 1990, tỉnh xóa bỏ hình thức xét ưu tiên điểm cho các đối tượng chính sách trong các kỳ thi. Đây được xem là quyết sách quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh<sup>2</sup>.

---

1. Năm học 1988 - 1989, toàn tỉnh có 765 lớp mẫu giáo với 853 giáo viên và 20.403 cháu; có 259 trường phổ thông cơ sở (cấp 1 + 2), trong đó có 6.002 lớp cấp 1, với 6.354 giáo viên, 199.068 học sinh, cấp 2 có 1.549 lớp, với 2.419 giáo viên, 55.710 học sinh; phổ thông trung học toàn tỉnh có 14 trường, với 304 lớp, 497 giáo viên và 11.653 học sinh.

2. Năm học 1989 - 1990, toàn tỉnh có 707 lớp mẫu giáo với 890 giáo viên và 19.558 cháu; có 306 trường phổ thông cơ sở (cấp 1 + 2), trong đó có 6.197 lớp cấp 1, với 6.003 giáo viên, 198.510 học sinh, cấp 2 có 1.394 lớp, với 2.223 giáo viên, 50.708 học sinh; phổ thông trung học toàn tỉnh có 16 trường (tăng 2 trường so với các năm trước), 390 lớp, với 560 giáo viên và 10.859 học sinh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1989, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tiến hành quy hoạch lại các trường chuyên nghiệp và dạy nghề để việc đào tạo gắn với yêu cầu sử dụng. Tiến hành sáp nhập và giải thể một số trường chuyên nghiệp hiệu quả thấp như Trường Trung cấp Nông nghiệp, Trường Thủy lợi, giúp gọn nhẹ về tổ chức và nâng cao chất lượng. Đồng thời, mở rộng các trung tâm dạy nghề như Trường Công nhân xây dựng tỉnh và một số trung tâm ở các huyện để phục vụ yêu cầu đào tạo của địa phương. Mặt khác, tỉnh kiên quyết xóa bỏ bao cấp trong lĩnh vực đào tạo hệ không chính quy. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng như khai thác than bùn, sản xuất gốm sứ và sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu để ổn định đời sống và góp phần tăng thêm thu nhập cho nhân dân.

Năm 1990, nguồn ngân sách cho giáo dục tăng; đồng thời, tỉnh vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng trường học. Với phương châm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, tỉnh đầu tư hơn 8 tỷ đồng để xây dựng đủ phòng học cho cấp 1, cơ bản xóa lớp học ca 3, sửa chữa, nâng cấp, xây mới kiên cố và trang bị mới cho một số trường điểm<sup>1</sup>. Phấn đấu bảo đảm cho trẻ em đến tuổi đều được đi học, khuyến khích mở một số điểm trường hệ dân lập theo quy định của Bộ Giáo dục.

*Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, từ năm 1986, tỉnh quan tâm đầu tư kinh phí cho tuyến y tế cơ sở nên*

---

1. Năm học 1990 - 1991, toàn tỉnh có 752 lớp mẫu giáo, với 882 giáo viên và 22.116 cháu; có 324 trường phổ thông cơ sở (cấp 1 + 2), trong đó có 6.261 lớp cấp 1, với 6.182 giáo viên và 196.178 học sinh, cấp 2 có 1.165 lớp, với 2.953 giáo viên và 44.848 học sinh; phổ thông trung học toàn tỉnh có 16 trường, với 472 lớp, 837 giáo viên và 9.501 học sinh.

bước đầu mang lại kết quả tích cực. Mạng lưới y tế xã, phường có nhiều tiến bộ. Các bệnh viện tỉnh, huyện được tăng cường cơ sở vật chất và trang bị chuyên môn kỹ thuật. Chất lượng khám và điều trị được nâng lên. Tỉnh khánh thành và đưa vào sử dụng Khoa Nhi, Bệnh viện Hữu Nghị. Bệnh viện mới của huyện Thạnh Hưng đưa vào sử dụng Khoa Cấp cứu, tăng được 100 giường bệnh. Huyện Tháp Mười xây dựng mới cho mỗi xã 1 trạm y tế kiên cố. Tỉnh và các huyện, thị xã mở rộng liên kết và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, Hội những người Việt Nam ở nước ngoài để phát triển y tế<sup>1</sup>.

Đến năm 1987, tỉnh và các huyện tiếp tục đầu tư xây dựng các cơ sở y tế tuyến xã, phường, tăng thêm thuốc để chữa trị bệnh, nhất là chú ý đến công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình kế hoạch hóa dân số... Tuy nhiên, tỷ lệ phát triển dân số còn ở mức cao (2,12%). Một số bệnh viện, trạm xá thiếu thuốc điều trị, thiếu bác sĩ và phương tiện đi lại. Một số huyện thực hiện tốt chính sách cải tạo y dược, tranh thủ được một số tổ chức quốc tế, tổ chức Việt kiều viện trợ thuốc, y cụ cho các cơ sở y tế, các huyện như Tháp Mười, Cao Lãnh, Thạnh Hưng và thị xã Sa Đéc thực hiện tốt phương châm “lấy dược để phát triển y”, góp phần chữa trị bệnh và tạo điều kiện chăm sóc

---

1. Toàn tỉnh đến năm 1986 đã có 134 cơ sở y tế, trong đó có 9 bệnh viện, 113 trạm y tế xã, với tổng số 2.358 giường bệnh (bình quân 17,5 giường/1 vạn dân). Số cán bộ y tế năm 1986 cũng tăng khá, với tổng số là 1.544 người; trong đó có 92 bác sĩ, 508 y sĩ (bình quân 4,5 y, bác sĩ/1 vạn dân). Hoạt động y tế: trong năm, ngành đã khám, trị bệnh cho 1.129.000 lượt người; trong đó điều trị nội trú cho 58.572 lượt người.

khỏe cho nhân dân tốt hơn<sup>1</sup>. Tuy nhiên, tỉnh chưa có phong trào quần chúng tham gia công tác y tế như phong trào chăm sóc sức khỏe ban đầu, phong trào tiêm chủng mở rộng..., chưa kết hợp tốt giữa Tây y và y học dân tộc cổ truyền. Chưa phối hợp chặt chẽ giữa ngành y tế và Hội Chữ thập đỏ, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các tổ chức quần chúng khác. Các bệnh viện còn nhiều khó khăn như thiếu bác sĩ, thiếu giường bệnh, thiếu thuốc, bệnh viện các tuyến vẫn trong tình trạng quá tải...

Năm 1988, ngành y tế có nhiều cố gắng trong việc tập trung chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tỉnh tiếp tục đầu tư cho phát triển mạng lưới y tế cơ sở, từng bước mở rộng và hoàn thiện các cơ sở y tế cấp xã và một số cơ sở y tế liên tập đoàn, hợp tác xã nông nghiệp. Ở các vùng sâu, tỉnh xây dựng một số bệnh viện khu vực như bệnh viện đa khoa Tháp Mười, Thạnh Hưng<sup>2</sup>.

Đến năm 1989, cơ bản xây dựng xong các hạng mục chính của Bệnh viện Hữu Nghị ở thị xã Cao Lãnh với tổng vốn đầu tư

---

1. Năm 1987, toàn tỉnh có 139 cơ sở y tế, trong đó có 9 bệnh viện, 115 trạm y tế xã, bình quân 1 cơ sở y tế/1 vạn dân, với tổng số 2.643 giường bệnh (bình quân 19 giường/1 vạn dân); số cán bộ y tế năm 1987 cũng tăng, với tổng số 1.577 người, trong đó có 103 bác sĩ, 533 y sĩ (bình quân 4,6 y, bác sĩ/1 vạn dân). Trong năm, ngành y tế tỉnh đã khám và trị bệnh cho 1.125.000 lượt người, trong đó điều trị nội trú là 61.611 lượt người.

2. Năm 1988, toàn tỉnh có 149 cơ sở y tế, trong đó có 9 bệnh viện, 124 trạm y tế xã, với tổng số 2.681 giường bệnh (bình quân 18,9 giường/1 vạn dân). Số cán bộ y tế năm 1988 của tỉnh tăng khá, với tổng số 1.737 người (tăng 160 người so với năm 1987), trong đó có 138 bác sĩ, 640 y sĩ (bình quân 5,5 y, bác sĩ/1 vạn dân). Năm 1988, ngành y tế tỉnh đã khám và chữa trị bệnh cho 781.080 lượt người, trong đó điều trị nội trú cho 75.606 lượt người.

là 1,2 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 300 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 900 triệu đồng. Hoàn thành việc xây dựng 2 bệnh viện Hồng Ngự và Cao Lãnh, 4 khu trung tâm kế hoạch hóa gia đình. Ngoài ra, còn xây dựng một số trạm xá kiên cố và bán kiên cố ở các xã vùng kinh tế mới<sup>1</sup>.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về triển khai Pháp lệnh dân số, năm 1990, toàn tỉnh tập trung chỉ đạo và thực hiện chương trình sinh đẻ có kế hoạch. Kết quả, đến hết năm 1990, tỷ lệ sinh trong tỉnh hạ xuống còn dưới 1,9%, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cũng trong năm 1990, tỉnh đầu tư xây dựng 3 trung tâm kế hoạch hóa gia đình tại các xã vùng kinh tế mới ở ba huyện Tam Nông, Tháp Mười và Cao Lãnh, với tổng số vốn là trên 300 triệu đồng<sup>2</sup>. Ngoài ra, tỉnh còn đầu tư trên 1 tỷ đồng để củng cố các trạm y tế, nhà hộ sinh và cấp đủ thuốc, tăng cường cán bộ chuyên môn cho tuyến xã. Đồng thời, tổ chức nhiều lớp học nhằm đào tạo đội ngũ thầy thuốc Đông,

---

1. Toàn tỉnh năm 1989 có tổng số 159 cơ sở y tế, trong đó có 11 bệnh viện (tăng 2 bệnh viện là Hồng Ngự và Cao Lãnh), 132 trạm y tế xã, với tổng số 2.261 giường bệnh (bình quân 16,3 giường/1 vạn dân). Số cán bộ y tế năm 1989 giảm mạnh (215 người) so với năm 1988, tổng số 1.522 người, trong đó có 178 bác sĩ (tăng 40 người so với năm 1988), 554 y sĩ (giảm 86 người so với năm 1988), bình quân 5,4 y, bác sĩ/1 vạn dân. Trong năm 1989, ngành y tế tỉnh đã khám và chữa trị bệnh cho 654.510 lượt người, trong đó điều trị nội trú cho 59.350 lượt người.

2. Năm 1990, tỉnh Đồng Tháp có tổng số 161 cơ sở y tế, trong đó có 11 bệnh viện, 134 trạm y tế xã, với tổng số 2.346 giường bệnh (bình quân 18 giường/1 vạn dân). Số cán bộ y tế năm 1990 của tỉnh tăng mạnh (858 người) so với năm 1989, tổng số là 2.380 người, trong đó có 193 bác sĩ, 999 y sĩ, bình quân 8,6 y, bác sĩ/1 vạn dân. Trong năm 1990, ngành y tế toàn tỉnh đã khám và chữa trị bệnh cho 488.325 lượt người, trong đó điều trị nội trú cho 53.748 lượt người.



Tây y kết hợp với phát triển các bài thuốc chữa trị bệnh theo phương pháp gia truyền, y học cổ truyền và Đông, Tây y kết hợp cho hàng chục ngàn bệnh nhân trong tỉnh. Trong năm, tỉnh chủ yếu sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách do hai công ty được nộp để trả kinh phí cho ngành y tế, nhờ vậy hoạt động của ngành y tế phát triển hơn, không còn tình trạng nợ lương. Cũng từ năm 1990, ngành y tế tiến hành thu viện phí đồng loạt trong toàn tỉnh để giảm bớt mức độ bao cấp của Nhà nước ở các bệnh viện, tạo thêm nguồn kinh phí bổ sung cho phát triển, nâng cấp ngành y tế, tạo điều kiện phục vụ khám, chữa bệnh tốt hơn cho nhân dân.

Nhìn chung, từ năm 1986 đến năm 1990, tỉnh đã quan tâm đầu tư cho ngành y tế về cơ sở vật chất và nguồn lực con người, nhất là y tế cơ sở. Do đó, chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng lên một bước. Bên cạnh đó, hai công ty được ngày càng phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu về thuốc. Tuy nhiên, trong điều kiện tỉnh còn nhiều khó khăn, tình trạng thiếu giường bệnh, thiếu thuốc chữa bệnh và đội ngũ y, bác sĩ, vấn đề nợ lương còn phổ biến.

*Phong trào thể dục thể thao* có bước chuyển biến mới. Năm 1986, tỉnh đã giành được một số kỷ lục toàn quốc trong các môn thể thao như: điền kinh, cờ quốc tế, bơi lội. Đội bóng đá trẻ của tỉnh được củng cố, thi đấu đạt kết quả cao. Tại thị xã Sa Đéc và Cao Lãnh, thành lập được các câu lạc bộ sức khỏe, phong trào rèn luyện thân thể theo phương pháp dưỡng sinh của người lớn tuổi phát triển và có hiệu quả thiết thực. Môn thể dục nhịp điệu được các huyện, thị xã quan tâm phát triển, thu hút đông đảo thanh niên, học sinh tham gia. Đến năm 1988, các phong trào tiếp tục duy trì và phát triển tốt ở

các địa phương, trường học, nhất là trong đội ngũ công nhân viên chức. Đội bóng đá của tỉnh được quan tâm đầu tư đúng mức, nên bước đầu đã giành được những thành tích đáng ghi nhận (vô địch giải A1 quốc gia năm 1989). Đặc biệt, đến năm 1990, phong trào thể dục thể thao phát triển mạnh mẽ, việc rèn luyện thân thể đã trở thành nếp sống của đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên, thể dục nhịp điệu tiếp tục được quan tâm phát triển với đối tượng chủ yếu là thanh, thiếu niên. Các đội thể thao chuyên nghiệp của tỉnh, huyện, thị xã được quan tâm củng cố về chất lượng, chuyên môn và đạo đức. Đồng thời, mở các lớp năng khiếu trẻ, tạo nguồn dự bị cho tỉnh trong các môn như bóng đá, điền kinh, bơi lội, cờ vua... Bên cạnh đó, đã hình thành và phát triển một số môn mới như đấu vật, cử tạ, đua xe đạp...

*Về đời sống nhân dân*, từ năm 1986 đến năm 1990, do được tỉnh tập trung đầu tư mở rộng phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp nên đời sống nhân dân trong tỉnh nói chung từng bước được ổn định và cải thiện, trong đó có người dân ở vùng sâu Đồng Tháp Mười. Nhiều hộ mua sắm được phương tiện nghe, nhìn, đi lại, xây nhà kiên cố và bán kiên cố, một số gia đình chính sách, cán bộ, nhân dân gặp khó khăn được giúp đỡ về nhà ở, vốn sản xuất và tạo thêm việc làm. Phong trào xây Nhà tình nghĩa được đẩy mạnh, có tác động tốt trong nhân dân.

Đời sống của đội ngũ giáo viên trong tỉnh từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, nhiều địa phương do khó khăn về kinh phí, nhất là về tiền mặt nên không thể chi trả lương kịp thời (có nơi nợ lương hai, ba tháng), làm cho đời sống đội ngũ giáo viên vốn đã khó lại càng khó khăn hơn. Tuy đã có nhiều cố gắng,

nhưng tỉnh vẫn chưa có chính sách thỏa đáng, lâu dài để khuyến khích giáo viên vào vùng sâu dạy học, do đó, giáo viên ở vùng sâu, vùng xa vẫn còn thiếu nghiêm trọng (nhất là giáo viên cấp 1), trong khi ở thị xã, thị trấn lại dư thừa nhiều.

Tiền lương và đời sống của đội ngũ cán bộ công chức khu vực hành chính sự nghiệp và một số đơn vị sản xuất gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là do tình hình chung còn nhiều bất cập, chưa hợp lý trong chế độ tiền lương giữa các ngành và các đơn vị, chưa thể hiện rõ nguyên tắc phân phối theo lao động. Tình hình trượt, mất giá nhanh của đồng tiền kết hợp với mức tiền lương cao hay thấp chưa gắn liền với kết quả lao động và mức đóng góp cho xã hội... cũng là nguyên nhân làm cho đời sống của cán bộ, công nhân viên chức gặp nhiều khó khăn.

### 3.2. Công tác quốc phòng - an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV và Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh quốc gia và nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, từ năm 1986, tỉnh Đồng Tháp thực hiện nhất quán, lâu dài là quy hoạch phát triển kinh tế phải kết hợp với an ninh - quốc phòng, nhất là khu vực biên giới kết hợp với bố trí dân cư để xây dựng mạng lưới an ninh, để tổ chức lực lượng dân quân tự vệ, mặt khác, phải dựa vào các tổ chức thích hợp như tập đoàn sản xuất, xóm ấp, khu phố để xây dựng, phát triển mạng lưới giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội từ cơ sở. Từ đó, các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức an ninh, dân quân tự vệ đã có nhiều cố gắng trong tuyên truyền ý thức bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, công tác huấn luyện cũng được

chú trọng góp phần thực hiện tốt công tác quốc phòng - an ninh nhân dân ở địa phương. Tuy nhiên, ở một số nơi, các cấp từng lúc còn xem nhẹ, buông lỏng công tác giáo dục luật pháp và ý thức bảo vệ Tổ quốc cho người dân nên còn để kẻ xấu lợi dụng, kích động làm trái, vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến tình hình an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Nhờ sự nỗ lực của các cấp, các ngành nên công tác tuyển quân năm 1986 trong toàn tỉnh đạt chỉ tiêu. Tuy nhiên, do việc tuyên truyền, giáo dục làm chưa đến nơi đến chốn, công tác tuyển quân chưa công bằng, vấn đề giải quyết đời sống cho số thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự chưa tốt, nên chất lượng đạt chưa cao. Tỷ lệ quân giao trả về hơn 37%, chủ yếu vì lý do sức khỏe. Lực lượng dân quân tự vệ đã tổ chức được 7,5% so với dân số, gần đạt chỉ tiêu phấn đấu của tỉnh, song chất lượng còn thấp, do chưa được huấn luyện thường xuyên, cán bộ khung lãnh đạo luôn xáo trộn, thay đổi.

Năm 1987, công tác an ninh - quốc phòng có bước chuyển biến tích cực. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, đoàn thể tập trung lãnh đạo thực hiện phong trào toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tham gia công tác an ninh - quốc phòng bằng các hình thức giáo dục, tuyên truyền rộng rãi, phong phú. Bước đầu thực hiện có hiệu quả mô hình kinh tế kết hợp với quốc phòng, trấn áp kịp thời những âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng của địch ở nội địa, biên giới và làm tốt nghĩa vụ quốc tế giúp cách mạng Campuchia. Ngày 16/5/1987, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 03-NQ/TU về *nhiệm vụ quân sự địa phương trong thời gian tới*. Nghị quyết đề ra mục tiêu là: “Phải tạo sự chuyển biến mới về nhận thức từ các cấp ủy đảng đến quần chúng về hai nhiệm vụ chiến lược. Giáo dục và

quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế. Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng đấu tranh chống tiêu cực và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Làm cho mọi người nhận thức về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc và địa phương”. Ngày 01/6/1987, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 18 của Tỉnh ủy về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Hội nghị chỉ rõ: “Nhìn chung, từ khi có Nghị quyết số 18-NQ/TU của Tỉnh ủy đến nay, việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh có bước tiến bộ nhất định, gây được phong trào “toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm quốc phòng” ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu chống phá cách mạng của địch ở nội địa, ở biên giới và góp phần làm tốt nghĩa vụ quốc tế với nước bạn Campuchia”.

Ngày 30/7/1987, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 02-NQ/TW về nhiệm vụ quốc phòng trong thời gian tới thể hiện sự đổi mới tư duy về chiến lược quân sự - quốc phòng bảo vệ Tổ quốc. Nội dung chính của Nghị quyết số 02-NQ/TW và các nghị quyết của Đảng ủy quân sự Trung ương thể hiện những quan điểm lớn sau: rút toàn bộ quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu trên chiến trường Campuchia về nước; điều chỉnh, bố trí chiến lược, rút các đơn vị chủ lực trên dãy phòng ngự sát biên giới Việt - Trung lui về củng cố vững chắc dãy phòng ngự cơ bản (cách biên giới Việt - Trung trên dưới 20km). Điều Quân đoàn 3 từ miền Bắc vào Tây Nguyên bố trí làm nhiệm vụ dự bị chiến lược; giảm mạnh lực lượng quân đội thường trực, củng cố lại

lực lượng dân quân tự vệ; kiện toàn lực lượng dự bị động viên. Giải thể các tổ chức lực lượng không còn phù hợp<sup>1</sup>. Thay đổi học thuyết chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ “Quyết tâm đánh thắng quân địch trên tuyến đầu, trận đầu và thời kỳ đầu bằng phương thức tác chiến chính quy hiệp đồng quân binh chủng hiện đại” sang “Tổ chức phòng thủ khu vực trong thế trận chiến tranh nhân dân phát triển cao. Đánh địch theo nghệ thuật quân sự và cách đánh truyền thống của ta, đánh địch bằng vũ khí hiện có và thu vũ khí địch để đánh lại địch”. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc. Dưới khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) là khu vực phòng thủ huyện (quận, thị). Xác lập cơ chế: Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu, chỉ huy trưởng quân sự tỉnh (huyện, quận, thị) chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang địa phương. Bí thư tỉnh (thành) ủy là bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp, chủ tịch ủy ban nhân dân, giám đốc (trưởng) công an, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra kế hoạch tỉnh (huyện) tham gia đảng ủy quân sự cùng cấp.

---

1. Quân đội thường trực những năm 1981 - 1985 chiếm 1,7% dân số cả nước. Đến cuối năm 1990, giảm được 640 ngàn người (bằng 55% tổng quân số giai đoạn 1981 - 1985). Có 6 triệu dân quân tự vệ, bằng 10,7% dân số cả nước, giảm còn 1.782.000 người, bằng 2,8% dân số cả nước. Giải thể 2 quân đoàn trực thuộc Quân khu 1 (Quân đoàn 14 và 29), 5 mặt trận (379, 479, 579, 779, 979), 30 sư đoàn bộ binh, 5 trung đoàn và 4 tiểu đoàn pháo binh.

Mặt trận là một tổ chức lâm thời của quân đội lúc bấy giờ, có lực lượng và nhiệm vụ đảm trách lớn hơn quân đoàn nhưng nhỏ hơn quân khu. Cụ thể ví dụ: đội hình của mặt trận lúc bấy giờ có 4 sư đoàn bộ binh (Sư đoàn 330, 339, Sư đoàn 4, Sư đoàn 8), Lữ đoàn 950 lính thủy đánh bộ, 5 đoàn quân sự (mỗi đoàn quân sự tương đương 1 lữ đoàn) và các trung đoàn, lữ đoàn binh chủng trực thuộc.

Chấp hành Nghị quyết số 02-NQ/TW và những chỉ đạo nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Đảng ủy quân sự tỉnh Đồng Tháp, trực tiếp là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh nội dung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, ủy nhiệm cho Đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ kể trên.

Bên cạnh đó, các cấp ủy, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp đã làm tốt việc kết hợp tổ chức đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng với quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW của Bộ Chính trị, giáo dục và tuyên truyền rộng rãi các quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, đặc biệt là trong thanh, thiếu niên. Nâng cao ý thức giác ngộ trong thanh niên về quyền lợi và nghĩa vụ, tự giác thi hành luật nghĩa vụ quân sự.

Lãnh đạo các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp tục tuyên truyền sâu rộng, giáo dục nhân dân về Bộ luật Hình sự, trước mắt là đối với các cơ quan nhà nước, các cơ quan trực tiếp thi hành pháp luật. Đồng thời, phổ biến sâu rộng Luật Hôn nhân và gia đình, củng cố các tổ chức hòa giải ở xã. Ngăn chặn, giảm bớt những hành động vi phạm quyền tự do dân chủ của quần chúng cũng như nạn rượu chè say sưa, quậy phá. Các cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện, trừng trị các đối tượng đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả.

Song, nhìn chung, trật tự xã hội năm 1987 vẫn chưa tốt, các hiện tượng phạm pháp, tệ nạn tiêu cực xã hội có chiều hướng gia tăng. Việc tổ chức bồi dưỡng ý thức về hai nhiệm

vụ chiến lược, nhất là ý thức đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chưa được nâng lên. Chưa có kế hoạch, biện pháp cụ thể phòng ngừa, ngăn chặn những âm mưu phá hoại của địch và các phần tử xấu. Việc tổ chức thi hành pháp luật ở các cấp vẫn chưa tốt, có nhiều vụ việc xử lý không đúng nguyên tắc, không thi hành đúng các quyết định của cấp trên, các đơn từ tố cáo, khiếu nại của nhân dân giải quyết chưa tốt, còn ứ đọng nhiều, gây tâm lý lo ngại, giảm niềm tin trong một bộ phận nhân dân.

Từ năm 1988, thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 26/9/1988 của Tỉnh ủy về *nhiệm vụ bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới*, công tác an ninh - quốc phòng của tỉnh được lãnh đạo thực hiện trên cơ sở dựa vào quy hoạch phát triển chung của nền kinh tế - xã hội. Trên cơ sở phát triển kinh tế, bố trí dân cư để xây dựng mạng lưới an ninh, tổ chức lực lượng dân quân tự vệ theo các tổ chức thích hợp như tập đoàn sản xuất, xóm ấp, khu phố... để giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội từ cơ sở. Đồng thời, quán triệt và nghiêm túc thực hiện phương châm quy hoạch xây dựng phát triển kinh tế phải có sự kết hợp chặt chẽ với quốc phòng và an ninh, nhất là ở các huyện biên giới như Hồng Ngự và Tân Hồng. Phương châm lâu dài là lấy việc xây dựng, phát triển kinh tế vững mạnh, đời sống nhân dân ổn định làm tiền đề, là điều kiện bảo vệ cho giữ vững an ninh - quốc phòng.

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị về *nhiệm vụ quốc phòng trong thời gian tới*, tại kỳ họp thứ chín Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh từ ngày 27 đến ngày 29/9/1988, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về *công tác quốc phòng năm 1988 và đến năm 1990*. Nghị quyết chỉ rõ:



Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác câu kết với bọn phản động ở trong nước âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam bằng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, nhất là phá hoại về kinh tế. Riêng ở tỉnh ta, bọn tình báo, gián điệp do các thế lực đế quốc cài lại xây dựng cơ sở, đang tích cực nhen nhóm và hoạt động. Bọn phản động đội lốt tôn giáo cũng đang tìm mọi cách để hoạt động chống phá. Các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội chưa giảm, đang là điều kiện để cho địch lợi dụng tuyên truyền chống phá phục vụ mưu đồ của chúng.

Xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trước mắt cũng như trong những năm sắp tới, Nghị quyết số 09-NQ/TU xác định một số chủ trương, biện pháp lớn năm 1990 là: Quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng bộ, nhân dân, lực lượng vũ trang trong tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước xây dựng địa bàn tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc về mọi mặt. Tích cực xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân chuẩn bị thể trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đồng thời có kế hoạch xây dựng biên giới Đồng Tháp - Prey Veng vững mạnh toàn diện, trước mắt thực hiện tốt yêu cầu chống xâm nhập tình báo, các toán vũ trang và bọn buôn lậu. Xây dựng kinh tế - quốc phòng gắn với bảo đảm an ninh, tạo giao thông, địa hình dân cư.

Do quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 09-NQ/TU cũng như các chủ trương, biện pháp cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh nên tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh năm 1988 được giữ vững, bảo vệ toàn vẹn tuyến biên giới trong

tình hình có nhiều diễn biến phức tạp. Việc giải quyết các vụ án tồn đọng, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của các ngành, các cấp có nhiều tiến bộ. Đặc biệt, năm 1988, Tỉnh ủy lãnh đạo các địa phương chấp hành tốt, đầy đủ chỉ tiêu tuyển quân và lãnh đạo thực hiện tốt kế hoạch rút quân tình nguyện Việt Nam từ Campuchia về nước.

Tuy nhiên, công tác an ninh - quốc phòng năm 1988 cũng còn một số hạn chế: Các cấp, các ngành có những lúc buông lỏng công tác giáo dục luật pháp về thực hiện an ninh - quốc phòng, về âm mưu thâm độc lâu dài của các thế lực thù địch, về ý thức bảo vệ Tổ quốc của nhân dân... nên kẻ xấu đã tìm cách lợi dụng, kích động làm các việc sai trái, xuyên tạc, chống phá chính quyền. Mặt khác, một số địa phương chưa giáo dục tốt ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lực lượng dân quân tự vệ ít được quan tâm, huấn luyện chưa tốt, thừa kiện tiếp tục gia tăng, nhất là những tồn đọng trong giải quyết tranh chấp đất đai, trong cải tạo nông nghiệp và công thương nghiệp.

Để đánh giá tổng quát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 29/3/1989 *Kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới*. Đối với quốc phòng - an ninh, Nghị quyết nêu rõ: “Giáo dục toàn Đảng, toàn dân ý thức thường xuyên cảnh giác, đấu tranh chống mọi âm mưu và hành động phá hoại, “diễn biến hòa bình” của địch. Có quy chế nghiêm ngặt bảo vệ nội bộ, giữ gìn bí mật quốc gia”<sup>1</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.49, tr.622.

Năm 1989, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm lãnh đạo và tổ chức phong trào “Toàn dân tham gia giữ gìn trật tự”, nên an ninh chính trị ổn định, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và phòng, chống có hiệu quả các hoạt động của các đối tượng do thám, tình báo, gián điệp và phản động ở địa phương, nhất là đề cao cảnh giác chống các đối tượng xâm nhập qua biên giới. Có thời điểm tình hình diễn biến phức tạp, một số kẻ xấu lợi dụng việc mở rộng dân chủ của Đảng và Nhà nước để tìm cách truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản, gây hoang mang, chia rẽ trong dân, hòng phá hoại chính sách mở cửa, hội nhập của Nhà nước. Tiêu biểu là hoạt động của các tổ chức tôn giáo với yêu sách đòi khôi phục lại các tổ chức giáo hội, đòi phong chức, đòi mở trường đào tạo..., đáng chú ý là việc lợi dụng dân chủ để vận động tín đồ thực hiện các âm mưu, ý đồ của bọn phản động đội lốt tôn giáo, hoặc thông qua hoạt động nhân đạo, lợi dụng các tổ chức xã hội như Hội Chũ thập đỏ, tổ thuốc Nam, hoạt động từ thiện để tranh thủ ảnh hưởng, nắm quần chúng. Mặt khác, lực lượng tình báo nước ngoài nhân cơ hội lợi dụng danh nghĩa Việt kiều về thăm quê hương, hoạt động với danh nghĩa viện trợ nhân đạo tìm kiếm hợp tác đầu tư vào địa bàn tỉnh. Mặc dù tỉnh đã quán triệt và chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động của những đối tượng này, tuy nhiên, công tác quản lý đối tượng gặp nhiều khó khăn và sơ hở.

Phong trào quốc phòng toàn dân có sự chuyển biến tích cực. Bước đầu đã hình thành được thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố được khu vực phòng thủ, nhất là đối với tuyến

biên giới và có khả năng đối phó với mọi tình huống khi có chiến tranh xảy ra.

Đến giữa năm 1989, Tỉnh ủy và 11 huyện ủy, thị ủy hoàn thành việc xác lập cơ chế lãnh đạo và vận hành theo cơ chế Nghị quyết số 02-NQ/TW. Đồng chí Nguyễn Thế Hữu, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương, Bí thư Tỉnh ủy giữ chức Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh. Đồng chí Nguyễn Xuân Trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Võ Thái Hòa, Giám đốc Công an tỉnh; và đồng chí Trương Sơn, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh tham gia Đảng ủy Quân sự tỉnh. Điều động biệt phái Đại tá Lưu Thành Trung, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Thiếu tá Nguyễn Hoài Nhân, Phó ban Tác chiến sang Ủy ban Kế hoạch tỉnh. Đại tá Lưu Thành Trung đảm nhận nhiệm vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch kiêm Trưởng phòng I (Phòng động viên quốc phòng).

Đến cuối năm 1989, tại thị trấn huyện Hồng Ngự (nay là thị xã Hồng Ngự), Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện các ban, ngành, đoàn thể tỉnh cùng đông đảo người dân tỉnh Đồng Tháp thay mặt Đảng bộ và nhân dân 8 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long thuộc Quân khu 9<sup>1</sup> tổ chức trọng thể Lễ đón rước Binh đoàn 98 - quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu giúp bạn trên chiến trường Campuchia rút quân về nước theo đường sông Mê Kông. Sư đoàn 339 là đơn vị đã từng sát cánh với quân, dân Đồng Tháp đánh đuổi quân Pôn Pốt xâm chiếm biên giới Hồng Ngự và Lữ đoàn 25

---

1. Tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Cửu Long (Vĩnh Long - Trà Vinh), An Giang, Hậu Giang (thành phố Cần Thơ - tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang), Minh Hải (Bạc Liêu - Cà Mau), Kiên Giang.

Công binh thuộc Binh đoàn 98 được cấp trên bố trí đứng chân trên địa bàn tỉnh nhà. Bên cạnh công tác quốc phòng, hoạt động của các cơ quan, ngành chức năng như: Công an, tư pháp, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra... theo tinh thần Chỉ thị số 135-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được tăng cường và có nhiều tiến bộ. Công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong các cơ quan nhà nước và nhân dân về thi hành các luật, về sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật... cũng được tổ chức thường xuyên và duy trì tốt. Tuy nhiên, tình hình trật tự, an toàn xã hội còn diễn biến khá phức tạp, nạn trộm cướp, cờ bạc, mại dâm, lưu manh, chơi hụi, giết hụi... chưa giảm, có nơi còn tăng mạnh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và của các cấp chính quyền, nhiều địa phương trong tỉnh đã có những chỉ đạo, tổ chức phong trào quần chúng tham gia đấu tranh chống phá tội phạm, bài trừ các tệ nạn tiêu cực xã hội, nhưng kết quả chưa cao. Còn hiện tượng quần chúng, kể cả một số cán bộ, đảng viên ở một số địa phương chấp hành luật pháp chưa nghiêm, chưa được lên án và xử lý kiên quyết.

Do tình hình chính trị ở Campuchia diễn biến khá phức tạp, nhiều Việt kiều lo sợ chạy về nước, tỉnh đã chỉ đạo các huyện biên giới Hồng Ngự, Tân Hồng có kế hoạch, chủ động sắp xếp, đón tiếp, giúp Việt kiều sớm ổn định nơi ăn ở, tạo dựng cuộc sống mới. Tuy nhiên, do đa phần dân Việt kiều chạy về làm nghề buôn bán, cuộc sống không ổn định nên việc tạo dựng cuộc sống và công tác quản lý, giữ gìn an ninh, trật tự gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp.

Trong công tác giải quyết tranh chấp ruộng đất, ngày 28/4/1989, Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo giải quyết tranh chấp



Đoàn chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước



Đoàn chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước

ruộng đất ở nông thôn, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, 1 đồng chí Phó ban và 5 đồng chí thành viên. Ban Chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các ngành, các cấp đề ra những giải pháp thông thoáng, kết hợp tập trung giải quyết, nên đã cơ bản giải quyết được các vụ thừa kiện, khiếu nại của nhân dân. Các huyện tổ chức thực hiện đồng loạt việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho dân, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội ở các địa phương.

Năm 1989 - 1990, tình hình ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu diễn biến phức tạp, có nhiều biến động lớn. Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW, số 07-NQ/TW, Chỉ thị số 60-CT/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 135-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết số 08, số 09 của Tỉnh ủy... các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo học tập, tuyên truyền sâu rộng trong nội bộ Đảng cũng như toàn dân. Kết quả, bước đầu làm thông suốt tư tưởng nội bộ và nhân dân về tình hình hiện tại và những diễn biến sắp tới ở Liên Xô và Đông Âu. Qua đó, tạo dựng ý thức đề cao cảnh giác, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân, bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh.

Những chuyển biến sâu rộng trong nhận thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc có bước tiến bộ. Công tác học tập chính trị, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quốc phòng được quan tâm thực hiện tốt. Cuộc kiểm tra thực hành phối hợp diễn tập ĐT 90 đạt kết quả tốt, củng cố niềm tin của

nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và việc bảo vệ an ninh chính trị trong tỉnh.

Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, năm 1990, các cấp chính quyền và các ngành chức năng tập trung lãnh đạo nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình buôn lậu qua biên giới. Trong năm, đã phát hiện 875 vụ buôn lậu, với tổng trị giá hàng hóa gần 10 tỷ đồng; xử lý, tịch thu 321 vụ với tổng hàng hóa trị giá trên 1,6 tỷ đồng. Các vụ còn lại xử lý thu thuế và phạt gần 7 tỷ đồng. Đồng thời, tỉnh đã chỉ đạo tiến hành kiểm tra đăng ký kinh doanh hơn 2.500 hộ, phát hiện xử lý truy thu và phạt thuế trên 700 triệu đồng, góp phần từng bước đưa hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng được Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo bằng các giải pháp cụ thể và có kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ, kiên quyết. Các địa phương, đơn vị cùng với các ngành chức năng vào cuộc tập trung giải quyết những điểm nóng, các vụ việc tồn đọng. Kết quả, đã xử lý hành chính 98 cán bộ, công nhân viên (có 63 đảng viên); xử lý bằng pháp luật 54 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa (tăng gấp đôi so với năm 1989); bắt giữ 48 người (có 23 đảng viên), thu hồi cho Nhà nước 4 tỷ đồng và 1.600 tấn vật tư. Tình hình tiêu cực trong xã hội nhìn chung chưa giảm, tập trung chủ yếu ở các dạng như lợi dụng sơ hở, lợi lỏng trong khâu quản lý để kéo dài thời gian chiếm dụng tiền hàng (khoảng 55% số vụ). Những vụ bị tư thương mua chuộc, lợi dụng, cố ý làm trái và lạm dụng sử dụng công quỹ lãng phí cũng được đấu tranh ngăn chặn, xử lý mạnh, nhưng chưa nhiều. Kết hợp với công tác phòng, chống tham nhũng, tỉnh đã củng cố tổ chức cho 14



đơn vị kinh doanh, chấn chỉnh hoạt động cho nhiều huyện, xã và tập đoàn sản xuất.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh năm 1990 vẫn còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Nguyên nhân chính là do sự quan tâm của các cấp ủy đảng, các ngành chức năng, kể cả quân chúng chưa được thường xuyên và chưa đúng mức. Bên cạnh đó, việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 240/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về công tác phòng, chống tham nhũng ở một số đơn vị cấp tỉnh và huyện còn chậm, chưa nghiêm túc. Khả năng xử lý, xét xử của các ngành nội chính còn chậm và yếu về nghiệp vụ. Nhiều đơn vị, địa phương xử lý tham nhũng không kết hợp chặt với thực hiện Kế hoạch số 454, tháng 6/1990 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, củng cố làm trong sạch đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng.

#### **4. Chú trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

##### *4.1. Chú trọng công tác xây dựng Đảng phục vụ sự nghiệp đổi mới*

Đồng thời với phát triển kinh tế, công tác xây dựng Đảng được Tỉnh ủy đặc biệt coi trọng và xác định là nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc đổi mới. Quán triệt quan điểm đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng trong 5 năm 1986 - 1990 là: Các cấp, các ngành phải tiếp tục xây dựng và củng cố Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường

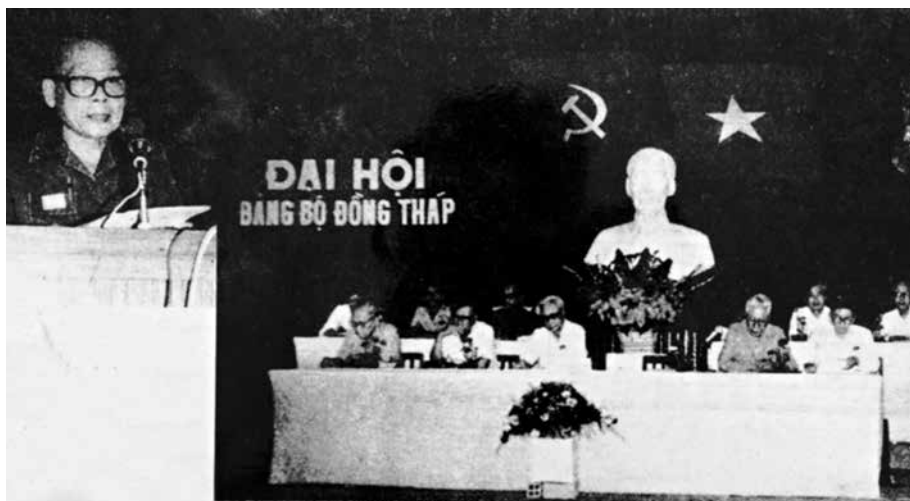
hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng và lấy việc phục vụ lợi ích của quần chúng làm mục tiêu phấn đấu. Các cấp đảng bộ phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ. Coi việc đổi mới là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IV gồm 59 đồng chí (46 ủy viên chính thức, 13 ủy viên dự khuyết). Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 16 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thế Hữu<sup>1</sup> được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Võ Hồng Nhân được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Thanh Phong được bầu làm Phó Bí thư; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí, đồng chí Võ Văn Đánh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy tổ chức các lớp nghiên cứu, học tập Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh. Qua học tập nghị quyết, đội ngũ cán bộ, đảng viên có bước chuyển biến mới về tư tưởng, nhận thức đúng hơn về “đổi mới nhưng không đổi màu”, chống đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập và hiểu rõ hơn về tình hình các mặt nói chung của đất nước, về những điểm mạnh, điểm yếu của địa phương, đơn vị và bản thân... từ đó, xác định trách nhiệm, tham gia có hiệu quả hơn trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện dân chủ hóa và công khai hóa.

---

1. Đồng chí Nguyễn Thế Hữu, nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được Đại hội bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng chí được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV

Kết quả kiểm điểm, đánh giá sáu tháng đầu năm 1987, toàn tỉnh Đồng Tháp có 1/3 số cán bộ quản lý kinh tế sau khi được học tập, thực hiện nghị quyết các đại hội đã có sự nhận thức, đổi mới và phát huy tác dụng; 1/3 số cán bộ muốn đổi mới nhưng còn lúng túng về phương pháp, cách làm; 1/3 số cán bộ không muốn, không chịu đổi mới hoặc hô hào đổi mới nhưng muốn duy trì kéo dài chế độ tập trung quan liêu bao cấp ở địa phương, đơn vị hoặc bản thân mình.

Khi bước vào thực hiện đường lối đổi mới, tại tỉnh Đồng Tháp, còn không ít cán bộ, đảng viên chạy theo lợi ích vật chất, ít chú ý đến rèn luyện, tu dưỡng về lý tưởng cộng sản, về phẩm chất đạo đức; buông lỏng sự lãnh đạo đối với công tác văn hóa - xã hội. Ở một số địa phương, đơn vị, cấp ủy đảng, thủ trưởng chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa nhạy bén đổi mới tổ chức bộ máy, công tác tư tưởng chưa phù hợp với công cuộc đổi mới.

Để chấn chỉnh, khắc phục những yếu kém, tồn tại trên, Tỉnh ủy chủ trương kiên quyết sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn bộ máy để nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, đi đôi với mạnh dạn phân cấp quản lý cho huyện, thị và cơ sở. Ngày 14/12/1987, Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 06-CT/TU, chỉ đạo tiếp tục kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 34-NQ/TW của Bộ Chính trị. Nội dung cụ thể là: “Tỉnh lập Ban chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy. Ban này có nhiệm vụ lập kế hoạch, đề án tổ chức thực hiện việc sắp xếp các ngành cấp tỉnh, nghiên cứu phương án kiện toàn bộ máy các sở, ban ngành tỉnh và các huyện, thị trình Thường vụ Tỉnh ủy duyệt và theo dõi, từng thời gian có sơ kết việc tổ chức thực hiện. Đi sâu chỉ đạo điểm huyện Hồng Ngự, Sở Nông nghiệp, Sở Thương nghiệp để rút kinh nghiệm, đề xuất cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo chung”<sup>1</sup>.

Thông qua việc quán triệt và học tập Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ tỉnh nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên theo tinh thần Chỉ thị số 01-CT/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, nên nhận thức của cán bộ, đảng viên trong tỉnh về đường lối, chủ trương, quan điểm đổi mới có bước chuyển biến tích cực; việc kiện toàn tổ chức, bộ máy, bố trí lại đội ngũ cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp sau khi được quán triệt và học tập các nghị quyết Đại hội

---

1. Chỉ thị số 06-CT/TU, ngày 14/12/1987 của Tỉnh ủy về tiếp tục kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy.

Đảng bước đầu tạo được sự chuyển biến tốt. Trong lề lối làm việc, các cấp ủy đảng, chính quyền từng bước được chấn chỉnh, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đi đôi với việc kiện toàn tổ chức, bộ máy, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các ngành, huyện, thị xã tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; qua đó, bố trí, sắp xếp lại theo hướng đổi mới. Nhờ vậy, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và toàn Đảng bộ ngày càng được nâng lên, nhất là có sự chuyển biến về phong cách, tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm trước Đảng và quần chúng ngày càng được nâng cao. Việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự tiến bộ, góp phần động viên quần chúng tham gia thực hiện các chủ trương của Đảng, kế hoạch của Nhà nước tốt hơn. Công tác xây dựng đảng có chuyển biến cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhất là ở các đảng bộ cơ sở được tăng cường củng cố và chất lượng hoạt động được nâng lên. Năm 1987, đa số các đảng bộ cơ sở trong tỉnh được công nhận vững mạnh và ngày càng phát huy tốt vai trò lãnh đạo ở cơ sở.

Tiếp tục thực hiện chủ trương, kế hoạch sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, hiệu lực quản lý nhà nước, năm 1988, Tỉnh ủy đề ra chủ trương và lãnh đạo thực hiện giải thể, sáp nhập một số sở, ban, ngành, giảm 14 đầu mối trực thuộc tỉnh. Cấp huyện giảm từ 7 đến 10 phòng, ban. Tiến hành sắp xếp lại một số công ty kinh doanh có công việc trùng lặp, làm ăn kém hiệu quả, hoặc hình thành các công ty liên hiệp. Qua đó, giảm bớt gần 1.000 người ở các cơ quan hành chính tỉnh, huyện, thị và 511 người trong các đơn vị sản xuất kinh doanh. Đồng thời,

từng bước sắp xếp lại tổ chức ở xã, phường, chủ trương này bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, “Việc sắp xếp tổ chức, kiện toàn bộ máy của tỉnh làm còn chậm, không đồng bộ, gây thêm tâm lý băn khoăn ngóng chờ ở những đơn vị, ngành có yêu cầu nhập lại; từ đó cản trở đến việc sắp xếp ở các huyện, thị. Trong sắp xếp lại ở cấp huyện, thị có nơi chưa xác định rõ giữa chức năng quản lý nhà nước về mặt kinh tế với chức năng sản xuất kinh doanh (nhập phòng vào công ty, nhập đơn vị sự nghiệp với phòng làm một), dẫn đến tình trạng bỏ chức năng quản lý nhà nước hoặc chỉ loay hoay lo cho các đơn vị trực thuộc, không làm chức năng quản lý ngành, giúp các đơn vị, cơ sở cải tiến quản lý. Mặt khác, các cơ quan chức năng chưa đi sâu nghiên cứu, theo dõi về tổ chức hoạt động của các đơn vị mới tổ chức lại để tham mưu cho cấp ủy tiếp tục chỉ đạo, chấn chỉnh về cấu trúc quản lý, quan hệ quản lý cũng như bố trí cán bộ quản lý... nên hạn chế hiệu quả hoạt động của bộ máy, nhất là ở những đơn vị mới nhập lại”<sup>1</sup>.

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW của Ban Bí thư, năm 1988, công tác cán bộ trong tỉnh có sự chuyển biến tích cực. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên qua học tập, tiếp thu các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đều tỏ rõ quan điểm đồng tình, ủng hộ công cuộc đổi mới, có thái độ tích cực, vững vàng, phấn đấu vươn lên theo yêu cầu đổi mới. Trong 2 năm 1986 - 1988, với tinh thần đổi mới trong cách nhìn nhận, đánh giá cán bộ,

---

1. Báo cáo số 44-BC/TU của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp.

trẻ hóa cán bộ, tỉnh đã đề bạt, thay đổi 46 cán bộ trưởng, phó ngành tỉnh, 271 cán bộ trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị; giải quyết cho 163 cán bộ nghỉ hưu. Qua bố trí, sắp xếp lại, đa số cán bộ đều phát huy được năng lực, đảm đương tốt nhiệm vụ. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo từng bước thực hiện công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, khoa học kỹ thuật ở các cấp, các ngành.

Tuy nhiên, sau hơn 10 năm giải phóng, thực trạng đội ngũ cán bộ của tỉnh vẫn còn chắp vá; trình độ, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là trong thời kỳ đổi mới. Một số cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh đã tuổi cao, sức yếu, trong đó một số không thích ứng kịp với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ dự bị, kế cận còn mỏng, trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu. Nguyên nhân của tình hình trên là: “Do công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ chỉ có chức danh và số lượng, chưa có con người cụ thể, chưa quy hoạch được đội ngũ dự bị, kế cận. Một số nơi chưa làm tốt công tác dân chủ, công khai trong quy hoạch cán bộ. Quan điểm mới về công tác cán bộ, nhất là trong đánh giá chưa có sự nhất quán ở từng cấp từng ngành, còn định kiến, hẹp hòi, thiếu lòng tin. Việc quản lý cán bộ thiếu chặt chẽ, chưa nắm chắc phẩm chất, năng lực của từng cán bộ, chưa tạo điều kiện cho cán bộ hoàn thành nhiệm vụ, ít chú ý đến tâm lý, sở trường của mỗi cán bộ để phân công, bố trí nhiệm vụ thích hợp”<sup>1</sup>.

---

1. Báo cáo số 44-BC/TU của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội IV Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp.

Từ năm 1988, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, các chi bộ cơ quan hành chính sự nghiệp từng bước được củng cố theo hướng đổi mới, song chuyển biến còn chậm và chưa đều. Toàn Đảng bộ vẫn còn hơn 10% đơn vị yếu kém kéo dài, xác định nhiệm vụ chưa rõ. Nguyên nhân chủ yếu là do cấp ủy những nơi này chưa làm đúng chức năng quản lý và lãnh đạo. Công tác phát triển đảng viên có bước chuyển biến tích cực, năm 1988, toàn Đảng bộ tỉnh phát triển gần 1.000 đảng viên (tăng 25% so với năm 1986). Đa số đảng viên mới còn trẻ, có trình độ văn hóa từ trung học cơ sở trở lên, nhiệt tình cách mạng và đi đầu trong công cuộc đổi mới. Số đảng viên phát triển trong các đơn vị y tế, giáo dục chỉ đạt 4%, bằng 20% chỉ tiêu kế hoạch tỉnh đề ra.

Một thực tế khách quan tồn tại, đó là vẫn còn không ít đảng viên có đạo đức tốt, nhiệt tình cách mạng nhưng hạn chế về trình độ văn hóa, kiến thức quản lý, khoa học kỹ thuật và tuổi tác, điều kiện sức khỏe nên không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công cuộc đổi mới. Một số đảng viên vẫn còn tư tưởng của thời bao cấp, không chịu đổi mới, hoặc lợi dụng đổi mới để vụ lợi cá nhân, không gương mẫu chấp hành nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm tổn hại đến uy tín của Đảng nhưng vẫn chưa được xử lý kiên quyết. Trong 2 năm 1987 - 1988, đã xử lý kỷ luật 646 đảng viên (có 14 người từ huyện ủy viên trở lên), trong đó, đưa ra khỏi Đảng 293 đảng viên (có 5 huyện ủy viên trở lên). Về tính chất vi phạm kỷ luật: có 55% vi phạm nguyên tắc tổ chức, sa sút ý chí chiến đấu, 20% vi phạm pháp luật, chủ trương, chính sách, 22% thoái hóa, biến chất trong lối sống.



Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU của Tỉnh ủy, năm 1988, toàn Đảng bộ có 459/549 chi bộ, đảng bộ tổ chức triển khai và có 6.401/9.259 đảng viên tham dự các đợt quán triệt thực hiện công tác kiểm tra của Đảng. Qua kiểm tra có 332 chi bộ, đảng bộ xây dựng được chương trình kế hoạch kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và có 5.695 đảng viên đăng ký phấn đấu thực hiện.

Năm 1989, khi được Tỉnh ủy triển khai học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, cùng với thực hiện Nghị quyết số 10, số 11 của Tỉnh ủy, các ngành, các cấp đã có những chương trình, văn bản cụ thể hóa hướng dẫn các cấp ủy, địa phương từng bước lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội đạt hiệu quả. Đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn đầu năm 1989, nhất là quán triệt 5 nguyên tắc đổi mới của Nghị quyết Trung ương 6<sup>1</sup>, giúp củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng.

---

1. “Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta... Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta... Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân... Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội... Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới”. (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.49, tr.590-592).

Nhằm ổn định tình hình và thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TW của Bộ Chính trị về *đổi mới công tác cán bộ*, từ đầu năm 1989, Tỉnh ủy chủ trương và lãnh đạo thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí lại đội ngũ cán bộ theo yêu cầu của công cuộc đổi mới. Chủ trương này được các ngành, các cấp quan tâm, mạnh dạn thực hiện theo tình hình thực tế từng nơi, nhất là đối với cấp huyện, thị xã. Năm 1989, các cấp trong tỉnh đã giảm hơn 60 công ty với gần 2.500 người. Ở một số ngành và huyện đã sắp xếp lại bộ máy, bước đầu giảm 20 - 30% nhân sự, góp phần trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt, gắn với nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

Ngày 24/8/1989, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI ra Nghị quyết số 07-NQ/TW *Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay* nêu rõ: “Công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới ở một số nước xã hội chủ nghĩa đã thu được một số thành tựu, nhưng một số nước gặp khó khăn gay gắt, có nước chủ nghĩa xã hội đang đứng trước thử thách lớn. Tình hình khó khăn của một số nước xã hội chủ nghĩa có những nguyên nhân khách quan và chủ quan, và mỗi nước lại có những nguyên nhân riêng”<sup>1</sup>. Nghị quyết chỉ rõ: “*Một là*, thực hiện chủ nghĩa đa nguyên về chính trị, để cho lực lượng chống chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động, không dùng những biện pháp chuyên chính cần thiết để chống lại chúng; *Hai là*, dân chủ hóa không giới hạn, để cho những phần tử cơ hội, hữu khuynh, cực đoan và kẻ địch lợi dụng gây ra sự mất ổn định về chính trị; *Ba là*, vừa không coi trọng việc củng cố, nâng cao chất lượng và cải tiến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.49, tr.730.

sự lãnh đạo của Đảng, vừa hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm suy yếu nghiêm trọng uy tín và sức chiến đấu của Đảng; *Bốn là*, không lãnh đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng, để cho báo, đài tùy tiện thông tin và phát biểu những quan điểm sai trái, tạo ra sự hỗn loạn về tư tưởng; *Năm là*, trong việc xem xét các vấn đề lịch sử, có khuynh hướng phủ nhận những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đã đạt được, làm cho quần chúng mất phương hướng, mất lòng tin vào những giá trị của chủ nghĩa xã hội; *Sáu là*, đặt quá nhiều hy vọng vào việc mở cửa với phương Tây, không ngăn chặn, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn phá hoại của bọn đế quốc, trước hết là trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong quá trình mở cửa<sup>1</sup>.

Đảng bộ tỉnh đã quán triệt một cách sâu sắc Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, đặc biệt những nguyên nhân dẫn đến tình hình khó khăn, phức tạp của công cuộc cải tổ, cải cách ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Ngày 18/9/1989, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU về việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Chỉ thị nhấn mạnh: Thời gian qua thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 165-KH/TU của Tỉnh ủy về việc vận động “làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội” được các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện, bước đầu đã xây dựng được một số chi bộ, đảng bộ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.49, tr.730-731.

cơ sở trong sạch vững mạnh. Tuy nhiên tình hình công tác xây dựng Đảng gần đây so với yêu cầu nhiệm vụ chính trị còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng kỷ cương của Đảng, pháp luật Nhà nước, một số đảng viên vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bỏ công tác, bỏ sinh hoạt Đảng, có hiện tượng thu vén cá nhân, chạy theo lối sống vật chất dẫn đến thoái hóa biến chất. Một số tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy viên ở các ngành tỉnh và huyện, thị chưa quan tâm đến công tác kiểm tra, nhất là kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Thực hiện Chỉ thị trên, các cấp ủy đã xử lý kỷ luật 466 trường hợp do vi phạm nguyên tắc tổ chức và Điều lệ Đảng. Năm 1989, có 53,2% cơ sở đảng đạt vững mạnh, 39,4% đạt khá, còn lại 7,4% là yếu kém (toàn tỉnh có 544 tổ chức cơ sở đảng).

Năm 1990, sự khủng hoảng toàn diện và ngày càng sâu sắc ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên Xô đã ảnh hưởng, tác động mạnh đến tâm tư, tình cảm, niềm tin của đảng viên và quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những khó khăn và thử thách mới đối với Đảng.

Ngày 01/6/1990, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 14 đề ra chương trình hành động thực hiện 4 nhiệm vụ cấp bách của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI. Đến cuối tháng 6/1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 454 về xây dựng, củng cố làm trong sạch đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng. Đặc biệt, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy tập trung lãnh đạo mở cuộc chỉnh đốn Đảng, thông qua việc đẩy mạnh công tác học tập, giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, làm cho Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thống nhất nhận thức và hành động trên nền tảng chủ nghĩa

Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Thông qua việc học tập các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là qua đợt chỉnh đốn Đảng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đã góp phần nâng cao trình độ nhận thức về tình hình thời cuộc trong nước và quốc tế. Qua chỉnh đốn Đảng, đại đa số đảng viên, cán bộ củng cố được niềm tin, ổn định tư tưởng, thấu hiểu những chủ trương đúng đắn của Đảng, kiên định ủng hộ và đi theo đường lối đổi mới của Đảng. Thông qua chỉnh đốn Đảng, giúp cho các cấp ủy đảng và đảng viên thực hiện tốt hơn tính dân chủ và công khai, tạo điều kiện cho dân gắn bó với Đảng, đóng góp xây dựng Đảng; giúp các cấp ủy đảng gắn bó, tăng cường trách nhiệm với nhân dân. Đồng thời, cũng qua học tập, chỉnh đốn Đảng, đội ngũ đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh được củng cố, nâng cao về chất và có bước trưởng thành về mọi mặt, góp phần đáng kể vào nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Qua đợt sinh hoạt chính trị chỉnh đốn Đảng, đội ngũ cán bộ của tỉnh có sự biến động lớn so với những năm trước. Trong năm, đã thay đổi 408 cán bộ, gồm điều động 117 người, bổ nhiệm, đề bạt 117 người, nghỉ hưu 42 người và kỷ luật 72 người. Trong số này, có 108 cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý, 299 cán bộ trưởng, phó phòng, giám đốc, phó giám đốc thuộc ngành và huyện, thị quản lý. Tuy nhiên, đến năm 1990, số cán bộ đương chức ở tỉnh và huyện còn khoảng 20 - 30% do tuổi tác, sức khỏe, năng lực có hạn cần được bổ sung, thay thế, nhưng vẫn chưa thực hiện được.

Qua khảo sát, đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên năm 1990 của 460/547 cơ sở đảng, có 38,26% cơ sở vững mạnh, 50,43% cơ sở khá và 11,1% cơ sở yếu kém. Về đảng viên, toàn tỉnh có 10.527 đảng viên, trong đó có 1.430 nữ. Số đảng viên tích cực đạt 55%, trong đó phần lớn đã kinh qua hai thời kỳ kháng chiến nên luôn kiên định, vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt, nhiều người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành trong tỉnh. Số đảng viên khá đạt 29%, phần lớn kết nạp sau ngày 30/4/1975, có trình độ văn hóa, không sai phạm về phẩm chất, lối sống, nhưng trước khó khăn dễ dao động, ít phát huy tác dụng. Số đảng viên yếu kém chiếm 6,5%, trong số này tuy đa số không sai phạm đến mức phải kỷ luật, nhưng giác ngộ về Đảng kém, năng lực yếu, không thu hút và lôi cuốn được quần chúng. Số đảng viên mắc sai phạm là 9,5%, trong số này đa phần là trẻ, trong đó có cả cấp ủy viên, trưởng, phó ngành tỉnh, huyện và cán bộ chủ chốt ở xã, có 40 trường hợp làm ăn phi pháp phải đưa ra xét xử, truy tố<sup>1</sup>.

Công tác bảo vệ Đảng được các cấp ủy quan tâm, thực hiện tốt. Trong năm, phát hiện 88 đối tượng trong nội bộ Đảng có vấn đề về lịch sử chính trị, về quan hệ kinh tế. Tỉnh ủy đã chỉ đạo thẩm tra, xác minh kết luận 30 đối tượng, trong đó: đưa ra khỏi Đảng 4 trường hợp, cách chức 1 trường hợp, cho chuyển ngành 2 trường hợp, góp phần từng bước làm

---

1. Trong năm, Tỉnh ủy chỉ đạo xử lý 892 trường hợp, bằng các hình thức: khiển trách 170, cách chức 4, khai trừ 323 và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 235 người... Trong số bị xử lý, có 5 trưởng, phó ngành tỉnh, 34 cấp ủy viên, 83 trưởng, phó ngành huyện, thị và 147 cấp ủy viên cơ sở.

trong sạch, vững mạnh tổ chức đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được các cấp ủy, các ngành và huyện, thị quan tâm thực hiện tốt hơn. Trong năm, tỉnh đã cử 7 cán bộ học lý luận chính trị cao cấp ở các trường Trung ương quản lý, số còn lại, học các lớp sơ cấp và trung cấp chính trị, với 5.187 học viên, góp phần từng bước đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ của tỉnh.

Nhìn chung, trong những năm 1986 - 1990, mặc dù tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, nhưng phần lớn cán bộ, đảng viên tư tưởng ổn định, kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Sự vững vàng kiên định đó, đi đôi với những việc làm thiết thực phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân đã ngăn ngừa tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng trong nội bộ, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Các cấp ủy đảng quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có hệ thống, lực lượng cán bộ được thử thách trong quá trình đổi mới, dân chủ trong bố trí, đề bạt cán bộ, đã xây dựng một bước đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất và uy tín. Mặt khác, việc sắp xếp bố trí cán bộ có chú ý kết hợp kiến thức, tính năng nổ, dám nghĩ, dám làm của số cán bộ trẻ với kinh nghiệm, uy tín của lớp cán bộ lớn tuổi, nên nhiều cấp ủy đảng, tổ chức chính quyền, đoàn thể ổn định được nội bộ, đề ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết có kết quả.

Qua việc thực hiện Kế hoạch số 454 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nghị quyết đại hội Đảng các cấp, các tổ chức đảng được củng cố trong sạch hơn và nâng lên một bước về năng lực lãnh đạo.

Tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ về nhận thức và đổi mới hoạt động. Nhiều xã, phường đã lãnh đạo đưa tình hình kinh tế - xã hội phát triển, nhất là về sản xuất nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống. Cấp ủy nhiều xã, phường tập trung lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức quần chúng, các đơn vị kinh tế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc đề ra và thực hiện các chủ trương, chính sách và những công việc của địa phương. Mặt khác, công tác tự phê bình và phê bình, báo cáo việc làm của các cấp ủy đảng trước cấp ủy dưới và nhân dân đã làm cho mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng gắn bó hơn.

Công tác kiểm tra chấp hành Điều lệ Đảng có tiến bộ, số cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng được kiểm tra tăng về số lượng, nội dung kiểm tra toàn diện hơn, giải quyết đơn thư tố cáo đạt tỷ lệ 95% và phục vụ cấp ủy xử lý kỷ luật kịp thời hơn.

Công tác phát triển đảng viên mới có chuyển biến tốt, chất lượng đảng viên mới kết nạp có bước nâng lên.

Mặc dù tư tưởng bao cấp, bảo thủ là một cản ngại cho đổi mới, nhưng bản thân việc đổi mới thiếu đồng bộ, cộng với sai lầm, chủ quan trong lãnh đạo kinh tế, xã hội đã tạo nên diễn biến phức tạp về tư tưởng trong nội bộ và quần chúng, một bộ phận còn nghi ngờ đối với chủ trương đổi mới. Mặt khác, do kỷ cương, luật pháp còn lỏng lẻo, có hiện tượng chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần, ít chú ý bồi dưỡng, giáo dục cho cán bộ đảng viên về lý tưởng cộng sản, về chuẩn mực phẩm chất, đạo đức, nguyên nhân chủ yếu là do các cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức đến công tác tư tưởng, nội dung công tác tư tưởng thiếu nhạy bén và bộ máy làm công tác tư tưởng chưa



được kiện toàn. Việc kiểm tra thực hiện nghị quyết chưa được quan tâm, cũng là nguyên nhân của sự thiếu tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng.

Việc quy hoạch, đào tạo và bố trí cán bộ còn chấp vá, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, số cán bộ cốt cán lớn tuổi cần phải thay, nhưng đội ngũ kế thừa mỏng, chuẩn bị chưa chu đáo về kiến thức, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất.

Các tổ chức cơ sở đảng chuyển biến chậm và chưa đều. Cấp xã, phường còn hơn 10% đơn vị yếu kém kéo dài. Các cơ sở đảng ở cơ quan hành chính sự nghiệp vươn lên chậm, lúng túng trong đổi mới nội dung sinh hoạt. Chi bộ ở các đơn vị kinh tế chưa nắm vững chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, chưa mạnh dạn đấu tranh nội bộ, để nhiều cán bộ, đảng viên tham ô, hối lộ, tiêu xài hoang phí.

Một số cán bộ đảng viên quan điểm lập trường không vững vàng, tổ chức đảng quản lý chưa chặt, bị tiêu cực của xã hội lôi cuốn, dẫn đến thoái hóa biến chất, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng và pháp luật. Trong 5 năm 1986 - 1990, Đảng bộ tỉnh đã xử lý kỷ luật 2.940 đảng viên, trong đó đưa ra khỏi Đảng 1.431 người, truy tố trước pháp luật 35 người.

#### *4.2. Xây dựng chính quyền nhà nước các cấp*

Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp ở tỉnh Đồng Tháp từ năm 1986 có bước chuyển biến, đi vào nền nếp. Các đại biểu hội đồng nhân dân có nhiều tiến bộ trong tiếp xúc với nhân dân, giải thích kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như tham gia giải quyết những khó khăn, vướng mắc, khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Các ban chuyên trách hội đồng nhân dân hoạt động tích cực, tham gia

xây dựng các kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban thư ký đã làm tốt việc tiếp xúc với nhân dân. Tuy vậy, việc thực hiện chức năng của hội đồng nhân dân còn mang tính hình thức, chưa phát huy tốt vai trò đại biểu hội đồng nhân dân và quyền lực của nhân dân thông qua những đại biểu mà mình đã bầu ra.

Chính quyền các cấp của tỉnh từng bước được củng cố, trẻ hóa, có năng lực, bước đầu thể hiện được tính năng động, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý. Riêng Hội đồng nhân dân tỉnh, đã bầu cử bổ sung 6 thành viên Ủy ban nhân dân, trong đó có chủ tịch và 3 phó chủ tịch, 2 ủy viên Ủy ban thay thế các thành viên cũ do sự sắp xếp lại sau Đại hội Đảng.

Rút kinh nghiệm hoạt động thực tiễn năm 1987 và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp đã bám sát chức năng, nhiệm vụ, thực tế tình hình. Nhờ vậy, đã phát huy được vai trò trong việc tập hợp, phản ánh, đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả. Nhiều địa phương đã tổ chức được tổ tiếp dân, các đại biểu hội đồng nhân dân và các thành viên ủy ban nhân dân định kỳ tiếp xúc với cử tri để nghe phản ánh, nắm bắt tâm tư và những đề xuất, kiến nghị bức xúc của cử tri, từ đó có chủ trương, giải pháp lãnh đạo kịp thời. Tuy nhiên, hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ở một số địa phương còn hạn chế trong điều hành, thể chế hóa và theo dõi việc tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Việc phát huy vai trò của đại biểu hội đồng nhân dân cũng như cơ quan quyền lực ở các cấp là hội đồng nhân dân, nhất là cấp xã, phường còn nhiều hạn chế.

Bước sang năm 1988, bộ máy chính quyền các cấp của tỉnh chú trọng nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là tăng cường lực lượng, công khai, dân chủ trong chọn lựa người có năng lực, đi đôi với từng bước cải tiến lề lối làm việc, sắp xếp khoa học lại tổ chức bộ máy. Bằng cách này, hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy nói chung được nâng lên, đi vào nề nếp, phát huy được vai trò của Nhà nước chuyên chính vô sản, tạo điều kiện để nhân dân lao động thực hiện ngày một tốt hơn quyền làm chủ của mình.

Tuy nhiên, trong những năm 1987 - 1988, hoạt động của chính quyền tỉnh Đồng Tháp còn một số hạn chế: “Những hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp hai năm qua đã có sự đổi mới về hình thức, nội dung và phương thức, nhưng còn chậm, đội ngũ cán bộ kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật và pháp luật còn nhiều hạn chế”<sup>1</sup>.

Nhiều nơi chưa tôn trọng vai trò làm chủ của nhân dân lao động. Tệ của quyền, quan liêu, mệnh lệnh, hống hách, trù dập, ức hiếp quần chúng còn khá phổ biến. Công tác điều hành của cơ quan chính quyền các cấp thường chậm trễ chế hóa các chủ trương của Đảng thành kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể. Chưa tạo được những bước tiến mới trong việc xử lý hành chính, còn nhiều biểu hiện tùy tiện, khi biết sai vẫn không sửa, sợ “mất uy tín”, làm cho pháp quyền Nhà nước kém hiệu lực. Việc thực hiện chức năng là cơ quan quyền lực của tổ chức hội đồng nhân dân các cấp còn bị hạn chế, nhất

---

1. Báo cáo 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV.

là việc kiểm tra, kiểm soát các cơ quan chính quyền nhà nước cùng cấp. Hoạt động của hội đồng nhân dân còn mang tính dân chủ hình thức.

Thực hiện quyết định tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân của Hội đồng Nhà nước, ngày 19/11/1989, tỉnh Đồng Tháp cùng cả nước tổ chức thành công cuộc bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp, trong đó, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV (1989 - 1994) bầu ra 76 đại biểu. Một tháng sau ngày bầu cử, Hội đồng nhân dân tỉnh họp phiên đầu tiên để bầu ra các cơ quan của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Ông Nguyễn Thanh Phong được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, ông Nguyễn Văn Tho được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, ông Nguyễn Thanh Thu được bầu làm Thư ký Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 17 vị, ông Lê Minh Châu được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch gồm các ông: Ngô Phú Thọ, Lê Văn Thôi, Võ Thành Nghĩa và Võ Xuân Nghĩa.

Kế thừa những kinh nghiệm hoạt động của khóa trước, đồng thời có những đổi mới và cố gắng phát huy vai trò là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội đồng nhân dân đã cụ thể hóa các quy định của pháp luật, các nghị định, quyết định, chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ và các văn bản khác của các cơ quan Trung ương, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương bằng các nghị quyết đúng đắn. Bước đầu thực hiện tốt chức năng thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề quan

trọng của địa phương như: xem xét và quyết định các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quyết định các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng dần mọi mặt đời sống của nhân dân.

Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới, tiến bộ, như: giữ được đúng định kỳ các cuộc họp, thu thập, phản ánh, giải quyết kịp thời những ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của cử tri, đặc biệt quan tâm thực hiện mở rộng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa của cử tri.

Tuy nhiên, trong hoạt động của ủy ban nhân dân các cấp ở tỉnh Đồng Tháp năm 1990 còn có nơi, có địa phương chưa hoàn thành chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước. Một số ngành chức năng quản lý, điều hành còn mang tính sự vụ, dự đoán, dự báo mô hình đổi mới cơ chế không đầy đủ, chưa đề ra được những giải pháp cần thiết nên còn bị động xử lý khi tình hình diễn biến phức tạp.

Công tác xây dựng, củng cố chính quyền nhà nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng, trong những năm 1986 - 1990, tỉnh đã chú ý nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, công khai, dân chủ chọn người có năng lực, phẩm chất đi đôi với từng bước cải tiến lề lối làm việc, sắp xếp tổ chức bộ máy, nên hiệu quả điều hành công việc được nâng lên, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp cơ sở bước đầu hoạt động đi vào nề nếp, đúng luật định. Song hoạt động của hội đồng nhân dân chưa thể hiện đầy đủ vai trò là cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương. Cán bộ chính quyền cấp cơ sở, trong đó có cán bộ chủ chốt phần lớn chưa được bồi dưỡng tập huấn, nên

trình độ quản lý nhà nước còn non yếu, nhất là quản lý nền kinh tế nhiều thành phần trong điều kiện xã hội còn nhiều phức tạp là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp bị hạn chế.

### *4.3. Công tác vận động quần chúng*

Năm 1986, công tác vận động quần chúng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa của các đoàn thể chưa chuyển biến nhiều, do chưa đổi mới được nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với tình hình mới. Cán bộ đoàn thể thiếu và yếu. Chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng, chưa tập hợp được các lực lượng hội viên tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế, chưa phát huy được quyền làm chủ của nhân dân...

Sang năm 1987, công tác vận động quần chúng chuyển biến tích cực do sự tập trung lãnh đạo của các cấp ủy, Mặt trận và các đoàn thể, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, làm cho quần chúng nhận thức được thực tế tình hình, hoàn cảnh khó khăn chung của tỉnh, của đất nước trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới.

Vấn đề thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa được Tỉnh ủy tổng kết, chỉ rõ: “Đây là một đòi hỏi cấp bách hiện nay của quần chúng, cũng như sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do vậy, tất cả các chủ trương, chính sách của Đảng đều phải đưa ra cho quần chúng bàn bạc, thông suốt để thực hiện và dân có quyền kiểm tra việc thực hiện đó. Kiên quyết chấm dứt tệ áp đặt, mệnh lệnh...; kiên quyết xử lý nghiêm minh các vụ việc

vi phạm và công khai cho quần chúng biết. Các cấp ủy phải định kỳ gặp quần chúng theo phương châm “nghe dân nói” để chuẩn bị cho các quyết định, chủ trương từng lúc, từng việc. Đồng thời phải lãnh đạo tốt cho dân kiểm tra. Trước mắt, cần tích cực lãnh đạo, chỉ đạo cho các đoàn thể củng cố, xây dựng tổ chức, chấm dứt tình trạng sử dụng đoàn thể ngoài chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức. Tạo điều kiện tốt cho hoạt động của các ban kiểm tra của đoàn thể, thanh tra nhân dân làm việc”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy đánh giá công tác này cũng cần khắc phục một số tồn tại, nhất là về chế độ, chính sách liên quan đến lợi ích của quần chúng chậm được ban hành, nhiều chính sách không còn phù hợp nhưng chậm được thay đổi. Tại một số địa phương, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên còn nặng về biện pháp hành chính trong quản lý kinh tế, chưa tập trung vận động quần chúng phát huy dân chủ, tham gia quản lý kinh tế, nên quần chúng thiếu phấn khởi trong lao động sản xuất. Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết kém hiệu quả ở một số địa phương, đơn vị cũng làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước.

Khắc phục những hạn chế đó, trong năm 1988, Tỉnh ủy đã kịp thời đề ra những giải pháp phù hợp nên công tác vận động quần chúng thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa dần đi vào chiều sâu và có bước tiến bộ mới. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tập trung chỉ đạo đề ra các mục tiêu

---

1. Báo cáo số 15-BC/TU, ngày 15/6/1987 của Tỉnh ủy *Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TU và Chỉ thị số 53-CT/TW của Ban Bí thư về công tác quần chúng trong tình hình mới.*

và có những giải pháp, việc làm cụ thể, thiết thực, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của quần chúng như: Chương trình thâm canh, tăng vụ; chương trình quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; chương trình đầu tư tiến quân khai thác Đồng Tháp Mười... đã mang lại hiệu quả ngày càng to lớn.

Nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể, trí tuệ sáng tạo và khả năng đóng góp sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân, nhiều địa phương đã tạo điều kiện để quần chúng đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền; đồng thời, cùng với Đảng và Nhà nước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở từng địa phương như: giải quyết xóa dần tình trạng học 4 ca xuống còn 3 ca, phát triển lưới điện, xây dựng cầu đường, giải quyết tranh chấp ruộng đất, phát triển kinh tế nông thôn...

Từ năm 1989, công tác vận động quần chúng được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm và thực hiện tốt hơn. Đặc biệt về ý thức tôn trọng và từng bước thực hiện quyền dân chủ của nhân dân có tiến bộ. Những chủ trương, kế hoạch, chính sách và những giải pháp, việc làm cụ thể của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở được nghiên cứu, đề ra phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của quần chúng. Nhiều địa phương tạo điều kiện cho quần chúng đóng góp vào những mục tiêu, xây dựng kế hoạch và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền, cùng với Đảng và Nhà nước giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quản lý kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong đợt học tập chấn chỉnh Đảng năm 1989, sau khi nghe quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, đã có nhiều quần chúng đóng



góp ý kiến xây dựng thẳng thắn, chất lượng, giúp cho từng đảng viên, từng đảng bộ và toàn Đảng bộ tự kiểm điểm, soi rọi lại quá trình công tác, phấn đấu của mỗi đảng viên, cơ quan địa phương và cả Đảng bộ. Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, mang lại hiệu quả to lớn, góp phần vận động quần chúng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ vào công tác xây dựng Đảng cũng như mọi hoạt động của đời sống xã hội. Mặc dù vậy, công tác vận động quần chúng trong năm 1989 còn bộc lộ một số yếu kém, tồn tại: Một số địa phương chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vai trò và quan tâm đầy đủ đến nguyện vọng chính đáng của quần chúng trong công cuộc đổi mới, vẫn còn nặng về động viên thực hiện nghĩa vụ là chính, thiếu sự chú ý đến nhu cầu, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của nhân dân...

Cùng với sự phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới toàn diện của Đảng trong hệ thống công quyền, năm 1990, hoạt động của các tổ chức đoàn thể, quần chúng, xã hội trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc của tỉnh Đồng Tháp cũng có những đổi mới mạnh mẽ, có những đóng góp hiệu quả, thiết thực. Phương thức, nội dung hoạt động mới được quan tâm phù hợp với quyền và lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân lao động. Sự cải tiến chính sách và lề lối làm việc, bố trí phân công những cán bộ có năng lực sang lãnh đạo, hoạt động đối với các đoàn thể cũng được các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh quan tâm và duy trì chặt chẽ, mang lại hiệu quả thiết thực ngày càng lớn.

Nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, lần thứ bảy, lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI và Kế hoạch số 300-KH/TU, số 454-KH/TU

về xây dựng, củng cố làm trong sạch đội ngũ đảng viên và tổ chức đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp, năm 1990, Tỉnh ủy lãnh đạo duy trì thường xuyên, sâu rộng, toàn diện sự đổi mới của Đảng bộ đối với công tác vận động quần chúng, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng; từ đó, xác định rõ công tác quần chúng là một công tác trọng tâm của Đảng, các cấp ủy đảng phải thường xuyên kiểm tra lại tình hình quần chúng và công tác quần chúng, không những ở các cơ quan đoàn thể mà còn kiểm tra ở cấp ủy cấp dưới để nắm chắc tình hình, chỉ đạo, uốn nắn kịp thời những sai sót và chủ trương, giải pháp, phương hướng về công tác quần chúng trong thời gian tới; từng bước khắc phục tình trạng khoán trắng cho các đoàn thể. Do đó, tổ chức, hoạt động của các đoàn thể phải gắn nghĩa vụ và quyền lợi thiết thân mà quần chúng, giới, lứa tuổi và giai cấp đang quan tâm<sup>1</sup> và phải khéo léo kết hợp với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cơ sở, đó là điều kiện thuận lợi nhất để tập hợp quần chúng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, từng cán bộ, đảng viên được học tập, quán triệt, đã nhận thức được công tác dân vận, vận động quần chúng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chung của toàn Đảng chứ không phải chỉ là riêng của Mặt trận và các đoàn thể. Đặc biệt, trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đòi hỏi phải tranh thủ và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải thực hiện tốt

---

1. Hướng dẫn cho các bà mẹ nuôi dạy con theo khoa học; bàn biện pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống cho công nhân viên chức; phổ biến kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp cho nông dân; tổ chức phụ lão và xây dựng quỹ bảo thọ...

mở rộng dân chủ trong Đảng và trong nhân dân. Trước hết, từng cán bộ, đảng viên phải tự đổi mới, hòa nhập, làm tốt vai trò nòng cốt trong việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quan tâm, phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân nơi cán bộ, đảng viên công tác. Từ nhận thức trên, công tác vận động quần chúng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở cơ sở đã xuất hiện những mô hình mới cả về nội dung và hình thức.

Trong những năm 1986 - 1990, công tác vận động quần chúng từng bước được đổi mới. Đó là kết quả tổng hợp của các chủ trương, chính sách đúng đắn về phát triển sản xuất, chăm lo đời sống cho nhân dân; từng bước khắc phục, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót trong quản lý kinh tế; tạo điều kiện cho quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên, đóng góp xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và những việc làm cụ thể của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và của từng cán bộ, đảng viên được quần chúng đồng tình. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, những tổ chức xã hội có thêm nhiều mô hình hoạt động bước đầu thu hút được đông đảo quần chúng tham gia<sup>1</sup>. Song, còn một số nơi chưa nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của quần chúng, chưa quan tâm đúng mức đến nguyện vọng chính đáng của quần chúng,

---

1. Điển hình như Đoàn Thanh niên có chương trình hoạt động “xóa cầu khỉ, giảm cầu vỹ, tăng cầu ván” với sự hỗ trợ ngân sách mỗi năm hàng trăm triệu đồng cùng với huy động công lao động của người dân và thanh niên. Hàng năm đã bắc mới hàng trăm cây cầu. Việc làm này đã hỗ trợ thiết thực cho việc đi lại, vận chuyển vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp...

động viên thực hiện nghĩa vụ thiếu chú ý đến nhu cầu quyền lợi chính đáng của nhân dân, thậm chí có một số cơ sở đảng, chính quyền có nhiều việc làm thiếu dân chủ, ngược lại với lợi ích quần chúng, gây bất bình, làm giảm lòng tin của một bộ phận nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, một số chủ trương của Đảng, nhiều chính sách, quy định của Nhà nước không phù hợp, nhưng sửa chậm, pháp luật chấp hành chưa nghiêm, công bằng xã hội chưa bảo đảm, một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu là một trong những nguyên nhân quan trọng gây khó khăn, cản ngại cho công tác vận động quần chúng. Các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội bước đầu có sự đổi mới về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với lợi ích của từng loại đối tượng quần chúng, nhưng việc rút kinh nghiệm, nhân điển hình chậm. Đội ngũ cán bộ thiếu người có kiến thức về quản lý kinh tế - xã hội, nên việc giáo dục chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và động viên quần chúng tham gia thực hiện các mục tiêu đề ra còn hạn chế.

### 5. Lãnh đạo điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh

Thực hiện Quyết định số 64B/HĐBT, ngày 12/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc điều chỉnh địa giới hành chính của các huyện, xã có địa giới chưa hợp lý; đồng thời, căn cứ vào quy hoạch tổng thể của tỉnh Đồng Tháp cũng như quy hoạch chung của các huyện cần điều chỉnh địa giới hành chính, nhằm phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội và quản lý ở địa phương.

- Các huyện Thạnh Hưng, Châu Thành và Hồng Ngự thực hiện việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 149-HĐBT, ngày 27/9/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện Thạnh Hưng, Châu Thành và Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp, việc phân vạch lại địa giới hành chính được thực hiện như sau:

Huyện Thạnh Hưng:

Chia xã Mỹ An Hưng thành hai xã lấy tên là xã Mỹ An Hưng A và xã Mỹ An Hưng B. Xã Mỹ An Hưng A có diện tích tự nhiên là 1.232ha và 9.720 nhân khẩu<sup>1</sup>. Xã Mỹ An Hưng B có diện tích tự nhiên là 1.730ha và 11.053 nhân khẩu<sup>2</sup>.

Chia xã Phước Thành thành hai xã lấy tên là xã Tân Phước và xã Tân Thành. Xã Tân Phước có diện tích tự nhiên là 1.561ha và 11.362 nhân khẩu<sup>3</sup>. Xã Tân Thành có diện tích tự nhiên là 1.850ha và 13.853 nhân khẩu<sup>4</sup>.

Huyện Châu Thành:

Tách ấp Phú Hiệp, ấp Phú Hòa và 1/2 diện tích ấp Phú Mỹ Lương của xã Phú Hựu với 260ha diện tích tự nhiên và

---

1. Địa giới hành chính xã Mỹ An Hưng A: phía đông và đông nam giáp xã Mỹ An Hưng B, phía tây và tây nam giáp các xã Hội An Đông và Bình Thạnh Trung, phía tây bắc giáp huyện Chợ Mới (tỉnh An Giang), phía bắc và đông bắc giáp sông Tiền và thị xã Cao Lãnh.

2. Địa giới hành chính xã Mỹ An Hưng B: phía đông giáp xã Tân Mỹ, phía tây và tây bắc giáp các xã Bình Thạnh Trung và Mỹ An Hưng A, phía nam giáp xã Vĩnh Thạnh, phía bắc giáp sông Tiền và thị xã Cao Lãnh.

3. Địa giới hành chính xã Tân Phước: phía đông giáp xã Long Hậu, phía tây giáp xã Định Yên, phía nam giáp xã Tân Thành, phía bắc giáp xã Vĩnh Thạnh.

4. Địa giới hành chính xã Tân Thành: phía đông giáp xã Long Hậu, phía tây và tây nam giáp sông Hậu, phía bắc giáp xã Tân Phước.

9.142 nhân khẩu để thành lập thị trấn Cái Tàu Hạ (thị trấn huyện lỵ)<sup>1</sup>.

Sau khi phân vạch địa giới hành chính, xã Phú Hựu (mới) có các ấp Phú Thạnh, Phú Long Bình, Phú Hưng và 1/2 diện tích còn lại của ấp Phú Mỹ Lương với 1.252ha diện tích tự nhiên và 8.156 nhân khẩu<sup>2</sup>.

Huyện Hồng Ngự:

Chia xã An Bình thành hai xã lấy tên là xã An Phước và xã An Bình. Xã An Phước có diện tích tự nhiên là 3.100ha và 4.626 nhân khẩu<sup>3</sup>. Xã An Bình (mới) có diện tích tự nhiên là 3.462ha và 9.832 nhân khẩu<sup>4</sup>.

*- Huyện Hồng Ngự tách ra thành hai đơn vị hành chính cấp huyện, gồm huyện Hồng Ngự và huyện Tân Hồng.*

Huyện Hồng Ngự là một trong những huyện lớn của tỉnh Đồng Tháp, với 23 xã và 1 thị trấn, diện tích tự nhiên 64.220ha,

1. Địa giới hành chính thị trấn Cái Tàu Hạ: phía đông giáp xã Tân Hòa Bắc thuộc huyện Long Hồ, tỉnh Cửu Long (nay là huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long), phía tây giáp xã An Nhơn, phía nam giáp xã Phú Hựu (mới) theo rạch Xẻo Trâu, chạy ngang qua hai ngã ba của rạch Cái Tàu Hạ nối tiếp theo rạch xóm Cười Lớn, phía bắc giáp sông Tiền.

2. Địa giới hành chính xã Phú Hựu (mới): phía đông và đông nam giáp các xã An Phú Thuận và Tân Hòa Bắc của huyện Long Hồ thuộc tỉnh Cửu Long (nay là huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long), phía tây và tây bắc giáp các xã An Nhơn và Tân Nhuận Đông, phía nam giáp xã An Khánh, phía bắc giáp thị trấn Cái Tàu Hạ.

3. Địa giới hành chính xã An Phước: phía đông giáp xã Tân Công Chí, phía tây giáp xã An Bình (mới), phía nam giáp huyện Tam Nông, phía bắc giáp xã Bình Thạnh.

4. Địa giới hành chính xã An Bình (mới): phía đông giáp xã An Phước, phía tây giáp sông Tiền, phía nam giáp huyện Tam Nông, phía bắc giáp thị trấn Hồng Ngự.

diện tích canh tác 42.675ha, dân số 242.670 nhân khẩu, đại bộ phận nhân dân sống bằng nghề nông, dân tộc Kinh chiếm trên 95% dân số, có 52km biên giới với Campuchia. Căn cứ vào quy hoạch tổng thể của tỉnh Đồng Tháp và tình hình thực tế của huyện biên giới giáp với Campuchia trong điều kiện mới, trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và khai thác vùng Đồng Tháp Mười theo chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng đã được tỉnh thực hiện, ngày 23/12/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp họp và quyết định đề nghị Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng thống nhất việc tách huyện Hồng Ngự thành hai huyện mới là Hồng Ngự và Tân Hồng; qua đó, điều chỉnh lại các xã cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của hai huyện. Đến ngày 22/4/1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 41/HĐBT về việc phân vạch địa giới hành chính huyện Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, chia huyện Hồng Ngự thành hai huyện lấy tên là huyện Hồng Ngự và huyện Tân Hồng.

Huyện Hồng Ngự gồm: Thị trấn Hồng Ngự và 15 xã: Tân Hội, Thường Phước 1, Thường Phước 2, Long Thuận, An Bình A, An Bình B, Bình Thạnh, Thường Lạc, Thường Thới Hậu A, Thường Thới Hậu B, Thường Thới Tiền, Long Khánh A, Long Khánh B, Phú Thuận A, Phú Thuận B. Diện tích tự nhiên là 33.173ha và 165.041 nhân khẩu. Địa giới huyện Hồng Ngự: Phía đông giáp huyện Tân Hồng, phía tây giáp sông Tiền, phía nam giáp tỉnh An Giang và huyện Tam Nông (tỉnh Đồng Tháp), phía bắc giáp Campuchia.

Huyện Tân Hồng gồm: Thị trấn Sa Rài và 8 xã: Tân Phước, An Phước, Tân Thành A, Tân Thành B, Thông Bình,

Tân Hộ Cơ, Bình Phú và Tân Công Chí. Diện tích tự nhiên là 31.047ha và 77.629 nhân khẩu. Địa giới huyện Tân Hồng: Phía đông giáp tỉnh Long An, phía tây giáp huyện Hồng Ngự, phía nam giáp huyện Tam Nông, phía bắc giáp nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia.

- *Huyện Thạnh Hưng tách ra thành hai đơn vị hành chính cấp huyện, gồm huyện Thạnh Hưng và huyện Lai Vung; thành lập xã Tân Hội Trung thuộc huyện Cao Lãnh.*

Ngày 27/6/1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 77/HĐBT về việc chia huyện Thạnh Hưng và điều chỉnh địa giới hành chính một số xã của huyện Cao Lãnh thuộc tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, chia huyện Thạnh Hưng thành hai huyện là huyện Thạnh Hưng và huyện Lai Vung.

Huyện Thạnh Hưng (mới) gồm 12 xã: Tân Khánh Trung, Tân Mỹ, Mỹ An Hưng A, Mỹ An Hưng B, Hội An Đông, Bình Thạnh Trung, Bình Thành, Định An, Định Yên, Vĩnh Thạnh, Long Hưng A và Long Hưng B, với diện tích tự nhiên là 23.892ha và 160.544 nhân khẩu. Huyện lỵ đặt tại xã Bình Thành. Huyện có địa giới hành chính: Phía đông giáp huyện Lai Vung và thị xã Sa Đéc, phía tây giáp tỉnh An Giang, phía nam giáp huyện Lai Vung, phía bắc giáp thị xã Cao Lãnh.

Huyện Lai Vung (mới) gồm 11 xã: Tân Dương, Hòa Thành, Long Thắng, Hòa Long, Long Hậu, Tân Phước, Tân Thành, Vĩnh Thới, Tân Hòa, Định Hòa và Phong Hòa, với diện tích tự nhiên là 23.864ha và 142.267 nhân khẩu. Huyện lỵ đặt tại xã Hòa Long. Huyện có địa giới hành chính: Phía đông giáp thị xã Sa Đéc và tỉnh Cửu Long (nay là tỉnh Vĩnh Long), phía tây giáp tỉnh An Giang, phía đông nam giáp tỉnh Cửu Long,



phía tây nam giáp tỉnh Hậu Giang, phía bắc giáp huyện Thạnh Hưng (mới).

Đồng thời, theo Quyết định số 77/HĐBT, thành lập xã Tân Hội Trung thuộc huyện Cao Lãnh trên cơ sở tách 1.876,95ha diện tích tự nhiên và 2.512 nhân khẩu của xã Bình Hàng Trung, 490ha diện tích tự nhiên và 1.626 nhân khẩu của xã Mỹ Hội cùng với 375ha diện tích tự nhiên và 268 nhân khẩu của xã Bình Hàng Tây. Xã Tân Hội Trung có diện tích tự nhiên là 2.741,95ha và 4.406 nhân khẩu, với địa giới hành chính: Phía Đông giáp xã Mỹ Long, Nông trường Công an và kinh 307, phía tây giáp xã Mỹ Thọ, phía nam giáp các xã Mỹ Hội, Bình Hàng Trung và Bình Hàng Tây, phía bắc giáp huyện Tháp Mười.

Đến cuối năm 1989, tỉnh Đồng Tháp có 9 huyện (Hong Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Thạnh Hưng, Châu Thành, Lai Vung) và 2 thị xã (Sa Đéc và Cao Lãnh). Tỉnh lỵ đặt tại thị xã Sa Đéc.

Những huyện mới chia tách, thành lập, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp điều động cán bộ, chỉ định thành lập ban chấp hành đảng bộ huyện, bố trí cán bộ chủ chốt các ngành, các khối cấp huyện. Tương tự như cấp huyện, các xã mới chia tách, thành lập, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp điều động cán bộ, chỉ định thành lập cấp ủy lâm thời... để kịp thời ổn định tình hình, tập trung lãnh đạo các hoạt động của địa phương.

Việc chia tách, thành lập mới các huyện, xã những năm 1988 - 1989 thể hiện tầm nhìn chiến lược của lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp, trước hết là vai trò của Ban Chấp hành, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy; từ đó, giúp công tác quản lý ở mỗi địa phương chặt chẽ hơn, phát huy được thế mạnh nội lực để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo vững chắc an ninh - quốc phòng trong giai đoạn tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp, khó lường.

## II- ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (1991 - 1995)

Qua gần 5 năm (1986 - 1990) nỗ lực, phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, đất nước đã giành được những thắng lợi bước đầu quan trọng cả về kinh tế, chính trị, đối nội và đối ngoại; mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng đã giảm. Đây là giai đoạn mở đầu thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, trong đó, trọng tâm là đổi mới kinh tế, đã tạo những chuyển biến quan trọng, từng bước xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, ngăn chặn tốc độ lạm phát, tiến hành đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, khơi dậy tiềm năng của các thành phần kinh tế, bước đầu mở rộng kinh tế đối ngoại, tiến tới cân bằng xuất - nhập khẩu... Tuy nhiên, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn hạn chế, nhiều vấn đề nóng bỏng về kinh tế - xã hội chưa được giải quyết. Mặt khác, bước vào những năm 1991 - 1995, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường: Sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Mỹ tiếp tục bao vây, cấm vận kinh tế đối với Việt Nam, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động gây mất ổn định chính trị và bạo loạn lật đổ, đã tác động mạnh mẽ đến Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII diễn ra từ ngày 24 - 27/6/1991, đánh giá tình hình những năm 1986 - 1990, dự

báo tình hình trong những năm 1991 - 1995. Căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát là: “Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”<sup>1</sup>.

Từ ngày 25 - 27/4/1991, tại thị xã Cao Lãnh, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ V (vòng I). Tham dự Đại hội có 355 đại biểu, thay mặt cho hơn 10.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và quần chúng vào các dự thảo Văn kiện trình Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V. Từ ngày 14 đến ngày 17/01/1992,



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.89.

tại thị xã Cao Lãnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V (vòng II), đồng chí Trương Mỹ Hoa, Bí thư Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần dân chủ, tập trung trí tuệ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự phê bình và phê bình nghiêm túc, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V đã đánh giá tình hình và rút ra những kinh nghiệm, giải pháp cụ thể, thiết thực cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác vận động quần chúng và công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ. Đại hội đưa ra định hướng, mục tiêu chung trong 5 năm 1991 - 1995 là: Tiếp tục giữ vững sự ổn định chính trị; phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và hoạt động dịch vụ, mở rộng và huy động đúng mức các nguồn thu ngân sách, từng bước cải thiện đời sống nhân dân; tôn trọng kỷ cương luật pháp, phát huy dân chủ, bảo đảm an ninh và quốc phòng; tiếp tục làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và các tổ chức đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa V gồm 43 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí<sup>1</sup>, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 7 đồng chí<sup>2</sup> và Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí

---

1. Kể từ đây, tỉnh cơ cấu có một đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách huyện biên giới Hồng Ngự, theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Đồng chí Thái Hữu Chí, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Võ Hồng Nhân được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Quang Thạnh được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy và đồng chí Lê Minh Châu được bầu làm Phó Bí thư.

### **1. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, kết hợp chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Sau gần 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, tỉnh Đồng Tháp đã thu được một số thành tựu bước đầu rất quan trọng, trong đó, tiếp tục chuyển sang cơ chế mới, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong quản lý kinh tế nhưng không gây xáo trộn lớn: giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm ở mức cao; sản xuất lương thực, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống phát triển khá nhanh, xây dựng ngân sách, ổn định an ninh chính trị, tạo đà cho bước phát triển sau.

Tuy nhiên, tình trạng nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể và hàng loạt tổ chức tín dụng vỡ nợ, để lại hậu quả nặng nề, “mất vốn và người”; các biểu hiện tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội có mặt diễn biến xấu. Có nơi, có lúc, nhân dân có biểu hiện thiếu tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Mặt khác, tình trạng thiếu vốn đầu tư ngày càng gay gắt, sản xuất nông nghiệp chưa ổn định; cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống chưa đáp ứng yêu cầu; việc tiếp cận thị trường nước ngoài trong cơ chế mở còn nhiều hạn chế và thiếu kinh nghiệm, bên cạnh đó, vấn đề dân số tăng nhanh, tình hình tranh chấp ruộng đất vẫn còn, kinh tế biên giới phát triển sôi động khó kiểm soát; tình hình an ninh trật tự vẫn còn một số tiêu cực; trình độ cán bộ

quản lý và trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh chưa chuyển kịp với tình hình và nhiệm vụ mới; nhiều cấp ủy đảng buông lỏng lãnh đạo, củng cố chính quyền, kỷ cương, luật pháp, từng nơi, từng lúc lỏng lẻo... Đó là những khó khăn, thách thức lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Trước tình hình trên, từ những kinh nghiệm quý được tích lũy sau gần 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, trên lĩnh vực kinh tế, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp thể hiện rõ quyết tâm lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tiếp tục phấn đấu, từng bước thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn, khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, an ninh và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ.

Mục tiêu cụ thể về kinh tế được tỉnh xác định là: “Phấn đấu đến năm 1995, nâng giá trị tổng sản phẩm xã hội của tỉnh lên 1,5 lần so với năm 1990”<sup>1</sup>.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, tỉnh “Tập trung đầu tư vào ba chương trình kinh tế phát triển theo chiều sâu, nhất là sản xuất nông nghiệp, trong đó, mũi nhọn là cây lúa, với chương trình khai thác Đồng Tháp Mười; xây dựng và khai thác thế mạnh biên giới, phát triển mạnh ngành chế biến và bảo quản nông sản, ngành dịch vụ nông nghiệp và gia công hàng xuất khẩu. Biện pháp chủ yếu là kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh; mở rộng tìm hiểu thị trường, nhất là thâm nhập thị trường nước ngoài, đi đôi với đổi mới công tác quản lý, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tăng cường quản lý ngành, mở rộng các hình thức liên doanh, hợp tác kinh tế với

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

nước ngoài, tăng cường thông tin kinh tế, thông tin khoa học - kỹ thuật, triệt để tiết kiệm, quay nhanh đồng vốn, sản xuất nhiều mặt hàng mới... nhằm đưa sản xuất tiếp tục phát triển với nhịp độ ngày càng tăng, hiệu quả đồng vốn đầu tư ngày càng cao... Tiếp tục huy động vốn của Nhà nước, tập thể, cá nhân và tranh thủ vốn của Trung ương, phấn đấu đến cuối năm 1993, định hình giai đoạn I chương trình khai thác Đồng Tháp Mười. Đến năm 1995, đưa sản lượng lúa đạt 1,6 triệu tấn bằng cách định hình 160.000ha lúa 2 vụ, với năng suất 10 tấn/ha/năm. Biện pháp chủ yếu là tiếp tục khai thác Đồng Tháp Mười, thâm canh, từng bước hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, phát triển lúa Hè Thu trên đại bộ phận chân ruộng lúa Đông Xuân... Trên cơ sở tiếp cận thị trường, dùng chính sách giá cả và lợi nhuận, kích thích, phát triển cây công nghiệp ngắn ngày (đậu nành, mía, thuốc lá, lát). Cải tạo diện tích vườn tạp nham trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Đầu tư và thực hiện các biện pháp chống cháy rừng, giữ diện tích tràm tập trung từ 10.000 - 15.000ha ở Tam Nông, Tháp Mười và hậu Cao Lãnh, kết hợp với trồng cây phân tán, vừa khai thác gỗ, vừa bảo vệ môi trường sinh thái. Tận dụng lao động nhàn rỗi, phụ phẩm từ công nghiệp chế biến nông sản để phát triển chăn nuôi, chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, kết hợp chế biến đông lạnh xuất khẩu, tăng giá trị sản phẩm từ chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Chú ý con giống, thú y, thức ăn và bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu”<sup>1</sup>.

Đối với công nghiệp, “Bằng nhiều hình thức, chủ yếu là hình thức liên doanh, liên kết kinh tế, khai thác tiềm năng,

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

thế mạnh công nghiệp Trung ương ở địa bàn tỉnh, nhất là điện, để phát triển công nghiệp địa phương, phấn đấu đến năm 1995, đưa giá trị sản lượng công nghiệp chiếm tỷ trọng 30% so với tổng giá trị sản lượng nông công nghiệp. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến các loại nông - lâm - thủy sản, cơ khí sửa chữa, sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng và đặc biệt chú ý ngành gia công xuất khẩu, thu hút nhiều lao động, giải quyết việc làm. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất công nghiệp theo quy hoạch của tỉnh và quy hoạch chung của cả nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho các xí nghiệp chế biến để giải quyết đầu ra; đối với sản xuất nguyên liệu, sơ chế, áp dụng đòn bẩy giá, lợi nhuận để khuyến khích các thành phần kinh tế khác đầu tư”<sup>1</sup>.

“Tổ chức, sắp xếp lại và phát triển các ngành dịch vụ theo hướng ưu tiên phục vụ sản xuất (dịch vụ khoa học - kỹ thuật, tổ chức hệ thống khuyến nông, cung ứng vật tư và đời sống giao thông, y tế, thương nghiệp...). củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh trong tỉnh, các xí nghiệp đi đầu về tổ chức, nâng cao chất lượng sản phẩm, nắm sát nhu cầu thị trường, tiết kiệm chi phí sản xuất và lưu thông, quay nhanh đồng vốn, chấp hành pháp luật, có khối lượng vật tư hàng hóa dự trữ cần thiết trong lưu thông, từng bước thể hiện vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm cân đối lớn về vốn, vật tư, thiết bị, hàng hóa thiết yếu, tiêu thụ sản phẩm, hoàn thành nghĩa vụ thuế, xây dựng hạ tầng cơ sở, đảm nhận các yêu cầu về an ninh, quốc phòng và thúc đẩy đổi mới công nghệ,

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).



liên kết, liên doanh, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển. Tập trung vốn cho các đơn vị làm ăn có hiệu quả. Thí điểm để nhân rộng hình thức cổ phần hóa các đơn vị kinh tế quốc doanh đã có và mới xây dựng, trong đó vốn Nhà nước bảo đảm tỷ lệ cổ phần chi phối...

Tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng, quy mô và mức độ hợp tác tùy theo nhu cầu, điều kiện sản xuất và nguyện vọng của nông dân, không rập khuôn từ hình thức, quy mô đến điều lệ của từng tổ chức. Chú trọng hình thức tổ chức kinh tế hộ (một hoặc nhiều hộ tập hợp lại) và hình thức liên kết, liên doanh giữa kinh tế hợp tác với kinh tế hộ.

Đối với các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất làm ăn có hiệu quả và đúng hướng, cần tiếp tục giúp đỡ về công tác quản lý, về đầu tư kỹ thuật, cho vay vốn để nắm chắc các khâu mà tập thể đảm trách có hiệu quả, như thủy lợi, bảo vệ cây, con, tiến đến tập thể đảm nhận khâu chế biến, tiêu thụ nông sản, cung ứng vật tư, vốn. Đối với các tập đoàn sản xuất, lúng túng trong hướng phát triển đi lên, tùy điều kiện mà có bước củng cố thích hợp, trước hết ổn định tình hình sử dụng ruộng đất, hướng dẫn các hộ nông dân đầu tư thâm canh, tăng vụ, áp dụng kỹ thuật mới, hợp tác giữa các hộ với nhau làm những công việc mà một hộ làm không hiệu quả bằng tập thể. Đối với các hộ cá thể, khuyến khích làm giàu theo pháp luật, mua cổ phần của các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể, vận động tương trợ nhau trong sản xuất và chăm lo đời sống.

Khuyến khích các hộ tiểu thương, tiểu chủ, cá nhân có vốn, tay nghề, đầu tư bằng hình thức cá thể hoặc hợp tác phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ theo luật pháp. Có chính sách ưu đãi các cơ sở sử dụng nhiều lao động và khuyến khích hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân, cá thể để tận dụng tiềm năng của từng thành phần kinh tế và nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. củng cố, sắp xếp và mở rộng hoạt động các tổ chức và cá nhân làm công tác nghiên cứu và dịch vụ khoa học - kỹ thuật, kể cả liên kết với các trường, trung tâm khoa học - kỹ thuật ở các nơi. Mở rộng các dịch vụ khuyến nông, thông tin khoa học và công nghệ, nhằm đưa nhanh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng hàng hóa. Khẩn trương xây dựng các dự án ứng dụng công nghệ mới bằng nguồn vốn tại chỗ và tranh thủ đầu tư, hợp tác liên doanh với nước ngoài, chủ yếu là các loại giống, cây, con, kỹ thuật chế biến nông sản kể cả việc cải tiến bao bì, mẫu mã. Dành nguồn kinh phí thỏa đáng cho hoạt động khoa học và công nghệ”<sup>1</sup>.

Với quyết tâm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 02/12/1991 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VII *Về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1991 - 1995*, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IV) đã ban hành

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

Chương trình hành động năm 1991, đề ra 8 chủ trương và giải pháp lớn để tập trung lãnh đạo: “Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đầu tư cho phát triển thủy lợi bằng nhiều nguồn, đi đôi với lo đủ vật tư để mở rộng diện tích, tăng năng suất cây trồng, đưa sản lượng lương thực đạt 1,3 đến 1,35 triệu tấn. Tích cực đòi nợ, đảo nợ để giải quyết nợ tín dụng và nợ của các đơn vị trong năm 1991. Tăng cường các biện pháp quản lý tài chính, từng bước đưa thu chi ngân sách vào nền nếp. Tìm thị trường xuất - nhập khẩu, tăng kim ngạch xuất khẩu để cân đối vật tư hàng hóa và từng bước trang bị công nghệ tiên tiến cho ngành công nghiệp. Nhanh chóng kiểm tra nguồn vốn hiện có và khả năng sắp có để phân bổ có hiệu quả nhất theo yêu cầu phát triển của địa phương. Giải quyết việc làm và sắp xếp lại lao động trong khu vực Nhà nước và một bộ phận ở khu vực nông thôn...”<sup>1</sup>.

Trong nông nghiệp, tổng giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 595 tỷ đồng (thấp hơn 2,88% so với năm 1990). Tổng sản lượng lương thực đạt trên 1,3 triệu tấn<sup>2</sup>, trong đó, lương thực bình quân đạt 865kg/người/năm. Các loại hoa màu và cây công nghiệp gần ngày thực hiện được hơn 19.500ha, vượt mức kế hoạch năm cả về diện tích và sản lượng. Về chăn nuôi, giảm mạnh so với năm 1990, trong đó, đàn trâu giảm 24%, bò giảm 22%, heo giảm 21%, đàn gia cầm giảm 17%,

---

1. Chương trình hành động năm 1991 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (khóa IV).

2. Hụt 300 ngàn tấn so chỉ tiêu Chương trình hành động năm 1991 của Tỉnh ủy, do bị nạn rầy nâu và lũ lụt.

nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của thời tiết, mưa lũ, đồng cỏ không còn nhiều, thức ăn chăn nuôi giá cao, giá bán thực phẩm thấp.

Đối với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giá trị tổng sản lượng đạt 118,4 tỷ đồng. Công nghiệp quốc doanh sản xuất ổn định, tiêu biểu như Xí nghiệp Sa Giang, Xí nghiệp Liên hiệp Dược, Đông lạnh xuất khẩu, bánh phồng tôm, tôm, cá đông lạnh... là những sản phẩm được tiêu thụ mạnh ở trong và ngoài nước<sup>1</sup>.

Hoạt động kinh doanh mua bán đã thích nghi tốt hơn với cơ chế thị trường. Tổng mức bán lẻ tăng 33,5% so với năm 1990 (đã trừ trượt giá). Xuất - nhập khẩu được chú trọng và đạt kế hoạch, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu năm 1991 đạt 83,770 triệu USD (xuất khẩu đạt 39,544 triệu USD, nhập khẩu đạt 44,226 triệu USD). Riêng mặt hàng gạo năm 1991, xuất khẩu được 106,5 ngàn tấn.

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) năm 1991 đạt 1.625 tỷ đồng<sup>2</sup>. Tổng thu ngân sách nhà nước là 166,950 tỷ đồng, vượt kế hoạch Trung ương giao và chỉ tiêu phấn đấu của tỉnh. Tổng chi ngân sách địa phương là 140,674 tỷ đồng, bằng nguồn thu tài chính này, tỉnh đã cân đối được chi cho khu vực hành chính

---

1. Năm 1991 tỉnh có 54 xí nghiệp quốc doanh, 6.841 cơ sở công nghiệp ngoài quốc doanh với hơn 21.500 lao động. Sản phẩm tiêu dùng và xuất khẩu của nhóm này là 1.904 tấn bánh phồng tôm, 11.000 tấn đường, 1.275 tấn tôm cá đông lạnh, hơn 5 triệu lít nước mắm, 57 triệu viên thuốc chữa bệnh, 47,5 triệu viên gạch ngói, 46 máy tuốt lúa... chiếm 21% giá trị tổng sản phẩm công, nông nghiệp toàn tỉnh.

2. Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh năm 1991 là 11,26%, thu nhập bình quân đầu người là 1.157.000 đồng/năm.

sự nghiệp, giáo dục, y tế, văn hóa - thông tin, khoa học - công nghệ, các đối tượng chính sách xã hội... Bên cạnh đó, tỉnh tập trung đầu tư cho việc khắc phục hậu quả lũ lụt như sửa chữa cầu, đường, kênh mương, trường học, trạm y tế<sup>1</sup>.

Xác định kinh tế là mặt trận hàng đầu, ngày 11/3/1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp và đề ra Chương trình hành động số 01. Mục tiêu trọng tâm của chương trình hành động là: “Giữ vững tốc độ phát triển kinh tế, tiếp tục ổn định và cải thiện thêm một bước đời sống nhân dân, lập lại trật tự kỷ cương trên mọi mặt hoạt động của xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đổi mới một bước hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội. Tiếp tục xác định nông nghiệp và công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu là nhiệm vụ hàng đầu, cùng cả nước kiềm chế lạm phát và ngăn ngừa đột biến giá cả. Chinh đốn và nâng cao hiệu quả kinh tế quốc doanh, đa dạng hóa hình thức và đổi mới nội dung hoạt động của kinh tế tập thể, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển”<sup>2</sup>.

---

1. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành cố gắng cân đối bảo đảm chi cho khu vực hành chính sự nghiệp, cấp phát kinh phí, trả lương, phụ cấp, trợ cấp tương đối đầy đủ và kịp thời cho ngành giáo dục, y tế và các đối tượng chính sách xã hội. Ngoài việc tập trung khoản kinh phí cho công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch, tỉnh dành phần lớn kinh phí từ nguồn hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh bạn cho việc khắc phục hậu quả lũ lụt hơn 3,638 tỷ đồng và nhiều hàng hóa; đặc biệt tỉnh tập trung cho những công trình quan trọng, bị thiệt hại nặng và xây dựng thêm được 178 căn nhà tình nghĩa cho thương binh, gia đình có công với cách mạng.

2. Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 11/3/1992 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Năm 1992, tỉnh tiếp tục ưu tiên thực hiện ba chương trình kinh tế phát triển theo chiều sâu, nhất là sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh khai hoang thêm 11.254ha (vượt mức kế hoạch đề ra 1.254ha); chủ yếu ở các huyện Tam Nông, Tháp Mười. Đối với sản xuất nông nghiệp, mũi nhọn là cây lúa, tỉnh quan tâm đến chương trình khai thác Đồng Tháp Mười, tạo điều kiện cho việc khai hoang, chuyển vụ mở rộng diện tích; đẩy mạnh thâm canh, từng bước hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, phát triển lúa Hè Thu trên đại bộ phận chân ruộng lúa Đông Xuân. Để góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và diện tích trồng trọt, thủy lợi là vấn đề được đặc biệt quan tâm. Tỉnh chú trọng phát triển mạnh thủy lợi nội đồng do nhân dân đầu tư, củng cố và nâng cao hệ thống bờ bao, tìm giống ngắn ngày kháng rầy, bố trí lại lịch thời vụ<sup>1</sup>.

Trong thời gian này, vùng Đồng Tháp Mười đón nhận luồng sinh khí mới với sự chỉ đạo quyết liệt của Trung ương và địa phương, cùng sự đóng góp mạnh mẽ của nhân dân, đánh dấu bước chuyển giai đoạn khai thác và phát triển Đồng Tháp Mười theo chiều sâu, thông qua các dự án cụ thể. Đồng thời, tiếp tục huy động vốn Nhà nước, tập thể, cá nhân và tranh thủ vốn của Trung ương, phấn đấu đến cuối năm 1993, định hình giai đoạn I chương trình khai thác Đồng Tháp Mười. Đến năm 1995, đưa sản lượng lúa đạt 1,6 triệu tấn bằng cách định hình 160.000ha lúa 2 vụ, với năng suất 10 tấn/ha/năm.

Trên tinh thần chú trọng phát triển nông nghiệp, khai thác tiềm năng rộng lớn, với các chính sách đẩy mạnh khai

---

1. Lịch thời vụ được bố trí lại sớm hơn lịch thời vụ cũ 20 - 30 ngày để gặt lúa Hè Thu trước khi có đỉnh lũ cao hằng năm.

hoang, phục hóa, tổng diện tích đất nông nghiệp được nâng lên 304.378ha, tổng sản lượng lương thực đạt 1,38 triệu tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 954kg, giá trị do ngành nông nghiệp tạo ra trong năm là 653 tỷ đồng (theo giá năm 1989). Diện tích trồng các loại hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày là 15.548ha, trong đó, diện tích một số cây như: bố, mè, mía, thuốc lá... giảm mạnh do thị trường tiêu thụ giảm. Riêng các loại cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm tăng 28,4% về diện tích so với năm 1991, chủ yếu là nhãn, quýt ở huyện Châu Thành và Lai Vung.

Về chăn nuôi cơ bản giữ được ổn định so với năm 1991, riêng đàn heo đạt 163.800 con (tăng 43.500 con so với năm 1991) và đạt mức cao nhất từ trước đến nay; số lượng gia cầm như gà, vịt cũng đạt mức cao nhất từ trước đến nay là 2.417.000 con (tăng hơn 37.000 con so với năm 1991).

Đối với ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giá trị sản lượng toàn ngành đạt 114,2/126 tỷ đồng, hụt 12 tỷ đồng so với kế hoạch (giá cố định năm 1989), thấp hơn so với năm 1991. Tiểu thủ công nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao (72,8%) trong tổng giá trị công nghiệp của tỉnh, với 5.201 cơ sở, giải quyết việc làm cho 17.471 lao động. Thực hiện Chỉ thị số 315 và 388-HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, tỉnh đã giải thể và sắp xếp lại còn 23 doanh nghiệp nhà nước, toàn tỉnh còn tổng số 141 đơn vị, công ty, xí nghiệp, trong đó, có 97 đơn vị thuộc huyện quản lý, 44 đơn vị tỉnh quản lý. Bên cạnh đó, tỉnh chủ trương mở rộng tín dụng của Nhà nước, củng cố hệ thống tín dụng nông thôn để huy động vốn nhân rỗi trong nhân dân, giải quyết một phần quan trọng về vốn cho sản xuất.

Về xây dựng cơ bản, thực hiện đạt 35,2 tỷ đồng, vượt 174,50% kế hoạch, tăng 1,7 lần so với năm 1990. Nguồn vốn được ưu tiên phân bổ cho các công trình thủy lợi, đến cuối năm 1992, toàn tỉnh đã hoàn thành đưa vào sử dụng 11 tuyến kênh, dài 85,7km. Các quốc lộ 30, đường Hồng Ngự - Sa Rài, tỉnh lộ 23, tỉnh lộ 80, cảng Trần Quốc Toản và tuyến phòng thủ biên giới... được tỉnh quan tâm đầu tư. Song song đó, các công trình phúc lợi xã hội thiết yếu cũng được chú trọng đầu tư xây dựng như Bệnh viện Hữu nghị, Bệnh viện Y học dân tộc, 500 giếng nước sinh hoạt ở nông thôn, các trung tâm y tế, kế hoạch hóa gia đình, hệ thống trường học...

Trong hoạt động thương nghiệp, lạm phát được kiềm chế, hàng hóa phong phú, mức tăng giá trong năm 17,3%. Tuy nhiên, giá dịch vụ tăng cao (28,9%), giá thuốc chữa bệnh tăng 91,2%, giá lương thực giảm 15%. Thương nghiệp quốc doanh tiếp tục trì trệ, kinh doanh kém hiệu quả (doanh số mua giảm 17%, bán lẻ giảm 25%). Hoạt động của tiểu thương vươn ra mạnh, đạt 10.323 hộ, với 15.726 lao động. Trong hoạt động đối ngoại, tỉnh đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ trên 300 ngàn USD, phục vụ có hiệu quả cho các lĩnh vực như y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường.

Kim ngạch xuất khẩu đạt 32,729 triệu USD, trong đó, mặt hàng gạo chiếm trên 60% kim ngạch. Kim ngạch nhập khẩu đạt 26,708 triệu USD, chủ yếu tập trung cho nhập máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất<sup>1</sup>.

---

1. Nhập 19 ngàn tấn phân bón, 14.800 tấn xăng dầu, 4.000 tấn sắt thép và các hàng hóa thiết yếu khác.



Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) (giá thực tế năm 1992) đạt 2.089 tỷ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 1992 đạt 180 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách tỉnh năm 1992 là 134 tỷ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của tỉnh năm 1992 đạt 10,79%.

Nhằm phát huy thế mạnh và kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, yếu kém, sau hai năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V; tỉnh Đồng Tháp bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1993 - năm bản lề của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 với quyết tâm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân, tiếp tục phấn đấu vượt qua khó khăn, tạo những đột phá và thành tựu mới, góp phần hoàn thành vượt mức nhiệm vụ chính trị, kế hoạch năm 1993, tạo thế và đà cho hai năm còn lại 1994 - 1995.

Ngày 01/4/1993, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp ban hành Chương trình hành động số 06-CTr/TU. Mục tiêu tổng quát của chương trình là: Phát triển kinh tế theo chiều sâu, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tập trung cho giáo dục và xây dựng nông thôn mới, đưa hoạt động kinh tế - xã hội vào kỷ cương pháp luật. Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, Chương trình hành động cũng đề ra các giải pháp để thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế lớn của Đảng, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, trước hết là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất tại địa phương trên thị trường trong và

ngoài nước. Phấn đấu năm 1993: tăng giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) lên 10% so với năm 1992<sup>1</sup>.

Với quyết tâm trên, các cấp, các ngành trong tỉnh đã cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Trong đó, sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển: Diện tích gieo trồng lúa Đông Xuân tăng 4%, lúa Hè Thu tăng 6%, tổng diện tích đạt 331.853ha; trong đó, Tháp Mười là huyện đạt diện tích cao nhất với 66.778ha, huyện Cao Lãnh đứng thứ hai với 52,623ha. Sản lượng lương thực đạt hơn 1,4 triệu tấn; lương thực bình quân đầu người đạt 939,9kg/năm; năng suất đạt 41,23 tạ/ha. Giá trị do nông nghiệp đạt 653 tỷ đồng (theo giá năm 1989), chiếm 71% trong tổng GDP toàn tỉnh. Tuy nhiên, chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, số lượng đàn trâu, bò và heo đều giảm rõ rệt<sup>2</sup>.

Các loại dịch vụ nông nghiệp phát triển mạnh. Phong trào cải tạo vườn tạp (ổn định khoảng 40.000ha), thay đổi cơ cấu cây, con, giống... diễn ra mạnh ở hầu hết các huyện, thị trong tỉnh, tạo đà cho nông nghiệp phát triển toàn diện với cơ cấu ngày càng hợp lý hơn, hiệu quả kinh tế cao hơn. Năm 1993, tỉnh đã khảo sát, triển khai trồng cây dọc theo tuyến biên giới, đi đôi với quy hoạch trồng tràm tập trung hơn 10.000ha ở nông trường Động Cát và trung tâm sếu ở

---

1. Trong đó, tỷ trọng giá trị sản lượng công nghiệp và dịch vụ tăng 2 - 3% trong cơ cấu GDP; tăng thu ngân sách 18% so với năm 1992, dành 20 - 30% tổng chi ngân sách cho xây dựng cơ bản; hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống 0,06%.

2. Đàn trâu bò đạt 8.784 con, giảm 3.079 con so với năm 1992; đàn heo đạt 38.564 con, giảm 2.363 con so với năm 1992.

Tràm Chim, huyện Tam Nông; Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh và trồng cây phân tán ở các huyện, thị.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 123,1 tỷ đồng (giá cố định năm 1989). Ngành công nghiệp chế biến hàng nông sản, thực phẩm sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, thuốc chữa bệnh tăng cao<sup>1</sup>. Công nghiệp quốc doanh gồm các đơn vị: Bích Chi, Sa Giang, Dược phẩm... ngày càng được khẳng định. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ được nhân dân tự bỏ vốn ra đầu tư sản xuất ngày càng nhiều<sup>2</sup>.

Về xây dựng cơ bản, tuy nguồn vốn còn hạn hẹp, song tỉnh vẫn chú trọng đầu tư với 37 tỷ đồng, chiếm hơn 30% tổng chi ngân sách, chủ yếu đầu tư cho thủy lợi, giao thông, điện...<sup>3</sup>.

---

1. Gạo, bắp xay xát tăng 251 ngàn tấn, thuốc viên tăng 174 triệu viên, gạch ngói các loại tăng 2 triệu viên. Hiện tỉnh có 446 cơ sở sản xuất với 1.475 lao động, giá trị tổng sản lượng đạt hơn 5,7 tỷ đồng (giá cố định năm 1989).

2. Năm 1993, các doanh nghiệp và các hộ cá thể đã đầu tư trên 28,4 tỷ đồng (tăng hơn năm 1992 gần 6 tỷ) để phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

3. Trong đó, đầu tư hơn 10 tỷ đồng xây dựng trụ sở Tỉnh ủy, Nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giao thông công chính, Sở Văn hóa Thông tin, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Khoa học công nghệ, Tòa án nhân dân tỉnh; thi công 12 công trình thủy lợi và hoàn thành 3 công trình: sông Sở Hạ, kênh Tân Hòa, kênh Cỏ Trấp; các công trình khác đang thi công với 7,5 triệu m<sup>3</sup> đất, kinh phí trên 17 tỷ đồng; đầu tư hơn 8 tỷ đồng để thi công 5 công trình (2 công trình đắp nền đường, 3 công trình xây dựng cầu cống); đầu tư gần 2 tỷ đồng thi công đường dây 15KV từ Phú Hiệp đi Giồng Găng - Sa Rài - Thông Bình dài 23,5km; hoàn chỉnh 87km đường điện 15KV về đến 109/132 xã, phường có điện lưới quốc gia; trang bị máy điện thoại vô tuyến cho 8 xã vùng biên giới, với kinh phí hơn 120 triệu đồng...

Nhân dân và các thành phần kinh tế trong tỉnh đã đầu tư với số vốn 190 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần vốn đầu tư từ ngân sách, nâng tổng mức đầu tư của tỉnh lên 312 tỷ đồng, bằng 14,36% GDP của tỉnh.

Hoạt động của ngành thương nghiệp, dịch vụ, phát triển hàng hóa trên thị trường có số lượng ngày càng nhiều, chủng loại phong phú, chất lượng ngày càng nâng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội năm 1993 tăng 1,7 lần so năm 1992, tăng 2% (đã trừ trượt giá). Lạm phát được kiềm chế từ 3 con số xuống còn 2 con số. Giá cả tương đối ổn định góp phần giúp cho các nhà sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chủ động hạch toán đầu vào, đầu ra; các doanh nghiệp yên tâm đầu tư phát triển sản xuất. Đến cuối năm 1993, toàn tỉnh có 52 công ty trách nhiệm hữu hạn, 257 doanh nghiệp tư nhân và hơn 12.000 hộ tư nhân đăng ký kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Tổng sản phẩm xã hội (GDP) tăng 11,7%, thu nhập bình quân đầu người đạt 1.590.360 đồng/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh là 219 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách là 198 tỷ đồng, trong đó, chi cho xây dựng cơ bản với 37 tỷ đồng.

Kim ngạch xuất khẩu đạt 27,629 triệu USD, giảm 5,1 triệu USD. Kim ngạch nhập khẩu là 50,623 triệu USD, tăng 24,915 triệu USD, tập trung cho nhập khẩu máy móc, xăng dầu, sắt thép phục vụ cho sản xuất và các loại hàng hóa, phục vụ đời sống sinh hoạt nhân dân.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và thực hiện việc quy hoạch xây dựng cơ bản trong tương lai, từng bước thực hiện quy hoạch tổng thể trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp,

ngày 29/4/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 36/CP Về việc di chuyển tỉnh lỵ Đồng Tháp từ thị xã Sa Đéc về thị xã Cao Lãnh. Việc chọn thị xã Cao Lãnh làm tỉnh lỵ, tạo thuận lợi cho việc chỉ đạo chung của tỉnh và thực hiện chương trình kinh tế, khai thác tiềm năng Đồng Tháp Mười trong những năm tiếp theo.

Trong tiến trình đổi mới, nông nghiệp luôn là ngành kinh tế được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng, góp phần lớn vào thực hiện ba chương trình kinh tế do Đại hội VI đề ra và sự ổn định của đất nước. Bước sang năm 1994 - 1995, các hoạt động kinh tế tiếp tục ổn định và có bước phát triển. Giá trị ngành nông nghiệp năm 1995 đạt khoảng 795 tỉ đồng (theo giá cố định năm 1989), tăng 11,03% so với năm 1994.

Năm 1995, ngành trồng trọt đạt khoảng 740 tỉ đồng, tổng diện tích gieo trồng cây năm 1995 là 402.074ha. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa là 382.876ha. Sản lượng lúa đạt khoảng 1.845.814 tấn, tăng 2,55% so với kế hoạch năm 1995.

Ngành chăn nuôi tăng không đáng kể, do tác động của giá cả sản phẩm chăn nuôi, số lượng gia cầm khoảng 2,8 triệu con, tăng 3% so với năm 1994 nhưng chỉ bằng 81,67% so với kế hoạch năm 1995. Số lượng trâu, bò giảm trên 10% so với năm 1994, bằng 54,20% so với kế hoạch năm 1995.

Xét về cơ cấu giá trị sản lượng, trong ngành nông nghiệp, năm 1994 giá trị sản lượng trồng trọt chiếm 92,18%, năm 1995, chiếm 93,08% trong cơ cấu giá trị sản lượng ngành nông nghiệp. Giá trị sản lượng ngành chăn nuôi có tỉ trọng 7,82% năm 1994 giảm xuống còn 6,92% năm 1995. Năm 1995, tuy ngành nông nghiệp tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng khá so với năm 1994

(tăng 11,03% giá trị sản lượng) nhưng không hoàn thành kế hoạch năm 1995 về mục tiêu dịch chuyển cơ cấu cây trồng và dịch chuyển cơ cấu ngành trong nội bộ ngành nông nghiệp.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII *Về phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới*, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/02/1995 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. Trong đó, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bám sát 5 quan điểm của Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; mục tiêu lâu dài đưa tỉnh trở thành tỉnh nông nghiệp có trình độ tiên tiến, công nghiệp phát triển, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất... phấn đấu đưa tỷ lệ vốn đầu tư lên 20% GDP hàng năm, trong đó, đầu tư cho công nghiệp và khoa học - công nghệ chiếm 30% tổng vốn đầu tư. Phấn đấu đến năm 2000, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn làm nền tảng xây dựng nền nông nghiệp đạt trình độ tiên tiến, có năng suất, hiệu quả cao; cải thiện tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Bên cạnh đó, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn. Phấn đấu đến năm 2000, đội ngũ công nhân được nâng lên về mọi mặt, trước hết là trình độ kỹ thuật và tay nghề.

Lĩnh vực công nghiệp có mức tăng trưởng khá. Giá trị tổng sản lượng đạt khoảng 214 tỉ đồng (theo giá cố định

năm 1989) và đạt 100% kế hoạch năm 1995. Trong đó, khu vực quốc doanh đạt khoảng 73 tỉ đồng. Khu vực ngoài quốc doanh đạt 141 tỉ đồng. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của ngành công nghiệp chưa thực sự chắc chắn và ổn định. Đối với công nghiệp quốc doanh, chỉ tập trung ở một số doanh nghiệp như: công ty dược, nhà máy thuốc lá, công ty cấp nước. Đối với khu vực ngoài quốc doanh chỉ phát triển mạnh ở ngành chế biến lương thực. Một số lĩnh vực trong sản xuất công nghiệp có xu hướng giảm do trình độ kỹ thuật, trang thiết bị của tỉnh không đồng bộ như: sản xuất cơ khí, chế biến thủy sản, sản xuất đường mật... mặc dù đây là những lĩnh vực tỉnh có nhiều tiềm năng và thế mạnh.

Hệ thống thương mại - dịch vụ phát triển khá mạnh và ngày càng mở rộng. Các doanh nghiệp nhà nước chủ yếu tập trung vào kinh doanh một số mặt hàng chiến lược như vật tư nông nghiệp, xi măng, xăng dầu, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và xây dựng trong tỉnh. Mạng lưới thương nghiệp tư nhân phát triển rộng khắp, vừa đáp ứng nhu cầu hàng hóa tiêu dùng cho dân cư, vừa góp phần bình ổn giá cả hàng hóa dịch vụ trên thị trường.

Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1995 đạt khoảng 106 triệu USD. Tuy nhiên, thị trường xuất khẩu chưa ổn định. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là gạo, trong khi thị trường nông sản của tỉnh rộng lớn nhưng chưa được tận dụng, khai thác để xuất khẩu.

Trên lĩnh vực kinh tế, trong 5 năm 1991 - 1995 tăng trưởng khá, song, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm trên 70%, trong đó, gần như độc canh cây

lúa (chiếm khoảng 85% giá trị sản lượng, ngành trồng trọt, chăn nuôi phát triển chậm); ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng thấp, ngành dịch vụ phát triển khá, nhưng loại hình hoạt động còn đơn giản, tập trung ở thị xã, thị trấn. Nguy cơ tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực. Mặt khác, do chưa có chiến lược, biện pháp đầu tư phát triển nông nghiệp theo chiều sâu một cách đồng bộ nên việc thay đổi giống cây, con, áp dụng kỹ thuật nuôi trồng tiên tiến, công nghệ sau thu hoạch... chủ yếu nông dân tự xoay sở, việc tiêu thụ sản phẩm do mạng lưới tư thương chi phối. Khu vực sản xuất công nghiệp còn ở tình trạng phân tán, tự phát, chất lượng hàng hóa thấp, chưa tạo được những mặt hàng chủ lực, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Một số doanh nghiệp nhà nước vẫn yếu kém, lúng túng trong phương hướng hoạt động. Việc xử lý và sắp xếp lại tổ chức các doanh nghiệp nhà nước kéo dài dẫn đến tình trạng lãng phí về nhân lực, tài sản và hiệu quả kinh tế ở một số doanh nghiệp. Kinh tế tư nhân, cá thể phát triển mạnh, song vốn, quy mô sản xuất nhỏ, mặt hàng sản xuất, dịch vụ cung ứng đơn giản, khả năng cạnh tranh thấp. Mặt khác, sự hướng dẫn của Nhà nước ở khu vực này chỉ mới tác động thông qua chính sách thuế. Bên cạnh đó, tỉnh chủ trương thành lập nhiều công ty cấp 3, cấp 4 (ở huyện và xã), do đó, hàng loạt công ty cấp 3, cấp 4 ra đời, các công ty này chủ yếu “mua bán lòng vòng”, kinh doanh “chỉ chỗ”, bị lừa đảo, chiếm dụng vốn, thua lỗ, dẫn đến nhiều cán bộ bị kỷ luật; việc mở rộng tín dụng nhà nước, tín dụng nông thôn, dẫn đến các hợp tác xã tín dụng lỗ, mất vốn, làm rối ren trong nhân dân, xảy ra ở một số địa phương.

Hoạt động dịch vụ tuy tốc độ phát triển nhanh, nhưng chủ yếu cung cấp những dịch vụ đơn giản, hiệu quả thấp.



Thu ngân sách tuy có tăng, nhưng nguồn thu chưa ổn định. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển từ ngân sách còn thấp; lãng phí trong xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản khắc phục chậm, công nợ của các doanh nghiệp nhà nước còn rất lớn, ảnh hưởng đến việc điều hành ngân sách trong những năm tiếp theo. Việc huy động vốn chưa tương ứng với tiềm năng do thiếu các điều kiện đảm bảo để thu hút vốn đầu tư và tích lũy của đại bộ phận nhân dân còn thấp so với yêu cầu vốn huy động.

Những tồn tại về phát triển kinh tế những năm 1991 - 1995 do trong chỉ đạo, điều hành của Đảng bộ, chính quyền, tỉnh mới dừng lại ở phương hướng, mục tiêu, chưa xây dựng được các dự án, giải pháp khả thi và việc vận dụng các chính sách, tạo môi trường thu hút đầu tư chưa tốt; lúng túng trong đề ra các biện pháp tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với một tỉnh nông nghiệp, chủ yếu độc canh cây lúa.

## **2. Chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân**

Bước sang những năm 1991 - 1995, trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến động, bên cạnh việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ, các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm phát triển lĩnh vực văn hóa - xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V xác định: Tạo bước chuyển biến về việc làm, ổn định ăn ở, học hành, đi lại, chăm lo sức khỏe và hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật cho nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến cũ. Từng bước thực hiện công bằng xã hội, hạ thấp tỷ lệ hộ nghèo khổ. Trên cơ sở mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất, hoạt động dịch vụ, điều hành tốt khâu phân

phối lưu thông và phát triển, nâng cao hệ thống kết cấu hạ tầng để nâng dần đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giảm bớt đến mức thấp nhất số hộ quá nghèo.

Hoạt động văn hóa - văn nghệ, báo chí, phát thanh, truyền hình được tỉnh chú trọng đầu tư, tập trung mở rộng và từng bước nâng cao chất lượng công tác thông tin đại chúng, trước hết là đài và báo với nội dung phù hợp yêu cầu của từng đối tượng, chú ý giới trẻ và nông dân. “Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đấu tranh chống tệ nạn mê tín dị đoan, những phong tục tập quán lỗi thời, các hoạt động văn hóa nghệ thuật gây độc hại, chạy theo thị hiếu thấp hèn, chống khuynh hướng thương mại hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, khôi phục hệ thống quản lý chuyên ngành văn hóa thông tin đến cơ sở”<sup>1</sup>. Do đó, trong những năm 1991 - 1995, hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình, văn hóa - văn nghệ có bước chuyển biến cơ bản, sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhất là các hoạt động thiết thực phục vụ các ngày lễ lớn đã đáp ứng yêu cầu hưởng thụ của quần chúng. Các tụ điểm sinh hoạt văn hóa được triển khai phần lớn ở nông thôn để nhân dân tiếp cận được các loại hình văn hóa hiện đại. Mặt khác, các loại hình hoạt động văn hóa mang tính truyền thống như ca nhạc tài tử, lễ hội, tham quan các khu di tích (Gò Tháp, Xẻo Quýt) được khôi phục và phát huy ở nhiều nơi. Phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa được triển khai có kết quả bước đầu. Lực lượng sáng tác văn học - nghệ thuật được tập hợp, bồi dưỡng, có thêm những tác phẩm hay, đạt nhiều giải thưởng.

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

Một trong những nhiệm vụ và giải pháp hàng đầu là “Phấn đấu thực hiện Luật phổ cập tiểu học và khôi phục phong trào học bổ túc văn hóa, xóa mù chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35”<sup>1</sup>. “Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, bảo đảm kinh phí và chuyển sang quản lý chuyên ngành để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Chú trọng giáo dục truyền thống đạo đức và pháp luật cho học sinh, sinh viên. Công tác đào tạo phải theo hướng đào tạo cơ bản, chuẩn bị đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật cho lâu dài và gắn với yêu cầu sử dụng ở cơ sở. Chuyển hình thức đào tạo tại chức ở tỉnh sang bồi dưỡng đào tạo lại theo chuyên đề, chuyên ngành để nâng cao kiến thức chuyên sâu cho cán bộ đương nhiệm... Mở rộng các hình thức hướng nghiệp và giới thiệu việc làm, dạy nghề, dạy ngoại ngữ, bồi dưỡng kỹ thuật theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mở rộng, củng cố hoạt động của các trung tâm dạy nghề hiện có, đi đôi với khuyến khích phát triển các hình thức dạy nghề trong nhân dân”<sup>2</sup>.

Trong mục tiêu chung, xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, do đó công tác giáo dục và đào tạo ngày càng được tỉnh quan tâm đầu tư cả về cơ sở vật chất lẫn kinh phí sự nghiệp. Tỉnh tập trung xây dựng, nâng cấp trường lớp, cải tiến công tác quản lý, chế độ, chính sách đối với giáo viên, đặc biệt là yêu cầu sử dụng đội ngũ có tiêu chuẩn học vấn,

---

1, 2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Từ năm 1991 đến năm 1995, tỉnh đã giải quyết được tình trạng học 4 - 5 ca và giảm hẳn số phòng học 3 ca; số học sinh các cấp hàng năm tăng bình quân 1,95%; đời sống và điều kiện giảng dạy của giáo viên khá hơn trước<sup>1</sup>, tỉnh đã giải quyết được tình trạng thiếu giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học<sup>2</sup>. Năm học 1995 - 1996, học sinh vào lớp 1 đạt 95,88% so với số trẻ em trong độ tuổi đến trường (6 tuổi), thực hiện chống mù chữ cho 9.664 người và phổ cập tiểu học cho 32.122 em. Đến năm 1995, toàn tỉnh có thị xã Sa Đéc và 15 xã, phường hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và 10 xã, phường hoàn thành xóa mù chữ. Hằng năm, có trên 1.500 học viên theo học, tập trung vào các ngành: Luật, kinh tế, kế toán, thuế, tài chính, xây dựng, ngoại ngữ, tin học, đáp ứng dần theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đối với hoạt động khoa học và công nghệ được coi như một lực lượng sản xuất vật chất trực tiếp - đã gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường được tỉnh chú trọng đầu tư. Nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, tỉnh đã đầu tư

---

1. Năm 1991, tỉnh trả kinh phí cho ngành giáo dục và y tế, do đó hai ngành này đã bước đầu tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc (không còn nợ lương giáo viên), từng bước phát triển.

2. Hằng năm toàn tỉnh có từ 15 - 30 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia; 70 - 150 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, 78 - 97% tốt nghiệp tiểu học, 61,8 - 91,7% tốt nghiệp phổ thông cơ sở và 64,4 - 78,1% tốt nghiệp phổ thông trung học. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh chuyển sang phổ thông trung học của tỉnh chỉ đạt 20 - 23%, đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc đào tạo nghề và cơ hội tìm việc làm của lực lượng lao động sau này.

hàng chục tỷ đồng để phát triển mạng lưới điện và hệ thống giao thông, tạo điều kiện phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ ở cả nông thôn, phục vụ tiêu dùng, tạo thêm việc làm, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân dân.

Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, Đảng bộ tỉnh chủ trương: “Thường xuyên củng cố, nâng cấp mạng lưới y tế ở cơ sở, đưa bác sĩ về xã, tăng cường trách nhiệm của đội ngũ thầy thuốc, nhằm đưa công tác phòng và trị bệnh từng bước đi vào nền nếp. Kết hợp y học dân tộc với y học hiện đại trong việc phòng, trị bệnh, nhất là chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tăng cường kiểm tra các cơ sở y, dược tư nhân, hạn chế các hình thức trị bệnh mê tín dị đoan đang lan truyền trong nhân dân”<sup>1</sup>. Đồng thời, tỉnh “Tập trung cho công tác dân số, xem đây là vấn đề chiến lược trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Hằng năm dành 1% ngân sách để chi cho công tác dân số đi đôi với vận động giáo dục và có chính sách khen thưởng, phấn đấu đến năm 1995, hạ tỷ lệ tăng dân số 0,06%/năm”<sup>2</sup>.

Nhờ chủ trương đúng đắn trên nên lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, trong đó, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu được chú trọng. Từ năm 1991 đến năm 1995, công tác y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân chuyển biến tốt theo 3 tuyến khá hoàn chỉnh: tuyến cơ sở, tuyến huyện và tuyến tỉnh. Trong đó, tuyến tỉnh là tuyến chuyên sâu được trang bị tương đối hiện đại với đội ngũ bác sĩ

---

1, 2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

và cán bộ sau đại học, chiếm gần 30%, do đó đã giải quyết hầu hết các trường hợp bệnh nặng. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho những người có đủ điều kiện mở phòng khám tư theo quy định của Nhà nước.

Việc chăm sóc bà mẹ và sức khỏe ban đầu trẻ em đạt kết quả khá, hằng năm có khoảng 60% bà mẹ mang thai được tiêm chủng phòng uốn ván, có từ 93 - 96% số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng đủ 6 bệnh. Công tác y tế dự phòng đã triển khai thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống dịch, phòng chống sốt rét, chương trình ARI, CDD<sup>1</sup>, chương trình dinh dưỡng, nha học đường, phòng chống bấu cổ, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS...

Riêng việc chống suy dinh dưỡng trẻ em và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được tập trung thực hiện, đã hỗ trợ 7.524 em bị suy dinh dưỡng nặng, 2.337 bà mẹ mang thai với tổng số tiền 1,3 tỷ đồng, nuôi dạy tập trung 93 em tại trường khuyết tật và 50 trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, đồng thời thành lập trường giáo dục thiếu niên nuôi dạy trẻ lang thang có nguy cơ phạm pháp tổng số là 59 em, có 353 em có dạng sứt môi hàm ếch và dị dạng khác được phẫu thuật.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đã có những chuyển biến tích cực, thực sự đi vào đời sống của người dân từ thành thị đến nông thôn, nhất là sự chuyển biến trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền. Kinh phí đầu tư cho công tác dân số được tăng dần và sử dụng có hiệu quả. Tăng cường đội ngũ cán bộ kết hợp với phát triển

---

1. ARI: Chương trình phòng nhiễm hô hấp cấp; CDD: Chương trình phòng chống tiêu chảy cấp.

mạng lưới tổ chức làm công tác dân số ngay trên địa bàn dân cư, đồng thời chú trọng làm tốt công tác truyền thông gắn với dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nâng số người tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình ngày càng tăng, đặc biệt là vận động nam giới thực hiện sinh đẻ kế hoạch<sup>1</sup>, góp phần làm giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh từ 2,05% năm 1991 xuống 1,72% năm 1995.

Công tác vệ sinh môi trường được chú trọng, đã triển khai chương trình nước sạch, vệ sinh đường phố, vệ sinh công nghiệp đạt được một số kết quả ban đầu. Chương trình nước sinh hoạt nông thôn do UNICEF tài trợ cùng với vốn ngân sách địa phương và do nhân dân đóng góp đến năm 1995 đã đạt được những kết quả tích cực, đã khoan được 2.522 giếng, xây 1.825 bể chứa nước mưa, có 393.000 người dùng nước sạch chiếm khoảng 30% dân số nông thôn. Tuy nhiên, tồn tại lớn nhất là nguồn nước sạch, xử lý phân rác, xử lý nước thải ở thị xã, thị trấn, thiếu các giải pháp đồng bộ và kinh phí.

Trong những năm 1991 - 1995, công tác giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm, với nguồn vốn đầu tư hàng chục tỷ đồng từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, các dự án xây dựng vùng kinh tế mới, chương trình xóa đói giảm nghèo, quỹ tương trợ sản xuất trong nội bộ nhân dân và tín dụng ngân hàng đã giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn người<sup>2</sup>. Việc mở rộng sản xuất và hoạt động dịch vụ của các thành phần

---

1. Triệt sản ở nam giới: nếu như năm 1991 có 9 người thì đến năm 1994 tăng lên 391 người và năm 1995 là 1.000 người.

2. Giải quyết việc làm từ quỹ quốc gia thực hiện từ năm 1992 đến năm 1995, đã cấp vốn vay 11.936 triệu đồng, duyệt 192 dự án (trong đó có 44 dự án quay vòng), giải quyết việc làm cho 26.777 lượt lao động.

kinh tế đã giải quyết nhiều việc làm cho người lao động. Đồng thời, bảo đảm trả lương kịp thời cho những người hưởng lương hành chính sự nghiệp và cán bộ hưu trí...

Quá trình thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, song khoảng cách giàu, nghèo chưa được thu hẹp và có xu hướng gia tăng, do đó, tỉnh ban hành nhiều chủ trương và giải pháp thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo. Ngày 07/10/1992, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 01-CT/TU về việc mở rộng cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo trong toàn tỉnh; qua đó xác định xóa đói, giảm nghèo là chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành để tổ chức thực hiện thắng lợi cuộc vận động. Phấn đấu đến năm 1995, không còn hộ quá đói nghèo, tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 15% so với tổng số hộ.

Qua các chương trình giải quyết việc làm từ quỹ quốc gia, xóa đói giảm nghèo, vốn tín dụng, xây dựng nông thôn mới, đã giải quyết được nạn thiếu đói và giảm tỷ lệ hộ đói nghèo trong tỉnh đạt mức bình quân 2%/năm. Đến cuối năm 1995, tỷ lệ hộ nghèo đói của tỉnh là 9,67% giảm 8% so với năm 1990. Từng bước đổi mới và mở rộng hoạt động bảo hiểm xã hội. Đưa dần công tác bảo hiểm vào hạch toán, từng bước tách quỹ bảo hiểm ra khỏi ngân sách. Kết hợp với các tổ chức từ thiện, tôn giáo, nhân đạo trong và ngoài nước để giúp đỡ, chăm sóc những người tàn tật, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa.

Tỉnh chú trọng “Làm tốt công tác vận động nhân dân cùng Nhà nước chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, các đối



tượng chính sách khác và những gia đình thật sự khó khăn”<sup>1</sup>. Được sự ủng hộ và chung tay góp sức nhiệt tình của nhân dân, vì vậy, công tác này đạt nhiều kết quả tốt, góp phần giải quyết khó khăn bước đầu cho các gia đình chính sách. Từ đầu năm 1990 đến 1995, tỉnh đã xây dựng 1.272 căn nhà tình nghĩa; hỗ trợ đời sống bằng tiền, mỗi suất từ 4-5 triệu đồng cho 224 bà mẹ già yếu có con liệt sĩ với tổng số tiền 1.203 triệu đồng... Việc phổ biến và thực thi pháp luật, cùng những chính sách ưu đãi người có công, phát hiện chăm sóc những cá nhân có năng khiếu, đào tạo, phát huy nhân tài, chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, các hộ neo đơn, triển khai bảo hiểm y tế, chống buôn lậu, tham nhũng... góp phần giảm bớt khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội. Việc thực hiện các chính sách xã hội, nhất là đối với gia đình chính sách được xã hội hóa nhanh.

Để góp phần nâng cao đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân, tỉnh chú trọng “Nâng cấp xây dựng thêm các cơ sở, công trình văn hóa đi đôi với củng cố, nâng chất lượng hoạt động của các đoàn nghệ thuật, các đội thông tin lưu động. Từng bước hướng dẫn, nâng cao trình độ hiểu biết và hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của nhân dân một cách lành mạnh. Chăm lo việc sáng tạo, phát huy các giá trị văn hóa, vun đắp các tài năng, sưu tầm, giữ gìn và nâng cao các loại hình sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật dân gian... Quan tâm vận động nếp sống mới, gia đình văn hóa mới... Đồng thời, khôi phục, xây dựng các tổ chức và cơ sở hoạt động thể dục,

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

thể thao, đi đôi với đào tạo cán bộ chuyên môn, nhất là ở các trường học, lấy lực lượng học sinh làm nòng cốt cho phong trào quần chúng tham gia rèn luyện thân thể, nâng cao chất lượng thi đấu”<sup>1</sup>.

Do đó, công tác thể dục thể thao giai đoạn 1991 - 1995, từng bước được tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, lực lượng và chất lượng, qua đó phát huy được vai trò, nhiệm vụ của ngành theo nhu cầu ngày càng cao của xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tập luyện và thưởng thức các cuộc trình diễn thể dục, thi đấu thể thao. Các môn thể dục thể thao, nghệ thuật ngày càng phát triển, hàng năm tỉnh đều tổ chức thi đấu và tham dự các cuộc tranh tài trong khu vực và cấp quốc gia, quốc tế, đặc biệt các môn bóng đá, cờ vua, bóng chuyền, đá cầu, võ thuật<sup>2</sup>... đã đạt được nhiều giải cao, qua đó, góp phần đào tạo và đóng góp vận động viên đẳng cấp quốc tế và quốc gia. Tỉnh chú trọng công tác bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa của địa phương, đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử, các điểm du lịch (Gò Tháp, khu di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Tràm Chim...), liên kết với các tổ chức du lịch trong và ngoài nước để mở rộng hoạt động du lịch. Do đó, hoạt động du lịch trong thời gian này có khởi sắc đáng kể.

Như vậy, trong những năm 1991 - 1995, lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt thành tựu đáng kể, góp phần giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc. Trên các mặt của đời sống xã hội có sự chuyển biến khá rõ nét: đời sống

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

2. Môn bóng đá và cờ vua là thế mạnh của tỉnh.

vật chất và tinh thần của đa số nhân dân có bước cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên, nông thôn tiếp tục đổi mới, bộ mặt thị xã, thị trấn thay đổi mạnh, thể hiện là trung tâm kinh tế, văn hóa và chính trị của khu vực trong tỉnh. Đó là kết quả triển khai các đề án về kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 5 khóa VII và các chương trình của tỉnh như: Xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, giúp đỡ các gia đình chính sách, tương trợ nhau trong nội bộ nhân dân, cùng với việc xây dựng nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống.

Tuy nhiên, sự chuyển biến về mặt văn hóa - xã hội và đời sống còn chậm so với yêu cầu cuộc sống ngày càng nâng lên. Các mục tiêu đề ra như không còn hộ đói và hộ quá nghèo, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ, xóa lớp học ca 3, xóa cầu khỉ ở nông thôn đạt kết quả thấp. Bên cạnh đó, một bộ phận nhân dân, trong đó có người Việt sinh sống ở Campuchia hồi hương, người dân ở vùng kinh tế mới, vùng sâu chưa thoát khỏi nghèo đói, chưa có việc làm, cuộc sống chưa ổn định. Công bằng xã hội còn nhiều vấn đề phải tiếp tục giải quyết<sup>1</sup>. Số trẻ em đến tuổi chưa đến trường, số học sinh tiểu học bỏ học, số phòng học ca 3, phòng tre lá và hư hỏng cần sửa chữa còn chiếm tỷ lệ cao, tình trạng thiếu giáo viên khắc phục

---

1. Điều kiện về nhà ở của nhân dân, trong đó có dân cư sống ở vùng đầu nguồn nước lũ, vùng Đồng Tháp Mười chưa được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ hộ dân ở nông thôn dùng điện lưới quốc gia còn rất thấp. Vệ sinh môi trường ở các khu tập trung dân cư chưa được đảm bảo, trên phạm vi toàn tỉnh, chỉ có 30% số hộ dùng nước sạch theo chương trình nước sạch nông thôn. Trẻ em suy dinh dưỡng vẫn còn 43,9%. Vùng nông thôn tỷ lệ sinh còn cao, mức hưởng thụ văn hóa thấp.

chậm, đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Tệ nạn xã hội thâm nhập vào cả học sinh có mặt gia tăng... Việc ngăn chặn lưu hành các loại văn hóa phẩm đồi trụy, không lành mạnh, tệ mê tín dị đoan đạt kết quả thấp. Công tác xây dựng nếp sống văn hóa, phát huy văn hóa truyền thống chưa trở thành phong trào quần chúng và chưa có định hướng, xác định cái gì cần giữ, cái gì cần xóa.

Tồn tại trên có nguyên nhân do công tác lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước ở lĩnh vực văn hóa - xã hội còn hụt hẫng cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ; và chưa có phương thức thích hợp tiến hành xã hội hóa các hoạt động văn hóa - xã hội.

### 3. Giữ vững quốc phòng - an ninh

Những năm cuối thập niên 80 đến những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, cục diện chính trị thế giới có những thay đổi lớn tác động rất tiêu cực đến cách mạng nước ta, trong đó có lĩnh vực quân sự - quốc phòng và an ninh. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào thời kỳ khủng hoảng sâu sắc, toàn diện và tan rã, sụp đổ. Các cam kết viện trợ kinh tế và quân sự đều bị cắt đứt. Sức ép bao vây cấm vận kinh tế ngày càng gia tăng đồng thời với các tổ chức phản động Việt Nam lưu vong xâm nhập móc nối, xây dựng lực lượng phản động trong nước âm mưu bạo loạn lật đổ và “diễn biến hòa bình”. Ngày 23/10/1991, Hiệp định Pari về Campuchia được ký kết. Chính quyền Nhà nước Campuchia hiện hành bị vô hiệu hóa dưới sự kiểm soát của một phái bộ Liên hợp quốc (Cơ quan chuyển tiếp Liên hợp quốc tại Campuchia), gọi tắt là UNTAC,

trực tiếp cai quản 5 bộ (Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao, Tài chính và Thông tin), tổ chức Tổng tuyển cử trên toàn quốc theo thể chế đa nguyên chính trị - đa đảng đối lập (tháng 7/1993). Theo điều khoản của Hiệp định, các phái Campuchia thù địch với Việt Nam được tự do ra vào nội địa Campuchia hoạt động tranh cử. Các lực lượng phản động Việt Nam lưu vong theo chân UNTAC vào Campuchia lập căn cứ làm bàn đạp xâm nhập về nước chống phá Việt Nam. Do đó, công tác củng cố an ninh, quốc phòng, đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trở thành nhiệm vụ cấp bách, trọng yếu và thường xuyên của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, trong đó có Đồng Tháp.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra mục tiêu cụ thể trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh trong 5 năm 1991 - 1995 là: Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tốt biên giới của Tổ quốc, bảo vệ chế độ. Tiếp tục xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng huyện biên giới phát triển đồng bộ, toàn diện, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. “Tập trung củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, từng bước hoàn thiện thể trận chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, chuẩn bị thể trận sẵn sàng đối phó mọi tình huống. Khẩn trương xây dựng tuyến biên giới thành khu vực phòng thủ toàn diện, vững chắc. Từng trọng điểm hình thành thể trận liên hoàn, kết hợp chặt các lực lượng tạo sức mạnh tổng hợp bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống địch đột nhập gây rối, xâm lược biên giới và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Các huyện, thị phía sau căn cứ vào kế hoạch phòng thủ khu vực

mà xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội phù hợp với tình thế tại chỗ, tạo thành sức mạnh sẵn sàng đập tan mầm mống bạo loạn, sẵn sàng chi viện cho các huyện biên giới. Tăng cường giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, xây dựng tổ chức đảng, Đoàn Thanh niên trong lực lượng vũ trang vững mạnh, kiên định vững vàng về chính trị, xứng đáng là lực lượng tin cậy, trung thành với sự nghiệp của Đảng. Thường xuyên giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội bằng xây dựng lực lượng thường trực của quân đội, công an trung thành với sự nghiệp cách mạng, có trình độ chuyên môn ngày càng cao, đi đôi với củng cố và phát triển các hình thức tổ chức quần chúng giữ gìn trật tự như ban nhân dân tự quản, tổ an ninh nhân dân, dân quân tự vệ... đủ sức đấu tranh chống các thế lực phản động và bọn tội phạm. Có kế hoạch cụ thể về xây dựng biên giới về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội, để chủ động đối phó mọi tình huống. Chủ yếu là tập trung cho phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, trước hết là ổn định sản xuất, xây dựng hệ thống thủy lợi, trường học, y tế, giao thông, các chợ xã, huyện. Đi đôi với tăng cường lãnh đạo công tác an ninh quốc phòng, phải kiên quyết chống tham nhũng, buôn lậu”<sup>1</sup>.

Căn cứ Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 10/12/1991 của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 08/5/1992 về *nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ biên giới*. Nghị quyết xác định nhiệm vụ: Tập trung xây dựng tuyến biên giới không ngừng được nâng cao, vững vàng về

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

chính trị, vững mạnh về an ninh - quốc phòng, trên cơ sở đó phát huy sức mạnh tổng hợp sẵn sàng đối phó có hiệu quả với mọi tình huống xấu, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh của Tổ quốc. Nghị quyết đề ra yêu cầu: Xác định nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ biên giới là nhiệm vụ của toàn Đảng bộ, các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, tiến hành theo kế hoạch thống nhất, nòng cốt là các lực lượng có chức năng (biên phòng, công an, quân sự, hải quan...). Đồng thời, xây dựng và bảo vệ biên giới phải tiến hành khẩn trương, có trọng điểm, kết hợp chặt chẽ giữa chính trị, kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và ngược lại; xây dựng các huyện, xã biên giới phải đi đôi với các huyện phía sau. Bên cạnh đó, hết sức kiểm chế, thận trọng khi xử lý mọi tình huống phát sinh, thực hiện đúng nội dung Hiệp định Pari về Campuchia, giữ mối đoàn kết truyền thống giữa nhân dân sống hai bên biên giới, song phải đấu tranh kiên quyết với mọi hành động xâm phạm chủ quyền và an ninh Tổ quốc.

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, Nghị quyết đề ra một số biện pháp cụ thể: Xây dựng huyện, xã biên giới vững mạnh về chính trị, phát triển về kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Giữ vững an ninh, ổn định trật tự, bảo đảm sự ổn định chính trị ở huyện, xã biên giới; trong đó, các ngành chức năng nhanh chóng xây dựng, bổ sung các phương án đối phó với mọi âm mưu, hành động gây rối, gây bạo loạn, tuyên truyền chiến tranh tâm lý, chủ động loại trừ dần những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị, gây rối an ninh trật tự trên tuyến biên giới, chú ý các khu vực trọng điểm, có biện pháp quản lý chặt biên giới, cửa khẩu, nhất là chống địch xâm nhập, chống buôn lậu, chống thâm nhập các loại văn hóa

phản động, đòi truy và chấm dứt người qua lại biên giới trái phép. Xây dựng, củng cố lực lượng và thế trận phòng thủ, bảo đảm sẵn sàng đối với mọi tình huống xấu, bảo vệ vững chắc biên giới; trong đó, tập trung xây dựng, củng cố các lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới đảm bảo được vai trò nòng cốt trong đấu tranh chính trị, đấu tranh pháp lý, chú trọng lực lượng bộ đội biên phòng, bộ đội địa phương và dân quân các xã biên giới. Lực lượng biên phòng phải được tăng cường số lượng, phương tiện, được huấn luyện tốt về nghiệp vụ, tư tưởng vững vàng, đủ sức làm nòng cốt quản lý thực hiện quy chế biên giới và đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới... Đồng thời, từng bước xây dựng thế trận phòng thủ biên giới vững chắc.

Bên cạnh đó, việc chấn chỉnh, củng cố tổ chức, tinh giản biên chế lực lượng được tiến hành từng bước chặt chẽ. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện chỉ đạo của Tư lệnh Quân khu 9 tổ chức một số đơn vị trực ban sẵn sàng chiến đấu: Tiểu đoàn 502 (năm 1990), 2 đại đội địa phương của 2 huyện biên giới (tháng 6/1991), đại đội thiết giáp, đại đội trinh sát (tháng 11/1992), đại đội công binh xây dựng công trình (tháng 3/1993). Ngoài ra, tỉnh còn duy trì 2 đại đội “kinh tế quốc phòng”<sup>1</sup> cho 2 huyện biên giới, mỗi huyện, thị nội địa có một trung đội “kinh tế

---

1. Trang bị và hưởng mọi chế độ, chính sách như bộ đội địa phương trên cơ sở bản thân từng đơn vị lao động sản xuất kinh doanh tự cung, tự cấp (trên không cấp ngân sách). Nhiệm vụ của nông trường Giồng Găng xây dựng phát triển thế trận quốc phòng và chuyển hóa thế trận chiến tranh nhân dân trên hướng phòng thủ biên giới, ngoài việc tự cung cấp tự nuôi, hằng năm, nông trường còn phải nộp một phần lợi nhuận cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.



quốc phòng”. Các đơn vị kinh tế quốc phòng trực thuộc huyện, thị chỉ tồn tại đến cuối năm 1993<sup>1</sup>.

Ngày 02/4/1993, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 07-KH/TU về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hòa bình của địch. Qua đó, quán triệt nhiệm vụ và quan điểm cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh, chống diễn biến hòa bình của địch cho các ngành, các cấp, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh. Trong nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với các tình huống khác.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên, một số quan điểm cơ bản và tư tưởng chỉ đạo được Tỉnh ủy đề ra là: Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ an ninh, hai mặt có quan hệ khăng khít với nhau. Củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn dân và hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước để xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân,

---

1. Riêng Tiểu đoàn “kinh tế quốc phòng” Giồng Găng (Nông trường Giồng Găng) vẫn tồn tại và phát triển đến năm 2006 được Bộ Quốc phòng chuyển thể thành Đoàn kinh tế 959 được xếp vào biên chế chính thức của lực lượng thường trực tương đương cấp lữ đoàn.

kết hợp chặt với thế trận chiến tranh nhân dân... Bên cạnh đó, ra sức ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh, chú ý phát triển đảng viên trong quân đội và công an. Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng - nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Một số nhiệm vụ, biện pháp về quốc phòng được đề ra là: Chấp hành tốt nhiệm vụ phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ của địch, trước hết ở những xã biên giới, thị xã, thị trấn và vùng tập trung dân cư có đạo, chú ý địa bàn có các cơ quan đầu não của Đảng, chính quyền, các mục tiêu kinh tế quan trọng. Tiếp tục xây dựng tuyến biên giới vững mạnh toàn diện theo Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Bên cạnh đó, tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Tận dụng đất đai, cơ sở vật chất do quân đội quản lý sử dụng thời gian nhàn rỗi và phát huy tiềm năng về kỹ thuật của cán bộ, chiến sĩ để sản xuất và cải thiện đời sống cho bộ đội tập trung. Bảo đảm trang bị, kỹ thuật cho yêu cầu tối thiểu của lực lượng vũ trang thường trực, lực lượng dân quân ở biên giới và chuẩn bị một số trang bị dự phòng cho triển khai lực lượng trong thời chiến. Từng bước xây dựng, nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ cán bộ quân sự, trước hết là chất lượng chính trị, trình độ chỉ huy, chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức khoa học, kỹ thuật,

năng lực quản lý, phong cách công tác và quan hệ với quần chúng... Trong các biện pháp trên, công tác xây dựng Đảng trong quân đội được đặc biệt coi trọng.

Với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả của các cấp ủy đảng trong thực hiện các nghị quyết, kế hoạch của Tỉnh ủy, công tác an ninh, quốc phòng có nhiều tiến bộ, góp phần nâng cao khả năng đối phó với mọi tình huống xấu, nhất là phòng chống bạo loạn và lấn chiếm biên giới. Chống “diễn biến hòa bình” được nội bộ và một bộ phận nhân dân quan tâm; nhiều đơn vị, cơ quan xây dựng phương án cụ thể. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu; hệ thống hội đồng tự quản cơ sở, ban tự quản khóm, ấp, khu phố ở nhiều nơi được củng cố về tổ chức, hoạt động gắn với lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo vai trò nòng cốt trong bảo vệ an ninh trật tự tại chỗ. Công tác huấn luyện, tập huấn lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, cán bộ xã, phường đội và công an ở cơ sở thực hiện theo chương trình hằng năm, nhiều đơn vị hoạt động đi vào nền nếp, làm khá tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Lực lượng vũ trang tư tưởng ổn định, luôn thể hiện lòng trung thành với Đảng và nhân dân, được sắp xếp, tổ chức phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ từng bước đào tạo lại theo hướng tiêu chuẩn hóa.

Khu vực biên giới tiếp tục củng cố lực lượng, điều chỉnh, bố trí dân cư, trồng cây cải tạo địa hình, xây dựng các cụm chiến đấu, đồn, trạm biên phòng, xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra ở biên giới.

Bước sang năm 1995, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội còn tiếp tục diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tiếp

tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, hòng làm chuyển hóa, gây bạo loạn, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trên tuyến biên giới, do những tác động từ cục diện chính trị ở Campuchia, có thể xuất hiện những tình huống căng thẳng do kiêu bào ta bị xua đuổi, khủng bố chạy về nước, thành phần phản cách mạng Campuchia đưa dân lấn chiếm biên giới, thế lực phản động lưu vong tăng cường các hoạt động tình báo, gián điệp, xâm nhập, mua chuộc, kích động các phần tử cực đoan... Trong nước, các thế lực thù địch thực hiện thủ đoạn “diễn biến hòa bình” quyết liệt và ngày càng tinh vi. Bên cạnh đó, công tác quốc phòng - an ninh còn những tồn tại và khuyết điểm: Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn chủ quan, mất cảnh giác, chưa kiên quyết, kém hiệu quả trong đấu tranh chống các hoạt động phản cách mạng, hành vi phạm pháp và tệ nạn xã hội... gây bất bình trong nhân dân. Mặt khác, tình trạng qua lại biên giới, buôn lậu không giảm; năng lực của đội ngũ cán bộ, sĩ quan còn hụt hẫng so với yêu cầu, nhiệm vụ.

Trước tình hình trên, ngày 09/3/1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về *nhiệm vụ quốc phòng năm 1995*. Nghị quyết khẳng định, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, giữ vững ổn định chính trị, sẵn sàng đối phó các tình huống xảy ra. Để thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng năm 1995, Nghị quyết đề ra một số nhiệm vụ đối với các cấp ủy đảng, các ngành: Tiếp tục quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ trật tự an toàn xã hội mạnh mẽ và rộng khắp; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện mơ

hồ mất cảnh giác. Tập trung phát triển kinh tế, giải quyết tốt chính sách xã hội, chính sách hậu phương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, củng cố niềm tin của nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng, các xã được tuyên dương anh hùng. Tăng cường củng cố khả năng phòng thủ của tỉnh, trọng điểm là các huyện biên giới đạt yêu cầu chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Tích cực củng cố lực lượng vũ trang, nâng cao khả năng hoàn thành nhiệm vụ trong các tình huống. Tăng cường xây dựng các đảng bộ quân sự, nâng chất lượng đội ngũ sĩ quan, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội...

Nhằm nâng cao chất lượng, củng cố tổ chức hoạt động, cơ quan quân sự tiến hành rà soát tổng phúc tra cắt giảm số lượng dân quân - tự vệ từ 8% so với dân số năm 1988 còn 1,92% (27.814 người) vào năm 1995<sup>1</sup>. Hạ cấp quy mô tổ chức tự vệ từ cấp tiểu đoàn xuống cấp đại đội; dân quân cơ động từ cấp đại đội xuống cấp trung đội; mỗi cơ quan cấp tỉnh tổ chức tiểu đội tự vệ; doanh nghiệp, xí nghiệp, nhà máy tùy quy mô công nhân, viên chức tự vệ cấp trung đội hoặc đại đội. Đại đội là hình thức tổ chức cao nhất cho lực lượng tự vệ; mỗi xã có 1 trung đội dân quân cơ động chiến đấu và nhiều tiểu đội dân

---

1. Về lực lượng dự bị I có 11.795 quân đủ điều kiện sẵn sàng động viên biên chế cho 1 trung đoàn tỉnh, 11 tiểu đoàn huyện, thị và dự trữ cho Bộ Tổng tham mưu; dự bị II có 13.700 quân; 30% phương tiện giao thông thủy bộ có thể động viên phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; động viên các xí nghiệp cơ khí chuyển sang nhiệm vụ quốc phòng, riêng xí nghiệp cơ khí tỉnh, phát huy hết công suất sản xuất vỏ đạn súng cối 82 ly, 60 ly và sản xuất lựu mìn... theo đơn đặt hàng của Quân khu 9.

quân tại chỗ (ấp), dân quân phòng không, trinh sát quân báo. Do được kiện toàn lại tổ chức và sắp xếp lại lực lượng phù hợp với tình hình thực tiễn nên chất lượng được nâng lên rõ rệt và được bố trí kinh phí địa phương cộng với thu quỹ bảo trợ quốc phòng, bảo đảm 70% dân quân cơ động chiến đấu huấn luyện ít nhất từ 7 đến 10 ngày/năm và luân phiên hoạt động tuần tra canh gác, bảo vệ an ninh trật tự địa phương, 50% dân quân tại chỗ huấn luyện ít nhất từ 3 - 5 ngày/năm. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 5%. Bí thư cấp ủy xã, phường đảm trách vai trò chính trị viên xã đội, phường đội. 95% xã đội trưởng, phường đội trưởng tham gia cấp ủy. Cán bộ xã, phường đội được đào tạo xã, phường đội trưởng tại trường quân sự địa phương thời gian 3 tháng. Trung đội trưởng dân quân được thụ huấn kỹ năng huấn luyện và chiến đấu 45 ngày.

Nhìn chung, công tác quốc phòng, an ninh trong giai đoạn này đạt nhiều kết quả quan trọng. Tình hình biên giới ổn định, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo. Quan hệ hữu nghị giữa tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Prey Veng (Campuchia) tiếp tục được củng cố và duy trì. Hằng năm đều hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân và tuyển sinh quân đội do Bộ Quốc phòng và Quân khu giao.

Việc xây dựng tuyến phòng thủ biên giới được thực hiện theo kế hoạch, Tỉnh ủy luôn bám sát các nghị quyết, chỉ thị, nhiệm vụ cấp trên, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng sát thực tiễn tình hình địa phương và có những sáng tạo được cấp trên đánh giá cao và chỉ đạo nhân rộng, điển hình như: Năm 1990, có quyết định táo bạo đưa Tiểu đoàn 502 hành quân dã ngoại về vùng kháng chiến cũ huấn luyện dài ngày kết hợp

với lao động, giúp dân<sup>1</sup>, đồng cam, cộng khổ với nhân dân vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến cũ, được dân yêu thương, làm sống động tình quân dân ruột thịt - cá nước, tạo nên một điều kỳ diệu bất ngờ là dù huấn luyện, lao động giúp dân cực nhọc, nơi sinh hoạt khó khăn nhưng quân nhân không đào bỏ ngũ. Cán bộ, chiến sĩ quen thuộc địa bàn, biết cách sinh hoạt của chiến binh và tình hình an ninh trật tự nơi đơn vị trú quân chuyển biến tích cực<sup>2</sup>. Sáng tạo độc đáo thứ hai là: Năm 1991, trong khi cấp trên yêu cầu lập vành đai trắng khu vực biên giới, tránh đụng độ tranh chấp, thì Tỉnh ủy chủ trương dồn hết nguồn lực dự trữ để nạo vét sông Sở Hạ, kinh, mương trên biên giới, tạo nguồn nước tưới tiêu, tăng diện tích lúa hai vụ và dùng bùn đất nạo vét đắp thành các cụm gò có độ cao vượt mức nước lụt để bố trí dân cư, hình thành cụm kinh tế - xã hội kết hợp quốc phòng dọc tuyến biên giới, làm tốt chức năng bảo vệ biên giới hòa bình, hữu nghị, được Quân khu 9 đánh giá cao, chỉ đạo các tỉnh có biên giới nghiên cứu vận dụng...

Tuy nhiên, công tác quân sự, quốc phòng còn tồn tại những hạn chế lớn: Việc lãnh đạo, quản lý hậu phương quân đội và tuyển thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự chưa chặt chẽ, hiệu quả không cao, biểu hiện là số thanh niên làm nghĩa vụ quân sự chiến đấu trên chiến trường Campuchia kém giác

---

1. Thời gian này các đơn vị thường trực sẵn sàng chiến đấu hầu hết đều đóng quân trong căn cứ có rào cổng canh gác chặt chẽ ngăn chặn đào bỏ ngũ.

2. Hoạt động của Tiểu đoàn 502 được Bộ Tư lệnh Quân khu 9 khen ngợi và chỉ đạo trung đoàn Quân khu nhân rộng điển hình thực hiện “hoạt động dã ngoại huấn luyện, kết hợp vận động quần chúng” là một nội dung thực hiện Nghị quyết số 08B-NQ/TW khóa VI “Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng” và là cách “xây dựng thể trận lòng dân”.

ngộ nên tỉ lệ đào bỏ ngũ rất cao<sup>1</sup>. Việc tổ chức lực lượng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân nhiều lúc, nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ sĩ quan thường trực giai đoạn 1988 - 1993 luôn luôn vừa thiếu, vừa thừa. Thiếu cán bộ đủ phẩm chất, năng lực đảm đương chức trách, nhiệm vụ được giao, thừa cán bộ yếu kém, có lúc thiếu trầm trọng sĩ quan trẻ biên chế chỉ huy, quản lý cấp phân đội. Đồng Tháp là tỉnh thuần nông thường xuyên bị ngập lụt tàn phá, hạ tầng kinh tế yếu kém nên không đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng và nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, còn chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu của kẻ thù, nhất là đối với các hoạt động “diễn biến hòa bình” của địch, nên trong triển khai xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân trên địa bàn tỉnh chưa đồng bộ và vững chắc. Một bộ phận tổ chức an ninh nhân dân ở khu dân cư, dân quân, tự vệ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp, lực lượng dự bị động viên nhiều nơi chưa ổn định về tổ chức, tỷ lệ huấn luyện đạt thấp, hoạt động kém hiệu quả. Lực lượng vũ trang thường trực năng lực và khả năng sẵn sàng chiến đấu còn có nhiều mặt hạn chế so với yêu cầu nhiệm vụ trong giai

---

1. Diễn hình là cuối năm 1986, tỉnh Đồng Tháp giao 80 quân cho Trung đoàn 1 trên Mặt trận 979, nhưng chỉ sau 1 tháng 75 quân nhân đào bỏ ngũ (chiếm 93% số quân giao). Đến năm 1994, số thanh niên tỉnh Đồng Tháp đang thi hành nghĩa vụ quân sự đào bỏ ngũ là trên 8.000 quân nhân.



đoạn mới. Công tác tuyển quân tuy đạt chỉ tiêu, nhưng chất lượng chưa bảo đảm.

Các nhân tố gây mất ổn định chính trị như tranh chấp đất đai, tội phạm, phân hóa giàu - nghèo; một số cán bộ, đảng viên cửa quyền, ức hiếp quần chúng, bị tha hóa bởi mặt trái của cơ chế thị trường... có nơi, có lúc phát triển, là kẻ hở cho kẻ địch và bọn xấu lợi dụng khai thác chống phá ta. Tiến độ triển khai kế hoạch xây dựng và bảo vệ tuyến biên giới chậm, tình hình biên giới còn phức tạp, người dân chưa thật sự yên tâm sinh sống lâu dài, là nơi kẻ địch lợi dụng hoạt động thâm nhập, móc nối xây dựng cơ sở chống cách mạng. Sở dĩ có tình trạng trên là do sự chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các lực lượng, cơ quan, đơn vị có chức năng xây dựng và bảo vệ biên giới chưa chặt và đồng bộ.

#### **4. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

##### **4.1. Công tác xây dựng Đảng**

Bước sang giai đoạn 1991 - 1995, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường, sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã tác động mạnh mẽ đến niềm tin và lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhân dân và một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo cấp cao dao động, thậm chí phản bội chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các thế lực thù địch đẩy mạnh “diễn biến hòa bình” kết hợp đưa lực lượng Việt Nam lưu vong xâm nhập biên giới về nước (trong đó, có một số lao động, học tập ở Liên Xô - Đông Âu), tổ chức móc nối lực lượng phản động, âm mưu bạo loạn, lật đổ, thay đổi thể chế chính trị.

Trong bối cảnh đó, để tăng cường công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra những nhiệm vụ, biện pháp lớn trong 5 năm 1991 - 1995 là: Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng với công tác vận động quần chúng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội bằng việc thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, có các chủ trương, chính sách nhất quán, phù hợp với lợi ích chính đáng của quần chúng, nhằm từng bước khôi phục niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền. Công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1991 - 1995, đặt trọng tâm vào củng cố tư tưởng chính trị và tổ chức, dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, nói và làm theo nghị quyết.

“Thường xuyên giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, ý thức vì lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, lợi ích nhân dân mà phục vụ, bằng hành động gương mẫu trong công tác, trong sinh hoạt, bằng kết quả lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, vi phạm pháp luật, làm tổn hại đến uy tín Đảng. Mặt khác, tăng cường giáo dục lý tưởng cộng sản, giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân, chú ý lực lượng trẻ và đội ngũ trí thức. Chấn chỉnh tổ chức và bộ máy Đảng theo quy định của Trung ương. Hướng xây dựng cấp ủy đảng sắp tới phải bảo đảm trí tuệ, năng lực và có phẩm chất chính trị. Cán bộ công tác Đảng phải có năng lực và phẩm chất tương đối toàn diện. Có kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các chi, đảng bộ cơ sở bảo đảm làm được hạt nhân trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng và chính quyền cấp cơ sở.

Giữ vững nền nếp tự phê bình và phê bình ở các kỳ sinh hoạt lệ của chi, đảng bộ, thực hiện nghiêm chỉnh công tác kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ và nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường các biện pháp quản lý đảng viên từ cơ sở. Mở rộng các hình thức đảng viên và quần chúng định kỳ, đóng góp ý kiến xây dựng Đảng. Phấn đấu đưa trên 50% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Đến cuối nhiệm kỳ có từ 70 - 80% đảng bộ huyện, thị và tương đương vững mạnh. Việc kết nạp đảng viên mới phải bảo đảm tiêu chuẩn, nhất là tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, chú trọng phát triển đảng viên ở các đơn vị giáo dục, y tế, khoa học - kỹ thuật và sản xuất kinh doanh.

Kiên quyết làm rõ và công khai các vụ việc quần chúng tố cáo cán bộ, đảng viên, những việc tiêu cực trong nội bộ Đảng. Mạnh dạn xử lý, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên có hành động gây phương hại đến uy tín của Đảng, trước hết là các đối tượng tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, thoái hóa biến chất, bị quần chúng lên án. Chấn chỉnh quy chế về phân cấp quản lý cán bộ, đảng viên và chính sách cán bộ, trước hết là phòng trị bệnh và nhà ở phù hợp với tình hình chung. Chú ý giúp đỡ các đảng viên quá nghèo khó. Rà soát lại phương án quy hoạch, đào tạo cán bộ, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, có trình độ chuyên môn cao, tương xứng với công việc được phân công. Chú ý công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ theo yêu cầu cơ chế mới và được xã hội chấp nhận.

Các cấp ủy đảng cần quan tâm đúng mức việc bồi dưỡng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền

phong Hồ Chí Minh thành lực lượng hậu bị vững chắc, kế tục vững vàng sự nghiệp cách mạng của Đảng”<sup>1</sup>.

Ngay sau Đại hội, từ ngày 8 đến ngày 10/2/1992, Tỉnh ủy Đồng Tháp mở hội nghị cán bộ để triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức triển khai từ cuối tháng 02 đến trung tuần tháng 3/1992, hoàn thành đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, ngày 12/9/1992, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 03-CTr/TU, trong đó nhấn mạnh: “Trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của địch và tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp, công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt có tính sống còn của đất nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Để đảm bảo cho Nghị quyết của Đại hội VII của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được thực hiện thắng lợi, công tác xây dựng, củng cố Đảng trong tỉnh đến năm 1993 cần tập trung các yêu cầu sau:

- Nâng cao kiến thức, năng lực và đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, củng cố lòng tin tuyệt đối vào đường lối và mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở xã phường những cơ sở có vị trí trọng yếu.

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

- Thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với cơ quan chính quyền, các đoàn thể chính trị và các tổ chức xã hội. Đảng phải luôn thể hiện là hạt nhân lãnh đạo toàn diện của từng tổ chức, địa phương, đơn vị.

Công cuộc đổi mới dần đi vào chiều sâu, trọng trách lãnh đạo của Đảng càng nặng nề, do đó, xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh trở thành yêu cầu cấp thiết của Đảng liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Bằng sự nỗ lực của các cấp ủy đảng, công tác xây dựng Đảng giai đoạn 1991 - 1995 của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Trung ương thành nghị quyết của đảng bộ từng cấp có tiến bộ. Các cấp ủy đã chú ý hơn đến các biện pháp khả thi, do đó một số nghị quyết cụ thể về đổi mới công tác vận động quần chúng, chăm lo đời sống, xây dựng nông thôn mới, chỉnh đốn Đảng... đi vào cuộc sống và đạt kết quả thiết thực. Đây là yếu tố quyết định, đồng thời tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng bằng nhiều hình thức, góp phần ổn định tư tưởng của phần lớn cán bộ, đảng viên, qua đó tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng. Sự ổn định về tư tưởng và niềm tin của cán bộ, đảng viên vào sự lãnh đạo của Đảng thể hiện qua việc tham gia đóng góp xây dựng và kết quả tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực học tập, nâng cao kiến thức

về chính trị, văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

Bên cạnh đó, các biện pháp củng cố tổ chức; trong đó, việc xử lý các cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm pháp luật, mất đoàn kết hoặc có những hành động tiêu cực ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, góp phần củng cố niềm tin trong Đảng và quần chúng về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Đặc biệt, các vấn đề nhạy cảm đối với nội bộ như Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu không còn cầm quyền, tác động của mặt trái cơ chế thị trường, phân hóa giàu - nghèo, công bằng xã hội chưa được tôn trọng và việc Mỹ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN... được các cấp ủy đảng kịp thời giải thích, làm rõ những quan điểm nhất quán của Đảng, góp phần từng bước tháo gỡ vướng mắc về nhận thức, khắc phục dần tư tưởng lo lắng, mơ hồ, mất cảnh giác, bảo thủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Việc sắp xếp, bố trí lại cán bộ tương đối thích nghi với sở trường và năng lực. Tư tưởng ổn định, kiến thức nâng lên, thực tiễn công tác và yêu cầu cơ chế mới, là những nhân tố giúp cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành, góp phần nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của Đảng, tạo tiền đề để thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và các quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng. Mặt khác, qua các đợt quần chúng góp ý đảng viên, nhất là qua bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp là dịp để đội ngũ đảng viên tự đánh giá lại mình, khắc phục các nhược điểm, làm cơ sở cho từng ngành, từng cấp chọn lọc được

một số cán bộ, đảng viên tiêu biểu về phẩm chất và năng lực, bổ sung vào đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng có kết quả trên một số mặt: Thực hiện dân chủ trong Đảng có tiến bộ, phát huy được trí tuệ của tập thể, của các ngành, các cấp trong việc xây dựng nghị quyết; bước đầu tạo được sự thống nhất trong việc cụ thể hóa và điều hành thực hiện nghị quyết thông qua các tổ chức đảng ở cơ quan chính quyền, tổ chức đoàn thể; hoạt động của các cấp ủy đảng đi vào quy chế, chất lượng các cuộc họp được nâng lên; làm tốt công tác động viên, tổ chức quần chúng tham gia đóng góp xây dựng Đảng, giám sát cán bộ, đảng viên, giới thiệu người đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng hoặc ứng cử vào các cơ quan dân cử. Mặt khác, việc thực hiện chủ trương cơ cấu bí thư cấp ủy là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp, tăng tỷ lệ đại biểu hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng, giúp tăng cường chức năng kiểm tra, giám sát của Đảng và nhân dân đối với chính quyền các cấp và là điều kiện cần thiết để bảo đảm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng tiến hành thường xuyên, góp phần giữ gìn kỷ luật Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên, làm trong sạch hàng ngũ Đảng. Trong 5 năm 1991 - 1995, đã xử lý kỷ luật 1.986 đảng viên, trong đó: có 444 cấp ủy viên các cấp, 19,2% vi phạm đạo đức, lối sống, 27% vi phạm pháp luật, trong đó 28,6% tham nhũng, phải truy tố trước pháp luật. Tập trung củng cố Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hồng Ngự, Tam Nông và một số ngành trong tỉnh. Đặc biệt, số cán bộ chủ chốt vi phạm pháp luật, hoặc trực tiếp điều hành các doanh nghiệp nhà nước không tuân thủ các quy định

về quản lý, gây thất thoát tài sản nhà nước được xử lý nghiêm, kể cả truy tố trước pháp luật.

Công tác phát triển Đảng được chú trọng về tiêu chuẩn chính trị và năng lực. Số đảng viên kết nạp trong nhiệm kỳ tăng, trong đó, 88% có trình độ học vấn phổ thông trung học trở lên, tuổi đời dưới 30 tuổi chiếm 71%.

Việc chăm lo đời sống cho cán bộ, đảng viên có nhiều tiến bộ, đảng viên nghèo được giúp vốn, cấp đất sản xuất, đất ở..., giúp một bộ phận đảng viên vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, giảm được tình trạng đảng viên đặc quyền, đặc lợi, bị quần chúng phê phán.

Tổ chức cơ sở đảng, trước hết là cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn hoạt động đi vào nền nếp, thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng quy định có bước tiến bộ, nổi bật là lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế - xã hội. Một bộ phận chi bộ, đảng bộ trong cơ quan hành chính, sự nghiệp, trong ngành công an, quân sự chất lượng hoạt động được nâng lên. Đến cuối năm 1995, số tổ chức cơ sở đảng vững mạnh chiếm 65,7%, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V đề ra.

Mặc dù công tác xây dựng Đảng có tiến bộ, song chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt quan trọng là, cấp ủy các cấp còn lúng túng trong việc đề ra các giải pháp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong hoàn cảnh thiếu vốn, kỹ thuật, thị trường và sức mua còn hạn chế để sớm đưa tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, lạc hậu.



Tác động của chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và mặt trái của cơ chế thị trường làm cho tư tưởng một bộ phận cán bộ, đảng viên phân hóa, một số an phận, lo làm giàu cho bản thân, ít quan tâm đến chính trị. Đáng chú ý là, biểu hiện giảm sút tính tiên phong, gương mẫu, thoái hóa về phẩm chất, lối sống, ngại tham gia đấu tranh xây dựng Đảng của một số cán bộ, đảng viên; tư tưởng hoài nghi đường lối, mất cảnh giác, cơ hội, cá nhân và bảo thủ, trì trệ đang có chiều hướng phát triển trong nội bộ Đảng là hạn chế để các thế lực thù địch lợi dụng khai thác, nhưng chưa được giáo dục, xử lý kịp thời.

Quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng còn chậm. Chưa có biện pháp đồng bộ khắc phục tình trạng cấp ủy đảng bao biện, làm thay công việc của chính quyền, lẫn lộn chức năng, nhiệm vụ; việc giám sát hoạt động của bộ máy chính quyền ở một số đơn vị còn mang tính hình thức. Nguyên nhân chính là nội dung về đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng chưa cụ thể, cấp ủy các cấp chưa nhận thức đầy đủ và tổ chức thực hiện còn lúng túng, hoặc làm theo lề lối cũ. Mặt khác, cơ cấu tổ chức, bộ máy chưa hợp lý, nhiều đầu mối, chức năng không rõ ràng là một trở ngại cho việc cải tiến lề lối và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ các cấp.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo thiếu và yếu so với yêu cầu đổi mới. Số cán bộ năng động, nhạy bén, giữ được đạo đức, phẩm chất, thích nghi với cơ chế mới và yêu cầu phát triển chiếm tỷ lệ thấp, còn tình trạng phân công cán bộ không đúng chuyên môn, số cán bộ bổ sung mới còn ít. Sử dụng nhân lực tốt nghiệp đại học chưa tốt, phần lớn tốt nghiệp ở các trường đại học của quốc gia không muốn về công tác ở tỉnh. Tình hình trên do

thiếu quy hoạch, đào tạo cán bộ, ít chú ý đến đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, chưa quy định trách nhiệm của thủ trưởng trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ kế thừa ở từng ngành, đơn vị; chế độ, chính sách đãi ngộ cán bộ giỏi chưa được quan tâm.

Tổ chức cơ sở đảng chuyển biến không đều. Một bộ phận chi bộ, đảng bộ ở xã chưa đề ra được các biện pháp khả thi xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Ngoài nguyên nhân do hạn chế về trình độ, còn do thiếu kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện các mục tiêu đề ra. Mặt khác, tổ chức, biên chế bộ máy xã thu hẹp, các chỉ thị, nghị quyết từ trên đưa xuống quá nhiều, nên nhiều chủ trương không kịp triển khai hoặc tổ chức triển khai chưa đến nơi đến chốn; việc sơ kết, tổng kết ít được quan tâm, làm hạn chế hiệu quả lãnh đạo của Đảng từ cơ sở.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị hành chính, sự nghiệp chưa cải tiến đáng kể việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nội dung sinh hoạt. Ngoài công tác tư tưởng và tổ chức, trong chỉ đạo thực hiện thường lặp lại các công việc của thủ trưởng cơ quan, đơn vị. Đáng chú ý, một bộ phận đảng viên và thủ trưởng các cơ quan hành chính, sự nghiệp không muốn tham gia cấp ủy cơ sở, hoặc ít quan tâm đến củng cố tổ chức đảng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chuyển biến chậm của loại hình cơ sở này.

Công tác quản lý đảng viên ở cơ sở còn nhiều mặt lỏng lẻo, phổ biến là tình trạng nặng về quản lý lối sống, sinh hoạt, ít chú ý công tác giáo dục tư tưởng và thực hiện nhiệm vụ được phân công, ít giám sát, làm rõ các biểu hiện không

bình thường của đảng viên mà dư luận quan tâm, như: giàu lên bất thường, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, bao che những việc làm phi pháp... xem đây là trách nhiệm của cấp trên, của xã hội.

Công tác phát triển Đảng chưa khắc phục tình trạng chậm phát triển đảng viên mới, trong đó, ngành giáo dục, y tế chưa có sự chuyển biến đáng kể. Mặt khác, việc mở rộng đối tượng vận động vào Đảng chưa được quan tâm, trong khi có nhiều tổ chức quần chúng hoạt động tốt, nhiều cá nhân tiêu biểu xuất hiện qua phong trào hành động cách mạng.

#### *4.2. Xây dựng chính quyền Nhà nước*

Bước sang giai đoạn 1991 - 1995, công tác xây dựng chính quyền các cấp có nhiều đổi mới trong tổ chức và hoạt động đạt được một số kết quả, chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước có bước được nâng lên. Việc cải tiến công tác quản lý nhà nước được chú trọng, hệ thống văn bản pháp quy từng bước được bổ sung, sửa đổi và xây dựng phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương tháo gỡ những vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, về đất đai và các tài sản khác của công dân. Tỉnh đã tiến hành cải cách một số khâu then chốt trong thủ tục hành chính, tổ chức, sắp xếp lại bộ máy hành chính các cấp, bố trí lại đội ngũ công chức hành chính và cán bộ trực tiếp quản lý các doanh nghiệp nhà nước.

Ủy ban nhân dân các cấp thể hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn, tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề cấp bách, tuân thủ pháp luật, nghị quyết của cấp ủy đảng. Hiệu lực và hiệu quả của việc cải tiến công tác điều hành của Ủy ban nhân dân thể hiện qua kết quả tăng

trưởng kinh tế, thực hiện các mục tiêu về văn hóa - xã hội và đời sống nhân dân, bảo vệ an ninh, củng cố quốc phòng.

Hệ thống chính quyền tiếp tục được củng cố và phát huy vai trò, vị trí quyền hạn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Năm 1994, chuẩn bị cho cuộc bầu cử hội đồng nhân dân ba cấp, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng, các đoàn thể tuyên truyền và chuẩn bị tốt cho việc bầu cử. Đồng thời, công tác chuẩn bị nhân sự hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân được các cấp ủy đảng chỉ đạo chặt chẽ, chắc chắn từng bước, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Ngày 20/11/1994, căn cứ theo Hiến pháp và thực hiện Luật bầu cử hội đồng nhân dân năm 1994, cùng với cả nước, Đồng Tháp đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân ba cấp; trong đó, cấp tỉnh đã bầu ra 57 đại biểu, có 7 đại biểu nữ<sup>1</sup>. Tại kỳ họp thứ nhất, đồng chí Võ Hồng Nhân được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân tỉnh gồm các đồng chí: Lê Minh Châu, Phó Bí thư Tỉnh ủy, được bầu giữ lại chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các đồng chí Ngô Phú Thọ, Võ Xuân Nghĩa, Huỳnh Văn Sáng, Nguyễn Thanh Long được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân các cấp có bước củng cố tổ chức sau kỳ bầu cử và có nhiều tiến bộ trong việc thể chế hóa chủ trương của Nhà nước, chính quyền cấp trên và cấp ủy đảng cùng cấp. Nghị quyết của các kỳ họp hội đồng nhân dân được thảo luận, tranh luận dân chủ, thẳng thắn. Việc thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát được quan tâm hơn.

---

1. Số lượng đại biểu được cơ cấu như sau: 37 đại biểu công tác hệ chính quyền, 19 đại biểu công tác thuộc khối đoàn thể, 1 đại biểu đại diện tôn giáo.

Cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, Ban cán sự Đảng thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng *Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*. Ngày 19/7/1995, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/TU *thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám và tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính*. Qua đó, đề ra yêu cầu về xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, trong sạch, vững mạnh và có hiệu lực, hiệu quả, bài trừ tệ nạn quan liêu, tham nhũng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh đó, xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng và tiến tới hoàn thiện Nhà nước, do đó trong tổ chức thực hiện cần tập trung, có biện pháp đồng bộ và tiến hành thận trọng từng bước. Cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính như: tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân; phân bổ, cấp phát và sử dụng vốn ngân sách, trước hết là vốn xây dựng cơ bản; đăng ký kinh doanh, cấp quyền sở hữu và chuyển sở hữu tài sản; cấp quyền sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng... Đồng thời, chấn chỉnh và lập lại trật tự kỷ cương xã hội trong lĩnh vực quản lý đô thị và trật tự an toàn giao thông, nhất là thị xã Cao Lãnh, thị xã Sa Đéc và các tuyến giao thông chính.

Sau một năm cụ thể hóa và thực hiện Chương trình hành động 09-CTr/TU, công tác cải cách hành chính trên địa bàn

tỉnh đạt một số kết quả, bước đầu có sự chuyển biến trong ý thức, phong cách, lề lối làm việc, giảm phiền hà, thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân...

Trong những năm 1991 - 1995, công tác cải cách hành chính đạt được một số kết quả nhất định. Mô hình hành chính “một cửa” được thực hiện thí điểm tại thị xã Cao Lãnh và huyện Châu Thành. Qua tổng kết, đánh giá đã mang lại hiệu quả; qua đó, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện tại các huyện, thị còn lại trong tỉnh. Song song với việc thực hiện mô hình hành chính “một cửa”, bộ máy hành chính cũng từng bước được sắp xếp lại, lề lối làm việc được cải tiến, góp phần làm cho hoạt động của bộ máy nhà nước bước đầu có hiệu lực và hiệu quả. Gắn với công tác cải cách hành chính, việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn; quy chế dân chủ trong cơ quan, trong các doanh nghiệp cũng được đẩy mạnh. Việc giám sát của hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động ngân sách nhà nước thuận lợi hơn; các tổ chức đoàn thể, quần chúng giám sát các khoản đóng góp của nhân dân chặt chẽ hơn... từng bước hoàn thiện cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới, việc củng cố và xây dựng bộ máy chính quyền các cấp còn một số hạn chế: cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính các cấp còn một số điểm chưa phù hợp, trùng lặp chức năng; một bộ phận viên chức nhà nước thiếu kiến thức và năng lực chuyên môn, một số thoái hóa, biến chất; tệ lãng phí của công chưa được khắc phục tốt. Tình hình trên do chưa phát huy sức mạnh tổng hợp và trí tuệ của tập thể, các ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện

kế hoạch nhà nước. Công tác cải cách hành chính tuy đạt được một số kết quả, nhưng tiến độ tiến hành còn chậm, chưa đẩy lùi được tệ quan liêu sách nhiễu, thiếu dân chủ, chấp hành pháp luật, kỷ luật không nghiêm. Chức năng quản lý nhà nước trên từng lĩnh vực, có nơi, có lúc chưa được các ngành, các cấp hiểu thống nhất và thấu đáo... đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân giải quyết tuy đã tiến bộ hơn trước nhưng vẫn còn chậm, tồn đọng nhiều.

### *4.3. Công tác vận động quần chúng*

Xác định công tác vận động quần chúng là một nội dung quan trọng trong quá trình thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội, Đảng bộ tỉnh đã đề ra những nhiệm vụ biện pháp lớn trong những năm 1991 - 1995 gồm: “Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội cần đổi mới về tổ chức và phương thức, nội dung hoạt động để thực sự là người đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân. Thiết thực chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân, giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức, động viên, phát huy tính tích cực hoạt động xã hội của các tầng lớp nhân dân, đoàn kết toàn dân phấn đấu cho sự nghiệp đổi mới, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương.

Hình thức tổ chức và nội dung sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội phải hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuân theo pháp luật, đa dạng hóa các hình thức tổ chức theo nghề nghiệp, yêu cầu về đời sống và hoạt

động hướng về cơ sở, khu dân cư, sâu sát đoàn viên, hội viên. Chú ý vận động và tổ chức quần chúng có đạo tham gia vào Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội được Nhà nước cho phép hoạt động, tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

Bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải tinh gọn, tăng cường cho cơ sở, hoạt động có hiệu quả và đúng với tính chất của tổ chức quần chúng. Khắc phục lề lối làm việc theo kiểu hành chính của Mặt trận Tổ quốc và của các đoàn thể nhân dân.

Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp phải thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, phối hợp thống nhất hành động giữa Mặt trận, các đoàn thể và cơ quan chính quyền từng cấp. Đồng thời, có chính sách, chế độ bảo đảm cho hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng với công tác vận động quần chúng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức xã hội bằng việc thi hành nghiêm chỉnh pháp luật, có các chủ trương, chính sách nhất quán, phù hợp với lợi ích chính đáng của quần chúng, nhằm từng bước khôi phục niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

Các đảng viên ngoài sinh hoạt Đảng, hoặc hoạt động trong cơ quan chính quyền cần tham gia sinh hoạt Mặt trận, đoàn thể nhân dân ở cơ sở và hoạt động dưới sự phối hợp, đoàn kết, hợp tác chặt chẽ, biến những chủ trương, nghị quyết của Đảng thành kế hoạch của chính quyền và chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ cơ sở.

Mọi đảng viên dù ở cương vị nào đều có nhiệm vụ tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện chủ trương, đường lối



của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và luôn thể hiện vai trò đi đầu, gương mẫu. Mặt khác, cần thường xuyên phản ánh ý kiến của các tầng lớp nhân dân về tình hình thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, để các cấp ủy đảng kịp thời bổ sung, sửa đổi phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần tăng cường công tác kiểm tra việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng trong tình hình mới<sup>1</sup>.

Nhờ việc triển khai thực hiện có kết quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự chuyển biến về nhận thức trong công tác vận động quần chúng, trước hết là ở các cấp ủy đảng, chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từng bước đổi mới theo chương trình, có mục tiêu, gắn với việc chăm lo quyền lợi đoàn viên, hội viên, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Phần lớn cán bộ, đảng viên nhận thức ngày càng rõ hơn về quan điểm và tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng, thể hiện vai trò gương mẫu trong công tác và cuộc sống. Thông qua những hoạt động thiết thực, chăm lo lợi ích của quần chúng, phản ánh cho Đảng, chính quyền những tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, giúp cho việc ban hành và thực thi các chủ trương của Đảng, điều hành của chính quyền tốt hơn.

Kết quả vận động, tập hợp quần chúng thể hiện qua các mặt: Mặt trận và các đoàn thể, xây dựng chương trình, phương án hoạt động gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở.

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ V (vòng II).

Hình thức tập hợp quần chúng ngày càng đa dạng. Ngoài các tổ chức đoàn thể chính trị, có nhiều hình thức mới theo nghề nghiệp, sở thích (nghề nghiệp đoàn, hội làm vườn, hiệp hội xuất khẩu lúa gạo, hội sinh vật cảnh), giúp đỡ nhau trong cuộc sống (tổ phụ nữ tiết kiệm, tổ lao động hợp tác...), thu hút quần chúng tham gia ngày càng đông.

Nội dung hoạt động của các tổ chức quần chúng phong phú, đi sâu vào những vấn đề mà đoàn viên, hội viên và quần chúng quan tâm, như: du khảo, tham quan di tích, giúp vốn, bàn cách lập nghiệp, làm giàu, giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe dạy con ngoan, chống trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học...; từ đó, gắn với việc vận động thực hiện luật pháp, tham gia các phong trào hành động cách mạng.

Tuy nhiên, một số chủ trương cụ thể chưa phù hợp với quyền lợi, trách nhiệm của nhân dân chậm sửa chữa; việc thực hiện các chủ trương cụ thể nặng biện pháp hành chính, chưa quan tâm đến lợi ích chính đáng của nhân dân, gây thiệt hại đến quyền lợi của nhân dân chưa được giải quyết, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm và thiếu công bằng... thậm chí có một số tiêu cực, tồn tại kéo dài khiến nhân dân bất bình; việc phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật tới người dân còn hạn chế ở nhiều nơi, là yếu tố cản trở nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình và đấu tranh với những hành động sai trái từ cơ sở, ảnh hưởng xấu đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương. Mặt khác, còn không ít cán bộ, đảng viên, viên chức nhà nước ở các cấp chưa ý thức và thực hiện đầy đủ quan điểm quần chúng của Đảng, làm tổn hại đến uy tín của Đảng đối với quần chúng.

\*

\* \*

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo (tháng 12/1986), Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp bước vào thời kỳ mới với khí thế hăng hái thi đua xây dựng và phát triển kinh tế. Quá trình đổi mới, nhất là đổi mới tư duy về kinh tế đã khơi dậy và đánh thức tiềm năng sáng tạo trong nhân dân, giải phóng sức lao động, kích thích sản xuất phát triển và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Một số thành tựu bước đầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, trong đó có việc tiếp tục chuyển sang cơ chế mới, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong quản lý kinh tế nhưng không gây xáo trộn lớn. Với việc phát huy thế mạnh và tiềm năng trong nông nghiệp, phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa đã mang lại hiệu quả tích cực, từng bước đưa tỉnh thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, ổn định chính trị - xã hội.

Từ năm 1991 đến năm 1995, mặc dù tỉnh vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thử thách, song những thuận lợi và thời cơ mới được mở ra, góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, lạm phát được đẩy lùi, lĩnh vực xây dựng cơ bản được chú trọng; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, giảm hộ đói nghèo và số lao động thiếu việc làm. Việc thực hiện cải cách hành chính gắn liền với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu mang lại hiệu quả tích cực; quốc phòng, an ninh được giữ vững; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn.

Trong 10 năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 1995), Đảng bộ tỉnh qua hai nhiệm kỳ, với bản lĩnh và tinh thần quyết tâm vươn lên đã tìm tòi, xác định đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ và những bước đi thích hợp; từ đó, đề ra kế hoạch và chỉ tiêu phát triển hằng năm, từng nhiệm kỳ, phù hợp với yêu cầu thực tế địa phương và xu hướng chung của cả nước. Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã tập trung lãnh đạo nhân dân đoàn kết, quyết tâm phát huy cao độ mọi khả năng, tiềm năng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để vượt qua những khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Cùng với sự trưởng thành của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng phát triển là cơ sở thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm ở mức cao, giá trị tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) giai đoạn này tăng bình quân 12,06%/năm; các vấn đề xã hội được quan tâm và giải quyết có hiệu quả. Đặc biệt, với công cuộc khai thác Đồng Tháp Mười, diện mạo nông thôn đã thay đổi rõ nét, góp phần quan trọng trong việc phân bố lại dân cư và với việc hoàn thành nghĩa vụ quốc tế giúp cách mạng Campuchia trong xây dựng, kiến thiết đất nước là những thành tựu to lớn của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh trong việc vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn cách mạng địa phương và tạo tiền đề cơ bản để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

### *Chương III*

## **ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2000)**

### **I- TÌNH HÌNH, NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NHỮNG NĂM ĐẦU TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

Những năm cuối thế kỷ XX, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội lâm vào tình trạng thoái trào. Nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi; cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề mang tính toàn cầu, không một quốc gia riêng lẻ nào có thể một mình giải quyết mà cần có sự hợp tác đa phương. Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội. Các nước đứng trước những cơ hội to lớn để phát triển, song cũng không ít khó khăn, thử thách. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động và tiếp tục phát triển với tốc độ cao; đồng thời, tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định. Trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên các

xu thế: các nước dành ưu tiên cho phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia; các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại hòa bình... Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến những thuận lợi lớn, song cũng chứa đựng những thách thức lớn. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (tháng 01/1994) nêu lên vẫn còn nguyên giá trị, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải đoàn kết, quyết tâm vượt qua.

“Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, nhân dân ta không những đứng vững mà còn vươn lên, đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt”<sup>1</sup>. Công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu quan trọng: Kinh tế tăng trưởng nhanh, tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm những năm 1991 - 1995 đạt 8,2%, lạm phát được đẩy lùi xuống còn 12,7% năm 1995; xuất khẩu lương thực mỗi năm khoảng 2 triệu tấn; kết cấu hạ tầng và cơ sở công nghiệp trọng yếu được xây dựng, tạo thêm sức mạnh vật chất và thể cân đối mới cho bước phát triển tiếp theo; đời sống vật chất và tinh thần của phần lớn nhân dân được cải thiện... Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.55, tr.355.

đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Đó là những thành tựu phản ánh thực tiễn của sự nghiệp đổi mới sôi động và phong phú, sáng tạo; đồng thời, có ý nghĩa lý luận sâu sắc, thể hiện sự trưởng thành của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn và về phương diện lý luận.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 28/6 đến ngày 01/7/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.198 đại biểu đại diện cho hơn 2,1 triệu đảng viên và nhiều đoàn đại biểu quốc tế. Đại hội



Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII tại Thủ đô Hà Nội

đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và 10 năm thực hiện đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI của Đảng; đề ra mục tiêu, phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2000 và 2020; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Đồng thời, rút ra những bài học lớn, làm cơ sở xác định mục tiêu, nhiệm vụ cho chặng đường tiếp theo. Kiểm điểm tình hình thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội khẳng định, sau 10 năm đổi mới, Đảng và nhân dân ta kiên trì đường lối đổi mới, ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội, vượt qua khó khăn, trở ngại, giành nhiều thắng lợi mới to lớn: “Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995); tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị; phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế. Đồng thời, Đại hội chỉ rõ khuyết điểm, tồn tại: Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển; tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết; việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng; quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu; hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm”<sup>1</sup>.

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và xuất phát từ thực tiễn, căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, Đại hội xác định: Tiếp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.348-355.



tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội thảo luận và quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000.

Đại hội VIII của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta, chuyển đất nước sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội; vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Đối với Đồng Tháp, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng, hoàn thành một số mặt vượt mức chỉ tiêu Đại hội đề ra: Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm cao; với thế mạnh là nông nghiệp, tỉnh đã hình thành các vùng chuyên canh lúa 2, 3 vụ/năm, vùng cây ăn trái; kết cấu hạ tầng như giao thông, thủy lợi, viễn thông, điện, có bước phát triển... đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, giảm hộ đói nghèo và số lao động thiếu việc làm; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Song, những khó khăn, thách thức, tồn tại và hạn chế lớn là: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tỉnh lúng túng trong việc đề ra các biện pháp tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa một tỉnh nông nghiệp, gần như độc canh cây lúa, nông nghiệp phát triển chưa toàn diện, chất lượng nông

sản chưa cao; chưa tạo được môi trường tốt thu hút đầu tư; ít quan tâm và thiếu giải pháp khả thi trong việc củng cố các đơn vị kinh tế hợp tác xã; tranh chấp đất đai còn diễn biến phức tạp; thủ tục hành chính còn rườm rà; sự chuyển biến về mặt văn hóa - xã hội và đời sống nhân dân còn chậm so với yêu cầu cuộc sống ngày càng nâng lên, hoạt động văn hóa còn nhiều phức tạp, tệ nạn xã hội có mặt gia tăng, trình độ dân trí thấp, hệ thống kết cấu hạ tầng yếu kém, năng lực của cán bộ và đảng viên còn nhiều bất cập... Nhìn chung, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém so với các tỉnh trong vùng, những khó khăn, thách thức và tồn tại trên, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh phải tiếp tục giải quyết trong những năm 1996 - 2000.

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đại hội Đảng bộ các cấp, tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện thắng lợi đại hội cấp cơ sở và huyện, thị, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy<sup>1</sup>. Từ ngày 09 đến 11/5/1996, tại thị xã Cao Lãnh, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp tổ chức Đại hội đại biểu

---

1. Đại hội cấp cơ sở kết thúc cuối tháng 02/1996. Trong 536 cơ sở đã bầu 2.246 cấp ủy viên mới, trong đó, 69,54% tái đắc cử, cấp ủy nữ chiếm 7,56%, tuổi bình quân 38,2 tuổi; có 60,06% có trình độ văn hóa cấp 3, trong đó có 26,68% có trình độ đại học, cao đẳng; có 64,87% đã qua đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, chương trình trung, cao cấp và 8,68% qua quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

Đại hội cấp huyện và tương đương kết thúc giữa tháng 4/1996. Trong 9 huyện, thị đã bầu 365 cấp ủy viên, so với nhiệm kỳ trước tăng 13 đồng chí; có 78,63% tái cử, tuổi bình quân 39,3 tuổi; có 39 nữ, chiếm 10,68%, tăng 1,3% so với nhiệm kỳ V; có 78,63% có trình độ văn hóa cấp 3, trong đó có 25,08% trình độ cao đẳng và đại học; có 84,93% đã qua đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trung, cao cấp.



Đồng chí Võ Hồng Nhân, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp (khóa V) đọc Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ VI



Quang cảnh Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ VI

lần thứ VI. Tham dự Đại hội có 344 đại biểu, thay mặt cho 11.500 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Bản kiểm điểm tự phê bình của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa V, Báo cáo tổng hợp ý kiến đảng viên và quần chúng đóng góp vào Dự thảo Văn kiện Đại hội VIII của Đảng và Điều lệ Đảng (sửa đổi, bổ sung).

Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, trên cơ sở quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương nêu trong dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI tập trung trí tuệ, phát huy dân chủ, nghiêm túc đánh giá khách quan, trung thực những thành tựu và hạn chế trong 5 năm 1991 - 1995 thực hiện đường lối đổi mới tại địa phương, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cũng như những giải pháp khả thi cho những năm 1996 - 2000 theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Bên cạnh ý kiến đóng góp của hàng chục ngàn lượt cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, Đại hội tiếp tục đóng góp ý kiến thiết thực vào dự thảo các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và vận dụng đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn địa phương, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra mục tiêu tổng quát trong những năm cuối thế kỷ XX là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới, phát triển dịch vụ và du lịch, giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế, giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng, nâng cao hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị, đặc biệt

là năng lực lãnh đạo của đảng bộ các cấp, cải thiện một bước đời sống nhân dân, phấn đấu đưa tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2000 gồm:

- Tăng trưởng GDP bằng 2,5 lần so với năm 1990 (bằng 1,57 lần so năm 1995). Nhịp độ tăng GDP bình quân giai đoạn 1996 - 2000 là 9 - 10%/năm. Cơ cấu kinh tế khu vực I là 60%, khu vực II là 13%, khu vực III là 27%.

- Tập trung cho đầu tư phát triển theo chiều sâu. Hoàn chỉnh một bước tổ chức mạng lưới dịch vụ khoa học - kỹ thuật, ưu tiên thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa.

- củng cố, lành mạnh các đơn vị kinh tế quốc doanh; xây dựng các hợp tác xã trong các ngành sản xuất, dịch vụ theo Luật hợp tác xã.

- Giảm tỷ lệ thiếu việc làm còn 3 - 5% so với lực lượng lao động, không còn hộ đói, giảm 10% số hộ nghèo, tỷ lệ tăng dân số giảm còn 0,06%/năm, hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 30%, phổ cập giáo dục tiểu học, xóa lớp học ca 3, có 50 - 60% dân số dùng nước hợp vệ sinh, 60 - 70% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia.

- Giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng tuyến biên giới vững mạnh toàn diện.

- Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Tạo chuyển biến cơ bản trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ các cấp. Tiếp tục cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa VI, nhiệm kỳ 1996 - 2000 gồm 45 ủy viên<sup>1</sup>. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 ủy viên, đồng chí Võ Hồng Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy khóa V tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy khóa VI; đồng chí Lê Minh Châu, tái đắc cử Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), đồng chí Ngô Phú Thọ được bầu làm Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy. Đại hội cử 13 đại biểu thay mặt Đảng bộ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Với tinh thần dân chủ và trách nhiệm cao, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã hoàn thành những nhiệm vụ do Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh giao phó. Thành công của Đại hội chứng tỏ tinh thần đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng bộ vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh mà Đảng ta đã đề ra. Đó là kết quả của tinh thần trách nhiệm cao của đại biểu; sự chỉ đạo sâu sát của Ban Bí thư Trung ương Đảng và hướng dẫn của các ban Đảng Trung ương; sự đóng góp nhiệt tình của các đồng chí lão thành cách mạng, của tất cả đảng viên và đông đảo cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI là sự kiện chính trị trọng đại, tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội trong tỉnh.

---

1. Trong đó có 3 đồng chí nữ, chiếm 6,66%. Trong 45 cấp ủy mới, có 75,56% tái cử, tuổi bình quân 46,3 tuổi; trình độ văn hóa cấp 3 chiếm 88,88%, trong đó, có 22,22% có trình độ cao đẳng, đại học và 2,22% là phó tiến sĩ; có 93,33% đã qua đào tạo, bồi dưỡng chương trình lý luận trung, cao cấp và 35,55 đã qua quản lý nhà nước, quản lý kinh tế. So với nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, cấp ủy nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, tuổi bình quân trẻ hơn 4,5 tuổi; trình độ văn hóa cấp 2 giảm 31,44%, trình độ văn hóa cấp 3 tăng 34,44%, cao đẳng, đại học tăng 7,33%.



Thành công của Đại hội với những nội dung quan trọng, tạo tiền đề để Đồng Tháp bước vào thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

## II- LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI

### 1. Phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

#### 1.1. Nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Đại hội VIII của Đảng là: “Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”<sup>1</sup>. Trên cơ sở đó, mục tiêu phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa được Đảng bộ tỉnh đề ra là: Phát triển kinh tế phải nhằm vào mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng tỉnh có cơ cấu kinh tế hợp lý, gắn với phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình đưa máy móc, khoa học - kỹ thuật, khoa học quản lý tiên tiến vào nông nghiệp và kinh tế nông thôn để phát triển lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, mở rộng hợp tác với bên ngoài nhằm tạo ra sự chuyển biến kinh tế - xã hội đất nước về mọi mặt theo hướng văn minh, hiện đại.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.366.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế đến năm 2000 là: Đưa tỉnh phát triển theo hướng nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến - dịch vụ và du lịch; hình thành cơ bản hai vùng trọng điểm, hai khu công nghiệp; tập trung giải quyết vấn đề vốn và thị trường. Bên cạnh đó, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ; thực hiện chính sách đối với các thành phần kinh tế, trong đó, chú ý đến yêu cầu phát huy nguồn lực tại chỗ, tranh thủ thu hút nguồn lực bên ngoài để đưa kinh tế tăng trưởng nhanh; thành phần kinh tế nhà nước có vai trò hướng dẫn các thành phần kinh tế khác trong tỉnh phát triển đúng hướng; kinh tế hợp tác xã là điều kiện để khắc phục các nhược điểm của thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; xóa bỏ triệt để cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; phân biệt chức năng quản lý nhà nước với chức năng trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, tiếp tục cải tiến các thủ tục hành chính trong quản lý kinh tế; lấy thị trường khu vực, trong nước, nước ngoài làm căn cứ, đối tượng của việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn, ngắn hạn, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh của từng đơn vị kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Xác định Đồng Tháp là tỉnh nông nghiệp, có nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển nông nghiệp, do đó, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo các cấp, các ngành quyết tâm hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Năm 1996, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, mặc dù gặp không ít khó khăn, đặc biệt là thiên tai lũ lụt, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân



dân tỉnh đã có nhiều biện pháp tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, đưa nền kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định và phát triển. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa tích cực, sản xuất công nghiệp vẫn còn ở tình trạng khởi đầu, nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp - xây dựng còn thấp. Hoạt động hợp tác đầu tư còn nhiều khó khăn. Thiên tai lũ lụt liên tiếp xảy ra, làm hạn chế phát triển sản xuất, gây thiệt hại về kết cấu hạ tầng, giá lúa hàng hóa thấp, tiêu thụ chậm đã tác động tiêu cực đến đời sống của đại bộ phận nông dân và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bước sang năm 1997, các cấp, các ngành trong tỉnh triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có những thuận lợi cơ bản, nền kinh tế tỉnh đang trên đà phát triển. Song, những khó khăn như hậu quả của lũ lớn ba năm liên tiếp chưa khắc phục xong, bão số 5 gây thiệt hại ở một số vùng, đặc biệt tình hình sạt lở đất đai hai bên sông Tiền, sông Hậu xảy ra lớn nhất từ trước đến nay, đòi hỏi phải tập trung giải quyết. Mặt khác, cuộc khủng hoảng về tài chính - tiền tệ tại một số nước trong khu vực, phần nào ảnh hưởng đến Việt Nam nói chung, Đồng Tháp nói riêng. Trong hoàn cảnh đó, để khắc phục những khó khăn do tác động của quy luật kinh tế thị trường và những bấp cập trong cơ chế, chính sách, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tích cực phấn đấu, vượt qua thử thách đạt được một số kết quả quan trọng. So với năm 1996, GDP tăng 6,83%, cơ cấu kinh tế từng bước có sự chuyển đổi, một số ngành nghề, lĩnh vực tăng trưởng khá.

Trong năm 1997, tỉnh đã xác định đúng hướng đi cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung mũi nhọn vào các ngành: công nghiệp cơ khí, sửa chữa máy móc nông nghiệp,

các trạm bơm phục vụ tưới tiêu, triển khai thí điểm công nghệ thu hoạch và sau thu hoạch; phát triển mạnh công nghiệp chế biến hàng nông sản nhằm giải quyết vấn đề lao động và nâng cao chất lượng, giảm hao hụt trong khâu thu hoạch, chế biến... Tuy kinh tế có sự tăng trưởng, nhưng nhịp độ tăng trưởng chậm, tốc độ phát triển kinh tế năm 1997 thấp hơn năm 1996 và thấp hơn tốc độ phát triển chung của cả nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. Hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo nhưng hai năm liên tiếp không đạt kế hoạch đề ra. Mặc dù khả năng sản xuất còn rất lớn, song không có thị trường ổn định, hiệu quả kinh tế không cao; một số nguồn vốn đầu tư chưa được khai thác triệt để và sử dụng có hiệu quả.

Qua hai năm triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục tập trung đầu tư phát triển theo chiều sâu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển dịch vụ, du lịch. Xác định năm 1998 là năm có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động, qua đó đánh giá toàn diện tình hình kinh tế - xã hội năm 1997 và đề ra những giải pháp sát hợp để thực hiện trong năm 1998. Trong đó, trên lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Chương trình đã xác định cần tập trung hoàn chỉnh các thủ tục trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch, xúc tiến xây dựng cảng, đầu tư xây dựng khu C Khu công nghiệp Sa Đéc để sớm đi vào hoạt động. Tiếp tục hoàn chỉnh dự án xây dựng khu công nghiệp tại thị xã Cao Lãnh. Phát triển công nghệ sau thu hoạch, trong đó, chú ý công nghệ sấy, bảo quản nông sản, chế

biến đậu nành, chế biến gạo xuất khẩu, xây kho bảo quản và dự trữ hàng nông sản. Tiếp tục phát triển mạng lưới điện và dùng điện vào sản xuất, nhất là làm các trạm bơm điện, sản xuất tiểu, thủ công nghiệp. Tạo điều kiện phát triển các làng nghề truyền thống. Tăng cường công tác “khuyến công” để phổ biến tiến bộ và ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất công nghiệp.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ, ngày 26/5/1998, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU, *thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Nghị quyết xác định, những năm còn lại của kế hoạch 5 năm, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tập trung giải quyết các khó khăn và đòi hỏi bức bách của yêu cầu hội nhập kinh tế Đồng Tháp với kinh tế khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và khu vực Đông Nam Á trong điều kiện một tỉnh nông nghiệp lạc hậu; sự hụt hẫng về trình độ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa; những diễn biến bất lợi của thời tiết... Song, với những thành tựu đạt được, cùng những kiến thức, kinh nghiệm đã tích lũy trong hơn 10 năm đổi mới nói chung, đã tạo cho tỉnh thế và lực mới để phát triển; trong đó, đặc biệt là thành tựu của sản xuất nông nghiệp qua các năm - nhân tố quan trọng giữ cho nền kinh tế được ổn định; những chủ trương mới, những cơ chế, chính sách thông thoáng, sự tích cực tham gia của các tầng lớp nhân dân là những điều

kiện thuận lợi cơ bản để tỉnh xây dựng và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao hơn, vững chắc hơn trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

Để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000, Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu gồm:

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư, với bước đi phù hợp và năng động. Mục đích chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư nhằm từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo sức cạnh tranh của hàng hóa sản xuất ở tỉnh trên thị trường; gắn nền kinh tế của tỉnh với vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, cả nước và quốc tế, sớm đưa tỉnh thoát khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đạt mục tiêu cụ thể của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra.

Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn, lấy nông nghiệp và nông thôn làm cơ sở để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn. Tập trung đầu tư cho công tác thủy lợi, đê bao chống lũ, phấn đấu đến năm 2000, có 200.000ha sản xuất ổn định 2 vụ lúa/năm.

Có chính sách và cơ chế cụ thể, tạo điều kiện thu hút các thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng các trạm bơm gắn với đê bao và hệ thống thủy lợi nội đồng để chủ động trong

chống hạn và thoát nước khỏi đồng ruộng. Tăng cường nguồn vốn cho nông dân vay trung hạn, dài hạn để chủ động trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả kinh tế cao. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả và chất lượng. Áp dụng rộng rãi tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản thực phẩm. Hoàn thành cơ bản việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân, tích cực giải quyết tranh chấp đất đai, hạn chế ở mức thấp nhất tình trạng tranh chấp đất trong nhân dân.

Tăng tỷ lệ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn; khuyến khích các doanh nghiệp và mọi người dân đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn nông thôn, tạo việc làm tại chỗ trong lúc nông nhàn, từng bước thay đổi cơ cấu lao động ở nông thôn. Bên cạnh đó, tập trung giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tận dụng khả năng, tạo điều kiện của Nhà nước, tập thể và cá nhân để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm: bồi dưỡng kỹ năng lao động, đào tạo kỹ thuật viên, từng bước hình thành đội ngũ các nhà sản xuất kinh doanh giỏi ở nông thôn. Chú trọng phát triển các hình thức kinh tế hợp tác: Phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ và kinh tế tiểu chủ. Phát triển kinh tế trang trại. Tập trung chỉ đạo phát triển mạnh kinh tế hợp tác của nông dân theo Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, theo Luật hợp tác xã và đề án phát triển kinh tế hợp tác của Tỉnh ủy. Phát triển các hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp nhà nước với đơn vị kinh tế hợp tác và hộ

nông dân. Xây dựng các hiệp hội ngành nghề hoạt động theo cơ chế dân chủ, tự quản, trong đó, các cơ sở nhà nước trong hiệp hội đóng vai trò nòng cốt...

Tăng cường huy động vốn để thực hiện thắng lợi chương trình kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Nguồn vốn được huy động cho đầu tư phát triển từ ngân sách, trong nhân dân, nguồn ODA, FDI. Tập trung củng cố và tăng cường hơn nữa công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại để tranh thủ tốt nguồn vốn ODA, FDI và có phương án sử dụng đạt hiệu quả...

Đồng thời với các biện pháp trên, tích cực giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội.

Ngay sau khi Nghị quyết Tỉnh ủy được ban hành, việc nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII được các ngành, các cấp trong tỉnh cụ thể hóa, khẩn trương thực hiện gắn với tình hình thực tiễn của từng ngành, từng địa phương và cơ sở. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đồng thời với thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII, tạo ra phong trào cách mạng sôi nổi, sự tham gia tích cực của toàn dân vào thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng; qua đó, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và đạt được những kết quả cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Nền kinh tế tiếp tục phát triển, đạt nhịp độ tăng trưởng khoảng 8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 1998 tuy giảm khoảng 1% so với Nghị quyết đã đề ra, song là kết quả của sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân trong điều

kiện có nhiều khó khăn gay gắt. Hoạt động tài chính, tín dụng có bước khởi sắc, thu ngân sách đạt 399 tỷ đồng; chi ngân sách 532 tỷ đồng<sup>1</sup>. Năm 1998 là năm có nhiều địa phương sớm đạt và vượt mức dự toán thu ngân sách cả năm so với các năm trước. Giá cả thị trường cơ bản ổn định. Việc đổi mới quan hệ sản xuất được xúc tiến tích cực hơn. Công tác hợp tác hóa, chuyển đổi hợp tác xã cũ, thành lập hợp tác xã mới theo Luật hợp tác xã được triển khai thực hiện, thu được kết quả bước đầu. Các doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp đi vào kinh doanh có hiệu quả. Thành phần kinh tế tư nhân, tuy chưa phát triển đúng với tiềm năng vốn có, song đã có sự tiến bộ về chất lượng, nhiều công ty trách nhiệm hữu hạn đã đứng vững được trong cơ chế thị trường.

Năm 1998 là năm thứ ba tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra; sự sụt giảm đó diễn ra ở cả ba khu vực: nông nghiệp, công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Song, năm 1998 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ, nông nghiệp được mùa, sản lượng hàng hóa lớn nhất từ trước đến nay, chất lượng tốt hơn, nhưng xuất khẩu lương thực sụt giảm, không đạt chỉ tiêu dự kiến xuất khẩu. Đầu tư phát triển sản xuất tăng chưa tương xứng với yêu cầu đòi hỏi của sự phát triển. Việc duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế có nhiều khó khăn, đặc biệt là cân đối ngân sách và cân đối vốn cho đầu tư phát triển, nhất là việc huy động nội lực cho đầu tư phát triển; lĩnh vực kinh tế đối ngoại, kêu gọi hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết, gọi vốn ODA... nhìn chung còn rất yếu.

---

1. Thu ngân sách đạt 104,25%, chi ngân sách đạt 104,55% dự toán Chính phủ giao.





Vườn hoa Sa Đéc

Ảnh: Hoàng Dũng



Nghề Dệt chiếu truyền thống ở xã Định Yên, huyện Lấp Vò

Ảnh: Hoàng Dũng



Bước vào năm 1999, cũng như tình hình chung của cả nước, kinh tế của tỉnh giảm sút nhịp độ tăng trưởng, kéo theo nhiều hậu quả về xã hội; cùng với những khó khăn do thiên tai (lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi), cuộc khủng hoảng tài chính khu vực tiếp tục tác động xấu đến sản xuất, đời sống, tiêu thụ hàng nông sản, đặc biệt là giá gạo xuất khẩu liên tục giảm sút, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước tình hình đó, Đảng bộ, nhân dân, các ngành, các cấp trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, hạn chế được những tác động bất lợi, tiếp tục tạo ra những kết quả quan trọng.

Sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn luôn được tỉnh quan tâm đặc biệt. Trong năm 1999, năm có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra, tỉnh chú trọng tập trung giải quyết các vấn đề lớn, bao gồm:

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chú ý vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản. Khai thác đúng mức thị trường nông thôn và thị trường trong nước, đi đôi với việc nâng cao chất lượng sản phẩm để xuất khẩu, hỗ trợ sản xuất phát triển.

Tiếp tục đầu tư phát triển, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ ở nông thôn về cung ứng vật tư kỹ thuật, khuyến nông, khuyến ngư, tín dụng, chuyển giao công nghệ, thu mua, tiêu thụ sản phẩm... Thay đổi dần giống cây con, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và tăng khả năng xuất khẩu. Giữ ổn định 200.000ha trồng 2 vụ lúa

trong năm và phát triển diện tích lúa vụ 3 (vụ Thu Đông) thích ứng với nhu cầu thị trường, đưa sản lượng lương thực hằng năm đạt từ 2 - 2,3 triệu tấn, trong đó, chú trọng phát triển vùng lúa xuất khẩu 120.000ha, 16.000ha diện tích vườn cây ăn trái có giá trị kinh tế cao; tăng diện tích cây công nghiệp, hoa màu trong cơ cấu cây trồng từ 10 - 12%. Quy hoạch lại vùng chuyên canh hoa kiểng Sa Đéc và đầu tư thích đáng cho trồng hoa kiểng nhằm phục vụ nhu cầu trong và ngoài tỉnh ngày càng tăng. Chú trọng công tác trồng rừng và trồng cây phân tán theo các tuyến kênh, trục lộ giao thông, tạo địa hình phòng thủ, độ che phủ, chắn sóng.

Bên cạnh đó, tỉnh chú trọng phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển các ngành nghề khác như: thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại và phát triển kết cấu hạ tầng: giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, thông tin liên lạc, chợ, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao... đến tận vùng nông thôn sâu, vùng biên giới. Đồng thời, gắn kết chặt chẽ hoạt động của các chương trình quốc gia, các chương trình mục tiêu, các đề án, dự án phát triển trên địa bàn nhằm sử dụng đạt hiệu quả cao nhất các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tập trung đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật ở nông thôn, trong đó, đặc biệt chú ý phát triển hệ thống thủy lợi, trạm bơm, bờ bao, cống bọng, thủy lợi nội đồng để đảm bảo phòng chống lũ, phục vụ chắc chắn hai vụ lúa Đông Xuân và Hè Thu, phấn đấu ổn định 200 ngàn ha đất sản xuất 2 vụ lúa, kết hợp với sản xuất vụ 3 (ở những nơi có đê bao an toàn) khoảng 30.000 -

40.000ha để đạt sản lượng 2 triệu tấn/năm, trong đó, khoảng 70% cho xuất khẩu. Có kế hoạch nạo vét các kênh tạo nguồn để đảm bảo có đủ nước chống hạn.

Về kinh tế hợp tác, đến cuối tháng 4/1999, toàn tỉnh đã chuyển đổi xong 39/41 hợp tác xã và quỹ tín dụng nhân dân; củng cố và xây dựng mới 34 hợp tác xã hoạt động trên các lĩnh vực nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, vận tải thủy bộ, xây dựng và dịch vụ thương mại. Các hợp tác xã đã chuyển đổi và thành lập mới, đa số hoạt động có nền nếp và hiệu quả, phong trào kinh tế hợp tác có bước phát triển khá và tương đối vững chắc, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, phong trào kinh tế hợp tác ở một số nơi phát triển chậm và không đều. Trước tình hình đó, ngày 22/5/1999, Tỉnh ủy Đồng Tháp ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW về phát triển kinh tế hợp tác của Ban Bí thư khóa VII. Chỉ thị nêu phương hướng, giải pháp trong thời gian tới, tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư và Chỉ thị số 02-CT/TU, ngày 21/6/1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục củng cố đổi mới hợp tác hóa trong thời gian tới, cũng như Đề án phát triển kinh tế hợp tác đến năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó chú ý, mỗi huyện, thị cần chọn một số đơn vị kinh tế hợp tác làm điểm để chỉ đạo và nhân rộng những đơn vị làm ăn có hiệu quả, đúng tính chất, đúng yêu cầu của kinh tế hợp tác. Tập trung phát triển kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, coi đây là một trong những điều kiện cần thiết để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân, tỉnh đã duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, có bước tiến bộ về văn hóa,

xã hội, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của năm 1999 được thực hiện đạt và vượt so với Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, trong đó, một số lĩnh vực có sự tiến bộ nổi bật:

- Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng 6,53%, giảm 1,5% so với năm 1998 (bình quân chung của cả nước là 4,7 - 5%), tuy không bằng năm trước và không đạt mức kế hoạch đã đề ra (7 - 8%), nhưng là tốc độ tăng trưởng khá ổn định.

- Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch đáng kể, cơ bản đạt kế hoạch: khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 64,22%, giảm 2,19%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 11,41%, tăng 0,77%; khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 24,37%, tăng 1,42% so với năm 1998.

Năm 1999, là năm đầu tiên sản lượng lúa đạt trên 2 triệu tấn, lớn nhất từ trước đến nay, tăng 131.000 tấn so với năm 1998, vượt kế hoạch và hoàn thành mục tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra đến năm 2000. Cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa màu, rau đậu, diện tích gieo trồng đạt 16.197ha; vườn cây ăn trái được củng cố, đổi mới về giống, tăng cường đầu tư xây dựng bờ bao, giảm bớt thiệt hại do thiên tai vào mùa nước lụt; chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng cải thiện dần chất lượng sản phẩm. Đến ngày 01/10/1999, đàn heo có 186.862 con, tăng 5,89% so với năm 1998. Nuôi trồng thủy sản được củng cố, tăng cường đầu tư phát triển với nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi trồng, từng bước phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Đặc biệt, tỉnh đã thực hiện thành công việc sản xuất giống cá ba sa, cá tra bằng sinh sản nhân tạo, mở lối ra cho việc

cung cấp con giống phục vụ nuôi trồng thủy sản xuất khẩu của tỉnh. Năm 1999, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.000ha, với 1.800 lồng bè, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 64.000 tấn. Bên cạnh đó, tỉnh thực hiện kế hoạch trồng cây theo Quyết định số 661/TTg đạt khoảng 556ha rừng tập trung và 4 triệu cây phân tán, nâng tổng diện tích rừng hiện có của tỉnh lên 9.338.85ha và 61 triệu cây phân tán (kể cả rừng phòng hộ lũ lụt).

Với chủ trương khuyến khích phát triển nông nghiệp - nông thôn, các chương trình, dự án đã góp phần tích cực trong việc phát triển nông thôn, mang lại nhiều lợi ích cho người dân. Trong năm 1999, Chương trình 773/TTg tiếp tục đầu tư một số công trình phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân ở ba vùng kinh tế mới, tiếp nhận và bố trí lại dân cư khoảng 1.250 hộ, trong đó có 900 hộ thuộc khu vực sạt lở. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục đầu tư hệ thống cấp nước tập trung ở xã Bình Thành - Thanh Bình và xã Mỹ Quý - Tháp Mười, nâng số hộ nông thôn được dùng nước sạch của tỉnh đạt 37,75%. Chương trình khuyến nông, khuyến ngư đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, hội thảo, hội thi, điểm trình diễn về các chuyên đề nông nghiệp, mang lại nhiều kết quả giúp nông dân ngày càng hiểu biết thêm về kỹ thuật nông nghiệp, phòng trừ dịch bệnh, về thông tin thị trường... nhằm kịp thời tiếp thu khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất; qua đó, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất hiệu quả, nhiều nông dân làm kinh tế giỏi cấp tỉnh và đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2000 là năm có ý nghĩa lịch sử trọng đại, năm bản lề bước sang thế kỷ mới, năm kết thúc Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Trong năm cuối thế kỷ XX, tỉnh Đồng Tháp phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức gay gắt: nền kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào nông nghiệp, hàng nông sản khó tiêu thụ, giá cả thấp, đặc biệt là trận lụt lịch sử, gây thiệt hại nghiêm trọng, ảnh hưởng đến các mặt của đời sống xã hội.

Để khắc phục những khó khăn, thử thách, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Đảng bộ tỉnh xác định: Năm 2000, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới phát triển kinh tế trên cơ sở thực hiện tốt hơn, đồng bộ hơn các giải pháp tháo gỡ khó khăn để giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo bước phát triển có chất lượng và hiệu quả hơn; phát huy triệt để nội lực, nhất là nguồn lực từ dân cư; kết hợp với việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn bên ngoài, hướng vào phát triển ổn định và bền vững; tạo thế, lực và ý chí mới bước vào thế kỷ XXI.



Chợ Cao Lãnh trong trận lụt lịch sử năm 2000

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn gay gắt, hàng nông sản tiêu thụ chậm, giá cả thấp, sản lượng gạo xuất khẩu chỉ bằng 67% so với năm 1999, đặc biệt là trận lụt lịch sử lớn nhất trong vòng 70 năm qua, gây hậu quả hết sức nặng nề. Hàng ngàn hecta lúa Hè Thu, lúa 3 vụ và hầm thủy sản bị mất trắng, vườn cây ăn trái ngập nặng, làm chết khoảng 50% diện tích. 300.000/330.000 hộ dân bị ngập nhà cửa, 60% đường quốc lộ, 80% đường tỉnh lộ, huyện lộ, 100% đường giao thông nông thôn bị ngập nặng, 120 cầu bị sập, trôi... ảnh hưởng rất lớn đến đời sống nhân dân và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Trước những khó khăn, thách thức đó, Đảng bộ tỉnh cùng các cấp, các ngành và nhân dân nỗ lực, quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1996 - 2000 chỉ đạt 6,86%, thấp hơn giai đoạn 1991 - 1995 và không đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra. Giá trị tổng sản phẩm nội tỉnh GDP năm 2000 chỉ bằng 1,23 lần so với năm 1990, không đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra là 2,5 lần...

Nhìn tổng thể 5 năm 1996 - 2000, lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và tạo ra lượng hàng hóa lớn cho xuất khẩu. Hình thành cơ bản vùng chuyên canh lúa hai vụ/năm, lúa - màu (cây công nghiệp), rau đậu, cây công nghiệp, cây ăn trái, hoa kiểng, trầm, nuôi trồng thủy sản tập trung với chất lượng sản phẩm, hiệu quả, ngày càng được nâng cao. Giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp đạt 3,73%/năm (kế hoạch tăng 5,5% - 6,5%/năm).





Nông dân mò từng nắm lúa do lũ nhấn chìm năm 2000

Ảnh: Đoàn Hồng

Tuy không đạt kế hoạch đề ra, song đã có một bước dịch chuyển đáng kể trong cơ cấu kinh tế nội bộ ngành, phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm cây trồng, vật nuôi, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, sản lượng thủy sản tăng nhanh, năm 2000 tăng gấp 1,5 lần so với năm 1995. Tỉnh đã đưa vào thực hiện một số chương trình, dự án như: dự án 120.000ha lúa xuất khẩu, dự án sản xuất giống cây, con, dự án vườn cây ăn trái, dự án thủy lợi, xây dựng trạm bơm điện, chương trình phát triển thủy sản, chương trình kinh tế hợp tác gắn với công nghiệp chế biến... nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện. Tuy nhiên, năm 2000, do lụt lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với cây



lúa nên sản lượng lương thực chỉ đạt 1,88 triệu tấn, giá trị tăng thêm của ngành đạt 2.987 tỷ đồng, giảm 0,48% so với năm 1999, kéo theo mức tăng trưởng của ngành giai đoạn 1996 - 2000 đạt thấp so với kế hoạch.

Việc thực hiện phương châm điều hành sản xuất nông nghiệp là tránh lụt, thích nghi với lụt và ngăn lụt chưa được thực hiện tốt, nhất là việc luân canh cây công nghiệp ngắn ngày, rau màu trên đất lúa hai vụ, việc chỉnh lịch thời vụ xuống giống lúa Đông Xuân, Hè Thu sớm hơn 20 - 30 ngày để xả lũ vào đồng ruộng, tăng lượng phù sa cho đất màu mỡ chưa được thực hiện tốt, do đó, đất trồng lúa ba vụ liên tiếp trong năm bị bạc màu, năng suất thấp.

Điểm nổi bật là lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn được quan tâm chỉ đạo, tập trung đầu tư phát triển. Tỉnh ban hành và triển khai thực hiện nhiều đề án, dự án lớn có tính chất quyết định đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế địa phương như: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2010, quy hoạch 2 vùng kinh tế trọng điểm Bắc và Nam, các dự án thủy lợi Nam Cao Lãnh, Nam Lấp Vò, Bắc Lấp Vò và Bắc Hồng Ngự; tham gia dự án ngăn lũ, thoát lũ tổng thể đồng bằng sông Cửu Long, dự án phát triển hệ thống trạm bơm điện, dự án vùng lúa xuất khẩu 120.000ha, dự án trồng rừng và đai rừng phòng hộ; đẩy mạnh chương trình khuyến nông, khuyến ngư, cải tạo vườn tạp; phát triển thủy sản; nạc hóa đàn heo; khuyến khích các hình thức phát triển kinh tế hợp tác... Từ thực tiễn những năm 1996 - 2000, trên phạm vi cả nước và các nước trong khu vực nói chung, tỉnh Đồng Tháp nói riêng, càng khẳng định vai trò của nông nghiệp và kinh tế nông thôn đối với phát

triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn tạo cơ sở và tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương.

Chương trình kinh tế hợp tác được củng cố, phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân đẩy mạnh sản xuất. Toàn tỉnh có 23 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động dịch vụ làm đất, tưới tiêu, đầu tư vật tư, tín dụng nội bộ, nuôi trồng thủy sản và 383 tổ hợp tác thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Các chương trình giao thông nông thôn, điện nông thôn, tín dụng nông nghiệp, Chương trình 256/TTg, chương trình xóa đói giảm nghèo, xóa xã nghèo, nhất là ở địa bàn vùng sâu, biên giới đạt kết quả tích cực. Toàn tỉnh có 100% số xã có điện lưới đến trung tâm xã, tỉ lệ hộ dân sử dụng điện 65,65%, 80% số xã có đường ô tô đến được trung tâm; số xã có mạng lưới điện thoại đạt 100%; có 37.142 hộ được bố trí ở 221 tuyến và 40 cụm dân cư tránh lụt. Các thị xã, thị trấn, thị tứ trung tâm các xã, các cụm dân cư từng bước được quy hoạch, xây dựng, chỉnh trang đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Đến năm 2000, kinh tế nông thôn có bước phát triển đáng kể, ngành nghề, dịch vụ, nhất là dịch vụ nông nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống ngày càng tăng, đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và đời sống nhân dân, tạo thêm việc làm và thu nhập cho nông dân. Công tác khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm được tăng cường, đưa thông tin kinh tế, tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp đến nông dân, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn tỉnh, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh và đồng bằng sông Cửu Long.

Kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục được tăng cường đầu tư từ nhiều nguồn vốn, phân bổ theo hướng tập trung theo thứ tự ưu tiên như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra, gắn với chương trình kinh tế hợp tác, các chương trình phát triển trên địa bàn, đã tạo ra sự đổi mới đáng kể ở nông thôn, kể cả vùng sâu, vùng biên giới.

### *1.2. Công nghiệp, thủ công nghiệp và các lĩnh vực khác*

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tiếp tục có sự chuyển biến tích cực. Trong sản xuất, các doanh nghiệp đã chú trọng hơn đến việc ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới trang thiết bị, giúp các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp thích nghi khá nhanh với cơ chế thị trường. Các ngành công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, gia công hàng hóa, dược phẩm... chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong nền kinh tế tỉnh. Một số đơn vị đã đầu tư thêm thiết bị, đổi mới công nghệ, do đó, nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường như: sản xuất bánh phồng tôm Sa Giang, thủy sản đông lạnh, xay sát, lau bóng gạo, dược phẩm (đạt chuẩn GMP-ASEAN), sản phẩm may mặc...

Nhận thức rõ vai trò và vị trí của khu công nghiệp trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với cả nước nói chung và thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn đối với Đồng Tháp nói riêng, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương hình thành các khu công nghiệp của tỉnh, coi đó là một giải pháp quan trọng nhằm tạo thuận lợi cho đầu tư kinh doanh, tiết kiệm nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ an ninh - quốc phòng và nâng cao đời

sống nhân dân. Trong đó, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 - 2010 xác định: “Phát triển công nghiệp với tốc độ cao để đảm bảo cho yêu cầu phát triển kinh tế là hướng đi phù hợp và cần thiết của tỉnh... đầu tư xây dựng hai khu công nghiệp ở thị xã Cao Lãnh và thị xã Sa Đéc”. Theo Đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2000 - 2010, việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung được định hướng: “bố trí sản xuất công nghiệp theo quy hoạch các cụm công nghiệp, làng nghề, xóm nghề, theo một cơ cấu hợp lý để thuận lợi cho chuyên môn hóa, tạo sự phân công hợp tác theo ngành trên địa bàn sản xuất. Đảm bảo thực hiện quy hoạch các khu công nghiệp tập trung, gắn với các khu dân cư mới, phát triển chợ và đô thị. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cụm công nghiệp và làng nghề, xóm nghề”.

Tháng 4/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép tiến hành lập quy hoạch khu công nghiệp thị xã Sa Đéc, giao cho Sở Công nghiệp làm chủ dự án quy hoạch và được thông qua Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng, được Chính phủ bổ sung vào danh mục các khu công nghiệp ưu tiên đầu tư đến năm 2000. Theo đó, khu công nghiệp Sa Đéc được bố trí thành 3 khu A, B, C với tổng diện tích quy hoạch là 330ha, xác định bố trí các ngành nghề chủ yếu như: chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, sản xuất bao bì, may mặc... Khu công nghiệp Sa Đéc có điều kiện thuận lợi là nằm trong vùng nguyên liệu nông thủy sản, có điều kiện thu hút nguyên liệu từ nhiều vùng lân cận của các tỉnh xung quanh, đồng thời, Sa Đéc cũng là vùng có hoạt động kinh tế sôi động nhất trong tỉnh. Đây là những điều kiện quan trọng góp phần vào thành công của khu công nghiệp Sa Đéc trong tương lai. Khu công

ngành Sa Đéc dự tính có thể tập trung 80 - 100 nhà máy, thu hút khoảng 30.000 lao động làm việc.

Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện, thị theo quy hoạch phát triển ngành; từng bước bố trí, sắp xếp các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo các làng nghề, khu, cụm theo quy hoạch đã được duyệt; triển khai chương trình khuyến nông và điều tra hiện trạng công nghệ ở các doanh nghiệp nhà nước để có định hướng đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất; quy hoạch và tổ chức thi công xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toản, thị xã Cao Lãnh; triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng giai đoạn 1 khu công nghiệp Sa Đéc để thu hút vốn đầu tư của các đơn vị trong và ngoài tỉnh, kể cả các đơn vị nước ngoài, từng bước thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm tiếp theo.

Giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng tuy ở mức 15,31%/năm, nhưng không đạt chỉ tiêu kế hoạch (chỉ tiêu kế hoạch đề ra tăng 19 - 20%/năm, kể cả xây dựng); cơ cấu nội bộ ngành tuy có chuyển dịch, nhưng còn hạn chế, chưa đa dạng, chủ yếu là công nghiệp chế biến. Song, sự tăng trưởng của ngành công nghiệp đã góp phần từng bước phá thế thuần nông, độc canh cây lúa, nâng cao hiệu quả cho nền kinh tế và thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Lĩnh vực dịch vụ - thương mại tiếp tục phát triển theo kế hoạch đã đề ra. Trong đó, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống nhân dân đến vùng sâu, vùng biên giới; phát triển, xây dựng mạng lưới chợ trung tâm tỉnh, huyện, thị, chợ biên giới, chợ

nông thôn; mở rộng hoạt động dịch vụ thông tin bưu điện, tín dụng - ngân hàng, vận tải... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Bên cạnh đó, đường lối đổi mới kinh tế đúng đắn của Đảng với chính sách kinh tế mở theo cơ chế thị trường, cơ chế quản lý điều hành xuất nhập khẩu của Chính phủ ngày càng hoàn thiện, việc mở rộng quan hệ và việc Việt Nam gia nhập vào các tổ chức quốc tế và khu vực như ASEAN, APEC... tạo điều kiện cho các địa phương, các doanh nghiệp trực tiếp quan hệ với các đối tác nước ngoài để thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại như xuất - nhập khẩu, du lịch, thu hút đầu tư... Do đó, tỉnh chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại với các tỉnh trong nước và nước ngoài, chú trọng mối quan hệ với Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Cần Thơ, các nước trong khu vực, từng bước nâng cao vị thế của tỉnh ở trong nước cũng như nước ngoài. Tăng cường cán bộ có năng lực, trình độ và kinh nghiệm cho công tác đối ngoại, đủ sức đảm đương được nhiệm vụ, tích cực góp phần đẩy mạnh công tác đối ngoại đạt hiệu quả ngày càng cao. Đồng thời, tích cực tham gia bảo vệ quyền lợi hợp pháp của kiều bào người Việt Nam ở nước ngoài và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân Đồng Tháp sinh sống ở trong nước và ngoài nước thông hiểu tình hình trong tỉnh, qua đó, vận động nhân dân có sự đóng góp thiết thực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đối với tỉnh Prey Veng (Campuchia), hằng năm, Đồng Tháp và Prey Veng có cuộc gặp gỡ để bàn bạc thỏa thuận hợp tác giữa hai tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, thể dục

thể thao và phòng, chống tội phạm. Sau mỗi lần tiếp xúc, có bản ghi nhớ các vấn đề thỏa thuận, hợp tác giữa hai bên trong khuôn khổ luật pháp của hai nước cho phép. Nhìn chung, quan hệ giữa hai tỉnh thuận lợi, đã giải quyết được một số vấn đề tranh chấp đất đai, sản xuất và sinh sống của Việt kiều, ngăn ngừa phòng, chống tội phạm, giữ mối quan hệ tốt giữa hai nước, đảm bảo an ninh biên giới. Về hợp tác kinh tế tuy có những thỏa thuận giúp đỡ tỉnh Prey Veng phát triển nông nghiệp như hỗ trợ kỹ thuật, giống cây, con, cung ứng vật tư, hợp đồng cung cấp máy cày, máy xới, bơm nước... nhưng thực hiện còn hạn chế do phía bạn chưa có đối tác cụ thể để đứng ra thực hiện.

Từ năm 1996 đến năm 2000, trong chiến lược phát triển công nghiệp, tỉnh tập trung đầu tư cho công nghiệp chế biến hàng nông sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp gia công hàng hóa. Đồng thời, triển khai dự án xây dựng khu công nghiệp Sa Đéc, xây dựng dự án khu công nghiệp ở thị xã Cao Lãnh, đi đôi với phát triển các cụm công nghiệp ở những nơi có điều kiện như: Vàm Cống (Lấp Vò), Lai Vung (Lai Vung), An Long (Thanh Bình), Mỹ An (Tháp Mười)... Mặt khác, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở những nơi có nguyên liệu hoặc tập trung dân cư để giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt ở nông thôn. Trong phát triển công nghiệp, quan tâm đến khâu tiếp thị và tìm thị trường. Đồng thời, có chiến lược duy trì mặt hàng gạo xuất khẩu đang là thế mạnh. Đi đôi với chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến các mặt hàng nông sản khác

như trái cây, tôm, cá... nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong tỉnh theo thứ tự ưu tiên mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra, trong đó, ưu tiên phát triển giao thông nông thôn, tập trung cho ngành điện và xây dựng các công trình văn hóa.

Hoạt động xuất - nhập khẩu được đẩy mạnh, thể hiện ngày càng rõ hơn vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kim ngạch xuất - nhập khẩu tiếp tục tăng trưởng, ngày càng có nhiều hàng hóa xuất khẩu chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, xuất khẩu thu về ngoại tệ, nhập máy móc, nguyên vật liệu và các loại hàng khác phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng trong tỉnh. Công tác đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), viện trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO) đã trở thành bộ phận quan trọng và có tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của tỉnh. Riêng viện trợ của các tổ chức phi chính phủ đã góp phần quan trọng trong việc giúp địa phương đẩy mạnh và phát triển nhiều ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, nhân đạo, giải quyết việc làm. Đặc biệt, tổng giá trị kim ngạch xuất - nhập khẩu đạt 758 triệu USD (kế hoạch là 730 triệu USD), tăng 7%/năm (kế hoạch tăng 15-17%/năm). Tuy nhiên, hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn như: kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhưng hiệu quả chưa cao, thị trường chưa ổn định, kết quả gọi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) còn thấp, các dự án được cấp phép triển khai chậm, chưa tranh thủ được tối đa nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ.



Về hoạt động hợp tác đầu tư những năm 1996 - 2000, mặc dù được quan tâm, đẩy mạnh, nhưng kết quả đạt được còn khiêm tốn. Đến năm 2000, trên địa bàn tỉnh có 6 dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đầu tư với tổng vốn đầu tư 9,76 triệu USD, nhưng do tính khả thi của dự án thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả không cao, nên chỉ còn 2 dự án hoạt động: Công ty liên doanh Isdolapia (sản xuất cá rô phi đỏ), vốn đầu tư 0,362 triệu USD và Công ty Dorosa Perfumes (sản xuất nước hoa), vốn đầu tư 0,5 triệu USD.

Đối với hoạt động của công tác đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, đã và đang triển khai thực hiện phương án sắp xếp, đổi mới quản lý doanh nghiệp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được Trung ương thông qua: Hoàn thành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Thực phẩm Bích Chi; sáp nhập Công ty Thủy nông và Phát triển nông nghiệp và Công ty Xây dựng thủy lợi; thành lập mới Công ty Du lịch tỉnh, song tiến độ thực hiện chậm so với kế hoạch. Đến nay, số doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý có 30 doanh nghiệp, trong đó, có 3 doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích cấp tỉnh và 7 doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích tại địa bàn huyện, thị. Phần lớn các doanh nghiệp nhà nước đã đi vào hoạt động ổn định và có chiều hướng phát triển tốt, doanh thu và kết quả kinh doanh đều có sự tăng trưởng, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách. Tỉnh đã ưu tiên bổ sung vốn lưu động, vốn vay tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp nhà nước làm ăn hiệu quả; đối với số doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ, tỉnh đã quyết định giải thể, phá sản 2 đơn vị.

Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, tỉnh tiếp tục tạo môi trường đầu tư thuận lợi, khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là sau khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực nên số lượng doanh nghiệp tư nhân có bước phát triển đáng kể. Đồng thời, có sự vận dụng tốt các nguồn vốn vay tín dụng theo chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ về thông tin thị trường và việc xử lý ô nhiễm môi trường cho các doanh nghiệp.

Các hình thức kinh tế hợp tác ngày càng đổi mới, phát triển trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, sản xuất thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, giao thông vận tải, tín dụng. Đến cuối năm 2000, trên địa bàn tỉnh có 55 hợp tác xã và 21 quỹ tín dụng nhân dân. Tuy bước đầu gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã, song vẫn có bước phát triển; nhiều mô hình kinh tế hợp tác được hình thành trong các ngành và các lĩnh vực kinh tế. Trong đó, đã xuất hiện một số hợp tác xã sản xuất kinh doanh giỏi, làm tăng thêm động lực thúc đẩy công tác đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác, góp phần tích cực và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tỉnh quan tâm thực hiện tốt chính sách tài chính - tiền tệ, triệt để thực hành tiết kiệm: Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính. Trước hết, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và xử lý thua lỗ, làm lành mạnh tài chính các doanh nghiệp nhà nước, liên kết giữa các doanh nghiệp hiện có để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cổ phần hóa các doanh nghiệp có điều kiện. Cải tiến công tác xây dựng dự toán thu - chi ngân sách hàng năm theo hướng tăng dần tỷ trọng đầu tư cho phát triển

và có dự trữ. Vốn ngân sách đầu tư cho phát triển phải phân bổ theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Nhà nước, kịp thời phát hiện, uốn nắn, xử lý những vi phạm về quản lý tài chính. Do đó, hoạt động tài chính - ngân sách đã đi vào nền nếp theo Luật ngân sách, hàng năm đều thực hiện đạt chỉ tiêu ngân sách Trung ương giao. Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng từ 366 tỷ đồng năm 1995, lên 514,65 tỷ đồng năm 2000, tăng bình quân 6,9%/năm (giai đoạn 1996 - 2000). Tuy nhiên, tổng thu ngân sách trên địa bàn mới chiếm 8 - 9% GDP tỉnh, với nguồn thu chưa ổn định, chủ yếu là thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thu thuế ngoài quốc doanh, thu xổ số kiến thiết; khả năng tăng thêm nguồn thu cho tỉnh còn nhiều khó khăn, tốc độ tăng thu những năm gần đây đã chậm lại. Tổng chi ngân sách tăng từ 291 tỷ đồng năm 1995 lên khoảng 838,12 tỷ đồng năm 2000, tăng bình quân 23%/năm. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển luôn tăng lên so với tổng chi, đạt 35% trong giai đoạn 1996 - 2000, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng có nhiều cố gắng thực hiện tốt việc huy động các nguồn vốn đầu tư, góp phần tích cực cho phát triển sản xuất kinh doanh và ổn định đời sống nhân dân, nhất là đối với cơn lũ lịch sử 2000: Công tác thẩm định cho vay và quản lý vốn vay của các ngân hàng chuyên doanh đã được nâng cao, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả hơn trước đây. Năm 2000, tổng nguồn vốn của toàn hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh có khoảng 3.000 tỷ đồng, tăng 64,7%, trong đó, nguồn vốn huy

động tại chỗ đạt khoảng 550 tỷ đồng, giảm 14 tỷ đồng so với đầu năm 1999. Nguồn vốn trên đã được các thành phần kinh tế vay đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thu mua lúa gạo xuất khẩu, tạm trữ và chạy lũ, cho vay khắc phục hậu quả lũ lụt, đặc biệt cho gia hạn nợ, khoan nợ đối với các hộ nghèo gặp khó khăn sau lũ... Đồng thời, các ngân hàng thương mại không ngừng tăng tỷ trọng cho vay đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, như: cho khu vực hợp tác xã vay phát triển sản xuất kinh doanh, cho hộ nông dân vay xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nhà, tiêu dùng... theo chủ trương kích cầu, tăng đầu tư của Chính phủ.

Lĩnh vực đầu tư phát triển, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn qua các năm đều tăng, giai đoạn 1996 - 2000 đã tăng bình quân 16%/năm. Nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm khoảng 30 - 35% so với tổng đầu tư theo thứ tự ưu tiên của Nghị quyết VI Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy và Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII. Qua đó, cơ cấu đầu tư đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần đầu tư cho phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Tỷ trọng vốn đầu tư các ngành trong tổng vốn đầu tư ước đạt: 30 - 35% (ngành nông nghiệp), 14 - 22% (công nghiệp - xây dựng) và 45 - 50% (dịch vụ - thương mại). Ngoài ra, từ năm 1997, tỉnh đã được Trung ương hỗ trợ thêm một phần vốn ngân sách đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc và các công trình giao thông, thủy lợi theo chương trình đầu tư của Quyết định số 99/TTg, vốn khắc phục hậu quả lũ lụt năm 2000...

Đầu tư cho phát triển đã tạo thêm năng lực mới và nền tảng cho phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống nhân dân. Những lĩnh vực được ưu tiên đầu tư, trước hết là các công trình giao thông, thủy lợi, điện lực, chợ nông thôn... năm 2000, giao thông nội ô thị xã, thị trấn được sửa sang, nâng cấp và trải nhựa, giao thông liên huyện, liên xã, giao thông nông thôn trước đây chủ yếu bằng đường thủy được thay bằng đường bộ. Đường ô tô đã nối liền từ tỉnh đến 11 huyện, thị và đến được 80% số xã trong tỉnh; kết hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về xóa cầu khỉ ở nông thôn, do đó, trên 90% cầu khỉ được thay bằng cầu gỗ, lát ván hoặc cầu bê tông kiên cố. Đặc biệt, tỉnh đã khai thông một số tuyến lộ quan trọng như: nối quốc lộ 30 lên cửa khẩu Dinh Bà (biên giới Campuchia); nối quốc lộ 30 đi vào trung tâm Đồng Tháp Mười, gồm các tuyến: Đường Thét - Mỹ An - Bằng Lăng, An Long - Tam Nông - Trường Xuân, Hồng Ngự - Sa Rài - Tân Hồng. Các tuyến đường này đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, toàn tỉnh đạt 100% số xã có điện lưới, điện thoại và trường tiểu học, với hơn 65% hộ dân sử dụng điện, có 2 máy điện thoại/100 dân; 93,5% xã có trạm y tế được xây dựng kiên cố, bán kiên cố; hệ thống thủy lợi, đê bao phục vụ tưới tiêu cho trên 180.000ha đất sản xuất 2 vụ lúa trong năm, gần 140.000/185.800ha lúa Hè Thu và khoảng 12.640/18.150ha vườn cây ăn trái có bờ bao bảo vệ; chỉnh trang đô thị đạt được kết quả đáng kể, đổi mới nhanh bộ mặt đô thị. Điểm nổi bật của ngành xây dựng là hoàn thành các công trình phục vụ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc

lần thứ V, đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; khắc phục có hiệu quả kết cấu hạ tầng sau lũ, phục vụ kịp thời việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Như vậy, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tích cực thực hiện, đạt nhiều kết quả quan trọng. Tuy quá trình triển khai thực hiện, tình hình không như dự kiến do những tác động khách quan không thuận lợi (thiên tai hạn hán, lũ lụt, thời tiết diễn biến bất thường, giá cả một số hàng hóa nông, thủy sản sụt giảm, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực...) đã làm tăng thêm những khó khăn, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện trên một số nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu. Song, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của toàn tỉnh, sự hỗ trợ có hiệu quả của các bộ, ngành Trung ương; đồng thời, tỉnh đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, hạn chế những khó khăn, thách thức, duy trì sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến rõ nét. Mặc dù tốc độ tăng trưởng không đạt chỉ tiêu kế hoạch (tăng 9 - 10%/năm), nhưng là mức tăng trưởng khá trong điều kiện có nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt cơn lũ lịch sử năm 2000 đã làm thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, dân sinh, gây xáo trộn nhiều mặt trong đời sống xã hội. Đóng góp lớn cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh qua các năm vẫn là ngành nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lương thực, đủ khả năng đạt và duy trì sản xuất ổn định 2 triệu tấn lương thực/năm theo mục tiêu kế hoạch đề ra. Tổng sản phẩm nội tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6,86%/năm,

giai đoạn 1996 - 2000. GDP bình quân đầu người của tỉnh (theo giá 1994) đã gia tăng từ 2,25 triệu đồng (205 USD) năm 1995 lên khoảng 2,90 triệu đồng (265 USD) năm 2000. Cơ cấu kinh tế của tỉnh đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Đạt được kết quả trên là do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Trung ương vào thực tiễn địa phương qua các chương trình và kế hoạch công tác lớn, các chủ trương, giải pháp để chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch có trọng tâm, trọng điểm, đã động viên, khơi dậy được các nguồn lực trong và ngoài tỉnh, những kết quả đạt được trên lĩnh vực kinh tế, tạo thế và lực mới để Đồng Tháp vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

## **2. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và thực hiện chính sách xã hội**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển xã hội...

Để cụ thể hóa nội dung giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, Đảng ta ban hành riêng nghị quyết chuyên đề về văn hóa - Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc

dân tộc, trong đó xác định 5 quan điểm chỉ đạo và 10 nhiệm vụ cụ thể<sup>1</sup>.

Đặc biệt, Nghị quyết xác định những nhiệm vụ cấp bách đến năm 2000: “Từ nay đến năm 2000, đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội, trước hết trong các tổ chức đảng và nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng gia đình.

Kiên quyết loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất về đạo đức ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Nghiêm trị bọn tội phạm. Ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động phản văn hóa, các sản phẩm văn hóa độc hại.

Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, đẩy lùi hủ tục, các tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực, gây rối trật tự công cộng.

---

1. Năm quan điểm chỉ đạo: 1- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; 2- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 3- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; 4- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; 5- Văn hóa là một mặt trận; xây dựng, phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Mười nhiệm vụ cụ thể: 1- Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới; 2- Xây dựng môi trường văn hóa; 3- Phát triển sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật; 4- Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; 5- Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; 6- Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; 7- Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; 8- Chính sách văn hóa đối với tôn giáo; 9- Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa; 10- Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế.



Cải thiện đời sống văn hóa ở những vùng đời sống văn hóa còn quá thấp kém, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân”.

Bên cạnh việc chú trọng xây dựng và phát triển văn hóa, Đảng coi trọng giải quyết các vấn đề xã hội, với chủ trương: đi đôi với phát triển kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; đồng thời, để tạo ra bước phát triển trong thời kỳ mới, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra phương hướng, nhiệm vụ trên lĩnh vực văn hóa - xã hội đến năm 2000 là:

Tập trung lãnh đạo quản lý hoạt động văn hóa và thực hiện tốt hệ thống chính sách văn hóa, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, nâng cao thể lực, trí lực của con người, từng bước tạo điều kiện xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ, giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc.

Chú trọng *tạo thêm việc làm cho người lao động và ổn định nơi ở cho dân cư*, khuyến khích phát triển công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, giải quyết việc làm tại chỗ là chính, hạn chế dân cư nông thôn ra thành thị tìm việc làm. Xây dựng phương án đến năm 2000, ổn định nơi ở cho dân cư vùng sâu và Việt kiều từ Campuchia về. Bố trí nhà ở theo tuyến, cụm dân cư để có điều kiện chống lũ... Đồng thời, *thực hiện công bằng xã hội và chính sách xã hội*: Công bằng xã hội thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, phân phối kết quả sản xuất và điều kiện phát triển năng lực

của mọi thành viên trong cộng đồng. Tổ chức rộng rãi các hình thức kinh tế hợp tác là một trong những biện pháp hạn chế phân hóa giàu - nghèo, hạn chế bất công xã hội. Tiếp tục mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả các chương trình xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ trẻ mồ côi, người già neo đơn, người tàn tật... Đặc biệt, từng cấp có phương án phát động toàn dân chăm sóc đối tượng chính sách, lập quỹ đền ơn đáp nghĩa, phấn đấu đến năm 2000, các đối tượng chính sách có cuộc sống ở mức trung bình của cả nước. Phấn đấu đến cuối năm 1997, hoàn thành cơ bản nghĩa trang liệt sĩ huyện Tam Nông, Cao Lãnh, Tháp Mười. Đến năm 2000, có 40 - 50% xã, phường xây dựng nhà bia ghi tên liệt sĩ, mỗi xã đều có nghĩa trang nhân dân...

*Về văn hóa, văn nghệ, báo chí, phát thanh và truyền hình:* Mục tiêu hoạt động văn hóa, văn nghệ, của báo, đài nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin, hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật cho các tầng lớp nhân dân theo hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đấu tranh ngăn chặn việc lưu hành văn hóa độc hại, lối sống thực dụng. Từng bước xây dựng các trung tâm văn hóa, tụ điểm văn hóa ở tỉnh, huyện, xã, chú ý các xã vùng sâu, tạo điều kiện cho nhân dân, trước hết là thanh thiếu niên, hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

Xây dựng trạm tiếp sóng phát thanh, truyền hình của tỉnh. Định hướng cho nhân dân về nội dung, hình thức tổ chức lễ hội, đám tiệc, thờ cúng... đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của cuộc sống ngày càng cao, không để tự phát thành những sinh hoạt không lành mạnh. Có kế hoạch khôi phục lễ hội truyền thống, tổ chức những lễ hội mới có truyền thống cách mạng.

Mặt khác, các tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ bằng nhiều hình thức, đặc biệt qua hệ thống thông tin đại chúng, đưa các nhân tố văn hóa, tinh thần nhân văn thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong ứng xử từ gia đình, trường học, xã hội đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh...

Chú ý đào tạo và tạo điều kiện bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ sáng tác cho đội ngũ văn nghệ sĩ trong tỉnh. Nghiên cứu áp dụng hình thức Nhà nước đặt hàng cho các văn nghệ sĩ sáng tác. Tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động xây dựng gia đình văn hóa. Phấn đấu năm 2000 có 70% gia đình đạt một hoặc nhiều tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Tiếp tục xã hội hóa và đa dạng hóa tổ chức và hoạt động thể dục thể thao. Tăng cường hệ thống cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục thể thao, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao ở nhà trường và lan dần ra thành phong trào toàn xã hội. Chú ý các môn thể dục, thể thao truyền thống của dân tộc và sáng tạo những môn thể thao phù hợp với đặc điểm địa phương. Đến năm 2000, phấn đấu mỗi xã có sân bóng đá. Nâng cao chất lượng thi đấu các môn thể dục thể thao đã có thế mạnh, như bóng đá, cờ vua, đá cầu, diên kinh và có kế hoạch phát triển các bộ môn còn yếu như đua xe đạp, bơi lội, bóng chuyên... Chống tiêu cực trong hoạt động và thi đấu thể thao.

Nhận thức toàn diện và sâu sắc về phương hướng, đặc trưng, nhiệm vụ và giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những yêu cầu cấp thiết để tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội, góp phần vào việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế phát triển, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo quản lý

hoạt động văn hóa và thực hiện tốt hệ thống chính sách văn hóa, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực, nâng cao thể lực, trí lực của nhân dân, từng bước tạo điều kiện xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ, giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc.

Để thực hiện mục tiêu đề ra về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh luôn xác định văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài gắn bó hữu cơ với quá trình phát triển kinh tế địa phương. Mặt trận đó, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh luôn nêu cao ý chí cách mạng, kiên trì phấn đấu với những bước đi thận trọng, vững chắc. Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, trọng tâm là xây dựng con người Đồng Tháp trong thời kỳ phát triển mới với đầy đủ các đức tính như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã nêu; vừa xây dựng, bồi dưỡng yếu tố tích cực, tốt đẹp, cao cả, vừa đấu tranh khắc phục yếu tố lạc hậu, tiêu cực, phê phán văn hóa đồi trụy, ngoại lai, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh. Về phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật, phấn đấu sáng tác nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Tăng cường hoạt động thông tin đại chúng, củng cố xây dựng, phát triển và từng bước hiện đại hóa về cơ sở vật chất kỹ thuật và phương thức hoạt động của hệ thống thông tin đại chúng, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị địa phương, đáp ứng nhu cầu cần được thông tin của nhân dân... Thực hiện nhất quán chính sách tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân trong tỉnh. Tạo mọi điều kiện cho tôn giáo hoạt động theo pháp luật; kiên

quyết xử lý mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy, khuyến khích các ý tưởng và hành động của tôn giáo hướng tới nhân đạo, công bằng, bác ái... Mở rộng giao lưu văn hóa với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và các dân tộc trên thế giới, nhằm giới thiệu những giá trị đặc sắc của văn hóa Đồng Tháp, vừa tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa dân tộc, văn hóa nhân loại, làm giàu thêm, phong phú thêm văn hóa Đồng Tháp. củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa.

Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở rộng khóa VI ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 20/10/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, với phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện cụ thể. Trong đó, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh quyết tâm xây dựng và phát triển văn hóa Đồng Tháp thành một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, góp phần xứng đáng cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể và huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân. Nhờ vậy, trong những năm 1996 - 2000, lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được những kết quả tích cực. Đến đầu năm 2000, việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà

bản sắc dân tộc đã đạt được một số kết quả nổi bật: Về nhiệm vụ xây dựng con người Đồng Tháp trong thời kỳ mới có những tiến bộ rõ rệt. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện, thị, qua hoạt động thực tiễn tiếp tục thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, có trách nhiệm cao trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thực hiện chủ trương xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, không có tệ nạn xã hội, toàn tỉnh đã có 119/139 xã (phường) không có hoặc ít xảy ra tệ nạn xã hội, chiếm 85,6%; 20 xã (phường) trọng điểm, có nhiều tệ nạn xã hội tiếp tục đấu tranh để đẩy lùi tệ nạn xã hội trong thời gian tới. Cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực. Quy ước về nếp sống mới ở khóm (ấp) được các địa phương trong tỉnh tổ chức thực hiện tốt... Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về *xây dựng nếp sống mới trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội*, các huyện (thị) đều có định hướng về việc cưới, việc tang và lễ hội. Chủ trương này được cán bộ, nhân dân đồng tình ủng hộ. Mặt khác, tỉnh cũng tập trung chỉ đạo phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở, đặc biệt ưu tiên cho đường, điện, trường học, trạm xá, nước sinh hoạt... nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa cho nhân dân, tạo điều kiện về ăn, ở, đi lại, học hành, chữa bệnh của nhân dân, nhất là vùng nông thôn.

Hoạt động văn học - nghệ thuật góp phần tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ các nhân tố tích cực và nếp sống lành mạnh, đẩy lùi và làm giảm các tệ nạn xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã mang lại khí thế mới cho giới văn nghệ sĩ trong tỉnh, khẳng định vị trí và tầm quan trọng của văn hóa, trong đó có văn học - nghệ thuật, đáp ứng

nguyện vọng, của giới văn nghệ sĩ. Phong trào sáng tác được phát triển, hằng năm, tỉnh đều mở các trại sáng tác, nhất là sáng tác tranh của thiếu nhi, thực hiện các cuộc triển lãm tranh, ảnh nghệ thuật của tỉnh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Các thiết chế văn hóa ở cơ sở như trạm truyền thanh, thư viện, tủ sách, tụ điểm văn hóa, sân chơi thể thao ở các xã, phường cũng được quan tâm đầu tư. Hiện nay, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh không ngừng đổi mới, củng cố bộ máy, trang thiết bị luôn được bổ sung, sửa chữa, phủ sóng toàn tỉnh, góp phần đưa tiếng nói của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống, phản ánh nguyện vọng chính đáng, nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân.

Mạng lưới truyền thanh 11 huyện, thị hoạt động đều, được đầu tư thêm trang thiết bị máy móc kỹ thuật, đã cung cấp kịp thời những tin tức cần thiết của địa phương và tuyên truyền thường xuyên đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân. Trạm truyền thanh của xã, phường trong tỉnh cũng được đầu tư thiết bị mới để hoạt động. Đến năm 2000, có 103/128 trạm truyền thanh xã, phường tổ chức quản lý tốt, truyền thanh đúng giờ vừa tiếp âm Đài của tỉnh, của Trung ương, vừa chuyển tải nội dung hoạt động, nhiệm vụ của địa phương. Nhờ đẩy mạnh chương trình điện khí hóa nông thôn, nhiều hộ dân ở vùng sâu, vùng biên giới, đặc biệt là huyện Tháp Mười và Hồng Ngự có 90 đến 95% số hộ dân có ti vi, radio, cassette. Đây là một phương tiện thông tin rất cần thiết và nhanh nhạy, giúp cho người dân vùng sâu, biên giới cập nhật tri thức mọi mặt, rút ngắn khoảng cách về nhận thức giữa nông thôn với thành thị.

Toàn tỉnh có 7/11 huyện, thị có thư viện (trong đó 1 thư viện tỉnh và 6 thư viện huyện, thị). Năm 1999, Thư viện tỉnh bổ sung 4.120 bản sách, luân chuyển 9.350 bản sách đến 6 thư viện huyện, thị, 74 điểm đọc sách, phòng đọc sách cơ sở, chuyển 32.000 bản sách cho 36 điểm bưu điện văn hóa xã, phục vụ gần 70.000 lượt đọc giả. Hệ thống trường phổ thông có 19 thư viện trường phổ thông trung học và 40 thư viện trường phổ thông cơ sở, phục vụ tương đối tốt nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và học sinh. Phần lớn các cơ quan, ban ngành, đoàn thể từ cấp tỉnh đến xã, phường đều có tủ sách phục vụ việc tra cứu và học tập của cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. Trong đó, có 121/139 xã, phường có tủ sách pháp lý, 23 tủ sách khu văn hóa gia đình; 36 bưu điện văn hóa, có nhiều người dân và cán bộ, công chức, viên chức mượn đọc.

Thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từng bước đi vào chiều sâu và đạt kết quả thiết thực. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 263.412/331.318 hộ đăng ký đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; xét công nhận 212.629 hộ đạt 1-3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa và 320/606 khóm, ấp được công nhận khóm, ấp văn hóa; trong đó, có 46 khóm, ấp kiểu mẫu. Toàn tỉnh có 4/11 huyện, thị xã có nhà văn hóa (gồm các huyện Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình và thị xã Sa Đéc). Những nhà văn hóa này từng bước củng cố đầu tư nâng cấp và đi vào hoạt động nền nếp. Đây là một trong những trung tâm sinh hoạt văn hóa, đào tạo năng khiếu về văn hóa ở địa phương, có vai trò quan trọng, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân (trong số đó có nhà văn hóa thị xã Sa Đéc hoạt động hiệu quả nhất). Phong trào văn nghệ quần chúng ở các địa phương trong tỉnh phát triển với nhiều



hình thức phong phú, đa dạng, đã cổ vũ, thu hút sự tham gia ngày càng nhiều của đông đảo nhân dân. Toàn tỉnh có 96 câu lạc bộ tài tử (trong đó, nhiều nhất là huyện Lai Vung với 24 câu lạc bộ, sinh hoạt đều theo định kỳ); 76 câu lạc bộ cùng hát với nhau (thị xã Cao Lãnh có nhiều nhất 15 câu lạc bộ). Các tổ chức văn nghệ chuyên nghiệp như Đoàn Văn công tỉnh, 2 câu lạc bộ tuồng cổ cấp huyện, được sắp xếp lại hợp lý, phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Hoạt động thể dục thể thao tiếp tục mở rộng về quy mô; đặc biệt, Đồng Tháp đăng cai tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ V, tiến hành đúng kế hoạch, đạt yêu cầu, được dư luận cả nước hoan nghênh; trong đó, Đồng Tháp đã giành được thành tích cao, xếp thứ ba toàn đoàn (sau Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội).



Khai mạc Hội khỏe Phù Đổng năm 2000

Ảnh: Hoàng Sang

Công tác bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa được quan tâm. Trên phạm vi toàn tỉnh, đã xây dựng, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa - cách mạng trọng điểm như Nhà Bảo tàng tổng hợp tỉnh, tu sửa Bia kỷ niệm nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên tại xã Hòa An, trùng tu di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, xây dựng khu di tích Xẻo Quít... kịp thời khắc phục những thiếu sót trong công tác bảo tồn, bảo tàng.

*Về giáo dục và đào tạo:* Công tác giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, do đó, Tỉnh ủy tiếp tục chú trọng thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII về *giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ*. Nhiệm vụ chiến lược của sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ của tỉnh là: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, lực lượng lao động có kiến thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Phấn đấu đến năm 2000, đưa nền giáo dục - đào tạo của tỉnh đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước. Chú trọng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới trường học và hệ thống các ngành học, cấp học trên địa bàn tỉnh. Tập trung đầu tư để phát huy hiệu quả hệ thống các trường trọng điểm, các lớp chọn, lớp chuyên. Hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học và cơ bản xóa mù chữ ở độ tuổi từ 15 đến 35, tiến tới phổ cập trung học cơ sở ở các vùng trọng điểm về kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng quy mô cấp trung học cơ sở và trung học chuyên ban lên gấp 1,5 lần so với năm học 1995 - 1996; xây dựng hoàn chỉnh 3 trường trung học nội trú vùng sâu (Tràm Chim, Tân Hồng, Tháp Mười).

Tăng cường đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời, từng bước nâng cao trình độ giáo viên, cơ bản giải



Di tích Gò Tháp

Ảnh: Hoàng Dũng



Khu Di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc

Ảnh: Hoàng Dũng

quyết tình trạng thiếu giáo viên các cấp học. Phần đầu 60% giáo viên cao đẳng sư phạm, dạy nghề, trung học chuyên ban có trình độ trung cấp và giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, mầm non có trình độ sơ cấp về lý luận chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xã hội hóa giáo dục, dành nguồn ngân sách thích đáng, đi đôi với tích cực tạo thêm các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Phát huy tác dụng các quỹ hỗ trợ tài năng trẻ, đào tạo nhân tài, quỹ học bổng vượt khó học giỏi, quỹ hỗ trợ học sinh nghèo. Chấm dứt tình trạng học 3 ca, thay thế phần lớn các phòng học xây tạm bợ và hư hỏng nặng. Quan tâm đầy đủ hơn về điều kiện dạy học và đời sống đối với giáo viên vùng đặc biệt khó khăn trong tỉnh...



Học sinh xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình đến trường  
trong mùa lũ năm 2000

Ảnh: Đoàn Hồng



Để thực hiện mục tiêu đề ra, ngày 23/5/1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 18-CTr/TU, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII về *định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*. Trên cơ sở đó, hệ thống giáo dục từng bước được hoàn thiện, quy mô và mạng lưới trường lớp ngày càng được mở rộng. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống giáo dục được chú trọng. Tỷ lệ phòng học xây dựng cấp 4 trở lên tăng nhanh; chỉ tiêu xóa các lớp học ca 3 và xây dựng các trường trọng điểm chất lượng cao, có quy mô và cơ sở vật chất đạt chuẩn đã đạt được. Kết quả nổi bật là xây dựng được ba trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, ba trường trung học phổ thông nội trú vùng Đồng Tháp Mười.

Chất lượng giáo dục được đặc biệt quan tâm và tiếp tục được nâng lên (cả dạy và học), một số trường đạt chuẩn quốc gia. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, Tỉnh đã huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Quy mô học sinh các ngành học, cấp học ngày càng tăng, trong đó quy mô phát triển học sinh trung học thực hiện vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đều tăng. Sự chênh lệch về chất lượng giáo dục - đào tạo giữa khu vực thị xã, thị trấn với các khu vực vùng nông thôn, vùng sâu, biên giới được thu hẹp dần. Tỉnh đã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ theo chuẩn quốc gia (năm 1998) trước thời hạn do Trung ương quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho giáo dục ngày càng được quan tâm, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trong đó, trường Cao đẳng Sư phạm Đồng Tháp tiếp tục được mở rộng về cơ sở vật chất và số lượng đào tạo. Tỉnh đã triển khai xây dựng dự án thành lập trường dạy nghề; đồng thời, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh mở trường lớp dạy nghề trên địa bàn tỉnh. Kết hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Huế, trường Đại học Cần Thơ và các học viện... thực hiện các chương trình đào tạo cao học, đại học đại cương, chuẩn hóa giáo viên, đào tạo trung cấp...

Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngày 23/5/1997, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 19-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh đó, Chương trình hành động nhằm góp phần thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010. Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000 là nâng cao mặt bằng khoa học và dân trí để tiếp thu và vận dụng các thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, nhiệm vụ cụ thể được đề ra: Phát triển khoa học xã hội và nhân văn; phát triển công nghệ sinh học; đẩy mạnh cơ giới hóa và tự động hóa; phát triển công nghệ vật liệu mới và năng lượng mới; phát triển công nghệ thông tin; khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ. Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, nhiều giải pháp được đưa ra, nổi bật là tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ; tăng

đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn khác nhau; đổi mới hệ thống tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; mở rộng hợp tác với các đơn vị, tổ chức trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khoa học và công nghệ...

Trong 5 năm 1996 - 2000, hoạt động khoa học - công nghệ có nhiều tiến bộ, việc nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ được tăng cường thực hiện; toàn tỉnh tiến hành nghiên cứu 25 đề tài khoa học mới, 56 đề tài chuyển tiếp về lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, khoa học xã hội, điều tra cơ bản; triển khai 11 đề tài ứng dụng khoa học công nghệ. Nhiều đề tài nghiên cứu được đưa vào ứng dụng, phục vụ sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp như: chọn, nhân giống lúa, lai tạo nhãn hạt nhỏ, quýt hồng không hạt; sản xuất con giống cá bống tượng, cá tra; chế tạo máy ép đùn chín khô, thiết bị sấy khô thóc; xây dựng và lắp đặt trạm xử lý nước mặt ở xã Phương Thịnh bằng công nghệ Katawa, công suất 15m<sup>3</sup>/giờ... góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Bên cạnh việc chú trọng xây dựng và phát triển văn hóa, Đảng coi trọng giải quyết các vấn đề xã hội. Để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống của các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng. Thấm nhuần đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, trong những năm 1996 - 2000, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đẩy mạnh phong trào, đền ơn đáp nghĩa, ghi nhớ, tôn vinh công ơn các anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng. Các phong

trào nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của đông đảo nhân dân. Các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và gia đình chính sách tiếp tục được hoàn thiện và thực hiện có kết quả. Công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xây dựng, tu bổ nghĩa trang, công trình tưởng niệm liệt sĩ được quan tâm triển khai liên tục, rộng khắp. Phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa” ngày càng phát triển sâu rộng, có hiệu quả thiết thực, trở thành nét đẹp văn hóa trong đời sống nhân dân. Từ năm 1996 đến năm 2000, tỉnh đã xây dựng được hơn 2.300 căn nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách khó khăn về nhà ở. Riêng năm 1999, tỉnh thực hiện thu Quỹ đền ơn đáp nghĩa được 5,737 tỷ đồng, xây dựng mới 344 căn nhà tình nghĩa, chăm lo phụng dưỡng đến cuối đời cho 178 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Ngày 06/5/1998, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Bộ Chính trị về lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo; trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm 5 năm về công tác xóa đói giảm nghèo và thực trạng đói nghèo trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp quyết định những mục tiêu và giải pháp thực hiện xóa đói, giảm nghèo đến năm 2000 là: Đến năm 2000, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 13,08% xuống còn 9%, không còn hộ đói và hộ gia đình chính sách nghèo. Bình quân mỗi năm giảm 1,5% hộ nghèo. Xóa cho được tất cả các xã nghèo theo tiêu chuẩn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định<sup>1</sup>. Thực hiện xóa đói giảm nghèo là trách nhiệm của toàn xã hội và chỉ thực hiện có hiệu quả khi được tập trung mọi nguồn lực của xã hội. Tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, tất cả cán bộ,

---

1. Tính đến năm 1998, tỉnh Đồng Tháp còn 22 xã nghèo.



đảng viên, công nhân, viên chức và mọi công dân đều có nghĩa vụ tham gia công tác xóa đói giảm nghèo bằng những hành động thiết thực. Đặc biệt, chương trình xóa đói, giảm nghèo phải được lồng ghép và kết hợp chặt chẽ với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách khác, nhằm tạo nên thế mạnh chung cho công tác xóa đói, giảm nghèo. Đồng thời, thực hiện nhiều biện pháp, chính sách đồng bộ để xóa đói, giảm nghèo...

Ngày 15/5/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 57/1998/QĐ.UB về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 02-NQ/TU của Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về chương trình xóa đói giảm nghèo đến năm 2000. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành, chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả quan trọng, thu hút được sự tham gia của các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh, các thành phần kinh tế, các hộ gia đình và bản thân người lao động. Nguồn vốn cho chương trình xóa đói giảm nghèo đa dạng, phong phú. Ngoài nguồn vốn ngân sách từ các chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, vốn từ các chương trình, mục tiêu, các dự án xây dựng nông thôn mới, còn có các nguồn khác như: tín dụng ngân hàng, quỹ hỗ trợ trong nội bộ nhân dân, của các đoàn thể quần chúng... đã góp phần quan trọng trong giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, cơ bản xóa hộ đói.

Với những nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị, đến năm 2000, tỷ lệ lao động chưa có việc làm giảm xuống còn 4,7%, hộ nghèo giảm xuống còn 12%, cùng với đó, số hộ giàu và hộ khá tăng lên đáng kể.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được chú trọng. Ngành y tế có những chuyển biến, mạng lưới cơ sở y tế ngày càng phát triển, phủ khắp ba tuyến. Các cơ sở y tế chuyên sâu được tập trung đầu tư nâng cấp, trong đó, Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp tương đối hoàn chỉnh, bước đầu đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho người dân. Tuyến y tế cơ sở từng bước được củng cố, 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh có trạm xá, không còn “xã trắng” về y tế, trong đó có 80% trạm y tế xã có bác sĩ, đặc biệt là các huyện vùng sâu, vùng biên giới như Tháp Mười, Hồng Ngự 100% trạm xá tuyến xã có bác sĩ. Mạng lưới y tế tư nhân được khuyến khích đầu tư phát triển theo hướng xã hội hóa, phát triển y học dân tộc, nhằm tăng thêm cơ sở bảo vệ - chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 10 phòng khám đa khoa, 1.487 cơ sở y dược và y học cổ truyền tư nhân; hằng năm có trên 1,5 triệu lượt người đến khám điều trị bệnh, góp phần làm giảm gánh nặng và tình trạng quá tải bệnh nhân ở các cơ sở Nhà nước. Bên cạnh đó, công tác chăm sóc sức khỏe tiến bộ trên nhiều mặt, các chỉ tiêu về sức khỏe, bệnh tật từng bước được cải thiện vững chắc. Hằng năm, tỷ lệ tiêm chủng miễn dịch đầy đủ cho trẻ em dưới một tuổi đều đạt trên 90%, trẻ em uống VTA đạt trên 95%... tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 30% năm 2000.

Tỉnh quán triệt việc tăng cường công tác tuyên truyền cho mọi người có kiến thức tự phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe, trước hết là ăn, ở hợp vệ sinh. Xây dựng chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, làm tốt công tác chăm lo sức khỏe ban đầu, hạ thấp tỷ lệ trẻ em mắc và chết vì các bệnh có thể phòng tránh được. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, trị bệnh



Mô hình thuyền y tế lưu động vùng sông nước  
(có từ năm 1996 ở các huyện Tân Hồng, Tháp Mười, Tam Nông)

Ảnh: Đoàn Hồng

từ cơ sở. Kết hợp phòng, trị bệnh bằng phương pháp hiện đại với y học cổ truyền. Tăng cường cơ sở, trang thiết bị và cán bộ chuyên môn cho các tuyến, bảo đảm trạm y tế xã đều có bác sĩ. Nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh chuyên sâu ở 3 bệnh viện khu vực của tỉnh (thị xã Cao Lãnh, Sa Đéc và huyện Hồng Ngự); đồng thời, quan tâm củng cố và hoàn thiện các trung tâm y tế huyện. Quản lý chặt các tổ chức, cá nhân hành nghề y dược, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ điều trị bệnh trong các cơ sở y tế của Nhà nước.

Thực hiện xã hội hóa y tế và đa dạng hóa các hình thức khám, chữa bệnh đảm bảo cho mọi người đều được chăm sóc sức khỏe cơ bản, có chất lượng, phù hợp với khả năng kinh tế của xã hội, trong đó có chính sách bảo vệ sức khỏe người

có công với nước, người nghèo, người sống ở vùng khó khăn. Tăng cường đầu tư thỏa đáng cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Thực hiện rộng rãi các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, giảm tai nạn trong lao động, giao thông và sinh hoạt. Xây dựng và thực hiện các dự án tổng hợp về nước sạch cho dân cư, bảo đảm đến năm 2000 có 50 - 60% dân cư dùng nước sạch bằng các biện pháp tổng hợp. Phát động nhân dân áp dụng các công nghệ tiên tiến, xử lý nước thải, phế liệu, áp dụng biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trong sản xuất nông nghiệp để giảm tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước...

Trong giai đoạn 1996 - 2000, theo chủ trương chung, tỉnh quán triệt sâu sát công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Đồng thời, tranh thủ nhiều nguồn kinh phí và làm tốt công tác truyền thông, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,06%/năm. Thực hiện nghiêm quy định mỗi gia đình có một đến hai con. Vì vậy, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả quan trọng, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,47%, quy mô dân số của tỉnh dần đi vào ổn định, góp phần tích cực trong việc nâng cao mức sống, xóa đói giảm nghèo và giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc khác.

Như vậy, trong những năm 1996 - 2000, cùng với những thành tựu trong phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra đã thực hiện đạt và vượt như: giảm tỷ lệ tăng dân số, hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, xóa lớp học ca 3 và tỷ lệ hộ dân sử dụng điện được nâng cao...



Cho trẻ uống vắc-xin trong vùng ngập lũ năm 2000

Ảnh: Đoàn Hồng



Đội y tế lưu động tiêm chủng tại xã Tân Công Sính, huyện Tam Nông trong mùa lũ năm 1996

Ảnh: Đoàn Hồng





Sau mùa lũ năm 2000, Trạm Y tế Tân Phú, huyện Thanh Bình được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng đạt chuẩn quốc gia

Ảnh: Đoàn Hồng

Những thành tựu đạt được trên lĩnh vực văn hóa - xã hội là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền luôn bám sát mục tiêu cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng. Song, lĩnh vực văn hóa - xã hội còn một số hạn chế: Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn, nhất là dân cư ở vùng sâu, vùng xa, vấn đề nhà ở, nước sạch, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo vẫn là những đòi hỏi bức xúc. Thực hiện xã hội hóa các hoạt động giáo dục, khoa học, văn hóa, y tế, thể thao tuy đã có chuyển biến bước đầu song còn chậm, một số địa phương vẫn còn trông chờ vào nguồn kinh phí Nhà nước. Các chương trình nước sạch nông thôn, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm hiệu quả chưa cao. Các tệ nạn mại dâm, ma túy, mê tín dị đoan và các tệ nạn khác có chiều hướng gia tăng. Tỉnh chưa có biện pháp tốt để tuyên truyền, giáo dục và thực hiện Luật hôn nhân và gia đình, nhất là việc kết hôn với người nước ngoài...

### III- BẢO ĐẢM AN NINH - QUỐC PHÒNG

#### 1. Về an ninh

Những năm cuối thế kỷ XX, tình hình quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp, tác động sâu sắc đến cách mạng nước ta nói chung, Đồng Tháp nói riêng. Các thế lực thù địch ra sức thực hiện âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” hòng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta; các nước lớn lợi dụng những ưu thế về kinh tế, khoa học - kỹ thuật và quân sự để gây sức ép, can thiệp và lôi kéo Việt Nam đi theo quỹ đạo hoặc phục vụ lợi ích riêng. Hoạt động tham nhũng, buôn lậu, tội phạm ma túy ngày càng nguy hiểm, tội phạm hình sự tiếp tục tăng cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc vẫn diễn biến phức tạp, nếu không có những giải pháp kịp thời, tích cực, đồng bộ sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nói riêng và tình hình cả nước nói chung. Trước tình hình đó, việc triển khai chiến lược an ninh - quốc phòng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm tập trung sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Sau mười năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, Đồng Tháp đã thu được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực và đóng góp nhất định vào thành tựu chung của cả nước. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (1996 - 2000), Đồng Tháp chuyển mình mạnh mẽ bước vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ công nghiệp hóa,

hiện đại hóa. Song, với chủ trương hội nhập, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, trên địa bàn tỉnh cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp và khó lường. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ. Bên cạnh việc dụ dỗ, lôi kéo người dân vào các tổ chức phản động, chống đối chính quyền, tài liệu phản động của địch từ nước ngoài còn được phát tán mạnh về địa phương qua nhiều đường. Tình hình an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh thông tin là vấn đề nóng bỏng ở địa phương. Những biểu hiện sai trái về nhận thức chính trị và tình trạng suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên; tình trạng mất cảnh giác, mất đoàn kết nội bộ, tiêu cực, tham nhũng... là những vấn đề bức bách trong những năm qua.

Quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và nhiệm vụ an ninh - quốc phòng do dự thảo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về *nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hòa bình của địch* đề ra, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI xác định: “Thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc phòng, việc chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu và phải kết hợp chặt giữa nhiệm vụ kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng và bảo vệ biên giới, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống”.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trên, cần tiếp tục tạo sự chuyển biến về nhận thức một cách sâu rộng trong nội bộ và nhân dân về hai nhiệm vụ chiến lược, về âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, khắc phục tình trạng mơ



hồ, mất cảnh giác. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, trong đó củng cố mạng lưới an ninh nhân dân rộng khắp, kết hợp chặt chẽ với tổ chức khác trong hệ thống chính trị, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch từ cơ sở; đồng thời, ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả các loại tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh cùng với nền an ninh nhân dân làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, sẵn sàng đánh bại các cuộc bạo loạn và chiến tranh xâm lược; tích cực xây dựng lực lượng quân sự, công an và biên phòng vững vàng về tư tưởng, mạnh về tổ chức, có năng lực chuyên môn; đồng thời, chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ đủ khả năng sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Thực hiện đúng chính sách, chế độ đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, đi đôi với tăng cường đào tạo tiêu chuẩn hóa đội ngũ sĩ quan và dự bị động viên, bố trí đúng ngành nghề số sĩ quan, quân nhân đã đào tạo cả trong lực lượng công an và quân sự. Thường xuyên bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ cho cán bộ cốt cán tổ nhân dân tự quản, khu phố và lực lượng dân quân tự vệ. Có chính sách đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Phát động đoàn viên, thanh niên dự tuyển sinh vào các trường đại học quân sự, công an. Hằng năm tuyển quân bảo đảm tỷ lệ đảng viên, chuyên môn kỹ thuật và trình độ văn hóa theo quy định. Tiếp tục bổ sung và bảo đảm kế hoạch xây dựng tuyến biên giới vững mạnh toàn diện. Kết hợp kinh tế với an ninh - quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Trong xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ chiến đấu, tạo thành

thế trận liên hoàn vững chắc phía trước với phía sau, phối hợp chặt, có hiệu quả các lực lượng bảo vệ biên giới trong phòng, chống xâm nhập, buôn lậu và bảo vệ trật tự an toàn khu vực biên giới.

Năm 1997, diễn ra nhiều sự kiện quan trọng trong cả nước, như bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Do đó, công tác bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân đặc biệt quan trọng và khó khăn. Cuộc bầu cử Quốc hội diễn ra trong bối cảnh cả nước phấn khởi trước những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới và đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, các thế lực thù địch trong và ngoài nước chưa từ bỏ ý đồ chống phá cách mạng nước ta. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của cấp trên, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng trong cơ quan, xí nghiệp, các khu dân cư... và trong toàn tỉnh. Tuy còn xảy ra một số vụ việc phức tạp, nhưng nhìn chung công tác bảo đảm an ninh trật tự trong ngày bầu cử được bảo đảm, quá trình bầu cử diễn ra thành công.

Trong công tác điều tra, xử lý các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, nòng cốt là lực lượng công an đã điều tra hàng chục vụ án, đáng chú ý là thắng lợi của chuyên án NT021 - vụ án buôn lậu lớn, có sự liên kết hình thành đường dây giữa nhiều địa phương nên thủ đoạn hoạt động tinh vi. Tổ chuyên án Đồng Tháp đóng vai trò quan trọng, đánh đòn chí tử vào hoạt động vận chuyển, mua bán vàng, ngoại tệ trái phép của bọn tội phạm, góp phần ổn định thị trường vàng, ngoại tệ tại địa phương và cả nước. Đồng thời, tiếp tục củng cố, xây dựng

mạng lưới an ninh cơ sở và lực lượng dân quân tự vệ đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh trật tự cơ sở, giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp ở khu vực và cụm dân cư. Tập trung giải quyết các tệ nạn xã hội, không để lây lan, phát triển. Tăng cường củng cố phòng tuyến an ninh biên giới. Xây dựng các lực lượng biên giới đủ mạnh và có quy chế phối hợp chặt chẽ, chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời các vụ việc, tình huống phức tạp xảy ra ở khu vực biên giới. Tiếp tục đưa công tác tuyển quân đi vào nền nếp, hạn chế tình trạng quân nhân bỏ ngũ. Thường xuyên tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập chính trị cho cán bộ, chiến sĩ và các tổ chức dân quân tự vệ, dự bị động viên.

Đối với công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại trong tình hình mới, tập trung giải quyết các loại tội phạm nổi lên theo từng thời điểm để chủ động phòng ngừa và đấu tranh với từng loại tội phạm theo chuyên đề nổi. Trong đó, lĩnh vực phòng, chống tội phạm hình sự, kinh tế, bài trừ tệ nạn xã hội... vốn là những vấn đề hết sức nhạy cảm, trực tiếp liên quan đến đời sống của nhân dân, phục vụ công việc bảo vệ an ninh quốc gia, cũng như không thể tách rời khỏi bối cảnh kinh tế - xã hội ở địa phương. Bởi vậy, lực lượng công an luôn tập trung cho công tác đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra khám phá thành công hàng trăm vụ tham ô, buôn lậu, vận chuyển hàng cấm nhỏ lẻ qua biên giới, tịch thu và chuyển cơ quan chức năng số hàng hóa trị giá lên tới hàng chục tỷ đồng. Bên cạnh đó, công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đã được

chỉ đạo tập trung vào các trọng điểm, có nhiều cố gắng bảo đảm an toàn giao thông trong các ngày lễ lớn, trên các tuyến đường bộ, đường thủy trọng điểm. Công tác xuất - nhập cảnh, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, cấp phát giấy chứng minh nhân dân, phòng cháy chữa cháy... đi vào nền nếp. Việc phát hiện đối tượng phạm pháp kịp thời, quản lý tốt di biến động của hộ và nhân khẩu trong dân cư, góp phần xây dựng nền an ninh nhân dân toàn tỉnh vững chắc.

Như vậy, với việc nắm vững và luôn chấp hành nghiêm chủ trương của cấp trên, Đảng bộ tỉnh tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết đem lại nhiều kết quả. Lực lượng công an các cấp đã triển khai các phương án của thể trận an ninh nhân dân hiệu quả, phòng chống xâm nhập tốt, giữ vững ổn định vùng biên giới, vô hiệu hóa các hoạt động chống phá của lực lượng phản động lưu vong câu kết với phản động trong nội địa, góp phần bảo vệ an ninh trật tự trong tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Những kết quả đạt được là do sự quan tâm và lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Tỉnh ủy và Đảng ủy Công an Trung ương, sự chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền. Bên cạnh đó, lực lượng công an luôn nắm vững và đầy đủ các chủ trương của cấp trên, phát huy tính tích cực của nhân dân trong tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đồng thời, thường xuyên động viên cán bộ, chiến sĩ coi trọng và nâng cao chất lượng cuộc vận động học tập và thực hiện theo 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân nhằm giữ vững lập trường, quan điểm, kiên quyết tấn công tội phạm, bảo đảm giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

## 2. Về quốc phòng

Từ năm 1996 đến năm 2000, các cơ quan quân sự trong tỉnh thực hiện tốt chức năng tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Chú trọng, tăng cường công tác tuần tra vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới trọng yếu. Xây dựng phương án tác chiến phòng thủ ở các huyện và xã, sẵn sàng đối phó với âm mưu phá hoại của địch.

Nhằm tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, ngày 29/9/1999, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về *nhiệm vụ quốc phòng từ nay đến năm 2000 và những năm tiếp theo*. Nghị quyết xác định: Đồng Tháp là tỉnh thuần nông, điểm xuất phát thấp, lại bị thiên tai liên tiếp nên tiềm lực kinh tế có hạn; các thế lực thù địch không ngừng chống phá, tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội chưa giảm, tác động không thuận lợi đến nhiệm vụ quốc phòng. Trên cơ sở nhận định tình hình thực tế của tỉnh, Nghị quyết nêu rõ: Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta một cách quyết liệt và tinh vi hơn. Xu thế hữu nghị, hợp tác giữa tỉnh Đồng Tháp với tỉnh Prey Veng (Campuchia) sẽ tăng lên nhưng vẫn còn tiềm tàng nguy cơ có thể gây căng thẳng, nếu xử lý không thích hợp hoặc khi tình hình biên giới ở các tỉnh diễn biến xấu sẽ phát sinh những biến động phức tạp, hậu quả khó lường trước. Lực lượng phản động đội lốt tôn giáo còn hận thù cách mạng, ra sức tranh thủ quần chúng, phát triển lực lượng, liên kết tổ chức, sẵn sàng lợi dụng

bất kỳ sơ hở nào của chúng ta để chống phá; không loại trừ các hoạt động khủng bố, phá hoại để gây tiếng vang, kích thích các hành động chống phá khác.

Bên cạnh đó, những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị vẫn còn tồn tại, có mặt đã trở nên nguy hiểm hơn, đòi hỏi Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang tỉnh phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ, tạo bước phát triển mới, toàn diện hơn, đủ sức bảo vệ vững chắc ổn định chính trị và ứng phó có hiệu quả mọi tình huống xảy ra; từ nay đến năm 2003, quyết tâm tạo cho được sự chuyển biến cơ bản về khả năng phòng thủ của hai huyện biên giới và các địa bàn xung yếu khác.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ năm 1996 đến năm 2000, lực lượng bộ đội, công an, dân quân tự vệ được quan tâm, xây dựng trong sạch, vững mạnh, chủ động phối hợp chặt chẽ, kịp thời ngăn chặn, làm thất bại các hoạt động phá hoại, manh động của số đối tượng phản động, bảo vệ tốt biên giới và giữ gìn an ninh trật tự nội địa, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Việc xây dựng tuyến phòng thủ biên giới được thực hiện đúng theo kế hoạch, tuyến biên giới được phòng thủ vững chắc, an ninh trật tự khu vực biên giới ổn định. Quan hệ hữu nghị giữa Đồng Tháp và Prey Veng (Campuchia) tiếp tục được củng cố, phát huy trên tinh thần láng giềng thân thiện và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển kinh tế - xã hội, mang lại hiệu quả ngày càng cao; đồng thời, triển khai thực hiện tốt quy chế chợ biên giới Việt Nam - Campuchia.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có bước phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Hệ thống hội đồng bảo

vệ an ninh trật tự, tổ nhân dân tự quản ở khóm, ấp, nhiều nơi được củng cố về tổ chức, hoạt động gắn với lực lượng dân quân tự vệ, đóng vai trò nòng cốt trong bảo vệ an ninh trật tự. Công tác giáo dục quốc phòng trong nội bộ và nhân dân được chú ý hơn, nhất là trong hệ thống các trường học đã đi vào nền nếp, chất lượng ngày càng cao. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, bảo vệ an toàn trong những ngày tết, lễ, ngày bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp... Các tệ nạn xã hội được tăng cường truy quét, xử lý. Diễn tập y tế quốc phòng được tổ chức thường xuyên, theo đúng kế hoạch và đạt yêu cầu.

Công tác huấn luyện lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, cán bộ quân sự xã, phường và công an cơ sở có nhiều cố gắng, tạo bước phát triển mới. Đối với chỉ tiêu tuyển quân và tuyển sinh quân đội do Bộ Quốc phòng và Quân khu giao hàng năm, tỉnh đều hoàn thành. Riêng năm 1999, kết quả tuyển quân đạt 100,73% chỉ tiêu được giao. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang có lập trường tư tưởng vững vàng, trình độ sẵn sàng chiến đấu và khả năng xử lý các tình huống phức tạp ngày càng được nâng lên, bảo vệ tốt biên giới và giữ gìn an ninh trật tự nội địa. Chính sách hậu phương quân đội ngày càng được quan tâm với sự tham gia tích cực, có hiệu quả của tổ chức đoàn thể xã hội và nhân dân.

Như vậy, bên cạnh việc đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, tỉnh luôn chú trọng nhiệm vụ an ninh - quốc phòng. Việc củng cố, xây dựng nền quốc phòng - an ninh luôn nhận được sự quan tâm, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức của cấp ủy và ủy ban nhân dân các cấp. Các cơ quan tham mưu về quốc phòng - an ninh

ngang tầm nhiệm vụ; do đó, công tác này từng bước được nâng lên, góp phần hoàn thành các mục tiêu cơ bản về xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng trong các giai đoạn bước ngoặt của lịch sử.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, Tỉnh ủy đã ban hành các nghị quyết, chương trình hành động tập trung thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng. Trong đó, các cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 17/12/1998 của Bộ Chính trị về *chiến lược an ninh quốc gia*: Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng đối với công tác an ninh - quốc phòng, thường xuyên chăm lo xây dựng các lực lượng quân đội và công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, làm nòng cốt trong xây dựng, củng cố thế trận an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn tỉnh. Phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tăng cường khả năng chủ động phòng ngừa, phát hiện địch từ xa, chủ động xây dựng các phương án bảo vệ an ninh trật tự, phương án phòng chống địch phá hoại, bạo loạn, các tình huống bất ngờ; chủ động tấn công tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao cảnh giác, vận động nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm; đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, ma túy...

Những kết quả đạt được trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng giai đoạn 1996 - 2000 là đặc biệt quan trọng, song vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như: Mạng lưới ban nhân dân tự quản, ban bảo vệ dân phố, tổ an ninh nhân dân, lực lượng dân quân tự vệ hiệu quả hoạt động chưa cao; năng lực sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang thường trực tuy



có nâng lên nhưng chưa đạt yêu cầu. Mặt khác, năng lực của một bộ phận cán bộ quân sự, công an các cấp, nhất là ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình kinh tế - xã hội có những đổi mới sâu sắc. Công tác chỉ đạo, triển khai kế hoạch xây dựng và củng cố phòng tuyến biên giới còn chậm, chưa đồng bộ và đúng mức; nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển an ninh - quốc phòng còn hạn chế...

#### IV- TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

##### 1. Công tác xây dựng Đảng

Thực tiễn sinh động cho thấy, toàn bộ những thành tựu và khuyết điểm trong công cuộc đổi mới đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Do đó, Đảng bộ tỉnh coi nhiệm vụ đổi mới, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện là khâu then chốt trong quá trình lãnh đạo. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đề ra, Đảng bộ tỉnh xác định tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, khắc phục những hạn chế, yếu kém.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, Đảng bộ tỉnh chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tạo sự nhất trí trong toàn Đảng bộ và sự đồng thuận trong xã hội đối với những vấn đề lớn, cơ bản trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, các

chỉ tiêu về xây dựng Đảng đến năm 2000 được đề ra gồm: Có 70% tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; giảm đến mức thấp nhất chi bộ, đảng bộ cơ sở yếu kém. Về tiêu chuẩn cán bộ xã: có 2/3 cán bộ chủ chốt ở xã có trình độ trung học phổ thông trở lên, riêng các xã vùng sâu phải tốt nghiệp trung học cơ sở, các xã, phường ở thị xã Cao Lãnh, thị xã Sa Đéc và các thị trấn có trình độ đại học hoặc tương đương; tỷ lệ đảng viên chiếm 0,8-1% dân số.

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 15/8/1996 của Bộ Chính trị về việc *phổ biến quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội VIII* và Hướng dẫn ngày 16/11/1996 của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương về *triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng*, Tỉnh ủy xác định đây là đợt sinh hoạt chính trị trọng đại, có quy mô lớn nên ngay từ đầu đã đề ra kế hoạch và chỉ đạo triển khai chặt chẽ ở từng cấp, phân theo đối tượng và vận dụng các hình thức, bảo đảm đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Tỉnh triển khai, quán triệt học tập Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng được 1.075 lớp (cuộc), với 96.032 lượt người học; trong đó, tỷ lệ đảng viên dự học đạt 94,2%. Đây là đợt học đạt chất lượng tốt nhất và tỷ lệ đảng viên dự học cao nhất từ trước đến nay, góp phần củng cố, nâng cao nhận thức chính trị, tính giai cấp, tính chiến đấu và sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân vào các quan điểm, đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng.

Sau quán triệt Nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, cấp ủy từng cấp đều rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình thực hiện nghị quyết đại hội cấp mình; tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nội bộ và nhân dân;

đồng thời, phát động phong trào thi đua lao động, sản xuất, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống mới... bước đầu đạt kết quả thiết thực, từng bước đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Tuy nhiên, qua đợt học tập Nghị quyết, tâm trạng băn khoăn phổ biến nhất trong nội bộ là khả năng tổ chức thực hiện Nghị quyết; lo ngại về nguy cơ tham nhũng, tệ quan liêu, sự sa sút về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức vụ, nhất là ở các ngành kinh tế và cơ quan nhà nước đang làm mất lòng tin của nhân dân và tổn hại đến uy tín của Đảng.

Nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng. Đồng thời, nâng cao trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn. Việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng được Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm. Việc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực thực hiện nhiệm vụ cách mạng được chú trọng. Các cấp ủy đảng xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng đến năm 2000 và 2010, trong đó, đào tạo cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ tham mưu ở từng cấp, từng ngành được quan tâm đúng mức. Đồng thời, đổi mới quan niệm và phương pháp đánh giá, bố trí cán bộ theo hướng dân chủ, công tâm; triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp ủy đồng bộ, từ khâu quán triệt trong nội bộ, cụ thể hóa, đến hướng dẫn của các ngành chức năng, phân công cơ quan chịu trách nhiệm... củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên; có kế hoạch và biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của những tổ chức cơ sở đảng yếu kém, chuyển số khá lên vững mạnh. Nâng cao trách

nhệm tổ chức cơ sở trong việc quản lý, rèn luyện đảng viên, bảo vệ cán bộ...

Về kiện toàn, nâng cao chất lượng đảng viên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng luôn được Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm. Trong đó, công tác kiểm tra chấp hành được tiến hành thường xuyên, năm 1996 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, đã kiểm tra 4.595 đảng viên (chiếm 38,1% tổng số đảng viên) có tác dụng tích cực, giúp cấp ủy và tổ chức đảng kịp thời phát huy mặt tích cực, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đảng viên yếu kém, giáo dục và ngăn ngừa tiêu cực trong Đảng, nhờ đó, số đảng viên sai phạm ngày càng giảm. Công tác phát triển đảng viên được quan tâm, chú trọng, năm 1996, toàn tỉnh kết nạp 471 đảng viên mới, năm 1997 là 598 đảng viên mới<sup>1</sup>, đến năm 1998 tăng lên 744 đảng viên<sup>2</sup>, trong đó có 35 người là sinh viên, giáo viên (số lượng đảng viên là sinh viên, giáo viên cao nhất từ trước đến nay). Đến cuối năm 1998, toàn tỉnh có 12.779 đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU và Chỉ thị số 09-CT/TU của Tỉnh ủy, công tác phát triển đảng viên, nhất là trong ngành giáo dục có nhiều chuyển biến mới; đảng viên kết nạp năm 1999 là 1.010, tăng hơn năm 1998 là 266 đảng viên; tổng số đảng viên là 13.575 đảng viên, bằng 0,87% so với dân số (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra là 0,8-1%); nhiều cơ quan, đơn vị năng động, sáng tạo trong

---

1. Đến cuối năm 1997, tổng số đảng viên toàn tỉnh là 12.231 đảng viên.

2. Trong đó có 125 nữ (tăng 19,63% so với năm 1997 và tăng 36,70% so với năm 1996).

cách làm, do đó đã phát triển được nhiều đảng viên mới, ba địa phương làm tốt công tác này là huyện Hồng Ngự, huyện Thanh Bình và huyện Lấp Vò. Số đảng viên mới kết nạp, phần lớn trẻ tuổi, trình độ văn hóa trung học phổ thông, trình độ trung cấp nghiệp vụ và cao đẳng, đại học.

Bước sang năm 2000, công tác phát triển đảng viên mới có nhiều khởi sắc, qua sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 30/5/1998 của Bộ Chính trị về *tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học*, các cấp ủy, đảng viên quan tâm hơn công tác phát triển đảng viên mới; công tác chăm lo bồi dưỡng về Đảng, tạo nguồn có nhiều giải pháp khả thi, giảm bớt số chi bộ, đảng bộ nhiều năm liền không phát triển được đảng viên, đối với ngành giáo dục, y tế được chú ý hơn. Trong năm, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.211 đảng viên mới, tăng 201 đảng viên so với năm 1999; trong đó, đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chiếm 44%, tuổi dưới 30 có 533 đồng chí, ngành giáo dục, y tế có 314 đồng chí, chiếm 25,92% trong tổng số phát triển đảng năm 2000. Đội ngũ đảng viên nâng lên về số lượng và chất lượng, tổng số đảng viên năm 2000 là 14.604 đồng chí, bằng 0,93% dân số (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra 0,8-1%). Từ năm 1996 đến năm 2000, tỷ lệ đảng viên từ 0,78% dân số tăng lên 0,93%, đạt chỉ tiêu Đại hội lần thứ VI Đảng bộ tỉnh đề ra. Về chất lượng đảng viên, qua phân tích, đảng viên mức I năm sau cao hơn năm trước, đảng viên mức III, IV giảm hàng năm. Công tác

quản lý và xây dựng đội ngũ đảng viên của các chi bộ, đảng bộ cơ sở chất lượng được nâng lên và đi vào nền nếp.

Đi đôi với công tác phát triển đảng viên, tỉnh xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm nguyên tắc, tổ chức của Đảng, vi phạm chính sách, pháp luật, suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm, tham nhũng, vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, gây mất đoàn kết nội bộ... Trong 5 năm (1996 - 2000), có 1.286 cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật<sup>1</sup>.

Bên cạnh số đảng viên bị xử lý, tỉnh còn kiểm điểm, kết luận, xử lý và củng cố lại Ban Giám đốc Công ty Xuất - nhập khẩu tỉnh (năm 1996); thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo 3 tổ chức đảng; trong đó có 1 ban thường vụ đảng ủy, 2 chi ủy chi bộ (năm 1998). Năm 2000, một số cấp ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp, trong đó có một số ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy bộc lộ nhiều sai lầm, khuyết điểm nên Thường vụ Bộ Chính trị gợi ý kiểm điểm sâu và chỉ đạo cơ quan chuyên môn, trong đó có hai ủy viên Trung ương Đảng trực tiếp theo dõi và cử đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương dự kết luận

---

1. Năm 1996, xử lý kỷ luật 219 đảng viên, chiếm 1,85% so với tổng số đảng viên, giảm 36% so với năm 1995; trong đó có 1 ủy viên thường vụ huyện ủy, 3 huyện ủy viên và 42 cấp ủy viên cơ sở. Năm 1997 là 255 đảng viên; trong đó có 9 huyện ủy viên, 86 cấp ủy viên cơ sở. Năm 1998 là 290 đảng viên, chiếm 2,26% tổng số đảng viên, tăng 13% so với năm 1997; trong đó có 5 huyện ủy viên, 81 cấp ủy viên cơ sở. Năm 1999 là 283 đảng viên; trong đó có 1 tỉnh ủy viên, 10 huyện ủy viên và tương đương, 78 cấp ủy viên cơ sở. Năm 2000 là 239 đảng viên; trong đó có 90 là cấp ủy viên các cấp.

kiểm điểm. Bộ Chính trị ra quyết định về việc thi hành kỷ luật Ban Thường vụ Tỉnh ủy: “Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp (khóa VI) đã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vi phạm quy chế làm việc của Tỉnh ủy, nội bộ mất đoàn kết. Nhiều thành viên trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy ý thức tổ chức kỷ luật kém, thiếu trách nhiệm, uy tín lãnh đạo bị giảm sút”<sup>1</sup>. Ba năm cuối nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI là những năm có nhiều biến động nhân sự lãnh đạo và nhiều lãnh đạo các cấp vi phạm kỷ luật bị xử lý. Tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh bị cảnh cáo, chủ tịch, các phó chủ tịch đều bị khiển trách hoặc cảnh cáo.

Việc xử lý kỷ luật đảng viên và các tổ chức đảng phạm sai lầm, khuyết điểm khách quan, minh bạch. Qua đó cho thấy, tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Đảng viên ở bất cứ cương vị nào, nếu vi phạm kỷ luật của Đảng đều phải được xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh, kịp thời. Việc thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, góp phần xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh; đồng thời, là bài học quý, góp phần tạo sự chuyển biến

---

1. Quyết định số 902-QĐNS/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị về việc thi hành kỷ luật Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp. Hình thức xử lý: Cảnh cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cách chức Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, 1 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cảnh cáo 1 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

tích cực trong công tác giáo dục tư tưởng, chính trị; củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nhìn chung, qua thực tiễn công tác, giáo dục rèn luyện, qua sàng lọc, xử lý và qua công tác phát triển đảng, đội ngũ đảng viên tiếp tục được nâng lên về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, một bộ phận đảng viên chuyển biến về nhận thức tư tưởng chậm, giảm sút ý chí chiến đấu, chưa thể hiện đúng vai trò tiên phong, gương mẫu, lợi dụng chức vụ, sơ hở trong quản lý, làm giàu bất chính, bè phái, quan liêu với các biểu hiện vô kỷ luật, vi phạm nguyên tắc đảng... Công tác phát triển đảng viên tuy có tăng, song vẫn còn chậm, chưa đồng đều và chưa đáp ứng yêu cầu; trình độ học vấn về các mặt của đảng viên tuy được nâng lên, nhưng còn nhiều chênh lệch... Những yếu kém, hạn chế có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu do nhiều cấp ủy và tổ chức đảng chưa quan tâm đúng mức công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng; công tác kiểm tra, quản lý đảng viên còn lỏng lẻo, nhiều trường hợp sai phạm không phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời và kiên quyết. Mặt khác, bản thân đảng viên thiếu ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, chạy theo lối sống thực dụng, xem thường tổ chức và kỷ cương, nguyên tắc tổ chức của Đảng, pháp luật của Nhà nước... Những hạn chế này tiếp tục được Đảng bộ tỉnh lãnh đạo khắc phục quyết liệt trong những nhiệm kỳ tiếp theo.

Đối với cơ sở đảng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về *một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*, Nghị quyết



Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, công tác xây dựng Đảng trên địa bàn tỉnh tiếp tục có sự chuyển biến trên cả ba mặt: tư tưởng, chính trị và tổ chức; hoạt động của các tổ chức đảng từng bước ổn định, đi vào nền nếp và chuyển biến tích cực trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

Đối với cơ sở đảng xã, phường, thị trấn ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xác định, đề ra và tổ chức thực hiện công tác trọng tâm, thường xuyên, thiết thực và hiệu quả hơn, nổi bật là lãnh đạo phát triển sản xuất, chăm lo đời sống, xây dựng nông thôn, giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết việc làm cho người lao động,... góp phần tích cực vào việc ổn định, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bên cạnh đó, tổ chức bộ máy xã, phường được sắp xếp, củng cố lại theo chủ trương của Trung ương và tỉnh. Nền nếp sinh hoạt dần dần ổn định và cải tiến, nâng cao về chất lượng, nội bộ đoàn kết, phối hợp nhịp nhàng và quan tâm hơn đến công tác xây dựng Đảng, công tác đoàn thể.

Các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang tiếp tục được củng cố, nâng cao, phần lớn giữ vững nền nếp sinh hoạt Đảng, nhiều cơ sở có sự tiến bộ trong giáo dục chính trị, tư tưởng, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, quan tâm hơn công tác quản lý đảng viên, đấu tranh nội bộ, phát huy dân chủ, củng cố đoàn kết, khắc phục bước đầu tình trạng xem nhẹ công tác xây dựng Đảng, buông lỏng tổ chức và sinh hoạt Đảng ở một số tổ chức cơ sở đảng.

Các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp từng bước được kiện toàn về tổ chức và hoạt động. Tuy nhiên, sự chuyển biến của loại hình này không đều, tình trạng chung là nhiều cơ sở vẫn còn trì trệ về tổ chức, chưa phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa bí thư với giám đốc, thiếu phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ yếu; vẫn còn một số đảng viên buông lỏng nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng và chưa thực hiện tốt công tác kiểm tra, quản lý đảng viên.

Từ ngày 25/01/1999 đến ngày 02/02/1999, Hội nghị lần thứ sáu (lần 2), Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp, ban hành Nghị quyết về *một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng* hiện nay. Ngày 10/02/1999, Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch số 03-KH/TW về *việc triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2), Ban Chấp hành Trung ương Đảng và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng*.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo học tập Nghị quyết và triển khai cuộc vận động; thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 12 đồng chí, theo dõi tự phê bình, phê bình tập thể và cá nhân trong nội bộ Đảng. Đến tháng 12/1999, hoàn thành việc tự phê bình tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cá nhân các đồng chí ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy.

Bước sang năm 2000, hoạt động của tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng lên, thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo ở địa phương, đơn vị. Qua thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về *xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*; cuộc vận

động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình, phê bình theo Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII; tổ chức cơ sở đảng được củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị địa phương, đơn vị. Trong đó, chú trọng lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, vững vàng trước những khó khăn, thử thách, vượt qua cơn lũ lớn chưa từng có trong lịch sử 70 năm qua và tập trung khắc phục hậu quả, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Nhìn chung, quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng, chất lượng các tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng lên rõ nét<sup>1</sup>, tuy ở các loại hình cơ sở có những mặt mạnh, yếu khác nhau, song nhìn chung hoạt động của các cơ sở đảng ngày càng ổn định và có bước chuyển biến trên nhiều mặt. Chế độ sinh hoạt các tổ chức cơ sở đảng đi vào nền nếp, nội dung sinh hoạt được cải tiến thiết thực hơn, triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết, ban hành nghị quyết, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và chế độ làm việc, phương thức lãnh đạo của cấp ủy được cải tiến, thực hiện tốt công tác kiểm tra, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình trong Đảng; cấp ủy cơ sở phần lớn giữ được vai trò trung tâm

---

1. Năm 1996, qua tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII, phân tích 516 trong tổng số 543 cơ sở cho thấy có 339 cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh, 161 cơ sở khá và 16 cơ sở yếu kém.

đoàn kết, gương mẫu tập hợp đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các cấp ủy đều nhận thức rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là trọng tâm, công tác xây dựng Đảng là then chốt, từ đó, theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, tự thân từng cấp ủy, đảng viên ra sức xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị<sup>1</sup>. Từ năm 1996 đến năm 2000, các huyện, thị, đảng ủy đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy trao tặng cờ thi đua chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu trong 5 năm cho 73 tổ chức cơ sở đảng, chiếm 12,8%.

Tuy nhiên, hạn chế đối với cơ sở là trình độ đội ngũ cán bộ không đều, nhất là cấp ủy<sup>2</sup>; do đó, một số chỉ thị, nghị quyết trên đưa xuống triển khai chậm, có lúc quá tải, sơ kết không kịp thời, hiệu quả thấp. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng tuy khá hơn, nhưng thiếu nhạy bén và chưa chú ý đến chiều sâu, đấu tranh nội bộ vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, bao che. Công tác kiểm tra, quản lý ở nhiều cơ sở còn lỏng lẻo, một số cán bộ, đảng viên những nhiều, hách dịch, biến chất, vi phạm không phát hiện, kiểm điểm, xử lý chưa kịp thời, nhất là số tham ô, lãng phí, làm thất thoát tài sản nhà nước, làm giàu bất chính, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước... gây phiền hà và bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng đến uy tín

---

1. Năm 1998, có 70% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh; 27,7% đạt khá và 2,3% yếu kém.

2. Năm 1998, còn 49,44% trình độ văn hóa cấp tiểu học và trung học cơ sở và 16,64% chưa học lý luận chính trị.

của cơ quan, đơn vị, làm cho quần chúng nghi ngờ, thiếu tin tưởng ngay ở cơ sở. Bên cạnh đó, các chế độ, chính sách (lương, phụ cấp, bảo hiểm) đối với cán bộ xã tuy có bước điều chỉnh nhưng vẫn chưa hợp lý nên chưa động viên hết khả năng và thu hút cán bộ có trình độ về công tác ở cơ sở, nhất là số sinh viên mới ra trường.

Các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn tỉnh hoạt động đi dần vào nền nếp, hầu hết thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo trong các phong trào hành động cách mạng ở cơ sở trong giai đoạn mới. Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII và Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại các cơ quan Đảng theo hướng tinh gọn, theo đó ban hành các Quyết định số 73-QĐ/TU, 74-QĐ/TU, 75-QĐ/TU, ngày 05/11/1999 về việc giải thể Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Tài chính Tỉnh ủy; giao Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các ban. Theo đó, các ban và cơ quan Tỉnh ủy gồm: Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận, Văn phòng Tỉnh ủy, Báo Đồng Tháp và Trường Chính trị tỉnh. Nhìn chung, tổ chức bộ máy, biên chế của tỉnh tuy giảm so với trước, song còn công kênh, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, tình hình biên chế vừa thừa, vừa thiếu diễn ra ở một số cơ quan, đơn vị...

Về công tác cán bộ, sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, các cấp ủy đã tiến hành phân công cấp ủy mới theo chức danh,

yêu cầu cơ cấu<sup>1</sup>. Đến năm 1998, trên cơ sở rà soát, bố trí lại cán bộ, chuẩn bị nhân sự hội đồng nhân dân và Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ tới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã điều động, phân công, chỉ định, chuẩn y, đề bạt, giới thiệu ứng cử và cho nghỉ hưu 70 cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý, trong đó điều động, bố trí theo yêu cầu công tác 25 cán bộ, rút 10 cán bộ huyện<sup>2</sup> tăng cường các ngành tỉnh; chuẩn y bổ sung 6 cấp ủy viên, 3 ủy viên thường vụ, 1 phó bí thư đảng ủy, 3 phó bí thư và 1 bí thư huyện ủy; bổ nhiệm 8 trưởng, 18 phó ngành tỉnh và cho nghỉ hưu 6 cán bộ diện tỉnh quản lý. Bên cạnh đó, cuối năm 1997, Bộ Chính trị điều động đồng chí Võ Hồng Nhân, Bí thư Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã bầu đồng chí Lê Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Đắc Hiền, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Ngô Phú Thọ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đến đầu năm 2000, đồng chí Võ Xuân Nghĩa, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy được Hội đồng nhân dân bầu làm Chủ tịch Ủy ban

---

1. Theo đó, cấp tỉnh đã thay đổi vị trí 6 đồng chí, trong đó có 1 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, 2 trưởng và 3 phó ngành; cấp huyện, thay đổi 1 bí thư, 3 phó bí thư thường trực, 3 phó bí thư kiêm chủ tịch, 2 bí thư và 1 phó bí thư đảng ủy trực thuộc. Đồng thời, điều động, bố trí theo yêu cầu 1 trưởng, 4 phó; đề bạt, bổ nhiệm 6 trưởng, 16 phó ngành tỉnh và cho nghỉ hưu 10 cán bộ diện tỉnh quản lý, trong đó có 1 nguyên phó bí thư, 2 nguyên ủy viên thường vụ và 1 nguyên tỉnh ủy viên.

2. Gồm 7 cấp ủy viên, 1 ủy viên thường vụ, 1 phó bí thư, 1 bí thư huyện ủy.

nhân dân tỉnh. Tháng 7/2000, Trung ương điều động đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương về làm Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp. Đồng chí Huỳnh Minh Đoàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Việc điều động, đề bạt, bố trí, phân công cán bộ bảo đảm đúng quy trình và quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Về quy hoạch cán bộ, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, Nghị quyết số 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trên cơ sở khảo sát thực trạng tình hình đội ngũ cán bộ trong tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xét duyệt thông qua bước đầu quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt các ngành của tỉnh và huyện, thị đến năm 2000 và giai đoạn 2000 - 2005 - 2010<sup>1</sup> bảo đảm về chất lượng, cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác tương đối hợp lý và cân đối; nguồn cán bộ quy hoạch dồi dào, cơ bản bảo đảm sự kế thừa. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng quy hoạch còn nhiều lúng túng, bất cập, ở một số cấp ủy, công tác quy hoạch còn kéo dài, thiếu đồng bộ, hiệu quả và chất lượng chưa cao; song đây là bước tiến mới, thể hiện sự quan tâm của các cấp ủy trong công tác cán bộ, làm cơ sở và định hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương.

---

1. Riêng năm 1999, các cấp, các ngành hoàn thành cơ bản việc quy hoạch cán bộ chủ chốt và đưa vào quy hoạch được 4.771 đồng chí cho các chức danh của ba cấp tỉnh, huyện, xã; trong đó, cấp tỉnh 498 đồng chí, cấp huyện 2.403 đồng chí, cấp xã, phường, thị trấn 1.870 đồng chí.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, các cấp ủy và tổ chức đảng đã chú trọng và không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết... Hằng năm, các ngành, các cấp xem xét, tạo điều kiện cử cán bộ tham gia các lớp học về chính trị, pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ... tại Trung ương, Trường Chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị<sup>1</sup>, góp phần tích cực trong việc củng cố, nâng cao kiến thức, năng lực; nâng cao nhận thức chính trị, tính giai cấp, tính chiến đấu và sự thống nhất tư tưởng trong Đảng. Phần lớn đảng viên vững vàng về chính trị, kiên định mục tiêu con đường xã hội chủ nghĩa, tin tưởng đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng; giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, nâng cao ý thức trách nhiệm, hoàn thành nhiệm

---

1. Năm 1996, bên cạnh 52 cán bộ cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở Trung ương, Trường Chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị đã mở trên 131 lớp, với hơn 10.824 học viên; trong đó, có 160 học viên học chương trình đại học, 230 học viên học chương trình cao cấp lý luận chính trị, 442 học viên học chương trình trung cấp lý luận chính trị, số còn lại chủ yếu là các chuyên đề bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, báo cáo viên, nghiệp vụ văn phòng, đối tượng kết nạp Đảng...

Đến năm 1998, tỉnh cử 60 cán bộ đi đào tạo chương trình cử nhân chính trị ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Phân viện Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Chính trị tỉnh mở 22 lớp với 2.885 học viên, trong đó, có 1 lớp cử nhân chính trị với 113 học viên, 1 lớp cao cấp lý luận chính trị với 113 học viên và 2 lớp trung cấp chính trị với 255 học viên, và các lớp tin học, pháp luật, hành chính, công tác văn phòng... Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy mở 346 lớp với 24.597 học viên.



vụ được giao đạt chất lượng, hiệu quả. Công tác quản lý đào tạo có bước tiến bộ và dần đi vào nền nếp, khâu xét duyệt được cân nhắc kỹ hơn yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh và gắn với quy hoạch nên đã hạn chế được tình trạng đào tạo tràn lan, không địa chỉ. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đào tạo ngày càng chặt chẽ và hiệu quả. Tuy nhiên, do chưa hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ nên vẫn còn nhiều trường hợp cán bộ được cử đi học chưa xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ hoặc không nằm trong diện quy hoạch; có cơ quan cùng một lúc cử đi học nhiều cán bộ, ít nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị; một số địa phương, đơn vị, nguồn cán bộ quy hoạch bị hụt hẫng, nhất là cấp cơ sở và các cơ quan biên chế ít...

Nhìn tổng thể, trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng chậm đổi mới, chưa nhận thức đúng và đầy đủ về nguyên tắc tập trung dân chủ, việc chấp hành quy chế làm việc chưa nghiêm; công tác tự phê bình và phê bình còn hình thức, nể nang, né tránh. Tình trạng tiêu cực, tham nhũng và những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, thoái hóa về đạo đức, lối sống xảy ra ở một số cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp lớn của tỉnh dẫn đến bị xử lý kỷ luật, không chỉ làm mất cán bộ, đảng viên mà còn ảnh hưởng đến uy tín của Đảng bộ, đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng bộ. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên còn mơ hồ về âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Công tác quy hoạch, đào tạo chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Lực lượng

kế thừa mỏng, số cán bộ trẻ đủ tiêu chuẩn đưa vào quy hoạch ở các cấp, các ngành chiếm tỷ lệ thấp. Công tác sắp xếp, bố trí cán bộ ở các cấp còn nhiều bất cập. Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng về số lượng, nhưng chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu, trong đó, chất lượng giữa các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh cũng chưa đồng đều. Một số cấp ủy và tổ chức đảng cấp tỉnh và hầu hết cấp ủy xã, phường, thị trấn còn lúng túng trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cũng như trong phát huy dân chủ ở cơ sở...

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu do các cấp ủy đảng chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nặng về truyền đạt nghị quyết từ trên xuống theo đợt hoặc phong trào; chưa lý giải được những vấn đề bức xúc mà cán bộ, đảng viên hoặc quần chúng quan tâm. Việc tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện nghị quyết của các cấp ủy tuy được quan tâm hơn, nhưng một số ban thường vụ cấp ủy các cấp chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát.

## **2. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh**

Song song với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ tỉnh chú trọng xây dựng hệ thống chính trị, củng cố bộ máy chính quyền các cấp, tiến hành cải cách hành chính, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức và kiện toàn bộ máy làm công tác quần chúng. Việc xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh có ý nghĩa quyết định đến việc đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về *phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh*, các cấp ủy trong tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo hoạt động của chính quyền. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, từng bước phát huy vai trò là cơ quan quyền lực ở địa phương; công tác giám sát được coi trọng; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho toàn dân được quan tâm. Chất lượng các kỳ họp được nâng lên; việc tổ chức đại biểu tiếp xúc cử tri từng bước được đổi mới, những kiến nghị chính đáng của cử tri, cũng như những khiếu nại, tố cáo của công dân được Thường trực và các ban của hội đồng nhân dân phối hợp với ủy ban nhân dân kịp thời giải quyết.

Hội đồng nhân dân các cấp chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động trên cơ sở xây dựng nghị quyết sát hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương. Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp được bảo đảm tuân thủ theo pháp luật. Nghị quyết của hội đồng nhân dân phù hợp tâm tư, nguyện vọng của cử tri. Trình độ, năng lực của đại biểu hội đồng nhân dân từng bước được nâng lên. Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào tình hình thực tiễn, dự báo tình hình để xây dựng chương trình công tác, kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm, xác định những lĩnh vực ưu tiên và trọng điểm. Phát huy trách nhiệm của các ngành và tổ chức đoàn thể trong việc xây dựng các dự án trình

hội đồng nhân dân. Đồng thời, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đại biểu hội đồng nhân dân. Nâng cao trình độ, năng lực của Thường trực hội đồng nhân dân và các ban của hội đồng nhân dân trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt là việc thẩm tra các dự án. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia đóng góp vào các dự án của hội đồng nhân dân bằng các hình thức thích hợp và giám sát hoạt động của đại biểu và hội đồng nhân dân. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong việc chấp hành pháp luật và nghị quyết của hội đồng nhân dân.

Trong việc xây dựng chính quyền vững mạnh, hướng đến phục vụ nhân dân, Tỉnh ủy luôn xác định, công tác cải cách hành chính là một khâu đột phá, là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và thường xuyên của chính quyền các cấp. Cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa” được triển khai thực hiện. Các thủ tục, quy trình giải quyết công việc hành chính trong nhiều lĩnh vực như nhà, đất, thuế, hoạt động kinh doanh và những vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân đã có bước chuyển theo hướng tập trung đầu mối, rút ngắn thời gian. Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; xây dựng quy chế ở ấp, xã được cán bộ, nhân dân đồng tình. Cán bộ, công chức nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, bố trí theo hướng tiêu chuẩn hóa.

Trong 5 năm 1996 - 2000, công tác cải cách hành chính đạt được một số kết quả nhất định, song hoạt động của một số ngành, đơn vị còn hình thức, sự vụ; chưa kịp thời phát hiện sai sót để điều chỉnh, chấp hành sự chỉ đạo của cấp trên chưa

nghiêm minh. Các biểu hiện tiêu cực, vi phạm các nguyên tắc về quản lý trong hệ thống cơ quan công quyền có mặt gia tăng. Việc bắt giữ, điều tra, truy tố, xét xử oan sai còn xảy ra ở một số nơi. Cơ cấu tổ chức, bộ máy hành chính còn trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, không rõ quyền và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành. Chính quyền cấp cơ sở một số nơi hoạt động kém hiệu quả, chưa thật sự gắn bó với cộng đồng dân cư.

Về công tác vận động quần chúng, các cấp ủy tập trung vào việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân và tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong các tầng lớp nhân dân; qua đó, động viên mọi tiềm năng, sự sáng tạo của nhân dân vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tình hình quần chúng và công tác vận động quần chúng của Đảng bộ có chuyển biến tích cực. Niềm tin của các tầng lớp nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng được củng cố, trong đó, đại bộ phận đồng bào có đạo tin tưởng vào chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước, góp phần to lớn vào thành tựu chung của tỉnh về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và công tác xây dựng Đảng. Kết quả đạt được là do các cấp ủy đảng, chính quyền và phần lớn cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng trong tình hình mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo phương châm hướng về cơ sở để phát triển tổ chức, cải tiến nội

dung sinh hoạt, xã hội hóa các hoạt động, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính trong hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Trên cơ sở đó, thường xuyên củng cố, kiện toàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội theo hướng coi trọng chất lượng và xây dựng cơ sở vững mạnh.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thường xuyên sơ kết các mô hình, điển hình tập hợp quần chúng để nhân rộng. Dù dưới hình thức tổ chức nào, nội dung sinh hoạt của các tổ chức quần chúng phải thể hiện chức năng giáo dục, vận động quần chúng nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị được giao, chăm lo thiết thực lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và đại diện cho tầng lớp nhân dân tham gia công việc Nhà nước. Nhiều phong trào do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể làm nòng cốt được đông đảo nhân dân hưởng ứng, tham gia; qua đó, đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân; sàng lọc những hạt nhân mới để phát triển đoàn viên, hội viên, giới thiệu cho Đảng, chính quyền nhiều cán bộ, đảng viên có phẩm chất và năng lực để bổ sung vào các cơ quan lãnh đạo các cấp.

Tuy nhiên, một số tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở còn yếu, chưa chủ động đổi mới phương thức hoạt động, còn trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp ủy, hoạt động còn nặng về hình thức, mang tính hành chính. Cán bộ đoàn thể có nơi còn thiếu và yếu, đội ngũ kế thừa mỏng, tỷ lệ tập hợp quần chúng vào các đoàn thể quần chúng còn thấp, nhất là đối với

đồng bào có đạo, tiểu thương, tiểu chủ và trí thức. Tình hình trên là do còn một bộ phận cán bộ, đảng viên thực hiện chưa tốt quan điểm quần chúng của Đảng, một số cấp ủy đảng còn xem nhẹ công tác vận động quần chúng.

\*

\* \*

Từ năm 1996 đến năm 2000, mặc dù bị tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính khu vực; thiên tai thường xuyên xảy ra, dịch bệnh gây thiệt hại trên diện rộng đối với cây trồng, vật nuôi; một số chính sách đối với nông nghiệp và nông thôn chưa thỏa đáng; giá nông sản diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho nông dân; trình độ dân trí thấp; hệ thống kết cấu hạ tầng yếu kém; năng lực của cán bộ và đảng viên còn nhiều bất cập..., song Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã có những giải pháp đúng đắn, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra, hạn chế được những bất lợi để duy trì sự phát triển kinh tế - xã hội. Thành tựu nổi bật là kinh tế có mức tăng trưởng khá, tổng sản phẩm nội tỉnh đạt khoảng 4.620 tỷ đồng năm 2000; tích lũy tài sản tăng dần qua các năm, từ năm 1996 đến năm 2000, tổng tích lũy tài sản đạt khoảng 5.080 tỷ đồng, tạo cơ sở từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của nền kinh tế; nhiều công trình thuộc kết cấu hạ tầng và cơ sở công nghiệp trọng yếu được xây dựng; giao thông vận tải phát triển; quan hệ đối ngoại được mở rộng; văn hóa - xã hội có những chuyển biến tích cực, vấn đề giải quyết việc làm có nhiều tiến bộ; an ninh - quốc phòng được củng cố và tăng cường; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao.

Kết quả trên tạo thế và lực mới để tỉnh tiếp tục phát triển nhanh hơn trong giai đoạn tiếp theo.

Những kết quả đạt được là do sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, tích cực của các cấp ủy trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra. Trong chỉ đạo, các cấp ủy đã huy động được nội lực trong nhân dân và sự phối hợp, hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra chưa đạt như: giá trị tổng sản phẩm nội tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, giảm tỷ lệ hộ nghèo, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh... Nguyên nhân chủ yếu do trình độ, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, sự điều hành của chính quyền còn một số mặt chưa ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Bên cạnh đó, một số ban thường vụ cấp ủy chưa đoàn kết, thống nhất cao, tính chiến đấu trong lãnh đạo, chỉ đạo yếu, trong đó có Ban Thường vụ Tỉnh ủy.



## KẾT LUẬN

Những thập niên cuối thế kỷ XX là thời kỳ có nhiều biến đổi trong đời sống chính trị quốc tế và trong nước. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta tập trung trí tuệ và sức lực khắc phục hậu quả chiến tranh, phá thế bao vây cấm vận, từng bước tìm tòi những bước đi thích hợp trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải chiến đấu bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; ngăn chặn có hiệu quả những tác động tiêu cực từ sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, giữ vững ổn định chính trị, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới. Trong bối cảnh khó khăn chồng chất, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã thể hiện bản lĩnh trong lãnh đạo nhân dân đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Những năm 1975 - 1985, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Đồng Tháp phải đối mặt với hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh; cơ sở vật chất nghèo nàn và lạc hậu, thiên tai xảy

ra thường xuyên, nạn đói đe dọa, nhiều vấn đề xã hội nan giải, cùng với đó là chiến tranh ở biên giới Tây Nam. Song, với khát vọng vươn lên mãnh liệt của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, bộ mặt Đồng Tháp có sự thay đổi căn bản. Nhiều công trình kinh tế được xây dựng và đi vào hoạt động; bệnh viện, trường học được xây mới và sửa chữa, các tuyến đường giao thông huyết mạch được duy tu; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống nhân dân từng bước được ổn định và có sự cải thiện... Quán triệt tinh thần “giúp bạn là tự giúp mình”, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp đã góp phần giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, khôi phục lại đất nước, bảo vệ vững chắc biên giới Tây Nam và tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc.

Tuy còn nhiều thiếu sót và hạn chế, song Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa I, II và III đã thể hiện trách nhiệm cao trong lãnh đạo nhân dân tạo dựng được những thành quả quan trọng. Đặc biệt, trong tình hình có nhiều khó khăn về nguồn kinh phí và kỹ thuật, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết tâm tiến công khai thác Đồng Tháp Mười, mở ra triển vọng phát triển nhảy vọt về nông nghiệp, nông thôn trong nhiều thập kỷ sau. Cùng với những thành tựu trước đó, năm 1985, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp đã vinh dự đón nhận Huân chương Sao vàng - phần thưởng cao quý nhất do Đảng và Nhà nước trao tặng vì đã có nhiều thành tích trong 30 năm kháng chiến chống xâm lược và 10 năm xây dựng, bảo vệ đất nước.

Tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI được tổ chức. Đại hội đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện

đất nước, mở ra bước ngoặt đối với cách mạng Việt Nam nói chung, Đồng Tháp nói riêng. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn địa phương. Trải qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, lần thứ V, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã kịp thời đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và bước đi cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và xu hướng chung của đất nước.

Sau 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 1995), Đồng Tháp đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Các chủ trương của Trung ương đã đi vào cuộc sống, pháp chế được tăng cường; tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, giá trị tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) tăng bình quân 12,06%/năm, bình quân lương thực đầu người tăng từ 490kg năm 1985 lên 1.200kg năm 1995 (gấp gần 2,5 lần); cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch đáng kể theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; nhiều công trình trọng điểm như bệnh viện, trường học cùng hàng trăm kilômét đường lưới điện, lộ giao thông được xây dựng và đưa vào sử dụng; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn... Trong giai đoạn này, hai “công trình” được ghi đậm nét son là công cuộc khai mở Đồng Tháp Mười và giúp nhân dân Campuchia kiến thiết đất nước. Mặc dù còn những hạn chế, nhưng những thành tựu đạt được trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới đã tạo ra bầu không khí phấn khởi trong đời sống chính trị, tinh thần của

nhân dân và là động lực quan trọng để Đồng Tháp bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bước sang giai đoạn 1996 - 2000, tỉnh đã có những tiền đề cần thiết để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI đã tập trung lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với khai thác tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Bước vào thực hiện nhiệm vụ chính trị những năm 1996 - 2000, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực năm 1997 và trận lụt lớn năm 2000 đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống nhân dân, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong bối cảnh đó, được sự hỗ trợ có hiệu quả của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực khắc phục khó khăn, giành được những kết quả quan trọng trên một số lĩnh vực: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 6,86%/năm, duy trì sản xuất lương thực ổn định gần 2 triệu tấn/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Kết cấu hạ tầng được tăng cường đầu tư góp phần tạo diện mạo mới từ thành thị đến nông thôn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa, giáo dục, y tế và thực hiện các chính sách xã hội được chú trọng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và kiện toàn; an ninh - quốc phòng được bảo đảm. Một số chỉ tiêu Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra cho năm 2000 thực hiện đạt và vượt như: sản lượng lương thực, xóa lớp học ca 3, hoàn thành phổ cập

giáo dục tiểu học, chống mù chữ, giảm tỷ lệ tăng dân số, hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng...

Trải qua một phân tư thế kỷ (1975 - 2000), từ điểm xuất phát thấp, Đồng Tháp đã vươn lên vào hàng khá trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, giảm dần khoảng cách với các tỉnh trong vùng và cả nước. Với đặc điểm là tỉnh thuần nông, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo phát triển nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, tạo tiền đề phát triển kinh tế và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Với việc chú trọng khai thác tiềm năng Đồng Tháp Mười và phát triển nông nghiệp, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân có bước phát triển đáng kể. Từ năm 1975 đến năm 2000, sản lượng lương thực tăng từ 270.000 tấn lên 1.890.968 tấn. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, từng bước tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Từ khi tiến hành đổi mới đến năm 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 10,28%. Văn hóa - xã hội được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân được nâng lên; số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng; nhiều nhà ở và công trình giao thông được nâng cấp, xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và y tế ngày càng phát triển cả về quy mô, chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh cũng như nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao được quan tâm tổ chức với nhiều sự kiện nổi bật và có sức lan tỏa; qua đó, giới thiệu, quảng bá hình ảnh Đồng Tháp với các nhà đầu tư,

tiêu biểu là Hội khỏe Phù Đổng năm 2000. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình không ngừng phát triển và đổi mới, là cầu nối tin cậy giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời; an sinh xã hội được bảo đảm. Hệ thống chính trị luôn được quan tâm, chăm lo và là nhiệm vụ then chốt, cấp bách của các cấp ủy.

Qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp không ngừng lớn mạnh. Đến năm 2000, Đảng bộ tỉnh có 15 đảng bộ trực thuộc, với 572 tổ chức cơ sở đảng và 14.604 đảng viên. Hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và sự phối hợp hoạt động giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng rõ nét, phát huy hiệu quả thiết thực. An ninh - quốc phòng được củng cố và tăng cường. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng ngày càng chặt chẽ, góp phần làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng và cuộc sống của nhân dân. Quan hệ hợp tác với các tỉnh trong nước và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế được mở rộng, góp phần xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác bền vững và đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương.

Những thành tựu trên bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng; vai trò lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong việc đề ra các quyết sách đúng đắn, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; sự lãnh đạo tập trung, tích cực của các cấp ủy trong việc cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương và nghị quyết của Đảng bộ tỉnh; tinh thần tự lực,

tự cường, năng động, sáng tạo, đoàn kết của các tầng lớp nhân dân và sự hỗ trợ có hiệu quả từ các bộ, ngành Trung ương cũng như các tỉnh, thành phố đối với Đồng Tháp.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Đồng Tháp vẫn là một tỉnh chậm phát triển: Tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc, sản xuất nông nghiệp có quy mô nhỏ, việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất còn chậm, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp. Chưa có sự đột phá trong công nghiệp để tạo động lực thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thu ngân sách trên địa bàn còn thấp, đa số các doanh nghiệp quy mô nhỏ, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu ở một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm nhiệm vụ, không phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, vi phạm Điều lệ Đảng, thậm chí vi phạm pháp luật, sa sút về phẩm chất đạo đức, lối sống. Phương thức hoạt động của hệ thống chính trị ở từng khâu, từng lĩnh vực chậm thay đổi và có phần quan liêu. Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, có những vấn đề khó tránh khỏi. Xét tổng thể quá trình phát triển của Đảng bộ tỉnh từ năm 1975 đến năm 2000, những thành tựu đạt được là chủ yếu và quan trọng, tạo tiền đề để Đồng Tháp vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Qua 25 năm với 6 kỳ đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, trong đó, mỗi kỳ Đại hội đều để lại những dấu son không thể phai mờ. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã thiết lập và

củng cố hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và chiến đấu bảo vệ vững chắc biên giới Tây Nam Tổ quốc. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II hiện thực hóa chính sách kinh tế, mở ra giai đoạn mới cho sự phát triển vượt bậc về sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV thể hiện quyết tâm đổi mới, mở đường giải phóng năng lực sản xuất, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V tăng cường chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

Thực tiễn hoạt động lãnh đạo phong trào cách mạng tại địa phương đã để lại cho Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp một số kinh nghiệm quý:

***Thứ nhất, phát huy tinh thần sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân trong việc chấp hành và vận dụng linh hoạt, nhạy bén chủ trương, đường lối của Đảng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.***

Kế thừa truyền thống năng động, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh trong suốt chặng đường đấu tranh giải phóng dân tộc, bước sang thời kỳ mới, Đồng Tháp một lần nữa đã phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, phát huy nội lực, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Trong đó, công cuộc tiến công chinh phục Đồng Tháp Mười được xem là “công



trình” kỳ vĩ của Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp, không chỉ đáp ứng được yêu cầu lương thực của tỉnh tại thời điểm đó, mà còn tạo tiền đề thúc đẩy phát triển mọi mặt sau này.

Những năm đầu sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tình hình đất nước nói chung, Đồng Tháp nói riêng gặp nhiều khó khăn, thử thách. Nhu cầu mở rộng sản xuất là đòi hỏi tất yếu và bức thiết, nhưng để tiến công chinh phục Đồng Tháp Mười là việc làm vô cùng khó trong điều kiện nguồn lực eo hẹp, vùng đất hoang vu, khắc nghiệt, các kênh đào chưa thông tuyến, nước phèn đặc quánh, tràn ngập vào mùa mưa,... Do đó, việc xử lý phèn ở Đồng Tháp Mười là vấn đề đặc biệt nan giải của các cấp lãnh đạo, cũng như các nhà nghiên cứu và nông dân địa phương. Một số nhà nông học thế giới đã từng phát biểu: “Ai tấn công vào vùng đất phèn là kẻ ngu xuẩn”. Tiến sĩ Melforw (người Hà Lan), một chuyên gia về đất phèn đã chia sẻ: “Ở Hà Lan, muốn xử lý một hécta đất phèn phải tốn một triệu USD” (điều đó có nghĩa, Đồng Tháp sẽ không có đủ kinh phí để thực hiện cải tạo đất). Hai giáo sư địa chất Liên Xô cũng khẳng định: “Đất này không thể trồng được lúa!”. Trong tình hình có nhiều khó khăn về nguồn kinh phí và kỹ thuật, thực hiện chủ trương “Tiến công vào Đồng Tháp Mười”, tập thể Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng như các cấp ủy, chính quyền các huyện, thị đã kiên trì, quyết tâm và vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, động viên nhân dân thực hiện có hiệu quả việc chinh phục vùng đất này.

Với sự quyết tâm cao, cùng tinh thần tiếp thu có chọn lọc, vượt qua lý thuyết hàn lâm và bằng tri thức thực tiễn của những người từng trải trên vùng đất phèn, Tỉnh ủy, Ủy ban

nhân dân tỉnh đã trần trở, tìm tòi nhiều biện pháp táo bạo, khoa học, huy động nhiều nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu. Đồng thời, chú trọng khai thác những kinh nghiệm và phát huy tinh thần sáng tạo, dũng cảm, không lùi bước trước khó khăn, thử thách của nhân dân để tiến công chinh phục Đồng Tháp Mười. Qua việc quy hoạch xây dựng hệ thống thủy lợi gắn kết với giao thông nông thôn, xây dựng lưới điện đều khắp, vừa phục vụ sản xuất, vừa phục vụ thắp sáng và xây dựng, tu sửa trường học, trạm y tế, thực hiện thâm canh chuyển vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát triển thương mại - dịch vụ..., Đồng Tháp Mười ngày càng thay da đổi thịt.

Công cuộc chinh phục Đồng Tháp Mười đã làm thay đổi căn bản và toàn diện bộ mặt vùng nông thôn và đời sống của người dân. Nó không chỉ đáp ứng được ước mơ bao đời của nông dân, mà còn thay đổi thói quen, tập quán của mỗi người. Thành công của việc tiến công khai thác Đồng Tháp Mười không những khai thác được tiềm năng vốn có, làm cho Đồng Tháp Mười trở thành vựa lúa của cả nước, mà còn bảo tồn và phát triển được Vườn sinh thái quốc gia Tràm Chim - khu Ramsar thứ 2000 của thế giới. Năm 1981, đoàn chuyên gia Hà Lan trở lại thăm Đồng Tháp Mười, quan sát cánh đồng lúa vụ Hè Thu trải dài, xanh tốt trĩu bông trên vùng đất phèn, họ vô cùng ngạc nhiên và thán phục<sup>1</sup>. Thành công của việc tiến công

---

1. Trao đổi với một vị chuyên gia Hà Lan, lãnh đạo tỉnh cho biết về kinh nghiệm của nông dân trong việc dùng nước ém phèn và khẳng định: “Thành công này có phần đóng góp của ngài”. Vị chuyên gia đã bày tỏ: “Công lao này là của nông dân tại chỗ và sự chỉ đạo của các ông”.

chinh phục Đồng Tháp Mười chứng tỏ việc chấp hành đường lối đúng đắn của Đảng, nhất là sự lãnh đạo nhạy bén, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh, cũng như nông dân vùng Đồng Tháp Mười, Đồng Tháp.

Sự năng động, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh còn được thể hiện rõ trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Những năm cuối thập niên 80 đến những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, cục diện chính trị thế giới có những thay đổi lớn, tác động tiêu cực đến cách mạng nước ta, trong đó có lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Là một tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng ở Tây Nam Bộ, việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng luôn được Tỉnh ủy chủ động và coi trọng. Trong lĩnh vực này, Tỉnh ủy đã sáng tạo trong xây dựng kế hoạch tác chiến phòng thủ. Năm 1991, cấp trên yêu cầu lập “vành đai trắng” khu vực biên giới, tránh đụng độ tranh chấp. Song, Tỉnh ủy xác định bảo vệ biên giới phải bằng sức mạnh của nhân dân và do vậy, phải ổn định đời sống nhân dân khu vực biên giới. Với tinh thần đó, Tỉnh ủy chủ trương tập trung nguồn lực dự trữ, nạo vét sông Sở Hạ và kênh mương trên tuyến biên giới để tạo nguồn nước tưới tiêu, tăng diện tích lúa 2 vụ, và dùng bùn đất nạo vét đắp thành các cụm gò có độ cao vượt mức nước lụt để bố trí dân cư, hình thành cụm kinh tế - xã hội kết hợp quốc phòng dọc tuyến biên giới, góp phần giữ vững trật tự trị an, thực hiện tốt chức năng bảo vệ biên giới hòa bình, hữu nghị. Cách làm sáng tạo trên được Quân khu 9 đánh giá cao và chỉ đạo các tỉnh có biên giới nghiên cứu, vận dụng.

Bản lĩnh, sự năng động, nhạy bén và sáng tạo của Đảng bộ tỉnh trong quá trình lãnh đạo là nhân tố hàng đầu quyết định

những thắng lợi trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh.

***Thứ hai, luôn chăm lo củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy.***

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nhất là từ khi có Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc, bài học về tinh thần đoàn kết toàn dân là bài học có tính quy luật của cách mạng Việt Nam. Đây cũng là đường lối căn bản của Đảng trong sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ mới. Lịch sử phát triển của tỉnh Đồng Tháp những thập kỷ qua gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Đây là kết quả của quá trình hoạt động, đấu tranh bền bỉ, kiên cường, sự hy sinh của biết bao thế hệ cán bộ, đảng viên qua các thời kỳ cách mạng. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp được nhân dân thừa nhận và Trung ương Đảng tin cậy bởi Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ.

Thực tiễn công tác xây dựng Đảng đã chứng minh, việc chăm lo củng cố đoàn kết nội bộ, trước hết là trong ban chấp hành đảng bộ các cấp, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là nhân tố bảo đảm thành công của sự nghiệp cách mạng. Bên cạnh đó, việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và thường xuyên rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chính sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự gương mẫu của từng cán bộ, đảng viên, cùng với việc luôn nêu cao

tin thần trách nhiệm đã quy tụ, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân kết thành sức mạnh to lớn đấu tranh dưới ngọn cờ của Đảng. Thực tiễn hoạt động của Đảng bộ tỉnh cho thấy, ở đâu và khi nào đảng viên mất đoàn kết, xa rời lý tưởng, thoái hóa, biến chất, đi ngược lại với lợi ích của Đảng và nhân dân thì phong trào cách mạng nơi đó bị tổn thất, niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bị giảm sút.

Trong 25 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp có một đội ngũ cán bộ, đảng viên trung kiên, tận tâm, tận lực với sự nghiệp cách mạng. Phần lớn cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, tiên phong trong các phong trào cách mạng và đương đầu trước những khó khăn, thử thách, được nhân dân tin tưởng. Tiêu biểu là các đồng chí: Trần Anh Điền, Nguyễn Thế Hữu, Võ Hồng Nhân, Trương Vĩnh Trọng... Nhìn chung, các cấp ủy trong tỉnh đã chú trọng tăng cường công tác xây dựng Đảng, nhất là thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, chăm lo giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhờ đó, Đảng bộ tỉnh trở thành hạt nhân của hệ thống chính trị và lãnh đạo nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Song, những năm cuối của nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (1996 - 2000), một số thành viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy bộc lộ tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, cục bộ địa phương, thiếu đoàn kết thống nhất, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cấp ủy huyện cũng xảy ra tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng, đặc biệt trong thường trực huyện ủy. Hệ lụy của sự việc này là xáo trộn cán bộ, ảnh hưởng đến sức chiến đấu, giảm sút

chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm uy tín của Đảng bộ, giảm niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng. Những hạn chế, khuyết điểm đó được đảng bộ kịp thời phê phán, đấu tranh quyết liệt. Rút kinh nghiệm những sai lầm, khuyết điểm đó, đảng bộ các cấp đã chú trọng hơn đến công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân giữ vững truyền thống đoàn kết, bảo đảm thống nhất ý chí và hành động, tạo sự đồng thuận xã hội để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Thường xuyên chăm lo rèn luyện, bồi dưỡng chính trị, phẩm chất đạo đức, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng, trước hết là trong ban chấp hành và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu là một kinh nghiệm xương máu của Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp.

***Thứ ba, giữ gìn và tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân.***

Chính thực tiễn phong trào cách mạng trong tỉnh giúp cho Đảng bộ tỉnh nhận thức rõ hơn vai trò của nhân dân. Nhận thức này luôn được Đảng bộ quán triệt và thể hiện rõ trong chủ trương và hành động. Việc chăm lo và tăng cường mối quan hệ gắn bó với nhân dân qua các thời kỳ luôn được Đảng bộ chú trọng.

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, phong trào cách mạng quần chúng phát triển mạnh mẽ và giành thắng lợi chính là lúc Đảng bộ gắn bó khăng khít với dân, ý Đảng và lòng dân kết thành một khối. Bước vào thời kỳ mới, xây dựng

chủ nghĩa xã hội, đổi mới và hội nhập, khi Đảng gắn bó với dân, quan tâm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân thì kinh tế - xã hội ổn định và phát triển. Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ tỉnh không chỉ tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng với những kế hoạch mang tầm chiến lược, mà còn quan tâm thực hiện chính sách an sinh xã hội cụ thể cho các đối tượng: thương binh, liệt sĩ, Mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công với cách mạng, gia đình chính sách và người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời, chú trọng thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Mọi hoạt động của chính quyền các cấp, các ngành đều hướng vào dân theo tinh thần “lấy dân làm gốc”. Mặt khác, Đảng bộ tỉnh cũng thường xuyên quan tâm giải quyết các khiếu nại, tố cáo của nhân dân ngay từ cơ sở, ngăn chặn đối tượng xấu lôi kéo, kích động quần chúng chống phá cách mạng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện tốt việc xã hội hóa các hoạt động kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để người dân phát huy khả năng, sáng tạo, tham gia vào các hoạt động sản xuất và các lĩnh vực chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, có thời điểm, Đảng bộ đã mắc sai lầm, khuyết điểm do chưa tôn trọng quy luật khách quan, chấp hành nghị quyết của Trung ương một cách máy móc. Trong tiến hành cải tạo các thành phần kinh tế, các cấp lãnh đạo đã gò ép một cách khiên cưỡng, nhất là xác định đối tượng. Đối với lĩnh vực công thương nghiệp, tiến hành cải tạo cả tiểu thương, tiểu chủ, những người buôn bán nhỏ. Trong nông nghiệp, chia cấp ruộng đất cào bằng, tập thể hóa máy móc của trung nông,

kể cả người lao động có chút ít phương tiện sản xuất như máy kéo, máy bơm nước. Thực hiện chế độ phân phối và thu mua bất hợp lý, làm cho người lao động bất mãn, máy kéo bỏ phế, đất đai bỏ hoang... Do đó, trong một thời gian dài (1975 - 1986), sản xuất trì trệ, kinh tế chậm phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Song, với sự ra đời Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị khóa VI về *đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, các đơn vị và cơ sở đã tập trung giải quyết những vướng mắc, sai lầm trong cải tạo. Bắt đầu từ đây, kinh tế hộ gia đình được pháp luật thừa nhận, các thành phần kinh tế bình đẳng, tự do kinh doanh những ngành nghề pháp luật không cấm; một bộ phận dân nghèo không có đất sản xuất đã được các cấp ủy, chính quyền tạo công ăn việc làm và động viên đi vùng kinh tế mới khai hoang, sản xuất lâu dài... Nhờ vậy, tình hình chính trị - xã hội đã nhanh chóng ổn định, niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng được khôi phục và củng cố. Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996 - 2000), nền kinh tế của tỉnh có sự chuyển biến tích cực. Các mặt hàng chủ lực xuất khẩu của tỉnh như: gạo, thủy sản, bánh phồng tôm, thuốc trị bệnh... tăng lên hàng năm, bảo đảm cân đối nhập khẩu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Thành công đó chứng tỏ chính sách của Đảng hợp lòng dân, được dân tin tưởng nên tích cực tập trung vốn đầu tư phát triển sản xuất.

Thực tiễn từ phong trào cách mạng cho thấy, các tầng lớp nhân dân Đồng Tháp có tinh thần yêu nước, giàu nhiệt huyết cách mạng, kiên cường trong đấu tranh, sáng tạo trong lao động và gắn bó với Đảng, với sự nghiệp cách mạng. Trong



mỗi giai đoạn của quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển quê hương, nhân dân luôn tin tưởng, tích cực tham gia các phong trào cách mạng, thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng bộ. Mặc dù có những thời điểm, Đảng bộ đứng trước những khó khăn, thử thách nghiêm trọng, song với chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức và huy động đông đảo nhân dân tham gia đóng góp sức người, sức của, tạo nên sức mạnh tổng hợp để vươn lên. Do đó, để xây dựng, củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ với nhân dân, trước hết, các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên phải luôn chăm lo đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, phải luôn thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”<sup>1</sup> - đó là điều kiện cốt lõi để tạo nên thành công.

***Thứ tư, thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, coi trọng công tác xây dựng Đảng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ.***

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng bộ tỉnh luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, nhất là từ sau ngày giải phóng, Đảng bộ đã tập trung củng cố, tăng cường cán bộ cho cấp xã, xây dựng chi bộ xã, lớp các xã ấp “trắng” ở vùng mới giải phóng. Tăng cường củng cố, xây dựng và phát triển cơ sở đảng giai đoạn này có ý nghĩa quyết định trong việc xác lập vai trò lãnh đạo của Đảng một cách trực tiếp đối với cơ sở và toàn xã hội. Nhờ đó, các cấp ủy đảng đã lãnh đạo

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.51.

phong trào cách mạng quần chúng luôn sôi nổi và rộng khắp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như: sản xuất, làm thủy lợi, thâm canh chuyển vụ, khai hoang phục hóa, xây dựng, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh - quốc phòng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Cùng với việc củng cố và tăng cường cấp xã, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành trong tỉnh cũng tập trung củng cố và tăng cường cấp huyện, xây dựng huyện trở thành đơn vị kinh tế, văn hóa, an ninh - quốc phòng theo chủ trương của Trung ương, “mỗi huyện là một pháo đài”. Công tác xây dựng huyện là một mắt xích có tầm quan trọng chiến lược trong xây dựng và bảo vệ đất nước xã hội chủ nghĩa. Trong đó, công tác xây dựng Đảng luôn được coi là then chốt.

Đảng bộ tỉnh luôn nhận thức sâu sắc vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống chính trị trong việc tổ chức, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các cấp ủy thường xuyên đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị, nhất là chú trọng lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân... tham gia thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Xuất phát từ nhận thức coi “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>, “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”<sup>2</sup>, Đảng bộ tỉnh thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất. Sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước trên địa bàn tỉnh

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309, 313.

Đồng Tháp thành công, một trong những nguyên nhân quan trọng là do Đảng bộ đã đào tạo, rèn luyện được lớp cán bộ tiên phong, tiêu biểu là các đồng chí: Phạm Hữu Lầu, Trần Thị Nhượng, Nguyễn Văn Phối, Trần Anh Điền... Ngay từ những ngày đầu thành lập các chi bộ đầu tiên trên địa bàn tỉnh, lớp đảng viên tiên bối giàu lòng yêu nước, thương dân đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để hoạt động. Với bản lĩnh của mình, các đồng chí luôn giữ vai trò tiên phong trong các phong trào cách mạng, tập hợp, thúc giục nhân dân vùng lên đấu tranh vì độc lập, tự do và hạnh phúc. Xuất phát từ điều kiện thực tiễn, những năm đầu sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh thiếu và yếu, trước tình hình đó, lãnh đạo tỉnh đã trân trọng tiếp nhận và bố trí hợp lý nguồn cán bộ do Trung ương tăng cường. Nguồn cán bộ này có chuyên môn và kinh nghiệm ở một số lĩnh vực cần thiết cho tỉnh, đáng kể là lĩnh vực tài chính, ngân hàng, giáo dục, y tế. Sự kết hợp chặt chẽ giữa nguồn cán bộ được tăng cường với nguồn cán bộ tại chỗ đã bảo đảm cho guồng máy vận hành thuận lợi.

Bên cạnh đó, các cấp ủy đã mạnh dạn tuyển chọn, sắp xếp, cất cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn. Với những chủ trương và chính sách hỗ trợ mạnh mẽ, hàng chục ngàn cán bộ các cấp được chuẩn hóa từng bước. Những năm về sau, công tác này tiếp tục được các cấp ủy quan tâm xây dựng kế hoạch đào tạo bài bản hơn. Trong quá trình thực hiện công tác cán bộ, các cấp ủy cũng nhận diện rõ hơn về thiếu sót trong cơ cấu cán bộ và việc thiên về chuẩn hóa lý luận chính trị. Từ đó, từng bước điều chỉnh trong công tác

đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng đương thời và có sự kế thừa, chuyển tiếp một cách hợp lý.

Nhìn lại chặng đường 25 năm với những bước thăng trầm, bằng sự nỗ lực vượt bậc và tinh thần quyết tâm cao độ, Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp có quyền tự hào về những thắng lợi to lớn đã đạt được. Sự phát triển của tỉnh Đồng Tháp góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Trong mỗi chặng đường của sự nghiệp cách mạng, tuy có những hạn chế và vấp vấp, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Nhờ đó, Đảng bộ ngày càng trưởng thành và xứng đáng với sự tin yêu của đông đảo nhân dân. Những thành tựu quan trọng và kinh nghiệm quý báu đó sẽ là hành trang để Đảng bộ, quân và dân Đồng Tháp xây dựng tỉnh nhà ngày càng giàu đẹp, văn minh.



# PHỤ LỤC





# **TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN, ANH HÙNG LAO ĐỘNG**

## **I- TẬP THỂ**

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Hồng Ngự (nay thuộc thị xã Hồng Ngự).

2. Anh hùng Lao động: Nhân dân và cán bộ huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đồn Cầu Ván (Đồn 739), Công an nhân dân vũ trang tỉnh Đồng Tháp (nay là Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Thường Phước (Đồn 917), thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp) 2 lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân:

- Lần 1: Phong tặng năm 1979 vì có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu chống quân Pôn Pốt xâm lược, bảo vệ biên giới Tây Nam.

- Lần 2: Phong tặng năm 2000 vì có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Phòng Bảo vệ Chính trị I, Công an tỉnh Đồng Tháp được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1997 (lần 2)<sup>1</sup>.

---

1. Lần 1: Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

## II- CÁ NHÂN

## PHẠM HOÀNG DŨNG

(1952 - 1978)



Phạm Hoàng Dũng, sinh năm 1952, quê xã Thường Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Long Châu Sa (nay là xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Khi hy sinh, Phạm Hoàng Dũng là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đại đội trưởng Đại đội 732, Tiểu đoàn 4 bộ đội tỉnh Đồng Tháp.

Năm 1968, mới 16 tuổi, Phạm Hoàng Dũng gia nhập du kích xã, cùng đồng đội bám đất, bám dân, liên tục đánh địch. Năm 1975, Phạm Hoàng Dũng được chuyển qua công tác tại công an xã.

Năm 1977, bọn Pôn Pốt gây ra chiến tranh biên giới Tây Nam. Trong lúc bộ đội tập trung của ta chưa đến, Phạm Hoàng Dũng đi vận động các quân nhân phục viên ở xã trở lại tham gia chiến đấu. Lấy đội du kích làm nòng cốt, cùng bộ đội phục viên, thanh niên, nông dân trong xã, Phạm Hoàng Dũng thành lập một đại đội lấy tên 732 (tên một giống lúa mới do bà con sử dụng khi chuyển qua làm lúa hai vụ). Đại đội được công nhận thuộc Tiểu đoàn 4, bộ đội địa phương tỉnh. Đơn vị đã anh dũng chiến đấu tại quê hương mình.



Ngày 28/02/1978, một tiểu đoàn địch định đánh chiếm đồn biên phòng ta. Được lệnh, lúc 3 giờ đêm, Phạm Hoàng Dũng dẫn đại đội chạy bộ hơn 10 cây số về tới Ấp 1 đúng giờ quy định. Lúc 6 giờ 30 phút, địch lọt vào trận địa, ta nổ súng. Lợi dụng quân đông và chiếm được một số gò cao, địch chống trả quyết liệt. Gần 12 giờ trưa, Phạm Hoàng Dũng dẫn một tổ 4 người đánh cắt ngang đội hình địch. Chúng rối loạn, quân ta xung phong. Kết quả ta tiêu diệt 75 tên, bắt sống 2 tên, thu 30 súng.

Ngày 19/5/1978, 400 tên địch chia làm hai cánh từ Thường Phước và Giồng Bàng đánh xuống Mương Kinh. Phạm Hoàng Dũng chỉ huy đơn vị đánh địch. Đến chiều, trận chiến càng gay go, ác liệt, ta hy sinh 3 đồng chí và mất liên lạc với tiểu đoàn. Địch dồn dập tấn công. Phạm Hoàng Dũng ra lệnh đơn vị mang hết thương binh, liệt sĩ rút lui, một mình anh ở lại chiến đấu chặn địch. Khi hết đạn, Phạm Hoàng Dũng hy sinh. Kết quả trận này, ta tiêu diệt 70 tên địch.

Chỉ tính từ tháng 4/1977 đến ngày hy sinh, Phạm Hoàng Dũng đã đánh 30 trận, tiêu diệt 27 tên, bắn bị thương 9 tên, thu 7 súng. Dưới sự chỉ huy của Phạm Hoàng Dũng, Đơn vị 732 đã chiến đấu ngoan cường, cùng nhân dân đánh bật mọi cuộc tấn công xâm lược của địch, làm rạng rỡ danh hiệu Đại đội 732. Phạm Hoàng Dũng được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất, nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 29/8/1985, Phạm Hoàng Dũng được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## HÀ THỊ SẠN (1943 - 2018)



Hà Thị Sạn, sinh năm 1943, quê làng Tân Hội, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Khi được tuyên dương Anh hùng, bà là Chính trị viên Xã đội Tân Hội, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 4/1962, Hà Thị Sạn làm giao liên xã. Năm 1975, là Hội phó Hội Phụ nữ xã. Tháng 4/1977, bà được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ xã và được giao nhiệm vụ Xã đội phó.

Ngày 28/02/1977, một đại đội quân Pôn Pốt lấn chiếm ấp Tân Hòa, bà Sạn trực tiếp chỉ huy tiểu đội du kích chặn đánh quyết liệt, địch phải rút chạy về bên kia biên giới, bỏ lại 6 xác chết, ta thu súng AK.

Tháng 8/1978, một trung đội địch sang đánh phá, Hà Thị Sạn chỉ huy 9 du kích phục kích đánh chính diện. Địch bắn trả dữ dội song núng thế phải tháo chạy tán loạn về bên kia biên giới. Kết quả ta tiêu diệt 4 tên, thu 2 súng. Cả đội du kích an toàn.

Ngày 15/9/1978, lợi dụng nước ngập, địch cho pháo bắn dữ dội rồi chiếm một gò cao thuộc xã Tân Hội, dự định chiếm

thị trấn Hồng Ngự. Hà Thị Sạn chỉ huy đội du kích phối hợp lực lượng bạn đánh địch suốt đêm. Đến 6 giờ sáng hôm sau, cả tiểu đoàn địch rút chạy. Ta tiêu diệt 13 tên, bắt sống 2 tên.

Ngày 04/11/1978, một tiểu đoàn bộ binh và 4 tàu chiến địch theo sông Sở Thượng đánh xuống ngã ba Tân Hội. Hà Thị Sạn chỉ huy 12 du kích chặn đánh địch quyết liệt. Đến sáng ngày 05/11/1978, Đội du kích Tân Hội phối hợp với đơn vị bạn, phản công địch mãnh liệt, Hà Thị Sạn đến từng công sự động viên anh em chiến đấu. Kết quả, ta đẩy lùi địch về bên kia biên giới.

Tính từ tháng 4/1977 đến tháng 01/1979, Hà Thị Sạn trực tiếp chỉ huy Đội du kích xã phối hợp với đơn vị bạn đánh 56 trận (có 6 trận độc lập chiến đấu), tiêu diệt 52 tên địch, thu 16 súng. Riêng bà diệt 6 tên, thu 1 súng B41 và 3 AK.

Năm 1979, Hà Thị Sạn được rút lên làm trợ lý dân quân Huyện đội Hồng Ngự, vài năm sau bà nghỉ hưu theo chính sách, mang quân hàm Đại úy.

Bà Hà Thị Sạn được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tặng nhiều bằng khen và giấy khen. Ngày 20/12/1979, bà Hà Thị Sạn vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

## NGUYỄN PHƯỚC TÂN (1930 - 2007)



Nguyễn Phước Tân (tên gia đình là Nguyễn Văn Chấn, thường gọi Hai Tân), sinh năm 1930, quê làng Tân Khánh, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp).

Xuất thân từ một gia đình bản nông, có truyền thống yêu nước, nuôi giấu cán bộ hoạt động trong lòng địch, mới 15 tuổi, Hai Tân đã tích cực tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương. Năm 1947, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, ông hoạt động điệp báo ở Sài Gòn. Bằng sự mưu trí, dũng cảm, ông đã nhiều lần thoát khỏi sự truy lùng của địch, xây dựng được hàng trăm cơ sở bí mật (có cả cấp đại tá nguy), qua đó, nắm được tình hình, giúp cấp trên tổ chức nhiều trận đánh đạt kết quả.

Từ năm 1975 đến 1980, với trách nhiệm phụ trách công tác chống phản động ở địa bàn các tỉnh phía Nam, Nguyễn Phước Tân chỉ huy, chỉ đạo đơn vị và phối hợp với công an các địa phương khám phá hàng trăm vụ án phản động, góp phần bảo vệ an ninh trật tự ở các tỉnh phía Nam.

Năm 1981, Nguyễn Phước Tân trực tiếp phụ trách đơn vị K4/2, đi sâu nắm tình hình, hướng dẫn, chỉ đạo công an các địa phương khám phá hàng chục vụ án gián điệp, tình báo. Trong chỉ đạo đấu tranh, ông đã vận dụng nhiều biện pháp đánh địch độc đáo, phong phú, sáng tạo, lấy người của địch để đánh địch.

Trong vụ án Lê Quốc Túy, Mai Văn Hạnh (Kế hoạch phản gián CM12), ta chủ động điều động địch đến nơi ta đã chuẩn bị sẵn để bắt gọn, đưa người của ta vào hoạt động trong tổ chức địch; đồng thời, ứng phó kịp thời, có hiệu quả với nhiều âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo nguyệt của địch, buộc chúng làm theo ý đồ của ta.

Là người chỉ huy, Nguyễn Phước Tân không quản ngày đêm, mưa, đói khát, trực tiếp cùng đơn vị chiến đấu 20 trận, bắt gọn, tiêu diệt toàn bộ bọn gián điệp xâm nhập, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện và giành thắng lợi trọn vẹn. Đặc biệt xuất sắc là trận mở đầu (ngày 09/9/1981) và trận kết thúc vụ án K4/2 (ngày 09/9/1984) đã bắt gọn hầu hết các tên đầu sỏ nguy hiểm, tiêu diệt các tên ngoan cố chống cự. Ông đã chỉ huy đơn vị vừa chiến đấu, vừa thu hồi, vận chuyển, bảo quản hàng tấn vũ khí, chất nổ, tiền Việt Nam giả (do bọn phản động ở nước ngoài vận chuyển về nước bằng đường biển) một cách an toàn và bí mật, trong những điều kiện hết sức khó khăn, gian khổ (trong đêm tối, biển động, sóng gió, hàng nặng chìm sâu dưới biển...).

Ông đã hướng dẫn, chỉ đạo việc khai thác, cảm hóa, sử dụng số đối tượng bị bắt; trực tiếp xét hỏi những tên đầu sỏ, quan trọng; đã vận dụng một cách mưu trí nghiệp vụ xét hỏi nên hầu hết bọn chúng đều nhận tội, khai báo đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho ta đi sâu vào tổ chức của địch. Ông đã kiên trì giáo dục, cảm hóa buộc chúng phải làm việc cho ta, hoặc

tự giác lập công chuộc tội, giúp ta giành thắng lợi hoàn toàn trong vụ án quan trọng này.

Là người chỉ huy gương mẫu và dày dạn, bằng những kinh nghiệm sẵn có, Nguyễn Phước Tân đã kèm cặp, bồi dưỡng số cán bộ trình sát trong việc tạo vỏ bọc, thực hiện kế hoạch đi sâu vào tổ chức địch, sinh hoạt, ăn, ở với địch, chiếm được lòng tin của chúng. Các đối tượng được ông cảm hóa, giáo dục đánh trở lại, đều phát huy tác dụng tốt, tự giác chiến đấu lập công chuộc tội.

Ngoài ra, ông Hai Tân còn cùng cán bộ chiến sĩ trong đơn vị làm tốt việc chuẩn bị tư tưởng, củng cố thái độ, tâm lý cho hàng trăm đối tượng, xây dựng, củng cố hồ sơ, tội trạng... phục vụ cho phiên tòa xét xử vụ án CM12, được các cấp, các ngành khen ngợi, gây tiếng vang trong nước và trên thế giới.

Từ tháng 12/1987 đến tháng 4/1990, Nguyễn Phước Tân làm Trưởng đoàn chuyên gia của Bộ Nội vụ (Bộ Công an) Việt Nam giúp nước bạn Campuchia. Tháng 4/1991, ông làm Tổng Cục phó Tổng cục An ninh đến khi nghỉ hưu (tháng 6/1997).

Ông Nguyễn Phước Tân đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Quân công hạng Nhì, Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Ba. Tháng 8/1985, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân với thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## TRẦN VĂN THẾ

(1958 - 1978)



Trần Văn Thế, sinh năm 1958, quê xã Thanh Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi hy sinh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Trung sĩ, Trung đội trưởng, Đại đội 1, Tiểu đoàn 502 tỉnh Đồng Tháp.

Lúc 15 tuổi, Trần Văn Thế vào bộ đội, làm liên lạc; luôn có trách nhiệm cao, lanh lẹ, hoàn thành nhiệm vụ chuyển thư từ, công văn, dù đêm mưa, đường sá khó đi vẫn vượt qua đôn bót địch.

Chiến tranh biên giới Tây Nam diễn ra, Trần Văn Thế có mặt ở huyện Hồng Ngự, tham gia đánh địch 15 trận. Trung đội do Trần Văn Thế chỉ huy đã tiêu diệt và làm bị thương hàng trăm tên địch. Riêng Trần Văn Thế diệt 24 tên, bắn bị thương 9 tên, thu 7 súng (1 B40, 1 M79, 1 CKC, 4 AK), phá hủy 1 xuồng.

Trận đánh ngày 13/10/1978 ở Tân Hội, Trần Văn Thế chỉ huy 1 tiểu đội đánh thẳng vào hướng chính diện của địch. Địch bắn dữ dội, Trần Văn Thế bị thương nhưng vẫn tiếp tục chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh chiếm khu vực được giao.

Ngày 14/10/1978, địch dùng lực lượng đông đánh vào chốt của đơn vị. Trần Văn Thế chỉ huy trung đội đánh lui các đợt tấn công của chúng. Địch tháo chạy, anh dẫn đơn vị truy kích tiêu diệt 13 tên, thu 7 súng.

Trận đánh ngày 15/12/1978 tại Rọc Muống, Dút Gò Suông, xã Tân Công Chí, 1 tiểu đoàn địch bao vây tấn công nhiều mặt vào trận địa trung đội của Trần Văn Thế. Anh bình tĩnh chỉ huy đơn vị bám trụ chiến đấu. Đến 10 giờ, trận đánh càng quyết liệt, 2 đồng chí hy sinh. Đạn sắp hết, lại không liên lạc được với tiểu đoàn, Trần Văn Thế quyết định mở đường máu cho đơn vị rút lui. Một mình Trần Văn Thế ở lại với khẩu M79 và 2 khẩu AK, anh liên tục luân chuyển điểm bắn chặn địch. Bị thương lần thứ hai, anh vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, hủy súng rồi hy sinh.

Tấm gương dũng cảm phi thường của Trần Văn Thế làm địch khiếp sợ, đồng đội cảm phục, tiếc thương, khi tuổi đời của anh mới được 20.

Trần Văn Thế đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất. Ngày 20/12/1979, Trần Văn Thế được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.



**DANH SÁCH**  
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP**  
**QUA CÁC THỜI KỲ (1975 - 2000)**

**I- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH SA ĐÉC (1975 - 1976)**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Tên thường dùng</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Trần Anh Điền	Tám Bé	Bí thư
2	Nguyễn Thế Hữu	Tư Hữu	Phó Bí thư
3	Nguyễn Xuân Trường	Mười Nhẹ	Phó Bí thư
4	Nguyễn Khắc Thận	Chín Hương	Ủy viên Thường vụ
5	Nguyễn Thành Thị	Chín Minh	Ủy viên Thường vụ
6	Lê Văn Sa	Tư Sa	Ủy viên Thường vụ
7	Huỳnh Văn Thuởng	Năm Thảo	Ủy viên Thường vụ
8	Nguyễn Văn Nhượng	Năm Nhượng	Ủy viên Thường vụ
9	Bùi Quang Thạnh	Mười Thạnh	Ủy viên Thường vụ
10	Võ Ngọc Đồng	Chín Nghĩa	Ủy viên Thường vụ
11	Nguyễn Thanh Khê	Sáu Cầm	Ủy viên Thường vụ
12	Nguyễn Văn Thọ	Ba Sĩ	Tỉnh ủy viên
13	Lê Thị Huệ	Năm Vạn	Tỉnh ủy viên
14	Võ Thái Hòa	Thái Hòa	Tỉnh ủy viên

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
15	Hồ Trung So	Tư So	Tỉnh ủy viên
16	Văn Phước An	Ba An	Tỉnh ủy viên
17	Phan Lương Trực	Bảy Trực	Tỉnh ủy viên
18	Đình Phước Hải	Nam Sơn	Tỉnh ủy viên
19	Ngô Quang Tựu	Năm Vinh	Tỉnh ủy viên
20	Lê Thị Tiệp	Năm Mai	Tỉnh ủy viên
21	Lê Ngọc Bửu	Trần Hựu	Tỉnh ủy viên
22	Phan Hữu Lập	Sáu Lập	Tỉnh ủy viên
23	Phạm Hồng Dân	Ba Dân	Tỉnh ủy viên
24	Võ Thành Long	Tư Tài	Tỉnh ủy viên
25	Đoàn Minh Ngọc	Sáu Thượng	Tỉnh ủy viên
26	Nguyễn Văn Triệu	Mười Ái	Tỉnh ủy viên
27	Phạm Văn Thành	Hai Hồn	Tỉnh ủy viên
28	Nguyễn Văn Tuệ	Sáu Chánh	Tỉnh ủy viên
29	Võ Văn Liêu	Lê Hiếu	Tỉnh ủy viên
30	Võ Văn Tám	Chí Công	Tỉnh ủy viên
31	Phạm Văn Trọng	Ba Trọng	Tỉnh ủy viên
32	Lý Văn Thọ	Hai Ốm	Tỉnh ủy viên
33	Nguyễn Thanh Phong	Bảy Phong	Tỉnh ủy viên
34	Huỳnh Thanh Bê	Thanh Hùng	Tỉnh ủy viên
35	Nguyễn Bá Diệp	Hai Cao	Tỉnh ủy viên
36	Lê Quang Bi	Chín Vũ	Tỉnh ủy viên
37	Võ Văn Dánh	Tư Hiếu	Tỉnh ủy viên

**II- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA I  
(1977 - 1980)**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Tên thường dùng</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Trần Anh Điền	Tám Bé	Bí thư
2	Nguyễn Thế Hữu	Tư Hữu	Phó Bí thư Thường trực
3	Nguyễn Xuân Trường	Mười Nhẹ	Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nguyễn Thành Thị	Chín Minh	Ủy viên Thường vụ - Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự
5	Bùi Quang Thạnh	Mười Thạnh	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
6	Nguyễn Thanh Khê	Sáu Cầm	Ủy viên Thường vụ - Bí thư Thị ủy Sa Đéc
7	Nguyễn Khắc Thận	Chín Hương	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy/Nghiên cứu lịch sử Đảng
8	Võ Thái Hòa	Thái Hòa	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ty Công an
9	Võ Văn Liêu	Lê Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch thứ hai Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Lê Văn Sa	Tư Sa	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Tỉnh ủy

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
11	Nguyễn Thanh Phong	Bảy Phong	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch thứ nhất Ủy ban nhân dân tỉnh
12	Lê Quang Vũ	Chín Vũ	Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
13	Lê Thị Huệ	Năm Vạn	Tỉnh ủy viên - Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh
14	Hồ Trung So	Tư So	Tỉnh ủy viên - Thư ký Nông hội tỉnh
15	Phan Hữu Lập	Sáu Lập	Tỉnh ủy viên - Bí thư Tỉnh Đoàn
16	Nguyễn Văn Thọ	Ba Sĩ	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
17	Lê Ngọc Bửu	Trần Hựu	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch thứ tư Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách văn hóa - xã hội
18	Phạm Hồng Dân	Ba Dân	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Tài chính
19	Phạm Văn Thành	Hai Hớn	Tỉnh ủy viên - Trưởng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
20	Huỳnh Thanh Bê	Thanh Hùng	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tam Nông

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
21	Võ Văn Dánh	Tư Hiếu	Tỉnh ủy viên - Phó ty Công an
22	Võ Ngọc Đồng	Chín Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Châu Thành
23	Nguyễn Bá Diệp	Hai Cao	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Thông tin - Văn hóa
24	Đình Phước Hải	Nam Sơn	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch thứ ba Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách giao thông vận tải, bưu điện, xây dựng
25	Đoàn Minh Ngọc	Sáu Thượng	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Thương nghiệp
26	Võ Văn Tám	Chí Công	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra
27	Lê Quang Viễn	Bảy Viễn	Tỉnh ủy viên - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
28	Nguyễn Văn Tuệ	Sáu Chánh	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Nông nghiệp
29	Phạm Văn Trọng	Ba Trọng	Tỉnh ủy viên - Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
30	Ngô Quang Tụ	Năm Vinh	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Lương thực
31	Nguyễn Văn Triệu	Mười Ái	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Tỉnh ủy

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
32	Võ Thành Long	Tư Tài	Tỉnh ủy viên - Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
33	Lê Thị Tiệp	Năm Mai	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Thương binh - Xã hội
34	Đặng Việt Mai <sup>1</sup>	Năm Việt Mai	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
35	Lê Hòa	Ba Hòa	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
36	Thái Văn Bàng	Hữu Chí	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
37	Hồ Văn Tốt	Hai Tốt	Tỉnh ủy viên - Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
38	Võ Hồng Nhân <sup>2</sup>	Hồng Nhân	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
39	Cao Văn Gọn	Bảy Gọn	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Trưởng ty Thủy lợi
40	Nguyễn Văn Tần	Tám My	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Bí thư Huyện ủy Lấp Vò

1. Năm 1978, đồng chí Đặng Việt Mai được điều về làm Phó Giám đốc Công an tỉnh.

2. Trong nhiệm kỳ này, đồng chí Võ Hồng Nhân được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (tháng 7/1978).

**III- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA II  
(1981 - 1982)**

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
1	Trần Anh Điền	Tám Bé	Bí thư
2	Nguyễn Thế Hữu	Tư Hữu	Phó Bí thư Thường trực
3	Nguyễn Xuân Trường	Mười Nhẹ	Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Bùi Quang Thạnh	Mười Thạnh	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5	Nguyễn Thanh Phong	Bảy Phong	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách tài - mậu
6	Võ Văn Liêu	Lê Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
7	Nguyễn Thành Thị	Chín Minh	Ủy viên Thường vụ - Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự
8	Lê Văn Sa	Tư Sa	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
9	Lê Quang Viễn	Bảy Viễn	Ủy viên Thường vụ - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	Võ Thái Hòa	Thái Hòa	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Công an tỉnh

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
11	Lê Quang Vũ	Chín Vũ	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
12	Võ Văn Đánh	Tư Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy
13	Huỳnh Thanh Bê	Thanh Hùng	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách nông nghiệp
14	Lê Hòa	Ba Hòa	Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
15	Lý Văn Thọ	Hai Ốm	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
16	Nguyễn Văn Thọ	Ba Sĩ	Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Khoa giáo Tỉnh ủy
17	Nguyễn Nam	Năm Nam	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
18	Nguyễn Cao Siêu	Ba Siêu	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
19	Võ Hồng Nhân	Hồng Nhân	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Nông nghiệp tỉnh



STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
20	Văn Phước An	Ba An	Tỉnh ủy viên - Thư ký Công đoàn tỉnh
21	Võ Xuân Nghĩa	Xuân Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Tỉnh Đoàn
22	Nguyễn Thị Nhí	Sáu Nhí	Tỉnh ủy viên - Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh
23	Hồ Trung So	Tư So	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Nông dân tập thể tỉnh
24	Đặng Việt Mai	Năm Việt Mai	Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Công an tỉnh
25	Hồ Văn Tốt	Hai Tốt	Tỉnh ủy viên - Phó Chỉ huy trưởng chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
26	Võ Văn Tám	Chí Công	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra
27	Đình Phước Hải	Nam Sơn	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Tài chính
28	Phan Hữu Lập	Sáu Lập	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Thương nghiệp
29	Nguyễn Văn Tuội	Sáu Chánh	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Lương thực

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
30	Võ Thành Nghĩa	Ba Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
31	Phạm Hồng Dân	Ba Dân	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Giao thông vận tải
32	Nguyễn Văn Trước	Sáu Trước	Tỉnh ủy viên - Giám đốc ty Điện lực
33	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tám Mến	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Công nghiệp
34	Nguyễn Đắc Hiền	Mười Long	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Văn hóa - Thông tin
35	Lê Thị Tiệp	Năm Mai	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Thương binh - Xã hội
36	Nguyễn Trung Cang	Ba Cang	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Nông nghiệp
37	Lê Minh Triết	Năm Triết	Tỉnh ủy viên - Phó ty Nông nghiệp
38	Nguyễn Văn Quý	Năm Quý	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Khoa học - kỹ thuật tỉnh
39	Cao Văn Gọn	Bảy Gọn	Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Thủy lợi
40	Phạm Văn Thành	Hai Hớn	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tháp Mười

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
41	Lê Văn Thống	Năm Châu	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thạnh Hưng
42	Lê Văn Còn	Ba Mai	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Sa Đéc
43	Võ Ngọc Đồng	Chín Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Châu Thành
44	Nguyễn Trọng Đàm	Ba Đàm	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách văn hóa - xã hội
45	Võ Minh Soi	Ba Hồng	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách công nghiệp

#### IV- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA III (1983 - 1986)

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
1	Trần Anh Điền	Tám Bé	Bí thư
2	Nguyễn Thế Hữu	Tư Hữu	Phó Bí thư Thường trực
3	Nguyễn Xuân Trường	Mười Nhẹ	Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
4	Bùi Quang Thạnh	Mười Thạnh	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5	Võ Văn Dánh	Tư Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Trưởng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
6	Nguyễn Thanh Phong	Bảy Phong	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách tài - mậu
7	Võ Văn Liêu	Lê Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách nông nghiệp
8	Võ Thái Hòa	Thái Hòa	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Sở Công an
9	Lê Quang Viễn	Bảy Viễn	Ủy viên Thường vụ - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	Lê Quang Vũ	Chín Vũ	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
11	Lê Văn Sa	Tư Sa	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
12	Nguyễn Cao Siêu	Ba Siêu	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
13	Phạm Hồng Dân	Ba Dân	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng
14	Lê Hòa	Ba Hòa	Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
15	Lý Văn Thọ	Hai Ốm	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
16	Nguyễn Nam	Năm Nam	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
17	Nguyễn Văn Thọ	Ba Sĩ	Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Khoa giáo
18	Võ Hồng Nhân	Hồng Nhân	Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Nông nghiệp
19	Nguyễn Thị Nhỏ	Sáu Nhỏ	Tỉnh ủy viên - Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh
20	Võ Xuân Nghĩa	Xuân Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Tỉnh Đoàn
21	Trần Thanh Hữu	Hiền Hữu	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
22	Đặng Việt Mai	Năm Việt Mai	Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Sở Công an
23	Phan Văn Đấu	Năm Đấu	Tỉnh ủy viên - Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
24	Võ Văn Tám	Chí Công	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh
25	Võ Thành Nghĩa	Ba Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
26	Nguyễn Trọng Đàm	Ba Đàm	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách văn hóa - xã hội
27	Nguyễn Văn Quý	Năm Quý	Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Khoa học - kỹ thuật
28	Nguyễn Trung Cang	Ba Cang	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Nông nghiệp
29	Võ Minh Soi	Ba Hồng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Thủy lợi
30	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tám Mến	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Công nghiệp
31	Đình Phước Hải	Nam Sơn	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Tài chính

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
32	Phan Hữu Lập	Sáu Lập	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Công ty Liên hiệp Xuất nhập khẩu
33	Nguyễn Tấn Khánh	Ba Khánh	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Thương nghiệp
34	Nguyễn Đắc Hiền	Mười Long	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
35	Lê Thị Tiệp	Năm Mai	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Thương binh - Xã hội
36	Nguyễn Văn Tuội	Sáu Chánh	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Lương thực
37	Phan Văn Hưởng	Út Hưởng	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự
38	Nguyễn Văn Thương	Hai Thương	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thanh Bình
39	Nguyễn Văn Tho	Phan Khôi	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
40	Phạm Văn Thành	Hai Hớn	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tháp Mười
41	Lê Minh Châu	Năm Châu	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thạnh Hưng
42	Lê Văn Còn	Ba Mai	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Sa Đéc

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
43	Võ Ngọc Đồng	Chín Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Châu Thành
44	Lê Văn Thôi	Tư Thôi	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Bí thư Huyện ủy Tam Nông
45	Võ Hưng Thông	Chín Thông	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Thư ký Công đoàn tỉnh

#### V- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA IV (1986 - 1992)<sup>1</sup>

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
1	Nguyễn Thế Hữu	Tư Hữu	Bí thư
2	Võ Hồng Nhân	Hồng Nhân	Phó Bí thư Thường trực
3	Nguyễn Thanh Phong	Bảy Phong	Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Bùi Quang Thạnh	Mười Thạnh	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5	Võ Văn Dánh	Tư Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

1. Kỷ luật bằng hình thức cách chức Tỉnh ủy viên trong nhiệm kỳ này đối với các đồng chí: Nguyễn Tấn Khánh, Phạm Thanh Sơn (ngày 09/11/1987), Nguyễn Nam (ngày 20/11/1991), Nguyễn Văn Nghinh (ngày 10/3/1993); khai trừ khỏi Đảng đối với các đồng chí: Mao Hồng Phước, Mai Thanh Hùng (ngày 02/7/1994).



STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
6	Lê Quang Vũ	Chín Vũ	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
7	Phan Hữu Lập	Sáu Lập	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
8	Nguyễn Cao Siêu	Ba Siêu	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
9	Võ Thái Hòa	Thái Hòa	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Công an tỉnh
10	Lê Quang Viễn	Bảy Viễn	Ủy viên Thường vụ - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
11	Võ Văn Liêu	Lê Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách nông nghiệp
12	Nguyễn Văn Tho	Phan Khôi	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh
13	Lê Văn Thôi	Tư Thôi	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Sở Nông nghiệp
14	Lê Minh Châu	Năm Châu	Ủy viên Thường vụ - Bí thư Huyện ủy Thạnh Hưng

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
15	Võ Văn Tám	Chí Công	Ủy viên Thường vụ - Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh
16	Đình Phước Hải	Nam Sơn	Ủy viên Thường vụ - Trưởng đoàn chuyên gia
17	Bùi Công Hiếu	Tư Chóng	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Châu Thành
18	Nguyễn Đắc Hiền	Mười Long	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
19	Lê Văn Còn	Ba Mai	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Sa Đéc
20	Nguyễn Văn Quý	Năm Quý	Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Khoa học - kỹ thuật
21	Nguyễn Văn Ngoạt	Sáu Hải	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tháp Mười
22	Phan Văn Hưởng <sup>1</sup>	Út Hưởng	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự
23	Nguyễn Nam	Năm Nam	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
24	Nguyễn Trọng Đàm	Ba Đàm	Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
25	Đặng Việt Mai	Năm Việt Mai	Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Sở Thủy sản

1. Ngày 10/3/1993, đồng chí Phan Văn Hưởng bị kỷ luật bằng hình thức cách chức Tỉnh ủy viên.

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
26	Nguyễn Bình	Tư Bình	Tỉnh ủy viên - Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
27	Võ Thành Nghĩa	Ba Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách công nghiệp
28	Võ Xuân Nghĩa	Xuân Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách văn hóa - xã hội
29	Nguyễn Văn Thương	Hai Thương	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thanh Bình
30	Nguyễn Huỳnh Vũ	Tám Vũ	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh
31	Nguyễn Tấn Khánh	Ba Khánh	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách lưu thông
32	Ngô Phú Thọ	Bảy Thọ	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
33	Võ Quốc Trung	Quốc Trung	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Cao Lãnh
34	Phạm Thanh Sơn	Tư Sơn	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Thương nghiệp

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
35	Võ Hưng Thông	Chín Thông	Tỉnh ủy viên - Thư ký Công đoàn tỉnh
36	Nguyễn Đắc Lộc	Út Lộc	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Tài chính
37	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tám Mến	Tỉnh ủy viên - Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
38	Trần Bá Kỳ	Tám Kỳ	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Công nghiệp
39	Nguyễn Thị Nhi	Sáu Nhi	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Thương binh - Xã hội
40	Lý Văn Thọ	Hai Ốm	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
41	Trần Thanh Hữu	Hiền Hữu	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Nông dân tập thể tỉnh
42	Nguyễn Trung Cang	Ba Cang	Tỉnh ủy viên - Trưởng ban Nông nghiệp tỉnh
43	Nguyễn Thị Hạnh	Tư Hạnh	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
44	Võ Hùng Dũng	Dũng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Công ty Liên hiệp Xuất nhập khẩu

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
45	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Bảy Diệp	Tỉnh ủy viên - Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh
46	Mao Hồng Phước	Ba Phước	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Thủy lợi
47	Nguyễn Quốc Cường <sup>1</sup>	Mười Cường	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Chỉ huy trưởng/ Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
48	Trương Ngọc Hân <sup>2</sup>	Sáu Hân	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự
49	Nguyễn Thanh Tùng	Thanh Tùng	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
50	Nguyễn Văn Nghinh	Tư Nghinh	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông
51	Nguyễn Hải Quân	Hải Quân	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Bí thư Tỉnh Đoàn

1, 2. Trong nhiệm kỳ, đồng chí Nguyễn Quốc Cường và đồng chí Trương Ngọc Hân được bầu làm Tỉnh ủy viên chính thức (ngày 07/9/1988).

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
52	Đình Văn Khum	Tư Khum	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Ủy viên Thư ký Hội đồng nhân dân tỉnh
53	Thái Văn Vinh	Thái Vinh	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp
54	Lê Thị Chí Phượng	Chí Phượng	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Chủ nhiệm Liên hiệp xã
55	Nguyễn Văn Be	Ba Be	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Giám đốc Công an tỉnh
56	Nguyễn Thanh Long	Sáu Long	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải
57	Mai Thanh Hùng	Thanh Hùng	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Giám đốc Sở Thương nghiệp
58	Võ Hoài Việt	Hoài Việt	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Phó Chỉ huy trưởng lực lượng An ninh nhân dân
59	Hồ Minh Bạch	Bạch	Tỉnh ủy viên dự khuyết - Bí thư xã Mỹ Tân

**VI- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA V  
(1992 - 1996)<sup>1</sup>**

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
1	Võ Hồng Nhân	Hồng Nhân	Bí thư
2	Bùi Quang Thạnh	Mười Thạnh	Phó Bí thư Thường trực
3	Lê Minh Châu	Năm Châu	Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Lý Văn Thọ	Hai Ốm	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
5	Nguyễn Đắc Hiền	Mười Long	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
6	Thái Hữu Chí	Hữu Chí	Ủy viên Thường vụ - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
7	Nguyễn Văn Thọ	Phan Khôi	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
8	Võ Văn Liêu	Lê Hiếu	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ

1. Trong nhiệm kỳ, bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với đồng chí Nguyễn Sơn Tùng (ngày 16/8/1994); bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với các đồng chí: Đào Ngọc Ẩn, Trần Kim Dung, Đỗ Minh Đạo, Huỳnh Minh Đoàn, Tống Anh Hào, Cù Quang Hải, Phan Văn Hoa, Lê Hữu Huệ, Lê Văn Khôi (ngày 11/6/1994).

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
9	Phan Hữu Lập	Sáu Lập	Ủy viên Thường vụ - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
10	Lê Quang Viễn	Bảy Viễn	Ủy viên Thường vụ - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
11	Nguyễn Văn Ngoạt	Sáu Hải	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Công an tỉnh
12	Lê Văn Thôi	Tư Thôi	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Sở Nông nghiệp
13	Ngô Phú Thọ	Bảy Thọ	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
14	Nguyễn Sơn Tùng	Sơn Tùng	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
15	Nguyễn Trọng Đàm	Ba Đàm	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Trường Chính trị tỉnh
16	Nguyễn Thị Hạnh	Tư Hạnh	Tỉnh ủy viên - Bí thư Đảng ủy Liên cơ tỉnh
17	Nguyễn Hải Quân	Hải Quân	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình tỉnh
18	Trần Thanh Hữu	Hiền Hữu	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
19	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Bảy Diệp	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh



STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
20	Đoàn Thị Thu Hai	Thu Hai	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
21	Nguyễn Thanh Tâm		Tỉnh ủy viên - Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
22	Võ Hoài Việt	Hoài Việt	Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Công an tỉnh
23	Phạm Văn Kha	Năm Kha	Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Công an tỉnh
24	Nguyễn Ngọc Tuấn	Tám Mến	Tỉnh ủy viên - Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh
25	Đình Văn Khum	Tư Khum	Tỉnh ủy viên - Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
26	Phạm Minh Thành	Sáu Thành	Tỉnh ủy viên - Chánh Thanh tra tỉnh
27	Võ Xuân Nghĩa	Xuân Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
28	Võ Thành Nghĩa	Ba Nghĩa	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
29	Nguyễn Trung Cang	Ba Cang	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Khoa học công nghệ - Môi trường
30	Huỳnh Thanh Hùng		Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Nông nghiệp
31	Lê Văn Còn	Ba Mai	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã tỉnh

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
32	Nguyễn Thanh Long	Sáu Long	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
33	Nguyễn Thanh Tùng	Thanh Tùng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
34	Lê Vũ Hùng	Vũ Hùng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo
35	Trần Thị Đào	Đào	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Công ty Dược phẩm tỉnh
36	Huỳnh Văn Sáng	Sáng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
37	Trương Ngọc Hân	Sáu Hân	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự
38	Nguyễn Văn Thương	Hai Thương	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thanh Bình
39	Võ Quốc Trung	Quốc Trung	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
40	Võ Hồng Tâm	Mười Tâm	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
41	Võ Trung Chính	Trung Chính	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
42	Bùi Công Hiếu	Tư Chóng	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Châu Thành

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
43	Nguyễn Văn Thanh	Bảy Thanh	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
44	Tống Anh Hào	Anh Hào	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Sa Đéc
45	Lê Văn Khôi	Lê Khôi	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Cao Lãnh
46	Đào Ngọc Ẩn	Tư Ẩn	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tân Hồng
47	Phan Văn Hoa	Út Hoa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thanh Bình
48	Đỗ Minh Đạo	Mười Kiệt	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy
49	Cù Quang Hải	Mười Hải	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
50	Huỳnh Minh Đoàn	Hai Đoàn	Tỉnh ủy viên - Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
51	Trần Kim Dung	Kim Dung	Tỉnh ủy viên - Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh
52	Lê Hữu Huệ	Huệ	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Chính trị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

## VII- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA VI (1996 - 2000)<sup>1</sup>

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
1	Võ Hồng Nhân	Hồng Nhân	Bí thư
2	Trương Vĩnh Trọng	Hai Nghĩa	Bí thư
3	Ngô Phú Thọ	Bảy Thọ	Phó Bí thư Thường trực
4	Lê Minh Châu	Năm Châu	Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trong nhiệm kỳ, đồng chí Võ Hồng Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy được điều động về Trung ương, giữ chức Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (tháng 11/1997), đồng chí Lê Minh Châu được Bộ Chính trị chuẩn y chức Bí thư Tỉnh ủy (tháng 3/1998); bầu bổ sung 2 Phó Bí thư Tỉnh ủy: đồng chí Nguyễn Đắc Hiền, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy và đồng chí Ngô Phú Thọ, Phó Bí thư Tỉnh ủy/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (tháng 4/1998); chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với đồng chí Đoàn Văn Hồng, Bí thư Ban cán sự Đảng/Giám đốc Sở Y tế (tháng 8/1999) và đồng chí Võ Hoàng Vũ, Bí thư Huyện ủy Tam Nông (tháng 8/1999); Bộ Chính trị phân công đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp (tháng 7/2000), chuẩn y đồng chí Huỳnh Minh Đoàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh giữ chức Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy (tháng 8/2000).

Kỷ luật bằng hình thức cách chức Bí thư Tỉnh ủy đối với đồng chí Lê Minh Châu (ngày 20/6/2000); cách chức Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với đồng chí Ngô Phú Thọ (ngày 20/6/2000); cách chức Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với đồng chí Lê Văn Thôi (ngày 16/6/2000).

Đến ngày 17/11/2000, quyết định cho thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với 2 đồng chí: Lê Minh Châu và Ngô Phú Thọ.

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
5	Võ Trung Chính	Trung Chính	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
6	Võ Quốc Trung	Quốc Trung	Ủy viên Thường vụ - Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
7	Nguyễn Văn Tho	Phan Khôi	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy
8	Nguyễn Đắc Hiền	Mười Long	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
9	Nguyễn Văn Ngoạt	Sáu Hải	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Công an tỉnh
10	Lê Văn Thôi	Tư Thôi	Ủy viên Thường vụ - Giám đốc Sở Nông nghiệp
11	Huỳnh Minh Đoàn	Hai Đoàn	Ủy viên Thường vụ - Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
12	Nguyễn Sơn Tùng	Sơn Tùng	Ủy viên Thường vụ - Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy
13	Trương Ngọc Hân	Sáu Hân	Ủy viên Thường vụ - Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự
14	Võ Xuân Nghĩa	Xuân Nghĩa	Ủy viên Thường vụ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
15	Đào Ngọc Ẩn	Tư Ẩn	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tân Hồng
16	Nguyễn Trung Cang	Ba Cang	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Khoa học công nghệ - Môi trường
17	Trần Thị Đào	Đào	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Công ty Dược phẩm tỉnh
18	Vũ Anh Đào		Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp
19	Đỗ Minh Đạo	Mười Kiệt	Tỉnh ủy viên - Chánh Thanh tra tỉnh
20	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Bảy Diệp	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh
21	Nguyễn Văn Đương	Út Đương	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
22	Đoàn Thị Thu Hai	Thu Hai	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh
23	Cù Quang Hải	Mười Hải	Tỉnh ủy viên - Bí thư Đảng ủy Liên cơ
24	Tống Anh Hào	Anh Hào	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Sa Đéc
25	Bùi Công Hiếu	Tư Chóng	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Châu Thành

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
26	Phan Văn Hoa	Út Hoa	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thanh Bình
27	Lê Hữu Huệ	Huệ	Tỉnh ủy viên - Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
28	Lê Vũ Hùng	Vũ Hùng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo
29	Lê Văn Khôi	Lê Khôi	Tỉnh ủy viên - Bí thư Thị ủy Cao Lãnh
30	Đình Văn Khum	Tư Khum	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy
31	Nguyễn Văn Lệ	Út Lệ	Tỉnh ủy viên - Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
32	Nguyễn Thanh Long	Sáu Long	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
33	Nguyễn Hoàng Minh		Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Tháp Mười
34	Võ Trọng Nghĩa		Tỉnh ủy viên - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
35	Lê Văn Nguyễn		Tỉnh ủy viên - Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh
36	Phạm Văn On	Hai On	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Lai Vung

STT	Họ và tên	Tên thường dùng	Chức vụ
37	Nguyễn Thanh Phú	Sáu Vũ	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Thạnh Hưng
38	Trần Thành Quang		Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư
39	Nguyễn Hải Quân	Hải Quân	Tỉnh ủy viên - Chủ nhiệm Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
40	Huỳnh Văn Săng	Săng	Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
41	Võ Hồng Tâm	Mười Tâm	Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh
42	Trương Minh Thái	Bảy Thái	Tỉnh ủy viên - Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh
43	Nguyễn Văn Thanh	Bảy Thanh	Tỉnh ủy viên - Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy
44	Nguyễn Thành Thơ		Tỉnh ủy viên - Bí thư Tỉnh Đoàn
45	Nguyễn Thanh Tùng	Thanh Tùng	Tỉnh ủy viên - Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin
46	Võ Hoài Việt	Hoài Việt	Tỉnh ủy viên - Phó Giám đốc Công an tỉnh



**CHÂN DUNG CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY**



**TRẦN ANH ĐIỀN**  
(1976 - 1986)



NGUYỄN THẾ HỮU  
(1986 - 1992)



VÕ HỒNG NHÂN  
(1992 - 1997)



LÊ MINH CHÂU  
(3/1998 - 6/2000)



TRƯƠNG VĨNH TRỌNG  
(7/2000 - 4/2001)

## ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP

TỔNG SỐ	Số xã	Số phường, thị trấn	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Dân số trung bình (người)	Mật độ dân số (người/km <sup>2</sup> )
	120	19	3.238	1.588.756	491
Thị xã Cao Lãnh	7	6	97	143.946	1.484
Thị xã Sa Đéc	4	4	58	98.222	1.694
Huyện Tân Hồng	8	1	292	77.503	256
Huyện Hồng Ngự	15	1	325	214.132	659
Huyện Tam Nông	11	1	459	94.426	206
Huyện Thanh Bình	12	1	329	154.577	470
Huyện Tháp Mười	12	1	518	122.229	236
Huyện Cao Lãnh	17	1	462	196.536	425
Huyện Lấp Vò	12	1	244	173.017	709
Huyện Lai Vung	11	1	220	156.455	711
Huyện Châu Thành	11	1	234	157.713	674

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp: *Niên giám thống kê năm 2000*.

## SỐ LIỆU VỀ NGÀNH GIÁO DỤC 10 NĂM SAU GIẢI PHÓNG

### I- TRƯỜNG HỌC, LỚP HỌC PHỔ THÔNG

Năm học	Trường học		Lớp học	
	Phổ thông cơ sở	Phổ thông trung học	Phổ thông cơ sở	Phổ thông trung học
1976-1977	...	...	...	...
1977-1978	125	10	423	108
1978-1979	115	10	2.233	110
1979-1980	126	10	4.356	121
1980-1981	133	10	4.554	125
1981-1982	139	10	5.225	137
1982-1983	153	10	5.784	145
1983-1984	169	11	6.227	164
1984-1985	192	12	6.564	200
1985-1986	202	13	6.927	244

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp: *Niên giám thống kê năm 1985*.

## II- GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG (SỐ TRỰC TIẾP GIẢNG DẠY)

Năm học	Tổng số	Phổ thông cơ sở		Phổ thông trung học	
		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ
1976-1977	3.732	3.622	2.281	110	38
1977-1978	4.273	4.041	2.505	232	75
1978-1979	4.245	4.043	2.613	202	78
1979-1980	4.500	4.280	3.079	220	84
1980-1981	4.813	4.571	2.999	242	73
1981-1982	5.735	5.438	2.278	297	83
1982-1983	4.749	4.408	2.515	341	102
1983-1984	6.063	5.702	3.023	361	139
1984-1985	7.215	6.822	4.037	393	158
1985-1986	7.920	7.473	3.834	447	182

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp: *Niên giám thống kê năm 1985*.

## III- HỌC SINH PHỔ THÔNG

Năm học	Tổng số	Phổ thông cơ sở		Phổ thông trung học	
		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ
1976-1977	169.994	164.352	80.532	5.642	2.651
1977-1978	178.768	174.617	82.070	4.151	2.071
1978-1979	160.354	156.203	81.347	4.151	2.071
1979-1980	189.503	184.815	88.624	4.688	2.313



Năm học	Tổng số	Phổ thông cơ sở		Phổ thông trung học	
		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ
1980-1981	204.489	199.248	101.615	5.241	2.516
1981-1982	216.405	211.327	109.727	5.078	2.315
1982-1983	223.727	217.262	88.981	6.465	2.618
1983-1984	233.174	225.715	102.871	7.459	3.053
1984-1985	247.029	237.466	116.276	9.563	4.622
1985-1986	263.462	251.848	113.767	11.614	4.836

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp: *Niên giám thống kê năm 1985*.

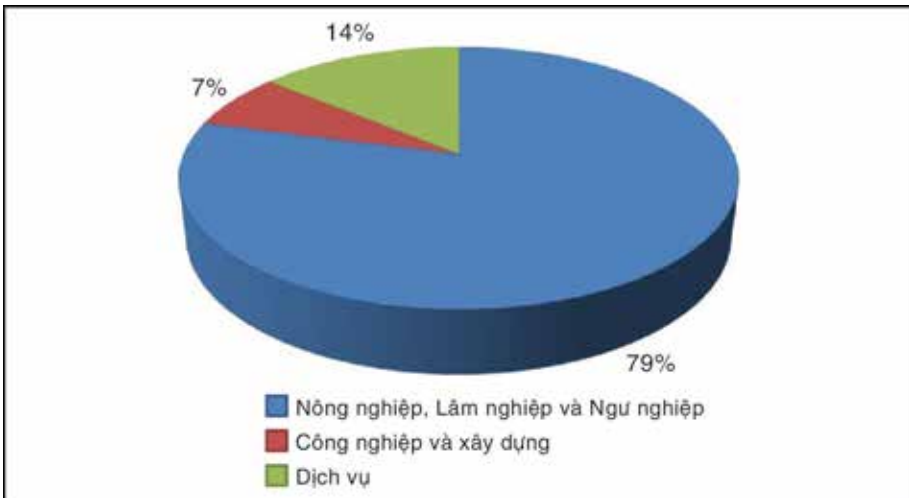
#### IV- MẪU GIÁO

Năm học	Số lớp học	Số giáo viên	Học sinh	
			Tổng số	Trong đó nữ
1976-1977	...	...	...	...
1977-1978	159	176	4.587	2.339
1978-1979	213	234	5.819	3.045
1979-1980	330	413	11.317	6.442
1980-1981	381	428	10.919	5.956
1981-1982	425	471	13.638	7.228
1982-1983	373	367	12.177	6.316
1983-1984	469	455	13.351	7.000
1984-1985	466	514	12.911	6.247
1985-1986	572	619	15.922	8.203

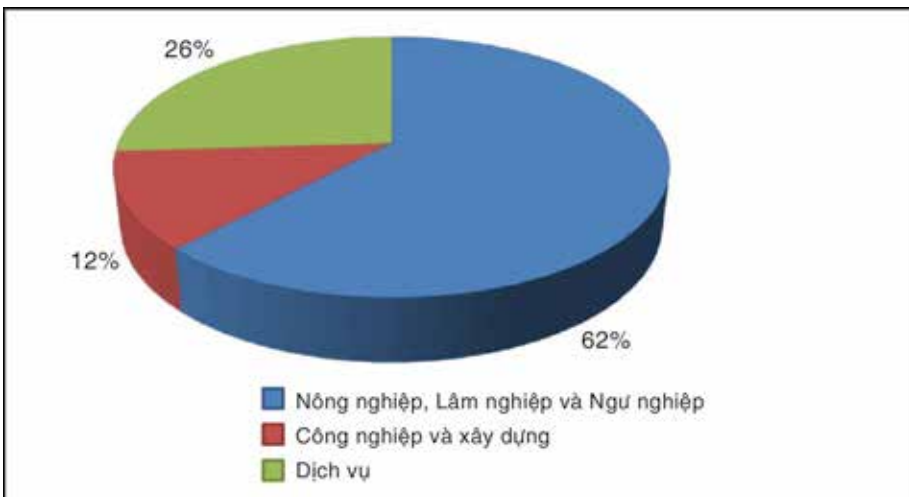
Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp: *Niên giám thống kê năm 1985*.

## CƠ CẤU GIÁ TRỊ TỔNG SẢN PHẨM TỈNH ĐỒNG THÁP

**NĂM 1990**



**NĂM 2000**

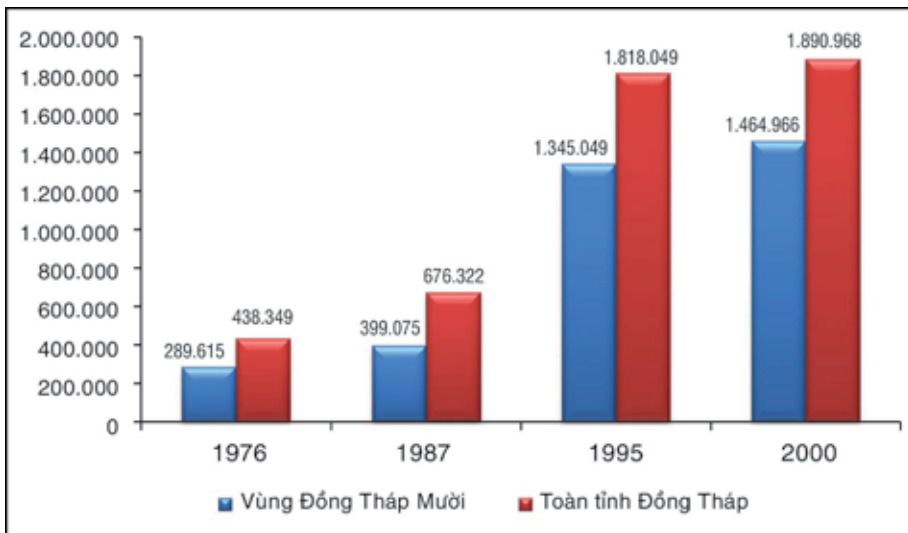


Nguồn: Tạ Quang Trung: “Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lãnh đạo phát triển nông nghiệp vùng Đồng Tháp Mười từ năm 1986 đến năm 2000”, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2014.

## BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI SO VỚI TOÀN TỈNH ĐỒNG THÁP QUA CÁC NĂM

Đơn vị: tấn

	1976	1987	1995	2000
<b>Vùng Đồng Tháp Mười</b>	289.615	399.075	1.345.049	1.464.966
<b>Toàn tỉnh Đồng Tháp</b>	438.349	676.322	1.818.049	1.890.968



Nguồn: Tạ Quang Trung: “Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lãnh đạo phát triển nông nghiệp vùng Đồng Tháp Mười từ năm 1986 đến năm 2000”, *Tlđđ*.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời giới thiệu</i>	7
<i>Chương I</i>	
<b>ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC</b> (1975 - 1985)	13
<b>I- Đồng Tháp sau ngày giải phóng (30/4/1975 - 1976)</b>	13
1. Những thuận lợi và khó khăn của tỉnh khi chuyển sang nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa	13
2. Các cấp ủy đảng trong tỉnh lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sau giải phóng	17
<b>II- Xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1980)</b>	34
1. Sắp xếp ổn định tổ chức bộ máy, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị	34
2. Bước đầu cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển kinh tế	54

3. Phát triển văn hóa và thực hiện chính sách xã hội	70
4. Củng cố quốc phòng - an ninh, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc	82
<b>III- Cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tiến công khai thác Đồng Tháp Mười (1980 - 1985)</b>	98
1. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước tìm tòi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế	98
2. Lãnh đạo điều chỉnh địa giới hành chính, đẩy mạnh khai thác Đồng Tháp Mười	122
3. Xây dựng, phát triển văn hóa - xã hội	134
4. Củng cố quốc phòng - an ninh, tiếp tục giúp đỡ cách mạng Campuchia	157
5. Củng cố xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	178

## *Chương II*

<b>ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (1986 - 1995)</b>	189
--	-----

<b>I- Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới toàn diện (1986 - 1990)</b>	189
1. Tình hình, nhiệm vụ và đường lối đổi mới toàn diện của Đảng	189
2. Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và thực hiện ba chương trình kinh tế lớn	196
3. Phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh	232

4. Chú trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	261
5. Lãnh đạo điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh	288
<b>II- Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện (1991 - 1995)</b>	294
1. Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, kết hợp chuyển dịch cơ cấu kinh tế	297
2. Chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân	317
3. Giữ vững quốc phòng - an ninh	328
4. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	341
<i>Chương III</i>	
<b>ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG THÁP LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2000)</b>	
<b>I- Tình hình, nhiệm vụ cách mạng những năm đầu tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa</b>	361
<b>II- Lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội</b>	371
1. Phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	371
2. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và thực hiện chính sách xã hội	403
<b>III- Bảo đảm an ninh - quốc phòng</b>	427
1. Về an ninh	427
2. Về quốc phòng	433

---

<b>IV- Tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị</b>	437
1. Công tác xây dựng Đảng	437
2. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh	454
<i>Kết luận</i>	461
<i>Phụ lục</i>	481

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung  
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN  
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung: PHẠM NGỌC KHANG  
PHAN THỊ HƯƠNG GIANG  
NGUYỄN PHƯƠNG THÙY  
Vẽ bìa: LÊ THU TRANG  
Chế bản vi tính: HỒNG HẠNH  
Sửa bản in: BAN SÁCH KINH ĐIỂN - LÝ LUẬN  
Đọc sách mẫu: PHẠM DIỆU THU

---

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ thương mại Phú Thịnh.

Địa chỉ: Lô B2-2-5 Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Số đăng ký xuất bản: 1553-2020/CXBIPH/12-303/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 5037-QĐ/NXBCTQG, ngày 17/6/2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-5700-0.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2020.